Bách gia tranh minh

Mặc Tử

và Biệt Mặc

Nguyễn Hiến Lê

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

BIZBOOKS
Audio books

MẶC HỌC
(Mặc tử và Biệt Mặc)
Tác giả: Nguyễn Hiến Lê

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCH MỚI.NET

MỤC LỤC:

Vài lời thưa trước
Phần I. MẶC TỬ
§I. Thân thế
Họ và tên
Nơi sinh
Sinh và tử
Thời đại
§II. Hành động
§III. Tư cách – tài năng
§IV. Bộ Mặc Tử
§V. Ngôn ngữ của Mặc Tử
Phần II. HỌC THUYẾT MẶC TỬ
§I. Uyên nguyên
§II. Lợi và nghĩa
§III. Thuyết Kiêm Ái
a/ Khó làm
b/ Không dùng được
c/ Không hợp đạo làm con
d/ Không hợp tình người
So sánh đạo Nhân của Nho và đạo Kiêm Ái của Mặc
§IV. Mạt sát chiến tranh xâm lăng
§V. Trời và quỉ thần
A. Trời
B. Quỉ thần
§VI. Bác thuyết định mạng
§VII. Dưới thống nhất tư tưởng với trên
§VIII. Lựa người hiền
§IX. Mạt sát thói xa xỉ
A. Hễ đủ dùng thì thôi
B. Chôn cất và để tang
§X. Bỏ mĩ thuật mà sống khắc khổ và đẻ nhiều
§XI. Kết
A. Giáo chủ hay đảng trưởng?

B. Công của Mặc Tử
Phần III. BIỆT MẶC VÀ MẶC KINH
§I. Sau khi Mặc Tử mất
A. Các phái
B. Tác phẩm Mặc Kinh
Nội dung Mặc Kinh
Hình thức
Phụ lục
§II. Sửa lại Mặc Học
Định nghĩa lại chữ lợi
Trọng tình cảm
Biện hộ và sửa thuyết kiêm ái
Phản cổ
§III. Bác các nhà khác
Bác các triết gia
Bác các nhà nguỵ biện
Bác Huệ Thi
Bác Công Tôn Long
§IV. Tri thức luận
Tri thức
Điều kiện của tri thức
Ba loại tri thức
Bốn yếu tố của tri thức
Biện thuyết
§V. Khoa học thường thức
Về Hình học
Về Lực học
Về Quang học
Các môn khác
Về tâm lí
§VI. Kết chung về Mặc Học
PHẦN IV. TRÍCH DỊCH
Lời thưa trước
Kiêm Ái (thượng)

Kiêm Ái (trung)
Kiêm Ái (hạ)
Phi Công (thượng)
Phi Công (trung)
Thiên Chí (thượng)
Minh Quỉ (hạ)
Phi Mạng (hạ)
Thượng Đồng (hạ)
Thượng Hiền (trung)
Tiết Dụng (thượng)
Tiết Dụng (trung)
Tiết Táng (hạ)
Phi Nhạc (thượng)
Canh trụ
Quí Nghĩa
Công Mạnh
Lỗ Vấn
Công Thâu
PHỤ LỤC
Thiên tiểu thủ bàn thêm về “từ”
Bộ Mặc Tử
Kiêm Ái
Dịch nghĩa

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

VÀI LỜI THƯA TRƯỚC

Trong tập *Hồi kí,* cụ Nguyễn Hiến Lê cho biết về cuốn *Mặc học* như sau:

Từ năm 1977, được nhàn rỗi, tôi lại tiếp tục nghiên cứu hết các triết gia lớn đời Tiên Tần, để thực hiện xong chương trình tôi đã vạch từ sáu năm trước và soạn thêm năm cuốn nữa: Mặc Học, Lão Tử, Luận Ngữ, Khổng Tử, Kinh Dịch.

- Mặc học *(gồm Mặc Tử và phái Biệt Mặc)*

Đạo Mặc là đạo Khổng của bình dân, do một tiện nhân thành lập. Mặc Tử sinh sau Khổng Tử, chịu ảnh hưởng của Khổng, cũng tôn quân, trọng hiền, đề cao đạo đức và sự tu thân như Khổng, nhưng chống Khổng ở chỗ ghét lễ nghi, cho nó là phiền phức, xa xỉ, ghét ca nhạc, mà lại có tinh thần tín ngưỡng rất mạnh. Đạo Mặc gần như một tôn giáo, tổ chức cũng chặt chẽ như một tôn giáo. Nó chỉ thịnh ở thời Chiến Quốc, các thời sau không một triều đại nào dùng nó vì thuyết kiêm ái và bỏ chính sách mĩ thuật, sống khắc khổ của nó không hợp nhân tình, nhưng nó có ảnh hưởng khá lớn: mở đường cho Lão Tử vì nó chủ trương bình đẳng giữa các giai cấp (không kẻ giàu người nghèo) và trở về lối sống bình dị; mở đường cho cả pháp gia nữa vì trọng quyền lực, trọng lao động và buộc người dưới phải thống nhất tư tưởng với người trên, buộc dân phải cáo gian…

Mặc Tử mất rồi, chỉ trong vài thế hệ, môn đồ không còn giữ chủ trương của ông nữa, bỏ hẳn chính trị, đạo đức, mà suy tư về tri thức, biện luận, khoa học (hình học, lực học, quang học)… khiến cho triết học Trung Hoa có được vài nét của triết học phương Tây thời Hi Lạp. Đó là một cống hiến đáng kể của bọn môn đệ Mặc Tử mà người ta gọi là phái Biệt Mặc.

Gần đây các học giả Trung Hoa rất chú ý tới Mặc học vì họ nghĩ rằng giá triết học đó không bị dìm trong mấy ngàn năm thì chưa biết chừng Trung Hoa đã có tôn giáo, khoa học như phương Tây. Một lẽ nữa là chính sách của Mặc Tử có vài điểm hợp với chế độ cộng sản.

Ở nước ta, mới chỉ có Ngô Tất Tố giới thiệu Mặc Tử trong một tập mỏng. Bộ của tôi dày 350 trang, nửa trên về Mặc Tử, nửa dưới về Biệt Mặc, gọi chung là Mặc học. Tôi lại trích dịch mười chín thiên quan trọng nhất của Mặc Tử. Ông có giọng một nhà truyền giáo: hùng hồn, bình dị, lập đi lập lại để đập vào óc thính giả.

Đọc cuốn *Mặc học* chúng ta thấy có rất nhiều chỗ cụ dịch lại những đoạn mà trước kia hai cụ và cụ Giản Chi đã dịch trong *Đại cương triết học Trung Quốc,* và một phần do vậy mà nhận định của cụ về học thuyết của Mặc tử trong tác

phẩm đó nhiều chỗ cũng không giống nhau. Ngay trong cuốn *Tuân tử* cũng có chỗ khác biệt với cuốn *Mặc Học*. Trong cuốn *Tuân tử,* hai cụ bảo:

"Tuân Tử rất đề cao nhạc, cho nên ông lấy làm quái về cái chủ trương "phi nhạc" của Mặc gia vì Mặc kết tội nhạc là thứ nhạc của bọn cầm quyền, xa xỉ, không ích gì cho dân, mà tốn của dân. Trái lại, Tuân Tử năm lần, bảy lượt, nhắc đi nhắc lại câu hỏi: "Mặc Tử chê nhạc nghĩa là làm sao?" (*Nhi Mặc Tử phi chi nại hà?*). Và ông kết luận: Mặc đáng làm tội: "Thế mà Mặc Tử lại cho lễ nhạc là không phải thì thật đáng làm tội" (*Nhi Mặc Tử phi chi, cơ ngộ hình dã*).

Thật ra, kết tội Mặc thì oan cho Mặc. Không phải Mặc không biết trọng lễ nhạc. Không phải Mặc chỉ thấy cái lợi của cái "hữu" mà không thấy cái dụng của cái "vô". Cũng không phải Mặc không biết cái lẽ "ngựa kéo mãi không nghỉ, cung dương mãi không buông, giống có huyết khí ai mà chịu nổi" (Lời Trịnh Phồn phê bình chủ trương "phi nhạc" của Mặc trong Tam Biện). Sở dĩ Mặc "phi nhạc" là vì dân chúng đương thời cùng khổ quá mà đối với trăm họ đói rét thì cơm áo cấp thiết hơn âm nhạc, ca vũ và các bộ môn nghệ thuật khác nhiều. Có lẽ chỉ giản dị như thế thôi!"

Còn trong cuốn *Mặc học*, cụ Nguyễn Hiến Lê bác ý kiến trên. Sau khi dẫn một đoạn trong thiên *Công Mạnh,* cụ kết như sau:

"Rõ ràng Mặc tử bắt mọi người phải khắc khổ như ông, mạc sát nhạc và mọi mĩ nghệ, không hiểu rằng nhạc, nếu tốt, có công dịch tục, mà có mĩ nghệ thì kinh tế mới phát triển được. Ông bảo nhu cầu của dân mệt thì được nghỉ ngơi, mà ông quên rằng nghe nhạc là một cách nghỉ ngơi rất tốt; ông chỉ lo tận lực làm việc, sản xuất cho thật nhiều, nhưng ca nhạc có thể giúp cho năng suất tăng lên mà quên mệt, tức như các điệu dân ca khi đi cấy, các điệu hò chèo thuyền v.v… Ngày nay tại các xí nghiệp lớn, người ta còn cho thợ vừa làm việc vừa nghe những bản nhạc êm đềm nữa".

Sau cuốn *Mặc học*, cụ Nguyễn Hiến Lê còn soạn thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có bộ *Sử Trung Quốc*. Trong *Mặc học,* cụ nêu thuyết vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn như sau:

"Theo truyền thuyết, vua Nghiêu trị vì 100 năm, từ 2357 đến 2257, rồi nhường ngôi cho vua Thuấn chứ không truyền lại cho con. Vua Thuấn trị vì từ 2255 đến 2207, rồi nhường ngôi cho vua Vũ (nhà Hạ) chứ không truyền ngôi cho con. Hai ông ấy rất thương dân, rất bình dân, được dân coi như cha. Và dân tộc Trung Hoa từ thời Tiên Tần đến thời Thanh, đều coi thời thịnh trị của Nghiêu, Thuấn là hoàng kim thời đại của họ. Truyền thuyết đó đáng tin đến mức nào, chưa ai quyết đoán được; có thể hai ông ấy chỉ là tù trưởng của một bộ lạc

lớn thời mà Trung Hoa mới biết canh tác, theo chế độ thị tộc, chưa thành một quốc gia, mà việc "truyền hiền" chứ không "truyền tử" chỉ là tục chung của các bộ lạc chứ không phải là "đức lớn" của Nghiêu, Thuấn: khi họ chết thì lựa người nào có tài, có công lớn hơn cả, đưa lên thay họ, họ không có quyền truyền ngôi cho ai hết".

Còn trong bộ *Sử Trung Quốc*, cụ lại nêu một thuyết khác. Cụ bảo:

"Nghiêu và Thuấn chỉ là tù trưởng của một thị tộc. Có thể Nghiêu được nhiều bộ lạc liên hiệp bầu làm thủ lĩnh (mỗi bộ lạc gồm nhiều thị tộc). Nghiêu, Thuấn lên ngôi cách nhau cả trăm năm như truyền thuyết chép lại thì khó có sự Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn được: lúc đó Nghiêu bao nhiêu tuổi, Thuấn bao nhiêu tuổi? Có lẽ Thuấn là thủ lĩnh nhiều bộ lạc khác, sau chiếm được đất đai của Nghiêu, rồi thay Nghiêu mà làm "thiên tử".

Dĩ nhiên là khi gặp những chỗ khác biệt như vậy, ta nên theo tác phẩm viết sau.

Trước đây bạn **Dianhvohinh** đã gõ được ba chương đầu của phần I. Tôi đã xem lại ba chương đó (có sửa vài chỗ sai sót) và chép tiếp từ chương IV đến cuối sách từ một ebook (về sau gọi là "bản nguồn") do bạn **PNT** gởi tặng. Ngoài ra tôi còn chép thêm hai đoạn, một trích trong *Đại cương triết học Trung Quốc* mà cụ Nguyễn Hiến Lê khuyên là nên xem thêm, và một trích trong *Cổ văn Trung Quốc* để chúng tôi thấy thêm vài điểm khác biệt giữa cuốn này và cuốn *Mặc học*.

Chúng tôi dự định dùng cuốn *Mặc Kinh hiệu thuyên* 墨經校詮 của Cao Hanh[1] để sửa lỗi và bổ sung chữ Hán phần III cuốn *Mặc học* này, nhưng chưa có thời gian.

Xin chân thành cảm ơn các bạn **Dianhvohinh** và **PNT**.

Goldfish
Tháng 9 năm 2011

PHẦN NHẤT
MẶC TỬ

CHƯƠNG I
THÂN THẾ

Mặc tử là một nhân vật kì dị nhất của Trung Hoa, kì dị từ tên họ, tới tư tưởng và đời sống, kì dị đến nỗi gần đây người Trung Hoa ngờ rằng ông có dòng máu Ấn Độ hoặc Ả Rập (!) chứ không thể là con cháu của Phục Hi, Thần Nông được.

Họ là Mặc, một họ mà trước ông và sau ông cơ hồ không có người thứ hai nào mang tên. Sinh trong giới bình dân, có thể là tiện dân nữa, ông dùng ngôn ngữ của bình dân, lối lí luận của bình dân, dựng lên một triết thuyết cho bình dân, bênh vực quyền lợi của bình dân; lập nên một chính đảng kỷ luật rất nghiêm – Có thể nói là một tôn giáo nữa – rất đông người theo, trên hai thế kỷ ảnh hưởng ngang với Khổng phái, nhưng rồi ảnh hưởng đấy chìm luôn trong non hai ngàn năm, mãi tới đời Thanh mới có người lục các sách cũ để tìm hiểu Mặc học. Kì dị nhất và đáng phục nhất là con người đó có lẽ không vợ không con, suốt đời lo việc thiên hạ, hễ nghe nói một nước nào tấn công nước khác thì dù xa xôi tới đâu cũng gấp rút đi tới – Có lần đi mười ngày đêm không nghỉ (!) từ Lỗ đến Sở – để tìm cách thuyết phục, ngăn cản, ngăn cản không được thì tìm cách bảo vệ giùm nước bị tấn công, bắt mấy trăm môn đệ của mình hi sinh giữ thành cho, chống với kẻ xâm lăng, và họ tuân lệnh ông răm rắp. Đọc lịch sử nhân loại, tôi chưa thấy một người thứ hai nào yêu hòa bình, bênh vực kẻ yếu như ông.

Một nhân vật có công với dân tộc Trung Hoa, làm vẻ vang cho dân tộc Trung Hoa như vậy mà sách vở chép rất ít, khiến cho tới nay, đời của ông còn rất nhiều nghi vấn.

Không ai hiểu tại sao. Tư Mã Thiên trong bộ Sử ký không chép truyện Mặc tử, chỉ viết vỏn vẹn hai mươi bốn chữ phụ vào thiên *Tuân Khanh liệt truyện*, nghĩa như sau:

"*Mặc Địch, một đại phu nước Tống, giỏi chống giữ [thành], chủ trương tiết dụng. Có người bảo là sống một thời với Khổng tử*".

Có phải vì từ thời Hán Vũ Đế (đời Tư Mã Đàm và Tư Mã Thiên) học thuật đã bị nhà Nho lũng đoạn, Mặc học bị coi là tà thuyết, nên Tư Mã Thiên chỉ viết vắn tắt như vậy chăng?[2] Vắn tắt mà lại rất mơ hồ: Không cho biết sống ở thời nào, quê hương ở đâu, còn về học học thuyết thì chỉ nhắc đến chủ trương tiết dụng.

Một số sách thời Tiên Tần như *Mạnh tử* (thiên *Đằng Văn công hạ*), *Tuân tử* (thiên *Phi thập nhi tử*), *Hàn Phi tử* (thiên *Hiển học*) ghi, tuy có nhiều đoạn khen

hoặc chê – Chê nhiều hơn khen – học thuyết Mặc tử, nhưng hoàn toàn không cho ta biết chút gì về đời của Mặc tử cả.

HỌ VÀ TÊN

Về họ và tên, các sách đều nhất trí ghi là Mặc Địch. Nhưng cái họ "Mặc" đó kì dị quá, cho nên Chu Lượng Công đời Thanh đưa ra thuyết Mặc là tên đạo, chứ không phải tên họ; sau Giang (Tuyên)[3] trong tập *Độc tử chi ngôn*, rồi Tiền Mục trong cuốn *Mặc tử* phụ họa vào.

Đại khái Giang bảo trong sách *Mặc tử* có nhiều chỗ gọi là Tử Mặc tử (thầy Mặc tử), mà thời đó chữ tử dùng để tôn xưng, chỉ đặt trước tên hiệu chứ không đặt trước tên họ, chẳng hạn không ai gọi là Tử Khổng Cấp mà gọi là Tử Tư (Tử Tư là tên hiệu của Khổng Cấp, cháu nội Không Tử). Lí do đó không vững? Trong sách *Trang tử* có năm chỗ gọi Tống Kiên là Tử Tống tử. Và ngay trong sách *Mặc tử* cũng có chỗ gọi Cầm Hoạt Li là Tử Cầm tử, không thể bảo Liệt, Tống, Cầm đều không phải tên họ.

Tiền Mục bảo chữ Mặc (nghĩa là mực, đen), chỉ một hình pháp ngày xưa: Tội nhân bị xâm đen vào tráng rồi đày làm nô dịch. Mặc tử chủ trương tiết dụng, để tang ngắn, không dùng âm nhạc, sống một đời cực kì khắc khổ, lao động cực nhọc nên người thời đó gọi ông và môn đệ của ông là Mặc, có ý nghĩa coi như bọn nô dịch. Một chứng cớ là thiên *Quí Nghĩa* sách *Mặc tử* chép rằng Mặc tử đem học thuyết của mình trình bày với Mục Hạ, bề tôi của Sở Huệ Vương, Mục Hạ mừng lắm, bảo: "Lời của thầy rất hay, nhưng vua chúng tôi là một đại vương trong thiên hạ, chắc sẽ bảo: "Đó là việc làm của người thấp hèn (tiểu nhân) mà không dùng lời của thầy chăng?"

Mặc tử là một tiện dân, điều đó có thể tin được; ông sống cực khổ như một tiện dân, điều này chắc chắn; còn việc người đương thời vì vậy mà gọi ông là Mặc thì chỉ là một giả thuyết tuy hữu lí (cho nên được Phùng Hữu Lan – trong bộ *Trung Quốc triết học sử* – chấp nhận) nhưng chưa có chứng cứ gì cả. Chưa biết sự thực ra sao thì chúng ta cứ tạm nhận Mặc là tên họ.

Còn Địch thì là tên tục, không nghi ngờ gì nữa, vì trong bộ *Mặc tử*, có rất nhiều chỗ Mặc tử tự xưng là "Địch tôi".

NƠI SINH

Về quê quán của Mặc tử, *Sử ký* không ghi; người sau đưa ra nhiều thuyết. Chúng ta gạt bỏ thuyết gần đây nhất đăng trên một số *Đông phương tạp chí* năm 1929 của Thương vụ ấn thư quán bảo Mặc tử không phải là người Trung Hoa mà là người Ấn Độ vì Mặc tử có nghĩa là mọi đen mà thuyết kiêm ái của của Mặc

cũng như thuyết đại bi của Phật. Thuyết đó chỉ là lập dị, đáng cho ta mỉm cười mà thôi.

(Nguồn: http://baochivn.com/images/imported/2011/01/226.jpg)

Còn lại ba thuyết Mặc tử sinh ở Sở, ở Tống, ở Lỗ.

- Thuyết sinh ở Sở do Tất Nguyên đời Thanh đưa ra. Thiên *Lữ Gián* trong bộ *Lữ thị Xuân Thu* bảo Mặc tử là người Lỗ, Tất Nguyên hiểu lầm là Lỗ Dương, một miền ở Sở, nên cho quê quán của Mặc tử ở Sở.

Nhưng trong Mặc tử có nhiều chỗ chép Mặc tử đi tới Sở, chẳng hạn:

Thiên *Quí Nghĩa*, bài 3: *Tử Mặc tử nam du ư Sở.*

Thiên *Canh Trụ*, bài 5: *Tử Mặc tử du Kinh* (tức Sở).

Nếu Mặc tử là người ở Lỗ Dương nước Sở thì không thể viết như vậy được, mà phải viết: Tử Mặc tử Dĩnh[4] (Thầy Mặc tử tới Dĩnh, kinh đô nước Sở) cũng như không thể nói một người Việt đi tới nước Việt mà phải nói tới Saigon hay Hà Nội. Vậy thuyết của Tất Nguyên cũng phải gạt bỏ.

- Thuyết sinh ở Tống có lẽ căn cứ vào bốn chữ "*Tống chi đại phu*" (đại phu của nước Tống) trong *Sử kí*.

Nhưng thiên *Công Thân* trong *Mặc tử* kể chuyện Công Thâu Ban chế tạo cho nước Sở một kiểu thang máy để đánh Tống. Mặc tử từ nước Lỗ đi mười đêm mười ngày không nghỉ để đến kinh đô Sở là Dĩnh, thuyết phục Công Thâu Ban và vua Sở đừng đánh Tống. Vua Sở nghe lời. Trên đường về, Mặc tử đi qua nước Tống, gặp trời mưa, vào một cổng làng để tránh mưa, người giữ cổng ngờ là gián điệp không cho vô. Việc đó đủ chứng tỏ rằng Mặc tử không phải là đại phu nước Tống, cũng không phải là người Tống[5].

- Rốt cuộc, còn lại thuyết sinh ở Lỗ. Thuyết này đáng tin hơn cả. Chứng cớ ở

ngay trong sách *Mặc tử.*

Thiên *Quí Nghĩa*, bài 2, chép: "*Tử Mặc tử tự Lỗ tức Tề*" (Thầy Mặc tử từ Lỗ tới Tề).

Thiên *Lỗ Vấn*, bài 14, chép: vua Việt cho Công Thượng Quá một đoàn năm chục cỗ xe để qua Lỗ rước thầy Mặc tử (…*dĩ nghinh Tử Mặc tử ư Lỗ*).

Ngoài ra thiên *Phi Công* trung, có câu: "Phía đông có nước Cử", thiên *Quí Nghĩa* bài 18 có câu: Thầy Mặc tử đi lên phía Bắc để tới nước Tề… tới sông Tri… phải về. Mà Cử đúng là ở phía Đông nước Lỗ, Tề đúng là ở phía Bắc nước Lỗ.

Vì những chứng cứ đó mà hầu hết các học giả Trung Hoa ngày nay đều nhận rằng Mặc tử là người nước Lỗ. Phùng Hữu Lan trong *Trung Quốc triết học sử* bảo thuyết Mặc tử là người Lỗ "cơ hồ có thể coi là định luận"; Đường Kính Cảo trong *Mặc tử* cũng bảo: "Những thuyết cho Mặc tử là người Tống, người Sở đều đã bị người trước bác, không đứng được; …thuyết người Lỗ đáng coi là đúng; Phương Thụ Sở trong *Mặc học nguyên lưu* còn quả quyết hơn: "thuyết Mặc tử là người Lỗ… vững như núi, không sao lay động nổi".

SINH VÀ TỬ

Về năm sinh và năm tử, các học giả Trung hoa đưa ra nhiều thuyết, không thuyết nào đáng tin hẳn. Chúng ta hãy gạt bỏ hai thuyết cực đoan, sai nhiều đến hai trăm năm: tức thuyết Mặc tử đồng thời với Khổng tử[6] mà Tư Mã Thiên đã chép trong *Sử kí* nhưng còn coi là nghi vấn; và thuyết của Tất Nguyên nhà Thanh căn cứ vào câu (của Mặc tử): "*Trung Sơn chư quốc vong ư Yên, Đại, Hồ, Mạch chi gian*" cho là Mặc tử còn được trông thấy cuộc diệt vong của nước Trung Sơn và đoán rằng Mặc tử người đời Lục quốc, hồi cuối Chu[7] hãy còn" (Mặc tử của Ngô Tất Tố – in lần thứ nhì, Khai Trí 1959 – tr.13, 14).

Chúng tôi không hiểu Tất Nguyên trích câu "*Trung Sơn chư quốc vong ư Yên, Đại, Hồ, Mạch chi gian*" ở đâu, chứ trong *Mặc tử*, thiên *Phi Công* – trung, chúng tôi chỉ thấy câu: "*Bắc giả, Tra, Bất Trứ Hà, kì sở dĩ vong ư Yên, Đại, Hồ, Mạch, chi gian giả, diệc dĩ công chiến dã*" (Phương Bắc, các nước Tra, Bất Trứ Hà – tức Bất Đồ Hà, ở Phụng Thiên ngày nay – mất về Yên, Đại, Hồ, Mạch ở bên cũng là do chính sách đánh chiếm). Hai nước Tra, Bất Trứ Hà đó có phải là những nước mà Tất Nguyên gọi là nước Trung Sơn không? Nếu là Trung Sơn thì, theo *Từ Hải*, bị nước Triệu[8] – chứ không phải Yên, Đại, Hồ, Mạch – diệt năm 20 đời Chu Noản vương (-295).

Gạt bỏ hai thuyết trên đi rồi, còn lại bốn thuyết nữa xê xích nhau khoảng ba

chục năm. Như vậy là chuyện thường, không có gì đáng ngạc nhiên.

a- Thuyết sớm nhất, do Uông Trung đưa ra, cũng căn cứ vào một vài câu trong các thiên *Phi Công* – trung, *Phi Công* – hạ, mà chúng tôi không chép lại, sợ rườm[9]. Hồ Thích theo thuyết đó và đoán định rằng Mặc tử sinh vào khoảng 500-497, mất vào khoảng 425 -415.

b- Tôn Di Nhượng trong *Mặc tử niên biểu* căn cứ vào những cuộc đối đáp giữa Mặc tử và Công Thâu Ban, Lỗ Dương Văn Quân chép trong *Mặc tử*, cho rằng Mặc tử phải đồng thời với Tử Tư (cháu nội của Khổng tử) và sinh sau Tử Tư, vào khoảng 468, mất vào khoảng 376. Thuyết này trễ nhất.

Lương Khải Siêu sửa lại thuyết đó, *Mặc tử niên đại khảo* bảo Mặc tử sinh trong khoảng 468-459, chết trong khoảng 390-382.

c- Tiền Mục trong *Mặc tử niên biểu* cho Mặc tử sinh sớm hơn một chút, vào năm Khổng tử mất (479) và chết cùng năm với Ngô Khởi (381). Thuyết này ở giữa thuyết của Uông và thuyết của Tôn, Lương.

Vũ Đồng trong *Trung Quốc triết học đại cương* đại khái đồng ý về năm sinh của thuyết đó nhưng cho Mặc tử chết trước Ngô Khởi khá lâu, có thể từ 397. La Căn Trạch cho Mặc tử chết trong khoảng 329-382.

d- Sau cùng, Phương Thụ Sở trong *Mặc học nguyên lưu* cho Công Thâu Ban với Lỗ Ban là một người (điều này Từ Hải bác bỏ), mà Lỗ Ban là con Lỗ Chiêu Công, có thể lớn hơn Mặc tử khoảng hai chục tuổi, để tới kết luận rằng Mặc tử sinh vào khoảng 490, mất khoảng 403. Tiêu Công Quyền trong *Trung Quốc chính trị tư tưởng sử* theo thuyết này.

Chúng tôi nhận thấy các học giả kể trên chỉ dùng những sự việc chép trong *Mặc tử* để suy đoán; cơ hồ trong bộ sử các nước chư hầu thời đó, như Lỗ, Trịnh, Sở, không có một tài liệu nào về Mặc tử cả, điều này cũng dễ hiểu: Mặc tử cũng như Liệt tử, Dương tử, Trang tử… không hề làm quan, nên sử không chép về ông.

Mà những sự việc chép trong *Mặc tử* đáng tin tới mức nào, hình như cũng chưa có nhà nào nghiên cứu kĩ lưỡng. Nội một việc này cũng làm cho ta phải thận trọng. Bộ *Mặc tử* không phải của Mặc tử viết, mà do nhiều môn đệ của ông ghi lại, kẻ trước người sau, vì vậy mà các thiên chính (*Thượng hiền*, *Thượng đồng*, *Kiêm ái*, *Phi công* v.v…) đều có ba bản khác nhau, biết tin hẳn bản nào.

Lại thêm, trong số hàng chục hàng trăm sự việc, mỗi học giả chỉ dùng dăm ba sự việc để suy luận, và khi hai nhà dùng hai sự việc khác nhau thì kết luận có thể khác nhau, có khi mâu thuẫn nhau nữa. Do đó mà mỗi nhà đưa ra một thuyết, và

nhà nào cũng nhận rằng may mắn là thuyết của mình không xa sự thực lắm, chỉ đáng coi là một giả định thôi. Chính vì vậy mà chúng tôi không muốn chép lại những suy luận của họ, chỉ tóm tắt rất sơ lược như trên thôi.

Viết cuốn này chúng tôi chỉ mong trình bày tư tưởng của Mặc tử chứ không có tham vọng nghiên cứu, và để kết thúc đoạn về năm sinh năm tử của Mặc tử này chúng tôi lập bảng dưới đây cho độc giả dễ thấy.

Chúng tôi không quyết định được thuyết nào đáng tin cậy hơn cả; chỉ lựa những niên đại trung bình được nhiều nhà đưa ra:

Sinh vào khoảng 490 tới 479, chết vào khoảng 403-382. Và trong tập này cũng như trong bộ *Đại cương triết học Trung Quốc* (Cảo Thơm), chúng tôi tạm dùng niên đại theo Vũ Đồng: 480-397.

THỜI ĐẠI

Tóm lại ta có thể nói Mặc tử sinh ở Lỗ, có phần chắc là sau khi Khổng tử mất, như vậy là ngọn đuốc triết học của nước Lỗ truyền từ Khổng tử qua Mặc tử mặc dầu Mặc không thuộc về Khổng phái. Khổng sống ở cuối thời Xuân Thu, Mặc mở đầu cho thời kì Chiến Quốc[10], trước cả Dương Chu, Lão Đam, Liệt Ngự Khấu. Suốt hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc xã hội Trung Hoa vẫn chuyển biến liên tục, không bị gián đoạn, nhưng xét chung thì thời Chiến Quốc xã hội loạn hơn, biến cố dồn dập hơn. Chỉ cần coi niên biểu các đại sự đời Chu ở cuốn bộ *Từ Hải* chúng ta thấy điều đó.

Trong đời Khổng tử 551-479, trên bảy chục năm, về việc các nước chư hầu đánh chiếm lẫn nhau, chỉ có ba vụ quan trọng *Từ Hải* ghi lại:

506: Ngô đánh Sở.

494: Ngô vương Phù Sai đánh bại Việt vương Câu Tiễn.

487: Tống diệt Tào.

Mà trong đời Mặc tử 480-397 (niên đại theo Vũ Đồng), trên tám chục năm, có tới chín vụ:

478: Sở diệt Trần (sau khi Khổng mất được một năm).

473: Sở diệt Ngô.

461: Tần đánh Tây Nhung, diệt Đại Lộ.

453: Ba nhà Triệu, Hàn, Ngụy diệt Trí Bá, chia đất thành Tam Tấn.

447: Sở diệt Thái.

445: Sở diệt Kỉ.

432: Việt diệt Cử.

418: Việt diệt Đàm.

408: Tấn Ngụy Tư lấy Trung Sơn.

Rõ ràng là chiến tranh dồn dập; và nếu ta đọc tiếp niên biểu tới hết đời Chu, qua tới đời Tần thì thấy càng về sau chiến tranh càng nhiều và càng khốc liệt.

Nguyên nhân chính là do dân tộc Trung Hoa đã bước vào thời đại đồ sắt.

Thời Ân, người Trung Hoa dùng lưỡi cày bằng gỗ, thời Tây Chu đã có lưỡi cày bằng đồng đỏ, nhưng đồng đỏ mềm, cũng chỉ cào được mạt đất thôi, không đào sâu thành luống được. Cuối thời Xuân Thu, ở Ngô, Việt mới tìm ra được sắt, đúng hơn là phát sinh ra thuật luyện sắt trong những lò rất nhỏ, rất sơ sài. Sắt lúc đó gọi là "ác kim" (vàng, bạc, đồng là "mỹ kim") và chỉ dùng chế tạo những đồ dùng tầm thường, nhưng lại có tác dụng lớn trong đời sống kinh tế, như lưỡi cuốc, lưỡi cày, lưỡi liềm, chiếc đục, chiếc thuổng, chiếc rìu… Vào khoảng đầu thế kỷ thứ VI trước T.L ở nước Ngô có xuất hiện những truyền thuyết về hai thanh gươm Can Tương và Mạc Da[11] bén hơn những thanh gươm thường nhiều, vì đúc bằng sắt, và từ đó sắt được dùng làm binh khí. Có xưởng đúc phải dùng tới ba trăm người kéo bễ cho lò đủ nóng mà làm chảy được sắt. Và qua thời Chiến Quốc thì sắt đã thông dụng, mà sách *Mạnh tử* (thiên *Đằng Văn Công thượng* – bài 4) chép một câu Mạnh tử hỏi Trần Tương: "Hứa tử – tức Hứa Hành, thầy của Trần Tương, và chủ trương người nào cũng phải cầy ruộng lấy mà ăn – có dùng nồi đồng, trách đất nấu ăn không, có dùng lưỡi cày bằng sắt mà cày không?".

Nhờ có những công cụ bằng sắt, sức lao động giảm đi mà năng suất cao lên: người ta cày sâu hơn, lúa tốt hơn, đào kinh dễ dàng hơn, hệ thống tưới hoàn thiện hơn, phá rừng mau hơn, mở mang thêm được nhiều đất cày, do đó mà nông nghiệp phát triển đạt mạnh. Muốn mở mang thêm đất, phải bỏ chế độ tỉnh điền, và thay đổi chính sách thuế má. Địa chủ thì tài sản tăng lên, uy quyền lớn lên, mà nông dân thì bị bóc lột hơn.

Công nghiệp cũng phát đạt vì nhu cầu chế tạo dụng cụ mới (nhà nào cũng muốn có một lưỡi cày, một chiếc cuốc, một lưỡi rìu, một con dao… bằng sắt). Phương tiện giao thông vận tải được cải thiện. Do đó thương mại cũng phát đạt: nhiều con buôn hóa giàu hơn bọn quí tộc, mà hễ giàu thì có quyền. Đô thị mọc lên rất mau, đường sá phải đắp thêm. Người ta thấy biên giới các nước làm cản trở sự lưu thông, chính sách thuế quan bất tiện cho thương mại, cho nên muốn phá biên giới mà thống nhất Trung Quốc.

Công việc thống nhất này được dễ dàng nhờ khí giới bằng sắt. Những khí giới này sắc bén, công hiệu hơn nên chiến tranh tàn khốc hơn. Chiến thuật cũng tiến bộ: giữa thế kỉ thứ V, người ta biết dùng kị binh và Công Thâu Ban đã cải thiện thuật công thành. Quan niệm về chiến tranh cũng thay đổi với kĩ thuật chém giết, công phá. Thời Xuân Thu chiến tranh còn ít nhiều theo luật quân tử, qua thời Chiến Quốc, nó theo luật rừng rú. Kinh tởm nhất là năm -260, tướng Tần Bạch Khởi chôn sống bốn chục vạn quân Triệu đã đầu hàng. Ngay trước thời Mạnh tử, đã có cảnh thây người chất đầy đồng; quân lính chết nhiều thì phải bắt nhiều lính. Già nửa dân số phải đi lính, để có được những đạo quân hàng trăm ngàn người; và để nuôi số quân đó, những kẻ ở nhà (đàn bà và người già) có khi phải nộp cho nhà nước tới ba phần tư hoa lợi. Nhưng cũng nhờ vậy mà các nước nhỏ mau bị thôn tính mà việc thống nhất Trung Quốc mới hoàn thành được.

Tóm lại, tất cả những chuyển biến, hỗn loạn trong xã hội Trung Hoa thời Chiến Quốc, truy nguyên ra thì đều không trực tiếp cũng gián tiếp là hậu quả của sự phát minh kĩ thuật luyện sắt. Chẳng phải chỉ riêng Trung Hoa như vậy. Ở Tây Á và Âu Châu cũng vậy, nơi thì sớm hơn, nơi thì trễ hơn Trung Hoa, nhưng đều trong nửa thiên niên kỷ trước T.L. Ở Tây Á là thời kì bành trướng của đế quốc Ba Tư; ở vùng Balkan, Alexandre đại đế của Hy Lạp chinh phục cả một khu vực từ sông Nil tới sông Ấn, sau Hy Lạp, đến đế quốc La Mã ở Địa Trung Hải.

Người ta không còn ngạc nhiên rằng tại sao các đế quốc lớn, các nền văn minh cổ đại của nhân loại cơ hồ cùng xuất hiện vào một thời, ở Đông và ở Tây. Chỉ vì loài người thời đó mới biết luyện sắt. Sắt đã tạo ra nền văn minh nông nghiệp, cũng như điện lực đã tạo ra nền văn minh kĩ thuật ngày nay. Từ một văn minh này chuyển qua một nền văn minh khác, xã hội mất sự ổn định cố hữu, và phải trải qua một thời hỗn loạn trong nhiều thế kỷ. Nhân loại hiện nay cũng như Trung Hoa thời Chiến Quốc đương ước ao một sự thống nhất, đại đồng. Và chúng tôi có cảm tưởng rằng thế hệ chúng ta chưa thấy được sự ổn định đó đâu.

CHƯƠNG II
HÀNH ĐỘNG

Ở đầu chương trên, chúng tôi đã nói Mục Hạ, một bề tôi của Sở Hiến Huệ vương khen thuyết của Mặc tử là hay nhưng ngại vua Sở không dùng vì Mặc tử là một tiện nhân. Đại khái xã hội Trung Hoa thời đó chia làm bốn hạng người từ trên xuống dưới: Sĩ, nông, công, thương. Hễ là dân thường, không phải là sĩ thì là tiện nhân hết… Cho nên Khổng tử tuy ở trong giai cấp quí tộc đã suy vi, mà thời chưa được làm quan, cũng tự cho mình là tiện nhân: "Ta hồi trẻ hèn (tiện) cho nên biết làm nhiều việc nhỏ nhen".

Bài 13 thiên *Quí Nghĩa*, Mặc tử bảo Huyền Đường tử: "Địch tôi trên không có phận sự thờ vua, dưới không phải khó nhọc mà cày ruộng, cho nên đâu dám bỏ việc đọc sách".

Hồi đó ông đã đi chu du khắp thiên hạ để truyền bá học thuyết của mình. Nhưng thời trai trẻ, chắc ông cũng phải có nghề. Căn cứ vào bài 22 thiên *Lỗ Vấn*:

"Công Thâu tử chẻ, vót tre để làm một con chim khách bay được ba ngày mà không rớt, tự cho mình là rất khéo, thầy Mặc tử bảo: "Chim khách của ông không bằng cái chốt xe của tôi, chỉ đẽo ba tấc gỗ một lát là thành mà nó đỡ được sức nặng năm mươi thạch" (mỗi thạch 120 cân).

Người ta đoán rằng Mặc tử có thời làm thợ đóng xe.

Truyện đó, *Hàn Phi tử* (thiên *Ngoại từ thuyết tả thượng*) chép khác: chính Mặc tử bỏ ra ba năm làm được con diều hâu bằng gỗ bay được một ngày. Môn đệ ông khen là khéo.

Mặc tử mãi lo cứu đời, chắc không nghĩ mà cũng không bỏ ra ba năm làm một con diều hâu bay được. Cho là Công Thâu Ban chế tạo được thì có lí hơn. Nhưng có điều này chắc chắn: Mặc tử giỏi về phòng ngự, giữ thành, nghĩa là ông giỏi về chiến thuật, về chế tạo binh khí, cơ khí. *Sử ký* đã chép vậy mà trong nhiều thiên trong Mặc tử (như *Công Thâu*, *Bị thành môn* v.v…) cũng chép vậy. Có thể bảo ông là một kĩ sư giỏi.

Khổng tử là người đầu tiên gây phong trào dạy tư, và ai ham học thì bất kì trong giai cấp nào, ông cũng thâu nhận. Trong số các môn đệ của ông có nhiều người nghèo mà có tài đức như Nhan Hồi, Nguyên Hiến, Nhiễm Ung… Khi ông mất rồi, môn sinh của ông noi gương ông mở trường truyền bá đạo của thầy. Lỗ vốn là đất vua nhà Chu phong cho Chu công mà Chu công là người đặt ra các lễ

nghi, điển lệ của nhà Chu, cho nên Lỗ giữ được nhiều truyền thống tốt, nổi tiếng là văn minh. Phong trào học tư ở Lỗ thời đó chắc phát đạt nhất Trung Hoa, và hạng tiện nhân như Mặc tử muốn học thì không khó khăn gì lắm.

Mặc tử học ai? theo *Lữ thị Xuân Thu* (thiên *Dương Nhiễm*) thì ông học Sử Giác, một người do Chu Hoàn vương sai lại Lỗ, rồi bị vua Lỗ Huệ công giữ lại. Thuyết đó không tin được vì Chu Hoàn vương (719 – 696) không thể sống đồng thời với Lỗ Huệ Công được; mà Chu Hoàn vương sống ở thế kỷ thứ VII, còn Mặc tử ở thế kỷ thứ V.

Chúng ta chỉ có thể đoán Mặc học đạo Nho vì ông thường dẫn *Thi*, *Thư*, *Xuân Thu*.

Chắc chắn ông đã dạy học. Hồi nào và ở đâu, thì chúng ta không biết được. Môn đệ của ông rất đông: trong thiên *Công Thâu* ông bảo vua Sở rằng đệ tử của ông là Cầm Hoạt Li gồm ba trăm người giữ những khí giới ông chế tạo ra để bảo vệ thành trì của Tống, chống lại những thang mây của Công Thâu Ban. Trong bộ Mặc tử, chúng ta còn được thấy tên trên một chục học trò của ông: Trị Đồ Ngu, Huyền tử Thạc, Canh Trụ Sở, Cao Thạch tử, Quản Kiểm Ngao, Tào Công tử, Thắng Xước, Cao Tôn tử, Cầm Hoạt Li, v.v…

Ông không dạy lục nghệ (*Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Nhạc*, *Dịch*, *Xuân Thu*) như Khổng tử vì ông không ưa lễ, nhạc cho lễ là phiền toái, nhạc là xa xỉ, không có lợi gì cả, chỉ làm cho dân nghèo, nước suy. Có lẽ ông chỉ đem học thuyết của ông: kiêm ái, phi công, thượng đồng, thiên chí, tiết dụng… ra giảng cho môn sinh, nhất là bắt họ phải thi hành những điều đã học. Ông chủ trương rằng người trị nước thì miệng nói điều gì, thân phải thi hành (Chính giả, khẩu ngôn chi, thân tắc hành chi – *Công Mạnh* bài 24). Miệng nói mà thân không làm thì thân loạn, không trị nổi thân mình, để cho nó loạn thì làm sao trị được nước.

Ông dắt môn sinh đi chu du các nước để truyền bá đạo, giới thiệu cho một số ra làm quan, như Canh Trụ tử làm quan ở Sở (*Canh Trụ* 5), một người khác làm quan ở Vệ (*Quí Nghĩa* 13).

Chúng ta chỉ biết ông đã ở Lỗ, Tống, Vệ, Sở, Tề, có thể là Việt nữa, chứ không biết ông ở những nước đó vào những lúc nào.

Ở Lỗ, ông được vua Lỗ (có lẽ là Mục công) hỏi ý kiến hai lần. Một lần, Tề muốn đánh Lỗ, vua Lỗ không biết làm sao, ông khuyên: “Xin nhà vua trên thì kính Trời, thờ quỉ thần, dưới thì yêu và làm lợi cho trăm họ; tặng nhiều da và lụa, dùng ngôn ngữ nhún nhường, mau mau giao hảo với các nước chư hầu bốn

bên; rồi xua hết dân ra chiến đấu… Ngoài ra không có cách nào khác" (*Lỗ vấn* 1).

Một lần nữa vua Lỗ (không rõ là ai) có hai người con, một ngươi hiếu học, một người thích chia của cho người khác, không biết nên lựa người nào làm thái tử, hỏi ý kiến Mặc tử. Mặc tử bảo có thể hai người đó, mong được khen mà hành động như vậy, phải xét cả ý chí cùng công việc của họ thì mới biết được (*Lỗ vấn* 10).

Như vậy, ta thấy Mặc có thể được trọng ở Lỗ mà không dùng, mặc dù ông đã hai lần giúp nước bằng cách thuyết phục Hạng Tử Ngưu và Tề Thái vương đừng đánh Lỗ (*Lỗ vấn* 2, 3) – nhưng họ có lẽ không nghe.

Môn sinh của Mặc cũng không có ai làm quan ở Lỗ. Người Lỗ không ưa học thuyết của ông. Điều này cũng dễ hiểu. Vua Lỗ là hậu duệ của Chu Công, nước Lỗ là quê hương của Khổng tử. Mặc tử tuy học đạo Nho nhưng chống Nho về nhiều điểm (điều này chúng tôi sẽ xét kĩ ở sau), nên nhiều học giả ở Lỗ thường tranh biện với ông, như Vu Mã tử trong bài 4 và 6 thiên *Canh Trụ* (coi phần dịch), Công Mạnh tử – tức Công Minh tử, một môn đồ của Khổng tử – trong non mười bài ở đầu thiên *Công Mạnh*, và Trình tử, tức Trình Phiên cũng trong thiên *Công Mạnh*, bài 15. Ông bảo Trình Phiên rằng, đạo Nho có bốn chủ trương đủ để làm mất thiên hạ: Cho Trời là không sáng suốt, quỉ thần không thiêng; chôn cất tốn kém và để tang lâu; ham ca nhạc; tin có số mạng. Theo bốn chủ trương đó, thì người trên không trị nước, người dưới không làm ăn gì cả, nước tất phải mất.

Ông mạt sát đạo Nho như vậy, thì vua quan nước Lỗ không sao chịu được và ông phải qua nước khác để truyền bá tư tưởng.

Tống ở sát Lỗ về phía Nam, người Tống nổi tiếng là "ngu". Chúng ta còn nhớ truyện một nông phu Tống ra ruộng nhổm mạ lên cho nó mau lớn (trong *Mạnh tử*); truyện một người Tống nữa thấy một con thỏ lỡ đâm đầu vào một gốc cây mà chết, lượm đem về, rồi từ đó ngày nào cũng lại ngồi ở gốc cậy đợi thỏ (trong *Hàn Phi tử*); truyện một người Tống mang mũ lễ qua bán ở nước Việt, mà người Việt thì cắt tóc xăm mình nên không dùng mũ đó; và truyện Tống Tương Công, đánh nhau với Sở ở Trác Cốc, không thừa dịp quân Sở đương qua sông mà tấn công, lại đợi cho họ qua sông xong rồi, dàn trận xong rồi mới thúc quân đánh; trận đó thua to, Tương Công bị thương mà còn bảo: "Bậc quân tử không đánh quân địch ở trong bước khốn cùng" (*Hàn Phi tử*), Tương Công lại không nỡ bắt những quân địch đã bị thương hoặc đã có hai thứ tóc. Có lẽ do đó mà có thuyết

cho rằng, nước Tống có tinh thần kiêm ái và phi công (mạt sát chiến tranh xâm lăng).

Mặc tử cũng bị tác giả thiên *Thiên hạ*[12] trong Trang tử chê là dại dột, sống thì cần lao, chết thì chôn cất bạc bẽo; đạo khắc nghiệt quá, tự làm khổ tấm thân. Vậy thì tinh thần Mặc tử với tinh thần người Tống có chỗ hợp nhau, chắc ông có nhiều cảm tình với họ, cho nên mới đi mười đêm mười ngày từ Lỗ tới Sở để thuyết phục Công Thâu Ban và vua Sở đừng đánh Tống, lại sai một đám ba trăm môn đồ cùng với Cầm Hoạt Li giữ thành giùm cho Tống, sẵn sàng phá thuật tấn công bằng thang mây của Công Thâu Ban.

Lần đó có lẽ là lần đầu tiên Mặc tử lại kinh đô Dĩnh của Sở. Theo Phương Thụ Sở, thì vua Sở trong truyện đó là Sở Huệ vương và việc xảy ra vào khoảng – 445. Mặc tử thuyết Công Thâu Ban đừng dùng thang mây để đánh Tống vì như vậy bất nghĩa: làm cho nhiều người chết để mở mang bờ cõi cho Sở mà Sở thì đất đã dư rồi, dân lại thưa. Công Thâu Ban chịu, không cãi được, giới thiệu cho Mặc vào yết kiến Sở Huệ vương. Mặc cũng đem điều nghĩa ra giảng: Nước Sở đất rộng mà nhiều tài nguyên, nếu đánh chiếm nước Tống đã nhỏ lại ít tài nguyên, như vậy không khác gì người có cỗ xe trang hoàng đẹp đẽ mà còn muốn ăn trộm xe tồi tàn của hàng xóm; có quần áo bằng gấm thêu mà còn muốn ăn trộm chiếc áo vải thô của hàng xóm; có gạo thịt ngon mà còn muốn ăn trộm thức ăn xấu của hàng xóm.

Sở Huệ vương khen hay, nhưng lại để cho công Thâu Ban quyết định vì chính Công Thâu Ban có ý chiếm Tống nên mới làm chiếc thang mây.

Mặc tử lại phải thuyết phục Công Thâu Ban một lần nữa, vạch cho công Thâu Ban thấy rằng ông đã có khí giới để phá thang mây và đã cho ba trăm đệ tử tới Tống giữ thành cho Tống, chống lại sự tấn công của Sở. Lúc đó Công Thâu Ban mới chịu khuất phục. Vua Sở khen Mặc tử một lần nữa và thôi không đánh Tống (thiên *Công Thâu*).

Sau Công Thâu Ban nói với Mặc tử: “Khi chưa gặp được ông, tôi muốn chiếm nước Tống; từ khi gặp được ông rồi, dù người ta tặng tôi nước Tống mà tôi phải làm điều bất nghĩa thì tôi cũng không làm”. (*Lỗ vấn* 23).

Thiên *Quí Nghĩa* bài 3 chép một lần nữa, năm sáu năm sau (-439) Mặc tử xin yết kiến Sở Huệ vương. Theo Phương Thụ Sở (sách đã dẫn – trang 28) thì lần này Mặc tử dâng thư lên Sở Huệ vương. Huệ vương nhận, đọc rồi bảo: “Thư hay. Quả nhân tuy không làm chủ thiên hạ, nhưng thích nuôi người hiền”. Mặc tử từ chối bảo: “Địch tôi nghe nói rằng người hiền mà ra giúp đời[13] nếu đạo của

mình không được thi hành thì không nhận thưởng, lời "nghĩa" của mình không được nghe thì không ngồi ở triều đình. Nay lời của tôi chưa được dùng, tôi xin đi"; rồi từ tạ vua Sở mà về[14]. Vua Sở sai Mục Hạ lấy cớ mình già mà từ chối. Mục Hạ lại thăm Mặc tử. Mặc tử thuyết phục Mục Hạ, Mục Hạ rất mừng bảo: "Lời của thầy thật hay, nhưng vua chúng tôi là một đại vương trong thiên hạ, sẽ bảo: "Đó là việc làm của hạng người thấp hèn mà không dùng lời của thầy chăng?".

Mặc tử phải giải thích rằng hễ cái gì có ích thì dùng, điều gì phải thì theo, đừng nên chê là thấp hèn (coi thêm bài 3 *Quí Nghĩa ở* phần dịch).

Đoạn Mặc tử dâng thư lên Huệ vương đó chắc là sai, vì Huệ vương khen hay, muốn tặng Mặc tử một chức tước, nghĩa là có ý muốn dùng ít nhất thì cũng làm cố vấn, sao Mặc tử đã vội cho là không được dùng mà bỏ đi? Mặc tử bỏ đi rồi, vua Sở sao lại còn sai Mục Hạ lấy cớ mình già mà từ chối? Từ chối cái gì? Từ chối dùng Mặc tử? Nhưng chính Mặc tử đã từ chối không muốn nhận chức tước, bổng lộc vua Sở định tặng kia mà!

Đường Kính Cảo bỏ cả đoạn dâng thư đó là phải.

Mặc tử không nhận chức tước của Sở, nhưng cho môn sinh là Canh Trụ làm quan ở Sở. Nhờ bổng lộc của Sở mà Canh Trụ có được mười dật (240 lượng) vàng tặng Mặc tử để "thầy chi dùng". Dĩ nhiên, Mặc tử không chỉ dùng cho bản thân ông (ông sống rất thanh đạm, khắc khổ, điều đó ngay những người mạt sát đạo ông cũng phải nhận như vậy) mà cho đảng của ông – các đảng chính trị thời nào, mà chẳng cần dùng nhiều tiền. Nếu truyện đó đúng thì quả là nước Sở giàu có và vua Sở biết "nuôi người hiền" thật.

Miền Bắc nước Sở giáp ranh với Hàn, có một huyện gọi là Lỗ Dương, hồi đó thuộc Sở. Văn Quân làm chúa miền đó, có lẽ được tự trị, như một chư hầu của Sở. Mặc tử thân thiện với Văn Quân. Thiên *Lỗ vấn* chép một lần Văn Quân hỏi ông thế nào là bề tôi trung, ông đáp bề tôi trung là người biết can vua khi vua lầm lẫn và mình có mưu gì hay thì trình bày với vua, chứ không phải là người vua bảo gì nghe nấy (bài 9): bốn lần nữa, ông khuyên Văn Quân đừng hiếu chiến, đánh chiếm nước láng giềng (bài 4,5,6,7). Đáng ghi nhận nhất là bài 4 chép cuộc đối đáp giữa ông và Văn Quân khi Văn Quân muốn đánh Trịnh, mà chúng tôi sẽ phân tích trong chương *Phi Công* phần II.

Tề ở sát Lỗ mà lại muốn xâm chiếm Lỗ nên Mặc tử thường qua Tề. Thiên *Lỗ vấn*, bài 2, ông thuyết phục Hạng tử Ngưu, một tướng của Tề Thái Công, đừng đánh Lỗ vì chiến tranh luôn luôn hại cả cho nước lớn lẫn nước nhỏ; bài 3, ông thuyết Tề Thái Công, bảo thôn tính nước người lợi thì lợi thật, nhưng sẽ phải

chịu điều bất tường (bị họa); Thái Công nhận là phải nhưng vẫn đánh Lỗ tiếm vương vị để làm bá chủ.

Chắc Mặc ở Tề khá lâu, nên có bạn cũ ở Tề (*Quí Nghĩa* 2) và một môn đệ là Cao Thạch tử có lần ở Vệ lại Tề để kiếm ông. (*Canh Trụ* 13).

Vệ ở gần Lỗ về phía Tây, nhưng ông ít tới, chỉ một lần khuyên Công Lương Hoàn tử, một đại phu của Vệ nên bớt xa xỉ, bớt nuôi ngựa tốt và đàn bà đẹp đi để có tiền nuôi lính giữ nước (*Quí Nghĩa* 14). Một môn đệ của ông làm quan ở Vệ nhưng không lâu (Quí Nghĩa 15).

Việc Mặc tử có qua Việt hay không còn là một nghi vấn. Nguyên văn bài Lỗ vấn 15 mở đầu như sau:

"*Tử Mặc tử du Ngụy Việt. Viết: Kí đắc kiến tứ phương chi quân tử, tắc tương tiên ngữ?*"[15].

Tôn Di Nhượng rồi Đường Kính Cảo cho Ngụy Việt là một môn đệ của Mặc tử, như vậy hai câu trên phải dịch là:

"Thấy Mặc tử sai Ngụy Việt đi du thuyết các nước. Ngụy Việt hỏi: "Gặp các bậc quân tử bốn phương thì lời nào nên đem ra nói trước (tức thuyết điều gì trước)?".

Phương Thụ Sở cho Ngụy Việt là nước Ngụy và nước Việt và hai câu đó phải hiểu khác:

"Thầy Mặc tử muốn đi du thuyết ở nước Ngụy (ở phía Tây) và nước Việt (ở phía Nam). Có người nói: "Gặp các bậc quân tử bốn phương thì lời nào thầy sẽ đem ra nói trước?".

Chính Phương cũng nhận rằng ông chỉ đoán vậy thôi chứ cái việc Mặc tử có đi nước Ngụy, nước Việt không thì trong sách *Mặc tử* và khảo thêm các sách khác đều không thấy chép; nhưng đại khái thì Mặc tử đã từng qua những nước đó, cho nên người ta mới bảo ông là vội vội vàng vàng, ngồi không nóng chiếu, ống khói bếp không bao giờ đen (ý nói ít khi ở nhà lâu) – (sách đã dẫn, trang 34).

Chúng tôi cho[16] thuyết của Tôn Di Như và Đường Kính Cảo vì bài *Lỗ vấn* 14 chép rằng vua Việt nhờ Công Thượng Quá (Một môn đệ của Mặc sai đi du thuyết ở Việt) cùng với năm chục cỗ xe lên nước Lỗ đón Mặc tử xuống Việt làm quân sư cho vua Việt, vua Việt xin cắt năm trăm dặm phong cho; Mặc tử không nhận lời bảo:

"Nếu vua Việt nghe lời ta, dùng đạo của ta thì ta sẽ tới, rồi xin được đủ ăn, đủ

mặc, tự coi ta cũng như các bề tôi khác, chứ cầu được đất phong làm gì? Nếu nhà vua không nghe lời ta, không dùng đạo của ta mà ta tới thì chỉ là vì lúa (vì bổng lộc). Ở đâu thì cũng được lúa, mà ở đâu thì cũng là Trung Quốc cả, hà tất phải tới nước Việt?".

Nếu truyện đó đúng thì Mặc tử không muốn tới nước Việt, có lẽ vì biết rằng vua Việt không theo nổi đạo của mình.

CHƯƠNG III
TƯ CÁCH – TÀI NĂNG

Thấy một người nào đó không ham quyền vị, danh lợi, ta bảo người đó là một triết nhân vì bản tính chung và nét nổi bật nhất của các triết nhân cổ kim là ghét những cái đó. Không nói các ẩn sĩ và các nhà chủ trương "vô vi" như Lão Trang, Dương Chu – họ trốn tước lộc như trốn dịch bệnh – ngay phái "hữu vi" như Khổng, Mạnh, suốt đời bôn ba khắp các nước, tìm một ông vua biết dùng đạo của mình, cũng không phải vì tước lộc mà vì muốn giúp đời.

Mạnh tử cho rằng kẻ sĩ có bổn phận phải làm quan cũng như nhà nông có bổn phận phải làm ruộng (*Sĩ chi sĩ dã, do nông phu chi canh dã*[17] – *Đằng Văn Công hạ* – 3), "kẻ sĩ mất chức thì cũng như chư hầu mất nước" (*Sĩ chi thất vị dã, do chư hầu thất quốc gia dã*[18] – như trên) và theo truyền thuyết thì Khổng tử lòng như không yên nếu ba tháng không được thờ vua (nghĩa là không làm quan). Vậy mà Khổng tử trước sau chỉ làm quan có mấy năm ở Lỗ, còn Mạnh tử thì suốt đời không được một ông vua nào giao cho một nhiệm vụ quan trọng gì cả, chỉ đóng vai "khách khanh" tức như chức cố vấn ngoại quốc, không có một chút quyền hành; vì họ không chịu "uổng xích nhi trực tầm"[19], giữ đúng quy tắc, không chịu thỏa hiệp; và cho rằng nước vô đạo (vua không thi hành đạo, nước hóa loạn) mà ăn lương của triều đình, là một điều đáng xấu hổ. (*Bang vô đạo, cốc; sỉ dã*[20] – *Luận ngữ – Hiến vấn* 1).

Mặc tử về điểm đó đúng là môt nhà Nho, cho nên ông bảo Công Thượng Quá: "Nếu vua (Việt) không nghe lời ta, không dùng đạo ta mà ta tới thì là chỉ vì lúa (vì bổng lộc)". Còn như vua Việt mà nghe lời ông, dùng đạo ông thì ông chỉ xin được đủ ăn đủ mặc thôi.

Sự ăn mặc của ông chắc là đạm bạc lắm. Sinh trong giai cấp "tiện nhân", ông chịu khổ quen rồi, không khó tính như Khổng tử. (Khổng nếu thịt không tươi thì không ăn, cắt không đều cũng không ăn, phải có gừng để thơm miệng và dễ tiêu hóa), và cũng không đòi các vua chúa phải cung phụng mình một cách trọng hậu như Mạnh tử (Mạnh cho rằng kẻ sĩ truyền đạo của tiên vương thì có quyền đi đâu dắt trăm cỗ xe, mấy trăm người tùy tùng, đến nước nào thì vua nước ấy phải cung cấp cho đủ mọi vật cần thiết, nếu cần tiền mà vua tặng hàng trăm dật vàng thì cũng có thể nhận được – Coi *Mạnh tử* của nhà Cảo Thơm 1975 – tr. 97-81).

Mặc tử không hề làm quan, cũng ít khi ở nhà, suốt đời đi khắp nơi lo việc thiên hạ, có lần đi một mình từ Lỗ tới Sở, ngày đêm không nghỉ, thì đời ông tất phải khắc khổ rồi. Khổng và Mạnh, về già, biết đạo mình không thi hành được,

trở về quê hương dạy học, còn hưởng được ít năm an nhàn. Mặc tử hình như bôn ba cho tới chết. Chết ở đâu cũng không ai biết. Vốn ghét ca nhạc, ông không được hưởng cái vui nghệ thuật của Khổng tử; lại ghét an nhàn, ông cũng không bao giờ thổ lộ tâm sự hoặc nói chuyện phiếm với môn sinh như Không tử. Sống trên bốn thế kỷ trước Ki-Tô, ông không bị đóng đinh trên thánh giá như Ki-Tô nhưng đã phải vác nó không phải mươi mười lăm năm như Ki-Tô mà ít nhất là năm chục năm vì tương truyền ông thọ tám chín chục tuổi.

Triết gia thì có thể và thường có tinh thần hoài nghi, nhưng chính trị gia phải có đức tự tín. Muốn chiến đấu cho chủ trương chính trị của mình, muốn thuyết phục người khác, lôi cuốn quần chúng thì phải tin chắc rằng chỉ mình mới đúng còn mọi người đều sai. Lão, Trang, là triết gia, có lúc bàn qua về chính trị; Khổng, Mạnh, Mặc, khác hẳn, vừa là triết gia, vừa là chính trị gia, cho nên đức tự tín rất cao.

Khổng tử và Mạnh tử đều tin rằng trời trao cho mình sứ mạng nối nghiệp vua Văn, vua Võ và Chu Công. Khi bị người đất Khuông (nước Vệ) toan hãm hại vì tưởng lầm là Dương Hổ, Khổng tử nói với các môn sinh: “Vua Văn vương đã mất, lễ nhạc, chế độ của ngài chẳng truyền lại cho thầy đấy ư? Nếu Trời muốn để mất lễ nhạc, chế độ ấy sao lại giao phó cho thầy? (*Luận ngữ – Tử hãn* 5). Rồi khi sắp mất, ông than thở: “Núi Thái Sơn sắp sụp, cây thượng lương sắp đổ, bậc triết nhân sắp mất”[21].

Còn Mạnh tử thì bảo một môn sinh là Sung Ngu: “Trời chưa muốn cho thiên hạ được bình trị, chứ nếu muốn thì thời này, không dùng ta thì dùng ai?” (*Công tôn Sửu hạ*, 13). Ông chê sự nghiệp của Tề Hoàn công và Quản Trọng nhỏ nhen, không thèm làm; và muốn được như vua Văn, vua Võ nhà Chu kia.

Mặc tử không tự cho mình là được Trời giao phó sứ mạng nhưng cũng nghĩ chỉ học thuyết, chủ trương của mình mới đúng. Thiên *Quí Nghĩa*, 19, ông bảo: “Lời nói của ta dùng được. Kẻ nào không dùng lời của ta mà thay đổi tư tưởng của ta (suy nghĩ khác ta) thì cũng như không gặt lúa mà đi mót bông lúa vậy; kẻ nào dùng lời của mình mà bài bác lời của ta thì cũng như cầm trứng ném vào đá, ném hết trứng trong thiên hạ, đá vẫn y nguyên, không sứt mẻ được”. (*Ngô ngôn túc dụng hĩ. Xả ngôn cách tư giả, thị do xả hoạch nhi quấn túc dã. Dĩ kì ngôn phi ngô ngôn giả, thị do dĩ noãn đầu thạch dã. Tận thiên hạ chi noãn, kì thạch do thị dã, bất khả hủy dã*[22]).

Tự tín tới mức đó thì tất nhiên bất chấp dư luận.

Trên bước đường bôn ba, thầy trò Khổng tử mấy lần gặp một số ẩn sĩ và bị họ

chê là không biết thời, thời loạn rồi không cứu vãn được nữa mà đi tìm minh quân làm gì nữa cho phí sức, Không tử ngậm ngùi than: "Nếu thiên hạ mà hữu đạo (không loạn) thì Khâu này cần gì phải sửa đổi" (*Vi tử* – 6). Còn Tử Lộ (học trò của Khổng tử) thì bảo: "Người quân tử ra làm quan là để thi hành cái nghĩa trung quân ái quốc, chứ đạo mà không làm được thì ai cũng biết rồi" (*Vi tử* – 7). Tử Lộ muốn nói: cứ làm được đến đâu thì làm cho hết bổn phận mình. Hai ông đó nhận những lời chê của các ẩn sĩ là đúng nên có giọng buồn, nhưng vẫn không bỏ chủ trương của mình.

Cao Thạch tử, một môn đệ của Mặc tử, tinh thần không già dặn bằng Tử Lộ, còn ngại bị người ta chê. Ông ta do Mặc tử giới thiệu được vua Vệ cho làm quan khanh, bổng lộc rất hậu. Cao ba lần vào chầu, đều trình bày hết những điều mình muốn nói nhưng không điều nào được vua Vệ thi hành cả, bèn bỏ đi, qua Tề, thưa với Mặc tử:

- Vua Vệ vì thầy mà cho con làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Con ba lần vào chầu, nói hết những điều con muốn nói nhưng không điều nào được thi hành cả, vì vậy mà con bỏ đi. Vua Vệ không cho con là khùng chứ?

Mặc tử đáp:

- Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là khùng, có hại gì đâu? (*Khứ chi cẩu đạo, thụ cuồng hà thương?*[23]). Xưa ông Chu công Đán chê Quản Thúc[24] mà từ chức tam công, qua đất Thương Yên ở phía Đông, ai cũng cho là khùng, nhưng đời sau khen đức của ông, nêu danh ông lên, tới bây giờ vẫn còn trọng ông. Vả lại Địch này nghe rằng làm điều nghĩa thì đừng tránh lời chê, tìm lời khen (*Địch văn chi, vi nghĩa phi tị huỷ tựu dự*[25]). Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là khùng, có hại gì đâu?

Cao Thạch thưa:

- Thạch con bỏ đi, đâu dám trái đạo. Xưa thầy có dạy con: "Thiên hạ vô đạo thì kẽ sĩ có đức nhân không ở địa vị có lộc hậu". (*Thiên hạ vô đạo, nhân sĩ bất xử hậu yên*[26]).

Mặc khen là bỏ lộc mà theo nghĩa, mới thấy có một người là Cao Thạch tử (*Canh Trụ* – 13).

Truyện dưới đây (*Canh Trụ* – 6) còn thú vị hơn nữa. Chính Mặc tử bị Vu Mã tử chê là khùng. Vì "thầy làm việc nghĩa, tôi chưa thấy ai phục thầy, cũng chưa thấy quỉ thần ban phúc cho thầy, mà thầy vẫn cứ làm".

Mặc tử không đáp, chỉ hỏi lại một câu:

- Ví dụ ông có hai người giúp việc, một người trước mặt không thì làm việc,

vắng mặt ông thì không làm, còn người kia dù có mặt hay vắng mặt ông cũng làm, thì ông quí người nào?

Vu Mã tử đáp:

- Tôi quí người có mặt hay vắng mặt tôi cũng làm việc.

Mặc tử bảo:

- Vậy ông cũng quí người mắc tật khùng rồi đấy.

Mặc tử trong truyện đó thật nhanh trí và có tài ăn nói. Chúng ta có thể tưởng tượng nụ cười mỉa mai của ông khi nói câu cuối đó. Ông đã chẳng sợ bị chê là khùng mà còn tự hào cho rằng mình khùng vì khùng như ông mới đáng quí.

Hai đức kể trên – không ham quyền vị, danh lợi mà sống đạm bạc, với tự tín coi thường dư luận – thì nhiều người có thể bằng Mặc tử được; đến đức nhiệt tâm cứu đời, tận tuỵ vì nhân loại thì cổ kim Đông Tây không thể có được người thứ hai.

Ít nhất là ông đã ba lần ráng cứu cho dân tộc Trung Hoa khỏi cái nạn đâm chém nhau và ông đã thành công hai lần: thuyết phục được Lỗ Dương Văn Quân đừng đánh Trịnh và Sở Huệ vương đừng đánh Tống. (Lần thuyết vua Tề có lẽ ông đã thất bại).

Li kì nhất là lần thuyết Sở Huệ vương. Người nào đã chép truyện đó thành một thiên riêng[27], là nhận thấy giá trị đặc biệt của nó. Nó dài nhất, hay nhất, không thể sắp chung với các truyện khác được. Chỉ một mình nó cũng đủ miêu tả tư cách cùng tài năng của Mặc tử.

Ông chủ trương ngôn hành hợp nhất. Ở trên chúng tôi đã dẫn câu: “chính giả, khẩu ngôn chi, thân tất hành chi” của ông trong bài *Công Mạnh* 24.

Ông đả đảo sự đánh chiếm nước khác, cho là bất nghĩa; cho nên hay tin nước Sở sắp đánh chiếm nước Tống, ông phải tới thuyết phục ngăn cản, cho dù cách xa hàng nghìn dặm.

Và ông lên đường lên đường ngay, đi luôn mười ngày đêm không nghỉ, tới nỗi quần rách, giày rách, hở chân ra, khó tưởng tượng có người chịu cực khổ nổi như vậy.

Ông thuyết Công Thâu Ban trước chứ không yết kiến vua Sở vội, vì ông biết Ban chủ mưu, nếu Ban chịu bỏ, không dùng thang mây thì vua Sở sẽ không còn muốn đánh Tống nữa. Nhưng gặp Ban, ông không nói tới thang mây vội mà xin Ban giúp một việc, giết giùm một kẻ thù cho mình. Dĩ nhiên, Ban không chịu làm việc bất nghĩa đó.

Gài bẫy xong rồi, Mặc tử mới tấn công tới tấp, buộc Ban ba tội: bất nhân vì giúp một nước lớn đánh một nước nhỏ vô tội; bất trung vì không biết can ngăn vua, để vua làm một việc mình biết là không phải; mâu thuẫn với bản thân vì không chịu giết một người mà tính chuyện giết nhiều người.

Ban không cãi lại, trút trách nhiệm lên vua Sở. Tức thì Mặc tử vô yết kiến vua Sở, cũng dùng lại thuật gài bẫy lần nữa, đưa một thí dụ người giàu có mà ăn trộm của người nghèo, hỏi vua Sở như vậy có phải là mắc tật ăn trộm không. Vua Sở nhận là phải. Lúc đó Mặc tử mới buộc tội ba quan khanh của Sở là quân gian, có tật ăn trộm nước Tống vì Sở giàu mà Tống nghèo. Chúng ta để ý: Mặc tử trút tội lên ba quan khanh mà làm bộ cho rằng vua Sở không có ý đánh Tống vì biết việc đó hại cho điều nghĩa. Ông hiểu tâm lí bọn vua chúa, không muốn làm cho họ xấu hổ, nên không nói thẳng, mắng thẳng vào mặt vua như Mạnh tử (coi thiên *Lương Huệ vương thượng* và *hạ* trong *Mạnh tử*).

Vì vậy vua Sở đã không giận mà còn khen "hay"; nhưng rồi lại đổ lỗi cho Công Thâu Ban.

Mặc tử lại trở về để thuyết phục Ban. Lần này ông không đem nhân nghĩa mà đem thực tế ra thuyết phục. Ông đã chuẩn bị kĩ, tìm cách phá chiến thuật của Ban, bày trận trên mặt bàn, dùng cái đai tượng trưng cho thành, thẻ tre tượng trưng cho binh khí. Ban dùng hết các kiểu máy để đánh thành, ông phá được hết các máy đó. Ban chịu thua, nhưng nảy ra cái ý muốn giết ông, để không còn ai phá được kế hoạch của mình.

Mặc tử cũng đã tiên liệu được điều đó, nên trước khi đi lại Sở, ông đã sai một bọn môn đệ ba trăm người dưới sự điều khiển của Cầm Li Hoạt, dùng những khí giới chống thang mây để bảo vệ thành trì cho Tống. Vậy dù Mặc tử có bị Sở ám sát thì vẫn còn môn đệ của ông. Lúc đó vua Sở mới chịu bỏ việc đánh Tống.

Chúng ta thấy ông nhiệt tâm cứu đời:

- Nói thì làm, làm cho kì được, không kể gian lao.

- Trước khi làm thì chuẩn bị, xếp đặt kĩ, phòng trước mọi việc xảy ra để kịp thời đối phó.

- Kiên nhẫn, thuyết một lần không được thì thuyết ba lần.

- Hiểu tâm lí người đối thoại, đón trước ý của họ, dồn họ vào chỗ bí để họ phải bỏ ý của họ mà chấp nhận ý của mình.

Đức nhiệt tâm của ông cũng thể hiện rõ trong bài *Quí nghĩa* 2: Một người quen cũ ở Tề khuyên ông thôi đi đừng làm điều nghĩa nữa cho khổ thân vì thiên hạ loạn quá rồi, không ai làm điều nghĩa cả. Ông đáp: "Gia đình nọ có mười

người con, một người cày ruộng còn chín người ở không thì người cày ruộng đó không thể không làm gấp lên được. Tại sao? Tại số người ăn thì đông mà số người cày ruộng thì ít. Thiên hạ ngày nay không làm điều nghĩa thì bác nên khuyến khích, chứ sao lại ngăn tôi?".

So lời đó của Mặc tử với thầy trò Khổng tử sau khi gặp các ẩn sĩ (đã dẫn ở trên), chúng ta thấy nhiệt tâm của Mặc hơn hẳn hai nhà kia. Sinh sau Khổng tử, sống trong một thời đại loạn hơn thời của Khổng, mà ông không hề chán nản, trái lại càng hăng hái hơn, sự khó khăn trong công việc chỉ kích thích ông thêm thôi. Không hiểu nếu sống vào cuối thời Chiến Quốc như Tuân tử hay Hàn Phi, phải mục kích những cuộc chém giết rùng rợn, những mưu mô quỉ quyệt, những sự phản bội trắng trợn, ông sẽ hăng hái tới đâu nữa.

Cứ thấy việc phải làm là Mặc tử làm, dù không được ai khen, không được quỉ thần biết tới thì cũng cứ làm. (*Canh Trụ* – 6 đã dẫn ở trên). Hơn nữa, dù không có kết quả, chỉ nội cái ý tốt muốn làm điều nghĩa cũng đáng khen rồi, như trong bài *Canh Trụ* – 4 ông trả lời Vu Mã tử:

Lần đó Vu Mã tử trách ông:

- "Thầy gồm yêu thiên hạ mà chưa thấy có lợi gì cho thiên hạ; tôi không yêu thiên hạ mà chưa thấy có hại gì cho thiên hạ, chưa thấy kết quả mà sao thầy đã tự cho mình là phải mà chê tôi?".

Mặc tử hỏi vặn lại:

- Nay có người nổi lửa lên, một người xách nước lại tưới cho tắt, một người thêm lửa vào, kết quả chưa thấy, nhưng ông quí người nào?

Vu Mã tử đáp:

- Tôi quí cái ý muốn của người xách nước tưới và chê cái ý muốn của người thêm lửa vào.

Mặc tử bảo:

- Tôi cũng cho ý của tôi là phải mà chê ý của ông".

Vì nhiệt tâm cứu đời, ông đi đâu cũng thuyết phục thiên hạ làm điều nghĩa, mở đường cho các biện sĩ đời sau, từ Mạnh tử tới Tô Tần, Trương Nghi; dĩ nhiên tư cách của ông khác hẳn họ Tô, Trương, và chỉ có Mạnh tử có thể ví được với ông thôi. Mặc tử bị người đương thời chê là hiếu biện (*Mạnh tử – Đằng Văn công hạ* – 9), ông cũng bị chê là nói quá nhiều. Lần nào ông cũng nhanh trí, chỉ hỏi vặn lại một câu (như truyện đã kể trên), hoặc dùng ngay lời của kẻ đối thoại để đập lại, có khi dùng cả hai thuật đó, như trong bài *Công Mạnh* 2:

Công Mạnh tử bảo ông:

- "Mình làm điều thiện thì ai mà không biết? Như người đồng cốt giỏi, không ra khỏi nhà cũng dư gạo ngon (người ta đem cúng hoặc tạ ơn), người đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, người ta cũng tranh nhau cầu thân. Còn như mình hành động mà tự khoe thì chẳng ai dùng mình. Nay thầy đi thuyết phục mọi người, sao mà khó nhọc như vậy?

Ông đáp:

- Đời này loạn, số người cầu đàn bà đẹp thì nhiều, cho nên đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, nhiều người cũng tìm tới; còn số người cầu người hiền thì ít, không gắng thuyết phục người ta, tất người ta không biết".

Câu đó đủ bác bỏ lời nông nổi của Công Mạnh tử rồi, nhưng ông lại hỏi vặn thêm:

- Vả lại có hai người bói (bằng cỏ thi) đều giỏi cả, một người đi khắp nơi để bói cho người ta, một người không ra khỏi nhà thì người nào được nhiều gạo hơn?

Công Mạnh tử đáp:

- Người đi bói cho người ta được nhiều gạo hơn.

Mặc tử kết:

- Vậy, đức nhân, nghĩa ngang nhau, người đi thuyết phục mọi người thì công làm điều thiện tất cũng nhiều hơn, thế thì tại sao lại không đi thuyết phục?

Chẳng những riêng bọn sĩ hay quân tử không ưa ông, ngay hạng ẩn sĩ cũng hiểu lầm ông nữa. Trong thiên *Lỗ vấn* có hai bài 12 và 13 chép lời Mặc tử đáp Ngô Lự. Ngô Lự ở miền Nam Bỉ nước Lỗ, noi gương vua Vũ, tự làm đồ gốm và cấy lấy ruộng mà ăn, hai lần chê Mặc tử là ham thuyết quá, sao không lẳng lặng làm điều nghĩa. Hai lần, ông đều đáp đại khái như nhau, nhưng lần sau, lời lẽ gọn hơn, ông bảo:

- Thí dụ trong thiên hạ không ai biết cày ruộng (Ông lấy ngay nghề của Ngô Lự làm thí dụ). Dạy cho thiên hạ cày ruộng với không dạy mà riêng tự mình cày ruộng thì cách nào kết quả nhiều hơn?

Ngô Lự đáp:

- Dạy người ta cày thì kết quả nhiều hơn.

- Thí dụ đánh một nước bất nghĩa. Đánh trống thúc quan sĩ tiến lên với không đánh trống thúc quân mà riêng mình tự xông lên chiến đấu thì cách nào kết quả nhiều hơn?

- Đánh trống thúc quân thì kết quả nhiều hơn.

Rồi Mặc tử kết:

- Trong thiên hạ, hạng dân thường và kẻ sĩ đi bộ (chưa hiển đạt) ít biết điều nghĩa, dạy điều nghĩa cho thiên hạ thì kết quả cũng nhiều hơn, vậy thì tại sao không dùng lời để thuyết? Nếu dân chúng được cổ động mà tiến về việc nghĩa thì cái nghĩa của tôi cũng chẳng tiến thêm nhiều ư?

Mặc tử luôn luôn dùng những ví dụ cụ thể như vậy để so sánh rồi đặt câu hỏi để kẻ đối thoại dễ hiểu và không cãi được. Ông quả là có tài thuyết phục thiên hạ.

Nhờ tư cách rất cao và tài thuyết phục đó mà ảnh hưởng của ông rất lớn, ngang với ảnh hưởng của đạo Khổng trong suốt thời Chiến Quốc. Mạnh tử sống sau ông khoảng một trăm năm phải nhận rằng học thuyết của ông và của Dương Chu lan tràn thiên hạ, khi bàn bạc, người nào không theo Dương thì theo Mặc. Một trăm năm sau nữa, ảnh hưởng của Dương dường như không còn, trái lại đạo Mặc vẫn còn là một học thuyết danh tiếng nhất, ngang với học thuyết của Nho (Lời của Hàn Phi trong *Hiển học*). Học thuyết của ông bị nhiều người đả, người đả nhiều nhất là Mạnh tử. Mạnh bảo: "Họ Dương vị ngã, như vậy là không có vua, họ Mặc kiêm ái, như vậy là không có cha. Không cha, không vua tức là cầm thú (*Dương thị vị ngã, thị vô quân dã; Mặc thị kiêm ái, thị vô phụ dã. Vô phụ, vô quân thị cầm thú dã – Đằng Văn công hạ* – 9); nhưng chính Mạnh tử cũng nhận rằng ông hi sinh cho thiên hạ, "dù trán mòn, lỏng gót mà có lợi cho thiên hạ thì cũng làm" (*ma đính phóng trủng*[28] *lợi thiên hạ vi chi – Cáo tử hạ*). Lời đó là chê mà chính là một lời khen.

Sách Trang tử, thiên *Thiên hạ*, tuy chê thầy trò Mặc tử: "Dụng tâm của Mặc tử và Cầm Li Hoạt tốt nhưng thực hành thì sai. Họ khiến cho những người đời sau theo học đạo của họ ganh đua nhau lao khổ tới nỗi đùi teo, ống chân rụng hết lông. Như vậy khá hơn loạn, nhưng chưa được là trị".

Nhưng cũng phải khen Mặc tử là "người tốt trong thiên hạ, không tìm được người nào khác như ông ấy. Chịu cực khổ, dù cho thân thể khô đét, ông ấy cũng không bỏ việc giúp đời. Thật là bậc sĩ có tài năng". (*Mặc tử chân thiên hạ chi hảo dã, tương cầu chi bất đắc dã, tuy khô cảo bất xả dã, tài sĩ dã phù*).

Vì nhiệt tâm quá, nên Mặc tử sống khắc khổ và bắt môn sinh cũng phải chịu khắc khổ như mình. Chỉ có mỗi một lần ông khen môn sinh, Thạch Tử Cao, là biết trọng nghĩa hơn bổng lộc (*Canh Trụ* 13, đã dẫn ở trên); còn ba lần khác, ông chê môn sinh. Bài *Quí nghĩa* 15, ông vạch cái lỗi ham bổng lộc của một đệ tử

đang làm quan ở nước Vệ mà bỏ về chỉ vì vua Vệ hứa ban cho một ngàn bồn lúa mà sau chỉ phát cho có năm trăm bồn; một lần nữa, ông không cho Thắng Xước làm quan nữa vì coi bổng lộc trong hơn điều nghĩa.

Mặc tử bắt đệ tử phải làm việc cật lực, rầy họ khi họ không làm vừa ý ông, khiến Canh Trụ – một đệ tử của ông – có lần đã phản kháng, bảo: "Con không hơn người khác sao?"; nhưng rồi ông lại ôn tồn giảng giải, vuốt ve Canh Trụ: "Ta muốn lên núi Thái Hàng, có một xe thắng ngựa kí (loài ngựa giỏi) với một xe thắng cừu, thì anh đánh xe nào?" Canh Trụ đáp: "Đánh xe thắng con ngựa kí" – "Tại sao vậy?" – "Tại con ngựa kí mới đủ sức leo núi" – "Ta cũng cho là anh đủ sức làm việc đó". Được thầy cho mình vào hàng ngựa kí, Canh Trụ tất hãnh diện và phấn khởi.

Vậy đối với đệ tử, Mặc tử nghiêm trang mà ôn tồn, công bằng (hiểu tâm lí và tài năng của họ) nhưng không thân mật với họ như cha con. Đọc bộ Mặc tử chúng ta không thấy thầy trò họ trò chuyện với nhau như thầy trò Khổng tử trong *Luận ngữ*. Mặc không khóc thương một môn đệ nào, không giận dữ với họ như cha giận con, mà môn đệ cơ hồ không quyến luyến với ông như Nhan Hồi, Tử Cống quyến luyến với Khổng tử. Ông coi học trò của ông chỉ như những đảng viên dưới quyền ông thôi. Về phương diện đó, chúng ta quí Khổng tử hơn ông nhiều.

Trong thiên *Quí nghĩa* 6, ông khuyên chúng ta:

"Phải trừ bỏ sáu sự thiên lệch đi, khi làm thinh thì suy nghĩ, khi nói thì phải răng mình, khi cử động thì phải để làm việc, ba cái đó thay nhau mà dùng thì thành thánh nhân. Phải trừ bỏ mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét mà dùng nhân nghĩa: tay chân, miệng mũi, tai dùng vào việc nghĩa thì thành thánh nhân" (*Tất khứ lục tịch. Mặc tắc tư, ngôn tắc hối, động tắc sự. Sử tam giả đại ngự, tất vị thánh nhân. Tất khử hỉ, khứ nộ khử lạc, khử bi, khử ái, khử ố, nhi dụng nhân nghĩa: thủ, túc, khẩu tị, nhĩ tòng sự ư nghĩa, tất vị thánh nhân*[29]).

Giọng sao mà giống giọng Hàn Phi sau này thế. Rõ ràng là con người nhiều lí trí mà sợ tình cảm. Hàn Phi chắc đã đọc Mặc tử nên mới khuyên các vua chúa nên khử hiếu, khử ố thì mới trị được bề tôi mà thành một minh quân. (*Hàn Phi tử* thiên *Nhị bính*). Có lẽ vì ông quá ham cứu đời, quá nóng nảy làm điều nghĩa nên không muốn bận tâm vì tình cảm và đôi khi có những hành động không cận nhân tình.

Như lần một môn đệ của ông vì chiến đấu mà chết. Cha người đó lại phiền trách ông. Ông đáp: "Ông muốn tôi dạy con ông. Nó học thành tài, chiến đấu mà chết, thì ông lại oán giận, như vậy không khác gì muốn có thóc, mua được rồi thì

lại oán giận, chẳng cũng ngược lí ư?” (*Lỗ vấn* 11). Có lẽ ngược lí đấy, nhưng Mặc tử không hiểu được tình cha thương con mà cũng đòi hỏi ở người cha đó quá nhiều: có phải ai cũng nhận như ông hi sinh để bênh vực cho một nước yếu không phải là nước mình, là một việc nghĩa cao cả đâu. Giá Mặc tử giảng giải rồi an ủi người đó thì phải hơn.

Lần dưới đây Mặc tử còn đáng trách hơn nữa. Ông thấy một thanh niên cường tráng thông minh, dụ dỗ anh ta theo học mình và hứa sẽ cho làm quan. Anh ta nghe lời, học được một năm, xin ra làm quan. Ông đáp: “Không giới thiệu cho anh làm quan! Anh đã đọc sách *Lỗ ngữ* không? Một nhà nọ ở nước Lỗ có năm anh em. Cha chết, người con trưởng ham rượu và không lo việc chôn cất với các em, bốn người em bảo: “Anh lo việc chôn cất cha với chúng em, chúng em sẽ mua rượu cho uống”. Được khuyến khích như vậy người anh lo việc chôn cất. Chôn cất xong, hắn đòi bốn em mua rượu cho mình. Bốn người em đáp: “Tụi em không mua rượu cho anh! Anh chôn cất cha, chúng tôi cũng chôn cất cha, cha là cha chung chứ đâu phải của riêng chúng tôi. Anh không chôn cất cha thì người ta cười anh, cho nên chúng tôi mới khuyến khích anh chôn cất”. Nay anh làm việc nghĩa, ta cũng làm việc nghĩa, đâu phải việc nghĩa của riêng ta. Anh không học thì người ta cười anh, cho nên ta mới khuyến khích anh học”.

Lừa gạt đệ tử như vậy dù là việc nghĩa, là điều không nên. Người ta có thể ngờ rằng ông không từ một phương tiện nào, miễn đạt được cứu cánh.

CHƯƠNG IV
BỘ MẶC TỬ

Các triết gia cuối đời Xuân Thu và đầu đời Chiến Quốc thích giảng đạo hơn viết sách vì viết sách hồi đó là công việc khó nhọc (phải dùng sơn làm mực, lưỡi dao làm bút, thẻ tre làm giấy), mà lại ít người biết chữ, phổ biến tư tưởng bằng cách đó không được rộng rãi, công hiệu. Thêm một lẽ nữa, họ cho công việc cứu đời là quan trọng, chỉ khi nào thấy đời không dùng mình, mới lui về quê hương, bất đắc dĩ trứ tác để lưu lại học thuyết của mình cho đời sau, như trường hợp Khổng tử và Mạnh tử.

Mặc tử, như trên chúng tôi đã nói, nhiệt tâm hơn Khổng, Mạnh, không bao giờ tỏ ý chán nản, nghĩ tới việc bỏ cuộc, về vườn nghĩ ngơi, mà có thể đã bôn ba khắp nơi truyền đạo cho tới khi chết, cho nên không nghĩ tới việc viết sách. Bộ *Mặc tử* không phải do ông viết mà do các đệ tử và người đời sau ghi chép.

Theo *Nghệ văn chí* trong bộ *Hán thư* thì bộ đó đời Hán gồm 71 thiên[30]. Qua đời Tống, bộ *Trung hưng quán* các thư mục ghi là còn 61 thiên. Vậy là từ Hán tới Tống đã mất 10 thiên. Bản hiện lưu hành chỉ còn có 53 thiên (chia làm 15 quyển), thế là mất thêm 8 thiên nữa, có lẽ là từ sau khi nhà Tống dời xuống phương Nam.

Năm mươi ba thiên đó, hai học giả Lương Khải Siêu và Hồ Thích chia làm năm "tổ" hoặc vì nội dung, hoặc vì thể tài (hình thức) có điểm giống nhau.

Tổ I gồm 7 thiên:

1- *Thân sĩ* 亲士

2- *Tu thân* 修身

3- *Sở nhiễm* 所染

4- *Pháp nghi* 法仪

5- *Thất hoạn* 七患

6- *Từ quá* 辞过

7- *Tam biện* 三辩

Về tác giả ba thiên đầu, ý kiến các học giả còn phân vân. Phương Thụ Sở cho rằng thiên 1 *Thân sĩ* có xen vài tư tưởng của Đạo gia, như "giếng ngọt thì mau cạn, cây tốt thì mau bị đốn", "thịnh quá thì khó giữ" (mau suy), có thể là do một người trong Đạo gia nguỵ tạo; nhưng đại thể thì thiên đó diễn cái ý tôn hiền trọng sĩ trong thiên *Thượng hiền*, cho nên không thể bảo là tư tưởng của Đạo gia

được, vì vậy Uông Trung trong *Mặc tử tự* ngờ là Nho gia nguỵ tạo, còn La Căn Trạch trong *Chu tử khảo sách* khẳng định là của Mặc gia thời sau viết.

Thiên 2 *Tu thân*, Uông Trung cũng cho là của Nho gia vì giọng như giọng nhà Nho mà vấn đề tu thân là vấn đề quan trọng của đạo Nho. La Căn Trạch bảo Mặc gia cũng trọng tu thân vậy. Chứng cứ là bài *Lỗ vấn* 12, Mặc tử nói với Ngô Lự: "Kẻ sĩ đi bộ dùng lời của tôi thì đức hạnh tất sẽ sửa chữa"; nhất là bài *Quí nghĩa* 11, Mặc tử bảo: "Người quân tử ở đời muốn thành nghĩa, mà có ai giúp họ sửa mình thì họ giận, có khác gì muốn xây bức tường, có người lại tiếp tay cho thì giận, há chẳng ngược đạo ư?".

Vả lại trong thiên hai[31] có câu: "Người quân tử khi ra bày trận thế, nhưng gốc làm phải có dũng khí; trong việc chôn cất phải theo lễ, nhưng gốc là tấm lòng sầu bi; kẻ sĩ tuy phải học, nhưng cái gốc là đức hạnh". Hai mục sau, bảo là chủ trương của Nho giáo hay của Mặc đều được, như mục đầu thì rõ là chủ trương của Mặc vì Mặc trọng cả văn lẫn võ, còn Nho trọng văn mà khinh võ.

Xét chung thì trong *Tu thân* tư tưởng của Mặc nhiều hơn của Nho, nên La Căn Trạch cũng cho là của Mặc gia thời sau viết.

Thiên 3 *Sở nhiễm* chép:

Thầy Mặc tử than thở vì thấy tơ sống nhuộm màu vàng thì ra vàng, nhuộm màu xanh thì ra xanh. Có học giả căn cứ vào đó, cho rằng thiên đó luận về tính người, và phải xuất hiện sau khi các triết gia Tiên Tần đã bàn nhiều về vấn đề đó. Do đó Lương Khải Siêu bảo thiên 3 cũng nguỵ tạo nữa. La Căn Trạch nhận rằng nó không phải của môn sinh Mặc tử viết, nhưng chắc chắn là của Mặc gia đời sau viết chứ không phải của Nho gia nguỵ tạo vì Nho gia ghét Mặc, ngay Mặc tử cũng ít khi Nho gia nhắc tới, đâu thèm nhắc tới Cầm tử, học trò của Mặc, như trong thiên đó.

Tóm lại ba thiên đầu chứa vài tư tưởng của Đạo gia và vài tư tưởng chung của Nho và Mặc, nên một số học giả cho là của Đạo gia và Nho gia nguỵ tạo; nhưng La Căn Trạch bảo đều là của Mặc gia đời sau viết. Chúng tôi nghĩ Đạo gia và Mặc gia chủ trương ngược hẳn (một bên vô vi, một bên cực hữu vi), còn Nho gia vì oán ghét Mặc gia, mắng là bọn "không cha"; như vậy Đạo gia và Nho gia nào mà nguỵ tạo những thiên chứa tư tưởng của Mặc gia đó tất không phải là Đạo gia và Nho gia chân chính, mà trái lại đã bị ảnh hưởng đậm của Mặc rồi; coi họ là Mặc gia đời sau (chịu ít nhiều ảnh hưởng của Nho, Lão) như La Căn Trạch có phần hợp lí hơn.

Về bốn thiên sau, ý kiến của các học giả tương đối nhất trí. Ai cũng nhận rằng

cả bốn thiên đều diễn thêm những tư tưởng của Mặc tử. Thiên 4 *Pháp nghi* diễn những "dư nghĩa" (ý nghĩa thừa) của các thiên *Thiên chí*, hai thiên 5 *Thất hoạn*, 6 *Từ quá*; còn thiên 7 *Tam biện* thì diễn dư nghĩa của thiên Phi nhạc[32]. Đúng như Lương Khải Siêu nói, bốn thiên ấy tóm tắt những điểm chính của đạo Mặc. Vì vậy La Căn Trạch và Phương Thụ Sở đều cho là của Mặc gia đời sau viết (giữa hay cuối đời Chiến Quốc). Chỉ có Tiền Mục xét "văn khí" trong bốn thiên đó, ngờ là của người đời Tây Hán, nhưng La Căn Trạch chê Tiền Mục là nói vu vơ (sách đã dẫn – tr.172).

Tổ II gồm 24 thiên:

Tổ này lớn nhất (gồm 33 thiên, mất 9, còn 24), quan trọng nhất vì do môn đệ của Mặc tử chép lời giảng của ông, (có thể là chép trong khi Mặc còn sống), cho nên đáng tin nhất.

Tổ này còn có thêm hai đặc điểm này nữa:

- Các thiên trong tổ I không dùng những chữ "Tử Mặc tử" (Thầy Mặc tử) mà hầu hết các chương trong tổ II này (chỉ trừ thiên *Phi công* thượng và thiên *Phi Nho* hạ).

- Tổ II gồm đề: *Thượng hiền*, *Thượng đồng*, *Kiêm ái* v.v… mà đề nào cũng gồm ba thiên: thượng, trung, hạ.

Dưới đây là các thiên đánh số tiếp theo 7 thiên trong tổ I:

8-9-10- *Thượng hiền* /尚賢/[33] thượng, trung, hạ.

11-12-13- *Thượng đồng* /尚同/ thượng, trung, hạ.

14-15-16- *Kiêm ái* /兼愛/ thượng, trung, hạ.

17-18-19- *Phi công* /非攻/ thượng, trung, hạ.

20-21- *Tiết dụng* /節用/ thượng, trung, (mất hạ).

22- *Tiết táng* /節葬/ hạ (mất thượng, trung).

23-24-25- *Thiên chí* /天志/ thượng, trung, hạ.

26- *Minh quỉ* /明鬼/ hạ (mất thượng, trung).

27- *Phi nhạc* /非樂/ thượng (mất trung, hạ).

28-28-30- *Phi mạng* /非命/ thượng, trung, hạ.

31- *Phi nho* /非儒/ hạ (mất thượng trung).

Theo Hàn Phi thì sau khi Mặc tử mất, Mặc học chia làm ba phái: phái của họ Tương Lí, phái của họ Tương Phu và phái của họ Đặng Lăng (*Hàn Phi tử* –

Thiên *Hiển học*). Một số học giả đời Thanh như Du Việt và Lương Khải Siêu căn cứ vào thuyết đó mà đoán rằng mỗi đề tài trong tổ này sở dĩ chia làm ba thiên, ý và lời đại đồng tiểu dị, là do ba phái chép riêng lời của Mặc tử, rồi người đời sau thu thập hết cho đủ.

Các thiên thượng, trung, hạ khác nhau nhiều về dài ngắn: xin coi bảng so sánh số chữ của mỗi thiên dưới đây do La Căn Trạch căn cứ vào bản đời Gia Tĩnh nhà Minh mà lập và cho in trong *Chu tử khảo sách* (tr.179).

Tên thiên	Thượng	Trung	Hạ
Thượng hiền	819	2338	1495
Thượng đồng	795	2389[1]	1871
Kiêm ái	563	1307	2721[2]
Phi công	426	1276	2002
Tiết dụng chi còn	596 572		
Tiết táng	812		
Thiên chí	1362	2302	2284
Minh qui			
Phi nhạc	1540		
Phi mạng	1473	991	1436
Phi nho	1926		

[1] *Thượng đồng* (trung), La đếm được 2389 chữ, Vệ đếm được 1396 chữ thôi. Chúng tôi không biết bảng nào sai vì không có bản chữ Hán.

[2] *Kiêm ái* (hạ), La đếm được 2722 chữ, Vệ đếm được 1885 chữ thôi. Chúng tôi ngờ rằng bảng của Vệ sai vì bảng của Thương vụ ấn quán gồm trên 2300 chữ

Trong đó đại khái giống bảng của Vệ Tụ Hiền do Phương Thụ Sở dẫn trong *Mặc học nguyên lưu* – trang 45, chỉ khác: Chúng ta nhận thấy có vài ba thiên trung nhiều chữ hơn thiên hạ, ngược lại cũng có vài ba thiên hạ nhiều nhiều chữ hơn thiên trung; nhưng hết thảy các thiên thượng đều ngắn hơn thiên trung, hạ rất nhiều (số chữ có khi chỉ bằng một phần ba, một phần tư), trừ thiên *Phi mạng* thượng là số chữ cao hơn hai thiên kia: có thể cổ nhân đã lầm: trung mà gọi là thượng chăng?

Dài ngắn khác nhau thì tất nhiên ngôn luận trong các thiên cũng khác nhau. Chẳng hạn so sánh ba thiên *Kiêm ái* (coi phần dịch), chúng ta sẽ thấy thiên thượng chỉ diễn cái ý: loạn do không yêu nhau, người nào cũng chỉ nghĩ tới cái lợi riêng của mình mà ra; vậy muốn cho hết loạn thì phải kiêm ái, tức gồm yêu mọi người như yêu bản thân mình.

Thiên trung cũng diễn ý đó, nhưng còn bác thêm lời những người không tin rằng có thể thi hành được thuyết kiêm ái vì nó khó quá, không thể làm được.

Thiên hạ cũng diễn ý loạn do không yêu nhau mà ra; nhưng còn giảng thêm cái lợi của kiêm ái: tai mắt của mọi người sẽ thành tai mắt của mình, người già

và trẻ em được nuôi nấng, săn sóc…; sau cùng bác lời của những người cho rằng thuyết kiêm ái không dùng được vì nó khó quá (như thiên trung), vì chọn kẻ sĩ kiêm ái thì được chứ làm sao chọn được vua kiêm ái, lại thêm nếu kiêm ái, coi cha mẹ người như cha mẹ mình, tức coi cha mẹ mình như người ngoài, như vậy là bất hiếu.

Danh từ cũng có khi khác. Như ba tiêu chuẩn để nói năng, bàn luận, *Phi mạng* trung gọi là "tam biến", *Phi mạng* hạ gọi là "tam pháp"; tiêu chuẩn thứ nhất, *Phi mạng* trung gọi là *bản*, *Phi mạng* hạ gọi là *khảo*.

Xét kĩ thì những điểm khác nhau đó chỉ là đại đồng tiểu dị không sao tránh được khi ba người cùng thuật lại những tư tưởng mà Mặc tử có thể phô diễn trong những hoàn cảnh khác nhau, vào những thời khác nhau.

Chúng ta có thể tin rằng những thiên trong tổ II này, trừ thiên *Phi nho*, ghi đúng những điểm cốt yếu trong học thuyết Mặc tử, và những thiện thượng do một người viết, những thiên trung, hạ cũng vậy, mà viết sau khi Mặc tử mất không lâu, còn ý kiến của Du Việt và Lương Khải Siêu chúng tôi dẫn ở trên (các thiên do ba phái Tương Lí, Tương Phu, Đặng Lăng chép) thì chỉ đáng gọi là giả thuyết thôi.

Chúng tôi nói "trừ thiên *Phi nho*", vì thiên này là thiên duy nhất trong tổ II mà ý kiến của các học giả chưa được nhất trí. Tất Nguyên, Lương Khải Siêu và Hồ Thích thấy đề tài *Phi nho* chỉ còn có một thiên hạ mà thiên này không gọi Mặc tử là thầy (Tử Mặc tử) nên ngờ là nguỵ thư. Tôn Di Nhượng cũng nghĩ vậy và còn đưa ra một lí do nữa: Mặc tử "Phi nho" chứ không "phi Khổng" (chê Khổng tử) mà trong thiên có nhiều lời chê Khổng tử, vậy không đáng tin.

Uông Trung và La Căn Trạch nghĩ khác, bảo bài 15 thiên *Công Mạnh* chép lời Mặc tử cho đạo Nho có bốn chủ trương đủ làm mất thiên hạ: cho Trời là không sáng suốt, quỉ thần không thiêng; chôn cất hậu hĩ, để tang lâu; thích ca nhạc; tin có số mạng. Lời chê tuy đúng nhưng cũng thật là nặng. Mà đã chê Nho, thì tất nhiên là chê Khổng; phân biệt chê Nho và chê Khổng là điều gượng ép, vô lí. Vậy thiên 32 cũng là do một môn đệ ghi chép lời của thầy nữa.

Ai cũng nhận rằng các thiên thượng, trung, hạ đều do môn đệ Mặc tử viết, nhưng thiên nào viết trước, thiên nào viết sau, thì chúng ta không biết được. Phương Thụ Sở bảo các thiên thượng viết sau vì gọn hơn. Lí lẽ đó chưa đủ vững.

Tổ III gồm 6 thiên:

32-33- *Kinh* /經/ thượng, hạ

34-35- *Kinh thuyết* /經說/ thượng, hạ

36- *Đại thủ* /大取/

37- *Tiểu thủ* /小取/

Sáu thiên đó không liên quan gì tới triết học chính trị của Mặc tử, mà do phái Biệt Mặc đời sau viết, cho nên chúng tôi để lại xét riêng trong một phần sau.

Tổ IV gồm 5 thiên:

38- *Canh Trụ* /耕柱/

39- *Quí Nghĩa* /貴義/

40- *Công Mạnh* /公孟/

41- *Lỗ vấn* /魯問/

42- *Công Thâu* /公輸/

Năm thiên này do Mặc gia đời sau chép những cố sự mà họ nghe được về ngôn luận và hành vi của Mặc tử. Một số có thể là học trò của học trò Mặc tử, vì có bài tác giả gọi học trò của Mặc tử là "tử" (thầy), như Canh Trụ tử, Cao Thạch tử (Thiên *Canh Trụ* 1, 13); có bài tác giả còn gọi Cầm Hoạt Li, một môn đệ của Mặc tử là Tử Cầm tử nữa (*Canh Trụ* 13). Thể tài giống *Luận ngữ*, đọc cũng thú và bổ ích gần như *Luận ngữ*. Nhiều bài cho ta biết thêm về đời sống, tư cách và tư tưởng của Mặc tử. Đặc biệt là thiên *Công Thâu* (chỉ có ít bài), nghệ thuật chép truyện rất cao, đáng coi là áng văn bất hủ thời Chiến Quốc. Chúng tôi đã phân tích bài đó trong Chương III.

Sau cùng, tổ V gồm 11 thiên:

43- *Bị thành môn* /備城門/

44- *Bị cao lâm* /備高臨/

45- *Bị thê* /備梯/

46- *Bị mộc*[34]

47- *Bị đột* /備突/

48- *Bị huyệt* /備穴/

49- *Bị nghi phục*[35]

50- *Nghinh địch từ* /迎敵祠/

51- *Kì Xí* /旗幟/

52- *Hiệu lệnh* /號令/

53- *Tạp thủ* /禂守/

Mười một thiên này đều chép phép phòng bị quân địch. Chúng ta đã biết Mặc tử giỏi về thuật phòng ngự, đã chế tạo một số vũ khí, và đã chỉ cho nhóm Cầm Hoạt Li cách giữ thành Tống. Một số Mạc gia đời sau có thể đã chép lại những thuật đó thành 11 thiên trong tổ V. Nhưng có học giả[36] cho rằng 11 thiên đó là do người đời Hán nguỵ tạo. La Căn Trạch ở cuối bài *Mặc tử thám nguyên* (sách đã dẫn) bảo sẽ khảo riêng về niên đại trứ tác các thiên đó, nhưng chúng tôi không kiếm ra được; nên không biết ý kiến của ông ra sao.

Tóm lại, muốn tìm hiểu triết lí chính trị Mặc tử, chúng ta cần phải đọc trước hết những thiên trong tổ II do học trò của ông viết sau khi ông mất không lâu (trừ thiên *Phi nho* hạ); rồi tới thêm những thiên trong tổ I, nhưng phải khéo nhận định tư tưởng nào thật của Mặc, tư tưởng nào chịu ảnh hưởng của Nho, Lão.

Còn tổ III của phái Biệt Mặc, không liên quan gì tới học thuyết của Mặc, phải xét riêng, tổ V là một loại binh thư, càng phải để riêng nữa.

Đó là ý kiến chung của những nhà viết về Mặc tử. Đường Kính Cảo cũng nghĩ như vậy, cho nên trong cuốn *Mặc tử* chỉ trích bốn thiên quan trọng trong tổ II và cả năm thiên trong tổ IV.

CHƯƠNG V
NGÔN NGỮ CỦA MẶC TỬ

Chúng tôi không xét văn bản của Mặc tử vì Mặc tử không hề viết sách hoặc viết mà không hề lưu lại; cũng không xét văn bộ trong bộ *Mặc tử* vì bộ đó do nhiều người viết mà họ có thể sống cách nhau vài thế kỉ, cho nên có tổ văn nhuần nhã như tổ IV (đặc biệt là thiên *Công Thâu*), hoặc tổ I (bốn thiên 4-7); có tổ văn rất cô động, tới mức khó hiểu như tổ III (*Kinh* thượng, hạ, *Đại thủ, Tiểu thủ*); bút pháp khác xa tổ II.

Vì vậy chúng tôi chỉ có thể phân tích ngôn ngữ của Mặc tử thôi. Ngôn ngữ đó đã được môn đệ Mặc tử ghi lại một cách trung thực trong tổ II (trừ thiên *Phi Nho* hạ). Chúng ta thử so sánh với đoạn đầu hai thiên *Kiêm ái* thượng và trung, sẽ thấy mức trung thực ra sao.

Thượng:

a/ Bậc thánh nhân trị thiên hạ, tất phải biết loạn do đâu mà phát ra thì mới trị được (…)

Thử xét loạn do đâu mà phát. Phát ở chỗ không yêu nhau (…)

b/ Con chỉ yêu mình mà không yêu cha cho nên mới làm thiệt hại cho cha để lợi cho mình; em chỉ yêu mình mà không yêu anh, cho nên mới làm thiệt hại cho anh để lợi cho mình; bề tôi chỉ yêu mình mà không yêu vua nên mới làm thiệt hại cho vua để lợi cho mình, như vậy gọi là loạn; (…) kẻ cướp chỉ yêu thân mình mà không yêu thân người, cho nên mới làm thiệt hại thân người để lợi cho thân mình; (…) các quan đại phu chỉ yêu mình mà không yêu nhà khác, cho nên mới làm loạn nhà khác để lợi cho mình; các chư hầu chỉ yêu nước mình mà không yêu nước khác, cho nên mới đánh chiếm nước khác để lợi cho nước mình.

c/ Các việc loạn trong thiên hạ (…) xét nguyên do từ đầu đều do không yêu nhau mà ra cả.

Trung:

a/ Người nhân sở dĩ làm việc là để gây cái lợi cho thiên hạ, trừ cái hại cho thiên hạ (…)

Cái hại do đâu mà ra?… Do không yêu nhau mà ra (…)

b/ (…) Chư hầu không yêu nhau thì tất đem quân đánh nhau ở ngoài đồng; chủ nhà (ở đây trỏ các quan đại phu) không yêu nhau thì tất cướp lẫn nhau; người nọ không yêu người kia tất làm hại lẫn nhau, vua tôi không yêu nhau thì vua không huệ (gia ân cho dân), tôi không trung; cha con không yêu nhau thì cha

không từ, con không hiếu; anh em không yêu nhau thì không hoà thuận; người trong thiên hạ không yêu nhau thì người mạnh tất áp chế người yếu, người giàu tất khinh khi kẻ nghèo, người sang tất ngạo mạn người hèn, người khôn lanh tất lừa gạt kẻ ngu.

c/ Những tai hoạ, tranh cướp, oán hận trong thiên hạ sở dĩ nổi lên đều do không yêu nhau mà ra, cho nên bậc nhân giả chê cái đó.

Chúng ta thấy đoạn mở a/ và đoạn kết c/ gần y hệt nhau, còn đoạn giữa b/, những thí dụ đưa ra cũng giống nhau, chỉ khác thứ tự ngược nhau mà thôi:

Thiên thượng nói tới cha con trước rồi tới anh em, vua tôi, các người trong thiên hạ, các quan đại phu, sau cùng tới các vua chư hầu.

Thiên trung nói tới các vua chư hầu rồi tới các quan đại phu, vua tôi, cha con, anh em, người trong thiên hạ.

Chúng ta nên để ý: Mặc tử giảng về thuyết kiêm ái không phải chỉ một lần mà rất nhiều lần trong suốt đời ông, và tác giả hai thiên đó có thể tuổi tác khác nhau, nghe giảng vào hai lần cách nhau có thể tới hàng chục năm; nghe xong không chắc họ đã ghi lại ngay mà đợi khi thầy mất rồi mới ghi (nghĩa là có thể hàng chục năm sau); mà lời ghi chép của họ giống nhau như vậy thì phải nói là trung thực rất mực rồi. Thời đó ít dùng chữ viết nên kí tính người ta tốt.

Một giáo sư ngày nay, năm năm trước giảng về Mặc tử cho một lớp sinh viên, năm năm sau cũng giảng bài đó cho một lớp khác, nếu không cầm "cua" cũ mà đọc thì lời giảng hai lần đó chưa chắc đã giống nhau như vậy. Cho nên chúng ta có thể căn cứ vào các thiên trong tổ II để biết ngôn ngữ, lối diễn thuyết của Mặc tử, mà không sợ lầm.

Đầu thiên *Ngoại trừ thuyết tả* thượng, Hàn Phi chép một cố sự lí thú về việc một vua Sở (có lẽ là Sở Uy vương) chê lời lẽ của Mặc tử rườm, mà không văn nhã, tô chuốc.

"Vua Sở hỏi Điền Cưu (một Mặc gia sống sau Mặc tử khoảng 100 năm):

- Mặc tử là một học giả nổi danh, suốt đời tận lực làm việc, đáng khen lắm, nhưng lời nói rườm mà không nhã, tại sao vậy?

Điền Cưu đáp:

- Xưa Tần bá (Tần Mục công) gả con gái cho công tử nước Tấn (Trùng Nhĩ), trang sức cho cô dâu, đưa theo bảy chục thiếu nữ bận áo gấm làm nàng hầu. Tới Tấn, người Tấn yêu những người thiếp đó mà coi thường con gái Tần bá. Như vậy có thể bảo là khéo gả các nàng thiếp[37] mà không khéo gả con gái. Nước Sở

có người bán hạt châu qua nước Trịnh, làm cái hộp bằng gỗ mộc lan, xông bằng quế, tiêu cho thơm, điểm xuyết bằng châu ngọc, trang sức bằng ngọc mai khôi (một loại ngọc màu đỏ), lót bằng lông chim trả. Người nước Trịnh mua cái hộp mà trả lại châu. Như vậy có thể bảo là khéo bán cái hộp mà không khéo bán hạt châu.

Ngày nay người ta thảo luận đều thích dùng lời khéo léo, văn hoa, bậc vua chúa thấy cái văn hoa mà quên rằng những lời đó vô dụng. Thuyết của Mặc tử truyền lại đạo của tiên vương, luận lời của thánh nhân để tuyên cáo cho mọi người. Nếu dùng những lời văn nhã thì sợ người ta chỉ nhớ tới cái văn hoa mà quên cái hữu dụng của học thuyết, như vậy tức là lấy văn hoa làm hại cái hữu dụng, không khác việc người nước Sở bán hạt châu, Tần bá gả con gái. Vì vậy mà lời của Mặc Tử rườm mà không văn nhã".

Lời nhận định của ông vua Sở đó đúng.

Chúng tôi xin dẫn đoạn đầu trong thiên *Phi công* thượng mà các nhà viết văn học sử Trung Quốc thường coi là tiêu biểu cho "văn" nghị luận của Mặc tử:

"Nay có một kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận, ai nghe thấy cũng chê, nhà cầm quyền biết được thì trừng phạt. Tại sao vậy? Tại kẻ ấy lấy của người làm lợi cho mình. Đến khi cướp gà, chó, heo của người ta thì việc bất nghĩa còn nặng hơn vào vườn hái trộm đào, mận. Tại sao vậy? Tại làm thiệt hại cho người ta nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến khi vào chuồng bò chuồng ngựa bắt bò bắt ngựa của người ta thì việc bất nhân, bất nghĩa nhiều hơn, tội nặng hơn là cướp gà, chó, heo của người ta. Tại sao vậy? Tại làm hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho người ta nhiều hơn thì sự bất nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến khi giết người vô tội để lột áo vải áo da, lấy ngọn mác thanh kiếm của người ta thì việc bất nghĩa còn nặng hơn vào chuồng bò chuồng ngựa của người ta. Tại sao vậy? Tại làm hại người ta nhiều hơn. Làm hại nhiều hơn thì sự bất nghĩa nhiều hơn, tội nặng hơn. Những việc đó, các bậc quân tử trong thiên hạ đều biết là quấy mà chê, bảo là bất nghĩa; nay các việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người lại không biết chê là quấy, còn khen nữa, bảo là nghĩa. Như vậy có thể bảo là phân biệt được nghĩa với bất nghĩa không?…"[38]

Bảo là rườm quá thì quả thật đoạn đó quá rườm, mà đoạn sau, cho tới hết thiên thì cũng vậy. Có thể rút đi tám phần mười mà vẫn diễn được ý, chẳng hạn: "Các bậc quân tử trong thiên hạ chê việc ăn trộm đào mận, cướp gà chó là bất nghĩa mà trừng trị; vậy mà cái việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người thì đã không chê, lại còn khen là nghĩa, như vậy là không phân biệt được nghĩa với bất nghĩa". Lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong văn học Trung Quốc thời

Tiên Tần, chúng ta gặp một lối văn nghị luận như vậy. Nhưng chúng ta nên tìm hiểu vì đâu có lối "văn" đó và công dụng của nó ra sao.

Chúng ta đã biết Mặc tử không viết văn, ông chỉ diễn giảng cho môn sinh hoặc diễn thuyết cho công chúng. Vậy đoạn trên phải là *ngữ ngôn* (langage parlé) chứ không phải là *văn ngôn* (langage écrit); vì môn sinh ghi lại đúng, đời sau gom thành sách, nên gọi là "văn".

Nói là để thuyết phục; muốn thuyết phục được người nghe thì lời nói phải sáng sửa, (họ không có thì giờ suy nghĩ); phải dùng những thí dụ cụ thể mọi người đều thấy, tránh những cái trừu tượng; lại phải lập đi lập lại cho người ta nhớ; và đặt những câu hỏi để gợi ý cho thính giả, khiến thính giả tích cực dự vào cuộc đàm luận, nhờ vậy mà không chán.

Mặc tử đã dùng tất cả những thuật đó trong đoạn kể trên. Chủ ý của ông là mạt sát thói đánh chiếm nước khác của các vua chúa, cho nó là đại bất nghĩa. Ông không lí thuyết trừu tượng gì cả, đột ngột đưa ngay ra một thí dụ cụ thể ai cũng biết, là việc hái trộm đào mận. Rồi tới thí dụ thứ nhì là cướp gà, chó, heo; thí dụ thứ ba: bắt bò, ngựa; thí dụ thứ tư: giết một người vô tội để cướp áo và khí giới. Bốn thí dụ đó trình bày theo một tuần tự tiệm tăng, từ nhẹ tới nặng.

Cứ sau mỗi thí dụ ông lại hỏi thính giả: Tại sao việc đó đáng chê? Rồi ông tự đáp: Tại làm hại cho người để làm lợi cho mình. Ông lập lại bốn lần câu hỏi, đập vào óc thính giả, khiến độc giả nhớ rằng hễ bất nghĩa nhiều hơn thì tội nặng hơn.

Cuối cùng ông mới đưa ra việc đánh nước người, việc bất nghĩa nặng nhất mà các vua chúa đã không chê, lại còn khen. Lời thật sáng sủa, nghe tới đâu hiểu tới đấy, mà cũng nhớ tới đấy[39].

Vậy điều mà vua Sở chê là rườm, chính là chỗ dụng ý, chính là sở trường của Mặc tử, nhờ nó ông thuyết phục được thiên hạ, có nhiều môn sinh, khiến Mạnh tử phải nhận rằng học thuyết của ông lan tràn thiên hạ.

Đọc những thiên trong tổ II (trừ thiên *Phi Nho* hạ) chúng ta thấy Mặc tử luôn luôn dùng thuật thuyết đó, và có lúc chúng ta cũng thấy chán, nhưng hạng bình dân thời ông nghe vài ba lần giảng về *Phi công*, *Kiêm ái*, *Tiết dụng*… thì nhất định là phải mê ông… Ông là chính trị gia duy nhất biết nói trước công chúng. Mà thuật lập lại và đặt câu hỏi của ông cũng là của các giáo chủ như Thích Ca, Ki Tô…

Vua Sở còn chê lời ông không văn nhã. Cũng đúng nữa. Và đây cũng là một nét độc đáo, một sở trường của ông. Ông sinh trong giới bình dân, có ngôn ngữ bình dân; muốn thuyết phục bình dân, ông càng phải dùng những tiếng thông tục

vì vậy mà kém văn nhã.

Trong tổ II, nhất là các thiên *Thượng hiền*, *Phi công*, *Tiết táng*, *Phi nhạc*, chúng ta thường gặp những chữ 唯毋 (duy vô), 虽毋 (tuy vô)[40] không có nghĩa gì cả.

Thí dụ[41]:

/古者聖人"唯毋"得贤人而使之 (*Cổ giả thánh nhân*[42] "*duy vô*" *đắc hiền nhân nhi sử chi*) / (*Thượng hiền* trung).

/賢人"唯毋"得明君而事之 (*Hiền nhân* "*duy vô*" *đắc minh quân nhi sự chi*)/ (*n.t*)

/今師徒"唯毋"興起，冬行恐寒，夏行恐暑 (*Kim sư đồ* "*duy vô*" *hưng khởi, đông hành khủng hàn, hạ hành khủng thử*)/ (*Phi công* trung)

/今"唯毋"以厚葬久喪者為政 (*Kim* "*duy vô*" *dĩ hậu táng cửu tang giả vi chính*)/ (*Tiết táng* hạ)

/今王公大人，"雖無"造為樂器，以為事乎國家 (*Kim vương công đại nhân,* "*tuy vô*" *tạo vi nhạc khí, dĩ vi sự hồ quốc gia*)/ (*Phi nhạc* thượng)

Những chữ đó, các nhà hiệu đính thời xưa không hiểu nghĩa, đoán là chép sai, sửa lại là (quán) hoặc (vụ), nhưng không ổn, mãi sau mới có người[43] đoán được rằng chỉ là những tiếng thông tục thời Mặc tử, không có nghĩa gì cả, bộ *Mặc tử* dùng chúng lần đầu tiên để cho lời nói có giọng bình dân; rồi bộ *Quản tử* cũng dùng theo. (Coi Phương Thụ Sở – sách đã dẫn – tr.48).

Cho những chữ đó chỉ thêm ngữ khí chứ không có nghĩa thì những câu chữ Hán chúng tôi dẫn ở trên hoá ra sáng sủa:

Các thánh vương đời xưa được người hiền để sai bảo.

Các hiền nhân được minh quân để thờ.

Nay dấy binh vào mùa đông thì sộ lạnh, vào mùa hè thì sợ nóng.

Nay theo chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu…

Nay các vương công đại nhân chế tạo nhạc khí để dùng trong nước…

Ngoài ra, những chữ 可而 /*khả nhi*/[44] cũng thường thấy và có lẽ cũng chỉ là những tiếng thông tục không có nghĩa gì cả. Như:

/使天下之為善者可而勸也，為暴者可而沮也。然則此尚賢者也，與堯舜禹湯文武之道同矣 *Sử thiên hạ chi vi thiện giả khả nhi khuyến dã, vi bạo giả khả nhi tự dã. Nhiên tắc thử thượng hiền giả dã, dữ Nghiêu Thuấn*

Vũ Thang Văn Vũ chi đạo đồng hĩ/[45] (*Thượng hiền* hạ)

- Đạo của vua Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ khuyến khích những người làm điều thiện trong thiên hạ, ngăn cản những người làm điều tàn bạo trong thiên hạ.

…[焉而]得罪，將惡避逃之[46] */Yên nhi đắc tội, tương ố tị đào chi/*

…mắc tội thì trốn đi đâu được.

Lại thêm, khi dẫn sách cổ, Mặc tử cũng thêm một vài chữ cho dễ hiểu hoặc hợp với ngôn ngữ đương thời. Phương Thụ Sở đưa ra thì dụ:

Thiên *Phi công* trung, dẫn câu này trong *Kinh Thi*:

魚水不務，陸將何及乎！ */Ngư thủy bất vụ, lục tương hà cập hồ!/*

Thiên *Kiêm ái* hạ dẫn một câu trong *Tiểu nhã* (*Kinh Thi*):

君子之所履，小人之所視 */Quân tử chi sở lí, tiểu nhân chi sở thị/*

Một câu trong *Đại nhã* (*Kinh Thi*):

无言而不雠，无德而不报 */Vô ngôn nhi bất thù, vô đức nhi bất báo/*

Những chữ 乎 */hồ/*, 之 */chi/*, 而 */nhi/* trong ba câu đó đều do Mặc tử thêm, như vậy là đổi thơ ra thành văn xuôi.

Chữ 也 */dã/*[47] trong những câu dưới đây cũng vậy:

小人見姦巧，乃聞不言也 */Tiểu nhân kiến gian xảo, nãi văn bất ngôn dã/*

(Thiên *Thái thệ*, dẫn trong thiên *Thượng đồng* hạ)

予非爾田野葆士之欲也，予共行天之罰也 */Dư phi nhĩ điền dã bảo sĩ chi dục dã, dư cộng hành thiên chi phạt dã/*

(Thiên *Vũ thệ*, dẫn trong thiên *Minh quỉ* hạ).

Vậy Mặc tử dùng những lời thông tục, nhiều ví dụ cụ thể và lặp đi lập lại nhiều câu, không ngại rườm, mục đích là để "truyền cái đạo của tiên vương… mà tuyên cáo cho mọi người" như Điền Cưu nói. Ông không dùng những lời văn nhã, có thể là vì sợ người ta chỉ "nhớ cái văn hoa mà quên cái hữu dụng", nhưng trước hết là để giới bình dân hiểu ông, có vậy học thuyết của ông mới truyền bá rộng được.

PHẦN NHÌ
HỌC THUYẾT MẶC TỬ

CHƯƠNG I
UYÊN NGUYÊN

Trong thiên *Hiển học*, Hàn Phi bảo: "Khổng tử và Mặc tử đều xưng tụng Nghiêu, Thuấn mà chủ trương khác nhau, và đều tự cho là chân truyền của Nghiêu, Thuấn. Nghiêu, Thuấn không thể sống lại thì ai là người quyết định được học thuyết nào mới thực là của Nghiêu, Thuấn".

Tư Mã Đàm, cha Tư Mã Thiên, theo bài *Tự tự*[48] trong bộ *Sử kí*, không bảo rằng Mặc tử tự cho là chân truyền của Nghiêu, Thuấn nhưng cũng đồng ý là Mặc tử trọng Nghiêu, Thuấn, khen hai ông ấy là sống giản dị, cực khổ nữa: nhà lợp bằng cỏ tranh không xén, cột rui bằng gỗ không đẽo, ăn cơm gạo xấu với canh rau lê, rau hoắc, mùa đông mặc áo da hươu, da nai, mùa hè bận áo vải thô, chết thì dùng quan tài bằng gỗ đồng (một thứ gỗ xấu) dày ba tấc.

Đọc bộ *Mặc tử* chúng ta không thấy chỗ nào Mặc tử tự cho mình là "chân truyền" của Nghiêu, Thuấn. Ông còn nhắc tới Nghiêu, Thuấn sáu bảy lần, một lần trong thiên *Tiết táng* hạ, bảo hai ông ấy khi chết đều chôn cất giản dị, liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ dó[49], cột bằng dây sắn, hạ huyệt rồi đắp đất chứ không đắp nấm.

Theo truyền thuyết, vua Nghiêu trị vì 100 năm, từ 2357 đến 2257, rồi nhường ngôi cho vua Thuấn chứ không truyền lại cho con. Vua Thuấn trị vì từ 2255 đến 2207, rồi nhường ngôi cho vua Vũ (nhà Hạ) chứ không truyền ngôi cho con. Hai ông ấy rất thương dân, rất bình dân, được dân coi như cha. Và dân tộc Trung Hoa từ thời Tiên Tần đến thời Thanh, đều coi thời thịnh trị của Nghiêu, Thuấn là hoàng kim thời đại của họ. Truyền thuyết đó đáng tin đến mức nào, chưa ai quyết đoán được; có thể hai ông ấy chỉ là tù trưởng của một bộ lạc lớn thời mà Trung Hoa mới biết canh tác, theo chế độ thị tộc, chưa thành một quốc gia, mà việc "truyền hiền" chứ không "truyền tử" chỉ là tục chung của các bộ lạc chứ không phải là "đức lớn" của Nghiêu, Thuấn: khi họ chết thì lựa người nào có tài, có công lớn hơn cả, đưa lên thay họ, họ không có quyền truyền ngôi cho ai hết[50]. Mà thời đó, dân tộc Trung Hoa còn dã man, mới qua cái giai đoạn ăn lông ở lỗ, cho nên Nghiêu, Thuấn tất phải sống cực khổ như vậy, đâu có gì đáng khen.

Và nếu chỉ vì Mặc tử khen Nghiêu, Thuấn mà bảo học thuyết của ông bắt nguồn từ đạo Nghiêu, Thuấn thì cũng có thể bảo các triết gia khác đời Tiên Tần,

từ Khổng, Mạnh, tới Lão, Trang, Liệt tử, và cả Hàn Phi nữa cũng bắt nguồn từ Nghiêu, Thuấn vì chính Hàn Phi cũng có lần khen hai ông vua đó. Cuối đời Xuân Thu và đời Chiến Quốc, nông nghiệp và công nghiệp phát triển mạnh, nên xã hội biến chuyển dữ dội về kinh tế cũng như về phong tục, văn hóa nên các triết gia tiết xã hội ổn định, đời sống nhàn nhã, ít phải lo lắng của thời bộ lạc, cũng như ngày nay nhiều người Âu chán đời sống ồn ào, bận rộn, bất ổn của thời đại kĩ nghệ mà nhớ tiếc thời còn văn minh nông nghiệp. Vì vậy mà Mặc tử thỉnh thoảng nhắc tới Nghiêu, Thuấn, thế thôi, chứ không thể bảo ông là đệ tử xa của Nghiêu, Thuấn, những người sống trước ông trên dưới hai ngàn năm được. Thuyết của Hàn Phi và Tư Mã Đàm phải bỏ.

Thuyết thứ nhì do tác giả thiên *Thiên hạ* trong bộ *Trang tử* đưa ra, rồi Hoài Nam tử trong *Yếu lược huấn* chấp nhận; và nhiều học giả ngày nay (như Liu Wu Chi[51] trong *La philosophie de Confucius* – Payot – 1963) cũng tán đồng. Tác giả thiên đó[52] viết:

"Mặc tử bênh vực đạo của mình, bảo: "Thời xưa vua Vũ trị lụt, khai thông sông rạch, khiến cho nước chảy ra bốn cõi rợ và khắp chín châu Trung Quốc. Thời đó có ba trăm con sông lớn, ba ngàn chi lưu, còn rạch nhỏ thì vô số. Vua Vũ đích thân cầm sọt, cầm cuốc để khai thông cho nước các sông nhỏ theo dòng chảy ra sông lớn, cực khổ đến nỗi đùi teo lại, ống chân không còn một sợi lông, xông pha gió mưa để dựng nước. Ông là bậc đại thánh mà lao khổ phục dịch cho thiên hạ như vậy đấy". Mặc tử nói như vậy, cho nên Mặc gia đời sau nhiều người mặc áo bằng da và vải thô, đi giày dép bằng gỗ hoặc cỏ, làm việc suốt ngày đêm không nghỉ, cho sống khắc khổ là lí tưởng tối cao, bảo: "Không vậy thì không phải là theo đạo vua Vũ, không đáng là môn đồ Mặc tử".

Thế là chúng ta lùi xuống được mười năm, gần đời Mặc tử được một chút vì cũng theo truyền thuyết, vua Vũ được vua Thuấn truyền ngôi và làm thiên tử từ 2205 tới 2197. Ông Vũ đó sống vào thời hồng thuỷ, không biết có đồng thời với ông già Noé không, nhưng có công với dân tộc Trung Hoa hơn Noé với người phương Tây nhiều vì Noé chỉ đóng một chiếc thuyền để cứu một số người và một số loài vật còn Vũ đã có công trị thuỷ tám năm, ba lần đi qua nhà mà không vào (*Mạnh tử – Đằng Văn Công* thượng – bài 4). Mặc tử cũng có mười lần nhắc tới ông; ngay trong thiên Tiết táng hạ, sau khi khen Nghiêu, Thuấn, cũng khen ông là khi mất, chỉ liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ vông dày ba tấc, cột bằng dây sắn, y như Nghiêu, Thuấn.

Lại thêm, Mặc tử đã noi gương vua Vũ, cực khổ phục dịch thiên hạ, có phần nhiều hơn, suốt đời chứ không phải tám năm, tới "mòn trán lỏng gót" chứ không

chỉ teo ống chân mà thôi. Nhưng bấy nhiêu cũng chưa đủ cho ta kết luận rằng học thuyết của Mặc tử bắt nguồn từ vua Vũ. Thuyết thứ hai này cũng y hệt thuyết thứ nhất, không thể chấp nhận được.

Thuyết thứ ba trong *Lữ thị Xuân Thu*, kéo lui được khoảng ngàn rưỡi năm, xuống đời Hoàn vương nhà Chu, nhưng như ở đầu chương II phần I chúng tôi đã nói, thuyết đó không thể tin được, vì có điểm mâu thuẫn về niên đại.

Tới đời Thanh, xuất hiện thêm một thuyết nữa của Uông Trung. Đại khái, theo Phương Thụ Sở (sách đã dẫn – tr.73) thì Mặc tử khi nhắc đến đời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, nhưng không theo một đời nào cả. Nghiêu, Thuấn, Vũ có phép chôn cất của họ, Mặc có phép chôn cất của mình (đắp nấm chứ không đắp bằng huyệt rồi thôi, nhưng nấm nhỏ, hễ nhận được mộ là đủ) vừa giản tiện vừa tỏ được lòng hiếu, có lợi cho cả người chết lẫn người sống, nhất là phải tránh xa hoa quá mức của đời Chu (coi chương sau). Nghĩa là Mặc tử tìm hiểu, suy nghĩ, có chủ trương riêng, chứ không theo ai hết. Thuyết này có lí hơn cả.

Như trên chúng tôi đã nói, Mặc tử sinh ở nước Lỗ, có lẽ sau khi Khổng tử mất, chắc chắn biết được đạo Khổng (ông thường dẫn *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu*); nhưng thời đại của ông loạn hơn, bọn cần quyền tàn nhẫn, xa xỉ hơn, bình dân cực khổ hơn, chiến tranh tàn khốc hơn thời Khổng tử, mà ông khác Khổng tử về giai cấp – ông là tiện nhân, Khổng tử là quí tộc sa sút – về tính tình: nhiệt tâm hơn, bồng bột hơn, cương quyết hơn, cho nên một mặt chịu ảnh hưởng của Khổng, một mặt chê đạo Nho, muốn cải cách nó, sáng tạo ra một đạo mới; giống Nho ở chỗ tôn quân, trọng hiền, đề cao đạo đức và sự tu thân; mà chống Nho ở chỗ ghét những lễ nghi phiền phức, xa xỉ, ghét ca nhạc, không tin có số mạng; ông mở đường cho Lão tử (Lão tử sinh sau ông khoảng nửa thế kỉ), chủ trương bình đẳng giữa các giai cấp và trở về lối sống bình dị của thời cổ (Lão tiến xa hơn ông, muốn trở về đời sống nguyên thuỷ); mở đường cả cho các pháp gia thời sau nữa, vì ông trọng tinh thần thực dụng, trọng quyền lực, trọng sự lao động, và bắt người dưới phải thống nhất tư tưởng với người trên.

Sau cùng, điểm này lạ lùng nhất: ông thành lập gần như được một tôn giáo, một đạo quân chuyên đi cứu các nước yếu bị các nước lớn uy hiếp. Trước ông có một học thuyết nào tương tự như vậy đâu, mà rốn công đi tìm uyên nguyên của nó từ thời Nghiêu, Thuấn, Vũ.

Trong phần này chúng tôi sẽ phân tích những tư tưởng chính trị cùng kinh tế của ông.

CHƯƠNG II
LỢI VÀ NGHĨA

Từ xưa tới nay, hễ nhắc tới Mặc tử thì ai cũng nghĩ ngay đến thuyết kiêm ái: mọi người đều yêu nhau như chính bản thân mình, không phân biệt người và ta: kiêm ái là gốc, còn "tôn thiên" (tôn kính trời), "minh quỉ" (tin có quỉ thần), "tiết dụng" (bớt tiêu xài), "phi nhạc" (chê nhạc là vô ích, có hại), "phi công" (mạt sát sự đánh chiếm nước người)… chỉ là những chi nhánh thôi.

Cứu loạn cho thiên hạ là mục đích của tất cả triết gia Trung Hoa thời Tiên Tần. Chế độ phong kiến Trung Hoa rất đặc biệt, không nơi nào có. Vua nhà Chu làm thiên tử, phong tước cho các công thần, thân thích. Có bốn bậc: công, hầu, bá, tử với nam cùng một bậc. Tuỳ tước cao thấp mà cấp đất để dựng nước (thời đó gọi là bang, từ đời Hán, kiêng tên Lưu Bang mới gọi là quốc): đất của công, hầu vuông vức trăm dặm; đất của các bá bảy chục dặm, các tử và nam năm chục dặm (theo nguyên tắc đất của thiên tử ngàn dặm). Binh lực cũng được qui định: công, hầu có ngàn cổ chiến xa (mỗi chiến xa có bốn ngựa, một người đánh xe, một quân cầm thương, một quân bắn cung), dưới nữa thì có trăm chiến xa (thiên tử có vạn chiến xa).

Hết thảy các nước đó đều là chư hầu. Họ có bổn phận trung thành với thiên tử, đúng kì hạn phải triều cống thiên tử. Ngược lại các thiên tử có bổn phận che chở, giúp đỡ, giải quyết những xung đột giữa các chư hầu vì họ không được gây chiến với nhau. Cứ năm năm một lần thiên tử đi thăm họ, xem xét chính tích của họ, tình hình trong xứ: đời sống của dân chúng, lễ nhạc, giáo hoá, phong tục.

Nhờ chế độ đó mà Trung Hoa đã thống nhất đời Chu, cho nên trong *Kinh Thi* (thiên *Bắc Sơn*, tập *Tiểu Nhã*) có câu: "*Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ, suất thổ chi tân, mạc phi vương thần*"[53]. Khắp gầm trời không đâu không phải đất của nhà vua, khắp mặt đất bến nước, không người nào không phải là bề tôi của vua. (Coi bài *Đông Chu* 10 – *Chiến Quốc sách* – Lá Bối 1973).

Cho nên quan niệm "quốc gia" của chúng ta ngày nay, thời Chiến Quốc người Trung Hoa không có. Khổng tử, Mặc tử sinh trưởng ở Lỗ, Mạnh tử ở Trâu, sát Lỗ, mà đều không coi Lỗ, Trâu là "quốc gia" của mình, nếu không được vua dùng mình, thì không ngại gì qua Tề, Tống, Vệ… để tìm một ông vua khác, và khi đã làm quan một nước nào thì cũng nhắm mục đích phục vụ cho cả thiên hạ. Chữ *thiên hạ* của Trung Hoa trỏ họ và tất cả những dân tộc mà họ tiếp xúc thời đó, có nghĩa tương tự như thế giới ngày nay. Vậy Mặc tử không phải là triết gia đầu tiên muốn thống nhất Trung Hoa. Các triết gia khác cũng muốn vậy, và để

thực hiện ý tưởng chung đó, mỗi nhà có một chủ trương riêng.

Chủ trương của Mặc tử có nhiều điểm khác đời (chúng tôi sẽ lần lượt xét trong phần này); theo chúng tôi, điểm đặc biệt nhất – là ông can đảm nói hoài đến lợi, trong khi các triết gia khác, đặc biệt là Nho gia, rất ít nói tới, có khi khinh bỉ không thèm nói tới nữa.

Lật bộ *Luận ngữ*, chúng tôi chỉ thấy chữ lợi xuất hiện hai lần[54]:

Thiên Tử Lộ, bài 17, Khổng tử khuyên Tử Hạ trong việc trị nước: "*Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi. Dục tốc tắc bất đạt; kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành*"[55]. (Đừng muốn cho mau xong, đừng ham lợi nhỏ. Muốn[56] cho mau xong thì công việc không được chu đáo; ham cái lợi nhỏ thì việc lớn không thành).

Và thiên Lí nhân, bài 16: "*Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi*"[57]. (Bậc quân tử tinh tường về việc nghĩa, kẻ tiểu nhân rành rẽ về việc lợi).

Còn bộ *Mạnh tử* thì ngay ở trang đầu, chúng ta đã thấy Mạnh tử trách Lương Huệ vương là chỉ nghĩ đến lợi, không nghĩ đến nhân nghĩa: "*Vương hà tất viết lợi? Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hĩ*"[58]. – *Lương Huệ vương* thượng, bài 1.

Trong những thiên tiếp theo, ông còn mạt sát lợi nhiều hơn nữa để đề cao nhân, nghĩa. Còn hơn Khổng tử, ông tách lợi với nghĩa ra, hai chữ đó chống nhau, hễ có lợi thì không có nghĩa, lợi làm hại cho nghĩa.

Mặc tử trái lại, nói đến lợi không biết mấy chục lần:

Thiên *Phi mệnh* hạ, ông bảo hễ nói năng, bàn luận thì theo ba tiêu chuẩn quan trọng nhất là xem điều mình nói có lợi cho vạn dân không.

Thiên *Tiết dụng* thượng: "Thánh nhân trị nước, khi ra lệnh làm một việc gì, khiến dân dùng của cải, thì xem xét việc đó có ích không rồi mới làm, vì vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân lại lợi được nhiều".

Thiên *Phi nhạc* thượng: "Người nhân làm việc gì tất là mong lấy cái lợi, trừ cái hại trong thiên hạ, mà lấy điều dưới đây làm phép tắc cho thiên hạ: cái gì lợi cho người thì làm, không lợi thì ngưng" (*Nhân giả chi sự, tất vụ cầu hưng thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại, tương dĩ vi pháp hồ thiên hạ, lợi nhân hồ tức vi, bất lợi nhân hồ tức chỉ*[59]).

Thiên Kiêm ái trung, lời cũng y hệt vậy: "Người nhân sở dĩ làm việc là để gây cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ" (*Nhân nhân chi sở dĩ vi sự giả, tất hưng thiên hạ chi lợi, trừ khử thiên hạ chi hại*[60]).

Trong hai câu cuối mới dẫn, ông đồng hoá lợi với *nhân*: người nhân làm người làm lợi cho thiên hạ. Vì vậy hễ nói đến kiêm ái (nhân) thì ông thường kèm

theo “giao tương lợi” (gồm yêu nhau, làm lợi lẫn cho nhau).

Trong thiên *Thiên chí*[61], ông đồng hoá lợi với *nghĩa* nữa: “Nghĩa là cái gì chính đáng. Sao biết nghĩa là chính đáng? Thiên hạ có lợi thì trị, vô nghĩa thì loạn. Ta lấy đó mà biết rằng nghĩa là cái gì chính đáng” (*Nghĩa giả chính giả. Hà dĩ tri nghĩa chi vi chính giả? Thiên hạ hữu lợi tắc trị, vô nghĩa tắc loạn. Ngã dĩ thủ tri nghĩa chi vi chính dã*[62]).

Độc giả nhận thấy ông không phân biệt *nghĩa* và *lợi* cho nên mới nói: *hữu lợi tắc trị, vô nghĩa tắc loạn*. Mạnh tử tất nói khác: *hữu lợi tắc trị, vô nghĩa tắc loạn*.

Mặc tử cũng trọng *nhân, nghĩa* như Khổng, Mạnh. “Kiêm ái” của ông tức là “*nhân*” sửa đổi, mở rộng ra; còn *nghĩa* thì cũng như Mạnh tử, ông quí nó hơn mạng người.

Mạnh tử bảo: “Sống thì ta cũng muốn, mà nghĩa thì ta cũng mộ. Nếu không được cả hai một lượt thì ta đành bỏ mạng sống mà giữ lấy nghĩa” (*Cáo tử* thượng – 10).

Mặc tử bảo: “Mọi sự không gì quí bằng nghĩa. Nay thử bảo một người: “Tôi cho ông mũ và giày mà chặt tay chân ông, ông chịu không?” Người đó tất không chịu. Tại sao? Tại mũ giày không quí bằng tay chân. Lại bảo: “Tôi cho ông cả thiên hạ mà giết ông, ông chịu không? Người đó tất không chịu. Tại sao? Tại thiên hạ không quí bằng thân thể mình. (Nhưng người ta) tranh nhau một lời mà giết nhau, thế là quí nghĩa hơn thân thể (sinh mạng). Cho nên tôi bảo: “Mọi sự không gì quí hơn nghĩa”.

Lí luận của Mặc tử không đúng. Tranh nhau một lời mà giết nhau, chưa chắc đã vì quí nghĩa, mà nhiều khi chỉ vì hiếu thắng. Nhưng chúng ta nên nhớ là ông cho nghĩa quí hơn mọi sự ở đời (*Vạn sự mạc quí ư nghĩa*).

Mặc tử đã đồng hoá lợi với nghĩa, coi lợi với nghĩa là một, mà lại cho nghĩa quí hơn mọi sự ở đời thì tất cũng coi lợi quí hơn mọi sự ở đời.

Cái lợi đó tất không phải là tư lợi. Không một triết gia nào của Trung Hoa mà không mạt sát tư lợi – chúng tôi không kể các pháp gia. Thiên *Kiêm ái* thượng, khi xét nguồn gốc của loạn, Mặc bảo:

“Các quan đại phu chỉ yêu nhà mình mà không yêu nhà khác, cho nên mới làm loạn nhà khác để lợi cho nhà mình; các vua chư hầu chỉ yêu nước mình mà không yêu nước khác, cho nên mới đánh chiếm nước khác để lợi cho nước mình. Các việc loạn trong thiên hạ đều như vậy mà thôi”. (*Đại phu các ái kì gia, bất ái dị gia, cố loạn dị gia, dĩ lợi kì gia; chư hầu các ái kì quốc, bất ái dị quốc, cố công dị quốc, dĩ lợi kì quốc. Thiên hạ chi loạn vật, cụ thử nhi dĩ hĩ*[63]).

Đời sau, Mạnh tử cũng diễn ý đó, chỉ có lời là khác:

"Nhà vua, tức Lương Huệ vương – hỏi: Có các gì làm lợi cho nước ta? Các quan đại phu cũng hỏi: Có cách gì làm lợi cho nhà ta? Kẻ sĩ và thường dân cũng hỏi: Có cách gì làm lợi cho thân ta? Trên dưới đều tranh nhau vì lợi mà nước sẽ nguy". (*Vương viết: Hà dĩ lợi ngô quốc? Đại phu viết: Hà dĩ lợi ngô gia? Sĩ thứ nhân viết: Hà dĩ lợi ngô thân? Thượng hạ giao chính lợi nhi quốc nguy hĩ*[64]).

Ngay việc một ông vua làm lợi cho nước, cho dân mà Mạnh tử cũng chê, y như Mặc tử. Cả hai đều muốn làm lợi cho khắp thiên hạ, chứ không phải cho riêng một nước nào, một dân tộc nào.

Thiên *Công tôn Sửu* hạ, bài 12, Mạnh tử bảo một môn sinh là Cáo Tử: "Nếu nhà vua – Tề Tuyên vương – biết dùng thầy thì thầy sẽ làm cho nước Tề an cư lạc nghiệp mà toàn dân trong thiên hạ cũng được vui cảnh thái bình nữa".

Và ông rầu rầu nói với một đệ tử khác là Sung Ngu: "Trời chưa muốn thiên hạ được bình trị; nếu muốn thì ở thời này, ngoài ta ra còn ai giúp được?" (*Thiên vị dục bình trị thiên hạ dã; như dục bình trị thiên hạ, đương kim chi thế, xả ngã kì thuỳ dã*[65] – *Công tôn Sửu* hạ, 13).

Mặc tử, thiên *Phi công* trung, chép rằng một người bênh vực chính sách đánh chiếm nước người, bảo bốn nước Sở, Ngô, Tề, Tấn nhờ chính sách đó mà mở rộng đất đai lên tới ngàn dặm, tăng số dân từ vài chục vạn lên mấy triệu người, Mặc tử đáp:

"Tuy bốn năm nước được lợi đấy, tôi vẫn cho rằng như vậy không phải là theo đạo. Cũng tỉ như nghề dùng thuốc trị bệnh; nay có một y sĩ (…) trị bịnh cho thiên hạ, một vạn người dùng thuốc mà chỉ có bốn năm người được lợi (khỏi bịnh) thì tôi vẫn cho như vậy không phải là biết làm nghề thuốc".

Cái lợi cho thiên hạ đó, Mặc tử cho cũng là lợi cho Trời và quỉ thần. Ông bảo: Thuận ý Trời thì phải yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn nhau (*Thiên chí* thượng), lại bảo: Quỉ thần muốn rằng người nào chức cao bổng hậu thì phải kính người hiền, có nhiều của thì phải chia cho người nghèo (*Lỗ vấn* – 16).

Ý đó cũng là ý của Khổng giáo. Khổng, Mạnh luôn luôn khuyên các vua chúa theo ý dân, dân muốn gì thì vua chúa phải làm thoả mãn cái đó, vì dân muốn là trời muốn. Lời đó cơ hồ là truyền thống của Trung Hoa.

Thiên Tiểu Nhã – Kinh Thi có bài:

Lạc chi quân tử, dân chi phụ mẫu,
Dân chi sở hiếu, hiếu chi,
Dân chi sở ố, ố chi,

Thử chi vị dân chi phụ mẫu.

“Vui vẻ hoà thuận thay người quân tử ấy, thực đáng làm cha mẹ dân.
Dân thích cái gì, ông thích cái đó.
Dân ghét cái gì, ông ghét cái đó[66].

Như vậy nên bảo đáng làm cha mẹ dân”.

Sở dĩ theo ý dân vì ý dân với ý trời là một: “Trời thương dân, dân muốn làm gì trời cũng theo” (*Thiên căng vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi*).

Cho nên muốn biết lòng trời thì cứ xét lòng dân: “Trời trông thấy tự ở dân ta trông thấy, trời nghe thấy tự ở dân ta nghe thấy” (*Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính – Thư – Thái thệ*[67]).

Tóm lại, Khổng và Mặc không khác nhau về chủ trương phải mưu cầu hạnh phúc cho thiên hạ, về quan niệm lợi cho dân tức là hợp ý trời, lợi cho trời (vì trời yêu dân, giúp dân). Họ chỉ khác nhau ở danh từ: Khổng giáo gọi là *nghĩa* thì Mặc giáo gọi là *lợi*.

So sánh hai đoạn dưới đây, một của Mặc, một của Mạnh, ta thấy cùng là thuyết phục các vua chư hầu đừng đánh chiếm lẫn nhau, mà mỗi nhà có một giọng khác: một bên chỉ giảng về cái hại của chiến tranh, một bên chỉ giảng về nhân nghĩa.

Mặc tử bảo:

“Trị nước mà (đánh chiếm nước ngoài, nên phải) chiếm đạt vật dụng của dân làm mất cái lợi của dân quá nhiều, thế thì làm sao? Đáp: Vì ham cái danh thắng người và hám được lợi, cho nên làm (…) Xét cái danh thắng người thì nó không dùng được vào việc gì; xét cái lợi thì nó không bù được cái mất mát quá nhiều. Nay tấn công một lớp thành trong (chu vi) ba dặm, một lớp thành ngoài (chu vi) bảy dặm, không dùng khí giới cứng và sắc, không giết nhiều người thì làm sao mà thắng được? Giết người, nhiều thì hằng vạn, ít cũng hằng ngàn, rồi mới chiếm được lớp thành trong ba dặm, lớp thành ngoài bảy dặm; nay một nước có vạn cỗ xe thì số thành có trên ngàn, không vào cho xuể được, số đồng ruộng có trên vạn, không thể chiếm hết được; như vậy là đất đai (của người) có dư, mà binh sĩ (của mình) không đủ; bắt binh sĩ của mình chết hết, gây tai hoạ nghiêm khốc cho người trên kẻ dưới để tranh thành tức là khinh bỏ cái không đủ (binh sĩ của mình) mà trọng cái dư (đất đai của người), theo chính sách đó đâu phải là biết lo việc nước”. (*Phi công* trung).

Non một thế kỉ sau, Tống Hình đi yết kiến vua Sở và vua Tần để khuyên họ bãi binh, đừng đánh nhau, và cho Mạnh tử hay mình sẽ giảng cho họ rằng chiến

tranh bất lợi cho cả hai nước, dùng như phép thuyết phục của Mặc tử. Mạnh tử gạt đi:

"Nếu tiên sinh đem cái lợi nói với vua Tần và vua Sở mà hai vua ấy thích lợi, bãi binh thì… binh lính cũng thích lợi; rồi kẻ làm tôi vì tham lợi mà thờ vua, kẻ làm con vì tham lợi mà thờ cha, kẻ làm em vì tham lợi mà thờ anh. Như vậy, vua tôi, cha con, anh em rốt cuộc đều bỏ hết điều nhân, nghĩa, mà giao thiệp với nhau chỉ vì ham lợi mà thôi. Nước nhà như thế mà chẳng diệt vong, là điều chưa từng có.

Còn như tiên sinh đem điều nhân và điều nghĩa nói với vua Tần và vua Sở, mà hai vua ấy ham nhân nghĩa, bãi binh thì… binh lính cũng thích nhân nghĩa; rồi kẻ làm tôi vì mộ nhân nghĩa mà thờ vua, kẻ làm con vì mộ nhân nghĩa mà thờ cha, kẻ làm em vì mộ nhân nghĩa mà thờ anh. Như vậy, vua tôi, cha con, anh em rốt cuộc đều bỏ tuyệt điều lợi mà giao thiệp với nhau chỉ vì ham nhân nghĩa mà thôi. Nước nhà như thế mà chẳng hưng vượng là điều chưa từng có. Hà tất phải nói chuyện lợi?". (*Cáo tử* hạ – bài 14).

Mặc dầu "lợi" hiểu theo Mặc tử – tức là lợi khắp thiên hạ, hợp ý với Trời và quỉ thần – lợi hiểu theo nghĩa đó thì không khác gì nghĩa. Nhưng tách lợi với nghĩa như Khổng giáo vẫn là phải. Chỉ lo bồi dưỡng lòng nghĩa thì thấy một việc hợp đạo, đáng làm, phải làm là mình làm liền, không tính toán gì cả: dù nó có hại trước mắt cũng cứ làm, ít nhất nó cũng có lợi cho tư cách, tâm hồn của mình và về lâu dài chắc chắn sẽ có lợi cho nhân quần, xã hội. Còn luôn luôn nghĩ tới lợi thì dù cái lợi đó cao thượng, nhưng vẫn còn là tính toán hơn thiệt.

Về điểm đó, Khổng lí tưởng mà Mặc thực tiễn.

Mặc thực tiễn hơn Khổng vì ông ở trong giai cấp tiện nhân, giai cấp này đại đa số thời đó không được học, không hiểu được những cái cao xa như "nghĩa" mà dễ hiểu những cái thiết thực như "lợi". Lời Khổng tử thật đúng: "*Quân tử* (tức giới quí tộc, có học, có đạo đức) *dụ ư nghĩa; tiểu nhân* (tức giới bình dân, không được học) *dụ ư lợi*". Không phải luôn luôn như vậy, nhưng đại đa số là vậy.

Mặc tử chu du thiên hạ, truyền bá thuyết của mình, muốn cho bình dân theo, tất phải nói tới lợi nhiều hơn nói tới nghĩa.

Chúng tôi còn ngờ Mặc tử, một trăm rưỡi năm trước Tuân tử, đã nghĩ rằng tính người vốn ác nữa. Trong bộ *Đại cương triết học Trung Quốc* – hạ[68], chúng tôi đã viết:

"Trong thiên *Sở nhiễm*, Mặc tử thấy tơ nhuộm mà than rằng: nhuộm xanh thì

hoá xanh, nhuộm vàng thì hoá vàng, cái chất của lụa mà thay đổi thì màu lụa cũng thay đổi; năm lần nhuộm vào thì đã có năm màu rồi; cho nên sự tiêm nhiễm không thể không thận trọng được.

"Ông không nói đến tính, chỉ xét kết quả của sự tiêm nhiễm, nhưng hình như cho rằng tính vốn không thiện không ác, có thể hoá thiện mà cũng có thể hoá ác".

Lời suy đoán của chúng tôi hồi đó có phần sai.

Chúng tôi căn cứ vào lời dưới đây trong thiên Thượng đồng thượng: "*Cổ giả dân thuỷ sinh, vị hữu hình chính chi thì… thiên hạ bách tính giai dĩ thuỷ hoả độc dược tương khuy hại*"[69]: "Thời xưa khi loài người mới sinh, chưa có chính trị hình pháp… thì dân chúng trong thiên hạ đều dùng nước, lửa, thuốc độc để hại lẫn nhau" mà ngờ rằng Mặc tử đã ngầm cho rằng tính người vốn ác, không khác thuyết của Tuân tử trăm rưỡi năm sau là bao.

Thêm một chứng cớ nữa: thiên *Kiêm ái* thượng, Mặc tử bảo:

"Thử xét loạn do đâu mà phát. Phát ở chỗ không yêu nhau (…) con chỉ yêu mình mà không yêu cha, cho nên mới làm thiệt hại cho cha để lợi cho mình; em chỉ yêu mình mà không yêu anh, cho nên mới làm thiệt hại cho anh để lợi cho mình; bề tôi chỉ yêu mình mà không yêu vua nên mới làm thiệt hại cho vua để lợi cho mình, như vậy gọi là loạn (…) Cha chỉ tự yêu mình mà không yêu con, cho nên mới làm hại cho con để lợi cho mình; anh chỉ tự yêu mình mà không yêu em nên mới làm hại cho em để lợi cho mình; vua chỉ tự yêu mình mà không yêu bề tôi, cho nên mới làm hại bề tôi để làm lợi cho mình".

(*Đương sát loạn hà khởi. Khởi bất tương ái. Tử tự ái, bất ái phụ, cố khuy phụ nhi tự lợi; đệ tự ái, bất ái huynh, cố khuy huynh nhi tự lợi; thần tự ái, bất ái quân, cố khuy quân nhi tự lợi, thử sở vị loạn dã (…) Phụ tự ái dã, bất ái tử, cố khuy tử nhi tự lợi; huynh tự ái dã, bất ái đệ, cố khuy đệ nhi tự lợi; quân tự ái dã, bất ái thần, cố khuy thần nhi tự lợi*[70]).

Xin độc giả so sánh đoạn đó với câu dưới đây của Tuân tử trong thiên *Tính ác*:

"Tính con người sinh ra là đã hiếu lợi, thuận theo tính đó thì thành ra tranh đoạt lẫn nhau mà sự từ nhượng không có…" (*Nhân chi tính, sinh nhi hữu hiếu lợi yên, thuận thị, cố tranh đoạt sinh nhi từ nhượng vô yên*). Rõ ràng là một ý.

Mặc tử bảo: "Dân có ba điều lo: đói không có gì ăn, lạnh không có gì mặc, mệt không được nghỉ, ba cái đó là những điều lo lớn của dân" (*Dân hữu tam hoạn, cơ giả bất đắc thực, hàn giả bất đắc y, lao giả bất đắc tức, tam giả dân cự hoạn dã*[71]. – *Phi nhạc* thượng).

Còn Tuân tử viết: “Cái tính con người là đói thì muốn ăn, mệt thì muốn nghỉ” (*Nhân chi tính, cơ nhi dục bão, lao nhi dục hưu, thử nhân chi tính tình dã*[72]).

Vậy thì Tuân tử có thể mượn ý của Mặc tử mà lập nên thuyết tính ác; và sở dĩ Mặc tử nói nhiều đến lợi, đồng hoá lợi với nhân nghĩa có thể vì ông cho rằng bản tính con người hiếu lợi, nói đến lợi người ta dễ nghe hơn, mà muốn sửa tính ham tư lợi đó thì nên giảng cho họ rằng cái lợi cá nhân ở trong cái lợi của toàn thể xã hội, ở trong đạo kiêm ái (coi thuyết kiêm ái trong chương sau).

Chính vì Mặc đặc biệt chú trọng tới cái lợi của mọi người nên Phùng Hữu Lan trong sách đã dẫn, trang 115, cho rằng chủ nghĩa của Mặc tử là chủ nghĩa công lợi /功利/. Người Trung Hoa dùng danh từ công lợi chủ nghĩa để dịch tiếng utilitarianism của Anh (*Từ Hải* – bộ tử – tr.417).

Thuyết Utilitarianism mà Bentham (triết gia Anh 1748-1832) (Trung Hoa phiên âm là Biên Sấm[73]) là đại diện chính, chủ trương rằng luân lí là vấn đề “tạo nhiều hạnh phúc nhất cho nhiều người nhất”. Vui thích là hạnh phúc, vậy là tốt, đau khổ, ngược lại, là xấu. Hành vi nào tạo được vui thích được Bentham coi là thiện; nếu tạo đau khổ thì ông coi là ác. Vì vậy người ta bảo luân lí theo ông chỉ là một thứ “số học vui thích” (arithmétique des plaisires), nói cách khác, chỉ là một thứ tính toán xem hành vi nào nhiều vui thích thì lựa. Cho nên chúng tôi muốn dịch Utilitarianism là *duy lạc chủ nghĩa*.

Sau, Stuart Mill, cũng người Anh, (1806-1873) sửa lại thuyết của Bentham trong cuốn *Utilitarianism* (1861), cho rằng hạnh phúc của mọi người với hạnh phúc của cá nhân là một, và ông phân biệt cái vui thích cao thượng với cái vui thích đê tiện.

Như trên chúng tôi đã nói, tất cả các triết gia Trung Hoa (trừ Dương Chu), đều tìm cái lợi chung cho thiên hạ, chứ không riêng gì Mặc tử; mà không một triết gia nào cho việc tạo vui thích cho con người là tiêu chuẩn đạo đức, không một nhà nào chủ trương thoả mãn vui thích càng nhiều càng tốt, trái lại họ còn muốn tiết dục, có khi diệt dục nữa. Riêng Mặc tử, như chúng ta sẽ thấy trong các chương sau, chỉ mong thoả mãn những nhu cầu tự nhiên thiết yếu của con người là ăn, mặc, và nghỉ ngơi, và mạt sát những xa xỉ phẩm, cả âm nhạc nghệ thuật nữa. Như vậy thì thuyết mưu lợi lẫn cho nhau của ông khác xa thuyết utilitarianism của Bentham, Mill, vì ông đồng hoá lợi với nghĩa, chứ không đồng hoá vui thích với đạo đức và thuyết của ông khác thuyết của Bentham và Mill, mặc dầu cũng như họ, ông coi hạnh phúc của mọi người với hạnh phúc của cá nhân là một.

Tới đời sau, phái Biệt Mặc định nghĩa lại chữ Lợi, mới làm cho chủ trương giao tương lợi của Mặc tử giống thuyết "công lợi" của Bentham và Mill (coi phần II, chương II).

CHƯƠNG III
THUYẾT KIÊM ÁI

Mặc dầu sống đầu thời Chiến Quốc, các nước xâm chiếm nhau mỗi ngày mỗi nhiều, chiến tranh mỗi ngày một ác liệt: Sở diệt Ngô, Thái, Kỉ; Việt diệt Cử, Đàm; các nước nhỏ khác như Đại, Đằng trước sau đều bị các nước mạnh thôn tính. Trong mỗi nước, việc giết vua, chiếm ngôi cũng thường xảy ra, như nước Trịnh giết Ai công, ba họ Hàn, Nguỵ, Triệu làm loạn nước Tấn, họ Điền chuyên quyền ở Tề. Mặc tử thấy những cảnh đó, thấy nỗi khổ của dân chúng, cho rằng không gì hại bằng loạn. Mà theo ông loạn chỉ do lòng tự tư, tự lợi của con người, không yêu người khác mà chỉ yêu bản thân mình, làm hại người để lợi cho mình.

Chương trên chúng tôi đã dẫn hai đoạn trong thiên Kiêm ái thượng mạt sát lòng ích kỉ hại nhân đó: ở trong nhà, cha con, anh em không thương yêu nhau, ai cũng nghĩ làm lợi cho mình, cho nên mới loạn; ở trong nước, nhà nào, người nào, cũng không yêu nhau, chỉ nghĩ lợi cho mình, cho nên mới loạn; trong thiên hạ, các nước chư hầu cũng không yêu nhau, chỉ nghĩ làm lợi cho mình, cho nên mới loạn.

Đầu thiên *Kiêm ái* hạ, Mặc tử còn nói rõ hơn nữa:

"Hiện nay cái hại lớn nhất cho thiên hạ là gì? Đáp: "Là nước lớn đánh chiếm nước nhỏ, nhà lớn làm loạn nhà nhỏ, người mạnh hiếp kẻ yếu, số đông tàn bạo với số ít, người khôn lừa gạt kẻ ngu, người sang ngạo mạn người hèn, đó là cái hại cho thiên hạ. Lại như làm vua mà không huệ (nhân ái, gia ân), làm bề tôi mà không trung, cha không từ, con không hiếu, đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa. Lại như bọn đê tiện ngày nay dùng dao nhọn, thuốc độc, nước, lửa để làm hại lẫn nhau, đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa".

Thái độ tự tư, tự lợi đó, Mặc gọi là "Biệt": phân biệt mình với người, chỉ yêu mình mà không yêu người. Biệt là bậy, nó chia rẽ lẫn nhau, làm hại lớn cho thiên hạ. Phải thay cho bằng "Kiêm" là gồm, gồm yêu mọi người, coi ai cũng như mình, làm lợi cho mọi người.

"Biệt" hại cho thiên hạ bao nhiêu thì "Kiêm" lợi cho thiên hạ bấy nhiêu: "Nếu thiên hạ đều gồm yêu lẫn nhau (kiêm tương ái), ai nấy đều yêu người như yêu thân mình thì còn kẻ bất hiếu nữa không? Coi cha anh và vua như thân mình thì còn kẻ bất hiếu, còn kẻ bất từ nữa không? Coi con em và bề tôi như thân mình thì làm gì còn kẻ bất từ? Cho nên bất hiếu, bất từ sẽ không còn nữa. Còn trộm cướp không? Đã coi nhà người như nhà mình thì còn ai ăn trộm nữa? Đã coi thân người như thân mình thì còn ai ăn cướp nữa? Cho nên sự ăn trộm với ăn

cướp sẽ không còn nữa. Còn có đại phu làm loạn nhà nhau[74], vua chư hầu đánh chiếm nước nhau nữa không? Coi nhà người như nhà mình thì còn ai làm loạn nhà nhau? Coi nước người như nước mình thì còn ai đánh chiếm nước nhau? Cho nên cái nạn đại phu làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh chiếm nước nhau sẽ không còn nữa.

"Nếu thiên hạ gồm yêu lẫn nhau, nước nọ với nước kia không đánh chiếm lẫn nhau, nhà này với nhà kia không làm loạn lẫn nhau, trộm cướp không có; vua tôi, cha con đều hiếu từ, như thế thì thiên hạ trị".

(*Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, ái nhân nhược ái kì thân, do hữu bất hiếu giả hồ? Thị phụ huynh dữ quân nhược kì thân, ố thi bất hiếu? Do hữu, bất từ, giả hồ? Thị tử đệ dữ thần nhược kì thân, ố thi bất từ? Cố bất hiếu, bất từ vô hữu. Do hữu đạo tặc hồ? Cố thị nhân chi thất nhược kì thất, thuỳ thiệt? Thị nhân thân nhược kì thân, thuỳ tặc? Cố đạo tặc vô hữu. Do hữu đại phu chi tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc giả hồ? Thị nhân gia nhược kì gia, thuỳ loạn? Thị nhân quốc nhược kì quốc, thuỳ công? Cố đại phu chi tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc giả vô hữu.*

Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, quốc dữ quốc bất tương công, gia dữ gia bất tương loạn, đạo tặc vô hữu, quân thần phụ tử gia năng hiếu từ, nhược thử tác thiên hạ trị[75]) – *Kiêm ái* thượng.

Kiêm ái lợi cho gia đình, quốc gia, thiên hạ như vậy, mà cũng lợi cho cá nhân nữa, vì: "Ai cũng đem tai tinh mắt sáng của mình mà trông nghe cho nhau, đem tay chân khoẻ mạnh làm lụng cho nhau, mà kẻ đạo lí thì hết lòng dạy bảo lẫn nhau. Cho nên người già nua mà không có vợ con thì được săn sóc, nuôi nấng cho trọn tuổi trời; trẻ em không có cha mẹ thì có chỗ nương tựa, được nuôi tới lớn"…

(*Dĩ thông nhĩ minh mục tương vi thị thính hồ! Thị dĩ cố quăng tất cường tương vi động qui cử*[76] *hồ! Nhi hữu đạo tứ tương giáo hối. Thị dĩ lão nhi vô thê tử giả, hữu sở thị dưỡng dĩ chung kì thọ, ấu nhược cô đồng chi vô phụ mẫu giả, hữu sở phóng y dĩ trưởng kì thân hồ*[77]). – *Kiêm ái* hạ.

Thật là "lô gích": loạn do tự tư tự lợi mà sanh, dẹp lòng tự tư tự lợi đi mà yêu mọi người như chính mình, làm lợi cho mọi người như cho chính mình thì tất hết loạn, mà làm lợi cho mọi người thì cũng là làm lợi cho cá nhân mình. Vậy mà nhiều "kẻ sĩ trong thiên hạ" lại chê bai thuyết của Mặc, khiến ông phải bực mình, không hiểu tại sao.

Thiên *Kiêm ái* thượng chỉ trình bày vắn tắt thuyết đó thôi, hai thiên trung và

hạ chép thêm những lời chê bai và những lời đáp của ông. Các kẻ sĩ trong thiên hạ đó vạch ra bốn nhược điểm: kiêm ái là việc khó làm; dùng không được; không hợp đạo làm con; không hợp tình người.

a/ Khó làm

Thiên *Kiêm ái* trung chép:

"Những kẻ sĩ quân tử ngày nay bảo: "Phải, gồm yêu lẫn nhau thì tốt đấy, nhưng việc đó không thể làm được. Nó khó như xách núi Thái Sơn nhảy qua sông [Hoàng] Hà, sông Tể (một chi nhánh của sông Hoàng Hà) vậy".

Mặc tử đáp:

"So sánh như vậy không đúng. Xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông Hà, sông Tể là việc cần có sức mạnh, [chân] nhanh, [tay] cứng, từ xưa tới nay chưa ai làm được. Còn việc yêu với nhau, làm lợi lẫn cho nhau thì khác hẳn, thánh vương đời xưa đã làm rồi đấy".

(*Thị phi kì thí dã. Phù khiết Thái Sơn nhi việt Hà, Tế, khả vị tật*[78] *kính*[79] *hữu lực hĩ; tự cổ cập kim vị hữu năng hành chi giả dã. Huống hồ kiêm tương ái, giao tương lợi, tắc thử dữ dị; cổ giả thánh vương hành chi*[80]).

Rồi Mặc dẫn việc vua Vũ nhà Hạ trị thuỷ, trừ lụt, khơi sông, đắp đê làm lợi cho các rợ Yên, Đại, Hồ, Lạc ở phía Tây, cho dân Kí Châu ở phía Đông, cho các nước Sở, Việt ở phía Nam; việc vua Văn vương nhà Chu cai trị miền Tây, bênh vực các nước nhỏ, săn sóc các người già yếu, cô quả; việc vua Võ vương nhà Chu lựa người hiền giúp mình để cứu dân đời Thương Hạ. Mấy thánh vương đó đều gồm yêu thiên hạ.

Trong *Kiêm ái* hạ, Mặc còn dẫn những lời trong *Thương Thư* (thiên *Thái thệ* và thiên *Vũ thệ*) chép về Văn vương, vua Vũ nhà Hạ.

Có người lại bảo thánh vương làm được, nhưng kẻ sĩ và dân chúng khó làm được. Ông đáp: "Vì các bậc sĩ quân tử không biết cái lợi, hiểu các nguyên nhân đấy. Nay cái việc đánh thành, giao chiến ngoài đồng, tự giết thân mình để được danh tiếng, trăm họ trong thiên hạ đều cho là khó, mà khi ông vua đã thích thì dân chúng cũng làm được, huống hồ là việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, có khó gì đâu. Hễ yêu người thì người tất yêu lại mình, làm lợi cho người thì người tất làm lợi lại cho mình, hễ ghét người thì người tất ghét lại mình, hại người thì người tất hại lại mình. Chỉ vì người trên không dùng kiêm ái làm chính sách, cho nên kẻ sĩ không coi đó là nết của mình đấy thôi"

(*Thiên hạ chi sĩ quân tử, đặc bất thức kì lợi, biện kì cố dã. Kim nhược phù công thành dã chiến, sát thân vị danh, thử thiên hạ bách tính chi sở giai nan dã;*

cẩu quân duyệt chi, tắc sĩ chúng năng vi chi. Huống ư kiêm tương ái, giao tương lợi, tắc dữ thử dị. Phù ái nhân giả, nhân tất tòng nhi ái chi, lợi nhân giả, nhân tất tòng nhi lợi chi, ố nhân giả, nhân tất tòng nhi ố chi, hại nhân giả, nhân tất tòng chi hại chi. Thử hà nan chi hữu? Đặc thượng phất dĩ vi chính, sĩ bất dĩ vi hạnh cố dã[81]) – *Kiêm ái* trung.

Mặc cũng lại dẫn việc xưa để chứng thực: Vua Văn công nước Tấn thích những kẻ sĩ bận áo xấu, cho nên bề tôi cũng bận áo xấu để bệ kiến và ngồi triều. Vua Linh vương nước Sở thích kẻ sĩ lưng thon, nên bề tôi chỉ ăn mỗi ngày một bữa, chưa đầy một năm, triều thần đều xanh xao. Vua Câu Tiễn nước Việt thích dũng sĩ, và bề tôi đều thành dũng sĩ, xô đẩy nhau, lăn xả vào cứu một chiếc thuyền bị cháy, đạp lửa mà chết có tới trăm người. Nhịn ăn, bận áo xấu, tự sát thân để được tiếng, những việc đó trăm họ đều cho là khó, vậy mà vua thích thì dân chúng cũng làm được. Tóm lại hễ vua thích thì dân theo.

b/ Không dùng được

Có người lại bảo: "Đạo kiêm ái tốt thật, nhưng dùng được không?" Mặc tử đáp: "Nếu không dùng được thì ngay tôi đây cũng chê. Vả lại, đâu có cái gì tốt mà không thể dùng được bao giờ".

(*Dụng nhi bất khả, tuy ngã diệc tương phi chi. Thả yên hữu thiện nhi bất khả dụng giả*[82]) – *Kiêm ái* hạ.

Chúng ta thấy Mặc có tinh thần thực tiễn; ông đưa ra một thí dụ cụ thể để chứng tỏ rằng thuyết của mình dùng được. Ông thí dụ có hai kẻ sĩ, một kẻ chủ trương "Biệt" – ông gọi là Biệt sĩ – không yêu thân bạn như thân mình, người thân của bạn như người thân của mình, thấy bạn đói rét cũng mặc, đau ốm không săn sóc cho mà chết cũng không chôn cho; một kẻ chủ trương "Kiêm" ngược lại, coi thân bạn như thân mình, người thân của bạn như người thân của mình, bạn đói rét thì giúp cơm giúp áo, bạn đau ốm thì săn sóc, thuốc thang, bạn chết thì chôn cất tử tế. Rồi ông nói: "Nay có người sắp ra trận không biết sống chết ra sao, hoặc sắp phải đi xa không biết bao giờ về, thì người đó gởi gấm nhà cửa, vợ con cho người bạn chủ trương "Biệt" hay người bạn chủ trương "Kiêm"? Tôi cho rằng trường hợp đó, dù là ngu phu ngu phụ, ngay cả kẻ chê đạo kiêm ái cũng sẽ gởi gấm gia đình cho người bạn chủ trương Kiêm".

Người bác bẻ ông hỏi vặn thêm: "Phải, chọn kẻ sĩ chủ trương Kiêm thì được chứ làm sao chọn vua chủ trương Kiêm được?"

Câu hỏi đó quan trọng, nêu lên một vấn đề căn bản về chính trị. Chúng ta đã biết, theo truyền thuyết thì trước vua Vũ nhà Hạ, Trung Hoa theo chế độ truyền

hiền –ngôi vua truyền lại cho người hiền: Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, Thuấn truyền ngôi cho Vũ, Thuấn và Vũ đều là những người hiền, có công lao với dân, được dân kính trọng, tin cậy, chứ không phải là con của Nghiêu hoặc của Thuấn; rồi từ vua Vũ trở đi, ngôi vua mới truyền tử – truyền cho con là Khải. Tới thời Mặc tử, chế độ truyền tử đó đã thi hành được trên ngàn rưỡi năm, chưa có dấu hiệu gì bị lung lay cả. Dân chúng may thì gặp ông vua tốt, chẳng may thì gặp ông vua xấu (mà hạng vua xấu thời nào cũng nhiều), vậy dân làm sao lựa được vua?

Trong một chương sau (về ý trời) ông gián tiếp trả lời câu đó; và ở đây, thì *Kiêm ái* hạ, ông tránh né, chỉ đáp đại ý rằng ai cũng muốn lựa ông vua chủ trương Kiêm ái.

Ông cũng đưa ra một thí dụ: có một ông vua chủ trương Kiêm – Kiêm vương – "đặt thân của vạn dân trước thân của mình", săn sóc cho họ khỏi phải đói rét, và một ông vua chủ trương Biệt – Biệt vương – cho rằng không thể coi thân của vạn dân như thân của mình được "cái đó trái với tình người quá mà" (*thử đại*[83] *phi thiên hạ chi tình dã*), để cho dân đói rét, chết không cho cất cho, rồi ông hỏi gặp năm đói rét, có bệnh dịch thì nên chọn ông vua nào: tất nhiên là chọn ông chủ trương kiêm.

c/ Không hợp đạo làm con

Vì lo cho cha mẹ người như lo cho cha mẹ mình thì "không được lợi cho cha mẹ mình mà có hại cho đại hiếu".

Mặc đáp: Mình có yêu và có làm lợi cho cha mẹ người thì người mới đáp lại, yêu và làm lợi cho cha mẹ ta. Rồi ông dẫn tới thiên *Đại nhã* trong *Kinh Thi*: "Không một lời nào, một ân đức nào mà không được đền đáp; ném cho tôi một quả đào, tôi sẽ ném lại cho quả mận"

(*Vô ngôn nhi bất thụ*[84]*, vô đức nhi bất báo, đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lí*) – *Kiêm ái* hạ.

Mặc tử có lí một phần, và Mạnh tử trong thiên *Đằng văn Công* hạ – bài 9, mắng ông: "Họ Mặc kiêm ái, tức là không cha, không cha… thì là cầm thú" (*Mặc thị kiêm ái, thị vô phụ dã, vô phụ… thì cầm thú dã*[85]).

d/ Không hợp tình người

Ở đoạn b/ – chúng tôi mới dẫn câu: "*Thử đại phi thiên hạ chi tình dã*" trong thiên *Kiêm ái* hạ. Câu đó chứng tỏ rằng Mặc tử biết có nhiều người cho đạo Kiêm ái của ông không hợp tình người, nhưng ông không đáp.

Trong thiên *Canh Trụ*, bài 8, Vu Mã tử đặt hẳn vấn đề với ông một cách rất minh bạch. Vu bảo:

"Tôi khác thầy, tôi không yêu gồm mọi người được. Tôi yêu người nước Trâu hơn người nước Việt, yêu người nước Lỗ hơn người nước Trâu, người làng tôi hơn người nước Lỗ, yêu người nhà tôi hơn người làng tôi, yêu cha mẹ tôi hơn người nhà tôi, tôi yêu thân tôi hơn cha mẹ tôi; càng gần thì tôi càng yêu. Ai đánh tôi thì tôi thấy đau, nếu người khác thì tôi không thấy đau. Căn cớ gì mà người làm cho tôi đau thì tôi không kháng cự, còn người không làm tôi đau, tôi lại kháng cự? Cho nên tôi có thể giết người để làm lợi cho tôi chứ tôi không thể giết tôi để làm lợi cho người".

Vu Mã Kì đưa ra hai điểm: 1- tình chung của con người là yêu mình hơn yêu người, yêu người thân hơn yêu người sơ; 2- tình của con người là tự tư tự lợi, ích kỉ.

Mặc tử không đáp điểm 1, mà đáp điểm 2: "nếu cả thiên hạ theo thuyết của ông – tức thuyết tự tư tự lợi – thì cả thiên hạ sẽ muốn giết ông để thoả mãn lòng họ", còn như "nếu cả thiên hạ đều không theo thuyết của ông thì cả thiên hạ [cũng] sẽ muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành. [Vậy] người theo ông muốn giết ông mà người không theo ông cũng muốn giết ông, thuyết của ông rốt cuộc chỉ gây hoạ cho thân ông thôi".

Về điểm 2 đó, Mặc tử có lí trên nguyên tắc: như chương trên chúng tôi đã nói, ông thấy bản tính con người chỉ là nghĩ tới mình, ông khuyên người ta phải yêu nhau, làm lợi cho nhau, diệt tính ích kỉ đó đi.

Còn điểm 1 thì ông không đáp được. Đó chính là khuyết điểm của thuyết Kiêm ái[86].

So sánh đạo Nhân của Nho và đạo Kiêm ái của Mặc

Thiên *Công Mạnh*, bài 15 Mặc tử nói chuyện với Trình tử, chê đạo Nho có bốn điểm làm mất thiên hạ: cho Trời là không sáng suốt, cho quỉ là không thiêng; chôn cất hậu hĩ, để tang lâu; thích đờn ca, múa hát; cho rằng có số mạng, trị loạn, yên nguy đều đã định trước, không sửa đổi được. Có lẽ vì những lời chê đó mà Mạnh tử bất bình, mạt sát Mặc tàn nhẫn, cho là quân "không cha". Nhưng cũng thiên đó, bài 16, Mặc lại khen Khổng tử, khiến Trình tử ngạc nhiên, hỏi vặn:

- Đã chê Nho sao còn khen Khổng tử?

Mặc đáp:

- Vì thuyết của ông ấy có chỗ đúng, không thể sửa đổi được (…), có chỗ đúng

thì sao không khen?

Trong bài không nói đúng ở chỗ nào, chúng ta chỉ biết một điều này: không khi nào Mặc chê đạo Nhân của Khổng tử cả, và trong hai thiên *Kiêm ái* trung và hạ, Mặc thường hay nêu gương kiêm ái của vua Vũ nhà Hạ, vua Văn, vua Võ nhà Chu, tức những người mà đạo Nho cho là thánh vương có lòng nhân, thương dân như con. Vậy có lẽ Mặc tử đã dùng thuyết Nhân của Khổng mà sửa lại thành thuyết Kiêm ái. Hàn Dũ đời Đường có lí khi bảo rằng Mặc tử tất dùng [học thuyết] của Khổng tử (*Mặc tất dụng Khổng tử*).

Ôn lại thuyết "nhân" của Khổng tử, chúng ta thấy thuyết đó với thuyết kiêm ái có nhiều điểm giống nhau.

Thiên *Nhan Uyên*, bài 21, một môn sinh là Phàn Trì hỏi thế nào là "nhân", Khổng tử đáp "Ái nhân" (yêu người). Vậy *nhân* tức là *ái* rồi.

Cũng thiên đó, bài 2, Trọng Cung hỏi thế nào là nhân, ông đáp: "*Kỉ sở bất dục vật thi ư nhân*[87]": điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người.

Thiên Ung dã, bài 28, Tử Cống hỏi về nhân, ông đáp: "Người nhân, hễ mình muốn thành lập thì cũng lo thành lập cho người; mình muốn thông đạt, thì cũng cho người thông đạt; suy từ gần (tức lòng mình) để biết xa (tức lòng người). (*Phù nhân giả, kỉ dục lập nhi lập nhân, kỉ dục đạt nhi đạt nhân, năng cận thủ thí*[88]).

Tóm lại là cái gì mình muốn thì làm cho người; cũng như Mặc nói "giao tương lợi" vậy.

Thiên *Vệ Linh công*, bài 8, Khổng tử bảo: "Người có lòng nhân… có thể tự mình quyên sinh để giữ tròn đức nhân… sát thân để thành nhân". Tinh thần hi sinh đó không khác tinh thần của Mặc tử.

Đoạn trên, bài 28 thiên *Ung dã* cho ta thấy rõ hơn nữa Khổng và Mặc rất gần nhau:

"Tử Cống hỏi: Như có người thi ân cho khắp dân gian, lại hay cứu giúp cho đại chúng, thì người ấy thế nào, có thể gọi là người nhân được không?" Khổng tử đáp: "Sao chỉ gọi là người nhân thôi? Phải gọi là bậc thánh chứ. Vua Nghiêu, vua Thuấn cũng khó được như vậy".

(*Tử Cống viết: Như hữu bác thí ư dân nhi năng tế chúng, hà như? Khả vị nhân hồ? Tử viết: Hà sự ư nhân? Tất dã thánh hồ. Nghiêu, Thuấn kì do bệnh chư!*[89]). "Bác thí ư dân" tức là lòng bác ái, nhà Nho cũng gọi là *phiếm ái* (*Luận ngữ, Thuật nhi*, bài 6), Mặc gia gọi là Kiêm ái. Mà Nghiêu, Thuấn là những mẫu người đức nhân cao, chung cho cả Nho lẫn Mặc.

Tuy nhiên nhân và kiêm ái, xét kĩ vẫn có chỗ khác nhau.

- **a/** Nhân vẫn phân biệt mình và người, "do kỉ cập nhân", lấy mình làm khởi điểm, mà khuếch sung lần lần tới người, từ người thân tới người sơ, từ gần tới xa, nghĩa là có đẳng cấp, như Vu Tử Kì trong bài 18 thiên *Canh Trụ*. Kiêm ái thì không phân biệt mình và người, coi ai cũng như mình, người thân của người cũng như người thân của mình, không có riêng tư, với mọi người cùng vui cùng khổ. Vì vậy mà Mạnh tử chê Mặc gia không có tình cha con, như cầm thú cả; và một môn sinh của Mặc tử, Di Chi, đồng thời với Mạnh tử, tìm cách sửa lại thuyết kiêm ái:

Thiên *Đằng Văn công* thượng, bài 5, chép: [Di] Chi cho rằng kiêm ái không phân biệt đẳng cấp, nhưng bắt nguồn từ người thân: "*Chi tắc dĩ vi ái vô sai đẳng, thư do thân thuỷ*[90]", nghĩa là ai cũng yêu ngang nhau cả, nhưng yêu cha mẹ mình trước đã. Từ đó Mặc học mới lập ra thuyết "luân liệt". Thuyết này được chép trong thiên *Đại thủ* sách *Mặc kinh*:

"Nghĩa đáng dày thì cho ta dày, đáng mỏng thì cho ta mỏng, như vậy gọi là "luân liệt". Bậc đức hạnh, bậc vua và bậc trên, bậc lão trưởng, thân thích, đó đều là cái nghĩa đáng dày. Nên hậu với bậc già, không nên bạc với bọn trẻ (nghĩa là người già và trẻ con đáng giúp trước hết); bậc thân mà gần thì nên hậu, thân mà xa thì nên bạc hơn, thân thì nên đến cùng cực, bạc thì không nên đến cùng cực".

(*Nghĩa khả hậu, hậu chi; nghĩa khả bạc, bạc chi, vị luân liệt. Đức hạnh, quân thượng, lão trưởng, thân thích giai sở hậu dã. Vị trưởng hậu, bất vị ấu bạc, thân hậu hậu, thân bạc bạc, thân chí, bạc bất chí*[91]).

Nhưng cũng trong thiên Đại thủ đó lại nhấn mạnh: "Yêu thì không có hậu, bạc" – (*Ái vô hậu bạc*). Nghĩa là Đại thủ phân biệt *ái* và *nghĩa*: yêu thì yêu như nhau, không vì tư ý tư tình mà phân biệt hậu bạc, còn cái nghĩa – cái việc đáng làm, cái việc giúp đỡ – thì phân biệt hậu bạc. Như gặp trường hợp đói kém, cả tỉnh thiếu ăn, mình có dư lúa, họ hàng và người xa lạ tới xin, mình không thể tới giúp được thì mình giữ lại cho cha mẹ vợ con một số đã, còn dư sẽ giúp cho người trong họ, rồi mới tới người xa lạ, giúp người có đức hạnh trước rồi mới tới người kém đức hạnh.

Như vậy là Mặc vì phương tiện không đủ đã phải hơi quay về Khổng học, nhưng cũng chỉ nhượng bộ Nho giáo tới đó thôi, còn thì vẫn giữ chủ trương rằng thương yêu thì phải đồng đều cả.

Mạnh tử vẫn bác, bảo như vậy không hợp tình người. Ông nhắn Di Chi: "Trời sinh ra con người, khiến cho chỉ có một gốc mà thôi (tức cha mẹ và người trong

dòng họ mình) mà Di tử dường như cho có hai gốc (cha mẹ, thân tộc và kẻ xa lạ), lầm ở chỗ đó" – *Đằng Văn công* thượng, bài 5.

- Mặc gia không đáp, không nhượng bộ thêm nữa, vì nếu nhượng bộ thêm thì kiêm ái y hệt nhân mất rồi, còn khác gì đâu; vả lại Mặc muốn sửa tính người, tình người chứ đâu chỉ muốn hợp tình người. Do đó mà lòng hi sinh của Mặc gia cao hơn Nho gia: Dù chặt ngón tay, cánh tay mà có lợi cho thiên hạ thì cũng không do dự! (*Đoạn chi đoạn uyển, lợi ư thiên hạ tương nhược, vô trạch dã, tử sinh lợi, nhược nhất vô trạch dã*[92] – *Đại thủ*). Tinh thần đó thật vĩ đại.

- Mặc tử ở trong giai cấp tiện nhân, muốn xoá bỏ mọi đẳng cấp, môn sinh đời sau sửa đổi thuyết của ông như vậy chưa chắc đã hợp ý ông. Có thể ông không hiểu rằng phải tổ chức lại xã hội, phải trở lại chế độ cộng sản nguyên thuỷ, diệt bỏ tư sản thì mới thi hành kiêm ái ở khắp nơi được; còn như xã hội Trung Hoa thời ông, cá nhân muốn kiêm ái thì phải đừng có gia đình, số người như vậy rất ít, ông cảm hoá được trên ba trăm môn sinh, khiến họ hi sinh như ông; đáng kể là tài; mà đạo ông truyền được vài trăm năm, tranh giành ảnh hưởng với Nho, đáng kể là lâu.

Ngoài điểm quan trọng kể trên, kiêm ái còn khác nhân ở điểm sau này nữa.

- **b/** Bậc nhân chú trọng đến sự xúc tiến đạo đức của người khác, còn bậc kiêm giả chú trọng đến sự cứu giúp vật chất nhiều hơn. Khổng tử cho đức nhân gồm nhiều đức khác: lễ nghĩa, trung, thứ, hiếu, đễ, cả trí, dũng nữa…; ông muốn dạy ta cách xử thế, trau giồi tình cảm, còn Mặc hễ nói đến kiêm ái thì chỉ kèm theo ba chữ "giao tương lợi", chỉ muốn dùng lí trí để thuyết phục ta tìm cái lợi cho mình trong cái lợi chung của mọi người. Khổng muốn bồi dưỡng cái phần "thiện" trong bản tính của ta, còn Mặc chỉ muốn diệt cái phần ác (ham tư lợi, vị kỉ, tranh giành nhau) trong bản tính của ta. Khổng trọng lí tưởng, Mặc trọng thực tiễn. Vì vậy mà trên hai ngàn năm nay ai cũng ngưỡng mộ tinh thần hi sinh vô bờ bến của Mặc, nhưng vẫn thích thuyết nhân của Khổng hơn thuyết kiêm ái của Mặc.

CHƯƠNG IV
MẠT SÁT CHIẾN TRANH XÂM LĂNG

Yêu nhau là cái lợi lớn của thiên hạ, tranh nhau là cái hại lớn của thiên hạ. Đã đề cao đạo kiêm ái thì Mặc tử cũng mạt sát sự dùng võ lực để xâm lược nước khác, do đó mà có ba thiên *Phi công*, và nhiều đoạn trong các thiên *Thiên chí, Canh Trụ, Lỗ vấn*…

Ở Trung Hoa chỉ có bọn Pháp gia là chủ trương thượng võ đến triệt để: Thương Ưởng và Hàn Phi đều cho rằng nước Sở dễ được trọng… là nhờ sức mạnh (*Quốc chi sở dĩ trọng… lực dã – Thương Ưởng*); sức mình mạnh thì người ta triều phục mình, sức mình yếu thì mình triều phục người, cho nên bậc minh quân cần chăm sóc về sức mạnh (*Lực đa tắc nhân triều, lực quả tắc triều ư nhân; cố minh quân vụ lực – Hàn Phi*).

Còn Khổng, Lão, Mặc đều ghét chiến tranh. Lão cho việc binh là việc chẳng lành, không phải là việc của người quân tử… Đắc thắng mà cho là hay tức là thích giết người… Cuộc chiến thắng phải xử bằng lễ tang ma (*Binh giả, bất thường chi khí, phi quân tử chi khí… Thắng… nhi mĩ chi giả, thị lạc sát nhân… Chiến thắng, dĩ tang lễ xử chi*[93]).

Khổng tử đáp Vệ Linh công khi Linh công hỏi về chiến trận: "Việc cúng tế ở tôn miếu thì tôi được nghe, còn việc bày binh bố trận thì tôi chưa từng học (*Trở đậu chi sự, tắc thường văn chi hĩ; quân lữ chi sự, vị chi học dã – Vệ Linh công* – 1).

Mạnh tử bảo: "Đánh nhau để tranh đất, giết người đầy đồng, đánh nhau để tranh thành, giết người đầy thành, như thế gọi là đem đất ăn thịt người, xử tử còn chưa hết tội. Cho nên kẻ thiện chiến thì chịu tội nặng nhất" (*Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã; tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành; thử sở vị suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tôi bất dong ư tử. Cố thiện chiến giả, phục thượng hình… – Li Lâu thượng*, bài 14).

Mặc tử hơn mấy nhà trên ở chỗ, ông trình bày một cách rành mạch, đầy đủ hơn những lí lẽ để thuyết phục các chư hầu, đừng đánh chiếm nước người, rồi hô hào các nước hợp lực nhau cứu các nước bị xâm lăng, nhất là còn đích thân cứu nước Tống nữa.

Ông nhận thấy các nước lớn xâm chiếm các nước nhỏ vì hai lí do: ham lợi và ham danh.

Ông giảng cho họ thấy rằng không có lợi gì cả, hoặc có thì lợi bất cập hại.

Thiên *Phi công* trung, ông bảo:

“Dấy binh vào mùa đông thì sợ lạnh, vào mùa hè thì sợ nóng, cho nên phải tránh hai mùa đó; mà dấy binh vào mùa xuân thì bắt dân phải bỏ việc cày cấy trồng trọt, vào mùa thu thì dân phải bỏ việc gặt hái, cho nên phải tránh hai mùa đó. Dân phải bỏ một mùa thì trăm họ chết đói chết rét không biết bao nhiêu mà kể. Nay thử tính xem, hễ xuất quân thì tên tre, cờ lọng, màn trướng, áo giáp, mộc lớn, mộc nhỏ, dao mác tổn hại, hư nát, mất mát không thu hồi được, không biết bao nhiêu mà kể, lại thêm bò ngựa khi xuất quân thì mập, về thì gầy, hoặc chết không về được, không biết bao nhiêu mà kể; lại thêm đường xá xa xôi, lương thực tiếp tế không được, thiếu thốn, trăm họ chết không biết bao nhiêu mà kể; do ăn uống không được yên ổn, ăn uống thất thường, lúc no quá, lúc đói quá, không điều độ, nên trăm họ bị bệnh mà chết không biết bao nhiêu mà kể.

“…Nay tấn công một lớp thành trong (chu vi) ba dặm, một lớp thành ngoài (chu vi) bảy dặm, không dùng khí giới cứng và sắc, không giết nhiều người thì làm sao mà thắng được? Giết người, nhiều thì hằng vạn, ít cũng hằng ngàn rồi mới chiếm được lớp thành trong ba dặm, lớp thành ngoài bảy dặm. Nay một nước có một vạn cỗ xe thì số thành có trên ngàn, không vào cho xuể được, số đồng ruộng có trên vạn, không thể chiếm hết được; như vậy là đất đai (của người) có dư, mà binh sĩ (của mình) không đủ. Bắt binh sĩ của mình phải chết hết, gây tai hoạ cho người trên kẻ dưới để tranh thành, tức là khinh bỏ cái không đủ (binh sĩ của mình) mà trọng cái dư (đất đai của người), theo chính sách đó đâu phải là biết lo việc nước”.

Có người bác: Đánh chiếm nước người có lợi chứ. Chứng cớ là các nước Sở, Ngô ở phương Nam, Tề, Tấn ở phương Bắc, hồi mới được phong làm chư hầu trong thiên hạ, đất đai chỉ được vài trăm dặm vuông, số dân chỉ được và chục vạn; sau nhờ đánh chiếm nước khác mà đất đai được vài ngàn dặm, số dân tăng lên tới mấy triệu.

Mặc tử đáp:

“Tuy bốn năm nước được lợi đấy, tôi vẫn cho rằng như vậy không phải là theo đạo. Cũng tỉ như nghề dùng thuốc trị bệnh; nay có một y sĩ dùng cả thuốc và bùa phép trị bịnh cho thiên hạ; một vạn người dùng thuốc mà chỉ có bốn năm người được lợi (khỏi bịnh) thì tôi vẫn cho như vậy không phải là biết làm nghề thuốc”.

Rồi Mặc tử kể rất nhiều nước nhỏ bị tiêu diệt vì chính sách xâm lược đó. Nhất là có lợi thì chỉ lợi cho bọn vua chúa chứ tai hại cho dân của cả nước thắng lẫn nước bại.

Vả lại, có lợi cho nước thắng thì cũng chỉ nhất thời, rốt cuộc cái hoạ cũng “trở ngược về họ”. Trong *Phi công* trung, ông dẫn hai thí dụ: Ngô vương Phù Sai diệt

nước Việt, sau bị Việt Câu Tiễn quật lại; Trí Bá nước Tấn chiếm đất đai của hai họ Trung Hàng[94] và Phạm, sau bị liên quân của ba họ Hàn, Triệu, Nguỵ diệt.

Ông kể lại hai vụ đó cho Hạng Tử Ngưu (một viên tướng của nước Tề) nghe để ngăn Hạng đánh Lỗ:

"Tề đánh Lỗ là lầm lớn. Xưa Ngô [Phù Sai] đem quân qua Đông đánh nước Việt, xua quân của Việt vương [Câu Tiễn] lên núi Cối Kê, phía Tây đánh Sở, giữ Chiêu vương ở đất Tuỳ; phía Bắc đánh Tề, bắt thái tử Quốc của Tề đem về Ngô; sau chư hầu báo thù, dân chúng Ngô ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được (không ham đánh), vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự.

"Xưa Trí Bá đánh họ Phạm và họ Trung Hàng, gồm đất của ba nhà nước Tấn (tức Trí, Phạm, Trung Hàng), làm một; sau chư hầu báo thù, dân chúng ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được, vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự. Cho nên nước lớn đánh nước nhỏ là hại lẫn nhau, cái hoạ tất trở ngược về nước mình"… (*Đại quốc chi công tiểu quốc dã, thị giao tương tặc dã, hoạ*[95] *tất phản ư quốc – Lỗ vấn* 2).

Vậy xâm chiếm nước người là bất lợi cho nước mình, bất lợi cho dân; ngoài ra còn bất lợi cho trời và quỉ thần nữa, vì dân là của trời (thiên dân), ta giết người tức giết dân của trời, trời tất ghét, phạt ta… (*Phi công* hạ); mà dân chúng chết nhiều, quỉ thần mất nhiều kẻ tế lễ cho mình (*Phi công* trung).

Tống Hình[96], một Mặc gia đời sau, muốn đem thuyết "bất lợi" đó thuyết phục vua Sở và vua Tần đừng xua quân đánh nhau nữa, gặp Mạnh tử kể việc mình định làm. Mạnh tử bảo không nên đem lợi và hại ra bàn và khuyên chỉ đem nhân nghĩa ra mà thuyết phục (*Cáo tử* hạ – 4).

Chính Mặc tử cũng đã nghĩ tới lí do "vì nhân nghĩa" đó, và ông dùng nó để thuyết những kẻ ham cái danh thắng người.

Phi công trung, ông bảo: "Xét cái danh thắng người thì nó không dùng vào việc gì" (*Kế kì sở tự thắng, vô sở khả dụng dã*).

Phi công thượng, ông còn nặng lời mạt sát là ngu, là bất nhân bất nghĩa nữa. Thiên đó rất ngắn, nội dung khác hẳn hai thiên trung, hạ, chỉ nói về nhân nghĩa, được mọi người cho là hay và quan trọng bậc nhất trong bộ *Mặc tử,* vì ý tưởng xác đáng mà lời lại hùng hồn, lôi cuốn. Chúng tôi xin chép lại dưới đây nguyên văn cùng bản dịch:

(*Kim hữu nhất nhân nhập nhân viên phố, thiết kì đào lí, chúng văn tắc phi chi, thượng vi chính giả, đắc tắc phạt chi. Thử hà dã? Dĩ khuy nhân tự lợi dã. Chí nhương nhân khuyển thỉ kê đồn giả kì bất nghĩa hựu thậm nhập nhân viên phố,*

thiết đào lí. Thị hà cố dã? Dĩ kì khuy nhân dũ đa. Cẩu khuy nhân dũ đa, kì bất nhân tư thậm, tội ích hậu. Chí nhập nhân lan cứu, thủ nhân mã ngưu giả, kì bất nhân nghĩa hựu thậm nhương nhân khuyến thỉ kê đồn. Thử hà cố dã? Dĩ kì khuy nhân dũ đa. Cẩu khuy nhân dũ đa, kì bất nhân tư thậm, tội ích hậu. Chí sát bất cô nhân dã, đà kì y cừu, thủ qua kiếm giả, kì bất nghĩa hựu thậm nhập nhân lan cứu thủ nhân mã ngưu. Thử hà cố dã? Dĩ kì khuy nhân dũ đa. Cẩu khuy nhân dũ đa, kì bất nhân tư thậm hĩ, tội ích hậu. Đương thử thiên hạ chi quân tử, giai tri nhi phi chi vị chi bất nghĩa, kim chí đại vi bất nghĩa, công quốc, tắc phất tri phi tòng nhi dự chi, vị chi nghĩa, thử khả[97] *vị tri nghĩa dữ bất nghĩa chi biệt hồ?*

Sát nhất nhân, vị chi bất nghĩa, tất hữu nhất tử tội hĩ. Nhược dĩ thử thuyết vãng, sát thập nhân, thập trọng bất nghĩa, tất hữu thập tử tội hĩ, sát bách nhân bách trọng bất nghĩa, tất hữu bách tử tội hĩ. Đương thử thiên hạ chi quân tử giai tri nhi phi chi vị chi bất nghĩa; kim chí đại vi bất nghĩa công quốc tắc phất tri nhi phi, tòng nhi dự chi, vi chi nghĩa, thành[98] *bất tri kì bất nghĩa dã, cố thư kì ngôn dĩ di hậu thế; nhược tri kì bất nghĩa dã, phù hề thuyết thư kì bất nghĩa dĩ di hậu thế tai?*

Kim hữu nhân ư thử, thiểu kiến hắc viết hắc, đa kiến hắc viết bạch, tắc tất dĩ thử nhận vi bất tri bạch hắc chi biện hĩ, thiểu thường khổ viết khổ, đa thường khổ viết cam, tắc tất dĩ thử nhân vi bất tri cam khổ chi biện hĩ? Kim tiểu vi phi tắc tri nhi phi chi, đại vi phi công quốc, tắc bất tri nhi phi, tòng nhi dự chi, vị chi nghĩa. Thử khả vị tri nghĩa dữ bất nghĩa chi biện hồ? Thị dĩ tri thiên hạ quân tử dã, biện nghĩa dữ bất nghĩa chi loạn dã)[99].

PHI CÔNG (thượng)

(Mạt sát sự đánh chiếm nước người)

Nay có một kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận, ai nghe thấy cũng chê, nhà cầm quyền biết được thì trừng phạt. Tại sao vậy? Tại kẻ ấy lấy của người làm lợi cho mình. Đến khi cướp gà, chó, heo của người ta thì việc bất nghĩa còn nặng hơn vào vườn hái trộm đào, mận. Tại sao vậy? Tại làm thiệt hại cho người ta nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến khi vào chuồng bò, chuồng ngựa bắt bò, ngựa của người ta thì việc bất nhân, bất nghĩa lại nặng hơn là cướp gà, chó, heo của người ta. Tại sao vậy? Tại làm hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại cho người ta nhiều hơn thì sự bất nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Đến như giết người vô tội để lột áo vải áo da, lấy ngọn mác, thanh kiếm của người ta thì việc bất nghĩa còn nặng hơn vào chuồng bò, chuồng ngựa, bắt bò, ngựa của người ta. Tại sao vậy? Tại làm hại cho người ta nhiều hơn. Làm hại nhiều hơn thì sự bất nhân nhiều hơn, tội nặng hơn. Những việc đó các bậc quân tử trong thiên hạ đều biết là quấy

mà chê, bảo là bất nghĩa; nay cái việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người lại không biết chê là quấy, còn khen nữa, bảo là nghĩa. Như vậy có thể bảo là phân biệt được nghĩa với bất nghĩa không?

Giết một người thì bảo là bất nghĩa, chỉ chịu một tội chết. Cứ theo đó mà suy, giết mười người thì bất nghĩa gấp mười, tức phải chịu mười tội chết, giết trăm người thì bất nghĩa gấp trăm, tất phải chịu trăm tội chết. Những việc đó các bậc quân tử trong thiên hạ đều biết là quấy mà chê, bảo là bất nghĩa. Nay cái việc đại bất nghĩa là đánh chiếm nước người thì không biết là quấy, lại còn khen, bảo là nghĩa. Họ quả thực không biết là bất nghĩa, nên mới chép công lưu lại đời sau; chứ nếu biết là bất nghĩa thì sao lại chép mà lưu lại đời sau?

Nay có người nọ thấy đen ít bảo là đen, thấy đen nhiều lại bảo là trắng, như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đen và trắng; thấy đắng ít thì bảo là đắng, mà thấy đắng nhiều thì bảo là ngọt, như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đắng và ngọt. Nay làm đều quấy nhỏ thì biết mà chê; làm điều quấy lớn là đánh chiếm nước người thì không biết mà chê, lại còn khen, bảo là nghĩa. Như vậy, có thể bảo là phân biệt được nghĩa và bất nghĩa không? Vì vậy mà tôi biết rằng các bậc quân tử trong thiên hạ loạn hết rồi trong việc phân biệt nghĩa và bất nghĩa".

Sau này Mạnh tử bảo: "*Thiện chiến giả, phục thượng hình*"[100] cũng chỉ là diễn ý đó của Mặc. Mặc còn hai lần bắt các vua chúa đương thời nhận mình là có thói ăn trộm nên mới đánh chiếm nước nhỏ: một lần ông nói với Lỗ Dương Văn Quân[101] – thiên *Canh Trụ* 19, và một lần nói với vua Sở – thiên *Công Thâu*.

Lần trên, ông bảo Lỗ Dương Văn Quân:

"Một người có nhiều cừu, bò, loài ăn lúa và ăn cỏ, người bếp sắn tay áo mổ, cắt, nấu nướng cho, ăn không hết, vậy mà thấy người khác có bánh sống (?)[102] thì trố mắt lên, lấy trộm, bảo: "Cho tôi ăn với, xem bánh có đủ ngọt, đủ béo không?" Người đó có tật ăn trộm phải không?"

Lỗ Dương Văn Quân đáp: "Phải".

Mặc tử lại bảo: "Ruộng bốn cõi của nước Sở có nhiều chỗ hoang vu, không khai phá hết, đất bỏ không có mấy ngàn chỗ, không ai vô, vậy mà thấy những ấp không có người ở của nước Tống, Trịnh thì trố mắt, lấy trộm. Nước Sở có khác gì người trên không?"

Lỗ Dương Văn Quân đáp: "Cũng có tật ăn trộm, không khác gì cả" (*Canh Trụ* 19).

Đem quân xâm chiếm nước khác để mở rộng đất đai của mình, chiếm của cải

của người, bắt dân chúng của người về làm nô lệ cho mình, là điều đại bất nghĩa, nhưng vua Vũ diệt rợ Hữu Miêu, vua Thang diệt Kiệt, vua Võ nhà Chu diệt Trụ, cũng là chiếm đất đai của người, sao lại được gọi là thánh vương? Có người đem câu đó chất vấn Mặc tử, ông đáp: "Mấy ông đó, không gọi là đánh chiếm [nước khác] được, phải gọi là diệt [bạo quân]: *Bỉ phi sở vị công, sở vị tru dã – Phi công* hạ.

So sánh lời đó với lời Mạnh tử đáp Tề Tuyên vương sau này: "Tôi nghe nói Vũ vương chỉ giết một người thường là Trụ thôi, chứ tôi chưa nghe nói giết vua" – *Lương Huệ vương* hạ – 8), chúng ta thấy sao mà giống nhau thế.

Cả Mặc tử lẫn Mạnh tử đều bênh vực mấy ông "thánh" đó, đề cao việc họ can thiệp vào nội bộ nước khác.

Nhưng trong thiên *Lỗ vấn*, bài 4, Mặc tử lại có một thái độ khác hẳn. Lỗ Dương Văn Quân sắp đánh Trịnh, Mặc ngăn cản, lấy lẽ rằng Trịnh cũng là con của trời, đánh Trịnh không sợ bị trời phạt ư? Văn Quân đáp:

- Sao tiên sinh ngăn ta đánh Trịnh? Ta đánh Trịnh là thuận theo ý trời mà. Người nước Trịnh ba đời giết cha. Trời phạt, khiến cho ba năm mất mùa, ta giúp trời trừng trị nước đó mà.

Mặc tử đáp:

- Người nước Trịnh ba đời giết cha, trời phạt, khiến cho ba năm mất mùa, như vậy đủ rồi. Nay nhà vua lại đem quân đánh Trịnh, bảo: "Ta đánh Trịnh là thuận theo ý trời", thì cũng không khác gì một người cha quất một người con hung hăng, bất tài mà cha nhà bên cạnh còn vác cây đánh nó nữa, bảo: "Ta đánh nó là thuận theo ý cha nó", như vậy chẳng là trái lẽ ư?"

Mạnh tử sau này cũng vấp phải một mâu thuẫn như vậy.

Thiên *Công Sửu* hạ – 8, chép truyện Thẩm Đồng, một cận thần của vua Tề, lấy ý riêng hỏi Mạnh tử có nên đánh nước Yên không. Mạnh tử đáp: "nên", vì vua Yên là Tử Khoái, ham được tiếng là "thánh" như vua Nghiêu, vua Thuấn, nhường ngôi cho Tử Chi, một tể tướng bất tài, làm cho nước Yên thêm loạn. Như vậy là "không phải phép": Tử Khoái không có quyền đem nước Yên giao cho Tử Chi mà Tử Chi không có điều kiện để nhận. Tử Khoái, Tử Chi tuy không phải là bạo quân như Kiệt, Trụ nhưng đã có lỗi với dân, nên việc diệt Tử Khoái và Tử Chi để cứu nước Yên là việc nên làm.

Sau đó Tề đánh Yên. Có người hỏi Mạnh tử có phải ông xúi Tề đánh Yên không. Ông trả lời rất khéo: Tôi chưa hề xúi như vậy. Chẳng qua Thẩm Đồng hỏi tôi: "Nên đánh nước Yên không", tôi đáp "nên". Thế là Tề đem quân đánh Yên.

Nếu ông ta hỏi thêm: “Ai có quyền đánh nước ấy” thì tôi sẽ đáp chỉ có bậc “thiên lại” (tức bậc có đức lớn, vâng mệnh trời mà trị an cho dân) mới có quyền ấy[103].

Lấy ví dụ ngày nay có kẻ giết người. Có người hỏi tôi: “Nên giết kẻ ấy chăng?”, thì tất tôi sẽ đáp: “nên”. Nếu người đó lại hỏi: “Ai có quyền giết kẻ ấy?” thì tôi sẽ đáp: “Chỉ có quan sĩ sư mới có quyền ấy”. Ngày nay [Tề cũng như Yên đều là chư hầu, vua Tề không phải là bậc “thiên lại” mà lại đánh nước Yên thì] cũng như Yên đánh Yên, tôi lẽ nào xúi giục một việc như vậy”.

Mạnh tử thật có tài ăn nói, nhưng ông cũng như Mặc tử đã lỡ coi Thang, Võ là thánh vương, khen họ diệt Kiệt và Trụ, chiếm nước của nhà Hạ, nhà Ân, rồi lại hô hào các vua chúa đừng đánh chiếm nước người thì làm sao khỏi mâu thuẫn với chính mình được? Đó là điểm chủ trương của cả Nho lẫn Mặc đều chưa được dứt khoát. Đã “phi công” thì phải triệt để theo nguyên tắc “không được can thiệp vào nội bộ của nước khác bằng bất kì lí do nào”. Vì nếu đã cho phép một kẻ nào – dù có đạo đức tới đâu – được quyền “thế thiên hành đạo” thì sẽ có vô số kẻ khác cũng tự cho có quyền đó mà thế giới làm sao khỏi loạn?

Phi công nhưng phải tự vệ, nhất là trong thời loạn cá lớn nuốt cá bé. Cho nên Tử Cống hỏi về cách cai trị, Khổng tử đáp: “Lương thực phải đủ, binh lực phải đủ, dân tin mình” – *Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ*[104] – *Nhan Uyên* 7.

Mặc cũng nói y như vậy: “Nước lớn mà không đánh nước nhỏ là vì nước nhỏ chất chứa quân nhu, lương thực nhiều, thành quách được sửa sang, trên dưới điều hoà với nhau”: *Phàm đại quốc chi sở dĩ bất công tiểu quốc giả, tích uỷ đa, thành quách tu, thượng hạ điều hoà*[105]. (*Tiết táng*). “Thượng hạ điều hoà” của Mặc tử là “dân tín chi hĩ” của Khổng.

Ông lại nói: “Lương thực là bảo vật của nước, binh là cái móng nhọn của nước, thành trì là để tự vệ” – *Thực giả quốc chi bảo dã, binh giả quốc chi trảo dã, thành giả sở dĩ tự thủ dã*[106] – *Thất hoạn*.

Nhưng Khổng tử không hề học việc bày binh bố trận, Mặc tử trái lại chế tạo được vũ khí để tự vệ (thiên *Công Thâu*) và rất giỏi về việc chống giữ thành trì. Mỗi một thiên trong tổ V, từ thiên *Bị thành môn* trở xuống chuyên bàn về thuật phòng thủ, tuy có nhiều chỗ do người Tần, Hán nguỵ tạo, nhưng đại thể vẫn là những điều mà Mặc gia đời sau ghi lời dạy của Mặc tử.

Hơn nữa Mặc tử còn muốn mở rộng phạm vi “vũ trang hoà bình”, hô hào các chư hầu trong thiên hạ (đoàn kết với nhau), “hễ có một nước lớn nào bất nghĩa thì cùng lo lắng, một nước lớn nào đánh nước nhỏ thì cùng nhau lại cứu. Nước nhỏ mà thành quách không toàn vẹn thì phái người lại sử sang cho, vải và lúa hết

thì giúp cho, tiền và lụa không đủ thì cung cấp cho… Lấy lòng ngay thẳng mà đôn đốc, giữ đúng danh nghĩa, cốt khoan hậu với dân chúng, làm cho quân sĩ tin mình. Dùng chính sách đó mà cứu viện quân đội chư hầu thì sẽ vô địch thiên hạ".

(*Đại quốc chi bất nghĩa dã tắc đồng ưu chi, đại quốc chi công tiểu quốc dã tắc đồng cứu chi. Tiểu quốc thành quách chi bất toàn dã tất sử tu chi, bố túc chi tuyệt tắc uỷ chi, tệ bạch bất túc tắc cung chi… Đốc dĩ chính, nghĩa kì danh, tất vụ khoan ngô chúng, tín ngô sư. Dĩ thử viện*[107] *chư hầu chi sư tắc thiên hạ vô địch hĩ*[108]. – *Phi công* hạ).

Kế hoạch đó là kế *hợp tung*, liên hợp lục quốc chống Tần sau này. Thời Mặc tử, không nước nào nghe, nên Mặc và môn đồ của ông đích thân thi hành, ông ráng thuyết phục Tề đừng đánh Lỗ; Lỗ Dương Văn Quân đừng đánh Trịnh; Sở đừng đánh Tống và cho Cầm Hoạt Li cùng ba trăm môn sinh của ông giữ thành cho Tống, như trong phần I đã nói, nên được tiếng khen của đời là "thiên hạ chi bảo" (Trang tử).

CHƯƠNG V
TRỜI VÀ QUỈ THẦN

A. TRỜI

Trong ba chương trên chúng tôi đã trình bày học thuyết chủ yếu của Mặc tử, tức thuyết Kiêm ái, trong chương này và hai chương sau chúng tôi sẽ xét vấn đề mà một số học giả gọi là tôn giáo – đúng hơn là sự "dùng tôn giáo để chế tài" – của Mặc tử.

Hễ từ vua đến dân thường, ai cũng kiêm ái thì xã hội sẽ có lợi lớn mà không còn cái hại cho tranh giành, cướp giật nhau. Ý đó đúng, nhưng là ý của ông, ông chỉ có thể thuyết phục một số đệ tử theo ông chứ không thể bắt mọi người, nhất là bọn vua chúa theo được. Mà bọn vua chúa thì lịch sử đã cho thấy mười người không được một người yêu dân. Ngay dưới thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ mà Mặc cho là bậc thánh vương gồm yêu mọi người, làm lợi cho mọi người – triều đình cũng chỉ tương đối có kỉ luật, có nhiều ông quan tốt, xã hội cũng chỉ tương đối bình trị thôi, chứ có bao nhiêu người biết noi gương nhà vua mà kiêm ái. Cái lẽ người trên thích thì người dưới theo chỉ đúng một phần nhỏ, tuỳ trường hợp thôi. Ai chả biết cách giáo hoá tốt nhất là làm gương, nhưng cách đó cũng ít kết quả nhất. Vua Thuấn là một bậc thánh đấy mà cha là Cổ Tẩu, em là Tượng tàn bạo ra sao, Mặc tử lẽ nào không biết.

Vậy thì thuyết suông không đủ, làm gương không đủ, vẫn phải thưởng phạt, ai "kiêm" thì được thưởng, ai "biệt" thì bị trừng trị, bị "chế tài". Nhưng ai cao quí nhất, sáng suốt nhất để làm "pháp nghi", tức phép tắc mẫu mực, và có quyền tối thượng để thưởng, phạt? Tất không phải là một người thường cũng không thể là một bậc "quân" vì trong xã hội, hạng quân có đức nhân bao giờ cũng ít; rốt cuộc cũng chỉ có trời thôi. Do đó mà có thiên *Thiên chí* (ý trời). Mặc đem thuyết *Kiêm ái* của mình gán cho trời: ông bảo trời kiêm ái, yêu trăm họ trong thiên hạ, muốn cho trăm họ yêu lẫn nhau, ai theo ý trời thì trời thưởng, làm trái ý trời thì trời phạt. Trời vốn "vô ngôn" (không nói), muốn cho trời nói sao mà chẳng được? Vì vậy mà Phương Thụ Sở (sách đã dẫn) bảo: người ta thường nói "*thế thiên hành đạo*", Mặc thì ngược lại: "*Thiên thế Mặc hành đạo*" (Trời thay Mặc tử mà hành đạo, tức trừng trị kẻ vô đạo).

Trời ở xa quá, tít trên chín từng mây, ít ai sợ, trời lại có một mình, nên Mặc tìm kẻ phụ tá cho trời, tức bọn quỉ thần mà dân chúng nhiều người sợ hơn sợ trời, do đó sau thiên *Thiên chí* có thiên *Minh quỉ*. Dưới đây chúng tôi hãy xét xem quan niệm về trời của Mặc đã.

Có thể nói toàn thể dân Trung Hoa thời đó đều tin có trời (trừ một vài kẻ như Kiệt, Trụ). Vì vậy mà không có vấn đề "minh thiên", nghĩa là đưa chứng cớ ra để bảo rằng có trời. Ngay bọn danh gia, nguỵ biện cuối đời Chiến Quốc, cãi nhau những vấn đề rất phù phiếm như "tách rời cứng và trắng", "trứng có lông", "gà ba chân"… mà cũng không hề bàn "có trời hay không có trời".

Chủ trương các phái có khác nhau chỉ là quan niệm về trời mà thôi.

Chủ trương của Lão tử tiến bộ nhất. Ông cho trời là cái luật tự nhiên, không có ý chí, không có tri thức. Vì vậy mà bảo: "Trời đất bất nhân, coi vạn vật là chó rơm" (*Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu*). Luật tự nhiên đó, ông gọi là Đạo.

Hầu hết các triết gia Trung Hoa đều chủ trương rằng "thiên nhân hợp nhất", cũng gọi là "thiên nhân tương dữ", nghĩa là người bẩm thụ được cái "tính" của trời thì đạo của trời tức là đạo của người.

Quan niệm đó đã phổ thông ở Trung Hoa từ đời thượng cổ. Trong *Kinh Thi* có câu: "Trời sinh ra dân, có hình pháp, dân giữ tính thường, muốn có đức tốt" (*Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức*[109]).

Chữ "dân" trong câu đó đồng nghĩa với chữ "nhân" là người, như ta thường thấy trong ngũ kinh.

Trời là một ông nguyên hậu, nên gọi là Đế hay Thượng Đế. Thượng Đế cai quản cả bách thần, vạn vật trong vũ trụ, hay thương dân. *Kinh Thi* nói: "*Hoàng hĩ Thượng Đế lâm hạ hữu hách giám quan tứ phương, cầu dân chi mạc*[110]": Đức của Thượng Đế rất cao, soi xuống dưới đất rõ ràng, xem xét bốn phương để tìm sự khốn khổ của dân mà cứu giúp.

Hơn nữa người Trung Hoa còn tin rằng trời và người có thể tương cảm, tương ứng được, nên có điều gì hồ nghi, họ thường bói bằng mai rùa hoặc cỏ thi để xin cho biết việc cát hung. Các vua chúa thời xưa đều dùng quan Thái bốc để coi việc bói toán là vì vậy.

Khổng tử chắc là tin có trời và có thể chấp nhận chủ trương trên, nhưng ông ít nói đến trời, cơ hồ chỉ coi trời là cái lí vô hình, rất linh, rất mạnh, khi đã biến động ra sao thì không ai cưỡng lại được. Cái đó ông gọi là thiên mệnh mà chúng ta sẽ xét trong một chương sau. Trong thiên *Dương Hoá*, bài 19, ông bảo Tử Cống: "Trời có nói gì đâu? Bốn mùa xoay vần mà trăm vật sinh hoá. Trời có nói gì đâu?" (*Thiên hà ngôn tai? Tứ thời hành yên, bách vật*[111] *sinh yên. Thiên hà ngôn tai?*[112]).

Vậy quan niệm của ông tiến bộ hơn quan niệm cổ của Trung Hoa và xích lại

gầm quan niệm của Lão tử.

Mặc tử sinh sau Khổng tử, muốn trở lui về quan niệm thời thượng cổ, vì nó hợp với tín ngưỡng đại đa số quần chúng hơn. Ông cho trời là chủ tể duy nhất của toàn thể nhân loại, là một đấng tối cao, rất nghiêm và rất công bằng như gia trưởng một nhà, quốc quân một nước, hễ mắc tội với trời thì không trốn đi đâu được, vì ở đâu trời cũng trông thấy hết. (Như vậy là trời có nhân cách, chứ không phải là một cái lí mầu nhiệm nữa); cho nên người nào cũng phải tuyệt đối phục tòng trời. Ý đó được diễn ở đầu thiên *Thiên chí* thượng:

"Các bậc sĩ quân tử ngày nay biết điều nhỏ mà không biết điều lớn. Làm sao biết được vậy? Xem họ ở trong nhà thì biết được. Ở trong nhà, hễ mang tội với gia trưởng thì trốn qua nhà hàng xóm được. Vậy mà cha mẹ, anh em biết được tất răn đe, bảo: "Không thể không tự răn mình! Không thể không cẩn thận! Ở trong nhà mà sao lại có thể làm một việc mang tội với gia trưởng được?"

Không phải chỉ ở trong nhà mới vậy; dù ở trong nước cũng vậy nữa. Ở trong nước mà mang tội với vua thì có thể trốn qua nước láng giềng. Vậy mà cha mẹ anh em biết được tất đe răn, bảo: "Không thể không tự răn mình! Không thể không cẩn thận! Ở trong nước mà sao lại có thể làm một việc mang tội với vua được?"

Có nơi để trốn mà còn răn đe nhau kĩ như vậy, huống hồ không có nơi nào để trốn thì chẳng càng nên răn đe nhau kĩ hơn ư? Và ngạn ngữ có câu: "…[113] Thế là mang tội, biết trốn đi đâu? Đáp: "Không trốn đi đâu được cả! Dù ở trong rừng trong hang, chỗ tối tăm không người, trời cũng thấy được". Vậy mà bậc sĩ quân tử trong thiên hạ đối với trời lại không để ý tới. Không biết răn đe nhau [đừng làm gì mang tội với trời]. Vì vậy tôi biết rằng họ biết điều nhỏ mà không biết điều lớn".

(*Thử hữu sở tị đào chi giả dã, tương cảnh giới do nhược thử kì hậu; huống vô sở tị đào chi giả, tương cảnh giới khởi bất dũ hậu, nhiên hậu khả tai? Thả ngữ viết: "…yên nhi đắc tội, tường ô tị đào chi? Viết: vô sở tị đào chi! Phù thiên bất vi lâm cốc u môn vô nhân, minh tất kiến chi. Nhiên nhi thiên hạ chi sĩ quân tử chi ư thiên dã, hốt nhiên bất tri dĩ tương cảnh giới, thử ngã sở dị tri thiên hạ sĩ quân tử tri tiểu nhi bất tri đại dã*[114]).

Trời là chủ tể muôn loài thì tất cao quí hơn vua rồi, Mặc tử còn cẩn thận chứng minh thêm, bảo "ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ[115] thời xưa muốn đem việc trời sửa lại cho thiên tử, mà thuyết minh cho trăm họ trong thiên hạ rõ, mới dùng cỏ nuôi bò cừu, dùng lúa nuôi chó heo, làm xôi rượu tinh khiết

để cúng Thượng Đế, quỉ thần mà cầu trời ban phúc cho. Tôi chưa từng nghe trời cầu thiên tử ban phúc bao giờ… Thiên tử là bậc cực quí, cực phú trong thiên hạ, cho nên muốn được phú quí, không thể không thuận ý trời được.

(*Tích tam đại thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ dục dĩ thiên chi vi chính ư thiên tử, minh thuyết thiên hạ chi bách tính, cố mạc bất xô ngưu dương, hoạn khuyển trệ, khiết vi tư thịnh tửu lễ, dĩ tế tự thượng đế quỉ thần*[116], *nhi cầu kì phúc ư thiên. Ngã vị thường văn thiên chi cầu*[117] *kì phúc ư thiên tử giả dã… Thiên tử giả, thiên hạ chi cùng quí dã, thiên hạ chi cùng phú dã, cố ư phú thả quí dã, đương thiên ý nhi bất khả bất thuận. – Thiên chí thượng*).

Nghĩa là theo ông, trời quí hơn vua vì ông chỉ thấy trời ban phúc cho, chứ chưa hề thấy trời xin vua ban phúc cho bao giờ!

Trời còn quí hơn vua vì trời thưởng cho các vua thuận ý trời như Vũ, Thang, Văn, Võ, và phạt các vua nghịch ý trời như Kiệt, Trụ, U, Lệ.

Trời sáng suốt hơn vua. Ngoài lẽ đã kể trên: dù ở trong rừng trong hang, chỗ tối tăm nào trời cũng thấy được, còn vì lẽ trời muốn điều nghĩa, và yêu trăm họ. Nhưng sao biết trời muốn điều nghĩa và ghét điều bất nghĩa? Mặc tử đáp:

“Thiên hạ có nghĩa (theo điều nghĩa) thì sống, không có nghĩa thì chết, có nghĩa thì giàu, vô nghĩa thì nghèo; có nghĩa thì trị, vô nghĩa thì loạn. Mà trời muốn sinh ghét tử, muốn giàu ghét nghèo; muốn[118] trị ghét loạn; vì vậy mà tôi biết rằng trời muốn điều nghĩa mà ghét điều bất nghĩa” – *Thiên hạ hữu nghĩa tắc sinh, vô nghĩa tắc tử, hữu nghĩa tắc phú, vô nghĩa tắc bần, hữu nghĩa tắc trị, vô nghĩa tắc loạn. Nhiên tắc thiên dục kì sinh nhi ố kì tử, dục kì phú nhi ố kì bần, dục kì trị nhi ố kì loạn, thử ngã sở dĩ tri thiên dục nghĩa nhi ố bất nghĩa dã* – (*Thiên chí* thượng[119]).

Và làm sao biết được trời yêu trăm họ?

Ông đáp: “Vì trời đã gồm mà làm lợi cho cả.

- Sao biết được trời đã gồm mà làm lợi cho cả? – Vì trời gồm trăm họ mà có hết thảy (coi là con của mình).

- Sao biết được trời gồm trăm họ mà có hết thảy? – Vì trời gồm trăm họ mà nuôi hết thảy.

- Sao biết được trời gồm trăm họ mà nuôi hết thảy? Đáp: Trong bốn bể, những dân ăn gạo, không ai là không dùng cỏ nuôi bò, cừu, dùng lúa nuôi chó, heo, làm xôi, rượu tinh khiết để cúng Thượng Đế, quỉ thần. Trời có dân thường sao lại không yêu? Vả lại tôi bảo: Giết một kẻ vô tội thì bị một điều chẳng lành. Ai giết

kẻ vô tội? Người giết. Mà giáng cho một điều chẳng lành là ai? Là trời. Nếu cho rằng trời không yêu trăm họ trong thiên hạ thì người nọ giết người kia, can cớ gì tới trời mà trời giáng điều chẳng lành? Do đó mà tôi biết rằng trời yêu trăm họ trong thiên hạ".

(*Hà dĩ tri thiên chi ái thiên hạ chi bách tính? Dĩ kì kiêm nhi lợi chi – Hà dĩ tri kì kiêm nhi lợi chi?*[120] *Dĩ kì kiêm chi hữu chi – Hà dĩ kì kiêm nhi hữu chi? – Dĩ kì kiêm nhi tự yên – Hà dĩ kì kiêm nhi tự yên? Viết: Tứ hải chi nội, lạp thực chi dân mạc bất sô ngưu dương, hoạn khuyển trệ, khiết vi tư thỉnh tửu lễ dĩ tế tự ư Thượng Đế, quỉ thần. Thiên hữu ấp nhân, hà dụng phất ái dã? Thả ngô ngôn sát nhất bất cô giả, tất hữu nhất bất tường. Sát bất cô giả, thuỳ dã? Tắc nhân dã. Dữ chi bất tường giả, thuỳ dã? Tắc thiên dã. Nhược dĩ thiên vi bất ái thiên hạ chi bách tính, tắc hà cố dĩ nhân tương sát nhi thiên dữ chi bất tường? Thử ngã sở tri thiên chi ái thiên hạ chi bách tính dã*[121] *– Thiên chí* thượng).

Tóm lại, có hai lẽ khiến cho chúng ta biết được rằng trời yêu trăm họ:

1. Trăm họ do trời sinh và trời nuôi.

2. Kẻ nào giết người thì bị trời phạt.

Lẽ thứ nhất được ông diễn lại đầy đủ hơn trong *Thiên chí* trung: "Có lí do làm cho ta biết rằng trời thương yêu dân nhiều. Này nhé: xoay chuyển mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao để soi dắt dân; sinh ra bốn mùa để làm kỉ cương cho dân; làm ra sấm sét, tuyết sương, mưa móc cho ngũ cố, tơ gai lớn lên để dân có cái mà dùng… sinh ra các vị vương, công, hầu, bá để thưởng người hiền, phạt kẻ bạo tàn; ban cho loài kim, mộc, chim muông, giúp vào việc trồng ngũ cốc, gai tơ để cho dân có miếng ăn, thức mặc".

(*Ngô sở dĩ tri thiên chi ái dân chi hậu giả hĩ, hữu hĩ, viết: Dĩ ma vị nhật nguyệt tinh thần dĩ chiêu đạo chi; chế tứ thời xuân thu đông hạ dĩ kỉ cương chi; lôi giáng tuyết sương vũ lộ dĩ trưởng toại cốc ma li; sử dân đắc nhi tài lợi chi… Vi vương công hầu bá, sử chi thưởng hiền nhi phạt bạo; phú*[122] *kim mộc điểu thú, tòng sự hồ ngũ cốc ma ti dĩ vi dân thực chi tài*[123]).

Đầu thiên *Thượng hiền* trung, Mặc tử đưa ra qui tắc này: "Người sang (cao quí) và sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn" – *Tự quí thả trí giả, vi chính hồ ngu thả tiện giả tắc trị; tự ngu thả tiện giả, vi chính hồ quí thả trí giả tắc loạn*[124]. Trời đã cao quí hơn cả, lại sáng suốt hơn cả, tất phải cai trị tất cả loài người; mà ý trời – tức yêu dân, làm lợi cho dân – phải là phép tắc, mẫu mực trong việc trị dân của nhà cầm quyền, cũng như cái thước tròn (qui), thước vuông (củ) là phép tắc mẫu mực của

người thợ.

Đây là điểm Mặc khác Nho. Mặc bảo phải theo ý trời, Nho bảo phải theo ý dân. Chúng ta còn nhớ những câu trong Kinh Thi:

Dân chi sở hiếu, hiếu chi,
Dân chi sở ố, ố chi.
(Tiểu nhã)

và:

Đắc chúng tắc đắc quốc,
Thất chúng tắc thất quốc.
(Đại nhã)

Tuy Nho cũng chủ trương rằng ý dân và ý trời là một:

"Trời thương dân, dân muốn gì trời cũng theo" (*Thiên cang vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi*[125]).

Cho nên muốn biết lòng trời thì cứ xem lòng dân.

"Trời trông thấy tự ở dân ta thấy, trời nghe thấy tự ở dân nghe thấy" (*Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính*[126] – *Thư, Thái thệ*).

Chung qui theo ý trời hay theo ý dân thì cũng là mưu cầu hạnh phúc cho dân cả, nhưng chủ trương như Nho là trọng ý dân, dân quyền, mà lần lần có thể hướng về dân chủ; còn chủ trương như Mặc là trọng thần quyền, có xu hướng độc tài, do đó mà Mặc đưa thêm thuyết "*Thượng đồng*" nữa, như trong chương sau chúng ta sẽ thấy.

Ý trời là phép tắc, mẫu mực rồi, ai theo thì được trời thưởng, không theo thì bị trời phạt. Mặc tử dẫn chứng trong lịch sử:

Thiên *Thiên chí* thượng, ông bảo:

Vũ, Thang, Văn, Võ được trời thưởng "vì, trên thì tôn trời, giữa thì thờ quỉ thần, dưới thì yêu người. Cho nên ý trời bảo: Những kẻ ta yêu, hắn gồm yêu cả; những kẻ ta làm lợi cho, hắn gồm làm lợi cho cả; yêu người như vậy là rộng khắp, làm lợi cho người như vậy là nhiều, cho nên ta cho hắn sang tới mức làm thiên tử, giàu tới mức có cả thiên hạ, sự nghiệp truyền cho con cháu vạn đời, đời đời khen là thiện, phổ biến khắp thiên hạ, tới nay vẫn còn, gọi là thánh vương".

Còn Kiệt, Trụ, U, Lệ "vì trên thì mắng trời, giữa thì nói xấu quỉ thần, dưới thì hại người, cho nên trời bảo: Những kẻ ta yêu thì hắn tách ra mà ghét, những kẻ ta làm lợi cho thì hắn đều làm hại, ghét người như vậy là rộng khắp, làm hại cho người như vậy là nhiều; cho nên ta không cho được sống hết tuổi thọ, không hết

đời hắn, đến nay còn bị huỷ báng, gọi là bạo vương".

(*Vũ, Thang, Văn, Võ… thượng tôn thiên, trung sự quỉ thần, hạ ái nhân. Cố thiên ý viết: thử chi ngã sở ái, kiêm nhi ái chi; ngã sở lợi, kiêm nhi lợi chi; ái nhân giả thử vi bác yên; lợi nhân giả thử vi hậu yên. Cố sử quí vi thiên tử, phú hữu thiên hạ, nghiệp diên vạn thế tử tôn, truyền xưng kì thiện, phổ thi thiên hạ, chí kim xưng chi, vị chi thánh vương… Kiệt, Trụ, U, Lệ… thượng cấu thiên, trung vu quỉ, hạ tặc nhân. Cố thiên ý viết: Thử chi ngã sở ái, biệt nhi ố chi; ngã sở lợi, giao nhi tặc chi; ố nhân giả thử vi chi bác dã; tặc nhân giả thử vi chi hậu dã. Cố sử bất đắc chung kì thọ, bất một kì thế, chí kim huỷ chi, vị chi bạo vương*[127]).

Đoạn đó ông nhắc các vua chúa phải kiêm ái; đoạn dưới đây cũng trong *Thiên chí* thượng, ông cảnh cáo họ một lần nữa đừng đánh chiếm, tranh giành lẫn nhau:

"Dùng chính sách [nhân] nghĩa là thuận ý trời, dùng chính sách [võ] lực là trái ý trời. Dùng chính sách nhân thì… ở vào địa vị nước lớn không đánh chiếm nước nhỏ; nhà lớn không cướp nhà nhỏ, mạnh không hiếp yếu, người sang không ngạo mạn kẻ nghèo, số đông không cưỡng bức số ít, kẻ khôn lanh không lường gạt kẻ ngu, như vậy ở trên tất lợi cho trời, ở giữa lợi cho quỉ thần, ở dưới lợi cho người. Có ba cái lợi mà không có gì bất lợi, cho nên khắp thiên hạ đều khen, gọi là thánh vương.

"Dùng chính sách [võ] lực thì… ở vào địa vị nước lớn đánh chiến nước nhỏ, nhà lớn hiếp nhà nhỏ, mạnh hiếp yếu, người sang ngạo mạn kẻ nghèo, số đông cưỡng bức số ít, kẻ xảo trá lừa gạt kẻ ngu, như vậy ở trên không lợi cho trời, ở giữa không lợi cho quỉ thần, ở dưới không lợi cho người. Có ba cái bất lợi mà không có gì lợi cả cho nên khắp thiên hạ đều chê, gọi là bạo vương".

(*Thuận thiên ý giả, nghĩa chính dã; phản thiên ý giả, lực chính giả… Nghĩa chính giả… Xử đại quốc bất công tiểu quốc, xử đại gia bất thoán tiểu gia, cường giả bất kiếp nhược, quí giả bất ngạo tiện, đa giả bất bạo quả*[128]*, trá giả bất khi ngu. Thử tất thượng lợi ư thiên, trung lợi ư quỉ, hạ lợi ư nhân. Tam lợi, vô sở bất lợi, cố cử thiên hạ mĩ danh gia chi, vị chi thánh vương. Lực chính giả… Xử đại quốc công tiểu quốc, xử đại gia thoán tiểu gia, cường giả kiếp nhược, quí giả ngạo tiện, đa giả bạo quả, trá giả khi ngu. Thử tất thượng bất lợi ư thiên, trung bất lợi ư quỉ, hạ bất lợi ư nhân. Tam bất lợi, vô sở lợi, cố cử thiên hạ ác danh, vị chi bạo vương*[129]).

Thiên *Thiên chí* đọc rất chán: ý nông cạn mà lời lại rườm. Mặc tử gán cho trời những tư tưởng của mình để cho thuyết Kiêm ái và Phi công được nhiều người

tin. Đúng như Phương Thụ Sở nói: ông bắt trời thay ông mà hành đạo. Nhưng chính trị gia vẫn thường dùng thủ đoạn, mà thủ đoạn của ông có thể được giới tiện nhân thời ông tin, thích và dù sao nó cũng là một thủ đoạn nhân từ, chỉ có lợi cho dân, chứ vô hại.

B. QUỈ THẦN

Cuối thiên *Minh quỉ* hạ, Mặc tử định nghĩa quỉ thần như sau: "Từ xưa tới nay gọi quỉ thần thì không ngoài những hạng này: quỉ thần ở trời, quỉ thần sông núi và người chết mà thành quỉ" (*Cổ chi kim chi vi quỉ, phi tha dã: hữu thiên quỉ, diệc hữu sơn thuỷ quỉ thần giả, diệc hữu nhân tử vi quỉ giả*[130]).

Dân tộc Trung Hoa cũng như mọi dân tộc thời đó đều tin có quỉ thần và rất sợ quỉ thần. Khổng tử có lẽ cho quỉ thần là cái khí thiên trong trời đất. Ông cũng tế thần, để tỏ lòng cung kính. Ông bảo: "Tế thần thì phải cung kính như thần ở trước mặt" (*Tế thần như thần tại – Bát dật* 12). Nhưng ông không bao giờ tế để cầu phúc. Bài 34 thiên *Thuật nhi* chép rằng một lần ông đau nặng, môn sinh là Tử Lộ xin làm lễ cầu đảo. Ông hỏi: "Có lẽ ấy chăng?[131] Tử Lộ đáp: "Có. Sách Luỵ (chép các bài văn tế đời Văn vương nhà Chu) có câu này: "Chúng tôi cầu đảo với các thần trên trời và dưới đất". Tử Lộ không hiểu ý ông. Lẽ nào ông không biết các bài văn tế đời Chu, và cái lệ cầu đảo rất thịnh hành, ông chỉ muốn bảo: Có lẽ nào cầu đảo mà hết bệnh. Cuối cùng ông phải nói thêm: "Khâu này cầu đảo đã lâu rồi".

Thiên *Bát dật*, bài 13, ông cũng bảo: "Mắc tội với trời thì cầu đảo vào đâu được" – (*Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã*).

Tóm lại, thái độ của ông đối với quỉ thần là "kính nhi viễn chi" (*Ung dã* – 20), nghĩa là kính trọng quỉ thần nhưng nên xa xa, tức đừng thường cầu thỉnh van vái, mình cứ theo cái đạo phải mà làm, quỉ thần sẽ biết cho. Mình cứ lo làm hết bổn phận với người khác đã, như vậy chưa chắc đã xong, nghĩ chi tới việc thờ quỉ thần: *Vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ*[132].

Việc quỉ thần, cũng như việc chết rồi sẽ ra sao, cõi u minh ra sao, là những việc huyền bí, không thiết thực bằng việc đời, chưa cần bàn tới.

Mặc tử mạt sát thái độ "kính nhi viễn chi", "bất sự quỉ" đó, là làm cho mất nước (bài 15, thiên *Công Mạnh* đã dẫn) vì từ quan tới dân chúng không sợ quỉ phạt nên mới làm bậy, mà nước mới loạn. Để chứng minh rằng quỉ thần có thực, rất thông minh, cũng nói như người, thưởng những kẻ thiện, phạt những kẻ ác, ông dùng ba tiêu chuẩn mà ông gọi là "tam pháp" hay "tam biểu", góp công đầu tiên về việc định thế nào là "chân tri", tức chân lí, làm cho tri thức luận trong

triết học Trung Hoa tiến được một bước, và mở đường cho phái danh gia sau này. Hai thiên *Phi mệnh* thượng và hạ đều giảng về ba tiêu chuẩn đó.

Trong phần IV, chúng tôi sẽ dịch trọn *Phi mạng*[133] hạ, ở đây chúng tôi giới thiệu *Phi mạng* thượng để độc giả so sánh:

"Thầy Mặc tử nói: Hễ nói năng bàn luận thì không thể không định tiêu chuẩn trước rồi sau mới bàn. Không định tiêu chuẩn trước rồi sau mới nói bàn thì cũng như để đồ trắc ảnh (dò bóng) trên cái mâm xoay [của người thợ gốm] mà tìm phương hướng sáng chiều [đông, tây][134]; thế nào là phải trái, lợi hại, không thể biết rõ được. Cho nên nói phải có ba tiêu chuẩn.

Thế nào là ba tiêu chuẩn? Thầy Mặc tử nói: có cái biểu chuẩn căn cứ vào việc xem xét bản thuỷ, có cái biểu chuẩn căn cứ vào việc quan sát sự cố, có cái biểu chuẩn căn cứ vào kết quả ứng dụng.

Xét bản thuỷ ở đâu? – Trên thì xét công việc của các đấng thánh vương đời xưa.

Quan sát sự cố ở đâu? – Dưới thì quan sát thực tình tai mắt của trăm họ.

Xem xét kết quả ứng dụng ở đâu? – Ở việc áp dụng vào hình chính, xem có phù hợp với quyền lợi của trăm họ nhân dân, nhà nước không?

Thế gọi là "nói có ba tiêu chuẩn".

"*Tử Mặc tử viết: Ngôn tất lập nghi. Ngôn nhi vô nghi, thí do vận quân chi thượng nhi lập triêu tịch giả dã, thị phi lợi hại chi biện, bất khả đắc nhi minh tri dã. Cố ngôn tất hữu tam biểu. Hà vị tam biểu? Tử Mặc tử viết: Hữu bản chi giả, hữu nguyên chi giả, hữu dụng chi giả.*

Vu hà bản chi? Thượng bản chi vu cổ giả thánh vương chi sự.

Vu hà nguyên chi? Hạ nguyên sát bách tính nhĩ mục chi thực.

Vu hà dụng chi? Phát[135] *dĩ vi hình chính, quan kì trúng*[136] *quốc gia bách tính nhân dân chi lợi.*

Thử ngôn hữu tam biểu dã"[137].

Phi mạng thượng gọi là tam biểu thì *Phi mạng* hạ gọi là tam pháp. Tam biểu gồm bản, nguyên, dụng. Tam pháp gồm khảo, nguyên, dụng. Vậy *bản* trong thiên thượng tức là *khảo* trong thiên hạ.

Biểu thứ nhất là phải xét xem có hợp với kinh nghiệm của các thánh vương đời xưa với các chân lí các vị đó đã khám phá được không. Nếu hợp với hành động của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ chẳng hạn thì theo, nếu hợp với hành động của Trụ, Kiệt, U, Lệ chẳng hạn thì bỏ. Biểu đó chỉ đúng một phần

thôi, vì không chú ý đến yếu tố thời gian: có việc thời xưa hay mà thời nay dở, vì không hợp với điều kiện sinh hoạt hiện nay nữa. Theo đúng biểu đó thì là thủ cựu, pháp cổ mất rồi, cho nên Mặc gia đời sau (phái Biệt Mặc) không chấp nhận mà phản đối.

Biểu thứ nhì là phải quan sát thực tình tai mắt của trăm họ, tức là phải xem có hợp với kinh nghiệm sống của đa số dân chúng không. Như vậy quá tin ở cảm quan của đa số, mà cảm quan thì có khi sai, chẳng hạn người nhút nhát đi đêm thấy một khúc dây leo tưởng là rắn, hoặc người đi trong sa mạc trông thấy ảo ảnh, rồi hễ một người đồn thì cả chục người tin.

Biểu thứ ba là căn cứ vào kết quả ứng dụng, nếu thi hành mà có ích lợi cho đa số thì là đúng, không sai. Nhưng có ích về mặt này thì có thể có hại về mặt khác, có ích lợi ngắn hạn và ích lợi lâu dài.

Rốt cuộc biểu nào cũng chỉ đúng một phần thôi – chưa đủ để cho ta quyết định là chân lí được.

Thiên *Minh quỉ* hạ, ông bảo: “Từ khi có loài người tới nay, nếu vẫn từng trông thấy hình dáng quỉ thần, nghe thấy tiếng nói của quỉ thần thì sao lại bảo là không có được?”.

Rồi ông dẫn năm cố sự chép trong sách để làm chứng cứ:

“Vua Tuyên vương nhà Chu giết một bề tôi vô tội là Đỗ Bá. Đỗ Bá bảo: “Ta vô tội mà nhà vua giết ta; nếu chết rồi không còn biết gì nữa thì thôi; nhược bằng chết rồi còn biết thì không ngoài ba năm ta sẽ khiến cho nhà vua biết”. Ba năm sau, nhà vua họp chư hầu đi săn ở Phố Điền, có mấy trăm cổ xe, mấy ngàn người theo, đầy đồng. Giữa trưa, Đỗ Bá cưỡi ngựa trắng, đánh xe không, bận áo và đội mũ đỏ, cầm cung đỏ, cắp tên đỏ, đuổi theo Tuyên vương, bắn vào xe Tuyên vương, Tuyên vương bị tên trúng tim, gãy xương sống, ngã trong xe, gục lên cái túi cung mà chết. Lúc đó người nước Chu đi theo nhà vua, không ai là không thấy, những người ở xa không ai là không nghe, việc đó còn chép trong sử Chu. Ông vua nào cũng đem ra dạy bề tôi, người cha nào cũng đem ra răn con: “Phải răn mình, cẩn thận đấy! Hễ giết kẻ vô tội thì sẽ bị điều chẳng lành, bị quỉ thần phạt mau như vậy đấy!” Xét việc chép trong sách đó (tức sử nhà Chu) thì quỉ thần quả là có, còn ngờ gì nữa”.

Đây Mặc tử muốn áp dụng biểu thứ nhì: nguyên; nhưng đáng lẽ phải chép lại một việc xảy ra ở thời ông, được nhiều người mắt thấy tai nghe, thì ông chỉ dẫn một truyện trong sách cổ mà ông vội tin là đúng. Bốn truyện sau cũng vậy, rút trong sử nước Tần, nước Yên, nước Tống, nước Tề.

Có người bẻ ông rằng "thượng sĩ quân tử" – tức bậc thượng lưu, trí thức – sao lại tin chắc vào cái mà quần chúng mắt thấy tai nghe? Ông dùng biểu thứ nhất: bản (hay khảo) để đáp, và ông dẫn những hành vi của ba đời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ. Các thánh vương đó đều tin có quỉ thần, đều thờ quỉ thần.

Chẳng hạn vua Võ vương nhà Chu: "Xưa đánh nước Ân, giết vua Trụ rồi phân phối việc tế tự [của nhà Ân] cho các chư hầu, bảo: "Nước nào thân với Ân – tức cùng họ với nhà Ân – thì coi về tôn miếu cho nhà Ân; nước nào sơ – tức khác họ với nhà Ân – thì coi về việc tế các thần núi sông, bốn phương. Võ vương tất phải cho rằng có quỉ thần thì mới đánh nhà Ân, giết vua Trụ, phân phối việc tế tự cho chư hầu. Nếu không có quỉ thần thì phân phối việc tế tự làm gì?" (*Minh quỉ* hạ).

Vì tin có quỉ thần nên các thánh vương ba đời Ngu, Hạ, Chu trị thiên hạ, lo việc cúng quỉ thần rồi mới tới việc người. (*Cố cổ thánh vương trị thiên hạ dã, cố tất tiên quỉ thần nhi hậu nhân giả, thử dã*[138] – (*Minh quỉ* hạ). Chứng cớ là ngày đầu dựng nước, lập đô, họ tất chọn một cái đàn chính làm tôn miếu, chọn những cây to và xanh tốt làm bụi cây ở nền xã, chọn những bậc phụ huynh từ hiếu, chính trực, hiền lương làm chức thái chúc (coi việc cầu phúc), chức tôn bá (coi việc lễ); lựa những lục súc (ngựa, bò, cừu, gà, lợn, chó) nào béo, lông tuyền một màu, làm vật cúng tế, (…) lựa ngũ cốc nào thơm vàng để làm rượu, xôi…".

Họ chăm lo việc quỉ thần rất mực, sợ con cháu đời sau không biết việc nên chép vào thanh tre, tấm lụa truyền lại cho chúng, lại sợ mọt ăn, mục nát hết, nên chạm vào cái mâm, cái bát, khắc vào đá vào đồng để giữ lại được lâu. Cứ đọc các sách *Hạ thư*, *Chu thư* thì thấy, các sách đó đều cho quỉ thần quả là có, còn ngờ gì nữa. (*Minh quỉ* hạ).

Về biểu thứ ba: dụng, Mặc tử cho rằng nếu trăm họ tin có quỉ thần, sợ quỉ thần thì nước sẽ trị vì quỉ thần rất sáng suốt, biết được kẻ gian, người ngay, thưởng người thiện, trừng trị kẻ ác:

Quỉ thần sáng suốt cũng ngang với trời, "dù ở trong khe tối, trên chằm rộng, nơi thâm sơn cùng cốc, quỉ thần tất cũng biết được".

(*Quỉ thần chi minh, bất khả vi u gián quảng trạch, sơn lâm thâm cốc, quỉ thần chi minh tất tri chi*[139] – *Minh quỉ* hạ).

Thiên *Canh Trụ*, 2, Mặc còn bảo: "Quỉ thần sáng suốt hơn thánh nhân, cũng như người sáng tai sáng mắt so với người điếc người đui" (*Quỉ thần chi minh trí ư thánh nhân, do thông nhĩ minh mục chi dữ lung cổ dã*[140]).

Ông dẫn chứng: Xưa vua nhà Hạ là ông Khải sai Phi Liêm đào quặng đồng trong núi để đúc vạc ở Côn Ngô, và bảo ông Bá Ích nướng mai rùa để bói. Quỉ

thần cho biết rằng chín vạc sẽ đúc xong và sau sẽ "dời về ba nước", [tức Hạ, Thương, Chu]. Quả nhiên sau nhà Hạ để mất vạc, nhà Ân nhận lấy. Ba nhà đó truyền lại cho nhau mấy trăm năm. Và Mặc kết: "Dù thánh nhân có tụ họp các bề tôi giỏi, các tướng quốc tài trí cũng không sao biết được việc mấy trăm năm sau, thế mà quỉ thần biết đấy".

Vậy không làm một điều gì mà có thể giấu quỉ thần được. Người tốt thì được quỉ thần thưởng như Mục công nước Tần:

"Xưa, vua Mục công nước Tần đương giữa trưa thấy một vị thần vô cửa, mặt người mà mình chim, áo trắng viền đen, khuôn mặt vuông vức. Mục công kinh hoảng, vùng chạy. Vị thần đó bảo: "Đừng sợ, Thượng Đế khen đức sáng của ngươi, sai ta cho ngươi thọ thêm mười chín năm, nước ngươi thịnh vượng, con cháu đông đúc, dòng dõi không tuyệt". Mục công dập đầu lạy hai lạy, hỏi: "Xin quỉ thần cho biết tôn danh". Đáp: "Ta là thần Cẩu Mang[141] (coi về mùa xuân) – (*Minh quỉ* hạ)[142].

Còn kẻ ác thì quỉ thần trừng trị, dù kẻ đó "giàu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỉ thần tất cũng thắng được" – *Quỉ thần chi phạt, bất khả vi phú quí chúng cường, dũng lực cường vũ, kiên giáp cường binh, quỉ thần chi phạt tất thắng chi*[143] – (*Minh quỉ* hạ).

Tức như trường hợp Kiệt và Trụ.

"Vua Kiệt nhà Hạ, sang tới mức làm thiên tử, giàu tới mức có cả thiên hạ, nhưng trên thì mắng trời, khinh quỉ, dưới thì sát hại vạn dân, lừa gạt Thượng Đế, chặt hết cây trên đàn thờ Thượng Đế ở Nguyên Sơn, thấy vậy trời mới sai vua Thang rất sáng suốt trừng trị vua Kiệt. Vua Thang đem chín chục cỗ chiến xa, bày binh bố trận, từ trên Đại Tán đánh xuống quân nhà Hạ, vô tới phía ngoài kinh đô rồi bắt được Thôi Di Đại Hi [mạnh tới nỗi đẩy lùi được một con bò lớn]. Vậy vua nhà Hạ là Kiệt, sang tới làm thiên tử, giàu có tới có cả thiên hạ, dũng sĩ Thôi Di Đại Hi dùng loài tê ngưu, loài cọp tác chiến; dân chúng đông đúc tới ức triệu, đầy gò, đầy chằm, mà cũng không ngăn được trừng trị của quỉ thần".

Chúng ta thấy trong hai thí dụ kể trên, việc thưởng phạt đều là ý trời cả. Ý đó cũng là ý của Nho gia, chỉ khác Nho cho là ý trời với ý dân là một, còn Mặc gia cho ý trời và ý quỉ thần là một để đưa tới kết luận này:

"Như vậy quỉ thần thưởng được người hiền, phạt được kẻ bạo ngược, thi hành [chủ trương có quỉ thần] ở trong nước có vạn dân. Quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước mà không liêm khiết, trai gái nào sống lẫn lộn lén lút với nhau, quỉ thần tất thấy; người dân nào mà dâm bạo trộm cướp, làm giặc làm loạn, dùng khí

giới, thuốc độc, nước lửa để chặn kẻ vô tội ở trên đường, cướp xe ngựa áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình, quỉ thần tất thấy. Như vậy quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước, không dám không liêm khiết, thấy người thiện không dám không thưởng, thấy kẻ bạo ngược không dám không trị tội. Do đó sẽ không còn những kẻ dạm bạo, trộm cướp, làm giặc, làm loạn, dùng khí giới thuốc độc nước lửa để chặn kẻ vô tội ở trên đường, cướp ngựa xe, áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình. Thế là thiên hạ yên (…) Cho nên "các bậc vương công đại nhân, sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay, nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì nên nhận rằng có quỉ thần và không thể không tôn thờ quỉ thần, làm sáng tỏ cái lẽ có quỉ thần cho dân chúng thấy. Đó là đạo của thánh vương".

"*Thiên hạ chi vương công, đại nhân, sĩ quân tử, thực tương dục cầu hưng thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại, đương nhược quỉ thần chi hữu dã, tương bất khả bất tôn minh dã. Thánh vương chi đạo dã*"[144]. – *Minh quỉ* trung.

Thiên *Công Mạnh*, 7, ông nói rõ thêm: "Các thánh vương đời xưa đều cho rằng quỉ thần sáng suốt, gây hoạ phúc (…) nên trị nước mà yên. Từ đời Kiệt, Trụ về sau, đều cho quỉ thần không sáng suốt, không gây hoạ phúc được (…) mà chính sự hoá loạn, nước hoá nguy".

Tóm lại cái dụng của thuyết có quỉ thần là "*hưng thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại*". Đem ra ứng dụng, thuyết đó rất có ích, vậy là đúng rồi.

Phương Thụ Sở (sách đã dẫn – tr.106) bảo hai thiên *Thiên chí, Minh quỉ* giúp cho hạng tiện nhân có dũng khí để chống lại bọn quí tộc, vì quí tộc mà làm bậy thì bị trời phạt và quỉ thần trừng trị. Có thể như vậy, nhưng coi lại đoạn dẫn ở trên: trai gái mà sống lẫn lộn với nhau… người dân nào mà dâm bạo trộm cướp… quỉ thần tất thấy", thì Mặc tử chẳng phải chỉ đe bọn quí tộc mà cả hạng tiện dân nữa chứ. Chẳng qua là trong một xã hội loạn, luật pháp không có hoặc có mà không công bằng, kẻ cầm quyền lộng hành, giảng đạo đức như Nho gia, không ai muốn nghe, thì Mặc mượn thần quyền để mọi người từ trên xuống dưới sợ mà bớt tàn nhẫn đi chăng; mượn một Thượng Đế thì Thượng Đế ở xa quá, chỉ trừng trị bọn vua chúa thôi, nên phải mượn thêm quỉ thần trừng trị kẻ ở dưới và những tội phạm nhẹ hơn. Có lẽ dụng ý của Mặc chỉ có vậy.

Quan niệm về quỉ thần của Mặc tử khác của Khổng tử mà thái độ của ông đối với quỉ thần lại hợp lí, có phần giống Khổng tử.

Một lần, Mặc tử đau, Phu Tị lại thăm, hỏi:

- Tiên sinh bảo quỉ thần sáng suốt, có thể gây hoạ, tạo phúc cho người được,

người hiền thì thưởng, kẻ ác thì phạt. Tiên sinh là bậc thánh mà sao lại đau? Hoặc giả lời của tiên sinh không đúng chăng? Quỉ thần không sáng suốt chăng?

Ông đáp:

- Ta đau thì sao lại bảo quỉ thần không sáng suốt? Có nhiều nguyên nhân gây bệnh: nóng lạnh gây bệnh được, lao khổ cũng gây bệnh được. Nhà có một trăm cửa, mà chỉ đóng một cửa thì kẻ trộm sao lại không vô được? (*Công Mạnh* 20).

Lần khác, chính một môn sinh của ông – Tào Công tử – nghi ngờ thuyết quỉ thần của ông.

Tào được ông giới thiệu cho làm quan ở Tống, ba năm trở về, lại thăm ông, thưa:

- Hồi đầu con lại học thầy, mặc thì áo cộc bằng vải to, ăn thì canh rau hoắc, có bữa sáng mà không có bữa chiều, không có gì để thờ cúng quỉ thần. Nay nhờ công thầy dạy bảo, nhà con phong lưu hơn trước, nên không dám sơ suất trong việc thờ cúng quỉ thần, vậy mà trong nhà nhiều người chết, lục súc không sinh sản nhiều, thân mình thì bệnh tật liên miên, con chưa thấy đạo của thầy hữu dụng chỗ nào.

Mặc tử đáp:

- Không phải vậy. Quỉ thần đòi hỏi ở người nhiều kia: muốn rằng người nào chức cao bổng hậu thì phải kính người hiền, có nhiều của thì phải chia cho người nghèo; chứ đâu phải chỉ muốn nhón nhiều xôi, cắt nhiều miếng phổi đâu. Nay anh được chức cao bổng hậu mà không kính người hiền, đó là một điều bất tường, có của nhiều mà không chia cho người nghèo, đó là hai điều bất tường. Anh thờ quỉ thần mà chỉ biết cúng tế mà thôi, rồi phàn nàn "sao đau ốm hoài", như vậy khác nào nhà có trăm cửa, chỉ đóng một cửa mà lấy làm lạ kẻ trộm sao vào được. Làm như anh cầu quỉ thần linh thiêng ban phúc cho sao được. (*Phù quỉ thần chi sở dục ư nhân giả đa: dục nhân chi xử cao tước lộc, tắc dĩ nhượng hiền dã, đa tài tắc dĩ phân bần dã. Phù quỉ thần khỏi duy quắc thử chiết phế chi vi dục tai? Kim tử cao tước lộc nhi bất dĩ nhượng hiền, nhất bất tường dã; đa tài nhi bất dĩ phân bần, nhị bất tường dã*[145]. *Kim tử sự quỉ thần, duy tế nhi dĩ hĩ, nhi viết: "Bệnh hà tự chí tai", thị do bách môn nhi bế nhất môn yên, – viết: "Đạo hà tòng nhập?" Nhược thị nhi cầu phúc ư hữu linh chi quỉ thần, khởi hà tai?*[146] – *Lỗ vấn* 16).

Khổng tử có đáp thì cũng không khác vậy. Cứ làm hết bổn phận con người thì khỏi phải cầu đảo, tế lễ gì cũng vô ích. Cái lẽ đó, ngay một môn sinh của Mặc được Mặc giới thiệu cho làm quan, mà còn không hiểu thì thường dân có mấy

người hiểu nổi? Đa số tất phải như thầy cúng nọ nước Lỗ, cúng quỉ thần một con heo mà xin quỉ thần ban cho cả trăm phúc. Mặc tử nghe được chuyện đó, bảo:

- Như vậy không thể được. Tặng người ta ít mà mong được đáp lại nhiều, thì người ta chỉ sợ được tặng thôi. Cúng một con heo mà cầu xin được cả trăm thứ phúc, thì quỉ thần rất sợ cúng bò, cừu (giọng ông thật hóm hĩnh!). Các thánh vương đời xưa thờ quỉ thần chỉ cúng tế thôi, chứ không cầu xin gì cả; nay cúng một con heo mà xin cả trăm thứ phúc thì giàu như vậy thà nghèo còn hơn. (*Lỗ vấn* 17).

Để kết thúc chương này, chúng tôi xin dẫn một truyện lí thú nữa: cuối thiên *Minh quỉ* hạ, một người không tin có quỉ thần, cho việc cúng tế là vô ích. Mặc tử đáp:

- (…) Dâng rượu xôi thanh khiết để cúng tế một cách cung kính, cẩn thận. Nếu quỉ thần có thật thì là mình mời được cha mẹ anh chị [đã khuất] về ăn uống, chẳng phải là cái lợi lớn ư? Nếu quỉ thần không có thì là phí tiền của vào việc làm xôi, rượu và mổ mấy con vật để cúng. Nhưng phí đó không phải là đổ bỏ xuống ngòi xuống rãnh, vì trong thì họ hàng, ngoài thì hàng xóm đều được ăn uống. Nếu quả thật không có quỉ thần thì như vậy [là cơ hội] để họp mặt vui vẻ với nhau, kết tình thân với làng xóm".

Chúng ta khó thưởng tượng được một giáo chủ của phương Tây hay của Ả Rập mà có giọng như vậy: "Nếu quỉ thần có thật… Nếu quỉ thần không có…". Đức quan trọng nhất, đức căn bản của một tín đồ, chứ đừng nói của một giáo chủ, là tín ngưỡng (foi): có tín ngưỡng thì mới được lên thiên đường, nếu không thì xuống địa ngục; kẻ nào không có tín ngưỡng như mình thì phải thuyết phục, nếu cần thì phải ép buộc, chứ có đâu lại khoan dung một cách Á đông như vậy: "Chư vị không tin thì cũng không sao, cứ cúng tế rồi ngã cỗ xuống mà vui vẻ ăn uống với nhau". Mặc tử ham lí luận quá, rán lô gích thì đức tin làm sao mạnh được?

Chúng tôi ngờ lòng tin quỉ thần của Mặc lắm. Ông dễ thương làm sao! Kẻ nào bảo ông là người Ấn Độ, hoặc Ả Rập là nói bậy. Ông "Trung Hoa" hơn cả Khổng tử nữa. Khổng tử còn "tế thần như thần tại", ông thì dù thần bất tại cũng cứ tế; miễn có lợi cho nước, cho dân, cho tình họ hàng, làng xóm. Không thể thực tiễn hơn được nữa.

CHƯƠNG VI
BÁC THUYẾT ĐỊNH MẠNG

Trễ lắm là vào thời Khổng tử, người Trung Hoa đã có nhiều chữ *mạng*, cũng gọi là *thiên mạng*, theo ba nghĩa:

1. *Nghĩa thứ nhất:* Cái vẻ vô hình, linh diệu của trời đất mà người sáng suốt có thể tìm hiểu được, theo nghĩa đó thì mạng là thiên lí, luật tự nhiên của Hoá công.

Như trong *Luận ngữ* (*Vi chính* – 4), Khổng tử bảo:

"Ta hồi 15 tuổi, chăm chú vào việc học, ba chục tuổi biết vững chí, bốn chục tuổi không còn nghi hoặc, năm mươi tuổi biết mạng trời… – *Ngô thập hữu ngũ chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mạng…*".

Cái thiên mạng đó khiến cho mọi người biến hoá, hợp với lẽ điều hoà, mà mọi sinh vật mới sinh trưởng được, vậy không nên làm trái nó, mà phải sợ nó, hành động hợp với nó. Đó là ý nghĩa trong câu: "*Quân tử uý… thiên mạng*" – (*Quí thị*).

2. *Nghĩa thứ nhì:* Mạng trỏ những nguyên do nào đó, ta cũng không rõ, ảnh hưởng một cách bất ngờ tới hoạt động của ta, khiến cho kẻ tận lực mà không thành công, lại có kẻ không làm mà thành việc. "Đạo ta mà sắp thi hành được ư? Là do mạng trời; đạo ta mà sắp bị bỏ ư? Là do mạng trời" – (*Đạo chi tương hành dã dư? Mạng dã. Đạo chi tương phế ư? Mạng dã*[147]).

Chữ mạng ở đây hiểu theo nghĩa thứ nhì. Khổng tử không biết chắc nó ra sao, như vậy ông cứ theo đạo mà làm, dù biết khó có kết quả, bị nhiều người chê đấy, ông cũng cứ làm.

3. *Nghĩa thứ ba:* là định mạng, số mạng như trong câu của Tử Hạ: "*Tử sinh hữu mạng, phú quí tại thiên*" (*Nhan Uyên* 5). Mạng ở đây trỏ sự tiền định, sức người không thể đổi được, như có người sinh ra vốn thông minh, có kẻ vốn ngu độn; người thì thọ, kẻ thì yểu, cho nên cùng gặp một tai nạn mà kẻ sống người chết.

Nghĩa thứ hai và ba đều cho rằng trong đời có những điều không thể hiểu được, có khi vô lí; chỉ khác nghĩa thứ hai trỏ một thái độ tích cực, cứ làm hết sức mình rồi kết quả ra sao cũng được; còn nghĩa thứ ba tỏ một thái độ tiêu cực hoàn toàn để cho hoàn cảnh chi phối, cho trời định, chẳng cần làm gì cả.

Thời nào cũng vậy, hạng người theo thuyết thứ ba đông nhất. Nên Mặc tử phải đả đảo thuyết đó trong thiên *Phi mệnh*, nó trái với quan niệm "thiên ý" của ông,

và khi ông đã nhận rằng hễ làm việc thiện thì được trời thưởng, làm điều ác thì bị trời phạt, thì tất nhiên ông cũng nhận thêm rằng: hoạ phúc là do mình, do hành động của mỗi người. Ông phủ nhận định mạng mà chỉ tin luật nhân quả.

Để chứng minh rằng không có định mạng, Mặc tử dùng ba biểu chúng tôi đã trình bày trong chương trên.

- Biểu thứ nhất: bản (khảo)

Thiên *Phi mạng* hạ, ông bảo:

"Ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới cai trị thiên hạ bảo phải chăm lo đề cử những người con có hiếu để khuyến khích việc thờ cha mẹ, phải tôn trọng người hiền lương để dạy dân làm điều thiện. Thế rồi các vị ấy thi hành chính [trị] giáo [dục], thưởng người thiện, phạt kẻ bạo ngược. Nhờ vậy mà thiên hạ loạn có thể làm cho trị được, xã tắc nguy có thể làm cho yên được.

"Nếu cho làm không phải như vậy [thì sao] xưa vua Kiệt làm cho nước loạn, vua Thang trị được, Trụ làm cho nước loạn, vua Võ vương trị được? Vào những thời đó, cũng vẫn là xã hội ấy, dân ấy, không có gì khác mà trên [vua] thay đổi chính trị thì dưới [dân] thay đổi thói quen. Ở vào thời Kiệt, Trụ thì thiên hạ loạn; ở vào thời Thang, Võ thì thiên hạ trị. Vậy thiên hạ trị là nhờ công của Thang, Võ; thiên hạ loạn là do tội của Kiệt, Trụ. Xét điều đó thì an hay nguy, trị hay loạn là do chính trị của người trên, sao bảo là số mạng được?

Ba đời Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới cai trị thiên hạ, bảo phải làm sao cho người đói được ăn, người rét được mặc, người mệt được nghỉ ngơi, nước loạn hoá trị; nhờ vậy mà các vị đó được vẻ vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ. Đâu có thể là do số mạng được? Đó là công lao của các vị ấy. Nay các người hiền lương biết trọng người hiền và thích đọc đạo, thì tất trên được vương công, đại nhân thưởng, dưới được dân khen, được vẻ vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ, như vậy đâu có thể cho là do số mạng được, cũng lại là do công lao của họ nữa".

(*Tích Kiệt chi sở loạn, Thang trị chi; Trụ chi sở loạn, Võ vương trị chi. Đương thử chi thời, thế bất du nhi dân bất dịch, thượng biến chính nhi dân cải tục. Tồn hồ Kiệt, Trụ nhi thiên hạ loạn, tồn hồ Thang, Vũ nhi thiên hạ trị. Thiên hạ chi trị dã, Thang, Trụ chi lực dã; thiên hạ chi loạn dã, Kiệt, Trụ chi tội dã. Nhược dĩ thử quan chi, phù an nguy trị loạn, tồn hồ thượng chi vi chính dã, tắc phù khởi khả vị hữu mạng tai?*

Cổ tích giả Vũ, Thang, Văn, Võ phương vi chính hồ thiên hạ chi thời, viết tất sử cơ giả đắc thực, hàn giả đắc y, lao giả đắc tức, loạn giả đắc trị; toại đắc

quang dự lịnh vấn ư thiên hạ. Phù khởi khả dĩ vị mạng tai? Cố dĩ vị kì lực dã. Kim hiền lương chi nhân, tôn hiền nhi hiếu công đạo thuật. Cố thượng đắc kì vương công đại nhân chi thưởng, hạ đắc kì vạn dân chi dự, toại đắc quang dự lịnh vấn ư thiên hạ, diệc khởi dĩ vị kì mạng tai? Hựu dĩ vị kì lực dã[148]).

Hơn nữa, Mặc tử còn cho rằng chính bọn bạo vương đặt ra thuyết có định mạng rồi hạng dân biếng nhác, xấu xa mới theo mà thuật lại, chứ các thánh vương đều bác các thuyết ấy:

"Ba đời bạo vương thời xưa Kiệt, Trụ, U, Lệ […] ngoài thì rong ruổi, săn bắt, bẫy thỏ, bắn chim; trong thì đắm, mê rượu nhạc, bỏ bê việc trị nước và dân; rất đỗi vô dụng mà lại còn tàn bạo với trăm họ, đến nỗi mất tôn miếu (…) rồi bảo: "Mất nước là tại số mạng của ta vậy".

Còn các thánh vương thì lo ngại về hậu quả của thuyết đó nên đã ghi chép trên sách để răn đời sau. Như thiên *Thái thệ* của Võ vương[149] chép: "Trời giúp người có đức sáng, điều đó hiển nhiên. Tấm gương đâu xa, coi vua nhà Ân (tức Trụ) đó. Hắn bảo: "Người ta có số mạng", bảo: "Không cần kính [Trời]", bảo: "Cúng tế chẳng ích gì", bảo: "Bạo ngược cũng không bị hại". [Vì vậy] Thượng Đế không giúp hắn, hắn mất chín châu (tức thiên hạ). Thượng Đế ghét Trụ, khiến hắn phải chết. Ta là Hữu Chu được nhận nhà Thương (nghĩa là trời cho diệt vua Trụ nhà Thương, thay nhà Thương mà trị thiên hạ)"[150].

- Biểu thứ nhì: nguyên

Mặc tử bảo:

"Ta sở dĩ biết có mạng hay không là nhờ xét sự thực của tai mắt mọi người: nếu mọi người nghe thấy, trông thấy thì ta cho là có; nếu mọi người không nghe thấy, trông thấy thì ta cho là không có. Mà ta đã từng xét sự thực trăm họ từ xưa tới nay, xem có ai từng trông thấy hình thể của số mạng, từng nghe tiếng của số mạng chưa, thì thật là chưa từng có".

(*Ngã sở dĩ tri mạng chi hữu dữ vô giả, dĩ chúng nhân nhĩ mục chi tình, tri hữu dữ vô; hữu văn chi, hữu kiến chi, vị vi hữu; mạc chi văn, mạc chi kiến, vị chi vô. Thường khảo chi bách tính chi tình, tự cổ dĩ cập kim… diệc thường hữu kiến mạng chi vật, văn mạng chi thanh*[151] *giả hồ? Tác vị thường hữu dã*[152] *– Phi mạng* trung).

Dùng biểu thứ nhất là phải, và Mặc đã áp dụng đúng; nhưng áp dụng biểu thứ hai thì bậy. Mặc cơ hồ phân biệt cái trừu tượng với cái cụ thể. Số mạng đâu phải là một vật có hình có tiếng mà bảo người ta trông thấy, nghe thấy cho được? Chắc người viết thiên *Phi mạng* hạ đã nhận thấy lí luận của Mặc sai nên không

chép.

- Biểu thứ ba: dụng

Mặc tử bảo:

"Các vương công đại nhân ngày nay sáng sớm vô triều, chiều mới về (…) không dám biếng nhác, uể oải là tại sao? Tại họ cho rằng hễ gắng sức làm thì nước trị, nếu không thì nước loạn; gắng sức thì yên, không thì nguy cho nên không dám biếng nhác uể oải. Nay các khanh đại phu tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì trông coi các kho lẫm nhà nước, ở ngoài thì thu cái lợi (thuế) cửa quan và chợ, cái lợi của rừng, núi, chằm, cầu để cho kho lẫm được đầy, mà không dám biếng nhác, chán nản là tại sao? Tại họ cho rằng hễ gắng sức thì sang, không thì hèn, gắng sức thì vinh, không thì nhục, cho nên không dám biếng nhác, uể oải. Nay nông dân sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về, gắng sức cày cấy, trồng trọt, để thu được đậu lúa, mà không dám biếng nhác uể oải là tại sao? Tại họ cho rằng gắng sức thì giàu, không thì nghèo, gắng sức thì ấm, không thì lạnh, vì vậy mà không dám biếng nhác, uể oải.

Giả sử các vương công đại thần tin thuyết có số mạng mà hành động theo thuyết đó thì tất họ sẽ biếng nhác trong vụ xử kiện, trị nước; các khanh đại phu mà biếng nhác trong việc trông coi kho lẫm của nhà nước thì tôi cho rằng thiên hạ tất loạn; nông phu biếng nhác trong việc cày cấy trồng trọt, đàn bà biếng nhác trong việc đánh sợi, kéo tơ thì tôi cho rằng thức ăn, áo mặc trong thiên hạ nhất định sẽ thiếu.

Trị thiên hạ mà như vậy mà thờ trời và quỉ thần, thì trời và quỉ thần không nhận; dưới bảo vệ nuôi nấng trăm họ, trăm họ không được lợi, tất sẽ li tán không dùng họ được, do đó mà lui về giữ nước không vững, tiến quân đánh nước ngoài thì sẽ không thắng (…)

Vậy: "Bậc sĩ quân tử ngày nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì không thể không tận lực bài xích thuyết có số mạng".

(*Kim dã, vương công đại nhân chi sở dĩ tảo triều yến thoái, thính ngục trị chính, (…)*[153] *nhi bất cảm đãi quyện giả, hà dã?*[154] *Viết: Bỉ dĩ cưỡng tất trị, bất cưỡng tắc loạn; cưỡng tất ninh, bất cưỡng tất nguy; cố bất cảm đãi quyện. Kim dã, khanh đại phu chi sở kiệt cổ quang chi lực, đàn kì tư lự chi trí, nội trị quan phủ, ngoại liễm quan thị, sơn lâm, trạch lương chi lợi, dĩ thực quan phủ, nhi bất đãi quyện giả, hà dã? Viết: Bỉ dĩ vi cưỡng tất quí, bất cưỡng tất tiện; cưỡng tất vinh, bất cưỡng tất nhục, cố bất cảm đãi quyện. Kim dã, nông phu chi sở dĩ tảo xuất mộ nhập, cưỡng hồ canh giá thụ nghệ, đa tụ thục túc, nhi bất cảm*

đã quyện, hà dã? Viết: Bỉ dĩ vi cưỡng tất phú, bất cưỡng tất bần, cưỡng tất noãn, bất cưỡng tất hàn, cố bất cảm đãi quyện.

Kim tuy vô tại hồ vương công đại nhân, quĩ nhược tín hữu mạng nhi trí hành chi, tắc tất đãi thính ngục trị chính hĩ, khanh đại phu tất đãi hồ trị quan phủ hĩ; nông phu tất đãi hồ canh giá thụ nghệ hĩ; phụ nhân tất đãi hồ phưởng tích chức nhâm hĩ. Vương công đại nhân đãi hồ thính ngục, trị chính, khanh đại phu đãi hồ quan phủ, tắc ngã dĩ vi thiên hạ tất loạn hĩ. Nông phu đãi hồ canh giá thụ nghệ, phụ nhân đãi hồ phưởng tích chức nhâm, tắc ngã dĩ vi thiên hạ y thực chi tài tương bất túc hĩ. Nhược dĩ vi chính hồ thiên hạ, thượng dĩ sự thiên quỉ, thiên quỉ bất sử; hạ đãi công dưỡng bách tính, bách tính bất lợi, tất li tán bất khả đắc dụng dã. Thị dĩ nhập thủ tắc bất cố, xuất tru tắc bất thắng (…)

Kim chi thiên hạ chi sĩ quân tử, trung thực tương dục cầu hưng thiên hạ chi lợi, trừ thiên hạ chi hại, đương nhược hữu mạng giả chi ngôn, bất khả bất cưỡng phi chi dã[155]).

Đã chủ trương có định mạng, giàu nghèo, thọ yểu đều do trời định trước rồi, không thể thêm bớt được, thì trong đời không còn việc gì đáng làm nữa, ngay cả việc học. Thiên *Công Mạnh*, bài 6, Mặc tử bảo:

"Bảo người ta học mà lại chủ trương có định mạng, như vậy khác gì bảo người ta bao tóc mà bỏ cái mũ đi".

Trong suốt đời Tiên Tần, chỉ có một mình Mặc tử đưa ra thuyết phi mạng. Thuyết đó tuy tích cực, nhưng chỉ tương đối tiến bộ thôi. Ông vẫn nghĩ rằng "nhân năng thắng thiên", mà chỉ bảo trời và quỉ thần rất sáng suốt, công minh, không định trước thời này sẽ thịnh, thời kia sẽ loạn, người này sẽ giàu sang và thọ, kẻ kia sẽ nghèo hèn và yểu; mà để cho mọi người tự xây dựng cuộc đời mình, định đoạt lấy tương lai của mình, nếu làm điều thiện thì trời sẽ thưởng, ngược lại thì mới bị trời phạt, vậy thái độ hợp lí nhất của ta là cứ gắng sức hoài đi. Việc chưa thành là vì sức chưa đủ chứ không phải là vì số mạng. Ông "năng thuyết" mà cũng "năng hành" để làm gương cho thiên hạ: suốt đời khẳng khái làm việc nghĩa, mong cứu vớt loài người, dù gian nan bao nhiêu cũng không ngại, dù không có kết quả cũng không nản (*Canh Trụ* 4 và 6), và nếu không ai làm thì ông lại phải làm nhiều lên, như trong một gia đình có người người con, chín người ở không thì người thứ mười phải gắng sức cày cấy[156]. (*Quí nghĩa* 2).

Chúng ta tiếc rằng sử không chép gì về cuộc đời về già của ông ra sao, khi sức ông đã suy mà xã hội cũng vẫn loạn như trước hay hơn trước; nhưng trong bộ *Mặc tử* chúng ta cũng không thấy chép một lời chán nản, than thở nào của ông.

Nhưng khi Mặc tử chê đạo Nho có thể làm mất thiên hạ vì chủ trương có định mạng, không thể sửa đổi được, thì ông tỏ ra bất công.

Quả thực Khổng tử cho rằng có số mạng như khi Bá Ngưu, một môn sinh của ông đau nặng, ông lại thăm, cầm tay Bá Ngưu, than thở: "Con sắp mất. Số mạng đó thôi! Người như vậy mà bị bệnh như vậy!"[157] (*Ung dã* – 8).

Tử Hạ, một môn đệ khác của ông bảo: "Thương tôi nghe nói[158]: "Tử sinh hữu mạng, phú quí tại thiên" (*Nhan Uyên* – 5).

Nhưng Khổng tử trước sau không hề dạy môn sinh phải "thính thiên an mạng" mà trái lại luôn luôn có thái độ "tri kì bất khả nhi vi chi", và suốt đời ông "làm việc thánh, việc nhân không chán, dạy người không mỏi" (*Thuật nhi* 33: *Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm, ức vi chi bất yếm, hối nhân bất quyện, tắc khả vị vân nhi dĩ hĩ*).

Mạnh tử đời sau cũng khuyên ta gắng sức làm điều thiện (cưỡng vi thiện), ai cũng có thể thành bậc thánh như Nghiêu, Thuấn được nếu chịu luyện tâm như Nghiêu, Thuấn.

Sau cùng, Tuân Tử cũng tin như Khổng tử rằng có mạng trời: "Thình lình xảy ra mà không ngờ (không hiểu được nguyên nhân) thì gọi là mạng" (*Tiết ngộ chi vị mạng – Chính danh*), nhưng ông chủ trương trời và người không tương quan vì với nhau (*thiên nhân bất tương quan*) – trái hẳn Khổng tử, Mặc tử – cho nên khuyên ta không cần lưu tâm gì tới thiên mạng, hơn nữa, ta còn có thể thắng được thiên mạng. Ông bảo: "Theo trời mà khen ngợi trời thì sao bằng tài chế cái mạng trời mà dùng?" (*Tòng thiên nhi tụng, thục dữ chế thiên mạng nhi dụng chi? – Thiên luận*). Nghĩa là nếu ta siêng thì trời không thể làm cho ta nghèo được, nếu ta lười thì[159] trời không phải là cái gì nhất định, nó như một sức mạnh đẩy ta tới một hướng nào đó, ta có thể chống lại được.

Tư tưởng "chế thiên mạng" đó tấn bộ hơn tư tưởng "phi mạng" của Mặc tử, nhất là Mặc tử cở hồ có lúc không tin thuyết của mình lắm, nên trong thiên *Canh Trụ*, bài 2 (đã dẫn ở chương trên), ông tin bói, bảo quỉ thần biết trước được việc mấy trăm năm về sau. Như vậy là có định mạng hay không có định mạng?[160]

CHƯƠNG VII
DƯỚI THỐNG NHẤT TƯ TƯỞNG VỚI TRÊN

Mặc tử là một chính trị gia trọng lí tưởng mà có óc thực tế và thực tiễn; biết rằng chỉ thuyết thôi thì không khác gì nhiều người theo[161] đạo kiêm ái của mình, mà sự chế tài bằng tôn giáo hiệu quả chắc không được bao nhiêu, nên phải dùng thêm sự chế tài bằng chính trị nữa. Trong hai thiên Ý trời và Ý quỉ thần chúng tôi đã xét sự chế tài bằng tôn giáo, chương này và chương sau xét về sự chế tài bằng chính trị.

Qui tắc của Mặc về việc trị dân như sau:

"Bề trên cai trị hễ được kẻ dưới đồng tình thì trị, không được kẻ dưới đồng tình thì loạn" (*Thượng chi vi chính, đắc hạ chi tình tắc trị, bất đắt hạ chi tình tắc loạn – Thượng đồng* hạ).

Sự đồng tình đó không có nghĩa là được lòng dân, vua và dân thân với nhau như cha với con nhỏ, như Khổng tử khuyên:

"Trên thân với dưới như tay đối với lòng ruột, dưới thân với trên như con nhỏ đối với mẹ hiền. Trên dưới thân với nhau như vậy cho nên trên có lệnh thì dưới theo, trên thi thố điều gì thì dân làm. Dân mến đức của người trên, kẻ gần thì vui lòng phục tòng, kẻ xa thì qui phụ, trị dân như vậy là rất mực". (*Thượng chi thân hạ dã, như thủ túc chi ư phúc tâm; hạ chi thân thượng dã, như ấu tử chi ư từ mẫu hĩ. Thượng hạ tương thân như thử, cố lệnh tắc tòng, thi tắc hành. Dân hoài kì đức, cận giả duyệt phục, viễn giả lai phụ, chính chi trí dã – Khổng tử gia ngữ*).

Sự đồng tình của Khổng thiên về tình cảm, của Mặc thiên về tư tưởng (quan niệm thiện ác), về pháp luật; mặc dù Mặc cũng yêu dân, lo cho dân không kém Khổng, có phần hơn nữa, như trong thiên *Kiêm ái* chúng ta đã thấy.

Mặc tử giảng:

"Bề trên cai trị mà được kẻ dưới đồng tình thì biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng. Biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng rồi thì biết được người nào thiện mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt; người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Bề trên cai trị mà không được kẻ dưới đồng tình thì không biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng; không biết rõ về quan niệm tốt xấu trong dân chúng thì không biết được người nào thiện mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt; người thiện không được thưởng, kẻ tàn bạo không bị phạt, trị dân mà như vậy thì nước quốc gia tất loạn. (*Thượng đồng* hạ).

Người trên kẻ dưới không đồng tình về tốt xấu thì sẽ xảy ra trường hợp bề trên

cho một người nào đó là tốt, muốn thưởng, người đó tuy được bề trên thưởng nhưng lại sợ trăm họ huỷ báng (vì quan niệm về tốt xấu của nhà vua và của dân trái ngược nhau); (…) bề trên cho một người nào đó là tàn bạo muốn phạt, người đó tuy bị bề trên phạt nhưng lại được trăm họ khen. Như vậy sự khen của bề trên không có giá trị, không khuyến khích được dân làm điều thiện, mà sự trừng phạt của bề trên không làm cho dân sợ.

Những trường hợp như vậy rất thường xảy ra trong lịch sử: bọn bạo chúa tin dùng những kẻ tiểu nhân nịnh bợ, tàn nhẫn với dân, mà giết hại những người hiền tài, chính trực được lòng dân; do đó dân coi thường sự thưởng phạt của vua mà nổi loạn để "thế thiên hành đạo", ủng hộ người ngay, trừng trị kẻ gian.

Trong một nước như vậy, mà trong thiên hạ cũng vậy. Chúng ta đã biết mới đầu thiên tử nhà Chu đã qui định rõ ràng: Ai có công nhiều thì được phong tước cao: công, hầu; ai có công ít thì được phong tước[162] thấp: bá, tử, nam; tước cao thì được đất rộng, có nhiều chiến xa (nghĩa là binh lực nhiều); tước thấp thì đất hẹp, có ít chiến xa; và không một chư hầu nào được uy hiếp, xâm lăng một chư hầu khác. Nhưng rồi dần dần một số chư hầu vì lý do này hay một lý do khác, không theo lệ đó; khuyết trương binh lực để mở mang bờ cõi, gây ra cảnh loạn lạc, chiến tranh liên miên trong thời Chiến Quốc. Như vậy là do lẽ trên dưới không cùng một quan niệm về điều phải, tức về cái "nghĩa" (nghĩa bất đồng), như Mặc tử nói.

Chính trị gia nào cũng hiểu lẽ đó. Điều chúng ta muốn biết là Mặc tử dùng cách nào để thống nhất cái "nghĩa" đây.

Ông bảo: "Chỉ có cách là người dưới phải tán đồng lẽ phải với người trên mới trị được thiên hạ" – (*Duy năng dĩ thượng đồng nhất nghĩa vi chính, nhiên hậu khả hĩ*[163] – *Thượng đồng* hạ).

Ông lại dùng biểu thứ nhất, khảo sát thời cổ để chứng minh thuyết của ông:

"Thời nguyên thuỷ, trời mới sinh dân, chưa có ai làm chính trưởng (cầm đầu). Mỗi người tự làm chủ mình. Mỗi người tự làm chủ mình thì mỗi người có một lẽ phải, mười người có mười lẽ phải, trăm người có trăm lẽ phải, ngàn người có ngàn lẽ phải, cho tới khi số người đông không biết bao nhiêu mà kể. Ai cũng bênh lẽ phải của mình, chê lẽ phải của người, xung đột lớn thì đến đánh nhau, xung đột nhỏ thì tranh nhau. Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền lập làm thiên tử".

"*Cổ giả thiên chi thuỷ sinh dân, vị hữu chính trưởng dã, bách tính vi nhân. Nhược cẩu bách tính vi nhân, thị nhất nhân nhất nghĩa, thập nhân thập nghĩa,*

bách nhân bách nghĩa, thiên nhân thiên nghĩa. Đãi chí, nhân chi chúng, bất khả thăng kế dã, tắc kì sở vị nghĩa giả, diệc bất khả thăng kế. Thử giai thị kì nghĩa, nhi phi nhân chi nghĩa, thị dĩ hậu giả hữu đấu, nhi bạc giả hữu tranh. Thị cố thiên [hạ] chi dục đồng nhất thiên hạ chi nghĩa dã, thị cố tuyển trạch hiền giả, lập vi thiên tử"[164].

Xin độc giả để ý đến câu cuối: "Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền lập làm thiên tử". Trong một đoạn sau, chúng tôi sẽ trở lại ý đó, bây giờ xin hãy diễn tiếp:

"Thiên tử cho rằng trí lực mình chưa đủ để trị thiên hạ, nên mới lập tam công (ba vị đứng đầu trong triều đình thiên tử đời Chu: thái sử, thái phó, thái bảo). Tam công lại thấy trí lực mình chưa đủ để giúp thiên tử, nên mới chia nước ra lập các chư hầu (điều này, Mặc tử chắc đã lầm: theo sử thì thiên tử chứ không phải tam công lập các chư hầu). Chư hầu lại cho rằng trí lực mình chưa đủ để trị khắp bốn cõi, nên lựa người ở dưới lập chức khanh và chức tể (chủ một địa phận, một cơ quan). Khanh và tể lại cho rằng trí lực chưa đủ để giúp vua chư hầu, nên lựa người ở dưới lập làm hương trưởng, gia trưởng. Vì vậy mà đời xưa thiên tử lập tam công, chư hầu, khanh, tể, hương trưởng, gia trưởng không phải vì giàu sang quá mà bỏ (chia xẻ bớt) đi đâu mà là để có người giúp mình coi việc hình chính…" (*Thượng đồng* hạ).

Tóm lại là trời ghét loạn, mà loạn là do tư tưởng của vạn dân không thống nhất, muốn thống nhất tư tưởng cho hết loạn, trời lựa người hiền cho làm thiên tử để giúp mình, rồi thiên tử lựa người hiền để giúp mình, cứ như vậy lần lần xuống tới chư hầu, khanh, tể, hương trưởng, gia trưởng.

Ý đó không có gì đặc biệt. Khổng giáo cũng cho rằng trời lựa người mà giao cho việc thay mình trị dân, (vì vậy mà người Trung Hoa gọi vua là *thiên tử* – con trời) và thiên tử lựa các quan và chư hầu.

Đặc biệt là điểm dưới đây:

Khi thống nhất tư tưởng (*đồng nhất thiên hạ chi nghĩa*) thì không từ trên xuống như khi giao quyền, mà từ dưới lên.

Cũng trong *Thượng đồng* hạ, Mặc tử bảo:

"Muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ (…) sao không bảo gia trưởng làm thử đi. Gia trưởng ban bố pháp luật trong nhà, bảo: "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nhà thì phải báo cáo, thấy ai ghét và làm hại cho nhà cũng phải báo cáo". Nếu thấy ai yêu và làm lợi cho nhà thì báo cáo, thì cũng như chính mình yêu và làm lợi cho nhà, người trên biết được sẽ thưởng cho và mọi người trong nhà

nghe thấy sẽ khen; nếu thấy ai ghét và làm hại cho nhà mà không báo cáo thì cũng như chính mình ghét và làm hại cho nhà, người trên biết được sẽ phạt và mọi người trong nhà nghe thấy sẽ chê. Như vậy thì mọi người trong nhà đều muốn gia trưởng khen thương, tránh bị chê phạt. Thấy người thiện và kẻ bất thiện đều báo cáo thì gia trưởng biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nhà tất trị. Thử xét một nhà như vậy mà trị thì là tại sao? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với người trên vậy thôi.

"Nhà đã trị rồi, thì cái đạo trị nước như vậy là xong rồi chăng? Chưa xong. Số nhà trong thiên hạ rất nhiều, nhà nào cũng cho mình là phải mà chê nhà khác, xung đột lớn thì sinh loạn, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên lại phải bắt các gia trưởng trong nước thống nhất lẽ phải của mình với nhà vua. Vua cũng phải ban bố phát luật trong dân chúng, bảo: "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nước thì phải báo cáo, thấy ai ghét và làm hại cho nước cũng phải báo báo" (…)[165] Dân thấy ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo thì vua biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Thử xét một nước như vậy mà trị là tại sao? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với bề trên vậy thôi.

"Nước đã trị rồi thì cái đạo trị thiên hạ như vậy là xong rồi chăng? Chưa xong. Số nước trong thiên hạ rất nhiều, nước nào cũng cho mình là phải mà chê nước khác, xung đột lớn thì gây chiến, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên lại phải bắt hết thảy các nước thống nhất lẽ phải với thiên tử. Thiên tử cũng phải ban bố phát luật trong thiên hạ, bảo: "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho thiên hạ thì phải báo cáo, thấy ai ghét và làm hại cho thiên hạ cũng phải báo báo" (…) Người trong thiên hạ thấy ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo thì thiên tử biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì thiên hạ tất trị. Thử xét thiên hạ như vậy mà trị là tại sao? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với bề trên vậy thôi.

"Thiên hạ trị rồi, thiên tử lại đem tất cả lẽ phải trong thiên hạ thống nhất với trời".

(*Dục đồng nhất thiên hạ chi nghĩa (…) hồ bất thường sử gia quân thí dụng? Gia quân phát hiến bố lệnh kì gia, viết: "Nhược kiến ái lợi gia giả, tất dĩ cáo. Nhược kiến ố tặc gia giả, diệc tất giả cáo". Nhược kiến ái lợi gia dĩ cáo, diệc do ái lợi gia giả dã, thượng đắc thả thưởng chi, chúng văn tắc dự chi; nhược kiến ố tặc gia bất dĩ cáo, diệc do ố tắc gia giả dã, thượng đắc thả phạt chi, chúng văn tắc phi chi. Thị dĩ biến nhược gia chi nhân, giai dục đắc kì trưởng thượng chi*

thưởng dự, tịch kì huỷ phạt. Thị dĩ thiện ngôn chi, bất thiện ngôn chi, gia quân đắc thiện nhân chi thưởng chi, đắc bạo nhân nhi phạt chi. Thiện nhân chi thưởng nhi bạo nhân chi phạt, tắc gia tất trị hĩ. Nhiên kế nhược gia chi sở dĩ trị, hà dã? Duy dĩ thượng đồng nhất nghĩa vi chính cố dã.

Gia kí dĩ trị, quốc chi đạo tận thử dĩ da? Tắc vị dã. Quốc chi vi gia số dã thậm đa, thử giai thị kì gia, nhi phi nhân chi gia, thị dĩ hậu giả hữu loạn, nhi bạc giả hữu tranh. Cố hựu sử gia quân tổng kì gia chi nghĩa, dĩ thượng đồng ư quốc quân. Quốc quân diệc vi phát hiến bố lệnh ư quốc chi chúng, viết: "Nhược kiến ái lợi quốc giả tất dĩ cáo, nhược kiến ố tặc quốc giả diệc tất dĩ cáo" (…) Dân kiến thiện giả ngôn chi, kiến bất thiện giả ngôn chi, quốc quân đắc thiện nhân nhi thưởng chi, đắc bạo nhân nhi phạt chi. Thiện nhân thưởng nhi bạo nhân phạt, tắc quốc tất trị hĩ. Nhiên kế nhược quốc chi sở dĩ trị giả, hà dã? Duy năng dĩ thượng đồng nhất nghĩa vi chính cố dã.

Quốc kí dĩ trị hĩ,thiên hạ chi đạo tận thử dĩ da? Tắc vị dã.Thiên hạ chi vi quốc sổ dã thậm đa,thử giai thị kì quốc,nhi phi nhân chi quốc,thị dĩ hậu giả hữu chiến,nhi bạc giả hữu tranh. Cố hựu sử quốc quân tuyển[166] *kì quốc chi nghĩa,dĩ thượng đồng ư thiên tử.Thiên tử diệc vi phát hiến bố lệnh ư thiên hạ chi chúng, viết: "Nhược kiến ái lợi thiên hạ giả, tất dĩ cáo, nhược kiến ố tặc thiên hạ giả,diệc dĩ cáo" (…) Thị dĩ kiến thiện,bất thiện giả cáo chi. Thiên tử đắc thiện nhân nhi thưởng chi, đắc bạo nhân nhi phạt chi, thiện nhân thưởng nhi bạo nhân phạt,tắc thiên hạ tất trì hĩ. Nhiên kế thiên hạ chi sở dĩ trị giả, hà dã? Duy nhi dĩ thượng đồng nhất nghĩa vi chính cố dã*[167].

Thiên hạ kí dĩ trị, thiên tử hựu tổng thiên hạ chi nghĩa, dĩ thượng đồng ư thiên)[168]. (*Thượng đồng* hạ).

Trong đoạn đó, Mặc tử dùng bốn chữ "*thượng đồng nhất nghĩa*" mà chúng tôi dịch là "thống nhất lẽ phải với bề trên" cho dễ hiểu. Cái "nghĩa" đó, "lẽ phải" đó là cái lợi chung của thiên hạ, mà cái lợi chung đó ở chỗ mọi người phải gồm yêu lẫn nhau (*kiêm tương ái*), làm lợi lẫn cho nhau (*giao tương lợi*). Đó là ý muốn của trời, trời cao quí hơn cả, nên thiên tử phải theo trời, thống nhất ý chí với trời, vua chư hầu phải thống nhất với thiên tử, các gia trưởng phải thống nhất với vua, các người trong nhà phải thống nhất với gia trưởng.

Muốn thống nhất thì mỗi người trong nhà thấy ai theo đúng cái "nghĩa", cái "lẽ phải" đó mà yêu, làm lợi cho đoàn thể thì khen và báo với người trên, làm trái cái "nghĩa" đó thì chê và báo với người trên; cứ như vậy từ dưới lên, tức từ nhà lên tới vua, vua tới thiên tử và – theo nguyên tắc – lên tới trời.

Theo Mặc tử, chính sách báo cáo với người trên đó, các tiên vương đã dùng rồi, cho nên thiên *Thái thệ* [đời vua Chu công] chép: "Nhân dân thấy kẻ nào gian trá thì phải báo cáo, nếu không, việc phát giác thì cũng bị tội như kẻ gian trá". Ông cho rằng kết quả rất tốt: "thánh vương trị thiên hạ [dùng chính sách đó mà] được nhiều người ngoài (người trong dân gian) nhìn và nghe thay cho mình. Vì vậy mà mưu tính việc với người thì mau hơn người, cùng làm việc với người thì thành công trước người, trông nghe được rộng, thấy mọi sự trước người (…) Ngoài ngàn dặm có hiền nhân nào, hàng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết mà thưởng rồi; trong ngàn dặm có kẻ tàn bạo nào, làng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết và phạt rồi. Thánh vương dù mắt sáng tai rõ tới đâu, làm sao có thể nhìn một cái mà thấy khắp ở ngoài ngàn dặm, nghe một lần mà thấy được khắp nơi ở ngoài ngàn dăm? Thánh vương không tới tận nơi để nhìn, để nghe mà khiến cho những kẻ trộm cướp phiến loạn trong thiên hạ không có chỗ nào để dung thân, là tại sao? Tại chính sách tán đồng với người trên rất hay vậy.

Như chúng tôi đã nói, thiên *Thái thệ* chưa chắc đã do người đời Chu Võ vương viết; vậy chính sách cáo gian chưa chắc đã có từ đời đó; nếu có thì nó cũng phải bỏ vì đời Khổng tử, Mặc tử không dùng. Mãi tới đời Tần Hiếu công (thế kỉ thứ 4 tr,T.L), Thương Ưởng mới thi hành, nhưng khi Thương Ưởng chết, nó bị bãi bỏ; rồi tới đời Tần Thuỷ Hoàng, Hàn Phi lại đề nghị dùng lại. Trong thiên *Bát Kinh*, Hàn viết: "Trong một huyện, nhà nào cũng gần nhau, hợp nhau thành từng "ngũ" (5 nhà), từng "liên" (250 nhà), hễ ai tố cáo lỗi của người khác thì được thưởng, không tố cáo thì bị trừng trị. Bề trên đối với người dưới, người dưới đối với bề trên đều như vậy cả…". Chắc Thương Ưởng và Hàn Phi đã chịu ảnh hưởng của Mặc tử.

Tóm lại, theo Mặc tử, muốn cho nước trị thì phải thống nhất tư tưởng với vua, rồi bắt dân báo cáo kẻ thiện, kẻ ác, để vua thưởng kẻ thiện, phạt kẻ ác. Sự chế tài bằng chính trị như vậy, nó bổ sung cho sự chế tài bằng tôn giáo mà hiệu quả không được lớn vì sự thưởng phạt của trời và quỉ thần không hiển nhiên, trực tiếp bằng sự thưởng phạt của vua, quan, gia trưởng.

Tuy nhiên, chúng ta còn nhận thấy rằng Mặc tử cũng cho sự khen chê của dư luận là một cách chế tài nữa, nên sau những chữ: "thượng đắc tắc thưởng chi", "thượng đắc tắc phạt chi", ông thêm: "chúng văn tắc dự chi", "chúng văn tắc phi chi".

Tuân Tử đời sau, trong thiên *Thiên luận* chê Mặc tử chỉ thấy cái lẽ dân chúng phải cùng theo một đường lối, một chủ trương mà không thấy cái lẽ mỗi người

có một cá tính, một quan niệm, nhân sinh quan riêng (*Mặc tử hữu kiến ư tề, vô kiến ư kỉ*), như vậy cá tính không phát triển được. Nhận xét đó có phần đúng.

Phùng Hữu Lan (sách đã dẫn, tr.136) bảo dân phải phục tùng thiên tử, và chỉ thiên tử phải "thượng đồng" với trời, như vậy thiên tử vừa là vua, vừa là giáo hoàng, quân quyền và thần quyền đều ở trong tay, cũng đúng nữa.

Nếu Mặc tử được cầm quyền, thì có thể tổ chức một liên gia (5 tới 10 nhà) tố cáo lẫn nhau của Thương Ưởng đã xuất hiện sớm được hơn trăm năm. Nhưng lí tưởng "thượng đồng" của Mặc tử có phần hơi giống lí tưởng "*lễ nhạc, chinh phạt tự thiên tử xuất*"[169] của Khổng tử, và khác hẳn lí tưởng của bọn pháp gia Thương Ưởng, Hàn Phi. Khổng và Mặc đều muốn giữ chế độ phong kiến trên là thiên tử, dưới là chư hầu, đều muốn mưu hạnh phúc cho khắp thiên hạ; còn Thương Ưởng chỉ muốn dùng võ lực thống nhất Trung Quốc để mưu cái lợi riêng cho nước Tần, đúng hơn là vua Tần. Chính vì câu "*Thiên tử hựu tổng thiên hạ chi nghĩa dĩ thượng đồng ư thiên*" mà Mặc tử không thể coi là nhà độc tài được. Ông buộc thiên tử phải hành động hợp với ý trời thì mới đáng được thiên hạ đồng tình.

Bây giờ chúng ta trở lại câu trong *Thượng đồng* hạ: "Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền làm thiên tử" đã dẫn trong đoạn Mặc tử bàn về thời nguyên thuỷ. Nguyên văn câu đó như sau: "*Thiên hạ chi dục đồng nhất thiên hạ chi nghĩa dã, thị cố tuyển trạch hiền giả lập ư thiên tử*".

Tìm trong Thượng đồng thượng và trung chúng tôi thấy: Thượng:

"*Phù minh hô thiên hạ chi sở dĩ loạn giả, sinh ư vô chính trưởng, thị cố tuyển thiên hạ chi hiền khả giả lập vi thiên tử*"[170] [Thời nguyên thuỷ thiên hạ loạn như cầm thú], biết rằng thiên hạ sở dĩ loạn là do không có chính trưởng, cho nên chọn người hiền lương trong thiên hạ lập làm thiên tử.

Hai động từ "minh" (biết rằng) và "tuyển" (chọn) đều không có chủ từ; vậy không biết được là ai chọn vua: trời hay dân? Khó có thể là dân được vì thời đó dân "loạn như cầm thú".

Thượng đồng trung rõ ràng hơn, bảo là trời tuyển:

"*… Cố giả Thượng Đế quỉ thần kiến thiết quốc đô, lập chính trưởng dã (…) tương dĩ vi vạn dân hưng lợi, trừ hại, phú bần, chúng quả*[171]*, an nguy, trị loạn dã*"[172]: Thời xưa, Thượng Đế, quỉ thần đặt quốc đô, lập vị chính trưởng là để vạn dân mà hưng lợi, trừ hại, làm cho nghèo hoá giàu, ít dân hoá nhiều dân, nguy hoá an, loạn hoá trị".

Tóm lại, ba thiên *Thượng đồng* thì thiên thượng không nó rõ ai lựa vua, thiên

trung nói rõ là trời lựa, thiên hạ nói dân lựa. Nhưng Tôn Di Nhượng rồi gần đây: Phùng Hữu Lan, Phương Thụ Sở, Tiêu Công Quyền, Đường Kính Cảo đều cho rằng Mặc chủ trương trời lựa vua, mà thiên *Thượng đồng* hạ đã chép sai, dư chữ hạ. Còn một vài tác giả khác (như Ngô Tất Tố – Sách đã dẫn tr.136) cho là Mặc chủ trương dân lựa vua).

Chúng tôi theo Tôn Di Nhượng vì chủ trương trời lựa hợp với tư tưởng "thiên ý", "thượng đồng ư thiên", tức tư tưởng thần quyền của Mặc hơn. Vả lại thời Xuân Thu và đầu thời Chiến Quốc, dân tộc Trung Hoa chưa thể có quan niệm dân lựa vua được; họ chỉ có thể thừa nhận hay không thừa nhận một ông vua mà thôi. Không thừa nhận thì ta thán, nổi loạn như dưới thời Kiệt, Trụ, U, Lệ; thừa nhận thì ca tụng như khi Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, Thuấn cho Vũ…

Do những lẽ đó chúng tôi đã theo Tôn, bỏ chữ hạ thứ nhất trong "*thiên hạ chi dục đồng nhất thiên hạ chi nghĩa dã*…" mà dịch là: "Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ…": thống nhất lẽ phải là ý trời chứ không phải của dân, vậy việc lựa người hiền cho làm thiên tử cũng là việc của trời chứ không phải của dân. Lẽ đó hiển nhiên[173].

Mà hiểu như vậy cũng hợp với hai đoạn dưới đây trong thiên *Thượng đồng* trung:

"Chỉ có trời là không kể tới giàu nghèo, sang hèn, gần xa, thân sơ, cứ người nào hiền thì đề cử mà tôn trọng, kẻ nào xấu thì ức chế, bỏ đi…"

"…Vì vậy mà trời và quỉ thần hưởng lễ vật của họ (Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ) cho làm thiên tử, làm cha mẹ dân…"

Nhưng Mặc tử không cho ta biết trời lựa vua cách nào.

Đời sau, Mạnh tử sửa lại ý của Mặc tử. Mạnh tử cũng chủ trương rằng ai được làm vua là do ý trời, nhưng trời không tuyển, chỉ cho thôi (*thiên dữ chi*). Trời cho là thế này:

Vua Nghiêu tiến cử một người hiền là ông Thuấn với trời thì trời thuận, rồi tuyên bố với dân (rằng ông Thuấn sẽ kế vị mình) dân cũng chịu. Sở dĩ biết dân cũng chịu là vì khi ông Thuấn hay vua Nghiêu cai quản việc nước được ổn tri, trăm họ được yên vui. Như thế là trời và dân đều đem thiên hạ cho ông Thuấn (*Thiên dữ chi, nhân dữ chi*[174] – *Vạn Chương* thượng, bài 5).

Rồi sau vua Thuấn nhường ngôi cho ông Vũ, thì cũng vậy, được trời và dân nhận. Tới khi vua Vũ già, muốn nhường ngôi cho một bề tôi là ông Ích, nhưng dân không chịu, không ca tụng ông Ích mà ca tụng ông Khải, con vua Vũ, vậy là ông Khải được làm vua, ngôi vua từ đó không truyền cho người khác nữa, mà

truyền cho con. Cũng là do ý trời, ý dân nữa (*Vạn Chương* thượng, bài 6).

Thuyết của Mạnh tiến bộ hơn và cũng dễ chấp nhận hơn thuyết của Mặc.

Sau cùng, còn một điểm nữa, cũng nên xét thêm.

Phương Thụ Sở (sách đã dẫn tr.86), bảo: "Nếu thiên tử [do trời lựa chọn] không phải là người nhân mà là bạo chúa thì làm sao? Điểm đó Mặc tử chưa nói tới".

Tiêu Công Quyền (*Trung Quốc chính trị tư tưởng sử* tr.156 – chú 54) cũng viết: "Trong bộ Mặc tử không có thuyết giết bạo quân".

Hai nhà đó lầm chăng? *Thiên chí* thượng, Mặc đã nói rõ: Kiệt, Trụ, U, Lệ bị trời phạt, không cho "sống hết tuổi thọ, không hết đời họ, đến nay còn bị huỷ báng, gọi là bạo vương".

Minh quỉ hạ, Mặc còn nói rõ thêm rằng trời "sai vua Thang rất sáng suốt trừng trị Kiệt", "sai Võ vương rất sáng suốt trừng trị Trụ", và khi trời và quỉ thần đã trừng trị thì dù là "kẻ giàu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khi bén" cũng không chống nổi trời.

Vậy là Mặc đã nói đến việc giết bạo quân đấy. Nhưng ý đó không có gì mới, cũng vẫn là của Nho giáo. *Kinh Thư*, thiên *Thang Cáo* đã chép: "Đạo trời giáng tai ương cho Kiệt để tỏ rõ tội hắn (…), ta (tức vua Thang) theo mệnh trời mà tỏ rõ uy của trời, nên không dám tha hắn". Rồi *Thái Thệ* cũng chép: "Tội Trụ đã đầy, mệnh trời là giết hắn đi, nếu ta không thuận ý trời thì tội cũng như hắn".

Ở thời Khổng tử và Mặc tử, chưa ai nghĩ tới việc cho dân làm cách mạng, giết vua. Phải đợi tới khoảng trăm năm sau khi Mặc tử chết, Mạnh tử mới có hùng tâm cho dân cái quyền làm cách mạng một cách gián tiếp. Theo Mạnh, hạng "thiên lại" tức hạng vâng mệnh trời mà trị an có quyền giết vua, đánh một nước vô đạo; hạng đó phải có đức, được dân tín nhiệm, đã nổi danh là khoan đại, nhân nghĩa; lại phải theo ý dân, nghĩa là dân có lòng oán bạo chúa, mong mỏi được giải phóng, thì lúc đó thiên lại mới giết vua (Coi N.H.L *Mạnh tử* – Cảo Thơm 1975 – tr.90-92).

Vậy tuy sinh trong giới tiện dân, có nhiệt tâm bênh vực giai cấp của mình, Mặc tử vẫn bị thời đại hạn chế, chưa có được tư tưởng dân quyền bằng Mạnh tử.

CHƯƠNG VIII
LỰA NGƯỜI HIỀN

Dân tộc Trung Hoa có truyền thống trọng người hiền (*Thượng hiền*) và còn hơn nữa những người hiền coi quyền cao chức trọng – ngay cả ngôi vua – không bằng chiếc dép cỏ của họ.

Truyền thống đó để lại cho hậu thế nhiều trang sử thú vị. Mười truyện chưa chắc đã được năm truyện có thật và chuyện nào có thực thì mười phần chưa chắc đúng được năm, nhưng người chép đã say mê chép và người nghe cũng say mê nghe. Những truyện vua Nghiêu đem hai đứa con gái gả cho ông Thuấn; vua Thành Thang đưa một người đầu bếp lên chức tể tướng (tức Y Doãn); vua Văn vương nhà Chu rước một ông lão câu cá (Thái công Vọng) về triều giúp nước; Lưu Bang tam cố thảo lư của Lưu Bị; rồi những truyện Hứa Do, nghe tin vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho mình, phải xuống rửa tai ở sông Dịch, quá quắt hơn nữa, Sào Phủ thấy vậy dắt trâu lên, không cho uống nước dưới dòng nước, sợ bẩn mồm trâu; Bá Di và Thúc Tề không chịu làm vua Cô Trúc; Trang tử đuổi sứ giả vua Sở vua phái tới đón mình về triều làm tể tướng; gàn dở có một như Vụ Quang, được vua Thang nhường ngôi cho, không nhận thì thôi, mà nhảy xuống sông tự tử mà cũng được đời sau truyền tụng…; ngoài những truyện đó còn biết bao nhiêu truyện khác nữa rải rác trong mấy ngàn năm lịch sử Trung Hoa mà chúng tôi chưa gặp trong lịch sử một dân tộc nào khác.

Truyền thống trọng kẻ ẩn sĩ có một thời bị nhóm Pháp gia như Hàn Phi đả kích mạnh. Hàn cho rằng dù bọn ẩn sĩ đào giếng lấy nước mà uống, trồng lúa lấy mà ăn, không làm hại gì cho quốc gia thì cũng vẫn là vô dụng, tại sao lại trọng họ? Còn truyền thống trọng người hiền thì ai cũng nhận là đẹp.

Theo truyền thuyết, các vua Trung Hoa từ đời Thương trở về trước hầu hết đều trọng người hiền hơn người thân, giao quyền cho người hiền chứ không giao cho người thân.

Từ đời Chu trở đi mới có chế độ "thân thân"[175], nghĩa là thương yêu người thân, người ruột thịt, họ hàng, giao quyền hành cho họ, dù họ không có tài, tin họ dù họ không có đức, mà không dùng người ngoài. Do đó mà thành một giai cấp quí tộc nắm hết quyền ở các triều đình, cha truyền con nối. Chỉ có họ mới được học, mới biết pháp luật, muốn giải thích pháp luật ra sao tuỳ ý, và dĩ nhiên, họ bênh vực lẫn nhau, cho nên mới có tục: "*lễ bất há thứ nhân, hình bất thướng đại phu*" (Lễ Kí), nghĩa là giữa họ với nhau có xảy ra chuyện gì thì họ theo pháp điển bất thành văn (lễ) của họ mà dàn xếp, còn đối với dân thường họ mới dùng

hình pháp mà chỉ họ được biết thôi. Tóm lại bọn cha anh (phụ huynh) nhà vua đó điều khiển việc nước, dân thường không được dự vào.

Đầu đời Chu như vậy, nhưng qua đời Xuân Thu, vì nhà Chu suy vi, một số chư hầu mạnh lên, muốn lấn quyền nhà Chu, và khôn khéo biết dùng hạng bình dân có tài để giúp mình làm cho nước mau phú cường. Trường hợp điển hình là Tề Hoàn công dùng Quản Trọng – một kẻ hồi trẻ nghèo hèn, phải bán dầu, lại là kẻ thù cũ của mình – làm tướng quốc, trọng Quản Trọng như cha chú, nên gọi là Trọng Phụ; rồi lại nghe lời Quản, phong Ninh Thích – một người chăn bò – làm đại phu, mà các quí tộc ở Tề như họ Cao, họ Quốc không hề bất bình, ganh tị. Nhờ vậy mà Tề mạnh lên, làm bá chủ chư hầu.

Cuối đời Xuân Thu, nhiều nước chư hầu bị các nước mạnh thôn tính, và mỗi lần như vậy thì một bọn quí tộc mất địa vị, như tổ tiên Khổng tử. Họ Khổng vốn là một quí tộc ở Tống. Khi Tống suy, họ phải dời qua Lỗ, được vài đời thì sinh ra Khổng tử. Vì ở trong giai cấp quí tộc nên Khổng tử được học, nhưng vì gia đình suy tàn nên 18 tuổi chưa có chức vụ gì cả, sau mới được coi việc gạt thóc, nuôi bò, những chức thấp nhất thời đó. Sống gần như bình dân, ông có công gây phong trào giáo dục bình dân. Môn sinh của ông đa số là bình dân, ông đào tạo họ thành những kẻ sĩ, và một số có tài như Tử Cống, Tử Dư, Tử Lộ, Ngôn Yển… ra làm quan ở Lỗ, Tề, Vệ… Như vậy là ông không những chủ trương rằng giới bình dân có tài phải được lãnh chức vụ trong chính quyền, mà gắng sức đào tạo hạng người đó để giúp xã hội nữa.

Trong sách *Trung dung*, chương 20, ông bảo: Việc trị thiên hạ, nước nhà có chín điều căn bản, mà ba điều là: sửa mình thì thành đạo, tôn trọng người hiền thì khỏi lầm lạc, yêu người thân thì cha chú, anh em không dám oán…

(*Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh, viết tu thân dã, tôn hiền giả, thân thân dã… Tu thân tắc đạo lập, tôn hiền tắc bất hoặc, thân thân tắc chư phụ, côn đệ bất oán*…)[176]

Đặt "tôn hiền" lên hàng nhì, trước "thân thân" là ông đã có ý sửa đổi chế độ quí tộc của nhà Chu, chứ không hoàn toàn "tòng Chu" nữa. Chỉ sửa đổi một chút thôi, vì thời ông bọn "cha anh" quyền còn quá lớn, ông chưa dám gạt họ ra. Mấy chữ "thân thân tắc chư phụ, côn đệ bất oán" thật hàm súc: vua còn sợ bọn "cha anh" đó oán mà sẽ không làm được việc gì, có khi mất mạng nữa khiến ông vẫn phải "thân thân". Ông ở trong giai cấp quí tộc, mặc dầu là hạng quí tộc nhỏ, đã suy, nên vẫn tôn trọng ít nhiều quyền lợi của giai cấp ấy.

Mặc tử khác hẳn, ở trong giai cấp tiện dân, thâm oán hạng quí tộc, lại thấy rõ cái hại chuyên quyền của bọn quí tộc như ba họ Quí, Thức, Mạnh ở Lỗ thời

Xuân Thu, giàu mạnh hơn cả nhà vua; thấy họ sống cực kì xa xỉ, bốc lột bần dân để đào ao hồ, xây đình tạ, nuôi những đoàn ca nhạc, những bầy mĩ nữ và những tàu ngựa (*Quí nghĩa* 14), mỗi lần tống táng thì như dọn cả một lâu đài tới huyệt, chôn theo biết bao bảo vật (*Tiết táng*)… nên mạnh dạn đả kích chính sách "thân thân" và lối dùng người thiếu khả năng của bọn vua chúa thời ông.

Thiên *Thượng hiền* trung, ông bảo:

"Nay bậc vương công đại nhân, có một bộ áo không may cắt lấy được, phải nhờ một thợ may giỏi; có con bò con dê không mổ lấy được, phải nhờ người đồ tể giỏi; để làm hai việc đó, họ đều theo chính sách trọng người hiền. Đến cái việc nước nhà loạn lạc, xã tắc lâm nguy thì lại không biết theo chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi để sửa trị, mà dùng kẻ thân thích, cố cựu, cùng kẻ giàu sang[177] [tức hạng quí tộc], mặt mũi tốt đẹp[178]. Bọn thân thích, cố cựu, giàu sang, mặt mũi tốt đẹp được dùng đó, nhất định là có trí tuệ cả không? Cho họ trị nước, tức là sai bọn ngu dốt trị nước, như vậy nước loạn là điều có thể biết chắc được rồi.

Bọn vương công đại nhân vì yêu dung nhan một người nào đó mà dùng, yêu mà không xét khả năng của họ ra sao. Họ không cai trị nổi một trăm người mà cho làm một chức quan cai trị một ngàn người, không cai trị nổi một ngàn người mà cho làm một chức quan cai trị một vạn người, như vậy là chức quan lớn gấp mười khả năng. Phép trị dân, ngày nào cũng phải thi hành, không thể ngưng được, mà khả năng cai trị của kẻ đó không thể trong một ngày tăng lên gấp mười được […] thì họ chỉ trị được một phần mà bỏ qua chín phần kia; tuy suốt ngày đêm họ thi hành chức vụ, kết quả cũng như không thi hành. Nguyên do tại đâu? Tại các vương công đại nhân không hiểu rõ chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi".

(*Kim vương công đại nhân, hữu nhất y thường bất năng chế dã, tất tạ lương công; hữu nhất ngưu dương bất năng sát dã, tất tạ lương tể. Cố đương nhược chi nhị vật giả, vương công đại nhân giai tri dĩ thượng hiền sử năng vi chính dã. Đãi chí kì quốc gia chi loạn, xã tắc chi nguy, tắc bất tri sử thượng hiền năng dĩ trị chi, thân thích tắc sử chi, vô cố, phú quí, diện mục giảo (cảo) hảo tắc sử chi. Phù vô cố phú quí, diện mục giảo hảo tắc sử chi, khởi tất trí thả hữu tuệ tai? Nhược sử chi trị quốc gia, tắc thử sử bất trí tuệ giả trị quốc gia dã, quốc gia chí loạn. Kí khả đắc nhi tri dĩ.*

Thả phù vương công đại nhân hữu sở ái kì sắc nhi sử, kì tâm bất sát kì trí nhi dữ kì ái, thị cố bất năng trị bách nhân giả, sử xử hồ thiên nhân chi quan, bất năng trị thiên nhân giả, sử xử hồ vạn dân chi quan, tắc thử quan thập bội dã.

Phù trị chi pháp tương nhật chí giả dã, nhật dĩ trị chi, nhật bất thập tu; trí dĩ trị chi, trí bất thập ích […], tắc thử trị nhất nhi khí kì cửu hĩ. Tuy nhật dạ tương tiếp dĩ trị nhược quan, quan do nhược bất trị. Thử cố hà dã? Tắc vương công đại nhân bất minh hồ dĩ thượng hiền sử năng vi chính dã[179]).

Cái hại không phải chỉ là việc nước mười phần chỉ làm được một, tất phải bê trễ, hư hỏng; mà còn khiến cho dân chúng chán nản, hoá biếng nhác vì nhà cầm quyền thưởng không nhằm vào người hiền, phạt không nhằm vào kẻ bạo, vì:

"Bậc sĩ quân tử trong thiên hạ, ai cũng muốn giàu sang mà ghét nghèo hèn, nhưng làm thế nào mà được giàu sang và tránh nghèo hèn đây? Đáp: Không gì bằng làm cốt nhục của các vương công đại nhân (…) Nếu không phân biệt đức hạnh thì dù [hiền như] vua Thang, vua Vũ, vua Văn, vua Võ cũng không được lợi gì (không được thưởng), mà kẻ cốt nhục của các vương công đại nhân dù [tàn bạo] như Kiệt, Trụ cũng không bị hại gì (không bị phạt). Cho nên thưởng không nhằm vào người hiền, phạt không nhằm vào vào kẻ tàn bạo, người được thưởng đã không có cớ, kẻ bị phạt cũng không có tội, như vậy khiến cho trăm họ đều nản lòng, biếng nhác, chán nản làm điều thiện, xuôi tay xuôi chân, không giúp đỡ nhau, bỏ thối nát của thừa thải mà không chia cho nhau, giấu giếm điều hay mà không dạy bảo lẫn nhau. Hậu quả là kẻ đói không được ăn, kẻ rét không được mặc, xã hội loạn mà không trị được" (*Thượng hiền* hạ).

Chúng ta nhận thấy Mặc gia đả trước hết bọn thân thích (cha anh, họ hàng) của nhà vua, rồi tới bọn cố cựu (người quen lâu), bọn bất tài được vua yêu dấu tức chính những bọn Hàn Phi sau này đả trong các thiên *Bát Kinh* và *Bát gian*.

Mặc về điểm đó đã tiến bộ hơn Khổng tử, hơn cả Mạnh tử nữa – Vì Mạnh tuy trọng đức hơn tước nhưng vẫn còn cho tước là đáng trọng. Thiên *Công tôn Sửu* hạ, bài 2, Mạnh tử bảo:

"Thiên hạ đều trọng ba cái này: tước vị, tuổi tác và đạo đức. Tại triều đình tước vị được quí nhất, ở làng xóm tuổi tác được trọng nhất, còn về việc giúp đời dạy dân thì đạo đức được trọng nhất" (*Thiên hạ hữu đạt tôn tam: tước nhất, xỉ nhất, đức nhất. Triều đình mạc như tước, hương đảng mạc mạc như xỉ, trưởng dân mạc như đức*).

Cơ hồ ông vẫn nhận rằng quyền điều khiển việc nước phải để cho bọn quí tộc ở triều đình; người hiền không nên tranh địa vị đó của họ mà nên giữ một nhiệm vụ cao quí hơn: làm thầy hoặc cố vấn của vua, và giáo hoá dân chúng.

Quan niệm của Mặc tử khác: người hiền phải được trị nước, bọn quí tộc mà ngu thì phải lui về; và trọng người hiền là việc căn bản của chính trị. (*Thượng*

hiền vi chính chi bản: 尚賢為政之本 – Thượng hiền trung) vì "người sang và sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn" (*tự quí thả trí giả, vi chính hồ ngu thả tiện giả tắc trị; tự ngu thả tiện giả, vi chính hồ quí thả trí giả tắc loạn*[180] – *Thượng hiền* trung). Chữ "quí" (sang) trong câu đó không trỏ bọn quí tộc mà trỏ hạng người do tài năng được đề cử lên một chức cao, coi đoạn dưới, độc giả sẽ rõ.

Cách xét người hiền của Khổng, Mạnh tuy cực kì thân trọng nhưng không thực tiễn bằng cách của Mặc.

Khổng tử bảo: "Dân chúng đều ưa người nào thì ta phải xét, chớ vội cho người đó là hiền" (*chúng hiếu chi tất sát yên*)[181]. Theo ông, một người nào trong làng ai cũng ưa, chưa nhất định là tốt, chỉ người nào được những người thiện trong làng đều ưa, bị những những người bất thiện đều ghét thì mới thực là hiền.

Mạnh tử cẩn thận hơn nữa:

"Làm vua một nước mà muốn đặt người hiền ở dưới thấp lên cao thì phải cẩn thận lắm, như bị quốc dân bắt buộc vậy. Muốn dùng một người nào mà hỏi tả hữu bên mình, ai cũng bảo người đó hiền, như vậy chưa được, hỏi các đại phu, các đại phu đều bảo người đó hiền, như vậy vẫn chưa được; khi hết thảy quốc dân đều bảo người đó hiền, lúc đó mới xét, xét xong mà thấy người đó quả là hiền thì mới dùng".

Mạnh lí tưởng quá, không thực tế, Mặc tử chỉ khuyên:

Khi lựa người thì "không vị tình thân thích, nể nang kẻ giàu sang, nuông chiều kẻ có dung nhan đẹp" (*bất đảng phụ huynh, bất thiên phú quí, bất bế nhan sắc*), lựa rồi "mới nghe người đó bàn, xem thành tích hành vi người đó xét khả năng mà thân trọng giao cho chức quan (…), thấy người đó trị nước (như tể tướng) được thì cho trị nước, làm trưởng quan (đứng đầu một nha) được thì cho làm trưởng quan, trị một ấp được thì cho làm trưởng ấp" (*nhiên hậu*[182] *thính kì ngôn, tích kì hành, sát kì năng nhi thận dữ quan (…), khả sử trị quốc giả, sử trị quốc; khả sử trưởng quan giả, sử trưởng quan; khả sử trị ấp giả, sử trị ấp*)[183] – (*Thượng hiền* trung).

Xét lời nói, xét ý chí cũng chưa đủ, phải xét hành động, công việc nữa. Mặc luôn luôn chủ trương: "năng ngôn" thì phải "năng hành". Cho nên thiên *Lỗ vấn*, bài 10, khi vua Lỗ hỏi ông: có hai người con, một người hiếu học, một người thích chia sẻ của cải cho người khác, thì nên lựa người nào làm thái tử, ông đáp:

- Chưa biết được. Có thể hai người đó vì mong được thưởng hoặc được tiếng

khen mà làm ra như vậy. Người đi câu dùng mồi không phải để tặng cá, người dùng thuốc chuột không phải yêu chuột. Phải xét cả ý chí cùng công việc rồi mới biết được.

Sau này Hàn Phi theo đúng lời khuyên của Mặc, trong các thiên *Dương giá*, *Bát Kinh*, *Hiển học*, chỉ rõ cách "thính ngôn" (phương pháp nghe), "tham nghiệm" (phương pháp khảo sát) ra sao rồi mới giao chức cho một người mình muốn dùng[184].

Sở dĩ cách xét người hiền của Mặc khác của Nho là vì quan niệm về người hiền hai phái khác nhau.

Nho chú trọng đến đạo đức trước hết: người hiền phải là người đức độ rất cao, đáng làm thầy cho cả nước, từ vua trở xuống, làm gương cho muôn thuở, như Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ hay Chu công; vì vậy mà có công rất lớn đối với dân như Quản Trọng giúp Tề Hoàn công làm bá chư hầu, bình định được thiên hạ, dẹp rợ Hồ phương Bắc, cứu nền văn minh Trung Quốc, Khổng tử khen là người nhân chứ không gọi là hiền (*Luận ngữ – Hiến vấn* – 17, 18); Mạnh tử hẹp hòi hơn, chê tài đức chưa được cao, chỉ giúp Hoàn công lập được nghiệp bá chứ không thống nhất được thiên hạ, sự nghiệp đó Mạnh không thèm làm (*Công tôn Sửu* hạ – 2).

Mặc chú trọng đến tài năng, hễ mẫn cán làm nổi chức được chức vụ, dù là một trưởng quan hay trưởng ấp, cũng gọi được là người hiền.

Đây là những mẫu người hiền của ông:

"Người hiền trị nước, sáng sớm vô triều, chiều muộn mới về, xử án, coi việc hành chính; nhờ vậy mà nước trị, hình pháp thi hành đúng. Người hiền làm trưởng quan thì đêm ngủ sớm, sáng dậy sớm, thu góp thuế quan, thuế chợ, và những nguồn lợi núi rừng, chằm, cầu, để cho kho lẫm được đầy; nhờ vậy mà kho lẫm đầy, tài nguyên không mất mát. Người hiền trị ấp thì sáng đi tối về, cày cấy, trồng cây, thu lúa đậu; nhờ vậy mà lúa đậu được nhiều, dân đủ ăn. Cho nên nước mà trị thì hình pháp thi hành đúng, kho lẫm đầy mà vạn dân giàu có. Bề trên (vua) có lúa gạo tinh khiết để cất rượu, nấu xôi mà tế trời và quỉ thần; ngoài có da, lụa để giao tiếp với chư hầu bốn bên; trong nuôi được vạn dân, dân được ăn khi đói, nghỉ ngơi khi mệt mà hoài vọng người hiền trong thiên hạ" – *Thượng hiền* trung.

Nhiệm vụ của người hiền chỉ có vậy: siêng năng, làm hết chức vụ; không phải làm gương cho dân, giáo hoá dân. Như vậy đủ cho dân hoài vọng rồi.

Dĩ nhiên, một người như Mặc tử tư cách và đạo đức rất cao, lẽ nào coi thường

đạo đức. *Thượng hiền* thượng, ông bảo: "Kẽ sĩ hiền lương phải bồi dưỡng đức hạnh, luyện khoa ăn nói, học đạo thuật cho rộng". Ông cũng khuyên người ta phải tu thân. Trong *Quí nghĩa*, bài 11, ông bảo: "Người quân tử ở đời muốn thành nghĩa mà có ai giúp họ sửa mình thì họ giận, có khác gì muốn xây bức tường, có người lại tiếp thì giận, há chẳng ngược đạo ư?"

Rồi trong *Công Mạnh*, bài 24, ông mắng Cáo tử: "Anh không trị nổi cái thân anh, thì làm sao trị nước? Anh tạm đừng nói đến việc trị nước nữa, thân anh loạn rồi".

Ông khen một môn sinh, Cao Thạch tử là biết bỏ lộc mà theo nghĩa (*Canh Trụ*, 13); mắng một môn sinh khác ham bổng lộc (*Quí Nghĩa*, 15).

Ông khuyên bề tôi phải biết can gián vua (*Công Mạnh*, 1). Trung thần không phải là hạng bề tôi vua "bảo cúi thì cúi, bảo ngửa thì ngửa, không khác gì cái bóng; không gọi thì im lặng, gọi thì thưa, không khác gì tiếng vang", mà phải biết trình bày mưu hay với vua, sửa chỗ bậy của vua, dâng vua điều thiện (*Lỗ vấn*, 9).

Nhưng có lẽ ông cho rằng những đức đó, tất nhiên bề tôi nào cũng phải có; nên ông chỉ nhấn mạnh vào khả năng giúp nước, giúp dân, vì có làm lợi được cho nước, cho dân thì mới là thi hành được đạo kiêm ái.

Khi đã lựa được người hiền rồi, muốn dùng họ thì phải theo ba qui tắc căn bản dưới đây:

"Tước vị không cao thì dân không kính, bổng lộc không hậu thì dân không tin[185], chính lệnh không quyết đoán thì dân không sợ (…) Phong cho tước cao, ban cho lộc hậu, giao cho công việc, quyết đoán ra lệnh, đâu phải là vì bề tôi mà vì muốn cho được việc (…) Người hiền được minh quân mà thờ thì đem hết sức mình ra làm việc cho vua, suốt đời không mỏi".

(*Tước vị bất cao tắc dân bất kính dã, súc lộc bất hậu tắc dân bất tín dã, chính lệnh bất đoán tắc dân bất uý dã (…) Cao dữ chi tước, trọng dữ chi lộc, nhiệm chi dĩ sự, đoán dữ chi lệnh, phù khởi vị kì thần tứ tai? Dục kì sự chi thành dã (…) Hiền nhân duy vô đắc minh quân nhi sự chi, kiệt tứ chi chi lực, dĩ nhiệm quân chi sự, chung thân bất quyện*[186] *– Thượng hiền* trung).

Phải theo đúng ba nguyên tắc đó, nếu chỉ cho tước cao mà bổng lộc không xứng đáng tước, hoặc nếu vua không cho người hiền quyết đoán mà ôm hết việc nước vào trong tay mình thì là không thực tâm, người hiền sẽ không chịu giúp, mà chỉ những kẻ xấu là bu tới chung quanh vua, việc nước sẽ hỏng, xã tắc sẽ nghiêng đổ như ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ[187]. Không những vậy, dân

cũng sẽ không hiếu kính cha mẹ, tôn trọng hàng xóm, dâm loạn vì thấy kẻ hiền không được thưởng, kẻ ác không bị phạt.

Mặc tử lại dẫn sách cổ (*Thang thệ*) và hành vi của vua Nghiêu, vua Thang… để chứng thực rằng đó chính sách của các thánh vương đời xưa, và là phép của trời: "Chỉ có trời là không kể tới giàu sang, nghèo hèn, thân sơ, cứ người nào hiền thì đề cử mà tôn trọng, kẻ nào xấu thì ức chế, bỏ đi".

(*Duy thiên diệc*[188] *bất biện bần phú, quí tiện, viễn nhĩ thân sơ, hiền giả cử nhi thượng chi, bất tiếu giả ức nhi phế chi*[189] – *Thượng hiền* trung).

Thượng hiền thượng, Mặc tử còn nói rõ hơn nữa:

"Thánh vương đời xưa trị nước, bảo: "Không theo điều nghĩa thì không được giàu, không theo điều nghĩa thì không được sang, không theo điều nghĩa thì không là người thân [của vua], không theo điều nghĩa thì không được gần [vua]".

(*Bất nghĩa bất phú, bất nghĩa bất quí, bất nghĩa bất nhân, bất nghĩa bất cận*) [190].

Như vậy những kẻ trước kia trông cậy vào tình thân cận với nhà vua để được tước cao, bổng hậu, nay phải nghĩ lại mà làm theo điều nghĩa hết; tại triều đình như vậy mà ở khắp trong nước, từ quan tới dân đều như vậy: dù là nông dân, thợ thuyền, con buôn, hễ có tài năng là được đề cử, ban cho tước cao, lộc hậu, giao cho chức vụ, ai có công thì được thưởng, ai không có công thì hạ xuống. Cho nên người làm quan không nhất định được sang hoài, mà kẻ thường dân cũng không nhất định bị hèn cho tới suốt đời:

(*Quan vô thường quí, nhi dân vô chung tiện, hữu năng tắc cử chi, vô năng tắc hạ chi*)[191].

Chủ trương đó thật cách mạng và can đảm. Trước Mặc có thể có người đã nghĩ tới nhưng không ai nói ra. Ông đánh thẳng vào giai cấp quí tộc, tranh đấu cho giai cấp bình dân được bình đẳng vối quí tộc trong việc điều khiển việc nước.

Khổng tử mới chỉ mở tư thục đào tạo một số bình dân, chuẩn bị cho họ lãnh nhiệm vụ trong chính quyền, mới chỉ có ý sửa lại chế độ thế tập; Mặc mới đòi hỏi lật đổ chế độ đó, đáng được coi là ông tổ tinh thần của Pháp gia. Ngô Khỏi sau này làm tướng quốc nước Sở, khuyên vua Sở Điệu vương ra lệnh cứ sau ba đời thì thu hết tước lộc của con cháu các vị chư hầu được phong đất, như vậy mới chỉ là thi hành được một phần chủ trương của ông. Phải tới Thương Ưởng mới thuyết phục được vua Tần Hiếu công ra lệnh phải có công mới được phong

chức, quí tộc mà không có chiến công thì cũng bị hạ xuống làm thường dân. Cuối đời Chiến Quốc, Tuân Tử cũng không nói gì hơn Mặc tử. Câu: "Dù là con cháu vương công đại phu mà không thuộc lễ nghĩa thì cũng cho xuống làm tướng sĩ đại phu" của Tuân Tử chỉ là diễn lại tôn chỉ "*quan vô thường quí, dân vô chung tiện*" của Mặc.

Bọn quí tộc oán chính sách đó lắm, chặt chân tay Ngô Khởi ngay khi Điệu vương chết và xé thây Thương Ưởng khi Huệ vương lên nối ngôi Hiếu công; khiến Hàn Phi phải than thở cho hai pháp gia đó trong thiên *Hoà thị*.

Tuân Tử chỉ nói suông, không cầm quyền nên được yên thân[192]. Còn Mặc tử, nếu nhận lời làm quân sư hay tướng quốc cho vua Việt (*Lỗ vấn* 14) mà đưa chính sách "quan vô thường quí" đó ra thì chắc cũng toi mạng rồi. Các quí tộc Trung Hoa thời Chiến Quốc có tinh thần trọng tự do ngôn luận, cho các "tiên sinh", tức các học giả, triết gia, tha hồ "bàn ngang luận càn", nhờ vậy mà triết học trong mấy trăm năm đó mới nở rộ như hoa mùa xuân, nhưng động đến quyền lợi của họ thì phải coi chừng.

Tuy muốn xoá giai cấp trong chính quyền, Mặc tử vẫn trọng sự tôn ti của nhà Nho trong xã hội, nên đầu thiên *Thượng hiền* trung mới bảo: "Người sang mà sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn". Ý nghĩa câu đó không khác ý nghĩa trong câu này của Mạnh tử: "Lao tâm giả trị nhân, lao lực giả trị ư nhân. Trị ư nhân giả tự nhân, trị nhân giả tự ư nhân"[193].

Người làm việc bằng tâm trí thì cai trị dân chúng, kẻ làm việc bằng tay chân thì bị trị. Kẻ bị trị (tức dân chúng) có phận sự phụng dưỡng người bề trên, người cai trị được dân chúng phụng dưỡng. (*Đằng Văn công* thượng, 4).

Nghĩa là vẫn có sự phân công, chứ không như Hứa Hành, đòi vua phải cày ruộng lấy mà ăn như dân. Chưa thể bình đẳng tới mức đó được. Mặc tổ chức xã hội cũng như Khổng, trên có thiên tử, chư hầu rồi tới khanh, đại phu, sĩ, dân thường; trên ra lệnh, dưới phải triệt để thi hành, thì làm gì có chuyện vua tôi cùng vác cày, dắt trâu ra đồng được.

Về điểm đó, Mặc "bội Chu chứ không bội Nho", cho nên không hề đả chính sách dùng người hiền của Nho. Ông chỉ sửa đổi đạo Nho thôi, "bình dân hoá nó" – lời của Tiêu Công quyền – mở đường cho Pháp gia sau này trong cách lựa người và dùng người, và đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử tư tưởng chính trị của Trung Hoa.

CHƯƠNG IX
MẠT SÁT THÓI XA XỈ

Cuối thời Xuân Thu, bình dân Trung Hoa bị hai cái hoạ lớn nhất: vì chiến tranh mà chết chóc, không làm ăn gì được, đói rét, vợ chồng cha con xa nhau; vì thói xa xỉ của bọn quí tộc mà sưu cao thuế nặng, bỏ công việc cày cấy, canh cửi để làm xâu, cung cấp vật lạ, xây cất cung thất cho nhà cầm quyền.

Sách *Tả truyện* đã chép nhiều vụ xa xỉ đó, như vua nước Tần xây ly cung ở Đồng Đê (?). Vua nước Sở cất đài Chương Hoa, Trịnh Bá đào hầm xây cung thất ở dưới đất để đêm đêm uống rượu, Chu Cảnh công đúc chuông Vô Xạ, Vệ Ý công nuôi bầy chim hạt, ban cho tước đại phu, cho "ngồi" cùng xe với mình. Luận ngữ chép vua Tề tặng vua Ai công nước Lỗ một bầy nữ nhạc khiến Ai công mê thanh sắc mà bỏ việc nước, Khổng tử buồn mà bỏ đi. Rất có thể cảnh bi thảm Mạnh tử kể trong *Lương Huệ vương* thượng: "bếp [của vua] có thịt béo, chuồng có ngựa mập, mà dân có sắc đói, đồng ruộng có người chết đói"[194] đã xảy ra thời Mặc tử rồi, mà lời trong thiên *Từ quá*: "Vua chúa ngày nay tàn bạo cướp đoạt cái ăn của dân"[195] là lời của Mặc tử. Lời than thở của dân chúng trong thời Chiến Quốc tất ai oán hơn thời Xuân Thu và đầu đời Chu nhiều, mà văn học Trung Hoa không lưu lại được chút gì cả. Không có người thu thập hay tại lửa Tần đã đốt hết.

Khi bọn vua chúa sống, dân chúng phải chịu đói rét để thoả mãn thói xa xỉ, dâm dật của họ; mà khi chết rồi, họ còn làm cho dân chúng điêu đứng không kém vì đắp đường tới huyệt, đắp nấm "cao ngang gò núi" cho họ, tốn hao sức lực, tiền của không biết bao nhiêu mà kể.

Để trừ cái hoạ thứ nhất – chiến tranh – Mặc tử đưa ra thuyết "phi công"; để trừ cái hoạ thứ hai này – thói xa xỉ – mà ông cho là lỗi của nhà Nho (*Công Mạnh* 15 đã dẫn ở trên), ông hô hào phải tiết kiệm trong việc tiêu dùng (thiên *Tiết dụng*), trong việc ma chay (thiên *Tiết táng*) và bỏ cả ca nhạc đi nữa (thiên *Phi nhạc*).

A. HỄ ĐỦ DÙNG THÌ THÔI

(Tiết dụng)

Nhan đề là *Tiết dụng*, nhưng nội dung là chống sự xa xỉ vô ích (chứ không khuyên tiêu dùng ít đi) mà sự xa xỉ ở đây là của bọn quí tộc, dĩ nhiên, vì dân cần đủ ăn đủ mặc còn không được, lấy đâu mà xa xỉ.

Khi Khổng tử tới nước Vệ, khen dân nước đó đông đúc, một môn đệ là Nhiễm Hữu đánh xe cho ông, hỏi: "Dân đã đông rồi, nhà cầm quyền phải làm gì nữa?",

ông đáp: “Phải làm cho họ giàu có”. (*Tử thích Vệ, Nhiễm Hữu bộc. Tử viết: “Thứ hĩ tai! Nhiễm Hữu viết: “Kí thứ hĩ, hựu hà gia yên?”. Viết: “Phú chi”*[196] *– Tử Lộ*, bài 9).

Làm cho dân giàu và đông (phú, thứ) là hai mục đích của tất cả các nhà cầm quyền đông, tây thời xưa điều nhắm. Mãi tới đầu thế kỉ của chúng ta, nhất là từ sau thế chiến thứ nhì, người ta mới thấy sự bộc phát của dân số làm chậm sự phát triển của kinh tế (nghĩa là “thứ” làm hại cho “phú”) nên bỏ mục đích thứ hai đi.

Khoảng hai chục năm nay, sau Nhật Bản và Ấn Độ, Trung Hoa đã hạn chế sinh sản, nhưng chưa quyết liệt[197]. Thời Tiên Tần, ông vua nào của Trung Hoa cũng mong cho nước được mạnh – cho nên ngay cả Hàn Phi, chính trị gia đầu tiên nhận thấy số dân tăng theo cấp số nhân, mà cũng không khuyên giảm dân số mà chỉ khuyên gia tăng sản xuất thực phẩm thôi. (Coi *Hàn Phi tử* của chúng tôi).

Mặc tử cũng chấp nhận qui tắc “phú thứ” đó của Khổng, nhưng ông cho rằng muốn cho “phú” thì trước hết phải bỏ thói xa xỉ, lãng phí đã.

Đầu thiên *Tiết táng hạ*, ông bảo:

“Người có đức nhân mưu tính cho thiên hạ không phải khác gì người con có hiếu lo cho cha mẹ. Người con có hiếu tính cho cha mẹ ra sao? Đáp: Cha mẹ nghèo thì làm cho cha mẹ giàu lên, nhân dân ít thì làm cho nhân dân nhiều lên (…) Người nhân mưu tính cho thiên hạ cũng vậy. Nghĩa là thiên hạ nghèo thì làm cho thiên hạ giàu lên, nhân dân ít thì làm cho nhiều lên…” (*Nhân giả chi vị thiên hạ đạc dã, tỉ*[198] *chi vô dĩ dị hồ hiếu tử chi vị thân đạc dã. Kim hiếu tử chi vị thân đạc dã, tương nại hà tai? Viết: Thân bần tắc tòng sự hồ phú chi, nhân dân quả, tắc tòng sự chúng chi (…) Tuy nhân giả chi vị thiên hạ đạc, diệc do thử dã. Viết: Thiên hạ bần tắc tòng sự hồ phú chi; nhân dân quả, tắc tòng sự hồ chúng chi…*)[199].

Con mưu tính cho cha mẹ mà Mặc bảo: “nhân dân ít thì làm sao cho nhân dân nhiều lên”, nghe không xuôi chút nào cả: nhân dân của cha mẹ là ai? Bỏ qua sự vụng về đó đi, chúng ta chỉ cần nhớ rằng Mặc tử cũng chủ trương: “phú chi, chúng chi” – mà “chúng” của Mặc tử tức là “thứ” của Khổng. Thêm điều này cũng đáng để ý nữa: Khổng cho nhà cầm quyền là cha mẹ của dân; Mặc có lẽ là người đầu tiên dám bảo: *nhà cầm quyền phải lo cho dân như con lo cho cha mẹ*; nghĩa là ngược lại, dân là cha mẹ của nhà cầm quyền.

Chúng ta hãy khoan xét về vấn đề “chúng chi”, hãy xét về vấn đề “phú chi” đã. Đầu thiên *Tiết dụng* thượng, Mặc tử khuyên cứ bỏ những cái vô dụng, phí tổn

vô ích đi là đủ cho cái lợi của dân tăng lên gấp hai rồi:

"Thánh nhân cai trị một nước thì cái lợi của nước đó có thể tăng lên gấp hai, rộng ra, nếu cai trị cả thiên hạ thì cái lợi của thiên hạ có thể tăng lên gấp hai. Tăng lên gấp hai không phải là vì đi chiếm đất ở ngoài, mà vì bỏ những cái vô dụng, phí tổn vô ích trong nước đi, như vậy đủ tăng lên gấp hai rồi. Thánh nhân trị nước, khi ra lệnh làm một việc gì, khiến dân chúng dùng của cải, thì xét xem việc đó có ích không rồi mới làm, vì vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân, lại lợi được nhiều".

(*Thánh nhân vi chính nhất quốc, nhất quốc khả bội dã, đại chi vi chính thiên hạ, thiên hạ khả bội dã. Kì bội chi, phi ngoại thủ địa dã; nhân kì quốc gia; khứ kì vô dụng chi phí, túc dĩ bội chi. Thánh vương vi chính kì phát lệnh hưng sự, sử dân dụng tài dã, vô bất gia dụng nhi vi giả, thị cố dụng tài bất phí, dân đắc*[200] *bất lao, kì hưng lợi đa hĩ*)[201].

Nguyên tắc là cái gì không có lợi cho dân thì bỏ đi, mà theo phép "tiết dụng" của thánh nhân đời xưa. Phép ấy như sau:

"Những thợ làm mọi nghề trong thiên hạ: nghề đóng xe, làm đồ da, đồ gốm, đồ rèn, đồ mộc, tuỳ tài năng của mình; bảo "hễ cung cấp đủ đồ dùng trong thiên hạ rồi thì thôi, cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm".

Phép ăn uống cũng vậy:

"Đủ để no bụng, nối hơi, mạnh tay chân, sáng tai mắt thì thôi, không rán điều hoà đến cùng cực ngũ vị và mùi thơm, không tìm kiếm những của ngon vật lạ ở xa".

Mặc dẫn chứng vua Nghiêu làm chủ cả thiên hạ, "từ chỗ mặt trời mọc đến chỗ mặt trời lặn", mà trong một bữa không dùng hai thứ lúa, không dùng hai món canh và xào, ăn cơm trong bát đàn, húp canh trong tô đàn, uống rượu trong đấu, vì cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Phép mặc thì "mùa đông bận áo lụa xanh, lụa điều, nhẹ mà ấm; mùa hè bận áo vải nhỏ, vải to nhẹ cho mát", thế thôi. Cái gì không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Để chống loài chim dữ thú dữ hiếp người hại dân, cần có khí giới, nhưng chỉ đủ tiện lợi thì thôi. Chẳng hạn như:

"Cây kiếm, đâm thì thủng, chém thì đứt, đánh một bên thì không gẫy, đó là cái lợi của cây kiếm; dùng da tê làm áo giáp thì nhẹ và tiện lợi, cử động, co duỗi dễ dàng như ý muốn, đó là cái lợi của áo giáp".

Xe thuyền cũng vậy, không nên trang sức:

"Dùng xe để chở nặng đi xa, ngồi được yên, kéo đi cũng tiện; yên thì không hại cho thân thể, tiện thì mau tới, đó là cái lợi của xe.

"Các thánh vương đời xưa thấy không qua được sông lớn và khe rộng, cho nên chế tạo thuyền và mái chèo cho tiện, đủ để chở người thì thôi, dù chở các vị tước cao chức trọng như tam công, chư hầu thì cũng không thay đổi thuyền vào chèo, người đưa đò cũng không trang sức, đó là cái lợi của thuyền".

Sau cùng là phép xây cất nhà cửa:

"[Tường] bốn bên có thể ngừa gió và lạnh, [nóc] ở trên có thể ngừa tuyết sương, mưa móc; ở trong sáng và sạch có thể làm chỗ thờ cúng được, vách đủ để ngăn các phòng đàn ông, đàn bà, thế thôi. Cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm".

(*Phàm thiên hạ quần bách công, luân, xa, quĩ, bào, đào, dã, tử tượng, sử các tòng sự kì sở năng. Viết: Phàm túc dĩ phụng cấp dân dụng tắc chỉ; chư gia phí bất gia ư dân lợi giả, thánh vương phất vi*)[202]…

(*Ẩm thực chi pháp, viết: Túc dĩ sung hư, kế khí, cường cổ quăng, nhĩ mục thông minh tắc chỉ; bất cực ngũ vị chi điều, phân hương chi hoà, bất trí viễn quốc trân quái dị vật*).

(*Y phục chi pháp, viết: Đông phục cám tưu chi y, khinh thoả noãn; hạ phục hi khích chi y, khinh thả sảnh tắc chỉ. Chư gia phí, bất gia ư lợi dân giả, thánh vương phất vi*).

(*Đái kiếm vi thích tắc nhập, kích tắc đoạn, bang kích nhi bất chiết, thử kiếm chi lợi dã. Giáp vi y, tắc khinh khả lợi, động tắc biến*[203] *thả tòng, thử giáp chi lợi dã*).

(*Xa vi phục trọng trí viễn, thừa chi tắc an, dẫn chi tắc lợi; an dĩ bất thương nhân, lợi dĩ tốc chí, thử xa chi lợi dã*).

(*Cổ giả thánh vương vi đại xuyên quảng cốc chi bất khả tế, ư thị thị lợi vi chu tiếp, túc dĩ tương chi tắc chỉ, tuy thượng giả tam công chư hầu chí, chu tiếp bất dịch*[204]*, tân nhân nhân bất sức, thử chu chi lợi dã*).

(*Cung thất chi pháp, viết: Kì bàng khả dĩ ngữ phong hàn, thượng khả dĩ ngữ tuyết sương vũ lộ, kì trung quyên khiết dĩ tế tự, cung tường túc dĩ nam nữ chi biệt tắc chỉ. Chư gia phí bất gia lợi giả, thánh vương phất vi*) (*Tiết dụng* trung).

Theo qui tắc "*Chư gia phí bất gia lợi giả, thánh vương phất vi*" đó thì phải bỏ hết những bảo vật như vàng ngọc châu báu, bỏ cả mĩ thuật nữa. Mặc tử chủ

trương chỉ cái gì có lợi cho dân mới là quí khéo.

Thiên *Canh trụ*, bài 9, ông bảo:

"Ngọc họ Hoà và hạt châu của Tuỳ hầu, với chín cái vạc, các vua chư hầu đều cho là bảo vật; mà những cái đó có thể làm cho nước giàu, dân đông, việc hình chính được trị, xã tắc được yên không? – Không. Sở dĩ quí bảo vật vì nó có lợi. Mà ngọc họ Hoà, hạt châu của Tuỳ hầu và chín cái vạc không ích lợi gì cho ai, vậy chúng không phải là bảo vật".

Thiên *Lỗ vấn*, bài 22, Công Thâu Ban tự cho là rất khéo vì dùng gỗ và tre chế tạo được một con chim khách bay được ba ngày mà không rớt. Mặc tử chê: "Con chim khách của ông không bằng cái chốt xe của tôi, chỉ đẽo ba tấc gỗ trong một lát mà nó đỡ được sức nặng năm thạch (tức 6000 cân). Cái gì ích lợi cho người thì gọi là khéo, không lợi là vụng".

Truyện đó khiến chúng ta liên tưởng đến truyện *Không ưa trí xảo* trong Liệt tử:

"Một người nước Tống lấy ngọc chạm trổ thành một lá dó để dâng vua, ba năm mới xong. Đầu nhọn, chỗ mỏng, sống, cuống, lông, gai đều tinh vi, láng bóng, để chung với các lá dó thật, không sao phân biệt được. Người đó nhờ tài khéo mà được vua Tống khen, cấp lương bổng cho.

Liệt tử hay chuyện, bảo: "Trời đất khi sinh vạn vật mà phải mất ba năm mới thành một cái lá thì ít cây có lá lắm!"

Nhưng mục đích của Liệt tử – cũng là mục đích của Lão, Trang – khác hẳn mục đích của Mặc tử. Liệt đả trí xảo, nhất là trí mưu, là muốn con người sống giản dị chất phác, ít tham dục, mà trở về với thiên nhiên, trở về Đạo. Mặc tử thực ra không đả trí xảo, mà đả cái trí xảo nào vô ích cho dân cho nên ông chê con chim khách bằng gỗ và tre mà biết bay ba ngày không rớt của Công Thâu Ban, nhưng ông chế tạo những vũ khí xảo diệu để giữ thành cho Tống, chống sự tấn công của Sở, đặc biệt là để phá thuật dùng thang mây của Công Thâu Ban.

B. CHÔN CẤT VÀ ĐỂ TANG

(Tiết dụng, đoản tang)

Khổng tử trong thiên *Thái Bá*, bài 21, khen vua Vũ là "ăn uống đạm bạc, mặc những đồ xấu, ở những cung thất nhỏ (*phỉ ẩm thực, ố y phục, ti cung thất*). Ông lại khuyên chúng ta "trong các cuộc tế lễ, nếu xa hoa thì kiệm ước còn hơn" (*Lễ dữ kì xa dã ninh kiệm – Bất dật* 4). Vậy ông cũng chống thói xa xỉ như Mặc tử.

Nhưng Mặc chê Nho về việc chôn cất quá hậu hĩ, để tang quá lâu, đặt ra nhiều

nghi thức phiền phức. Đọc thiên *Tang lễ* trong *Lễ kí*, chúng ta phải nhận rằng Mặc có lí một phần.

Mặc tử cho rằng tục chôn cất hậu hĩ, để tang lâu có ba cái hại lớn:

- Tốn kém quá, mà dân ốm yếu, phải bỏ công việc làm ăn, nước sẽ nghèo;

- Dân sinh sản ít quá, số dân sẽ giảm, nước sẽ yếu;

- Nước sẽ loạn, dễ bị nước ngoài xâm chiếm.

Trong *Tiết táng* hạ, ông bảo:

"Theo chủ trương ma chay hậu hĩ, để tang lâu mà thi hành trong nước thì hạng vương công đại thần có tang tất bảo: phải hai lớp trong quan ngoài quách, chôn cất hậu hĩ, đồ liệm phải nhiều, thiêu thùa, màu sắc phải rực rỡ, phần mộ phải lớn; hạng dân thường, nghèo hèn có người chết thì gia tài gần khánh kiệt; hạng chư hầu mà chết thì kho lẫm trống rỗng, vì phải dùng vàng bạc châu báu trang sức đầy xác chết, dây thao buộc áo quan, xe và ngựa chôn trong mộ cùng với màn trướng, vạc, trống, kỉ, thiên, hồ lạm[205], mác, kiếm, cờ, lông, răng thú, da thú, có chôn những thứ đó vào mộ rồi mới vừa ý, thành thử tống táng mà như cuộc dời chỗ ở. [Lại thêm]: thiên tử và chư hầu mà chết, người tuẫn táng [người sống chôn theo người chết] nhiều tới vài trăm, ít cũng vài chục; tướng, đại phu mà chết, kẻ tuẫn táng nhiều thì vài chục, ít cũng vài người.

"Còn phép cư tang phải ra sao? Đáp: Lúc nào cũng phải gào khóc tới khản tiếng, bận đồ sô gai, nước mắt nước mũi ròng ròng, ở trong cái chói cất tạm, nằm cỏ gối đất, lại nhịn đói, chịu lạnh, tới nỗi mặt mày phờ phạc, nước da đen sạm, tai mắt mờ, tay chân bủn rủn, không dùng được nữa. Lại bảo hạng sĩ cư tang tất phải có người đỡ mới đứng dậy được, phải chống gậy mới đi được, như vậy suốt ba năm. Nếu theo đúng lối đó thì bọn vương công đại nhân không thể sáng vô triều, chiều mới về, xử án và trị nước được; bọn sĩ đại phu không giữ năm chức vụ, coi sáu ti[206], mở mang đất đai, làm cho kho lẫm đầy được; bọn nông phu không thể sáng ra đồng, chiều về nhà, cày cấy, trồng trọt được; thợ trăm nghề không thể sửa xe thuyền, làm đồ dùng, bát đĩa được; đàn bà không thể dậy sớm thức khuya đánh sợi dệt vải được".

Như vậy muôn dân giàu đã không được, mà muốn cho dân đông cũng không được nữa, vì:

"…vua chết để tang ba năm, cha mẹ chết để tang ba năm, vợ chết và con trai trưởng chết cũng để tang ba năm; rồi chú bác, anh em, các con thứ để tang một năm; họ hàng gần để tang năm tháng; cô, cậu, chị, cháu gọi bằng cậu, đều để tang vài tháng […]. Nếu theo đúng lời đó, thi hành đạo đó một cách nghiêm cẩn

thì sẽ đói, mệt mỏi, mà trăm họ mùa đông không chịu nổi lạnh, mùa hè không chịu nổi nóng, sinh bệnh mà chết không biết bao nhiêu mà kể. [Trong thời cư tang] lại cấm vợ chồng ăn nằm với nhau; như vậy mà muốn cho dân số đông lên thì không khác gì dùng gươm tự tử mà mong được thọ".

(*Chấp hậu táng cửu tang giả ngôn dĩ vi sự quốc gia, thử tồn hồ vương công đại nhân hữu tang giả viết: Quan quách tất trùng táng mai tất hậu, y khâm tất đa, văn tú tất phiền, khâu lũng tất cự. Tôn hồ thất phu, tiện nhân tử giả, đãi kiệt gia thất. Tôn hồ chư hầu tử giả, hư khổ*[207] *phủ, nhiên hậu kim ngọc châu ki tỉ hồ thân, luân tổ tiết ước, xa mã tàng hồ khoáng, hựu tất đa vi ốc mạc, đỉnh cổ kì thiên hồ lạm, qua, kiếm, vũ mao, xỉ, cách tẩm nhi mai chi, mãn ý. Nhược tống tòng, viết thiên tử sát tuẫn, chúng giả sổ bách, quả giả sổ thập; tướng quân, đại phu sát tuẫn, chúng giả sổ thập, quả giả sổ nhân.*

Xử tang chi pháp nại hà tai? Viết: Khốc khấp bất trật, thanh ích[208]*, thôi điệt, thuỳ thế, xử ỷ lư, tẩm thiêm, chẩm khối. Hựu tương suất cưỡng bất thực nhi vi cơ, bác y nhi hàn, sử diện mục nhãn tưu, nhan sắc lê hắc, nhĩ mục bất thông minh, thủ túc bất kính cường, bất khả dụng dã. Hựu viết: Thượng sĩ chi thao tang, tất phù nhi năng khởi, trượng nhi năng hành, dĩ thử cộng tam niên. Nhược pháp, nhược ngôn, hành nhược đạo, sử vương công đại nhân hành thử, tắc tất bất năng tảo triều, yến thoái, thính ngục, trị chính. Sử dĩ đại phu hành thử tắc bất năng trị ngũ quan, lục phủ, tích thảo mộc, thực thương lẫm. Sử nông phu hành thử, tắc tất bất năng tảo xuất dạ nhập, canh giá, thụ nghệ. Sử bách công hành thử, tắc tất bất năng túc hưng dạ mị, phưởng tích chức nhâm.*

[…] Quân tử, tang chi tam niên; phụ mẫu tử, tang chi tam niên, thê dữ hậu tử tử giả, hựu giai tang chi tam niên, Nhiên hậu bác phụ, thúc phụ, huynh đệ, nghiệt tử cơ, thích tộc nhân ngũ nguyệt, cô tỉ, sanh cữu giai hữu sổ nguyệt […] Nhược pháp, nhược ngôn, hành nhược đạo, cẩu kì cơ ước hựu nhược thử hĩ. Thị có bách tính đông bất nhẫn hàn, hạ bất nhẫn thử, tắc tật bệnh tử giả, bất khả thăng kế dã. Tử kì vi bại nam nữ chi giao đa hĩ, dĩ thử cầu chúng, thí do sử nhân phụ kiếm nhi cầu kì thọ dã). (*Tiết táng* trung).

Vì nước nghèo, dân ít đi, lại ốm yếu, bỏ bê công việc làm ăn, việc hình chính trễ nải, nên nước sẽ loạn, kẻ dưới oán người trên, đạo tặc nổi lên, nước ngoài sẽ dòm ngó, rồi xâm lăng, nước sẽ mất.

Lại thêm dân nghèo mà xôi rượu để cúng quỉ thần đã ít mà không thanh khiết, Thượng Đế, quỉ thần tất bất bình, giáng tai hoạ để trừng phạt.

Ma chay hậu hĩ, để tang lâu, hại lớn như vậy, cho nên Mặc tử cho là một nguyên nhân mất nước.

Có người bác: “Ma chay hậu hĩ và để tang lâu là đạo của thánh vương”. Mặc tử bảo: “Không phải”, và dẫn việc ba vị thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, khi chết đều chôn cất rất giản dị: quan tài bằng gỗ xấu, cột bằng dây sắn, hạ huyệt rồi mới khóc, rồi lấp đất lên chứ không đắp nấm, hoặc có đắp thì nấm thấp và nhỏ, chỉ đủ để đánh dấu thôi.

Người ta lại vặn hỏi nữa: “Không phải là đạo của thánh vương thì sao các bậc quân tử theo hoài không bỏ”. Không bỏ không nhất định là tốt, ông dẫn chứng:

Như nước Chiếp Mộc có tục: Ông chết thì cũng cõng bà đem bỏ trong rừng, bảo: “Vợ của quỉ không thể sống chung với người được”; nước Đạm, cha mẹ chết thì lóc thịt liệng đi, còn xương đem chôn, như vậy mới là có hiếu; nước Nghi Cừ, chết thì hoả táng…[209] đều là tục lệ cả, nên dân các nước đó không bỏ, chứ đâu phải là đạo nhân nghĩa, và ông kết luận: việc ăn mặc còn nên tiết độ, sao việc chôn cất lại không tiết độ. Lợi cho dân thì cứ cải tục.

Về việc đoản tang, cũng có người vấn nạn Mặc tử. Công Mạnh tử, một môn đệ của Khổng tử, bảo ông:

- Thầy cho để tang ba năm là trái (nghĩa là có hại cho sự trị nước và sản xuất) nhưng thầy chủ trương để tang ba tháng thì cũng trái vậy (nghĩa là cũng có hại, tuy ít hơn).

Ông đáp:

- Ông đem tục để tang ba năm để chê tục để tang ba tháng như vậy, không khác gì người khoả thân bảo người vén áo là không kính cẩn vậy. (*Công Mạnh*, bài 11).

Công Mạnh tử lại bảo:

- Để tang ba năm là do trẻ con nhớ cha mẹ ba năm.

Ông đáp:

- Trẻ con chỉ biết nhớ cha mẹ mà thôi, cha mẹ không thể thấy lại được mà nó cũng gào khóc không ngừng là tại sao? Tại nó cực ngu. Sự hiểu biết của người theo đạo Nho há không hơn con nít sao? (*Công Mạnh*, bài 13).

Công Mạnh tử không hiểu rõ chủ trương của đạo Nho, đưa ra một lí mơ hồ, không đúng: trẻ con nhớ cha mẹ ba năm; trẻ con nhớ cha mẹ lâu hay không là tuỳ đứa, xét chung thì dưới ba bốn tuổi chúng mau quên, nhất là khi chúng được người khác (cô, dì, chị) săn sóc tận tâm như cha mẹ. Theo Khổng tử thì người ta để tang cha mẹ ba năm vì cha mẹ nuôi con, ngoài ba năm mới hết ẵm bồng nó.

Luận ngữ, thiên *Dương Hoá*, bài 20, chép như sau:

“Tể Ngã, [tên tục là Dư], một môn sinh của Khổng tử, hỏi thầy:

Tang ba năm, rút lại một năm cũng là lâu rồi. Vì người quân tử ba năm cư tang, không được học lễ thì lễ sẽ hỏng; ba năm không học nhạc thì quên hết nhạc. Vả lại [sau một năm], lúa cũ đã ăn hết, lúa mới đã thành thục […] cho nên một năm cũng được rồi”.

Khổng tử đáp: [Chưa hết tang ba năm] mà ăn cơm gạo thơm [thay vì gạo thô], mặc áo gấm [thay vì áo gai] thì anh có an lòng không?

- An lòng.

- An lòng thì làm đi. Người quân tử khi cư tang, ăn thức ngon cũng chẳng biết mùi, nghe nhạc cũng chẳng thấy vui, ăn ở không yên, cho nên không làm theo lối của anh. Còn nếu anh an lòng thì cứ làm.

Tể Ngã lui ra. Khổng tử bảo các đệ tử: “Trò Dư là bất nhân. Trẻ sanh ra, ngoài ba năm mới hết ẵm bồng. Tang ba năm là tang ai cũng theo. Trò Dư kia có được cha mẹ thương yêu bồng ẵm đấy không?”

(“*Dư chi bất nhân dã. Tử sinh tam niên, nhiên hậu phục miễn ư phụ mẫu chi hoài. Phù tam niên chi tang, thiên hạ chi thông tang giả. Dư dã, hữu tam niên chi ái ư kì phụ mẫu hồ?*”)

Chúng ta thấy ngay từ thời Khổng tử – có lẽ còn trước nữa – đã có một số người cho phép để tang của đạo Nho có hại cho việc nhà, việc nước. Nhưng Khổng tử coi trọng tình cảm hơn lợi; ông cho hiếu là đức căn bản của con người, có hiếu rồi mới có trung, nhân, nghĩa, lễ, tín thì xã hội mới không loạn. Nhưng để tang mà đến nhịn đói, chịu lạnh, mặt mày bơ phờ, nước da đen sạm, tai mắt mờ, chân tay bủn rủn mới là phải phép, thì chúng tôi nghĩ cũng thái quá.

Câu Khổng tử bảo Tể Ngã: “*Nhữ an nhi chi*” (anh an lòng – cũng như nhẫn tâm – làm vậy thì cứ làm) thật nghiêm khắc, không cho Tể Ngã lí luận gì nữa. Tể Ngã chỉ còn cách lui ra, sau khi đáp: “an lòng”. Chúng tôi chắc hạng người “an lòng” được như Tể Ngã có nhiều trong xã hội thời đó, họ tuy vẫn theo tục của nhà Nho – cũng xô gai, cũng chống gậy như đi không nổi – nhưng chỉ có hình thức mà thôi, rốt cuộc trái hẳn với thâm ý của Khổng tử trong câu “*tang dữ kì dị giả, ninh thích*” – (*Bát dật*, bài 4), nghĩa là trong việc tang, quan trọng nhất là thành thực thương xót, không nên loè loẹt quá, chú trọng quá tới hình thức.

Mặc chê phép để tang của Nho là vô lí. Theo thiên *Phi Nho*, ông có lần bảo rằng:

“Theo lễ [của nhà Nho] thì: Để tang của cha mẹ ba năm; vợ và con trưởng ba năm; bác chú anh em, con thứ một năm; người trong họ năm tháng”. Nếu lấy

tình thân sơ để định số năm, tháng thì người thân phải nhiều, người sơ phải ít. Như họ thì coi vợ và con trưởng thân cũng như cha vậy. Nếu lấy thứ tự trên dưới mà định số năm, tháng thì họ tôn vợ và con trưởng cũng như cha vậy […] còn gì trái lẽ hơn nữa".

(*Kì Lễ viết: Tang phụ mẫu: tam niên; thê, hậu tử: tam niên; bá phụ, thúc phụ, đệ huynh, thứ tử: cơ*[210], *thích tộc nhân: ngũ nguyệt. "Nhược dĩ thân sơ vi tuế nguyệt chi số, tắc thân giả đa nhi sơ giả thiểu, thị thê, hậu tử dữ phụ đồng […] Nghịch thục đại yên"*)[211].

Rốt cuộc Mặc tử khuyên:

Về việc chôn cất: "Quan tài dầy ba tấc đủ để xương nát ra, áo ba bộ đủ để thịt nát ra; đào huyệt đủ sâu sao cho dưới không nứt, lộ ra, trên không xông hôi thối nữa, đắp nấm sao cho đủ nhận ra được mộ thế thôi. Khóc khi đưa ma và khi về, rồi mưu tính sự ăn mặc trong nhà, còn dư nhiều hay ít mà lo việc tế tự sao cho tiện lợi, như vậy là rất có hiếu với cha mẹ".

(*Quan tam thốn*[212], *túc dĩ hủ cốt, y tam lãnh, túc dĩ hủ nhục, quật địa chi thâm, hạ vô trư lâu, khí vô phát tiết ư thượng, lũng túc dĩ kì kì sở, tắc chi hĩ. Khốc vãng khốc lai, phản tòng sự hồ y thực chi tài, nại hồ tế tự, dĩ trí hiếu ư thân*[213] *– Tiết táng* hạ).

Về việc để tang thì ba tháng như trên chúng tôi đã nói, và cũng không chế ra tang phục riêng. Mặc quá thực tiễn tới coi thường tình cảm mà hoá ra vô tình; ông cũng lại không hiểu nhân tình nữa; sự than khóc người thân đâu có thể hạn chế trong lúc đưa ma mà thôi.

CHƯƠNG X
BỎ MĨ THUẬT MÀ SỐNG KHẮC KHỔ VÀ ĐẺ NHIỀU

Tác giả thiên *Phi nhạc* thượng bảo:

"Thầy Mặc tử sở dĩ chê nhạc không phải là vì cho những tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang là không vui; không phải là cho những đồ chạm khắc, văn vẻ, màu mè là không đẹp; không phải là cho những những món thịt bò, thịt dê, thịt heo xào nướng là không ngon; không phải là cho các đài cao, tạ (nhà nhỏ không có tường để nghỉ mát, hứng gió) lớn, nhà sâu là không yên.Tuy thân thể biết là yên đấy; nhưng trên đem ra khảo sát thì thấy không hợp với việc làm của thánh vương; dưới đem ra suy tính thì không hợp với cái lợi của dân. Vì vậy mà thầy Mặc tử bảo âm nhạc là đáng chê".

Chữ *nhạc* trong đoạn đó không trỏ riêng môn đờn ca múa hát mà còn tiêu biểu cho tất cả các mĩ thuật tạo khoái lạc cho con người. *Phi nhạc* tức là phi mĩ thuật nói chung.

Ông "phi nhạc" vì ba lẽ: vô ích, tốn của tốn sức, mất thì giờ làm ăn.

1. *Vô ích*.

"Dân có ba điều lo: đói không có gì ăn, lạnh không có gì mặc, mệt không được nghỉ. Ba cái đó là những điều lo lớn của dân. Thử gõ cái chuông lớn, đập cái trống kêu, gảy cây đờn cầm, đờn sắt, thổi ống sáo dọc, sáo ngang, cầm cái rìu, cái mộc mà múa xem, như vậy có sinh ra được cái ăn cái mặc cho dân không? Tôi cho là không được.

"Hãy bỏ việc đó đi, không bàn, mà xét việc này: nay một nước lớn đánh nước nhỏ, một nhà lớn đánh nhà nhỏ, kẻ mạnh cướp người yếu, số đông hiếp đáp số ít, kẻ xảo trá lừa gạt kẻ ngu, kẻ sang ngạo mạn người hèn, giặc cướp trong ngoài đều dấy lên, không ngăn cấm được. Thử gõ cái chuông lớn, đập cái trống kêu, gảy cây đờn cầm đờn sắt, thổi ông sáo dọc sáo ngang, cầm cái rìu cái mộc mà múa xem, như vậy có làm cho thiên hạ đương loạn hoá trị được không? Tôi cho là không.

"Cho nên thầy Mặc tử bảo: Bắt dân chúng đóng góp nhiều để tạo ra những tiếng chuông lớn, tiếng trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang, mà mong dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì thật là vô ích. Vì vậy thầy Mặc tử bảo âm nhạc là đáng chê".

(*Dân hữu tam hoạn: cơ giả bất đắc thực, hàn giả bất đắc y, lao giả bất đắc tức, tam giả, dân chi cư hoạn dã. Nhiên tức*[214] *đương*[215] *vi chi tràng cự chung, kích minh cổ, đàn cầm sắt, xuy vu sanh, nhi dương can thích, dân y thực*

chi tài, tương an khả đắc hồ? Tức ngã dĩ vi vị tất nhiên dã.

Úc xả thử. Kim hữu đại quốc tức công tiểu quốc, hữu đại gia tức phạt tiểu gia, cưỡng kiếp nhược, chúng bạo quả, trá khi ngu, quí ngạo tiện, khấu loạn đạo tặc tịnh hưng, bất khả cấm chỉ dã; nhiên tức đương vi chi tràng cự chung, kích minh cổ, đàn cầm sắt, xuy vu sanh, nhi dương càn thích, thiên hạ chi loạn dã, tương an khả đắc nhi trị dư? Tức ngã dĩ vi vị tất nhiên dã[216] *– Phi nhạc* thượng).

2. *Đã vô ích mà còn tốn sức, tốn của, cướp cái ăn, cái mặc của dân.*

"Nay các vương công đại nhân chế tạo nhạc khí để dùng trong nước, đâu phải cứ việc vốc nước, moi đất lên mà làm nên được; tất phải nhờ sự đóng góp của vạn dân rồi mới có tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn sắt đàn cầm, tiếng sáo dọc sáo ngang…"

(*Kim vương công đại nhân tuy vô tạo vi nhạc khí, dĩ vi sự hồ quốc gia, phi trực bồi lạo thuỷ, thích*[217] *nhưỡng thản nhi vi chi dã; tương tất hậu thố liễm hồ vạn dân, dĩ vi đại chung, minh cổ, cầm sắt, vu sanh chi thanh…*)[218].

Có nhạc khí rồi lại phải đặt ra "nhạc vũ" [điệu múa theo tiếng nhạc], có người múa, mà "Người múa không thể mặc áo vải cụt [khi làm lụng] để múa, không thể ăn cơm hẩm được, vì không ăn đồ ăn ngon thì mặt mày dung nhan coi sao được. Không mặc áo đẹp thì thân thể cử động (múa may) coi sao được. Cho nên ăn phải có gạo ngon, có thịt béo, mặc phải đồ thiêu đẹp đẽ; thế là không sản xuất cái ăn cái mặc mà còn bắt người ta nuôi. Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Các vương công đại nhân làm tổn hại, cướp mất cái ăn, cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm".

(*Vạn nhân*[219] *bất khả ý đoản hạt, bất khả thực khang tao. Viết: Thực ẩm bất mĩ, diện mục nhan sắc bất túc thị dã; y phục bất mĩ thân thể thung dung sửu luy bất túc quan dã. Thị dĩ thực tất lương nhục, y tức văn tú. Thử chưởng bất tòng sự hồ y thực chi tài, nhi chưởng thực hồ nhân giả dã. Cố Mặc tử viết: Kim vương công đại nhân duy vô vi nhạc, khuy đoạt dân y thực chi tài, dĩ phụ nhạc, như thử đa dã*[220] *– Phi nhạc* thượng).

3. *Mất thì giờ làm ăn của dân.*

"Các vương công đại nhân ngồi trên đài cao tạ lớn mà nhìn cái chuông thì cũng không khác gì nhìn cái khuôn bằng đất để đúc vạc, không gõ đánh lên làm sao mà vui được? Cho nên phải gõ, đánh; mà gõ đánh thì không thể sai người già và con nít được vì người già và con nít tai mắt không sáng, chân tay không mạnh, thanh âm không hoà điệu, mặt mày không lanh lợi. Cho nên tất phải sai bọn tráng niên […] Nếu sai đàn ông làm việc ấy thì họ tất phải bỏ việc cày cấy

trồng trọt, sai đàn bà làm việc ấy thì họ tất phải bỏ bê[221] việc đánh sợi dệt vải. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái ăn cái mặc của dân để tấu nhạc; như vậy nhiều lắm […].

"Đã có đủ tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, sáo dọc sáo ngang, mà vương công đại nhân vò võ nghe một mình thì còn thú gì nữa? Tất phải có hoặc kẻ tiện nhân hoặc người quân tử cùng nghe với mình. Nếu bắt người quân tử [người trị dân] cùng nghe thì người đó phải bỏ công việc xử án, trị nước; bắt kẻ tiện nhân [thường dân] nghe thì người đó bỏ công việc làm ăn. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái ăn cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm".

(*Kim vương công đại nhân duy vô xử cao đài, hậu tạ chi thượng nhi thị chi, chung do thị diên đỉnh dã, phất tràng kích tương hà lạc đắc yên tai? Kì thuyết tương tràng kích chi. Duy vật tràng kích, tương tất bất sử lão dĩ trì*[222] *giả. Lão dữ trì giả, nhĩ mục bất thông minh, cổ quăng bất tất cường, thanh bất hoà điệu, minh bất chuyển lợi*[223]*. Tương tất sử đương niên […] Sử trượng phu vi chi, phê trượng phu canh giá, thụ nghệ chi thời, sử phụ nhân vi chi, phế phụ nhân phưởng tích chức nhân chi sự. Kim vương công đại nhân duy vô vi nhạc, khuy đoạt dân y thực chi tài, dĩ phụ nhạc, như thử đa dã.*

Kim đại chung, minh… như thử đa dã[224]*. – Phi nhạc* thượng).

Sau cùng Mặc tử dùng phép "khảo" dẫn sách của tiên vương, thiên *Quan hình* của vua Thang, và thiên *Vu Quang* đời Hạ để chứng tỏ rằng tiên vương ghét nhạc. Nhưng hai thiên đó chê thói "hay múa ở cung" (*hằng vũ ư cung*) và thói "dâm dật vui chơi ăn uống ở ngoài đồng", mê nhạc, mê rượu, "múa may phóng túng" (*Phi nhạc* thượng), chứ không phải chê nhạc.

Mê nhạc phóng túng và bỏ bê việc nước thì chính trị gia, triết gia nào cũng chê. Khi vua Tề dâng vua Lỗ 80 người con gái đẹp múa hát giỏi, Lỗ hầu say mê, ba ngày không ra triều, Khổng tử chán nản, bỏ đi. Mà chính Khổng tử là người thích nhạc, biết đàn hát, mấy lần khen rằng nhạc "Thiều" của vua Thuấn là cực hay, cực thiện; nhạc "Võ" của Võ vương tuy cực hay nhưng không cực thiện (*Bát dật* – 25); và một lần ở Tề, ông mãi mê nghe và nghiên cứu nhạc Thiều đến nỗi ba tháng không biết mùi thịt (*tam nguyệt bất tri nhục vị – Thuật nhi* – 13).

Vả lại chính vua Thang đặt ra điệu Đại Hồ, vua Vũ (nhà Hạ) đặt ra điệu Đại Hạ (coi *Trang tử* – thiên *Thiên hạ*), như vậy hai đời đó đâu có ghét nhạc.

Lưu Hướng đời Hán, trong sách *Thuyết Uyển* chép rằng: "Cầm Hoạt Li – một môn đệ của Mặc tử – hỏi thầy: "Đồ gấm, đồ thêu, các thứ "trữ, hi" [vải mỏng,

tốt] có dùng vào việc gì không?”.

Mặc tử đáp: “…Nay gặp năm mất mùa, có người muốn cho anh ngọc Tuỳ hầu, bán không được, tuy là trân bảo mà chỉ để trang sức thôi; lại muốn cho anh một chung (6 hộc 4 đấu) lúa; nhưng anh chỉ được lựa một thứ thôi, hoặc ngọc hoặc lúa, thì anh lựa thứ nào?”

Cầm tử đáp: “Con lựa lúa, cứu đói được”.

Mặc tử bảo: “Phải vậy, chứ dùng cái xa xỉ làm gì!… Ăn phải cho no đã rồi hãy cầu ngon; mặc phải được ấm đã rồi hãy cầu đẹp; ở cho được yên rồi hãy cầu vui thích… lo cái “chất” [tức cái căn bản, cần thiết] đã rồi mới nghĩ tới cái “văn” [đẹp đẽ]. Đó là việc gấp của thánh nhân.

Có người căn cứ vào đoạn đó mà bảo Mặc tử không phải cho sự xa xỉ, trang sức là không tốt, nhưng ở thời ông, dân tình khổ quá, ông khuyên dân siêng năng, chịu khổ, bớt tiêu đi, bỏ hết xa xỉ đi để khỏi đói, khỏi rét đã.

Chúng tôi nghĩ *Thuyết Uyển* không đáng tin[225], vì thiên *Công Mạnh*, bài 9, Mặc tử chủ trương ngược lại: nước giàu mạnh rồi vẫn không nên dùng lễ nhạc.

Lần đó Công Mạnh tử bảo ông:

- Nước loạn thì lo việc sửa trị, nước trị thì lo việc lễ nhạc. Nước nghèo thì lo làm ăn, nước giàu thì lo việc lễ nhạc.

Ông đáp:

- Nước trị rồi thì vẫn lo việc sửa trị, nhờ vậy mới được trị; bỏ việc sửa trị thì nước cũng hết trị. Nước giàu thì vẫn làm ăn, nhờ vậy mới giàu, bỏ việc làm ăn thì nước cũng hết giàu. Cho nên việc trị nước cũng gắng lo hoài không ngừng như vậy mới được. Nay ông bảo: “Nước trị thì lo lễ nhạc, nước loạn thì lo sửa trị”. Như vậy thì không khác gì nghẹn[226] rồi mới đào giếng, chết rồi mới mời thầy thuốc. Xưa ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ ham mê tiếng ca nhạc, không đoái tới dân đến nỗi thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự, đều do chính sách đó cả”.

(*Quốc chi trị dã, trị chi, cố trị dã; trị chi phế, tắc quốc chi trị diệc phế. Quốc chi phú dã, tòng sự cố phú dã; tòng sự phế, tắc quốc chi phú diệc phế. Cố tuy trị quốc, khuyến chi vô hưởng*[227]*, nhiên hậu khả dã. Kim tử viết: “Quốc trị tắc vị lễ nhạc, loạn tắc trị chi”. Thị tỉ do chi ế nhi xuyên tỉnh dã, tử nhi cầu y dã. Cổ dã tam đại bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ, nhĩ*[228] *vi thanh nhạc, bất cố kì dân, thị dĩ thân vi hình lục, quốc vi lệ hư dã, giai tòng thử đạo dã*)[229].

Rõ ràng Mặc tử bắt mọi người phải khắc khổ như ông, mạc sát nhạc và mọi

mĩ nghệ, không hiểu rằng nhạc, nếu tốt, có công dịch tục, mà có mĩ nghệ thì kinh tế mới phát triển được. Ông bảo nhu cầu của dân mệt thì được nghỉ ngơi, mà ông quên rằng nghe nhạc là một cách nghỉ ngơi rất tốt; ông chỉ lo tận lực làm việc, sản xuất cho thật nhiều, nhưng ca nhạc có thể giúp cho năng suất tăng lên mà quên mệt, tức như các điệu dân ca khi đi cấy, các điệu hò chèo thuyền v.v… Ngày nay tại các xí nghiệp lớn, người ta còn cho thợ vừa làm việc vừa nghe những bản nhạc êm đềm nữa.

Thái độ của Mặc gia đối với nhạc không hợp lí bằng Nho gia, Nho chê những ông vua mê thanh sắc mà mất nước, nhưng vẫn trọng thứ nhạc "thiện, mĩ". Mạnh tử còn muốn cho Tề Tuyên vương cứ cho tấu nhạc, miễn là dân chúng được cùng nghe với vua thì dân sẽ vui vẻ và quí vua (*Lương Huệ vương* hạ, bài 1). Chỉ cần "dữ dân đồng lạc", chứ không cần "phi nhạc".

Trong thiên *Thượng hiền*, Mặc tử đòi huỷ các quyền của giai cấp quí tộc: quyền thế tập về tước lộc, quyền điều khiển guồng máy chính trị, và tranh đấu cho giai cấp tiện dân ngang hàng với giai cấp quí tộc.

Trong ba thiên *Tiết dụng*, *Tiết táng*, đoản tang và *Phi nhạc*, Mặc muốn hạ giai cấp quí tộc xuống ngang hàng với giai cấp bình dân về sự làm việc và lối sống: buộc họ phải lao động cần cù như dân, không được bắt dân phục vụ mà phải *dữ dân đồng khổ*.

Khổng tử cũng thượng hiền, muốn người "quân tử" phải yêu dân, muốn có cuộc sống công bằng trong xã hội, nhưng tinh thần tôn ti của Nho vẫn hơn của Mặc, chỉ mong quí tộc biết đồng lạc với dân thôi.

Một bên là quí tộc ở trên cao kêu dân lại cùng vui với mình, một bên là quí tộc sống với bình dân, cùng làm lụng, chịu cực với dân. Nho và Mặc khác nhau ở điểm đó; nguyên nhân phần lớn do Nho là tư tưởng của giai cấp quí tộc đã suy vi, tức một giai cấp ở giữa giai cấp quí tộc và giai cấp bình dân, còn Mặc làm tư tưởng của giai cấp bình dân bắt đầu nhận định được khả năng, sức mạnh và thân phận của mình.

Nhiệt tình của Mặc, từ xưa đến nay, không ai không phục; nhưng cũng vì nhiệt tình quá mà ông mắc khuyết điểm "kiểu uổng quá chi li".

- Chủ trương của ông về *tiết dụng* và *phi nhạc* có điểm không hợp tình người: ông bắt dân làm việc cực nhọc suốt ngày, quanh năm, tuy cho dân được nghỉ ngơi khi mệt, nhưng không cho dân du hí, ca hát, chơi nhạc; ông cũng không hiểu rằng khi đã đủ ăn đủ mặc rồi thì tự nhiên dân muốn ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn, nghĩa là muốn hưởng thụ, có như vậy công nghệ, mĩ nghệ mới tiến bộ, trình

độ văn minh mới lần lần cao được, mà quốc gia mới giàu được.

- Tuân Tử chê Mặc là "phi nhạc thì dân loạn, tiết dụng thì dân nghèo"; là "bị cái thiết thực che lấp mà không biết cái văn vẻ" (*tế ư dụng nhi bất tri văn*), nghĩa là chỉ nghĩ tới cái lợi vật chất mà không biết quí tình cảm, mĩ thuật. Lời chê đó đúng. Âm nhạc, mĩ thuật là do tình cảm mà phát, lại bồi dưỡng tình cảm. Mặc muốn bỏ hết tình cảm, coi là vô dụng, có hại cho đời sống, cho công việc làm, thì quả là "cực bạc bẽo". Chúng ta không sao tưởng tượng nổi một xã hội như một ổ kiến vĩ đại, mọi người lăng xăng[230] làm lụng suốt ngày, chỉ ăn cơm rau, mặc vải thô, không có tiếng ca tiếng đờn, nhà cửa thì toàn là mái tranh, vách đất, không có cả một bông hoa trong vườn nữa. Tác giả thiên *Thiên hạ* trong *Trang tử* bảo chính sách đó "trái hẳn nhân tâm, không ai chịu nổi; tuy Mặc tử một mình theo nổi, nhưng còn thiên hạ thì sao?" (*phản thiên hạ chi tâm, thiên hạ bất kham; Mặc tử tuy độc năng nhiệm, nại thiên hạ hà?*).

Đã trái nhân tâm thì sao lại trị dân được? Mặc học tuy được dân chúng hưởng ứng một thời, nhưng không một ông vua nào dùng cả và từ cuối thời Chiến Quốc trở đi, gần như bị quên hẳn, nguyên nhân chính tại đó chăng?

Lại vì nhiệt tâm quá, Mặc mâu thuẫn với chính mình. Ông khen vua Nghiêu sống đạm bạc, ở nhà tồi tàn, ăn mỗi bữa chỉ một món (thiên *Tiết dụng*), nhưng ông lại chủ trương đã dùng người hiền thì phải cho họ tước cao bổng lộc hậu (thiên *Thượng hiền*), như vậy thì họ dùng bổng lộc hậu để làm gì?

Ông muốn nhà cầm quyền lựa trong số người có tài đức – dù là quí tộc hay bình dân, bình đẳng với dân, thế thì sao cho họ tước cao lộc hậu. Giới bình dân được tước cao lộc hậu sẽ sống xa hoa – thành một giai cấp mới – tuy không thế tập, nhưng đặc quyền vẫn còn nhiều, thì còn đâu là bình đẳng?

Chúng tôi còn ngờ rằng, môn sinh ông, không sống đạm bạc đúng như lời ông dạy. Cho nên trong thiên *Canh Trụ*, bài 5, khi một môn sinh của ông lại ở một nhà bạn đồng môn là Canh Trụ tử, lúc đó đương làm quan ở Sở, không được Canh Trụ tử cho ăn uống sung sướng, về phàn nàn với ông rằng "ảnh chỉ cấp cho chúng con ba thăng lúa, tiếp đãi không lấy gì làm hậu", ông không hề rầy họ, bảo: "Chưa biết được, hãy đợi xem". Ít lâu sau, Canh Trụ tử đem dâng ông mười dật vàng (mỗi dật 20 lạng), ông mừng. Đành rằng số vàng đó ông không dùng riêng mà để chi tiêu cho đoàn thể, nhưng chuyện đó cũng cho chúng ta thấy rằng, thầy trò ông vẫn còn để ý nhiều tới sự ăn uống, đâu phải là sống khắc khổ hẳn.

Tới đây chúng ta thấy được đại cương chính sách kinh tế của Mặc tử. Làm cho nước giàu (*phú chi*) theo ông không phải là chế tạo được nhiều vàng bạc châu

báu, mà làm cho dân được ăn no, mặc ấm, có đủ đồ dùng cần thiết, ai nấy được sống yên ổn, không phải lo lắng (*tài dụng túc, bách tính giai đắc noãn y, bão thực, tiện ninh vô ưu – Thiên chí* trung).

Muốn vậy thì phải:

- Chú trọng đến cày cấy, trồng gai, nuôi tằm.

- Phân công: người hiền lo trị dân, dân thường lo sản xuất, đàn ông lo việc ngoài đồng, đàn bà canh cửi trong nhà.

- Giới nào cũng phải tận lực làm việc.

- Không phí sức lực, của cải vào mĩ thuật, vào những việc xa xỉ, công nghệ giảm tới mức tối thiểu,

- Không bỏ phí thì giờ (như để tang lâu, chơi nhạc, nghe nhạc…). Vì thời giờ sinh ra của cải (*thời sinh tài*): người trên mà bắt dân bỏ công ăn việc làm để phục vụ mình trong việc du hí, xây cất cung điện là cướp thì giờ, cướp cái ăn cái mặc của dân. Mặc tử là Trung Hoa đầu tiên coi trọng giá trị của lao động, của thì giờ.

Bây giờ chúng ta xét tới chính sách "chúng chi" – làm cho dân đông – của ông.

Hình như ông nhận thấy dân số thời ông giảm đi. Cuối thiên *Tiết dụng* thượng, ông bảo:

"Các chính trị gia trong thiên hạ ngày nay có nhiều cách làm cho số người ít đi. Họ bắt dân làm mệt sức, thu thuế lại nặng; dân nghèo chết đói chết rét không biết bao nhiêu mà kể. Vả lại các bậc đại nhân dấy binh để đánh chiếm nước láng giềng, lâu thì trọn năm, chóng thì vài tháng, vợ chồng lâu không gặp nhau, do đó số người ít đi. [Binh sĩ vì] ăn ở không yên, ăn uống thất thường, sinh ra ốm đau mà chết.. và trong khi phá thành, chiến đấu ngoài đồng, chết không biết bao nhiêu mà kể".

Ông chủ trương làm sao để cho dân số tăng lên gấp đôi, muốn vậy phải bắt dân sớm lấy vợ:

"Xưa, thánh vương ra lệnh: "Con trai hai mươi tuổi không ai dám không lấy vợ, con gái mười lăm tuổi không ai dám không lấy chồng". Đó là phép của thánh vương. Thánh vương mất rồi, dân sinh ra phóng túng. Có kẻ muốn lấy vợ sớm, hai mươi đã lấy vợ; có kẻ muốn lấy vợ muộn, bốn mươi mới lấy vợ. Sớm bù muộn, thì số trung bình vẫn là trễ hơn tuổi thánh vương qui định là mười năm[231]. Nếu cứ ba năm đẻ một lần thì trong mười năm trễ đó, hụt mất hai ba đứa con rồi. Như vậy chẳng phải là bắt dân sớm lấy vợ thì số dân có thể tăng lên

gấp hai đấy ư?”

(*Tích thánh vương*[232] *vi pháp viết: “Trượng phu niên nhị thập, vô cảm bất xử gia; nữ tử niên thập ngũ, vô cảm bất sự nhân”. Thử thánh vương chi pháp dã. Thánh vương kí một, ư dân thứ dã, kì dục tảo xử gia giả, hữu sở nhị thập niên xử gia; kì dục vãn xử gia giả, hữu sở tứ thập niên xử gia. Dĩ kì tảo dữ kì vãn tương tiễn, hậu thánh vương chi pháp thập niên. Nhược thuần tam niên nhi tự, tử sinh khả dĩ nhi tam kê*[233] *hĩ. Thử bất duy sử dân tảo xử gia nhi khả dĩ bội dư?*[234] – *Tiết dụng* thượng).

Đầu thời Chiến Quốc chỉ có một mình Mặc tử, rồi mãi tới cuối thời Chiến Quốc mới có thêm Hàn Phi là quan tâm đặc biệt tới vấn đề nhân số, mà cả hai đều có tinh thần toán học cả, đáng khen là có kiến thức mới mẻ. Họ sống cách nhau hai trăm năm, mà một người ngại nhân số suy giảm, một người lo dân số tăng quá mau. Như vậy có đủ cho chúng ta kết luận rằng trong hai trăm năm chiến tranh liên miên, tàn khốc đó, dân số Trung Hoa vẫn tăng mạnh, nhờ kĩ thuật canh tác tiến bộ và nhờ công nghệ phát triển không? Mà hai nhà đó sao mà giống nhau thế, đều nhiệt tâm cứu đời, đều cho rằng bản tính con người ham lợi; đều chủ trương thống nhất tư tưởng và đều đưa ra những cách thực tiễn để tuyển và dùng người. Chúng tôi nghĩ Hàn Phi tuy học Tuân Tử mà thực sự là môn sinh xa của Mặc tử.

CHƯƠNG XI
KẾT

A. GIÁO CHỦ HAY ĐẢNG TRƯỞNG?

Khổng tử là người đầu tiên mở tư thục cho bình dân. Ông dạy họ *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Nhạc*… cốt đào tạo một bọn "sĩ" có đức hạnh, trí sáng suốt, biết tu thân để tề gia, rồi trị quốc, làm chính trị. Về nội trị có Nhan Uyên chẳng may chết sớm, Nhiễm Cung; về ngoại giao có Tể Ngã, Tử Cống; về lễ có Tử Du, Tử Hạ… Khi tiếp xúc với các nhà cầm quyền ông thường cho họ theo mình, có khi thay mình nữa. Một số ra làm quan như Tể Du, Tử Cống, Tử Lộ, Tử Du, Nhiễm Cầu… Và trong khi làm quan, họ có điều gì lầm lẫn, trái với đạo thì ông vẫn trách mắng họ.

Đoàn thể chính trị của Mặc tử có tổ chức chặt chẽ hơn của Khổng nhiều, ảnh hưởng rất lớn trong thời Chiến Quốc, khiến Mạnh tử và Hàn Phi đều phải nhận rằng Mặc tranh bá quyền tư tưởng với với Nho. Mà chẳng phải giai cấp bình dân mới trọng Mặc gia mà họ coi như những hiệp sĩ bênh vực kẻ yếu thế cô độc. Theo *Lữ Thị Xuân Thu* (thiên *Dương Nhiễm*) thì bọn hậu học của Mặc cũng được trọng ở các triều đình ngang hàng với bọn hậu học của Khổng, nhiều vô kể *(Khổng Mặc chi hậu học, hiển vinh ư thiên hạ giả chúng hĩ, bất khả thăng số*).

Trong thiên *Công Thâu*, Mặc tử bảo vua Sở: "Đệ tử của thần là bọn Cầm Hoạt Li gồm ba trăm người… đương ở trên thành nước Tống mà đợi giặc Sở". Sách *Hoài Nam tử* cũng chép: "Có một trăm tám chục người phục dịch cho Mặc tử, Mặc tử có thể biến họ nhảy vào lửa, đạp vào mũi dao, chịu chết chứ không quay gót". Vậy số đệ tử của Mặc khá đông và tận tâm với thầy có phần hơn đệ tử của Khổng nữa.

Bộ *Mặc tử* chỉ còn nhắc tới khoảng 13-14 người, nổi danh nhất là Cầm Hoạt Li, người cầm đầu ba trăm bạn đồng môn để giữ thành cho Tống; Cao Thạch tử, làm quan ở Vệ, rồi bỏ đi vì vua Vệ không chịu nghe lời mình; Canh Trụ tử làm quan ở Sở, dâng Mặc tử 10 dật vàng; Công Thượng Quá làm quan ở Việt, được Mặc tử khen là biết được cốt yếu của đạo, nên không cần đọc sách…

Đó là những đệ tử trong thế hệ đầu. Các thế hệ sau, theo Phương Thụ Sở (sách đã dẫn, trang 139-142), còn được khoảng ba chục người nữa; nổi danh có Điền Cưu, viết bộ *Điền Cưu tử*, Tương Li Cần, Tương Phu Thị, Đặng Lăng tử, ba nhà này mỗi nhà lập một phái riêng; Mạnh Thắng, Điền Tương tử, Phúc Thôn đều là "cự tử", mà trong một đoạn sau chúng tôi sẽ nhắc tới.

Mặc tử chắc không dạy đệ tử về lễ, nhạc; *Thi*, *Thư* nếu có thì cũng dạy rất ít; ông đem học thuyết của mình ra truyền cho họ, mà chú trọng đến việc đào tạo họ

thành những người có nghị lực, hễ tri thì hành liền, trọng nghĩa, khinh tài, sẵn sàng hi sinh cho kẻ nghèo khổ, sống giản dị, khắc khổ, chỉ nghĩ đến lợi chung, tin ở sự thưởng phạt của trời và quỉ thần.

Chính ông không làm quan, nhưng giới thiệu đệ tử giúp việc vua chúa đương thời, như:

- Cho Canh Trụ tử làm quan ở Sở (*Canh Trụ*)
- Sai Quản Kiềm Ngao giới thiệu Cao Thạch tử làm quan ở Vệ (*Canh Trụ*)
- Cho Công Thượng Quá làm quan ở Việt (*Lỗ vấn*)
- Cho Tào Công tử làm quan ở Tống (*Lỗ vấn*)
- Sai Thắng Xước thờ Hạng tử Ngưu (*Lỗ vấn*)
- Cho một đệ tử (không biết tên) làm quan ở Vệ (Quí Nghĩa)

Đệ tử phải tuyệt đối phục tòng ông.

Họ làm quan, lộc cao bổng hậu thì cũng phải sống đạm bạc, để dành tiền nộp cho ông chi tiêu cho đoàn thể. Tức như trường hợp Canh Trụ tử làm quan ở Sở; khi ông và các đệ tử khác tới Sở, Canh Trụ tử đem tặng ông mười dật vàng, thưa: "Con không dám mang tội chết xin dâng thầy mười dật vàng để thầy tiêu". Chúng tôi nhấn mạnh vào những chữ: "*Con không dám mang tội chết*". Kỉ luật của đoàn thể nghiêm như vậy đấy.

Việc dùng bổng lộc để giúp đoàn thể chỉ là phụ. Quan trọng nhất là họ phải thuyết phục các vua chúa thi hành đạo kiêm ái, giao lợi, phi công của tôn sư, không thi hành được thì họ nên từ chức như Cao Thạch tử trong bài 13, thiên *Canh Trụ*.

Cao do Quản Kiềm Ngao giới thiệu và đề cao, được vua Vệ cho làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Cao ba lần vào chầu, nói hết những điều mình muốn nói, nhưng không điều nào được thi hành cả, bèn bỏ đi, về thưa với Mặc tử:

"Xưa thầy dạy cho con: "Thiên hạ vô đạo thì kẻ sĩ có đức nhân không ở địa vị có lộc hậu". Nay vua Vệ vô đạo mà con tham tước lộc của ông ta thì là cẩu thả ăn lúa gạo của người".

Mặc tử mừng, gọi Tử Cầm tử lại bảo: "Nghe lời anh ấy nói không? Bỏ nghĩa để hưởng lộc, ta thường nghe có hạng người ấy; bỏ lộc mà theo nghĩa thì ta mới thấy có anh Cao Thạch tử".

Câu "*Thiên hạ vô đạo, nhân sĩ bất xử hậu yên*"[235] nghĩa cũng như câu "*Bang vô đạo, cốc, sỉ dã*" của Khổng tử (*Hiến vấn*, bài 1) (nước vô đạo mà làm quan để ăn lương, là điều xấu hổ).

Nếu họ không tự ý từ chức thì Mặc tử có thể yêu cầu chủ của họ không dùng nữa, tức trường hợp của Thắng Xước.

Mặc tử sai Thắng Xước thờ Hạng tử Ngưu, Hạng tử Ngưu ba lần xâm chiếm Lỗ mà Thắng Xước đều theo giúp. Hay chuyện đó, Mặc tử sai Cao Tôn tử xin Hạng Tử Ngưu đuổi Thắng Xước về. Vì ông sở dĩ sai Thắng Xước thờ Hạng tử Ngưu là muốn Thắng Xước ngăn tính kiêu ngạo, và sửa những sai lầm của Hạng tử Ngưu làm bậy, như vậy là coi bổng lộc hơn điều nghĩa (*Lỗ vấn* – 20).

So sánh bài đó với bài 16 thiên *Tiên Tiến* (*Luận ngữ*), chúng ta thầy cách trừng phạt đệ của Mặc và Khổng khác nhau:

Nhiễm Hữu làm gia thần, thâu thuế cho họ Quí, một đại phu giàu có của nước Lỗ, mà bóp chẹn dân, như vậy là bất nhân, làm giàu thêm cho kẻ giàu, Khổng tử ra lệnh cho đệ tử: "Nó không phải là môn đệ của ta, các con nên đánh trống và công kích nó đi". Chắc Nhiễm Hữu xấu hổ và sợ thầy hơn Thắng Xước.

Nghiêm khắc nhất là Mặc tử bắt môn đồ phải hi sinh cho lí tưởng, và theo *Hoài Nam tử* thì đa số sẵn sàng vì ông mà nhảy vào lửa, đạp lên mũi dao, chịu chết chứ không lùi bước. Điều đó có thể tin được, vì ba trăm đệ tử của Mặc do Cầm Hoạt Li cầm đầu, chắc chắn có tinh thần đó khi bảo vệ thành trì cho Tống, chống với quân đội hùng cường của Sở và khí giới tối tân của Công Thâu Ban.

Mà Mặc tử cũng không hề thương tiếc những môn đồ hi sinh vì lí tưởng đó, như bài 11 thiên *Lỗ vấn* (coi chương III, phần I). Đó là thái độ của một chính trị gia, một đảng trưởng chứ không phải một giáo chủ.

Không hiểu trước khi mất, Mặc tử có chỉ định một môn đệ nào thay mình làm lãnh tụ đoàn thể không. Nếu có thì có lẽ là Cầm Hoạt Li. Theo sách *Trang tử* (thiên *Thiên hạ*) thì các đời sau, Mặc gia gọi thủ lãnh của họ là "cự tử", coi cự tử như bậc thánh, nguyện thờ cự tử, "*mong kế thừa được truyền thống của đạo Mặc*". Sách *Lữ Thị Xuân Thu* kể tên ba cự tử: Mạnh Thắng, Phúc Thôn và Điền Tương tử.

Mạnh Thắng thờ Dương Thành Quân. Sau khi Ngô Khởi chết, Dương Thành Quân phải tội, trốn đi. Nước Sở đem quân tới đánh chiếm nước của Dương Thành Quân. Mạnh Thắng giữ không nổi, xấu hổ với lòng tin cậy của chủ, muốn tự tử. Một môn đệ của Mạnh Thắng tên là Từ Nhược can: "Chết mà có ích cho Dương Thành Quân thì nên chết; vô ích thì không nên vì như vậy làm cho đạo Mặc tuyệt mất". Mạnh Thắng đáp: "Không phải vậy. Ta với Dương Thành Quân nếu không phải là tình thầy trò thì là tình bằng hữu, không phải là tình bằng hữu thì là tình vua tôi. Nếu ta không chết thì từ đây về sau, ai muốn tìm nguyên sư,

tất không tìm người trong đạo Mặc, ai muốn tìm bằng hữu tất cũng không tìm người trong đạo Mặc, ai muốn tìm bề tôi hiền tất cũng không tìm người trong đạo Mặc. Ta chết đi là để thi hành điều nghĩa của họ Mặc mà nối nghiệp của người trước. Ta định để Điền Tương tử ở nước Tống thay ta làm cự tử. Điền Tương tử là người hiền, lo gì đạo Mặc bị tuyệt ở đời.

Từ Nhược thưa: "Thầy đã nói vậy thì tôi xin được chết trước", rồi đập đầu ngay trước mặt Mạnh Thắng. Mạnh Thắng sai hai người đen chức cự tử truyền cho Điền Tương tử, rồi chết. Một trăm tám mươi ba người chết theo. Hai người truyền lệnh cho Điền Tương tử rồi, muốn về Sở để chết cùng Mạnh Thắng. Điền Tương tử ngăn: "Thầy Mạnh đã truyền chức cự tử cho ta rồi, hai anh phải nghe lời ta".

Ngô Khởi chết năm -381. Vậy việc đó xảy ra ít nhất là vài ba chục năm sau khi Mặc tử mất.

Phúc Thôn sống ở Tần, có một người con giết người. Tần Huệ vương bảo Phúc Thôn: "Ông nay đã già mà không có người con nào khác. Quả nhân đã ra lệnh tha tội cho nó. Ông nên nghe lời quả nhân". Phúc Thôn đáp: "Theo phép của đạo Mặc giết người thì phải tội chết, đả thương người thì bị tội hình, như vậy để cấm giết người và đả thương người. Cấm giết người và đả thương người là đại nghĩa của thiên hạ. Mặc dù nhà vua tha tội, không giết nó, nhưng Phúc Thôn không thể không thi hành phép của đạo Mặc". Rồi người cha đó giết con. Trong lịch sử Trung Hoa chưa từng thấy lần nào sự mâu thuẫn giữa gia đình và đoàn thể đưa tới một bi kịch ghê gớm như vậy, cũng chưa bao giờ có một đoàn thể kỉ luật nghiêm đến như vậy.

Tần Huệ vương lên ngôi năm -338, tự xưng vương năm -325, việc kể trên phải xảy ra sớm nhất là năm -325, vậy bảy, tám chục năm sau khi Mặc tử mất, đoàn thể Mặc gia vẫn còn chặt chẽ, giữ được kỉ luật.

Về Điền Tương tử, chúng tôi chưa kiếm được tài liệu gì cả.

Ngô Tất Tố (sách đã dẫn – trang 216-217) bảo Mặc giáo rõ ràng là một tôn giáo vì hai lẽ:

"- Mặc tử tôn trời và thượng quỉ, cho trời, quỉ là thiêng liêng, sáng suốt, thưởng người thiện, phạt người ác; hơn nữa lại bảo người ta phải làm ra xôi, rượu để cùng trời, quỉ.

- Mặc tử có tư cách một vị giáo chủ như Thích Ca, Ki Tô, sốt sắng cứu đời, "mòn trán, lỏng gót", cái gì lợi cho thiên hạ thì làm".

Nhưng trang 215, Ngô Tất Tố lại bảo Mặc tử "lợi dụng lòng sợ trời, quỉ của

loài người, mà bảo "kiêm ái là việc trời, quỉ vẫn muốn" để cho người dễ theo".

Như vậy là ông cũng nhận như Phương Thụ Sở rằng: "Mặc tử bắt trời thay mình hành đạo", mà lòng tin trời và tinh thần tôn giáo của Mặc thì không hơn gì của Voltaire, triết gia Pháp (thế kỉ XVIII) đã thốt ra lời bất hủ này: "Nếu không có Thượng Đế thì chúng ta phải tạo ra Thượng Đế", "Một Thượng Đế ban hành thưởng phạt để vừa kìm hãm, vừa an ủi chúng ta".

Chúng ta khó tưởng tượng được một "giáo chủ" mà lại có tinh thần duy lí, hoài nghi như vậy. Không rõ Mặc cùng môn đệ có tụng niệm không, chỉ biết ông không hề khấn vái để cầu phúc cho mình.

Ông không đặt ra lễ nghi, như các tôn giáo khác (như Kitô giáo, Hồi giáo); Khổng giáo ít nhất cũng có đàn Nam Giao để thờ trời. Các đệ tử của ông không có vẻ gì là một đoàn tăng lữ, mà chỉ là những quan lại, chiến sĩ lo việc đời, việc tục, hơn là việc tu hành, mà viên cự tử là một đoàn trưởng, đảng trưởng hơn là một giáo chủ. Cũng không có tín điều, huyền thoại (như thiên khải). Không có một khái niệm về thiên đường, địa ngục, không hề bàn về kiếp lai sinh, mà cũng không hề làm thoả mãn nhu cầu thần bí (mysticisme) của con người.

Hơn nữa, ngay các đệ tử vài ba thế hệ sau, cũng không tin trời và quỉ nữa, nên phái Biệt Mặc không bàn gì về thần quyền cả. Thế là nếu có giáo hội thì giáo hội cũng đã tan rã.

Vậy chỉ có thể gọi Mặc giáo là một tôn giáo theo cái nghĩa "giáo lí" của phương Đông thời xưa, chứ không thể theo cái nghĩa "réligion" ngày nay, vì một réligion thì phải có đủ một hệ thống tín điều, huyền thoại, một giáo hội với các lễ nghi và một hệ thống đạo đức. Mặc học cũng như Khổng học chỉ mới có một hệ thống đạo đức thôi.

André Malraux trong cuốn *Antimémoire* (Gallimard – 1967) bảo dân tộc Trung Hoa rất ít có tinh thần tôn giáo. Lời đó có phần đúng. Ba đạo lớn của họ đều không phải tôn giáo, mà chỉ là những triết học chú trọng tới nhân sinh và chính trị.

Đạo Khổng từ đời Hán được coi là quốc giáo mà suốt mấy ngàn năm không thành một tôn giáo. Ở Sơn Đông còn đền thờ ông; ở nước ta, ở các kinh đô, mỗi tỉnh, mỗi phủ cũng có văn miếu hay văn chỉ thờ ông, nhưng chỉ những người có khoa bảng mới được dự việc tế và mỗi năm cũng chỉ tế hai kì vào mùa xuân và mùa thu. Vậy người ta thờ ông là thờ vị "vạn thế sư biểu", chứ không phải thờ một vị giáo chủ, một vị thần linh.

Lão tử không nói đến Thượng Đế, mà chỉ nói tới Đạo, tức một cái gì đó "vừa

lớn vừa trống không, đứng một mình mà không biến đổi, trôi đi khắp nơi mà không ngừng", cái đó mới là nguyên thuỷ của trời đất, vạn vật. Lão, Trang không hề thờ trời.

Tới cuối thời Chiến Quốc, Lão giáo hợp với Âm dương gia, biến tái đi, không còn là một triết học mà thiên về dị đoan, tin rằng có phép trường sinh, tìm cách điều hoà âm dương, lấy trộm cái huyền vi của trời đất chế ra cách luyện đan, cách luyện tinh, khí, thần để được bất tử. Từ đó, Lão giáo biến thành Đạo giáo, một thứ tu tiên. Phái đó thờ Hoàng đế, sau tôn Lão tử làm Thái Thượng Lão Quân chỉ vì họ hiểu sai câu này trong *Đạo Đức kinh*: "*Tử nhi bất vong giả thọ*", tin rằng Lão tử có thể trường sinh bất tử được. Vậy cũng không thể coi Đạo giáo như Ki Tô giáo, Hồi giáo, Bà La Môn, Phật giáo được.

Mặc giáo chủ trương thờ trời, thần linh, thương yêu mọi người, có thể thành một tôn giáo như Ki Tô giáo được; nhưng Mặc tử và đệ tử quá lo về mặt chính trị, suốt đời bôn ba thuyết phục các nhà cầm quyền mọi nước, dắt nhau đi giữ thành nước Tống; lại có tinh thần thực tiễn quá, cho nên không tạo nổi một tôn giáo, mà sau khi ông chết, các đệ tử càng ngày càng thiên về triết học hơn, bỏ phần tín ngưỡng cần thiết cho một tôn giáo để chú trọng về tri thức luận, biện học, khoa học.

Tóm lại, kẻ "sĩ" Trung Hoa có tinh thần duy lí, thực tiễn mà giữ cho Khổng giáo không thành một tôn giáo; còn hạng bình dân của Trung Hoa cũng như của mọi dân tộc khác, bao giờ cũng thiên về dị đoan, biến Lão giáo thành Đạo giáo; và khi Phật giáo ở Ấn Độ truyền qua, dân chúng thấy nó làm thoả mãn được nhu cầu thần bí của mình, chấp nhận nó ngay, nhưng giới "sĩ" ngược lại muốn giữ tinh thần triết học của Phật giáo, phát huy phần đại thừa (cũng gọi là đại thặng) hơn là phần tiểu thừa.

Muốn tìm một tín ngưỡng chung cho dân tộc Trung Hoa, đặc biệt của dân tộc Trung Hoa thì chúng ta chỉ có thể nói như Glasenapp trong *Les cinq grandes réligions* (Payot – 1954) rằng tôn giáo của họ là Vũ trụ giáo (Universisme) vì cả đạo Khổng, Lão, Mặc, cả kẻ sĩ lẫn bình dân của họ đều tin rằng vũ trụ gồm ba thành phần trời, đất và người – mà họ gọi là "tam tài" – ba thành phần hoàn toàn là một, vì hỗ tương ảnh hưởng tới nhau, và đều theo một luật chung, một trật tự chung, tuy biến đổi mà không hỗn độn, rốt cuộc vẫn giữ được sự điều hoà cần cho sự tồn tại.

Vậy Mặc tử không phải là một giáo chủ, mà là một triết gia. Học thuyết của ông là một triết thuyết chính trị có hệ thống mặc dầu không chặt chẽ, đôi chỗ mâu thuẫn.

Chúng ta có thể tưởng tượng được quốc gia lí tưởng của ông.

Trong quốc gia đó:

- Ai cũng thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, làm lợi cho nhau như cho chính mình, thực hiện đúng ý muốn của trời là kiêm ái; do đó không có trộm cướp, không ai hà hiếp ai, nước thật là trị, mà cũng không gây chiến với nước khác.

- Rất có trật tự, kẻ dưới phải thống nhất tư tưởng với người trên: cá nhân phải thống nhất với gia đình; gia đình với hàng xóm; làng xóm với huyện, tỉnh; huyện tỉnh với triều đình tức vua; và sau cùng vua với trời và quỉ thần (ai cũng thờ trời và quỉ thần).

- Người thiện được khen thưởng, kẻ ác thì bị trừng trị; cứ từ dưới báo cáo lên trên. Có sự chế tài bằng chính trị, tức của nhà cầm quyền; ở trên cùng có sự chế tài của tôn giáo, tức của trời và thần linh. Như vậy Mặc rất coi trọng sự thưởng phạt; không dùng sự giáo hoá bằng lễ nhạc.

Mặc dầu xã hội rất có tôn ti, nhưng không có giai cấp nào được có đặc quyền; mọi người được bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ. Ai có tài đức thì dù là bình dân cũng được giao cho trọng trách, không có tài đức thì dù là quí tộc cũng thành bình dân; từ vua tới dân thường, ai cũng phải siêng năng, làm việc hết sức mình theo một sự phân công tuỳ khả năng của mỗi người; ai cũng phải tiết kiệm, sống đạm bạc, không ai có thể bắt người khác phụ vụ mình, thoả mãn những nhu cầu xa hoa của mình, vì như vậy là cướp thì giờ, cái ăn cái mặc của người khác.

- Ai cũng đủ ăn, đủ mặc, mệt nhọc thì được nghỉ ngơi, chỉ có ba nhu cầu đó là căn bản thôi.

- Bỏ hết mĩ thuật, những tốn phí không làm lợi cho dân, ma chay, tang lễ giảm tới mức tối thiểu, như người thượng cổ, thời còn bộ lạc; không cả đàn ca múa hát nữa.

Trai thì 20 tuổi, gái thì 15 tuổi, phải có vợ có chồng để sinh sản cho nhiều mà dân số tăng mau lên.

B. CÔNG CỦA MẶC TỬ

Rất nhiệt tâm cứu đời, Mặc tử có tinh thần cách mạng cao. Khi Công Mạnh tử bảo: “Người quân tử không sáng tác [đưa ra thuyết mới], chỉ thuật lại [đạo của người xưa] thôi”, ông đáp:

- Không phải vậy […] Tôi cho rằng đời xưa có gì hay thì thuật lại, mà mình có gì hay cũng đưa ra, như vậy là muốn cho cái hay càng nhiều lên.

(*Công Mạnh tử viết: “Quân tử bất tác, thuật nhi dĩ”. Tử Mặc tử viết: “Bất*

nhiên… Ngô dĩ vi cổ chi, dục thiện chi ích đa dã. – Canh Trụ, 17).

Ông lại biết tuỳ hoàn cảnh mà sửa đổi xã hội. Bài 15 thiên *Lỗ vấn*, ông khuyên một môn sinh là Nguỵ Việt:

"Vô một nước nào thì lựa việc mà làm. Một nước loạn thì giảng về đạo trọng người hiền, tán đồng với người trên; một nước nghèo thì giảng về phép bớt tiêu xài, tiết giảm việc ma chay; một nước thích âm nhạc, chìm đắm trong rượu thì khuyên bỏ nhanh đi, đừng tin có số mạng; một nước chỉ lo việc xâm chiếm nước khác thì giảng về đạo kiêm ái, không đánh nước người, cho nên bảo: "Phải lựa việc mà làm [tuỳ mỗi nước]" (*Trách vụ nhi tòng sự*).

Vì vậy ta không bảo ông là phục cổ được, mặc dầu rất nhiều lần ông dẫn hành vi của ba đời thánh vương (Nghiêu, Thuấn, Thang, Văn vương, Võ vương) để làm gương, và xã hội lí tưởng của ông có nhiều điểm giống thời bộ lạc,

Ông thấy xã hội đương thời có nhiều xấu xa, một phần do Khổng giáo gây ra, nên ông muốn sửa đạo Khổng. Ông đả đảo lễ, nhạc của Khổng tử mà dùng thưởng phạt; đả đảo tục ma chay hậu hĩ và để tang lâu của Khổng; cho đạo nhân là tốt, nên ông chỉ sửa nó[236], khuyết trương nó thành đạo kiêm ái; biết nhận thuyết thượng hiền của Khổng là đúng, nhưng ông cũng sửa lại cho công bằng hơn, bỏ đặc quyền thế tập của giai cấp quí tộc để cho giai cấp bình dân của ông khỏi bị thiệt thòi.

Vì vậy chúng ta có thể nói một mặt ông bình dân hoá đạo Khổng, một mặt đưa ra những chủ trương mới mẻ, táo bạo mở đường cho các Pháp gia như Thương Ưởng, Hàn Phi sau này; như bắt dân phải tuyệt đối phục tòng bề trên, phải tố cáo những kẻ ác lên cấp trên, nếu không thì phải chịu tội như chính mình làm điều ác; trọng cách thưởng phạt hơn là cách giáo hoá bằng lễ nhạc; trọng cách xét ngôn ngữ và hành vi của người dưới trước khi giao việc; nhất là huỷ bỏ quyền thế tập của giai cấp quí tộc.

Trong ba phái chủ trương "hữu vi" ở thời Xuân Thu và Chiến Quốc – hữu vi hiểu theo nghĩa can thiệp vào đời sống của dân – chúng ta thấy Mặc tử đứng ở giữa, làm gạch nối cho Nho và Pháp; và triết học chính trị thời đó, càng ngày càng tăng phần hữu vi lên; còn chủ trương "vô vi" của Lão, Trang, Liệt tử chỉ bừng lên không lâu và không ảnh hưởng gì nhiều tới nhà cầm quyền[237].

Ưu điểm của Mặc học khá nhiều: thực tâm yêu dân, lo cho dân; đả đảo chiến tranh xâm lăng; muốn tạo một xã hội công bằng, bình đẳng, đề cao tính cương cường, sự cần lao, và tiết kiệm… Ngoài ra về tri thức luận, Mặc tử đã nêu ra ba tiêu chuẩn để lí luận (tức *tam biểu*, hay *tam pháp*) mặc dầu khi áp dụng, ông quá

dễ dãi, chủ quan, ngây thơ nữa.

Mà khuyết điểm cũng không ít. Trong các chương trên chúng tôi đã nói ở thời đại ông, mà ngay cả thời đại chúng ta ngày nay nữa, thuyết kiêm ái lí tưởng quá, không hợp tình người, vì phải tổ chức ra sao, để thi hành kiêm ái ở khắp nơi rồi cá nhân mới thi hành được; nếu không vậy, cá nhân nào muốn kiêm ái thì phải đừng có gia đình. Mặc gia đời sau hiểu vậy nên đã sửa lại thuyết đó, thành thuyết "luân liệt", nghĩa là yêu mọi người ngang nhau nhưng phân biệt theo thứ tự, yêu người thân của mình trước.

Mặc bắt dân khắc khổ quá, cũng không hợp tình người. Ông không trọng tình cảm mà chê lễ nhạc, không hiểu công dụng lớn của lễ nhạc trong sự giáo hoá.

Bỏ hết xa xỉ, mĩ thuật, chỉ trọng nông và một vài công nghiệp căn bản – tức là làm cho nước nghèo. Một xã hội như vậy sẽ vĩnh viễn ở vào giai đoạn đầu của văn minh nông nghiệp, không sao tiến lên được.

Hữu thần luận của ông làm cho dân quá mê tín, trở về tôn giáo thời ăn lông ở lỗ.

Ngoài ra, ông lại mâu thuẫn với ông như chúng tôi đã trình bày ở chương trên: không ai được hưởng thụ, dù vua quan cũng phải sống cực khổ như dân, mà lại cho bậc hiền nhân được tước cao, lộc hậu, họ sẽ dùng cái lộc hậu để làm gì?

Dưới đây chúng tôi xin trích thêm một đoạn trong sách *Trang tử* phê bình Mặc tử:

"Mặc Địch và Cầm Hoạt Li, tỏ ra thái quá trong việc họ làm và dễ dàng quá trong việc họ cấm. Họ cấm nhạc lấy lẽ rằng để tiết kiệm; bảo sống không nên ca hát, người thân chết thì không nên bận đồ tang. Mặc tử chủ trương kiêm ái, mưu cái lợi chung cho mọi người, phản đối chiến tranh. Đạo của ông là không oán giận, ông hiếu học, biết rộng nhưng không chấp nhận những ý kiến khác mình. Ông không đồng ý với thánh vương đời xưa, bỏ hết lễ nhạc. Về cổ nhạc thì Hoàng Đế đặt ra điệu Hàm Trì, vua Nghiêu có điệu Đại Chương, vua Thuấn có điệu Đại Thiều, vua Vũ có điệu Đại Hạ, vua Thang có điệu Đại Hộ, Văn vương có điệu Tịch Ung, vua Võ vương và ông Chu Công có điệu Vũ. Tang lễ thời xưa, sang hèn đều có nghi lễ[238] nhất định, phân biệt đẳng cấp trên dưới, như thiên tử có bảy lớp quan quách, chư hầu có năm lớp, đại phu ba, kẻ sĩ hai. Riêng Mặc tử thì khi sống cấm ca hát, khi người thân chết thì cấm mặc đồ tang, áo quan bằng gỗ vông chỉ dày ba tấc, mà không có quách, đó là phép chung cho mọi người.

"Đem đạo đó dạy người, đâu phải là yêu người, chính mình theo đạo đó thì cũng không phải là yêu mình. Tôi không công kích đạo Mặc tử; nhưng người ta

ca hát mà ông ấy cấm; người ta khóc [người chết] mà ông ấy cấm; người ta chơi âm nhạc mà ông ấy cấm, như vậy có hợp nhân tình không? Sống thì lao khổ, chết thì bị chôn cất bạc bẽo, cái đạo ấy khắc nghiệt quá, khiến người ta ưu uất, buồn rầu, khó thi hành được. Tôi còn ngại rằng nó không phải là đạo của thánh nhân, trái với lòng người, không ai chấp nhận nó. Tuy một mình Mặc tử theo được, nhưng còn những người khác thì sao? Ông ấy cách biệt với thiên hạ như vậy, thật là xa đạo của thánh vương quá…

"Dụng tâm của Mặc tử và Cầm Hoạt Li tốt, nhưng thực hành sai… Mặc tử quả là người tốt trong thiên hạ, không tìm được người nào khác như ông ấy, chịu cực khổ, dù cho thân thể khô đét, ông ấy cũng không bỏ việc giúp đời. Thật là bậc sĩ có tài năng [nhiệt tâm]".

(*Mặc tử chân thiên hạ chi hảo dã, tương cầu chi bất đắc dã. Tuy khô cảo, bất xả dã. Tài sĩ dã phù*).

Phùng Hữu Lan nhận lời phê bình đó là đúng và bảo: "Phải chăng đó là một lí do khiến cho đạo Mặc không được dùng ở đời sau?". Theo chúng tôi đó là lí do chính.

Nó không thời nào được dùng nhưng khoảng năm chục năm trước đây, nó được một số nhà cách mạng Trung Hoa đề cao vì nó có nhiều điểm giống lí thuyết cộng sản: nó bình dân, thuyết *kiêm ái* của nó tựa như thuyết cộng sản ngày nay gọi là "làm chủ tập thể"; chủ trương *thượng đồng* của nó không khác thuyết kẻ dưới phải tuyệt đối phục tùng bề trên và tố cáo kẻ nào chống lại chính quyền. Đáng tiếc cho Mặc Địch sinh trước Lénine và Mao Trạch Đông non hai ngàn rưỡi năm.

PHẦN BA
BIỆT MẶC VÀ MẶC KINH

CHƯƠNG I
SAU KHI MẶC TỬ MẤT

A. CÁC PHÁI

Mặc tử mất rồi, Mặc học chia thành những giáo phái nào? Về điểm đó chúng ta chỉ có hai tài liệu: một trong thiên *Thiên hạ*, sách *Trang tử*, một trong thiên Hiển học của Hàn Phi.

Thiên *Thiên hạ* chép:

"Đệ tử của Tương Lí Cần, môn sinh của Ngũ Hầu và những Mặc gia ở phương Nam như Khổ Hoạch, Dĩ (hay Kỉ) Xỉ, Đặng Lăng tử… đều tụng *Mặc kinh* mà càng có những tư tưởng quái dị, chống đối nhau, tự xưng là Biệt Mặc, công kích nhau bằng những lí luận "kiên bạch" (cứng và trắng), "đồng dị" (giống nhau và khác nhau); "lẻ và chẵn giống nhau"[239]; nhưng hết thảy đều coi các cự tử là thánh nhân, nguyện thờ cự tử, mong kế thừa được truyền thống của đạo Mặc"[240].

Thiên *Hiển học* chép:

"Sau khi Mặc tử chết, có phái Mặc của họ Tương Lí, có phái Mặc của Tương Phu, có phái Mặc của Đặng Lăng. Như vậy… Mặc tách ra làm ba phái, chủ trương khác nhau, mà đều là chân truyền của Mặc… Mặc tử đã không sống lại thì ai là người quyết định được học phái nào chân chính cho đời?".

Theo hai tài liệu đó thì:

- Ở thời tác giả thiên *Thiện hạ*, Mặc gia chia làm hai phái:

Bắc: có Tương Lí Cần và Ngũ Hầu.

Nam: có Khổ Hoạch, Đặng Lăng tử và Dĩ Xí.

- Mà ở thời Hàn Phi, Mặc gia chia làm ba phái, ngoài hai phái kể trên, thêm phái Tương Phu nữa.

Chúng ta không thể tra khảo ở đâu để biết được Tương Lí Cần, Tương Phu, Đặng Lăng sống ở thời nào và chủ trương của họ khác nhau ra sao. Trong thiên *Thiên hạ*, chúng ta để ý đến hai danh từ *Mặc Kinh* và *Biệt Mặc*. Biệt Mặc gồm những ai? và *Mặc Kinh* do ai viết? Cho tới nay ý kiến vẫn còn phân vân.

Hồ Thích trong *Trung Quốc triết học sử đại cương* và Lương Khải Siêu trong *Mặc gia cập Mặc học biệt phái* đều cho rằng Huệ Thi, Công Tôn Long và một số

biện giả khác đều ở trong phái Biệt Mặc. Họ ít chú trọng đến chính trị, đến thuyết kiêm ái, phi công, ít ai tin trời và quỉ thần mà chuyên về môn biện luận, nên họ tách rời ra. Họ tự xưng là Biệt Mặc hay người đương thời gọi họ là Biệt Mặc, chúng ta cũng không biết.

Nhưng Phùng Hữu Lan và Phương Thụ Sở đều bác thuyết đó. Đại khái Phùng bảo (tr.307-8): Nho và Mặc đều chú trọng vào thực dụng, căn cứ vào thường thức, vào cảm giác mà giải thích vũ trụ, còn bọn biện giả, trái lại chỉ dùng lí trí suy luận mà giải thích vũ trụ. Vì vậy cuối thời Chiến Quốc cả Nho lẫn Mặc đều đả phái Biện giả: Tuân (Nho) viết thiên *Chính danh* và Biệt Mặc viết *Mặc Kinh* trong đó họ phản đối lí luận của Huệ Thi và Công Tôn Long (như bác câu: Núi với chằm cao bằng nhau của Huệ Thi). Vậy thì sao có thể sắp Huệ Thi và Công Tôn Long vào phái Biệt Mặc được.

Phương Thụ Sở còn đưa thêm lí do này nữa: Huệ Thi thờ Lương Huệ vương, một ông vua mà Mạnh tử chê là bất nhân, vì hiếu chiến, mà Huệ Thi lại được Lương Huệ vương tin cậy, tôn kính, gọi là "trọng phụ" thì đâu phải là theo Mặc tử, kiêm ái và phi công. Huệ không phải là "chân Mặc" hay "Biệt Mặc"[241], chỉ là một nhà nguỵ biện trong phái Danh gia.

Sở dĩ Hồ Thích cho Huệ Thi là Biệt Mặc chỉ vì câu: "*Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã*" (yêu khắp muôn vật, trời đất là một), Nhưng nếu chỉ vì vậy thì chúng ta cũng có thể nói Trang tử là Mặc gia vì trong thiên *Tề vật luận*, Trang cũng chủ trương "*thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất*"[242].

B. TÁC PHẨM MẶC KINH

Ở phần I, chương IV, chúng tôi đã nói bộ Mặc tử gồm 5 "tổ", mà tổ thứ ba gồm sáu thiên: *Kinh thượng*, *Kinh thuyết thượng*, *Kinh hạ*, *Kinh thuyết hạ*, *Đại thủ*, *Tiểu thủ*. Sáu thiên đó gọi là *Mặc Kinh* (có người gọi là *Biện Kinh*).

Cao Hanh trong *Mặc Kinh hiệu thuyên* (Thái Bình thư cục – 1966) tr.1, căn cứ vào câu trong thiên *Thiện hạ* chúng tôi đã dẫn ở trên: "Đệ tử của Tương Lí Cần, môn sinh của Ngũ Hầu và những Mặc gia ở phương Nam như Khổ Hoạch, Dĩ Xỉ, Đặng Lăng tử đều tụng *Mặc kinh*…" mà cho rằng *Mặc Kinh* "mới đầu do Mặc tử viết, cho nên môn đồ của Mặc tử mối đều đọc và gọi là *Mặc Kinh*"; nhưng hai thiên *Kinh* cũng có Mặc gia đời sau viết thêm vào, còn hai thiên *Kinh thuyết* thì đại khái đều do ngọn bút của đời sau cả.

Phùng Hữu Lan – tr.110-111, theo thuyết của Cố Hiệt Cương trong *Cổ sử biện* bảo thời Mặc tử trở về trước, chưa có thể loại "kinh", cũng chưa có thể loại "tư luận" (bàn về một vấn đề như phần lớn các thiên trong *Tuân Tử*), chỉ mới có thể

loại "kí ngôn" (ghi lại lời nói) như trong *Luận ngữ*; mãi sau nửa thời Chiến Quốc, nhân phong trào du học cực thịnh, người ta mới ghi chép thật vắn tắt cho dễ nhớ, do đó mới có thể loại "kinh", như *Mặc kinh*, *Đạo kinh* trong *Tuân tử*, *Ngoại trừ thuyết kinh* trong *Hàn Phi tử*. Còn hai thiên *Đại thủ*, *Tiểu thủ* dùng thể loại "tư luận" lại biện luận về những vấn đề "cứng trắng", "bò ngựa không phải là bò" (*ngưu mã phi ngưu*), tức là những vấn đề ngay thời Mặc tử cũng chưa ai nêu ra. Vậy cả sáu thiên trong tổ ba đó, đều không phải của Mặc tử viết, và sở dĩ người ta sắp *Đại thủ, Tiểu thủ* vào bốn thiên kia rồi gọi chung là *Mặc Kinh*, mặc dầu *Đại thủ, Tiểu thủ* không phải là kinh, chỉ vì nội dung hai thiên đó với bốn thiên kia có nhiều điểm giống nhau.

Chúng tôi nghĩ nếu Mặc tử muốn viết sách và có thì giờ để viết thì tất ông trình bày những thuyết kiêm ái, thượng đồng, thiên chí, tiết dụng… để cứu đời trước đã, rồi mới bàn về tri thức luận, biện luận, khoa học như trong *Mặc Kinh*, mà trong phần I chúng tôi đã nói, trọn hai mươi bốn thiên trong tổ hai: *Thượng hiền*, *Thượng đồng*, *Kiêm ái*, *Phi công* v.v… đều do môn sinh viết cả. Vả lại *Mặc Kinh* từ nội dung đến bút pháp, đều khác xa các thiên trong tổ hai quá, khó có thể cho là của Mặc tử được.

Vậy thì là của ai? Chỉ có thể đoán rằng của nhiều Mặc gia viết: họ sống đồng thời hoặc sau Huệ Thi, Công Tôn Long. Phương Thụ Sở (tr.156) còn ngờ *Mặc Kinh* là một công trình tập thể của các cự tử và học giả theo Mặc giáo.

Nội dung Mặc Kinh

Kể cả bốn thiên: hai *Kinh thuyết*[243] (thượng, hạ), để giải thích phần *Kinh* – không gồm quá sáu ngàn chữ, mà nội dung bao quát rất nhiều vấn đề, từ triết học (tri thức luận, vũ trụ luận…), đạo đức, chính trị, kinh tế tới khoa học: số học, hình học, vật lí…

Đại khái, các tác giả gặp đâu nói đấy, thấy các nhà khác đưa ra một thuyết nào thì bác hoặc giả thích thêm, hễ thấy đích là phóng mũi tên (*hữu đích phóng thỉ*), khi thì bắt bẻ các Danh gia (nhất là Huệ Thi), khi thì chê Lão tử, Trang tử, Trâu Diễn… Nội dung rất phức tạp, không sắp đặt, phân loại, không có hệ thống gì cả: như một cuốn sổ tay vậy thôi.

Theo Ngô Tất Tố thì *Kinh thượng* giải thích về giới thuyết, *Kinh hạ* giải thích về các định lí; *Đại thủ* bàn về nhiều học thuyết trọng yếu, còn *Tiểu thủ* thì nói về các phương pháp biện luận (tr.149). Lời đó chỉ đúng một phần thôi, thực ra không có ranh giới rõ rệt như vậy: trong *Kinh thượng* cũng đưa ra một số định lí hình học; mà trong *Kinh hạ* cũng phê phán học thuyết của Lão, Trang, Trâu Diễn…

Tóm tắt nội dung như Phương Thụ Sở (tr.157) có phần hợp lí hơn. Phương chia làm năm mục chính:

1- Tu chính là phát triển học thuyết của Mặc tử;

2- Xã hội học như đạo đức, chính trị, kinh tế (phần nhiều ở nửa đầu *Kinh Thượng*);

3- Ứng dụng khoa học như sử học, hình học, vật lí (nhiều nhất ở phần cuối *Kinh Thượng*), quang học (ở phần đầu *Kinh hạ*);

4- Tri thức luận và biện học (*Kinh thượng* và *hạ* đều có những *Tiểu thủ* chuyên bàn về "biện học");

5- Bác học thuyết của các nhà khác.

Hình thức

Về hình thức, *Mặc kinh* cũng rất đặc biệt ở chỗ quá giản lược, sâu kín (nếu không muốn nói là bí hiểm) đến nỗi suốt hai ngàn năm, từ khi Mặc học suy tàn ở đầu đời Hán, mãi tới đầu đời Thanh, không ai đọc nổi, hiểu nổi. Theo lối hồi xưa, người ta cứ chép một mạch từ đầu kinh tới cuối kinh, không cấm câu, không xuống hàng, *Kinh* và *Kinh thuyết* sắp đặt lộn xộn hết[244]. Lại thêm trong hai chục thế kỉ đó, sao đi chép lại không biết bao nhiêu lần, nên sai lầm thiếu sót không biết bao nhiêu mà kể.

Đời Tấn, Lỗ Tháng[245] ráng chú giải, chẳng may bản đó thất truyền. Phải đợi mãi đến đời Càn Long nhà Thanh, mới có một học giả tên là Tất Nguyên (có sách chép sai là) ra công nghiên cứu, mò mẫm rất lâu rồi mới tìm ra được cách đọc. Ông tự là Thu Phàm, đậu tiến sĩ, làm quan đến chức tổng đốc Hồ Quảng, học rất rộng, từ kinh sử đến địa lí, địa chất, soạn các bộ *Truyền kinh biểu*, *Kinh điển biện chính*, *Tục Tư trị thông giám*… Có thể nói ông là người phát kiến được *Mặc Kinh*, nếu không thì *Mặc Kinh* tuy còn đó mà cũng như không vì không ai đọc nổi.

Từ Tất Nguyên đến nay, có hàng chục học giả nghiên cứu, hiệu đính, chú giải thêm; vậy mà Cao Hanh trong *Mặc Kinh hiệu thuyên* cũng phải thú rằng đã mất nhiều năm khảo đính, châm chước các thuyết cũ, mới đọc thông được, rồi chú giải, nhưng không dám tin rằng mình hoàn toàn đúng.

Để độc giả thấy đại khái hình thức kinh đó ra sao, chúng tôi xin chép lại dưới đây điều thứ nhất và thứ nhì trong số một trăm điều của *Kinh thượng*[246] sau khi được Cao Hanh sắp đặt lại, chấm câu, hiệu đính, chú giải.

Điều 1

Kinh: 故，所得而後成也。

Thuyết: 「故」小故有之不必然無之必不然體也若有端大故有之必無然若見之成見也。

「若有端」[247]

Nguyên văn điều 1 trong *Kinh thượng* và *Kinh Thuyết thượng* chỉ có bấy nhiêu. Phần *Kinh* không có gì sai, lầm, không hiệu đính. Nhưng phần *Thuyết*, Cao Hanh thấy sai, và đề nghị sửa lại như sau: [ ], ngờ là thiếu chữ, nên sửa lại là: (theo thuyết của Ngũ Phi Bách) [ ], ngờ là sai và thiếu bốn chữ, nên sửa lại là: (theo thuyết của Tôn Di Nhượng 孙诒诒)[248].

Sửa lại như vậy rồi thì thành:

Kinh: Cố: Sở đắc nhi hậu thành dã (y như cũ).

Thuyết: (Cố) Tiểu cố hữu chi bất tất nhiên, vô chi tất bất nhiên, thế dã, nhược xích hữu đoan. Đại cố hữu chi tất nhiên, vô chi tất bất nhiên, nhược kiến chi thành kiến dã.

Và Cao Hanh giảng như sau:

Kinh. Điều 1 này nói về "cố", tức cái nhân (trong nhân quả). Việc gì cũng có nhân rồi mới có quả, đó là cái cốt yếu của luật nhân quả. Cho nên bảo: "Cố" là cái sở đắc (được rồi, có rồi) rồi sau mới thành.

Thuyết. Điều 1 này nói về luật nhân quả. Việc nào cũng vậy, có nhân thì có quả, không có nhân thì không có quả, đó là cái cốt yếu của luật nhân quả, nếu nguyên nhân là đơn thuần, nghĩa là có một nhân mà thành một quả thì ngày nay gọi là "đơn nhân"; nếu nguyên nhân này phức tạp, nghĩa là phải có nhiều nguyên nhân mới thành một quả, thì ngày nay gọi là "kiêm nhân", mỗi cái nhân trong số kiêm nhân đó nay gọi là "thể nhân" (體因). Hai chữ "tiểu cố" trong đoạn này, tức trỏ "thể nhân". Có thể nhân chưa nhất định là có quả nhưng không có thể nhân thì nhất định là không có quả. Cho nên bảo: "Tiểu cố, có nó thì chưa nhất định như vậy, không có nó thì nhất định không như vậy" (*Tiểu cố, hữu chi bất tất nhiên, vô chi bất tất nhiên*). Thí dụ: chết rét là do ba nguyên nhân: trời rét dữ, không có áo ấm, nhà không ấm. Ba nguyên đó gọi chung là kiêm nhân, tách ra từng nguyên nhân ra thì gọi là thể nhân. Nếu chỉ có một trong ba nguyên nhân đó thì chưa nhất định có cái quả là chết rét, cho nên bảo "chỉ có nó thì chưa nhất định[249] như vậy". Nếu không có một trong ba nguyên nhân đó thì nhất định không có cái quả là chết rét, cho nên bảo "không có nó thì nhất định không như vậy".

Theo điều 2 (coi ở sau), thì "thể" từ "kiêm" chia ra (*thể phân ư kiêm dã*). Thể nhân tức là một phần của kiêm nhân, vì vậy mà gọi là "thể" [cũng như ngày nay gọi là bộ phận]. Đường thẳng trong hình học, *Mặc Kinh* gọi là "xích" (thước). Cái chấm trong hình học, *Mặc Kinh* gọi là "đoan" (đầu mối). Hợp nhiều cái thể thành cái kiêm, cũng như hợp nhiều điểm thành một đường thẳng. "Kiêm nhân" gồm nhiều "thể nhân" cũng như đường thẳng gồm nhiều điểm. Cho nên bảo: Như cái "xích" có cái "đoan" (*Nhược xích hữu đoan*) 若尺有端.

"Đại cố" tức là "đơn nhân". Hễ có đơn nhân thì tức có quả, không có đơn nhân thì không có quả. Cho nên bảo: "Đại cố, có nó thì nhất định như vậy, không có nó thì không nhất định như vậy" (*Đại cố, hữu chi tất nhiên, vô chi tất bất nhiên*). Thí dụ: Chết đói, nguyên nhân chỉ có một: Không ăn. Đó là "đơn nhân". Hễ có cái nhân là "không ăn" thì nhất định có kết quả là "chết đói", cho nên bảo: "Có nó thì nhất định như vậy" (*hữu chi tất nhiên*); không có cái nhân "không ăn" thì nhất định không có cái quả "chết đói", cho nên bảo: "Không có nó thì nhất định không như vậy". Thì dụ: Mắt nhìn một vật gì[250] tất phải thấy vật đó, dù trong đêm tối thì cũng thấy mờ mờ. Cho nên bảo: Như: "Cái mình nhìn thành ra cái mình thấy" (*Nhược kiến chi thành kiến dã*)[251].

Tóm lại: Luật nhân quả trong điều 1 này là: "Một việc nào do nhiều nguyên nhân mà thành, nếu có một nguyên nhân thì chưa nhất định là có kết quả, nếu thiếu một nguyên nhân nhất định không có kế quả. Một việc nào chỉ do một nguyên nhân mà thành, có nguyên nhân đó thì nhất định có kết quả, không có nguyên nhân đó thì nhất định không có kết quả".

Vậy "tiểu cố", tức "thể nhân" trong điều 1 này, tức như toán học này nay gọi là điều kiện ắc có mà không đủ (condition nécessaire et non suffisante); còn "đại cố", tức "đơn nhân", toán học ngày nay gọi là điều kiện ắt có và đủ (condition nécessaire et suffisante).

Điều 2

Kinh: 體，分於兼也。

Thuyết:「體」罢若二之一，尺之端也。[252]

(Tất cả phần kinh và phần thuyết, nguyên văn đều đúng, không phải hiệu chỉnh). Cao Hanh giảng như sau:

Kinh: Tổng thể của vật, Mặc Kinh gọi là "kiêm"; một bộ phận của vật, Mặc Kinh gọi là "thể". Bộ phận do tổng thể (toàn thể) chia ra, cho nên bảo: "Thể, từ kiêm mà chia ra" (*Thể phân ư kiêm*).

Thuyết: Điều này đưa ra một "lệ" (một định nghĩa) để giải thích Kinh. Họp một cái, một cái nữa mà thành hai cái, cho nên "hai" là "kiêm", mà một là "thể". Đường thẳng trong hình học, *Mặc Kinh* gọi là "xích"; cái chấm trong hình học, *Mặc Kinh* gọi là "đoan". Họp nhiều "đoan" lại thành "xích", cho nên "xích" là "kiêm" mà "đoan" là "thể". Cho nên bảo: "Thể: Như một của hai, đoan của xích" (*Nhược nhi chi nhất, xích chi đoan dã*).

Đọc điều 1 và điều 2 dẫn ở trên, chúng ta thấy *Kinh* rất vắn tất, chỉ như một thứ "aide mémoire) cho nên phải có "thuyết" để giảng; nhưng chính thuyết cũng chưa đủ sáng sủa, người sau lại phải giảng thêm nữa.

Chúng tôi chỉ có mỗi một bản hiệu đính và chú giải của Cao Hanh, do Thái Bình thư cục ở Hương Cảng xuất bản năm 1966, không sao kiếm được một bản khác. Có lẽ bản đó là bản mới nhất, công phu nhất, tiếc rằng chỉ có hai thiên *Kinh*, hai thiên *Kinh thuyết* mà không có hai thiên *Đại thủ, Tiểu thủ*.

Chắc chắn còn một số bản ở các nhà khác, và không nhà nào hoàn toàn đồng ý với nhà nào cả, có khi trái ngược nhau nữa.

Chứng cớ là bản Ngô Tất Tố dùng để viết cuốn *Mặc tử* (mà ông không cho biết là của ai) có nhiều chỗ giải thích khác với Cao Hanh quá xa. Chúng tôi xin dẫn một thí dụ:

Nguyên văn điều 76 như sau: 為，窮知而儇於欲也[253]

Ngô Tất Tố dịch là: "Sự "làm" cùng tận ở cái biết, mà lại treo buộc ở cái muốn".

Rồi ông giảng thêm:

"Chữ "làm" tức là hành vi. Ý nói hành vi tức là một nơi dừng đậu của tri thức, nhưng nó lại phải tựa theo dục vọng của người ta nữa (tr.162-63).

Cao Hanh ngờ chữ 為[254] đó là chữ 譌[255] vì theo *Thuyết văn*, hai chữ đó đọc như nhau, cho nên dùng thay nhau được, mà nghĩa là lầm lẫn. Chữ 儇 tức là chữ 縣 nghĩa là buộc, treo. Và Cao giảng là: Người ta sở dĩ lầm lẫn trong việc làm là do cái trí khôn không biết được [lợi, hại] mà lại bị lòng dục (muốn) lôi kéo, trói buộc; tức như lòng muốn làm một việc nào đó mà trí khôn không biết rằng việc đó không nên làm, nên mới tới nỗi lầm lẫn.

Cũng điều 76 đó, nguyên văn *Kinh thuyết* như sau:

欲雔其指，智不知其害，是智之罪也。若智之慎文也無遺，於其害也，而猶欲雔之，則離之是猶食脯也。騷之利害，未可知

也，欲而騷，是不可以所疑止所欲也。廱外之利害，未可知也，趨之而得，則弗趨也，是以所疑止所欲也。觀”為，窮知而 於欲”之理， 脯而非{知心}也，指而非愚也，所為與不所與為相疑也，非謀也。[256]

Ngô Tất Tố bảo chữ [257] trong tự điển Trung Hoa không có. Tất Nguyên cho là chữ 難 (*nan*) viết khác; Tôn Di Nhượng, Hồ Thích cho là chữ 新 (*tân*) lầm ra. Dùng hai thuyết đó mà giải nghĩa đều không trôi. Ông đành tạm đánh dấu hỏi và dịch là “*nghiêm*”.

Còn chữ 離/*li*/, ông theo Tôn Di Nhượng, cho là cũng như Li /罹/ là mắc phải – Và chữ 騷 /*tao*/ ông theo Tất Nguyên, cho là cũng như 臊 /*tao*/ tức là tanh. Sau cùng ông dịch là:

“Làm là muốn nghiệm ý mình. Trí khôn không biết cái hại của nó, ấy là tội của trí khôn. Nếu trí khôn cẩn thận, không sót sự hại, mà còn muốn nghiệm, thì vẫn còn mắc phải cái hại. Vì như ăn gỏi, mùi tanh là lợi hay hại chưa biết. Muốn ăn mà nó lại tanh. Đó là không vì cái ngờ mà thôi cái muốn”.

Cao Hanh giải thích khác hẳn. Ông ngờ chữ là chữ 離 chép lầm. Chữ 文 là chữ chép lầm mà trong Mặc Kinh tức là chữ 其.

Chữ 愼 là chữ 真, chép lầm, ở dưới chữ 文, mà đưa lộn lên trên. Chữ 離 cũng là chữ chép lầm vì hai chữ giống nhau, 鵪 đọc là am, là một loại chim ***thuần*** 鶉 (như con cút). Nhưng ở đây dùng thay chữ 鵪, mà theo Thuyết văn thì là chữ .

Chữ 指, ông ngờ là chữ , hai chữ đọc như nhau, dùng thay nhau; mà tức là con cưu 鳩 (ta gọi là tu hú?), theo thuyết xưa, lông cánh nó có chất độc, ngâm rượu uống có thể chết.

Chữ 骚, ông theo nghĩa trong ***Thuyết văn***: xoa con ngựa 摩馬.

Và ông giải nghĩa đoạn đó đại khái như sau[258]:

Lầm lẫn là do hai điều kiện: một là do trí khôn không biết được, hai là do trí khôn biết là hại mà lòng cứ muốn. Như có rượu ngâm lông cánh con cưu, cái trí khôn của mình không biết có độc nên mình uống, đó là cái lỗi của trí; nếu cái trí của mình đã biết là độc mà mình muốn tự sát, cứ uống, như vậy là cái trí bị buộc vào cái muốn (dục); vậy là mình cho uống rượu lông cánh chim cưu cũng như ăn món khô thịt, đều là do mình muốn cả; trong trường hợp đó không gọi là lầm lẫn được. Phải có hai điều kiện: vừa không biết rằng rượu đó độc, vừa muốn uống

thì mới gọi là lầm lẫn được.

Một thí dụ nữa: xoa con ngựa, mình chư biết là lợi hại, (tức không biết nó có kinh động rồi đá mình không) mà mình muốn xoa và vẫn cứ xoa, như vậy là không vì còn nghi ngờ mà ngưng lòng ham muốn của mình lại (…).

Chúng tôi đã tóm tắt như trên, chứ Cao Hanh giảng giải rất dài dòng, dẫn nhiều sách cổ từ *Thi Kinh*, đến *Quốc ngữ – Lỗ ngữ, Quảng nhã* v.v… Cách giải thích của ông xuôi hơn của Ngô Tất Tố, nhưng toi vẫn thấy nó "thông thái" quá, khó nhọc quá; mà chính ông cũng nhận rằng ông có thể lầm được. Hiện nay chưa ai dám nói rằng mình hiểu đúng *Mặc Kinh*. Mười người thì có mười cách hiểu. Phần đông thì phải nghiên cứu hoài, mà tác giả Mặc Kinh đã chết thì không ai có thể quả quyết rằng thuyết nào đúng hẳn.

Tìm hiểu Mặc học – nói chung là triết học thời Tiên Tần – chúng tôi chú trọng tới nhân sinh quan hơn (đạo đức và chính trị) vì các triết gia thời đó đều muốn cứu đời; còn phần tri thức luận của họ thì không có gì đặc sắc lắm, kém xa Ấn Độ, Hi Lạp cũng thời đó. Cho nên trong các chương sau, chúng tôi chỉ giới thiệu ít vấn đề chính trong Mặc Kinh như sửa lại Mặc học, bác các triết gia khác, nhất là các nhà nguỵ biện; dĩ nhiên chúng tôi không thể bỏ hẳn những tìm tòi, suy luận của Biệt Mặc về tri thức, về khoa học, nhưng chúng tôi chỉ lựa ít điều thôi mà bỏ những điều bí hiểm quá, khiến cho mỗi học giả mỗi người giải thích một khác như điều 76 Kinh thượ*ng* chúng tôi mới dẫn ở trên.

PHỤ LỤC

Chúng tôi chép lại dưới đây hai đoạn ngắn trong bản *Mặc tử* in đời Gia Tĩnh nhà Minh (năm 1553) trong bộ *Tứ bộ tùng san*, do Phương Thụ Sở dẫn ở trang 157-58.

Chúng ta phải phục dân tộc Trung Hoa. Cả bộ *Kinh* không ai hiểu nổi như vậy, mà trên một ngàn rưỡi năm họ kiên nhẫn chép, khắc, in không biết bao nhiêu lần để lại đời sau. Họ quí di sản tinh thần của tổ tiên thật.

Nhờ vậy mà *Mặc Kinh* mới còn tới ngày nay, và đời Càn Long, khoảng hai năm sau khi bộ *Tứ bộ tùng san* được in ra, Tất Nguyên mới có để mà nghiên cứu và tìm ra được ý nghĩa, mà ngày nay chúng ta mới biết rằng:

Là điều 1 trong *Kinh Thượng*.

Là điều 51 trong *Kinh Thượng*.

Là điều 2 trong *Kinh Thượng*.

Là điều 52 trong *Kinh Thượng*.

Là điều 3 trong *Kinh Thượng*.

Là điều 53 trong *Kinh Thượng*.

Là *Kinh thuyết 1* để giải thích điều 1 ở trên;

Là *Kinh thuyết 2* để giải thích điều 2 ở trên;

Là *Kinh thuyết 3* để giải thích điều 3 ở trên;

故，所得而後成也。止，以久也。體，分於兼也。必，不已也。知，材也。平，同高也。

經說上第四十

故，小故，有之不必然，無之必不然，體也，若有端。大故，有之必然，無之必不然，若見之成見也。

體，若二之一，尺之端也。

知材，知也者。所以知也，而不必知，若明。

故，所得而後成也。

止，以久也。

體，分於兼也。

必，不已也。

知，材也。

平，同高也。

故，小故，有之不必然，無之必不然，體也，若有端。大故，有之必然，無之必不然，若見之成見也。體，若二之一，尺之端也。

知材，知也者。所以知也，而不必知，若明。[259]

CHƯƠNG II
SỬA LẠI MẶC HỌC

Định nghĩa lại chữ lợi

Mặc tử bảo "nghĩa" là "lợi" và chủ trương mọi người phải yêu nhau như yêu chính mình, làm lợi lẫn cho nhau; giúp đỡ lẫn nhau, chia cơm xẻ áo cho nhau… nhưng ông không định nghĩa thế nào là lợi, thế nào là hại.

Mặc Kinh bổ túc.

Điều 26 và 27: "Lợi là cái gì ta được mà thích", "Hại là cái gì ta được mà ghét".

(*Lợi, sở đắc nhi hỉ dã* 利，所得而喜也 – *Hại, sở đắc nhi ố dã* 害，所得而惡也)

Ý đó giống của triết gia Anh Bentham: mục đích của triết học là tìm khoái lạc, tránh đau khổ; cái gì tạo được khoái lạc là tốt, cái gì gây đau khổ là xấu.

Nhưng *Kinh thuyết* 26 và 27 giải thích thêm: "Được cái đó mà thích là cái đó là lợi. Đã là lợi thì không là hại. Nếu là hại thì không phải là cái đó". – "Được cái đó mà ghét thì cái đó là hại. Nếu là lợi thì không phải là cái đó".

Cao Hanh bảo như vậy là "trong cái lợi tất không có cái hại", "trong cái hại tất không có cái lợi". (tr.46).

Nhưng trong đời sống chúng ta vẫn thấy trong cái lợi thường có cái hại: lợi về mặt này mà hại về mặt kia, lợi lúc này mà hại lúc khác; và trong cái hại thường có cái lợi: hại về mặt này mà lợi về mất khác, hại lúc này mà lợi lúc khác. Ai mà không nhớ truyện "*Tái ông thất mã?*".

Cho nên Kinh 85 sửa lại:

欲正權利，且惡正權害 (*Dục chính quyền lợi, thả ố chính quyền hại*)[260]

Kinh thuyết: [仗]權者兩而勿偏 (*Quyền giả lưỡng nhi vật thiên*)

Chữ /?/, Cao Hanh sửa lại là chữ /?/, Phương Thụ Sở để nguyên chữ /?/[261]; nhưng cả hai đều hiểu điều 85 đó như sau: mình thích cái gì thì cân nhắc cái lợi, ghét cái gì thì cân nhắc cái hại, điều đó phải rồi. Nhưng lợi hại đều lẫn với nhau, liên quan tới nhau, cho nên khi muốn một việc gì mà cân nhắc cái lợi của nó thì cũng nên cân nhắc cái hại nữa; khi ghét một việc gì mà cân nhắc một lúc phải cân nhắc cả lợi lẫn hại thì mới khỏi sai lầm.

Thiên *Đại thủ* nói rõ hơn nữa, khuyên ta phân biệt cái lợi nhỏ và cái lợi lớn, phải hi sinh cái lợi nhỏ để giữ cái lợi lớn, bỏ cái hại lớn mà nhận cái lợi nhỏ.

Chặt ngón tay để giữ cánh tay, tức là trong cái lợi thì giữ cái lợi lớn, trong cái hại thì giữ cái hại nhỏ. Lựa cái hại nhỏ không phải là lấy cái hại mà là lấy cái lợi đấy, cái mà mình lấy là cái người ta giữ. Gặp kẻ cướp mà chặt ngón tay để thoát thân, là lợi [vì] sự gặp kẻ cướp [mới] là hại. Chặt ngón tay và chặt cánh tay mà lợi cho thiên hạ bằng nhau thì không phải kén chọn nữa… Hai cái lợi, lựa cái lớn, không phải là bất đắc dĩ, hai cái hại, lựa cái nhỏ là bất đắc dĩ; cái mình đã có rồi mà bỏ đi, là trong cái hại lựa cái nhỏ đấy.

(*Đoạn chi dĩ tồn uyển, lợi chi trung thủ đại, hại chi trung thủ tiểu dã. Hại chi trung thủ tiểu dã, phi thủ hại dã, thủ lợi dã; kì sở thủ giả, nhân chi sở chấp dã. Ngộ đạo nhân nhi đoạn chỉ dĩ miễn thân, lợi dã; kì ngộ đạo nhân, hại dã. Đoạn chi dữ đoạn uyển, lợi ư thiên hạ tương nhược, vô trạch dã. Tử sinh lợi nhược, phi vô trạch dã… Lợi chi trung thủ đại, phi bất đắc dĩ dã. Hại chi trung thủ tiểu, bất đắc dĩ dã. Sở vị hữu nhi thủ yên, thị lợi chi trung thủ đại dã. Ư sở kí hữu nhi khí yên, thị hại chi trung thủ tiểu dã*)[262].

Lẽ đó dễ hiểu. Nhưng *Mặc Kinh* chưa xét lợi trước mắt hay lợi về sau, lợi vật chất hay lợi tinh thần.

Theo quan niệm ấy, lợi thành ra yếu tố của đạo đức.

Điều 8 *Kinh thượng* bảo: “nghĩa là lợi” (義利也).

Kinh thuyết giảng: [義]志以天下為芬，而能能利之，不必用。

(*Nghĩa: chí dĩ thiên hạ vi phận, nhi năng lợi chi, bất tất dụng*).

Lời giảng đó, mỗi nhà hiểu một khác: Cao Hanh bảo /芬/ đọc là *phận* /分/, như chức phận, Phùng Hữu Lan và Phương Thụ Sở bảo nên sửa là *ái* /愛/; hai chữ /能/, Cao cho chữ thứ nhất là danh từ, chữ thứ nhì là động từ; Phùng cho chữ thứ nhất là động từ, chữ thứ nhì nghĩa là *thiện* 善 (khéo); Phùng ngược lại cho chữ thứ nhất mới là *thiện*. Chúng ta chỉ cần nhớ: nghĩa là lợi cho thiên hạ, chứ không phải cho riêng mình; hễ mình thấy lợi cho thiên hạ thì cứ làm, chẳng cần biết người ta dùng hay không (nghĩa là một việc mình thấy có lợi cho thiên hạ thì là việc nghĩa rồi, không đợi thấy người đời dùng rồi, có lợi rồi, mới gọi là việc nghĩa).

Kinh thượng bảo “trung là làm lợi cho vua” (điều 12), “hiếu là làm lợi cho cha mẹ” (điều 13), mà không cần phải được vua chấp nhận, được cha mẹ đồng ý.

Trung, lợi quân… bất tất dụng 忠，不利弱子亥，足將入止容。

Hiếu, lợi thân… bất tất đắc 孝，以親為芬，而能能利親，不必得。[263]

Sau cùng, điều 35: “công – tức công lao, sự nghiệp – là làm lợi cho dân, mà không phải đợi lâm thời rồi mới làm như may áo mỏng, áo lông”

功，利民也…不待時，若衣裘。

(*Công, lợi dân dã… bất đãi thời, nhược y cừu*)[264].

May áo, chúng ta phải may trước, chứ không đợi lúc hết mặc rồi mới may; thì việc làm lợi cho dân cũng vậy, phải lo tính trước cho dân, không đợi dân “nghẹn rồi mới đào giếng”, “chết rồi mới tìm thầy thuốc” (Thiên *Công Mạnh*, 9).

Vậy, dù vua, cha, hay dân có không hiểu mình, bất bình, hay phản kháng, thì mình cũng cứ làm, nếu mình nghĩ là có lợi cho vua, cha, cho thiên hạ. Mặc gia tự tin thật, có thể coi thường dư luận.

Trọng tình cảm

Mặc tử vì quá nhiệt tâm mưu cái lợi cho thiên hạ nên nhiều khi thiên về lí trí mà mạt sát tình cảm, như bài 6 thiên *Quí Nghĩa*, ông bảo phải từ bỏ “6 cái thiên lệch” đi, tức mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét. Bài 13 thiên *Công Mạnh*, ông còn chê Nho gia là ngu như con nít: chúng nhớ cha mẹ ba năm, Nho gia cũng bắt chước chúng, để tang ba năm. Cha mẹ chết, ông chỉ cho con khóc lúc đưa ra huyệt và lúc ở huyệt về. Đó là một khuyết điểm lớn của Mặc.

Mặc Kinh sửa lại, nhận rằng tình cảm là một động lực mạnh, lôi kéo, trói buộc người ta, như trong điều 76 chúng tôi dẫn ở chương trên.

Điều 144, *Kinh hạ* dẫn một cách gián tiếp thuyết không yêu ghét của Mặc. Nguyên văn như sau:

Kinh:

無，欲惡之爲益損也，說在宜。

(*Vô dục ố chi vi ích tổn dã, thuyết tại nghi*)

Thuyết:

無：欲惡傷生損壽，說以少連。是誰愛也，嘗多粟。或者欲不有能傷也，若酒之於人也。且智[人]利人，愛也。則唯智弗治也。[265]

(chữ /*nhân*/ 人 ở trên đưa xuống sau chữ *ái* /愛/)

則唯恐 (nguyên văn là: 智 sai)弗治也[266]

(*Vô, dục ố thương sinh tổn thọ, thuyết dĩ Thiếu Liên. Thị thuỳ ái dã, thường đa túc. Hoặc giai dục bất hữu năng thượng dã. Nhược tửu chi ư nhân dã. Thả*

trị[267] *lợi nhân, ái nhân dã. Tắc duy khủng*[268] *phất trị dã*).

Cao Hanh giảng (chúng tôi tóm tắt): Thiếu Liên là tên người. Sách *Luận ngữ*, thiên *Vi tử*, bài 8, nhắc tới bảy nhà ẩn dật thời xưa: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ và Thiếu Liên. Khổng tử bảo Liễu Hạ Huệ và Thiếu Liên không bằng Bá Di, Thúc Tề vì phải khuất chí mình, phải nhục thân mình, nhưng lời nói của họ hợp luân lí, việc làm của họ hợp lòng mong nghĩ của dân.

Thiên *Tạp kí* sách *Lễ kí* cho biết thêm rằng Thiếu Liên được Khổng tử khen là "khéo để tang cha mẹ". Vậy Thiếu Liên là một ẩn sĩ đời Chu như Liễu Hạ Huệ. Chắc Thiếu Liên cho rằng thích và ghét là hai tình cảm làm tổn thọ, cho nên điều 144 này mới bảo "*dục ố thương sinh tổn thọ, thuyết dĩ Thiếu Liên*".

Tác giả điều 144 bác thuyết đó. Thích, muốn có khi có ích như có thích ăn lúa gạo, có ăn lúa gạo thì mới sống được; hoặc như uống rượu có khi cũng có lợi. Lại như có yêu người thì mới muốn làm lợi cho người, mới sợ xã hội, nhân quần không trị được trị.

Tư tưởng của Thiếu Liên cũng giống của Lão, Trang. Lão tử quí sự không thích, không ghét. Trang tử quí sự vô tình, cho nên trong thiên *Đức sung phù*, khi Huệ Thi hỏi Trang tử:

"- Con người vốn vô tình sao?

Trang tử đáp:

- Phải.

- Người mà vô tình sao gọi là người được?

- "Đạo" cho nó dung mạo ấy, trời cho nó hình thể ấy thì sao không gọi là người được?

Huệ Thi lại hỏi:

- Nhưng đã là người thì làm sao không có tình cho được?

Trang tử đáp:

- Cái mà ông gọi là tình đó, tôi không gọi nó là tình. Tôi bảo vô tình là thế này: không để cho cái yêu, cái ghét làm thương tổn thiên tính, cứ theo luật tự nhiên, đừng làm gì thêm cho đời sống cả".

Vậy là *Mặc Kinh* sửa tư tưởng của Mặc tử đồng thời cũng đả luôn Lão, Trang nữa.

Biện hộ và sửa thuyết kiêm ái

Thời Mặc tử, thuyết kiêm ái của ông đã bị một số người công kích như trong chương III phần II chúng tôi đã trình bày; tới giữa thời Chiến Quốc, "trăm nhà" đua nhau tranh biện, và người ta lại đem thuyết đó ra để mổ xẻ. Theo *Mặc Kinh*, người ta nhằm vào ba điểm:

1- Người trong thiên hạ đã vô cùng thì làm sao yêu gồm cho hết được?

Điều 173 đáp:

無窮不害兼，說在盈否[269]

(*Vô cùng bất kiêm hại, thuyết tại doanh phủ*): Đất đai trong thiên hạ vô cùng, điều đó không hại gì cho kiêm ái, dù đất đai đó đầy người hay không.

Kinh thuyết giảng [người bác lẽ đó, đưa thí dụ[270]]: phương Nam, nếu hữu cùng thì người ta có thể ở đầy khu vực đó; nếu vô cùng thì người ta không thể ở đầy được. Hữu cùng hay vô cùng, đã chưa biết được, thì cũng chưa biết được người ta có thể ở đầy hay không phương đó. Đã không biết được người ta có thể ở đầy hay không phương đó thì cũng chưa biết được chúng ta có thể yêu hết được người ở phương đó. Như vậy mà khẳng định rằng có thể yêu gồm hết người trong thiên hạ là nói bậy.

(*Nam phương hữu cùng tắc khả tận, vô cùng tắc khả bất tận. Hữu cùng, vô cùng vị khả tri, tắc khả tận, bất khả tận vị khả tri. Nhân chi doanh chi phủ, vị khả tri; nhi tất nhân chi khả tận bất khả tận, diệc vị khả tri. Nhi tất nhân chi khả tận ái dã, bội*)[271].

Mặc gia đáp: Nếu người ta ở không đầy phương Nam thì là số người đã hữu cùng trước rồi, dù phương Nam vô cùng, Như vậy là số người hữu cùng, và chúng ta có thể gồm yêu hết họ được. Nếu người ở đầy phương Nam vô cùng, nghĩa là chỗ nào có đất là có người, thì đất đai tuy vô cùng, mà con người cũng ở đầy nó được; con người đã ở đầy nó được thì phương Nam cũng lại là hữu cùng rồi; đất đai hữu cùng, số người hữu cùng, thì gồm yêu hết người phương Nam là việc không khó.

(*Nhân nhược bất doanh, tiên cùng, tắc nhân hữu cùng dã: tận hữu cùng, vô nan. Doanh vô cùng, tắc "vô cùng" tận dã: tận hữu cùng, vô nan*)[272].

Có người lại bẻ: không biết số người ít nhiều ra sao thì làm sao mà yêu hết cho được?

Điều 174 đáp: 不知其數而知其盡也。說在問

(*Bất tri kì số nhi tri tận dã, thuyết tại vấn*[273])

Kinh thuyết giảng: Chúng ta biết những người nào thì yêu hết những người đó,

nếu còn sót người nào thì xin người bắt bẻ ta cứ chỉ cho, chúng ta cũng sẽ yêu thêm cho hết; nếu họ không chỉ được thì tức là chúng ta đã yêu hết rồi.

Người ta lại hỏi: Không biết người khác ở đâu thì làm sao yêu cho hết được?

Điều 175 đáp: 不知其所處，不害愛之，說在喪子者。

(*Bất tri kì sở xử, bất hại ái chi, thuyết tại táng tử giả*)

Kinh thuyết giảng: Không biết người ta ở đâu, thì cũng vẫn yêu được, cũng như cha mẹ có đứa con thất lạc, không biết nó ở đâu, mà vẫn yêu nó vậy.

Để kết luận, Mặc gia cho rằng, có yêu khắp mọi người thì mới gọi là yêu được; sở dĩ không yêu khắp là vì không yêu người đấy thôi (*Chu ái nhân, nhi hậu vi ái nhân…; bất chu ái, nhân vi bất ái nhân hĩ*[274] – *Tiểu thủ*).

2- Mặc tử mâu thuẫn với chính ông vì đã chủ trương kiêm ái, phi công, mà còn giết, trừng phạt kẻ có tội.

Thiên *Tiểu thủ* trả lời:

"Cha mẹ của Hoạch là người, Hoạch thờ cha mẹ không phải là thờ người; em của Hoạch là người đẹp trai, Hoạch yêu em không phải là yêu người đẹp trai. Xe là [làm bằng] gỗ, ngồi xe không phải là ngồi gỗ; thuyền là [làm bằng] gỗ, vào trong thuyền không phải là vào trong gỗ; kẻ trộm là người, nhiều kẻ trộm không phải là nhiều người; không có kẻ trộm không phải là không có người. Làm sao chứng minh được điều đó? Chứng cứ là người đời đều cho câu này là đúng: "Ghét có nhiều kẻ trộm không phải là ghét có nhiều người; muốn không có kẻ trộm, không phải là muốn không có người; yêu kẻ trộm không phải là yêu người, ghét kẻ trộm không phải là ghét người[275], và giết kẻ trộm không phải là giết người".

(*Hoạch chi thân, nhân dã. Hoạch sự kì thân, phi sự nhân dã. Kì đệ, mĩ nhân dã, ái đệ, phi ái mĩ nhân dã. Xa, mộc dã, thừa xa, phi thừa mộc dã. Thuyền, mộc dã, thừa thuyền phi nhân mộc dã*[276]*. Đạo nhân, nhân dạ; đa đạo, phi đa nhân dã; vô đạo, phi vô nhân dã. Hề dĩ minh chi? Ố đa đạo, phi ố đa nhân dã; dục vô đạo, phi dục vô nhân dã. Thế tương dữ cộng thị chi. Nhược nhược thị, tắc tuy đạo nhân, nhân dã, ái đạo phi ái nhân dã; bất ái đạo phi bất ái nhân dã; sát đạo nhân, phi sát nhân dã. Vô nạn đạo vô nạn hĩ*)[277].

Phái Biệt Mặc lí luận như thế đó. Hợp lô gích lắm: kẻ trộm là người, nhưng yêu hay ghét kẻ trộm không phải là yêu hay ghét người, vậy thì giết kẻ trộm không phải là giết người. Vậy chúng ta có thể "kiêm ái" mà vẫn giết kẻ trộm, có thể "phi công" mà vẫn giết địch khi chúng tấn công ta.

Nhưng ngay ở trên đoạn chúng tôi dẫn đó, Mặc gia còn viết mấy hàng này nữa:

"Con ngựa trắng là con ngựa; cưỡi ngựa trắng là cưỡi ngựa. Con ngựa ô là con ngựa, cưỡi ngựa ô là cưỡi ngựa. Hoạch là người, yêu Hoạch là yêu người. Tang là người người, yêu Tang là yêu người. Như vậy đúng, sự thực là thế".

(*Bạch mã, mã dã. Thừa bạch mã, thừa mã dã. Lí mã, mã dã. Thừa lí mã, thừa mã dã. Hoạch, nhân dã, ái Hoạch, ái nhân dã. Tang, nhân dã, ái Tang, ái nhân dã. Thử nãi thị nhi nhiên giả dã*)[278].

Đã cho như vậy là đúng, thì đổi chữ "yêu" ra chữ "giết", cũng vẫn đúng: "kẻ trộm là người, yêu kẻ trộm là yêu người, giết kẻ trộm là giết người". Thế thì tại sao mấy hàng sau lại bảo: "Giết kẻ trộm không phải là giết người"? Rõ ràng là mâu thuẫn, là nguỵ biện.

3- Sau cùng, như trong chương *Thuyết kiêm ái*, chúng tôi đã nói, Mặc gia bị Mạnh tử chê là cầm thú vì không phân biệt cha mẹ mình với cha mẹ người, không có tình cha con, nên Di Chi, một Mặc gia, sửa lại thuyết kiêm ái, bảo kiêm ái không phân biệt đẳng cấp, nhưng bắt đầu từ người thân.

Rồi đời sau, Mặc gia đưa ra thuyết "luân liệt", chép trong thiên *Đại thủ*. Luân liệt tức là "nghĩa đáng dày thì cho dày, đáng mỏng thì cho mỏng", nhưng lòng yêu thì không có dày, mỏng. Ai cũng yêu như nhau cả. Cho nên trong sự giúp đỡ mới phân biệt kẻ trước người sau (Giúp người thân trước, người sơ sau), giúp người có đức trước, người kém đức sau, như vậy chỉ là phương tiện không đủ thôi. Thuyết đó chúng tôi trình bày rồi, nên ở đây không chép lại.

Phản cổ

Cuối thời Xuân Thu, chủ trương phục cổ (mà cũng sửa cổ) còn mạnh, càng gần tới thời Chiến Quốc, chủ trương đó càng suy, và người ta thấy cần xoá bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Người phản cổ mạnh nhất là Hàn Phi.

Mặc tử sinh ở đầu thời Chiến Quốc, có nhiều sáng kiến, đã muốn lập một trật tự mới, như thuyết *Thượng hiền*, *Thượng đồng*…, như vậy là ông đã có điểm phản cổ rồi; nhưng mặt khác cũng nhận rằng các thánh vương như Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ có điều đáng khen (yêu dân, sống giản dị, cần, kiệm…) và nhiều lần ông đã nêu những thánh vương đó làm gương, như trong *Canh trụ* 8, ông bảo Vu Mã tử: "Thiên hạ nhờ đạo giáo của thánh vương đời xưa mà sống; khen các vị đó, tức là quí cái khiến cho thiên hạ sống. Đáng khen mà không khen, như vậy có phải là người nhân không?"

Hơn nữa, trong *Quí nghĩa* 4, ông còn bảo: "Nói năng, hành động, hễ hợp với

ba đời thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ thì làm; hợp với ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ thì đứng làm".

Vì vậy Hàn Phi trong thiên *Hiển học* chê Mặc tử là "*pháp tiên vương, xưng Nghiêu, Thuấn*", cũng có phần đúng. Và phái Biệt Mặc, sửa lại học thuyết của Mặc tử, phản đối việc đề cao Nghiêu, Thuấn.

Điều 117 bảo:

"*Nghiêu thiện trị, tự kim tại chư cổ dã. Tự cổ tại chi kim, tác Nghiêu bất năng trị dã*"[279].

Bảo vua Nghiêu giỏi trị dân là ở chỗ thời này mà xét thời xưa, xét việc đã xảy ra rồi thì thấy như vậy, Nhưng thời xưa và thời nay không giống nhau. Người giỏi trị dân thời xưa vị tất đã giỏi trị dân thời nay. Không thể bảo Nghiêu sinh vào thời nay cũng giỏi trị dân thời nay được vì tình thế đã khác.

Điều 153 còn hoài nghi hơn nữa:

"*Nghiêu chi nghĩa dã, sanh ư kim nhi xử ư cổ, nhi dị thời, thuyết tại sở nghĩa nhị*"[280].

Cao Hanh giảng là: Muốn chỉ một sự vật cho ai thì có hai cách: hoặc gọi tên nó, (tức dùng cái danh), hoặc chỉ thẳng sự vật đó (tức dùng cái thực). Lòng trọng nghĩa của vua Nghiêu truyền đến nay, chỉ là truyền cái tên (cái danh) mà thôi, còn cái thực của nó ở vào thời cổ kia. Chỉ người thời vua Nghiêu mới thấy cái thực của nó thôi.

Vậy tác giả điều 153 đó cũng đồng ý với Hàn Phi trong thiên *Hiển học*:

"Khổng tử và Mặc tử đều xưng tụng Nghiêu, Thuấn. Nghiêu, Thuấn đã không thể sống lại, thì ai là người quyết định được học thuyết nào mới thực là của Nghiêu, Thuấn? Đời Ngu và đời Hạ dài trên 700 năm, đời Ân và đời Chu dài trên 2.000 năm, mà còn không quyết định được Nho hay Mặc là chân chính; nay muốn khảo sát đạo cách đây 3.000 năm của Nghiêu, Thuấn thì cơ hồ không sao xác định được mà dùng làm chứng cứ thì là lừa gạt người ta. Vậy căn cứ vào các tiên vương mà theo đạo Nghiêu, Thuấn, nếu không phải là ngu, cũng là lừa gạt thiên hạ"[281].

Nhưng điều 153 này không phải chỉ nhắm riêng Mặc tử mà nhắm chung vô một số nhà khác nữa: Nghiêu, Thuấn là thần tượng của hầu hết các chính trị gia hai thời Xuân Thu và Chiến Quốc, nhất là của Nho gia.

CHƯƠNG III
BÁC CÁC NHÀ KHÁC

Phái Biệt Mặc thường công kích các triết gia từ Lão, Trang tới Cáo tử, Trâu Diễn, nhất là phái nguỵ biện như Huệ Thi, Công Tôn Long… nhưng họ dùng lối biện luận vững vàng chứ không có giọng mạt sát.

Bác các triết gia

Lão tử – *Đạo Đức kinh*, chương 20 – bảo: "Đừng học thì không lo" (*Tuyệt học vô ưu*); chương 64 lại bảo: "Thánh nhân muốn không có lòng dục, không quí của khó được; mà học cái vô tri vô thức để cứu lỗi lầm của kẻ rồi bỏ đạo" (*Thánh nhân dục bất dục; bất quí nan đắc chi hoá; học bất học, phục chúng nhân chi sở quá*).

Trang tử cũng theo Lão, chủ trương đừng nên học. Thiên Dưỡng sinh chủ bảo: "Đời sống của ta có hạn mà tri thức thì vô hạn, bắt cái hữu hạn theo cái vô hạn thì nguy" (*Ngô sinh dã hữu hạn, nhi tri dã vô hạn, dĩ hữu hạn tuỳ vô hạn, đãi dĩ*) [282].

Vậy cả hai đều cho tri thức là vô ích, học do đó cũng vô ích.

Điều 117 bác ý kiến đó:

學之無益，說在誹者[283]

(*Học chi vô ích, thuyết tại phỉ giả*) – Nguyên văn không có chữ *vô* /無/. Cao Hanh cho là thiếu sót).

Kinh thuyết giảng là: Người đưa ra cái thuyết "học là vô ích" đã có ý dạy đời rồi, cho rằng người đời không hiểu nên mới cảnh cáo như vậy. Đã dạy đời mà bảo người ta đừng học, chẳng mâu thuẫn với chính mình ư?

Đạo đức kinh, chương 82, bảo: Người "thiện" không biện thuyết; người biện thuyết thì không "thiện" (*Thiện giả bất biện, biện giả bất thiện*).

Trang tử, trong thiên *Tề vật luận* cũng cho rằng hễ biện luận thì không thấy được toàn diện [vì ai cũng chấp nhất, đứng về một khía cạnh, cho rằng chỉ mình mới đúng] (*Biện dã giả hữu bất kiến dã*). Hơn nữa, hễ biện luận thì không có người thắng kẻ bại (*Biện vô thắng*) vì ai cũng giữ ý kiến của mình, không ai thuyết phục được ai cả, mà ở đời thì không có gì hoàn toàn phải hay hoàn toàn trái, phải lúc này là trái lúc khác, ở hoàn cảnh này là phải, ở hoàn cảnh khác là trái, không có gì nhất định. (Trang chủ trương "tề thị phi" – phải trái ngang nhau); người thắng vị tất đã là phải, tức là vị tất đã thắng, mà người thua vị tất đã là trái, tức là vị tất đã thua.

Trang bảo: “Giả sử tôi tranh luận với anh mà anh thắng tôi thì có nhất định là anh phải, tôi trái không? Nếu tôi thắng anh thì có nhất định là tôi phải, anh trái không? Trong chúng ta, có một người phải, một người trái? Hay là cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc đều trái cả? Anh và tôi làm sao biết được điều đó? Mà một người thứ ba nào khác thì cũng hồ đồ không biết được, lựa ai sáng suốt làm trọng tài đây? Hỏi một người cùng một ý kiến với anh, thì người đó do lẽ cùng ý kiến với anh, làm sao có thể phê phán được? Nếu là một người cùng ý kiến với tôi thì người này do lẽ cùng ý kiến với tôi, làm sao có thể phê phán được?[284] Nếu là một người ý kiến khác cả tôi lẫn anh, hoặc giống cả tôi lẫn anh thì cũng làm sao phán đoán được? Vậy anh, tôi và người thứ ba đó đều không quyết được ai phải, ai trái. Có nên đợi một người thứ tư nữa không? (*Tề vật luận*).

Mặc kinh bác những ý đó của Lão, Trang.

Điều 171: 以言為盡誖，誖，說在其言

(*Dĩ ngôn vi tận bội*[285]*, bội. Thuyết tại kì ngôn*)

Người nào đó bảo rằng lời nào cũng sai hết. Nếu lời đó sai thì là sai rồi. Mà nếu lời đó đúng thì trong thiên hạ vẫn còn có lời đúng, đâu phải là sai hết; như vậy lời người đó cũng sai nữa.

Vậy không thể bảo lời nào cũng sai hết được, mà không phải hễ biện thuyết là không “thiện”.

Điều 135, bác ý biện luận thì không có kẻ thắng người bại:

謂辯無勝，必不當，說在辯

(*Vị biện vô thắng, tất bất đáng, thuyết tại biện*)

Biệt Mặc phân biệt rõ rệt phải, trái, không hoài nghi, “tề thị phi” như Trang; và hai người tranh biện với nhau, lời người nào xác đáng là người đó thắng. Dĩ nhiên có nhiều trường hợp như vậy: con bò mà bảo là con ngựa là sai rồi; nhưng nếu tranh luận về điểm hai con vật con nào có ích hơn con nào, thì quả như Trang nói, không ai thắng ai được. Tư tưởng của Trang sâu sắc hơn, mặc dầu cũng cực đoan khi hoài nghi hết thảy.

Ngoài ra *Mặc Kinh* (điều 144) cũng bác chủ trương “*vô dục ố*” của Lão, Trang, như chương trên chúng tôi đã nói.

Thuyết “*nhân nội, nghĩa ngoại*” (điều nhân do nơi mình, điều nghĩa do nơi người) của Cáo tử được chép trong *Mạnh tử* (*Cáo tử* thượng, bài 4).

Cáo tử (425-339?) nói với Mạnh tử: “Em tôi thì tôi thương, mà em người nước Tần thì tôi không thương. Sự thương ấy là do lòng tôi yêu thích em tôi, cho

nên tôi bảo điều nhân là do nơi mình. Tôi kính trọng người nước Sở lớn tuổi hơn tôi, tôi cũng trọng người nước tôi mà lớn tuổi hơn tôi. Sự kính trọng ấy là do tuổi những người ấy lớn, cho nên tôi bảo điều nghĩa là do nơi người".

Mạnh tử đáp: "Tôi thích ăn món chả của người nước Tần cũng như thích ăn món chả của người nhà làm. Những món đó làm cho tôi thích, cũng như tuổi già của mấy ông lão đó làm cho tôi kính trọng. Vậy thì sự thích ăn món chả cũng là do nơi ngoài nữa ư?"

Vậy Mạnh cho rằng nhân, nghĩa đều do nơi mình, do lòng mình cả.

Kinh hạ (điều 176) cũng chủ trương như Mạnh:

仁義之為內外也，內。說在仵顏

(*Nhân nghĩa chi vi nội ngoại dã, nội. Thuyết tại ngũ nhan*)[286].

Theo Tôn Di Nhượng, chữ "ngữ" đó nghĩa là "nghịch", mà chữ "nhan" là chữ *loại* chép lầm (hai chữ hơi giống nhau). Cao Hanh bảo chữ "nhan" chép đúng, mà chữ *ngũ*, theo *Thuyết văn* có nghĩa là mắt bên trái lòi ra, mắt bên phải thụt vô, và điều 176 muốn nói: Bảo nhân là nơi mình, nghĩa là do nơi người, cũng không khác gì bảo: mắt bên trái từ trong nhìn ra, mắt bên phải nhận hình ảnh của vật từ ngoài vô. Hai nhà đó giải thích khác nhau, nhưng đại ý cũng cho rằng thuyết Cáo tử nghịch lí.

Kinh thuyết, giảng theo Cao Hanh: Nhân là yêu người, nghĩa là làm lợi cho người. Yêu và làm lợi [cho người] đều do mình ở trong cả, đối tượng của lòng yêu và việc làm lợi đó là người khác, nghĩa là đều ở ngoài cả. Nay, bảo nhân do nơi mình, nghĩa do nơi người; như vậy là về nhân thì chỉ nói đến lòng yêu mà không nói đến người mình yêu; mà về nghĩa thì chỉ nói đến người mình kính là không nói đến lòng kính của mình; cả hai trường hợp đó đều bỏ sót một phương diện, cho nên bảo là bậy. Cũng như thị giác ở hai mắt đều ở nơi mình (ở trong); vật mà hai mắt thấy đều ở ngoài. Nay bảo mắt bên trái nhìn thấy vật là do thị thị giác, còn mắt bên phải nhìn thấy vật là do hình ảnh ở bên ngoài đập vào mắt. Đâu có lí như vậy?

Mặc tử tin quỉ thần mà không tin thuyết âm dương ngũ hành của Trâu Diễn (340-260?). Thiên *Quí nghĩa*, bài 18, chép rằng lần đó ông đi lên phía Bắc để tới nước Tề; một ông thầy bói bảo đừng nên đi vì "Thượng Đế dùng ngày hôm nay để giết con rồng đen ở phương Bắc, mà nước da tiên sinh đen".

Ông không nghe, cứ đi, nửa đường, gặp nhiều bất như ý, phải về.

Thầy bói trách ông không nghe lời mình. Người khác chắc đã nhận rằng thầy

bói có lí, nhưng ông thì vẫn không tin, đáp: “trong số những người ở Nam không lên được Bắc (…) có người da trắng, có người da đen, cớ sao đều bất như ý cả? Vả lại Thượng Đế dùng các ngày giáp, ất để giết con rồng xanh ở phương Đông; các ngày bính, đinh để giết con rồng đỏ ở phương Nam; các ngày canh, tân để giết con rồng trắng ở phương Tây; các ngày nhâm, quí để giết con rồng đen ở phương Bắc; theo lời bác, tức là cấm thiên hạ đi (…) khiến ngoài đường không có người đi lại. Lời thầy không dùng được”.

Mặc quả là cương cường. Hơn một thế kỉ sau, phái Biệt Mặc tiến bộ hơn Mặc, không hề nhắc tới quỉ thần nữa, và bác luôn thuyết âm dương của Trâu Diễn: hoả khắc kim; kim khắc mộc; mộc khắc thổ; thổ khắc thuỷ; thuỷ khắc hoả.

Điều 143: 五行無常胜，說在多

(*Ngũ hành vô thường thắng, thuyết tại đa*)

Kinh thuyết giảng: Lửa (hoả) làm chảy được kim là do nhiều lửa, nếu kim nhiều mà lửa ít thì kim làm tắt được lửa; như vậy lửa khắc (thắng) được kim mà kim cũng có thể khắc được lửa.

Kinh không nói gì đến thuyết ngũ hành tương sinh: kim sinh thuỷ, thuỷ sinh mộc, mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim. Nhưng *Kinh thuyết* thêm hàng này, mà Cao Hanh hiệu đính lại là:

金之附水，火麗木熾，若麋與魚之數惟所利

(*Kim chi phụ thuỷ, hoả lệ mộc sí, nhược mi dữ như chi số duy sở lợi*)[287]

và giảng là: kim nhờ vào nước, lửa dựa vào cây để bùng lên, cũng như loài nai nhờ vào rừng núi, loài cá nhờ vào vực, đều là lẽ tự nhiên của vật, vì vậy mà bảo được là thuỷ sinh kim, mộc sinh hoả. Vậy *Mặc Kinh* nhận rằng có mục tương sinh trong trời đất. Nhưng theo Trâu Diễn, kim sinh thuỷ, mà *Kinh thuyết* lại giảng ngược lại là thuỷ sinh kim, (kim nhờ vào nước), muốn sửa lại thuyết của Trâu Diễn chăng?

Bác các nhà nguỵ biện

Các nhà nguỵ biện ở đây phải kể trước hết là Huệ Thi và Công Tôn Long.

Huệ Thi sinh khoảng 370, mất khoảng 300, làm tướng quốc cho Huệ vương nước Lương, giao du với Trang tử, học rộng, viết nhiều nhưng sách đều thất truyền.

Công Tôn Long, người nước Triệu, sinh sau Huệ Thi, khoảng 300, mất khoảng 242. Sách ông viết nay còn sáu thiên nhưng không đáng tin vì có nhiều chỗ thiết sót, nhầm lẫn, lại có nhiều chỗ người đời sau thêm vào.

Theo sách *Trang tử* (thiên *Đức sung phù*) thì Trang tử bảo Huệ Thi: “Nay bác làm tổn thương hình hài, lao khổ tinh lực của bác, ngồi dưới gốc cây mà đàm luận [mệt mỏi rồi] dựa vào cây ngô mà ngủ, như vậy là trời cho bác hình thể mà bác không biết thuận thiên, lại đem thuyết tách rời cứng và trắng (*li kiên bạch*) ra nguỵ biện, lấy làm đắc ý”.

Cũng sách đó, thiên *Thu thuỷ*, chép lời Công Tôn Long nói với Nguỵ Mâu: “Tôi hồi nhỏ học đạo tiên vương, lớn lên hiểu được hành vi nhân nghĩa; hỗn hợp chỗ giống nhau và khác nhau (*hợp đồng dị*), tách rời cứng và trắng (*li kiên bạch*), bảo cái sai là phải, cái không nên là nên, làm mê hoặc trí óc của trăm nhà, khuất phục lưỡi của mọi người, tôi tự cho là cực thông đạt rồi”.

Theo hai đoạn đó thì Huệ Thi và Công Tôn Long đều thích biện thuyết, thắng người và đều chủ trương “li kiên bạch”. Thực ra, thuyết “li kiên bạch” là của Công Tôn Long, mà thuyết “hợp đồng dị” do Huệ Thi đưa ra.

Thiên *Thiên hạ* (sách *Trang tử*) bảo Huệ Thi có mười điều xét về vạn vật như sau:

1- Cái cực lớn thì không có cái gì bao vây nó ở ngoài, gọi nó là cái “đại nhất”; cái cực nhỏ thì không có cái gì ở trong, gọi nó là “tiểu nhất”.

2- Cái không có chiều dày thì không chồng chất lên được, vậy mà nó lớn tới ngàn dặm.

3- Trời thấp bằng đất, núi phẳng bằng chằm.

4- Mặt trời vừa lên tới đỉnh đã bắt đầu xế rồi; vật vừa mới sinh ra thì đã bắt đầu tiến tới chỗ chết rồi.

5- Giống nhau tất cả khác với giống nhau một phần, khác như thế gọi là “tiểu đồng dị”; muôn vật giống nhau hết mà cũng khác nhau hết, giống nhau và khác nhau như vậy gọi là “đại đồng dị”.

6- Phương Nam vô cùng mà lại hữu cùng.

7- Hôm nay tôi tới nước Việt mà tôi đã tới từ hôm qua rồi.

8- Những vòng móc liền vào nhau có thể gỡ ra được.

9- Tôi biết trung tâm của thiên hạ, nó ở phía Bắc nước Yên [một nước ở phương Bắc] và phía Nam nước Việt [một nước ở phương Nam].

10- Phải yêu khắp vạn vật vì vũ trụ là một.

Mười điều đó, nguyên văn có chỗ tối nghĩa, y như những lời kinh, mà lại không có phần kinh thuyết, nên đời sau mỗi nhà hiểu một khác, giảng một khác.

Chẳng hạn điều 3, nguyên văn là: 天與地卑，山與泽平 (*Thiên dữ địa ti,*

sơn dữ trạch bình), trong *Đại cương triết học Trung Quốc I*, tr.421[288], chúng tôi giảng là: "Nhân chỗ cao của một vật mà cho vật đó là cao thì không có vật nào không cao. Nhân chỗ thấp của một vật mà cho vật đó là thấp thì không có vật nào là không thấp, cho nên trời không cao mà đất không thấp. Núi Tản Viên rất cao so với đáy hồ Lãng Bạc, nhưng cái đáy chằm nào đó ở sườn Hi Mã Lạp Sơn thì bằng hoặc cao hơn đỉnh núi Tản Viên. Thế thì trời thấp như đất, núi phẳng bằng chằm: Sự thống nhất vẫn có giữa cao và thấp".

Nhưng còn có thể hiểu như thế này nữa: "Xét về phương diện tương đối thì trời cao đất thấp, núi cao hơn chằm; nhưng so sánh với cái vô cùng thì trời đất, núi chằm đều không đáng kể gì, ngang nhau hết".

Lại có người giải thích rằng Huệ Thi đã biết rằng trái đất tròn và quay, khi nó đã quay thì chiều nào trong không gian cũng không nhất định, biết đâu là trên, biết đâu là dưới; biết đâu là cao, biết đâu là thấp.

Ba điều 7, 8 và 9 cũng mỗi người hiểu một khác. Và tuỳ theo cách hiểu mà các học giả cho rằng Huệ Thi đưa ra mười điểm đó để chứng tỏ rằng có điểm tương đồng của những cái tương dị, có tính cách hợp nhất giữa những cái đối đãi; nghĩa là theo Huệ, trong vũ trụ cái gì cũng tương đối hết; có học giả lại bảo những điều 1, 2, 3, 4, 5 "nói về sự cắt xẻ, phân tích về không gian hết thảy không phải là sự thực có"; những điều 7, 8. 9 "nói về sự cắt xẻ phân biệt về thời gian, hết thảy không phải là sự thực có" (Ngô Tất Tố – *Mặc tử* tr.178-184).

Như vậy thì làm sao biết được ai đúng ai sai? Nhưng ai cũng nhận rằng, thuyết "hợp đồng dị" quả là của Huệ Thi; còn thuyết "li kiên bạch" mới thực là của Công Tôn Long.

Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* (tr.404-412)[289], chúng tôi đã phân tích thuyết "li kiên bạch" của Công Tôn Long, ở đây chúng tôi chỉ tóm tắt lại thôi, vì Công Tôn Long cũng như Huệ Thi không phải ở trong phái Biệt Mặc.

Chúng ta đặt tên cho mỗi vật. Vật đó là cái "thực", tên đó là cái "danh". "Danh" để chỉ cái "thực". Công Tôn Long cũng nhận như vậy, nhưng chia danh ra làm hai: danh cụ thể trỏ cái cụ thể của vật, và danh trừu tượng để trỏ cái cộng tướng của vật, mà ông gọi là "chỉ". Thí dụ: Cái danh con ngựa vừa trỏ riêng một con ngựa nào đó, đó là cái danh cụ thể, là vừa trỏ chung tất cả những con ngựa cũng như con ngựa đó, tức cái cộng tướng của loài ngựa, đó là danh trừu tượng, tức cái "chỉ", "chỉ" có tính cách phổ biến.

Một thí dụ: Cái danh "vật trắng" không phải chỉ trỏ riêng một vật trắng nào đó mà còn trỏ chung tất cả những vật trắng khác.

Vật nào cũng do một số "chỉ" hội lại mà thành. Ví dụ hòn đá do hai "chữ" chắc và trắng hội lại mà thành, nhưng chính hòn đá cũng không phải là "chỉ" mà "chỉ" cũng không phải nhờ vật mới thành được.

Hai "chỉ" chắc và trắng của hòn đá tách lìa nhau chứ không vấn vít lấy nhau, hợp lại với nhau. Vì chúng ta không nhìn thấy cái "chắc" mà chỉ nhìn thấy cái "trắng", như thế là không có cái "chắc" trong cái "trắng"; vỗ không thấy được cái "trắng" mà thấy được cái "chắc", như thế là không có cái "trắng" trong cái "chắc". Lúc thì thấy cái "trắng", lúc thì thấy cái "chắc", thấy cái nọ không thấy cái kia, như vậy hai cái "chắc" và "trắng" tách lìa nhau (*li kiên bạch*).

Tách lìa cái "chắc" và cái "trắng" rồi, Công Tôn Long còn tách lìa con ngựa trắng ra làm con ngựa và cái trắng. Đây là thuyết "bạch mã phi mã" của ông. Ông bảo: Con ngựa trắng không phải là ngựa, vì ngựa là tên gọi hình, trắng là tên gọi sắc. Cái gọi tên sắc không phải là cái gọi tên hình. Cho nên cái trắng không phải là con ngựa. Ngựa trắng là con ngựa với màu trắng. Con ngựa cộng với màu trắng không phải là con ngựa (không cộng với màu trắng).

Ngoài thuyết "li kiên bạch" ra, Công Tôn Long còn đưa ra nhiều thuyết nữa:

1- Cái "củ" không làm được hình vương; cái "qui" không làm được hình tròn.

2- Con chó con (*cẩu*) không phải là con chó.

3- Lửa không nóng.

4- Con nghé mồ côi chưa từng có mẹ.

5- Cái gậy dài một thước, mỗi ngày chặt lấy một nửa, vạn đời không hết.

6- Khi con chim bay, cái bóng không hề nhúc nhích.

v.v…

Đại khái thuyết của hai nhà nguỵ biện lớn nhất thời Chiến Quốc: Huệ Thi và Công Tôn Long như vậy. Họ gây những cuộc tranh biện "suốt đời không hết" mà phái Biệt Mặc cũng dự vào. Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt tóm tắt những lời *Mặc Kinh* bác hai nhà đó ra sao.

Bác Huệ Thi

Huệ Thi chủ trương "*hợp đồng dị*", "*vạn vật tất đồng, tất dị*" (mọi vật đều giống nhau và đều khác nhau). *Mặc Kinh* không bác hẳn thuyết đó mà đưa ra một thuyết ngược lại: "li đồng dị".

Điều 87 phân biệt bốn thứ "đồng" (giống nhau):

同：重，體，合，類

(*Đồng: Trùng, thể, hợp, loại*).

Đồng có trùng đồng, thể đồng, hợp đồng, loại đồng.

Trùng đồng là hai tên chỉ một vật, tuy tên khác mà vật chỉ là một, như Khổng Khâu và Trọng Ni để chỉ Khổng tử.

Thể đồng: Thể là một bộ phận của kiêm, tức của toàn thể. Ví dụ râu với tóc, chân với tay đều là những bộ phận của một người; hoặc như ngựa trắng và ngựa đen đều là ngựa cả, như vậy là thể đồng.

Hợp đồng là ở cùng một nơi, như hai người ở chung một nhà, hoặc dê và bò ở chung một chuồng.

Loại đồng là có điểm gì giống nhau như con trâu và con bò cùng có sừng, cùng ăn cỏ.

Điều 88, cũng phân biệt bốn thứ dị (khác nhau) trái với bốn thứ đồng:

異：二，不體，不合，不類

(*Dị: nhị, bất thể, bất hợp, bất loại*)

Nhị trái với trùng, bất thể trái với thể, bất hợp trái với hợp, bất loại trái với loại.

Đại thủ tế toái hơn, phân biệt chín thứ đồng, đại khái cũng như *Kinh thượng*, chúng tôi đã dẫn trong *Đại cương triết học Trung Quốc I*[290], nên chúng tôi không chép lại.

Mặc Kinh còn xét mối quan hệ giữa đồng và dị:

Điều 89:

同異交得，放有無

(*Đồng dị giao đắc, phỏng hữu vô*)

Đại ý là cùng một sự vật có thể có hai tính chất khác nhau, hay hai tính chất khác nhau có thể cùng thuộc một sự vật, chẳng hạn như có và không: có cái này mà không có cái kia, thế là vừa có mà vừa không.

Điều 39 kể một trường hợp dị mà đồng nữa:

同異而俱放之一也

(*Đồng dị nhi câu ư chi nhất dã*)[291]

Đồng là khác nhau mà có chỗ giống nhau. Chẳng hạn hai người khác nhau mà cùng thấy một cái cột nhà hoặc thờ một vua (*Nhị nhân nhi câu kiến thị doanh dã, nhược sự quân*[292]).

Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I*, sau khi trình bày thuyết đồng dị của *Mặc Kinh* như trên, chúng tôi kết luận:

"Huệ Thi nhận thấy muôn vật đều có chỗ giống nhau, đồng thời lại có những chỗ khác nhau. Có đúng như thế thật. Nhưng những điểm tương đồng tương dị đó chỉ là những điểm "loại đồng", "loại dị" – Những điểm giống nhau vì chủng loại, khác nhau theo chủng loại thế thôi. Chứ nếu chỉ vì những điểm tương đồng vì "loại đồng", tương dị vì "loại dị" ấy mà kết luận rằng hết thảy đều cùng giống nhau, mà đều cùng khác nhau thì quả là quá đáng, là gò ép".

Ý kiến đó, nay chúng tôi vẫn giữ. Còn ý kiến dưới đây:

"Đến như chỉ vì sự vật có điểm giống nhau mà bảo rằng trời đất muôn vật là "đồng nhất thể" thì e rằng lạm dụng danh từ, lầm "loại" với "thể" mất rồi", thì chúng tôi xin sửa lại:

Điều 10 của Huệ Thi: "Phải yêu khắp vạn vật vì vũ trụ là một", nguyên văn trong thiên *Thiên hạ* là: "*Phiếm ái*[293] *vạn vật thiên địa nhất thể dã*". 氾爱萬物天地一體也.

Chữ *thể* trong câu đó của Huệ Thi có cùng một nghĩa với chữ *thể* trong *Mặc Kinh* không? Chúng tôi ngờ rằng không. *Thể* trong *Mặc Kinh* trỏ một phần tử của cái "kiêm", tức của cái toàn thể. (*Điều 2: Thể: phân ư kiêm dã*). Còn *thể* trong câu của Huệ Thi có thể có nghĩa là bản thể, và "*vạn vật thiên địa nhất thể*"[294] nghĩa là "trời đất, vạn vật cùng một bản thể". Quan niệm này là quan niệm chung của dân tộc Trung Hoa. Họ cho trời, đất, người là một, và gọi ba cái đó là tam tài. Trang tử, Huệ Thi mở rộng ra, cho trời, đất, vạn vật là một. Nếu lời chúng tôi đoán mà đúng thì không thể bảo Huệ Thi "lạm dụng danh từ, lầm "loại" với "thể" được".

Vả lại Huệ Thi chủ trương "*vạn vật nhất thể*" để khuyên người ta "phiếm ái", nghĩa là yêu khắp cả; tức là mở rộng thuyết kiêm ái của Mặc tử, không trái với Mặc tử; phái Biệt Mặc không có lí gì lại bác bẻ. Trước kia nhiều nhà đặt lầm Huệ Thi vào phái Biệt Mặc, có lẽ chính vì Huệ Thi cũng theo chủ trương kiêm ái của Mặc gia, tức chính vì điểm 10 "*phiếm ái vạn vật thiện địa nhất thể*" đó chăng?

Mặc Kinh thực sự đả Huệ Thi chỉ ở hai điểm dưới đây.

Điều 53: 平，同高也[295]

(*Bình, đồng cao dã*).

Nghĩa là hai vật cao bằng nhau thì gọi là bằng.

Câu đó bác câu: "*Sơn dữ trạch bình*" (điều 3) của Huệ Thi. Núi và chằm không cao bằng nhau, nên không gọi là bằng được. Lời bác này không có gì đặc biệt.

Điều 164: 行修以久，說在先後

(*Hành tu dĩ cửu, thuyết tại tiên hậu*)

Kinh thuyết giảng là: Đi đường thì tới chỗ gần trước rồi tới chỗ xa sau. Gần xa, *Kinh* gọi là "tu" (dài); mà trước sau, *Kinh* gọi là "cửu" (lâu). Đi đường dài thì tất phải có một thời gian lâu chứ không thể ngày hôm nay đi qua nước Việt mà đã tới từ hôm qua rồi, như điều 7 của Huệ Thi.

Lời chê đó cũng không có gì đặc biệt, chỉ là dùng lương tri để chê Huệ Thi nguỵ biện thôi. Huệ Thi tất nhiên là hiểu lẽ thông thường đó; nhưng ông ta muốn diễn điều gì trong điều 7, thì tới nay cũng không ai biết được, mà mỗi người hiểu một khác.

Người thì hiểu rằng: Hôm nay mới tới nước Việt, nhưng từ hôm qua đã nghĩ tới việc nước Việt, cho nên bảo tới từ hôm qua.

Người thì giảng: hôm nay là hôm qua của ngày mai, nên đứng về ngày mai mà nói thì hôm nay tức ngày hôm qua.

Có người lại bảo: Đối với thời gian vô tận, dẫu trăm nghìn năm cũng không đáng kể chi, huống hồ hôm qua với ngày nay thì khác gì nhau. Còn Hồ Thích thì cho rằng Huệ Thi trong câu đó muốn chối bỏ lối cắt xén, phân khu thời gian, nó có tính cách giả tạo.

Bác Công Tôn Long

Mặc Kinh có năm điều bác thuyết "li kiên bạch" của Công Tôn Long.

Điều 67: 堅白不相外也 (*Kiên bạch bất tương ngoại dã*): cái chắc và cái trắng không ở ngoài nhau.

Vì hai cái đó ở cùng một chỗ – tức cùng ở trong một hòn đá – nên chúng không ở ngoài nhau được: có cái chắc đó thì mới có cái trắng đó; mà có cái trắng đó thì mới có cái chắc đó. Chỉ khi nào hai cái đó không cùng ở chung trong một hòn đá, không chứa nhau, mà bài trừ nhau (nghĩa là có cái này – chẳng hạn cái chắc của thỏi sắt – thì không có cái kia – chẳng hạn cái trắng của tờ giấy), thì mới là ở ngoài nhau được. (*Kinh thuyết*: *Ư thạch vô sở vãng nhi bất đắc nhị. Dị xử bất tương doanh tương bài thị tương ngoại dã*[296] – Cao Hanh chấm câu ở sau chữ 二; nguyên văn là 相非 /*tương phi*/, ông sửa lại là 相俳 /*tương bài*/).

Điều 68: 攖，相得也 (Anh, tương đắc dã).

Kinh thuyết: dùng hình học để giảng: "anh" là chạm nhau, giao nhau, như hai đường thẳng (*Mặc Kinh* gọi là *xích* 尺) giao nhau thì cả hai đều không hết, nghĩa là còn đi nữa; nếu là một điểm (*Mặc Kinh* gọi là *đoan* 端) với một đường thẳng chạm nhau thì điểm sẽ hết mà đường thẳng vẫn còn; nếu hai điểm chạm nhau thì cả hai đều hết.

Chắc và trắng "tương đắc" tức cũng như giao nhau, chỗ nào có chắc thì có trắng, ngược lại cũng vậy; thế là cùng "hết" cả (*kiên bạch chi anh tương tận*) [297].

Điều 116: 堅白，說在因 (*Kiên bạch, thuyết tại nhân*), nghĩa là chắc và trắng (ở cùng một hòn đá thì) cái nọ nhân cái kia mà có.

Điều 137: 於一有知焉，有不知焉，說在存

(*Ư nhất hữu tri yên, hữu bất tri yên, thuyết tại tồn*).

Kinh thuyết giảng: Đá là một vật, chắc và trắng là hai tính chất của nó. Vỗ vào nó thì thấy nó chắc mà không biết là nó trắng; nhìn nó thì thấy nó trắng mà không biết nó chắc; nhưng chắc và trắng vẫn đồng thời tồn tại cả.

Điều 105: 不可偏去而二，說在見與俱、一與二、廣與修

(*Bất khả thiên khứ nhi nhị, thuyết tại kiến dữ câu, nhất dữ nhị, quảng dữ tu*)

Nghĩa là một vật có hai tính chất thì không thể bỏ một tính chất này chỉ giữ tính chất kia được. Hòn đá chắc và trắng chẳng khác chi một vật rộng và dài, nếu thấy cái nọ mà không thấy cái kia mà bảo hai cái lìa nhau thì không khác gì bảo chiều dài và chiều rộng của một vật lìa nhau.

Thiên *Tiểu thủ* bác luôn thuyết "bạch mã phi mã" của Công Tôn Long nữa:

"Ngựa trắng là ngựa, cưỡi ngựa trắng là cưỡi ngựa. Ngựa đen là ngựa, cưỡi ngựa đen là cưỡi ngựa" (*Bạch mã, mã dã, thừa bạch mã, thừa mã dã. Li mã, mã dã, thừa li mã, thừa mã dã*).

Tóm lại, khi nói đá chắc và trắng, Công Tôn Long coi chắc và trắng là hai khái niệm phổ biến, trừu tượng, hai "chỉ" (coi lại đoạn trên) nên tách rời hai cái đó ra; còn Mặc gia, đứng về phương diện thực tế, chỉ coi chắc và trắng là cái chắc của hòn đá đó, cái trắng của hòn đá đó, (chứ không phải là cái chắc, cái trắng phổ biến), vậy chúng cũng là tính chất của chung một vật (hòn đá đó); như vậy không thể tách chúng ra được.

Mặc gia còn bác nhiều thuyết nữa của Công Tôn Long.

Điều 59: 圜，一中，同長也 (*Viên, nhất trung, đồng trường dã*)

Kinh thuyết: 規，寫交也 (*Qui, tả giao dã*)

Câu trên định nghĩa vòng tròn (circonférence), có một điểm trung tâm ở trong, mỗi điểm trên vòng tròn đều cách trung tâm đó bằng nhau.

Câu dưới trỏ cái "qui" (compas), dùng nó để vẽ một đường kín thì thành vòng tròn.

Công Tôn Long bảo cái qui không làm được hình tròn, vì ông cho "tròn" là một cộng tướng, trừu tượng, tuyệt đối tròn kia; mà cái qui không thể vẽ được một vòng tuyệt đối tròn. Mặc gia chỉ xét cái cụ thể, bảo cái "qui" vẽ được một vòng tròn mà mỗi điểm đều cách một điểm trung tâm bằng nhau, như vậy là vẽ được vòng tròn rồi.

Điều 60: 方，柱隅四歡也 (*Phương, trụ ngung tứ hoan dã*)

Kinh thuyết: 矩，寫交也 (*Củ, tả giao dã*)

Câu trên cũng là một định nghĩa hình học: Hình vuông là một hình mà bốn cạnh (*trụ*) bằng nhau, và bốn góc (*ngung*) bằng nhau.

Câu dưới trỏ cái "củ" (thước vuông: équerre) để vẽ hình vuông.

Điều này bác thuyết cái "củ" không vẽ được hình vuông. Lí luận của Công Tôn Long và của Mặc gia cũng như trong điều trên.

Điều 147: 火熱，說在頓 (*Hoả nhiệt, thuyết tại đốn*)

Kinh thuyết: 謂火熱也，非以火之熱我有，若視日 (*Vị hoả nhiệt dã, phi dĩ hoả chi nhiệt ngã hữu, nhược thị nhật*)

Có nhà bảo 頓 /đốn/ phải sửa là 純 (thuần), chữ 我 /ngã/ phải sửa là 俄 (nga).

Công Tôn Long bảo lửa nóng là do ta cảm giác thấy nóng; vậy nóng là chủ quan, tại ta chứ không phải tại lửa.

Mặc gia đáp: nóng là tại lửa, chứ không phải là tại ta, cũng như chúng ta thấy màu trắng (日 /nhật/ nên sửa là 白 /bạch/), là tại vật trắng chứ không phải tại ta. Nếu để chữ 日, thì giảng là: cũng như ánh sách mặt trời, ánh sáng và sức nóng của mặt trời là do mặt trời chứ không do ta. (Cao Hanh còn một cách giảng nữa, chúng tôi bỏ).

Điều 154: 狗，犬也，而殺狗非殺犬也，不可，說在重

(*Cẩu, khuyển dã, nhi sát cẩu phi sát khuyển dã, bất khả* (chữ **bất** này Cao Hanh thêm vô, nguyên văn không có) *thuyết tại trùng*)

Công Tôn Long bảo con cún (cẩu) không phải là con chó, giết con cún không phải là giết con chó. Có thể ông cho rằng con cún chỉ là một phần tử của loài chó, giết con cún không phải là giết cả loài chó. Cũng có thể ông cho rằng con cún chưa thành con chó, cho nên giết con cún không phải là giết con chó.

Mặc gia bác: cún cũng là chó. Vậy cún và chó là hai tên để chỉ một vật (*trùng đồng* – coi điều 87 ở trên), vậy giết con cún là giết con chó.

Điều 161: 可無也，有之而不可去，說在嘗然 (*Khả vô dã, hữu chi nhi bất khả khứ, thuyết tại thường nhiên*)

Nghĩa là: mọi sự vật nếu từ trước tới nay chưa có thì có thể bảo là không có; nhưng nếu đã từng có một lần rồi thì không thể coi lần đó là không có.

Điều này gián tiếp bác thuyết: "Con nghé mồ côi chưa từng có mẹ" của Công Tôn Long. Con nghé nào cũng do bò mẹ sinh ra, vậy là phải có mẹ. Dù mẹ nó chết rồi cũng không thể bảo rằng nó chưa từng có mẹ được.

Điều 160: 非半，弗[斬](https://lh4.googleusercontent.com/-r9PBvwYZFsA/Tke4YrTu2YI/AAAAAAAAA1E/7YZ_9UFXoXc/Ch%2525E1%25)則不動，說在端

(*Phi bán, phất (?), tắc bất động, thuyết tại đoan*)[298]

Kinh thuyết: Không sách nào cho biết 著斤 đọc ra sao, chỉ đoán nghĩa là chặt, cắt. Chữ 非 Cao Hanh ngờ là chữ /箠/ (chuỷ), cái roi ngựa; chữ /?/ ngờ là chữ /?/ (kiệt), và giải thích như sau:

Một chiếc roi ngựa dài một thước, chặt ra, lấy một nửa; ngày đầu lấy nửa thứ nhất, ngày thứ nhì lấy nửa thứ nhì, thế là hết.

Mặc gia muốn bác thuyết "cái gậy dài một thước, mỗi ngày chặt lấy một nửa, vạn đời không hết" của Công Tôn Long. Nhưng họ hiểu lầm Công Tôn Long nên bẻ bậy. Nguyên văn của Công Tôn Long (theo thiên *Thiên hạ*) là: 一尺之捶，日取其半，萬世不竭 (*Nhất xích chi chuỷ, nhật thủ kì bán, vạn thế bất kiệt*), có nghĩa là[299] cái roi dài một thước, ngày đầu lấy một nửa, ngày thứ nhì lấy một nửa của cái nửa còn lại, ngày thứ ba, lại lấy một nửa của cái nửa còn lại… như vậy vạn đời cũng không hết. Mà không hết được thật vì, trên lí thuyết, không bao giờ chia một vật, dù là cực nhỏ, thành hư không được cả.

Thuyết đó giống thuyết "lực sĩ Achille không bao giờ đuổi kịp được con rùa" của Zénon, triết gia Hi Lạp ở thế kỉ thứ V trước T.L, sinh trước Công Tôn Long

khoảng trăm rưỡi năm. Ví dụ con rùa đi trước Achille 100 thước, muốn đuổi bắt được nó thì trước hết phải vượt một nửa quãng 100 thước (tức 50 thước) đó đã; rồi phải vượt một nửa quãng 50 thước còn lại (tức 25 thước)… cứ như vậy, rốt cuộc lúc nào cũng còn lại một nửa chỗ còn lại lần trước, không khi nào hết được cả. Trên lí thuyết thì như vậy, thực tế khác hẳn. Zénon dùng nguỵ biện để chứng minh rằng không thể có sự chuyển động được, không bao giờ có thể di chuyển từ nơi này tới nơi khác được.

Mặc gia đã hiểu lầm hai chữ "kì bán"[300] đó không phải là một nửa cái roi, mà *một nửa chỗ còn lại của cái roi*.

Nhưng cũng có điều Mặc gia đồng ý với Công Tôn Long như:

Điều 118: /景不徙，說在改爲/

(*Ảnh bất tỉ, thuyết tại cải vi*) nghĩa là: một vật di động thì bóng nó vẫn đứng yên, không rồi chỗ, vì khi vật tiến tới thì một cái bóng khác sẽ xuất hiện, bóng cũ đã biến mất ở sau rồi.

Công Tôn Long cũng nói: Khi con chim bay, cái bóng nó không hề nhúc nhích. Chúng ta sở dĩ thấy cái bóng của nó cũng di chuyển là vì nó bay lẹ quá, nhiều cái bóng liên tiếp liền nhau, ta tưởng chỉ có một cái bóng. Nếu quay phim con chim, rồi chiếu thật chậm lại trên màn bạc thì ta sẽ thấy cái bóng thứ nhì khác cái bóng thứ nhất một chút, cái bóng thứ ba khác cái bóng thứ nhì một chút… đến cái bóng thứ mười chẳng hạn thì đã khác cái bóng thứ nhất nhiều rồi, không nhận ra được nữa.

Mặc Kinh còn có nhiều điều bác các biện giả khác thời đó nữa, chúng tôi không chép lại.

CHƯƠNG IV
TRI THỨC LUẬN

Pháp gia chỉ bàn về chính trị, không bàn về tri thức, lại coi thường cả sự giáo dục dân chúng, cho rằng dân càng ngu càng dễ trị. Danh gia chỉ dùng danh từ mà nguỵ biện, lấy sự thắng được mọi người làm một trò vui; nếu quả thật họ có phát kiến được ít điều về khoa học như một số học giả nghĩ thì cũng là ngoài ý muốn của họ: họ không dụng tâm tìm hiểu, suy nghiệm.

Lão, Trang đối với tri thức có phần khinh thị, hoài nghi. Chương III *Đạo Đức kinh* khuyên đừng nên cho dân biết ham muốn gì cả (*Sử dân vô tri vô dục*), miễn họ được no bụng, mạnh xương (*thực kì phúc, cường kì cốt*).

Còn Trang tử thì bảo: "Đang lúc mộng, không biết là mình mộng, trong mộng lại xem mình mộng. Tỉnh giấc rồi mới biết rằng đó chỉ là giấc mộng lớn. (*Phương kì mộng, bất tri kì mộng dã, mộng chi trung hựu chiêm kì mộng yên. Giác nhi hậu tri kì mộng dã. Thả hữu đại giác nhi hậu tri thử kì đại mộng dã – Tề vật luận*). Một lần ông nằm mộng thấy mình hoá bướm, tỉnh dậy thấy mình rõ ràng là người, đâm ra hoài nghi tự hỏi không biết bướm hoá ra ông hay ông đã hoá ra bướm.

Chỉ có Nho, Mặc trọng tri thức. Khổng tử hễ nói đến *nhân* (đạo nhân) thường cho *trí* kèm theo. Ông thường khuyên người ta nên tránh bốn lỗi: "*vô ý*", nghĩa là khi xét việc gì, không nên đem ý riêng của mình vào, mà cứ theo lẽ phải; "*vô tất*", nghĩa là không quyết rằng điều đó tất đúng, việc đó tất làm được; "vô cố"[301], nghĩa là không câu nệ, cố chấp; "*vô ngã*", tức là phải quên mình đi, đừng để cho cái "ta" làm mờ ám. (*Tử hãn* 4). Thiên *Vi chính*, bài 17, ông bảo: "*Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất vi, thị tri dã*" (Biết thì nói là biết, không biết thì nhận không biết; như vậy là biết đấy).

Mặc tử thì như trong phần I chúng ta đã thấy, đầu thiên *Phi mệnh* hạ, ông đã nêu ra ba tiêu chuẩn để bàn, để biết đúng sai; ba tiêu chuẩn đó là: "*khảo, nguyên, dụng*" mà ông gọi là "tam pháp" hoặc "tam biểu".

Nhưng nói đến *tri* (biết), *tri* (sáng suốt), Khổng tử và Mặc tử, nghĩ đến đạo lí trước hết. Phải tới giữa thời Chiến Quốc, Tuân Tử và phái Biệt Mặc mới bàn về tri thức, mới đặt cơ sở cho tri thức luận trong triết học Trung Hoa.

Những suy nghĩ của họ chép rời rạc trong *Mặc Kinh*, không sắp đặt thành hệ thống. Dưới đây chúng tôi dựa theo bố cục của Phùng Hữu Lan trong sách đã dẫn, mà sắp đặt lại những nét chính đã trình bày rải rác trong *Đại cương triết học Trung Quốc I*; chúng tôi cũng sửa đôi chỗ theo những hiệu đính mới nhất của

Cao Hanh.

Mặc Kinh rất coi trọng tri giác, cho rằng người ta có biết (có tri giác) mới gọi là sống được.

Điều 22, định nghĩa thế nào là sống: /生：形與知處也/ (*Sinh: hình dữ tri xử dã*), nghĩa là hình thể và tri giác hợp lại là sống; nếu rời nhau thì chết[302].

Điều 23: /臥知無知也/ (*Ngoạ tri vô tri dã*). Ngủ thì tri giác không tiếp xúc với vật ở chung quanh.

Ngủ vẫn còn sống, vậy vẫn còn tri giác, nhưng tri giác lúc đó không tiếp xúc với vật, nên không biết gì cả.

Điều 24: /夢：臥而以為然也/ (*Mộng: ngoạ nhi dĩ vi nhiên dã*). Ngủ mà có tri giác, thì tri giác đó vốn không có thực mà cho là có thực, như vậy là mộng.

TRI THỨC

Điều kiện của tri thức

Theo *Mặc Kinh*, muốn có tri thức thì phải có bốn điều kiện, mà điều kiện cơ bản là bản năng của giác quan, mà điều 3 gọi là *tài* [材]知材也 (*Tri, tài dã*).

Chẳng hạn tai mắt phải sáng thì mới nghe thấy, trông thấy được: nếu điếc, đui, nghĩa là tai mắt mất bản năng của chúng rồi thì không nghe thấy, trông thấy, không biết gì nữa.

Các giác quan còn đủ bản năng, nhưng mình phải muốn biết, thì mới dùng tới chúng mà biết được. Chẳng hạn đi ngoài đường, mà mãi nghĩ về một việc gì đó chúng ta không để ý đến xe cộ thì xe hơi đăm thẳng tới ta, bóp còi, chúng ta cũng không biết. Lòng muốn biết đó, điều 4 gọi là "lự": /慮，求也/ (*Lự, cầu dã*). Đó là điều kiện thứ nhì.

Điều kiện thứ ba là tiếp xúc với vật. Muốn biết rồi, ta mới cho giác quan tiếp xúc với vật. Cho nên điều 5 bảo: 知，接也 (*Tri, tiếp dã*). Giác quan tiếp xúc với vật, rồi trong óc mới có một ấn tượng về vật đó, và ta mới biết vật đó ra sao, (chẳng hạn biết chiếc xe hơi đương chạy tới).

Điều kiện cuối cùng là suy luận, nhận thức.

Điều 6 bảo: /恕，明也/ (*Tri*[303], *minh dã*). Tri là sáng.

Kinh thuyết giảng: 恕也者，以其知論物，而其知之也著。若明 /0 *dã giả, dĩ kì tri luận vật, nhi kì tri chi dã trứ. Nhược minh*/

Nghĩa là: Đem cái biết tức là cái ấn tượng của vật ở trong óc ra mà luận vật thì

lúc đó mới biết được thấu đáo vật đó, như vậy là "tri", sáng suốt; chẳng hạn mới biết chiếc xe đó đương chạy nhanh, sắp đụng vào ta, nếu ta không kịp tránh, thì sẽ bị tai nạn.

Tóm lại *Mặc Kinh* cho rằng quá trình về tri thức như sau:

- Giác quan phải còn đủ bản năng
- Phải muốn dùng chúng
- Phải cho chúng tiếp xúc với vật
- Phải suy luận.

Nhưng đó mới chỉ là một loại tri thức do giác quan cho ta; còn một loại nữa, không do giác quan.

Điều 146: 知而不以五路，說在久 (*Tri nhi bất dĩ ngũ lộ, thuyết tại cửu*). Biết mà không do "ngũ lộ" (năm đường) thì như lâu mau.

Chữ "ngũ lộ" ở đây trỏ "ngũ quan" (tai, mắt, mũi, miệng, da), mà Tuân Tử gọi là "thiên quan" (天官), Lão, Trang gọi là "thiên môn" (天門). Vì năm cái đó là chủ tể của cảm giác, cho nên gọi là "quan"; vì do năm cái đó mà vật ở ngoài tiếp xúc với ta, gây một ấn tượng trong óc ta, nên gọi là "lộ" (đường) hay "môn" (cửa). Chúng ta biết được thanh âm, màu sắc, vị, mùi (hương), biết được cứng mềm, nặng nhẹ, nóng lạnh… nhờ ngũ quan. Nhưng ý niệm lâu hay mau thì không do ngũ quan, mà do kinh nghiệm.

Chữ "cửu" (lâu) ở đây, điều 40 đã định nghĩa:

久，彌異時也 (*Cửu, di dị thời dã*). Lâu là khắp cả thời giờ khác nhau.

Kinh thuyết giảng rõ thêm:

久，古今旦暮[304] (*Cửu, cổ kim đán mộ*). Lâu là xưa nay, sớm tối.

Vậy *cửu* là thời gian, mà sách *Hoài Nam tử* trong thiên *Tề tục* còn gọi là "trụ".

Không gian tuy không thuộc loại tri thức thứ nhì đó (vì dùng mắt có thể biết được xa, gần, rộng hẹp). *Mặc Kinh* cũng đặt cạnh thời gian và gọi là "vũ".

Điều 41: 宇，彌異所也 (*Vũ: di dị sở dã*). Cõi là khắp cả các chốn khác nhau.

Kinh thuyết giảng rõ thêm: 宇：東西家南北 (*Vũ: đông tây, gia, nam bắc*)

Cao Hanh giảng: Cõi là đông tây, chỗ mình ở (*gia*) và nam bắc.

Nhưng có sách bảo phải sửa là: *Vũ: mông* 蒙 *đông tây nam bắc*, nghĩa là cõi

trùm cả đông tây, nam bắc. Hiểu theo cách nào thì "vũ" ở đây cũng trỏ không gian.

Mặc Kinh lại phân biệt ba loại tri thức và bốn yếu tố của tri thức.

Điều 81: 知，聞，說，親，名，實，合，為 (*Tri: văn, duyệt*[305], *thân; danh, thực, hợp, vi*). Biết: do nghe, suy, nghiệm; (phải có) danh, thực, sự, phù hợp giữa danh và thực (*hợp*) và sự thực hành cái biết (*vi*).

Nửa phần trên nói về ba loại tri thức; nửa phần dưới nói về bốn yếu tố của tri thức.

Ba loại tri thức

Kinh thuyết giảng: 傳授之，聞也。方不[306]說也。身觀焉，親也 (*Truyền thụ chi, văn dã. Phương bất chướng duyệt dã. Thân quan yên, thân dã*)

Loại tri thức thứ nhất là "nghe", tức là được người khác truyền cho mình. Loại thứ nhì không bị chướng ngại (không bị tai mắt ngăn cách, không cần phải nghe, thấy, phải tới tận nơi), chỉ cần suy xét mà biết. Loại thứ ba là do thể nghiệm mà biết.

Ví dụ: Đầu tháng 10 dương lịch, đài phát thanh cho hay cánh đồng Tháp Mười như một biển nước, do đó mà chúng ta biết đồng đó ngập nước. Sự biết đó là do nghe mà biết.

Chẳng cần phải đợi báo chí, đài phát thanh loan tin, chúng ta cũng biết được vào hồi đó, nước trên nguồn sông Cửu Long đổ xuống và mưa không thoát ra biển kịp, thì tất nhiên nước phải tràn bờ mà vào đồng Tháp Mười, làm ngập cánh đồng đó. Sự biết đó là do suy luận mà biết. Nếu ta lại đích thân vô đồng Tháp Mười quan sát, thấy làn nước mênh mông từ Hồng Ngự đến Long An thị sự biết này là do thể nghiệm mà biết.

Bốn yếu tố của tri thức

Kinh thuyết giảng: 所以謂，名也。所謂，實也。名實耦，合也。志行，為也 (*Sở dĩ vị, danh dã. Sở vị, thực dã. Danh thực ngẫu, hợp dã. Chí hành, vi dã*).

Muốn bày tỏ sự hiểu biết, cảm tưởng, ý kiến của mình về một cái gì thì phải có cái đó đã. Cái đó, gọi là "thực". Có cái "thực" thì phải có tên gọi nó, cái tên đó gọi là "danh". Có "thực" thì phải có "danh". Có "danh" thì phải có "thực". Danh với thực phải phù hợp với nhau; cái danh đó trỏ cái thực đó thôi, không thể trỏ cái thực khác được; mà cái thực đó chỉ ứng với cái danh đó thôi. Cây mít

không thể gọi là cây xoài được, cái bàn không thể gọi là cái ghế được. Như vậy mới là chính danh.

Đó là ba yếu tố đầu của tri thức: Có danh, có thực, danh và thực phù hợp với nhau.

Yếu tố thứ tư là cái biết phải thực tiễn (*vi*), thực tiễn gồm hai thành phần là "chí" và "hành". "Chí" là mục đích, "hành" là hành động. Định mục đích rồi nhắm mục đích đó mà hành động, như thế gọi là thực tiễn (*vi*). "Chí" phát ở trong lòng mình; "hành" phát ra ở ngoài. "Chí" là giai đoạn đầu, "hành" là giai đoạn sau. Biết mà không thực tiễn, không đưa tới hành động thì chưa đủ gọi là biết. Tri thức mà chỉ có tính cách viễn vong, không thực tiễn, ứng dụng được thì không thực là tri thức.

Vậy ở đây, phái Biệt Mặc đã giữ được truyền thống của Mặc tử, coi trọng thực dụng. Chúng ta còn nhớ, khi bàn về kiêm ái, Mặc tử bảo: "Nếu (thuyết kiêm ái) không dùng được thì ngay tôi đây cũng chê, Vả lại đâu có cái gì tốt mà không dùng được bao giờ". Phái Biệt Mặc đả kích mạnh bọn nguỵ biện như Công Tôn Long vì thuyết của họ không những không thực hành được mà còn có khi gây hại nữa, như khi họ bảo "lửa không nóng"…

Mặc kinh (điều 148) còn đưa ra một cách để xét xem kẻ nào tự coi là biết, có thực là biết không:

(*Tri kì sở dĩ bất tri, thuyết tại dĩ danh thủ*)[307].

Kinh thuyết giảng:

Muốn thử một người nào tự cho là biết thì ta để lẫn lộn những vật người đó biết và những vật người đó không biết rồi hỏi. Nếu người đó đáp: "Cái này tôi biết", "cái kia tôi không biết", rồi lấy, bỏ đều đúng cả, như vậy mới là biết. Lời giảng hơi lúng túng nhưng ý nghĩa như bài 9 thiên *Quí nghĩa*.

Một người mù bảo đá hoa cương trắng, mồ hóng đen, điều đó rất đúng; nhưng nếu để lẫn lộn vật đen và vật trắng mà bảo lựa thì người mù không biết được. Phải biết tên, lại phải biết lựa nữa mới là biết.

Tiến thêm một bước nữa, *Mặc Kinh* chia "danh" làm ba loại, "vị" làm ba loại, và "vi" làm sáu loại.

- Ba loại "danh"

Điều 79: /名：達，類，私/ (*Danh: đạt, loại, tư*). Danh (chia làm): đạt danh, loại danh, tư danh.

Kinh thuyết giảng: Tiếng nói nào phát từ miệng ra đều là "danh" cả (/聲出

口，俱有名/ *Thanh xuất khẩu, câu hữu danh*) vì đều đại biểu cho một khái niệm nào đó. Vậy "danh" trong *Mặc Kinh* có một ý nghĩa rộng hơn tiếng "danh từ" của ta, tiếng "substantif" của Pháp. Nhưng khi phân biệt ba loại danh thì nó giống "danh từ" của ta.

"Đạt danh" là tiếng gọi chung các loài vật (như chữ *vật* 物) hay các sự việc (như chữ sự 事).

"Loại danh": là tiếng gọi một loài vật nào đó (như ngựa), hay một sự việc nào đó (như di chuyển).

Còn "tư danh" là tên trỏ riêng một vật thôi (như anh Xuân, nước Việt Nam, con Xích thố của Quan Công).

Thiên Đại thủ bảo "danh" có thứ để trỏ hình dáng (/以形貌命者/ *dĩ hình mạo mệnh dã*) như làng, xóm, nước Tề, nước Sở; có thứ để trỏ số lượng (/以舉量數命者/ *dĩ cử lượng số mệnh dã*), như trăm, ngàn, cân lượng.

Cách phân loại đó thiếu sót, không hoàn bị.

- Ba loại "vị"

Điều 80: /謂：移，舉，加/ (*Vị: di, cử, gia*) "Vị" là bảo, hoặc gọi. Có ba loại: dời, trỏ đúng, thêm.

Con cún là con chó con, chưa phát triển đầy đủ thành con chó, nhưng vẫn thuộc loài chó, bảo: "con cún là loài chó" thì cũng như bao "ngựa trắng là con ngựa", như vậy là "dời" cái tên "chó" để gọi cún, "dời" cái tên "ngựa" để gọi con ngựa trắng.

Trỏ đúng (cử) tên một loài, như cún thì trỏ chung các loài cún, chó trỏ chung các loài chó. Chữ "cử" ở đây, gần giống chữ đại biểu: "danh" để "cử" cái thực, tức như để đại biểu, thay cho cái thực. Vì nó thay cho cái thực, cho nên chúng tôi dịch thoát là gọi đúng; "trỏ đúng" tên khác với "dời" tên (mượn tên).

Sau cùng, *gia* (加) có nghĩa là thêm, nhưng ở đây phải hiểu là cấp cho, đại khái như từ attribuer của Pháp. Như thấy con chó trước mặt ta, ta mắng nó" "Chó, đi!", như vậy là "thêm" cái "danh" chó vào cái "thực" là con chó đó. Chữ *gia* rất khó dịch, chúng tôi gượng dịch là thêm.

Cách phân loại đó không hợp lí.

- Sáu loại "vi"

Điều 86: /為：存，亡，易，蕩，治，化/ (*Vi: tồn, vong, dịch, đãng, trị, hoá*). Làm gồm: làm cho còn, làm cho mất, trao đổi, trừ hại, trị, hoá.

Kinh thuyết: /早臺，存也。病，亡也。買鬻，易也。霄盡，蕩也。順長，治也。轂買，化也/ (*Táo đài, tồn dã. Bệnh, vong dã. Mãi dục, dịch dã. Tiêu tận, đãng dã. Thuận trưởng, trị dã. Oa mãi*[308], *hoá dã*).

Chữ /早/ (tảo), Tôn Di Nhượng sửa là /甲/ (giáp): áo giáp. Cao Hanh sửa là chữ /早/ (tảo), mà thay cho chữ /槽/ (tào) là cái máng cho súc vật ăn (vì hai chữ đó đọc giống nhau). Không biết thuyết nào đúng, nhưng cả hai đều giảng giống nhau.

"Làm" có sáu loại, xét về mục đích.

Loại thứ nhất: làm để cho còn (*tồn*), tức như ta nói ngày nay để tạo nên một vật gì. Thí dụ: xây một cái đài, làm một cái áo giáp (thuyết của Tôn) hoặc cái máng cho súc vật ăn (thuyết của Cao).

Loại thứ nhì: làm cho mất đi (*vong*), như trị bệnh là làm cho hết bệnh.

Loại thứ ba: làm để trao đổi (*dịch*), như mua bán tức là trao đổi vật này lấy vật khác.

Loại thứ tư: làm để trừ hại (*đãng*), như trừ giặc cướp, sâu bọ.

Loại thứ năm: làm để vật thuận sinh, phát triển lên (*trị*) như trồng cây, nuôi súc vật.

Loại thứ sáu: làm để biến hoá (*hoá*), vì có lúc chúng ta muốn sự vất này biết thành vật khác. Thí dụ về biến hoá: con chẫu chuột (*oa*) – theo người Trung Hoa thời cổ – có thể biến con chim cút (*thuần*)[309].

Về liên quan giữa làm (*vi*) và lòng muốn (*dục*), trong *Mặc Kinh* chúng ta chỉ thấy mỗi một điều nhắc tới.

Điều 76: /為，窮知而儀於欲也/ (*Vi, cùng tri nhi huyền ư dục dã*), và Ngô Tất Tố (sách đã dẫn – tr.163) căn cứ vào đó mà cho rằng *Mặc Kinh* nhận thấy phải có dục vọng thì con người mới hành động, cơ hồ coi dục vọng có tác động mạnh hơn lí trí.

Nhưng ở chương I này chúng tôi đã nói, chữ /*vi* 為/ ở điều 76 đó, Cao Hanh bảo phải sửa là chữ / / chưa biết thuyết nào đúng, nên ở đây chúng tôi không bàn tới.

BIỆN THUYẾT

Mặc tử suốt đời đi khắp các nước chư hầu rán thuyết phục mọi người kiêm ái, làm lợi lẫn nhau, thuyết phục các nhà vua đừng xâm chiếm đất nhau, và hễ thấy nước nào bị nước khác uy hiếp thì đem quân đến cứu. Ông tự hào rằng lập luận

của ông rất vững, "kẻ nào cầm lời của mình để bài bác ông thì cũng như cầm trứng ném vào đá; ném hết trứng trong thiên hạ, đá vẫn y nguyên không sứt mẻ". (*Quí nghĩa* – 19).

Khổng tử "hối nhân bất quyện" thì Mặc tử cũng "thuyết nhân bất quyện", cho nên thiên hạ chê là nói nhiều. Như Công Mạnh tử có lần bảo ông: "Mình thực làm điều thiện thì ai mà không biết? Như (…) người đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, người ta cũng tranh nhau cầu thân. Còn như mình hành động mà tự khoe thì chẳng ai dùng mình. Nay thầy đi thuyết phục mọi người, sao mà khó nhọc như vậy?"

Ông đáp: "Đời này loạn, số người cầu đàn bà đẹp thì nhiều, cho nên đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, nhiều người cũng tìm tới; còn số người cầu người hiền thì ít, không gắng thuyết phục người ta, tất người ta không biết".

Lời đó làm cho ta nhớ lời Khổng tử trong chương *Tử hãn*, bài 17: "Ta chưa thấy ai hiếu đức bằng hiếu sắc" (*Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã*). Sao hai nhà giống nhau thế!

Vậy Mặc tử trọng sự biện thuyết. Phái Biệt Mặc không làm chính trị như ông, không đi du thuyết, nhưng suy tư về phép biện thuyết, cũng đáng gọi là nối được truyền thống của ông.

Họ nhận rằng ngôn ngữ biểu thuật được tri thức.

Điều 92 và 93, họ bảo lời nói là cái tài của miệng, căn cứ vào lời nói mà thấy được ý là nhờ cái tâm biết suy biện. (/言，口之利也-執所言而意得見，心之辯也/ *Ngôn, khẩu chi lợi dã – chấp sở ngôn nhi ý đắc kiến, tâm chi biện dã*) – chữ *biện* ở đây dùng như chữ *biện*.

Họ phân biệt hai trường hợp "biện": trường hợp "biện" để thuyết minh, làm sáng tỏ ý mình về một vấn đề nào đó; trường hợp "biện" để tranh thắng. Có thể bảo trường hợp trên là hiểu biện theo nghĩa rộng, mà trường hợp dưới là hiểu theo nghĩa hẹp.

Điều 73: /說，所以明也/ (*Thuyết, sở dĩ minh dã*). Điều này thuộc về trường hợp thứ nhất, nghĩa rất rõ, nên không có phần *Kinh thuyết*.

Điều 74: Thuộc về trường hợp thứ nhì:

/彼不可兩，不可也/ (*Bỉ, bất khả lưỡng bất khả dã*).

Kinh thuyết: (*Bỉ: huỷ ngưu, tru phi ngưu, lưỡng dã, vô dĩ phi dã*)[310]

Phần *Kinh*, nguyên văn là chữ 攸 /*du*/ các sách đều sửa lại là 彼 /*bỉ*/ theo hiệu đính của Trương Huệ Ngôn, Cao Hanh giảng 彼 là "mệnh đề đem ra tranh biện".

Vì điều 75 bảo: "*Biện, tranh bỉ dã*" /辯，爭彼也/: biện là hai bên tranh luận về một mệnh đề.

Phần *Kinh thuyết*, nguyên văn các sách để nguyên, và đại ý giảng là: "Phàm đã là bò thì khác không phải là con bò, nếu hai bên điều thừa nhận là bò hay thừa nhận không phải là bò thì không có chỗ nào bảo nhau là không phải". Trong *Đại cương triết học Trung Quốc* I, tr.667 chúng tôi đã dịch như vậy. Nhưng Cao Hanh bảo chữ /*Phàm* 凡/ nên sửa là chữ *huỷ* /兕/, chữ /*xu* 樞/ nên sửa là chữ *tru* /貙/ (vì mặt chữ giống nhau, cổ nhân đã chép lầm) và giảng là: Bảo con *huỷ* (tê ngưu) *cùng loài với con ngưu* (bò), đó là mệnh đề nữa. Nếu ông Giáp đưa ra mệnh đề thứ nhất (huỷ và ngưu đồng loại) mà ông Ất đưa ra mệnh đề thứ nhì (tru với ngưu khác loại), hai bênh hai mệnh đề khác nhau thì không có gì bác nhau. Không sinh ra tranh biện. Tóm lại, chỉ có tranh biện khi chỉ có một mệnh đề mà mỗi bên đưa ra ý kiến khác nhau, chẳng hạn Giáp bảo con huỷ cùng loại với con ngưu, mà Ất bảo là khác loại.

Một khi đã có tranh biện thì tất có một bên khẳng định, một bên phủ định (không thể hai bên cùng khẳng định hay cùng phủ định được, như vậy đâu còn tranh biện nữa) mà bên nào đúng (có lí) là bên đó thắng; chẳng hạn bên bảo con huỷ cùng loài với con ngưu, có lí, đúng, sẽ thắng. Đó là ý nghĩa *điều 75:*

"Biện, tranh bỉ dã. Biện thắng, đáng dã". /辯，爭彼也。辯勝，當也/

Điều 135, *Mặc Kinh* còn nói rõ thêm:

Câu đó, chúng tôi đã dẫn trong chương III: *Bác các nhà khác*[311], dưới đây chúng tôi xin giảng rõ hơn.

Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* tr.691, chúng tôi dịch câu đó: Bảo rằng biện bác thì không thắng được, lời đó không ổn đáng. Là vì khi bảo: "Biện bác không thể thắng được", như thế tức là đã biện bác và muốn thắng rồi". Nay chúng tôi thấy hiểu như vậy không đúng với *Kinh thuyết*:

/謂，所謂非同也，則異也。同則或謂之狗，其或謂之犬也。異則或謂之牛，其或謂之馬也。俱無勝，是不辯也。辯也者，或謂之是，或謂之非，當者勝也/[312]

(nguyên văn là Cao Hanh sửa lại)

(Vị) sở vị phi đồng dã, tắc dị dã. Đồng tắc hoặc vị chi cẩu, kì hoặc vị chi khuyển dã. Di tắc hoặc vị chi ngưu, kì hoặc vị chi mã dã. Câu vô thắng, thị bất biện dã. Biện dã giả, hoặc vị chi thị, hoặc vị chi phi, đáng giả thắng dã.

Nghĩa là: Hai người đều đưa ý kiến. Ý kiến hoặc giống nhau hoặc khác nhau.

Nếu ý kiến giống nhau thì không có tranh luận. Thí dụ: có con cún ở trước mặt, ông Giáp bảo là con cún (chó con), ông Ất bảo là con chó, như vậy là ý kiến giống nhau, không có tranh biện. Nhưng nếu con vật ở trước mặt không phải là con cún, (mà con mèo chẳng hạn), ông Giáp bảo là con cún, ông Ất bảo là con chó; như vậy là ý kiến giống nhau nhưng đều sai hết, cũng không có tranh biện. Phải có ý kiến khác nhau mới có tranh biện. Chẳng hạn có con bò ở trước mặt, ông Giáp bảo là con bò, ông Ất bảo là con ngựa. Ý kiến của ông Giáp đúng, ý kiến của ông Ất sai, và tranh biện thì ông Giáp thắng, ông Ất thua. Nhưng nếu con vật ở trước mặt, không phải là con bò, cũng không phải là con ngựa (mà là con dê chẳng hạn), ông Giáp bảo là con bò, ông Ất bảo là con ngựa, cả hai đều sai, không ai thắng ai cả. Tóm lại, ý kiến có khác nhau mới có tranh biện. Tranh biện mà không ai thắng cả là tại cả hai đều sai, như vậy cũng coi như không có tranh biện. Hễ gọi là tranh biện thì phải có một bên phải, một bên trái; bên nào phải, đúng là bên ấy thắng, bên nào sai, không đúng là bên ấy thua.

Vì *Kinh thuyết* giảng như vậy, nên phần *Kinh* phải hiểu lại là: tranh biện thì phải có người thắng, kẻ thua, ai có lí đúng, là thắng, ai không có lí, sai là thua. Nếu không ai thắng cả, tất là do cả hai đều sai cả.

Đó là biện hiểu theo nghĩa hẹp: tranh biện. Biện phải theo nghĩa rộng: biện thuyết, thì *Kinh thượng* và *hạ* không nói tới, mà hai thiên *Đại*, *Tiểu thủ* mới phân tích, do đó chúng ta có thể đoán rằng hai thiên này viết sau *Kinh thượng* và *hạ*.

Tiểu thủ nói:

“Biện là để làm sáng tỏ điều phải trái; xét cho ra manh mối trị loạn; làm cho rõ chỗ dị đồng; xét cái lí của “danh” và “thực”; biết đâu là lợi hại; giải quyết sự hiềm nghi.

Biện là để mô tả hình dung, tóm thâu ý nghĩa của muôn vật; bàn bạc suy tìm cái hay của lời nói. Lấy “danh” để biểu thị cái “thực”, lấy “từ” để giải bày ý, “lấy thuyết” để nói rõ lí do (cớ); lấy điều đã biết để loại suy điều chưa biết; hễ có ở nơi mình thì đừng chê ở nơi người, hễ không có ở nơi mình thì đừng đòi hỏi ở nơi người”.

/夫辯者，將以明是非之分，審治亂之紀，明同異之處，察名實之理，處利害，決嫌疑焉。摹略萬物之然，論求群言之比。以名舉實，以辭抒意，以說出故；以類取，以類予；有諸己不非諸人；無諸己不求諸人/

(*Phù biện giả, tương dĩ minh thị phi chi phận; thẩm trị loạn chi kỉ; minh đồng dị chi xứ; sát danh thực chi lí; xử lợi hại; quyết hiềm nghi yên*[313]. *Mô lược vạn*

vật chi nhiên, luận cầu quần ngôn chi bỉ. Dĩ danh cử thực, dĩ từ trữ ý, dĩ thuyết xuất cố; dĩ loại thủ, dĩ loại dữ; hữu chư kỉ bất phi chư nhân; vô chư kỉ, bất cầu chư nhân).

Đoạn trên xét về công dụng của biện thuyết – và phương pháp biện thuyết.

Có 6 công dụng:

1- Làm sáng tỏ điều phải trái;

2- Xét chi ra manh mối trị loạn;

3- Làm cho rõ chỗ dị đồng;

4- Xét cái lí của danh và thực;

5- Biết đâu là lợi, đâu là hại;

6- Giải quyết sự hiềm nghi.

Có thể nói công dụng 5 là hậu quả của 1 và 2, công dụng 6 là hậu quả của 3 và 4.

Câu "mô tả hình dung, tóm thâu ý nghĩa của muôn vật" ý nghĩa cũng như 3 và 4; mà câu "bàn bạc suy tìm cái hay của lời nói" thì ý nghĩa cũng đã nằm trong câu 1.

Phương pháp biện thuyết gồm 4 bước:

1- Lấy danh để biểu thị cái thực; điều này chúng ta đã hiểu rồi.

2- Lấy "từ" để giải bày ý. Gom nhiều "danh" lại – danh hiểu theo nghĩa rộng, gồm cả động từ, tĩnh từ, số từ v.v… chứ không trỏ riêng danh từ – để diễn một ý, thì thành một "từ"; vậy "từ" tức là "mệnh đề" theo ngôn ngữ ngày nay.

3- Lấy thuyết để nói rõ lí do (*cố*). Thuyết là luận chứng. Luận chứng để đưa ra cái *cố*, tức cái nguyên nhân, cái lí do. (Coi lại điều 1 trong *Kinh thượng*: "*Cố, sở đắc nhi hậu thành dã*" – chương *Biệt Mặc*).

4- Lấy điều đã biết để loại suy đều chưa biết. Ví dụ chúng ta biết rằng người nào cũng chết; mà ông X là người; ta có thể suy ra rằng ông X cũng sẽ chết.

Sau cùng là hai chuẩn tắc của một biện luận để tránh mâu thuẫn:

1- Hễ có ở mình thì đừng chê ở nơi người, nghĩa là điều gì mình đã thừa nhận thì không được chối bỏ, bắt bẻ ở nơi người;

2- Hễ không có ở nơi mình thì đừng đòi hỏi ở nơi người, là điều gì mình đã không thừa nhận thì không được bắt người khác phải thừa nhận.

Về việc lập thuyết, *Tiểu thủ* đưa ra 7 phép: *hoặc*, *giả*, *hiệu*, *thí*, *mâu*, *viện* và *suy*:

"***Hoặc*** nghĩa là không hết.

Giả nghĩa là nay không phải thế.

Hiệu nghĩa là làm theo như "pháp"; "sở hiệu" là cái "pháp" theo đó mà làm; cho nên làm đúng theo như "pháp" là phải, không đúng theo như "pháp" là sai; thế là "hiệu".

Thí là đem cái khác để làm cho sáng tỏ.

Mâu là so sánh "từ" mà cùng xuôi.

Viện là vin lấy mà bảo: "ông coi là phải thì được, tại sao riêng tôi lại không được coi là phải".

Suy là đưa cái thực chưa từng nghiệm cũng giống như đã từng nghiệm mà suy luận, dự đoán. Tức như bảo: "nó đã giống, sao ta lại bảo nó khác?"

/或也者，不盡也。假也者，今不然也。效也者，為之法也。所效者，所以為之法也。故中效，則是也；不中效，則非也。此效也。辟也者，舉他物而以明之也。

侔也者，比辭而俱行也。援也者，曰，子然，我奚獨不可以然也。推也者，以其所不取之同於其所取者予之也。是猶謂也者同也，吾豈謂它者異也/[314]

(*Hoặc dã giả, bất tận dã.*

Giả dã giả, kim bất nhiên dã.

Hiệu dã giả, vi chi pháp dã. Sở hiệu giả, sở dĩ vi chi pháp dã. Cố trúng hiệu tắc thị dã, bất trúng hiệu tắc phi dã. Thử hiệu dã.

Thí dã giả, cử tha vật nhi dĩ minh chi dã.

Mâu dã giả, bỉ (cũng đọc là tỉ) từ nhi câu hành dã. Viện giả dã, viết: Tử nhiên, ngã hề độc bất khả dĩ nhiên dã?

Suy dã giả, dĩ kì sở bất thủ chi đồng ư kì sở thủ giả dữ chi dã. Thị do vị tha giả đồng dã, ngô khởi vi tha giả dị dã).

1- "Hoặc" là "bất tận", điều 43 giảng là chẳng cái nào là không thế (/盡，莫不然也/ *Tận: mạc bất nhiên dã*). Vậy "hoặc" nghĩa là có khi như vậy, không nhất thiết phải luôn luôn như vậy. Như loài ngựa, có con trắng, chứ không phải con nào cũng trắng, và ta bảo: ngựa hoặc có con trắng.

2- "Giả" là giả thuyết. Hiện tại chưa như vậy, mà giả thiết là như vậy. Chẳng hạn ta bảo: "Nếu chúng ta tìm được mỏ dầu ở Đồng Tháp thì chỉ trong ít năm

miền đó không còn là một cánh đồng hoang nữa mà thành một miền kĩ nghệ phong phú". Như vậy là dùng phép giả thiết.

3- "Hiệu" làm làm theo "pháp". Chữ "pháp ở đây có một nghĩa riêng. Điều 71 bảo: (/法，所若而然也/ *Pháp, sở nhược nhi nhiên dã*): pháp là theo cái đó mà làm ra thế.

Kinh thuyết giảng: (/法，意規員三也，俱可以為法/ *Pháp, ý qui, viên, tam dã*[315], *câu khả vi pháp*): ý niệm về hình tròn, cái thước tròn (compas), vòng tròn, cả ba đều có thể làm "pháp", tức làm làm biểu chuẩn để theo đó mà làm ra hình tròn.

Điều 165 lại nói:

/一法者之相與也盡類，若方之相合也。說在方/

(*Nhất pháp giả chi tương dữ dã tận loại, nhược phương chi trương hợp dã. Thuyết tại phương*).

Pháp là cái mẫu mực – cái khuôn – để chế tạo đồ dùng. Các đồ chế tạo ra đem so sánh (*dữ* ở đây là so sánh) với cái khuôn đó đều giống nhau hết, như hình vuông này với hình vuông kia hợp với nhau.

Kinh thuyết giảng thêm: Hễ là hình vuông thì đều giống nhau, vì cùng cái thước vuông mà làm ra; thước vuông tức là cái mẫu mực, cái khuôn của hình vuông. Cho nên vật tuy khác nhau về chất, thứ bằng gỗ, thứ bằng đá, nhưng đã là vuông thì đều hợp với nhau. Vậy hết thảy đều giống nhau, tức là đều vuông. Mọi vật đều thế.

/方盡類，俱有法而異，或木，或石，不害其方之相合也。盡類猶方也。物俱然/

(*Phương tận loại, câu hữu pháp nhi di, hoặc mộc, hoặc thạch, bất hại kì phương chi tương hợp dã. Tận loại do phương dã. Vật câu nhiên*).

Vậy ta có thể cho rằng "pháp" ở đây hiểu theo nghĩa rộng là công thức. Công thức đó dùng để so sánh (*hiệu*); so sánh mà đúng công thức thì là phải, không đúng tức là sai. Như Mặc tử bảo: "Nói năng, bàn luận có ba "biểu chuẩn" (*biểu*) hay ba "phép" (*pháp*), hễ đúng với những biểu chuẩn, hay phép đó thì là phải, không đúng tức là sai".

Trong *Đại cương triết học Trung Quốc I* chúng tôi đã theo Vũ Đồng, cho "Sở hiệu giả" là đại tiền đề; "hiệu" là lấy đại tiền đề làm "pháp", làm biểu chuẩn. Tỉ dụ: "Phàm là người thì tất có chết", thế là "hiệu". – Hiểu như vậy cũng được, nhưng nghĩa có hẹp đi.

4- “Thí” là ví dụ, lấy cái kia mà để nói rõ về cái này, lấy cái đã biết để nói rõ về cái chưa biết.

5- “Mâu” là lấy “từ” (mệnh đề) kia ra để so sánh với “từ” này. Nếu “từ” kia chấp nhận được thì “từ” này cũng chấp nhận được.

Mặc tử đã dùng phép “mâu” trong thiên *Phi công thượng* khi ông bảo:

“Nay có người nọ thấy đen ít bảo là đen, thấy đen nhiều lại bảo là trắng; như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đen và trắng; thấy đắng ít thì bảo là đắng, mà thấy đắng nhiều lại bảo là ngọt, như vậy tất phải cho người đó là không biết phân biệt đắng ngọt. Nay [các bậc quân tử trong thiên hạ thấy] làm đều quấy nhỏ thì biết mà chê, mà làm điều quấy lớn là đánh chiếm nước người thì không biết mà chê, lại còn khen, bảo là nghĩa. Như vậy có thể bảo là phân biệt được nghĩa và bất nghĩa không?”

Tất nhiên ta phải trả lời là không, vì ta đã nhận rằng hai hạng người ở trên không biết phân biệt đen trắng, đắng ngọt.

6- “Viện” là viện lẽ (xin lấy làm lẽ): ông nói thế, tôi cũng nói thế, mà ông cho lời ông là phải, thì cũng phải cho lời tôi nói là phải chứ.

Phùng Hữu Lan đưa ra một thí dụ trong *Công Tôn Long tích phủ thiên*. Công Tôn Long bảo Khổng Xuyên:

“Long tôi nghe nói vua Sở mất cây cung… kẻ tả hữu xin đi tìm. Nhà vua ngăn: “Đừng. Vua Sở mất cung thì người Sở được cung, còn tìm làm gì?” Trọng Ni nghe câu chuyện bảo: “…Cứ nói người (này) mất cung, người (khác) được cung, hà tất phải nói người Sở?”. Như vậy là Trọng Ni cho “người Sở” khác với “người”.

Trọng Ni cho “người Sở” khác với “người” mà ông [Khổng Xuyên] cho là phải; còn tôi cho ngựa trắng khác với (không phải là) ngựa[316] thì ông lại chê, thế là ông bậy”.

Công Tôn Long trong truyện đó dùng cả hai phép “mâu” và “viện”.

7- “Suy” – Vũ Đồng trong *Trung Quốc triết học đại cương* (Thương vụ ấn thư quán – 1958) giảng như sau:

“Suy” là một phép loại suy mà trước đây người ta gọi là qui nạp[317]. “Sở thủ” tức là cái đã nghiệm rồi; “Sở bất thủ” là cái còn chưa nghiệm. Do kinh nghiệm, biết rằng những sự vật nọ là như thế, nhân đó suy ra biết được những vật còn chưa nghiệm. Nếu như những vật đó cùng giống nhau cả thì biết rằng tất cả cũng đều thế. Như vậy tức là: quan sát ngần ấy vật, thấy những vật có tính chất thuộc

loại Giáp cũng đều có tính chất thuộc loại Ất, thì biết rằng những vật nào khác, hễ tính cách thuộc loại Giáp thì cũng có tính cách thuộc loại Ất (…) "Suy" rất gần với "qui nạp". Qui nạp là do quan sát những đặc lệ mà qui nạp ra thông tắc; còn "suy" thì là kinh nghiệm một số tình hình nào đó, rồi do suy đoán những tình hình tương đồng với những tình hình đã kinh nghiệm; như vậy vẫn là do đặc thù này mà suy ra đặc thù khác, chứ không phải do suy từ nhiều đặc thù mà rút ra một thông tắc.

"Thí", "mâu", "viện", "suy" đều là những phép loại suy cả. Tựu trung, phạm vi suy đoán của "suy" có rộng lớn hơn[318].

Phương pháp loại suy không chắc chắn mấy, dễ đưa đến sai lầm. Cho nên thiên *Tiểu thủ* cảnh cáo ta:

"Vật không phải cứ có chỗ giống nhau là hẳn giống nhau. "Từ" có tương tự thì cũng đến một chừng mực nào đó rồi ngừng. Có "như thế ấy", mà lại có lí do "tại sao mà như thế ấy": hai bên giống nhau về chỗ "như thế ấy", nhưng còn lí do "tại sao mà như thế ấy" thì chưa hẳn hai bên đã giống nhau.

Thế cho nên áp dụng phương pháp "thi", "mâu", "viện", "suy" vào "từ" thì [phải coi chừng] có chỗ sai khác; nếu chuyển dời đi thì có cái nguy lầm lẫn; nhích xa thì hỏng, càng xa lại càng lìa gốc. Cho nên không thể không xét kĩ và không nên thường dùng".

/夫物有以同而不率遂同。辭侔之也，有所至而止。其然也，有所以然也。其然也同，其所以然不必同。是故辟、侔、援、推之辭，行而異，轉而危，遠而失，流而離本，則不可不審也，不可常用也/

(*Phù vật hữu dĩ đồng nhi bất suất toại đồng, Từ mâu chi dã, hữu sở chí nhi chỉ. Kì nhiên dã, hữu kì sở dĩ nhiên dã. Kì nhiên dã đồng, kì sở dĩ nhiên bất tất đồng (…). Thị cố thí, mâu, viện, suy chi từ, hành nhi dị, chuyển nhi nguy*[319], *viễn nhi thất, lưu nhi li bản, tắc bất khả bất thẩm dã, bất khả thường dụng dã*).

Điều 110 (Kinh hạ) đưa thêm một cảnh cáo nữa:

物之所以然，與所以知之，與所以使人知之，不必同。說在病

(*Vật chi sở dĩ nhiên, dữ sở dĩ tri chi, dữ sở dĩ sử nhân tri chi, bất tất đồng, thuyết tại bệnh*).

Nghĩa là một sự việc xảy ra: cái nguyên do tại sao nó như vậy; cái cách ta dùng để nhận định nó, biết nó với cái cách ta dùng để khiến cho người khác biết, tức để diễn tả, báo cáo; ba cái đó không luôn luôn giống nhau. Chẳng hạn một

người bị bệnh. Có thể có nhiều nguyên nhân: do thời tiết, do ăn uống, do truyền nhiễm v.v… thế là nguyên do "bất tất đồng". Y sĩ, muốn tìm bệnh, có thể dùng nhiều cách: hỏi bệnh, bắt mạch, nghe phổi, tim, thử nước tiểu, máu v.v… thế là cách ta dùng để nhận định "bất tất đồng". Biết bệnh rồi, y sĩ muốn cho người ta biết là bệnh gì, tại sao bệnh, phải trị ra sao, cũng có nhiều cách: hoặc nói ra, hoặc viết ra, hoặc nói trực tiếp, hoặc nhắn người khác, hoặc giảng tỉ mỉ, hoặc nói vắn tắt…

Sự việc phức tạp như vậy: một việc có thể có nhiều nguyên nhân; cách nhận định mỗi người một khác; cách diễn tả mỗi người hay mỗi lúc một khác; cho nên ta phải thận trọng kiểm soát kĩ, không thể tin ngay một thuyết nào được[320].

Chúng tôi thấy tinh thần của phái Biệt Mặc, tác giả *Mặc kinh* thật nghiêm túc, khác xa tinh thần vô trách nhiệm của phái Danh gia nguỵ biện. (Nên coi thêm *Đại cương triết học Trung Quốc I* – tr.677-686)[321].

CHƯƠNG V
KHOA HỌC THƯỜNG THỨC

Trong *Kinh thượng* và *hạ* chúng ta còn gặp nhiều điều về khoa học, tuy còn "ấu trĩ" nhưng ở vào thời Chiến Quốc cũng đáng kể là mới mẻ.

Về Hình học

Kinh thượng đã đưa ra vài định nghĩa:

- Điều 2 cho định nghĩa của điểm và đường thẳng mà Biệt Mặc gọi là *đoan* và *xích* (coi chương I phần này).

- Điều 59 và 60 cho định nghĩa về hình tròn (*viên*) và hình vuông (*phương*) và chỉ cách vẽ hai hình đó (coi chương III phần này).

- Điều 53 định nghĩa bằng (*bình*) là cao ngang nhau.

- Điều 55 định nghĩa "trung" là "dài bằng nhau", tức cùng cách một điểm bằng nhau, như những điểm trên cùng một vòng tròn cùng cách trung tâm vòng tròn đó.

- Điều 56 họ gọi thể tích là "hậu" (厚).

Điều 169: 似，有以相攖，有不相攖也

(*Tỉ*[322], *hữu dĩ tương anh, hữu bất tương anh dã*).

Cao Hanh giảng là muốn so sánh hai đường thẳng, đường nào dài, đường nào ngắn, thì có hai trường hợp: hai đường cùng xuất từ một điểm (*tương anh* nghĩa là chạm nhau), thì dùng một cây thước tròn (compas) như hình I dưới đây; hai đường song song với nhau (*bất tương anh*), thì đặt một đầu của hai đường cho bằng nhau rồi ở đầu kia dùng cây thước vuông, như hình II dưới đây.

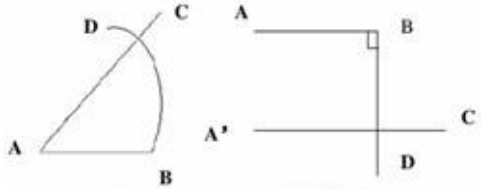

Hình I Hình II

Về Lực học

- Điều 21 định nghĩa lực (力) sức mạnh, bảo: "Hình thể có sức mạnh rồi mới tác động được" (*Lực: hình chi sở phấn dã* 力，形之所以奮也).

- Điều 162: Vật mà luôn luôn ngay, không khiến cho nó nghiêng được, là nhờ hình thể nó tròn (như viên đạn): *Chính nhi kì bất khả kỉ, thuyết tại đoàn* 正而不

可掎，說在摶. *Đoàn* 摶 ở đây xưa dùng như chữ 團 /*đoàn*/ mà 團 theo *Thuyết văn*, nghĩa là viên (tròn).

- Điều 126 (nguyên văn là: /負而不撓，說在勝/) (*Phụ nhi bất nạo, thuyết tại thắng*): Đỡ một sức nặng mà không cong là nhờ nó chịu được.

Về Quang học

Kinh hạ có tám điều (từ 118 đến 125) về quang học; cuối chương III này, chúng tôi đã dẫn điều 118: ảnh không dời chỗ khi vật di chuyển.

Ở đây chúng tôi chỉ dẫn ba điều nữa để độc giả biết qua loa nội dung *Mặc kinh* thôi.

- Điều 119 (nguyên văn là: /景二，說在重/) (*Cảnh nhị: thuyết tại trùng*). Cao Hanh giảng là: Ảnh có hai thứ: bản ảnh (ombre, ta gọi là ảnh) và phó ảnh (pénombre, ta gọi là bán ảnh), bản ảnh là ảnh chính, đen đậm; phó ảnh là khu mờ mờ ở chung quanh bán ảnh.

- Điều 120 – Điều này, *Kinh* và *Kinh thuyết* đều chép lầm, phải hiệu đính rất rắc rối, nên chúng tôi không chép lại. Cao Hanh giảng rất công phu và cho rằng Mặc Kinh đã biết hình một vật gì chiếu qua một lỗ nhỏ thì đảo ngược lại, như trong máy chụp hình, vì tia sáng ở trên cao, qua lỗ đó sẽ rọi xuống thắp; tia sáng ở dưới thấp qua lỗ đó sẽ rọi lên cao.

- Điều 123 (nguyên văn là: /?/, chép lầm)[323]. *Lâm giám nhi lập, cảnh đáo, đa nhi nhược thiểu, thuyết tại quả thất.*

Cao Hanh căn cứ vào *Kinh thuyết* (chúng tôi không chép lại) và giảng rất công phu, đại ý là:

Một người đứng trước một tấm gương thì người đó ra sao, ảnh người đó như vậy, người đó tiến tới thì ảnh trong gương cũng tiến tới, lùi lại ảnh cũng lùi lại; nhưng nếu người đó quay mặt về hướng đông, thì ảnh quay mặt về hướng tây, quay mặt về hướng tây thì ảnh quay mặt về hướng đông, như vậy là "ảnh đảo"[324].

Nếu một người đứng ở giữa hai tấm gương (một tấm ở trước mặt, một tấm ở sau lưng, hai tấm song song với nhau) thì trông thấy cả trước mặt lẫn sau lưng, và có tới hai ảnh; những ảnh trong gương này lại chiếu trong gương kia, ảnh trong gương kia lại chiếu ngược lại trong gương này, thành ra thêm hai ảnh nữa, rồi những ảnh này chiếu đi chiếu lại đến vô cùng. Theo lí thuyết thì như vậy sẽ có vô số ảnh, nhưng ảnh càng chiếu lại thì càng xa, mờ đi, mắt ta không thấy hết được, mà cơ hồ ảnh tới một lúc nào đó sẽ mất. Đó là ý nghĩa những chữ "*đa nhi*

nhược thiểu, thuyết tại quả thất”.

Những điều 124, 125 xét về ảnh hưởng trong những gương lõm và lồi mà *Mặc Kinh* gọi là (Cao Hanh ngờ là chép lầm) và (đọc là 0, nghĩa là cong -, đoản, nghĩa là hình tròn – sphère).

Kinh thuyết

/衡木加重焉而不撓，極勝重也。右校交繩，無加焉而撓，極不勝重也。衡加重於其一旁必捶，權重相若也。相衡則本短標長，兩加焉重相若，則標必下，標得權也/[325]

(*Hành mộc gia trọng yên nhi bất nạo, cực thắng trọng dã. Tả (nguyên văn không có, Cao Hanh thêm) hữu hiệu giao thằng, vô gia yên nhi nạo, cực bất thắng trọng dã. Hành gia trọng ư kì nhất bàng, tất thuỳ*[326], *quyền trọng tương nhược dã. Tương hành tác bản đoản tiêu trưởng, lưỡng gia yên, trọng tương nhược, tắc tiêu tắc hạ, tiêu đắc quyền dã*).

“Hành” là cán cân. Khúc AC là “bản”. Khúc BC là “tiêu”. D là “quyền” (quả cân). K là vật thêm vô sau.

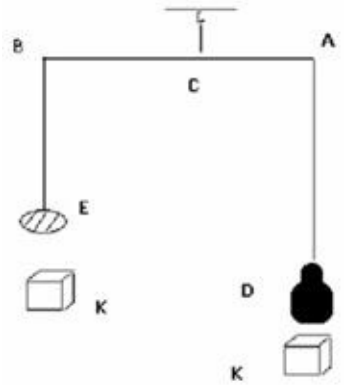

Cao Hanh giảng: Sở dĩ cán cân chịu được vật nặng mà không cong vì bản thể của của nó (cứng) chịu nổi sức nặng. Một sợi dây căn giữa hai cây cột (), không bắt nó chịu thêm một vật nặng nào cả mà nó tự trùng xuống vì nó không chịu nổi sức nặng của chính nó.

Một cán cân, đầu nào chịu nặng hơn đầu kia thì đầu nó trúc xuống; hai đầu nặng bằng nhau thì cán cân thăng bằng.

Trên hình, (E nhẹ hơn D) mà cán cân thăng bằng nhờ BC dài hơn AC. (BC>AC). Cao Hanh dùng công thức này của môn vật lí để giảng: ACxD=BCxE (Trong Kinh thuyết không có công thức đó).

Cán cân thăng bằng như vậy rồi, nếu ta thêm vô mỗi đầu một trọng lượng K, thì sự cân bằng sẽ mất, mà đầu B sẽ trúc xuống. Cao Hanh cũng dùng công thức

trên để giảng:

Thêm K vô một bên thì một bên là ACx(D+K)=ACxD+ACxK (1), một bên là BCx(E+K)= BCxE+BCxK (2).

So sánh (1) và (2) ta thấy ACxD trong (1) đã bằng BGxE trong (2) rồi (do công thức kể trên). Vậy thì còn khác nhau ở chỗ (1) có ACx K mà (2) có BCxK, mà BC>AC thì BCxK cũng lớn hơn ACxK. Do đó (2) lớn hơn (1), mà cán cân trúc xuống ở đầu B.

So sánh toán học và vật lí học ở Hi Lạp cũng vào thời đó thì những điều chúng tôi đã giới thiệu ở trên có vẻ sơ đẳng quá. Nhưng chắc chắn dân tộc Trung Hoa thời đó hiểu biết, phát minh được nhiều hơn (chứng cớ môn thiên văn, làm lịch, môn thuỷ lợi, môn chế tạo võ khí, chiến cụ… của họ) mà Mặc Kinh không ghi lại.

Các môn khác

Về kinh tế học chúng tôi chỉ dẫn hai điều:

- Điều 130 買無貴，說在反其賈 (*Mãi vô quí, thuyết tại phản kì cổ*)

Kinh thuyết:

/刀糴相為賈。刀輕則糴不貴，刀重則糴不易。王刀無變，糴有變。歲變糴，則歲變刀。若鬻子/

(*Đao địch*[327] *tương vi cổ. Đao kinh tắc địch bất quí. Đao trọng tắc địch bất dị. Vương đao vô biến? Định hữu biến. Tuế biến địch tuế biến đao. Nhược dục tử*).

Cao Hanh bảo những chữ cổ /賈/ ở đây nên sửa là giá /價/, và giải nghĩa như sau: Đao là thứ tiền bằng đồng thời cổ, đúc theo hình con đao, nên gọi là đao. Chỉ nhà vua mới có quyền đúc tiền, nên gọi là vương đao. Giá tiền và giá lúa lên xuống ngược nhau.

Nếu người ta coi rẻ đồng tiền thì giá lúa tuy tăng nhưng không phải là đắt; nếu người ta coi trọng đồng tiền thì giá lúa tuy hạ nhưng không phải rẻ. Tiền nhà vua đúc ra, giá nó không thay đổi, như trước sau một đồng thì vẫn là một đồng. Giá lúa thì đổi. Mà giá lúa mỗi năm một thay đổi thì giá tiền mỗi năm cũng thay đổi. Cũng như bán con. Nếu giá đứa con cao thì giá tiền hạ xuống; nếu giá đứa con thấp thì giá tiền cao lên.

Điều 131: 賈宜則讎，說在盡 (*Cổ nghi tác thù, thuyết tại tận*)

Kinh thuyết:

/賈：盡也者，盡去其以不讎也。其所以不讎去，則讎。正賈也宜不宜正欲不欲，若敗邦鬻室嫁子/

(Cổ) Tận dã giả, tận khứ kì sở dĩ bất thù dã. Kì sở dĩ bất thù khứ, tác thù. Chính cổ dã nghi bất nghi chính dục bất dục, nhược bại bang dục thất, giá tử.

Cao Hanh bảo chữ 讎 /*thù*/ đời nay viết thành chữ /售/ (*thụ* là bán); chữ 賈 /*cổ*/ cũng chính là chữ *giá* /價/; chữ 正 /*chính*/ thứ nhì nên sửa là chữ 在 tại.

Ông giảng: Chữ *tận ở* trong Kinh nghĩa là trừ hết những nguyên nhân không bán được món hàng đi. Trừ hết những nguyên nhân đó rồi thì bán. Nhưng giá hàng không phải chỉ do người bán định mà còn tại người mua có cần món hàng hay không. Khách hàng muốn thì bán giá cao được nếu không thì phải bán giá thấp, dù bán thấp mà cũng gọi là được giá. Cũng như một nước chiến bại, nhân dân muốn đi nơi khác ở, ai cũng bán nhà, gả con gái, nhưng không ai chịu mua, chịu cưới, nên giá nhà xuống thấp, tiền cưới cũng giảm mà vẫn không bán, gả được.

Hiện tượng đó, kinh tế học ngày nay gọi là luật cung cầu.

Về tâm lí

Về tâm lí, có một vài điều, đây là một:

Điều 132 無說而懼，說在弗必 (*Vô thuyết nhi cụ, thuyết tại phất tất*): không có lí do chắc chắn mà sợ là tại ta không biết việc ra sao.

Kinh thuyết:

/子在軍，不必其死生；聞戰，亦不必其生。前也不懼，今也懼/

(*Tử tại quân, bất tất kì tử sinh; văn chiến, diệc bất tất kì sinh. Tiền dã bất cụ, kim dã cụ*).

Thí dụ: có con ở trong quân đội, không biết được nó sống hay chết, nay có tin mặt trận gởi về, cũng chưa biết được nó sống hay chết. Nhưng trước kia không sợ, nay thì sợ. Như vậy *Mặc Kinh* cho là không có lí do mà sợ. Sự thực cũng có lí do đấy: con ở trong quân đội mà chưa ra trận thì phần chết ít; khi ra trận thì phần chết nhiều hơn, lí do sợ là ở chỗ đó.

Ngoài ra còn nhiều điều về đạo lí (nhân, nghĩa, trung, hiếu…), về chính trị (vua, tôi, thưởng, phạt…)… Nội dung quả là phong phú.

CHƯƠNG VI
KẾT CHUNG VỀ MẶC HỌC

Hàn Phi trong thiên *Hiển học* bảo hai học thuyết tiếng tăm nhất thời ông là Nho và Mặc. Tác giả bộ *Lữ thị Xuân Thu*, trong thiên *Đương Nhiễm* cũng bảo đệ tử của Khổng, Mặc "đầy thiên hạ".

Vậy vào đầu đời Tần Thuỷ Hoàng hai học thuyết đó vẫn còn thịnh. Nhưng chúng tôi đoán rằng ảnh hưởng và uy tín của Nho và Mặc về phương diện chính trị chắc đã suy từ khi bọn pháp gia mạnh lên, nghĩa là vào khoảng giữa thời Chiến Quốc. Hai nước chư hầu mạnh nhất là Sở và Tần chắc đã thấy đạo nhân nghĩa, phi công của Nho và Mặc không giúp cho họ mạnh được để thôn tính mà thống nhất thiên hạ, cho nên Sở Điệu vương mới dùng Ngô Khởi làm tướng quốc, Tần Hiếu Công[328] dùng Thương Ưởng để biến pháp. Hai chính khách đó đều không được dùng lâu, đều bất đắc kì tử vì bọn quí tộc (bọn "cha anh" của vua) thâm oán, nhưng ảnh hưởng của họ rất lớn, và sau họ, bọn pháp gia mỗi ngày một mạnh lên.

Còn môn đồ của Khổng, Mặc tuy vẫn được vua chúa trọng, nhưng không giữ một vai trò nào quan trọng cả. Tuân Tử, nhờ tình tri kỉ của Xuân Thân Quân mà làm một chức huyện lệnh ở Lan Lăng (Sở); Phúc Thôn, một cự tử của Mặc, sống sau Mặc khoảng bảy, tám chục năm, có thời lui tới triều đình Tần Huệ vương, nhưng chẳng có chức vụ gì.

Học trò của Tuân Tử chắc không đông bằng của Khổng tử hay Mạnh tử; đáng buồn cho ông là hai người có tài nhất, Hàn Phi và Lí Tư, lại không theo đạo của ông mà đứng về phe Pháp gia: Lí Tử tận tâm phụng sự Tần Thuỷ Hoàng, Hàn Phi cũng muốn giúp Tần mà bị Lí Tư ghen ghét, đến nỗi chết oan. Đó là phái Tuân Tử; phái Mạnh tử có người nào giỏi không, được các vua chúa tin dùng không, không thấy sử chép.

Về phía Mặc, sau khi Mặc tử chết, môn đệ chia làm ba phái: Tương Lí, Tương Phu, Đặng Lăng. Chúng ta không biết họ có chống đối với nhau không. Nhưng chắc chắn là họ có điểm khác nhau trong sự áp dụng, thi hành học thuyết của thầy.

Rồi sau lại thêm phái Biệt Mặc nữa, sửa đổi thuyết kiêm ái, không tin quỉ thần, không bàn chính trị mà bàn về tri thức, về khoa học thường thức, và đả phái nguỵ biện. Như vậy là mới hơn một trăm năm mà đạo Mặc biến đổi hẳn, không còn nhận ra được nữa. Thật là một hiện tượng lạ trong lịch sử triết học.

Phe còn làm chính trị thì chắc rất ít người giữ được một nửa tinh thần của Mặc

tử. Ngay khi Mặc tử còn sống mà một môn đệ đã phản thầy rồi, xin trở lại học, Mặc tử đuổi đi, người đó đáp: "Con trở về sau các anh khác, đâu phải là tội" (*Canh Trụ* – 16).

Một số khác không theo đúng đạo thầy, làm quan thì vì bổng lộc, Mặc tử phải tìm cách không cho học nữa.

Thiên *Minh quỉ* chép một truyện khiến cho ta suy nghĩ, chuyện Tần Mục công được Thượng Đế khen đức sáng, sai thần Cẩu Mang xuống cho thọ thêm mười chín năm, nước thịnh trị, con cháu đông đúc, dòng dõi không tuyệt (Chương V – B – phần II đã dẫn truyện đó).

Tần Mục công (thế kỉ VII tr.T.L.) hiếu chiến, thắng một trận ở Hán Nguyên mà xưng bá ở Tây Châu (tức Tây Nhung, các rợ ở phía Tây), như vậy là trái hẳn thuyết "phi công" của Mặc tử: tài đức ông không có gì đặc biệt; vậy, chỉ là để nịnh Tần chứ không có gì khác. Chúng ta có thể ngờ rằng những Mặc gia nào thời sau làm quan với Tần, Sở… đều phải thoả hiệp với Tần, Sở… bỏ đạo của thầy đi mà cầu chức tước, bổng lộc.

Vậy thì dù đạo Mặc còn nhiều người theo, tới "đầy thiên hạ" như *Lữ thị Xuân Thu* chép, chúng ta vẫn tin rằng ảnh hưởng, uy tín của nó đã sút nhiều rồi.

Tới khi Tần Thuỷ Hoàng nghe lời tể tướng Lí Tư ra lệnh "đốt sách, chôn Nho" thì cả Nho lẫn Mặc ngoắc ngoải. Dĩ nhiên quan lại nhà Tần không sao kiểm soát hết được và trong dân gian ở xa kinh đô vẫn còn một ít người lén lút giữ những sách Nho, Mặc để truyền lại cho con cháu.

Khoảng một trăm năm sau, Hán Vũ Đế nghe lời Đổng Trọng Thư, dùng lại đạo Nho mà bãi truất tất cả các nhà khác; thế là Nho lại thịnh lên hai nghìn năm nữa, tới cách mạng Tân Hợi (1911), ở đầu thế kỉ XX, còn Mặc thì không ai nhắc tới.

Phải đợi tới thế kỉ thứ III sau C.N, đời Tấn Huệ Đế, mới có một học giả là Lỗ Thắng tìm hiểu đạo Mặc, viết cuốn *Mặc biện chú* nhưng cuốn này thất truyền. Đời Đường (thế kỉ VII-IX), một người tên là Lạc Đài cũng chú thích Mặc tử, cũng thất truyền.

Lại phải đợi khoảng 1.000 năm nữa, sau thế kỉ XVIII, đời Càn Long nhà Thanh, Mặc học mới được đem ra nghiên cứu kĩ lưỡng, có công nhất là Tất Nguyên, Uông Trung, Vương Niệm Tôn. Trước đó người ta mới chỉ chú thích *Mặc tử*, còn *Mặc kinh* không ai hiểu nổi. Tất Nguyên là người đầu tiên sắp đặt lại và tìm cách đọc *Mặc Kinh*.

Có thể nói Mặc học nhờ ông mà sống lại được.

Sau nha phiến chiến tranh, Mặc học càng được chú ý hơn và cuối thế kỉ trước, phong trào nghiên cứu Mặc học đạt tới mức thịnh nhất nhờ các học giả như Tôn Di Nhượng, Lương Khải Siêu, Cương Bính Lân…; và gần đây là Hồ Thích, Phùng Hữu Lan, Phương Thụ Sở, Cao Hanh. Những nhà đó đều chịu ảnh hưởng không nhiều thì ít của văn minh phương Tây; một số lại có nhiệt tâm cứu quốc, oán nhà Thanh, chê Khổng thủ cựu, làm cho Trung Hoa không tiến bộ, nhục nhã thua phương Tây, nên say mê đọc *Mặc tử* và *Mặc Kinh*. Thấy Mặc học có nhiều điểm giống phương Tây, họ tiếc rằng nếu Mặc học không bị Khổng học ghìm, thì Trung Hoa đã có một tôn giáo như Ki Tô giáo (và trước Ki Tô giáo nữa) mà các môn luận lí học, khoa học đã tiến bộ như phương Tây cả ngàn năm chứ đâu có giữ chế độ quân chủ chuyên chế cổ hủ, lạc hậu như vậy.

Càng tiếc thì họ lại càng tự hỏi vì đâu một học thuyết cực thịnh ở thời Chiến Quốc, tranh giành ảnh hưởng với Khổng giáo mà rồi bỗng nhiên chìm luôn, không lưu lại một chút vang bóng.

Theo chỗ chúng tôi biết thì tới nay họ đã đưa ra được cả chục nguyên nhân.

Hồ Thích cho là tại:

1- Mặc bị Nho phản đối kịch liệt quá (Có lí một phần nhỏ thôi: Nho cũng bị Mặc phản đối vậy, sao Nho thắng, Mặc thua?).

2- Mặc bị các chính khách nghi kị (Cũng chỉ có lí một phần: thực ra thời Chiến Quốc, nhiều môn đồ của Mặc tử được một số vua chư hầu dùng, và họ cũng chịu thoả hiệp ít nhiều với nhà cầm quyền).

3- Mặc gia sau thiên về nguỵ biện quá vi diệu, ít ai hiểu được (Điều này sai: phái Biệt Mặc không nguỵ biện; nguỵ biện là phái danh gia như Huệ Phi, Công Tôn Long…)[329].

Lương Khải Siêu đưa thêm lí do nữa:

4- Đạo Mặc bạc bẽo, khắc nghiệt với người và với mình quá, như tác giả trong thiên *Thiên hạ* trong *Trang tử* đã nói. (Điều này có phần đúng, và Phùng Hữu Lan, rất thận trọng nhận rằng "hoặc giả đó cũng là nguyên nhân vậy" (sách đã dẫn tr.137).

Lí Quí bảo:

5- Tại giai cấp công nông do Trần Thiệp và Ngô Quảng lãnh đạo đã thất bại[330] – (Chúng tôi nghĩ rằng trước thế kỉ XX, cách mạng nào ở Trung Hoa cũng là của nông dân chứ không có công nhân, mà dù Trần Thiệp thành công thì ông ta cũng như Lưu Bang thôi, dùng Nho chứ không dùng Mặc).

Quách Mạt Nhược (trong *Trung Quốc xã hội cổ đại nghiên cứu*) cho rằng:

6- Tại Mặc phản cách mạng (tức phản Tần?), đi ngược xu thế thống nhất thời đó bằng vũ lực. (Nhưng Nho cũng cũng đi ngược lại xu thế đó; mà chúng tôi chưa thấy có Mặc gia nào đời sau chống lại Sở, Tần; trái lại còn làm quan hoặc cố vấn cho họ nữa).

Phương Thụ Sở (tr.205-208) đưa thêm bốn nguyên nhân dưới đây:

7- Mặc học có điểm mâu thuẫn: chẳng hạn chủ trương kiêm ái, phi công mà bảo đạo tặc đáng giết (Nhưng triết học nào mà chẳng có điểm mâu thuẫn?).

8- Lí tưởng quá cao, muốn dùng thuyết kiêm ái mà hô hào khắp thiên hạ, chẳng những đời đó, mà ngay hiện nay cũng không thực hành được (Điều này đúng, quả thực là không hợp nhân tình).

9- Tổ chức đoàn thể tan rã (Có phần đúng, nhưng tại sao tổ chức lại để tan rã, mà sao không có một phái nào mạnh hơn những phái khác, giữ được truyền thống của Mặc tử?).

10- Bị nghi kị là ủng hộ Tần (Nguyên nhân này ngược hẳn với nguyên nhân 6, không biết nguyên nhân nào đúng hẳn).

Các học giả Trung Hoa đã đưa ra nhiều nguyên nhân quá rồi, chúng tôi không dám đưa thêm nữa, chỉ xin trình chút cảm tưởng với độc giả.

Có lòng thương người mênh mông đó, lòng nhiệt thành hi sinh đó, lại có giọng hùng hồn của một giáo chủ, lời bình dị lặp đi lặp lại, rất thích hợp với đại chúng, nếu muốn thành lập một tôn giáo, đừng quan tâm tới chính trị, thì Mặc tử có thể tạo cho dân tộc Trung Hoa được một tôn giáo. Nhưng ông lại chỉ muốn lợi dụng tôn giáo để làm chính trị, mà làm chính trị thì có khi ông thực tế quá, có lúc lại lí tưởng quá, mâu thuẫn với chính mình, nên ông thất bại. Ông mất rồi, không thể có một người thứ hai nối chí ông, đảng ông không thể đoàn kết như khi ông còn được, và lần lần các môn đồ của ông không còn giữ được đúng đường lối, chủ trương của ông nữa, kẻ thì thoả hiệp với nhà cầm quyền, kẻ thì bỏ hẳn chính trị, mà suy tư về tri thức, biện luận, khoa học. Triết lí chính trị của ông đã chấm dứt từ khi phái Biệt Mặc xuất hiện rồi.

Nhưng bảo rằng triết lí đó không lưu lại một chút vang bóng thì cũng không đúng. Vang bóng ấy tế nhị nên người ta không nhận thấy: nó nằm trong chính sách của Pháp gia: (thống nhất tư tưởng, cáo gian, cách lựa người rồi giao việc…) mà từ Hán trở đi, các nhà cầm quyền Trung Hoa đều dung hoà Nho và Pháp thì thế nào mà chẳng ít nhiều gián tiếp theo vài chủ trương của Mặc mà không hay.

PHẦN TƯ
TRÍCH DỊCH
LỜI THƯA TRƯỚC

Học thuyết Mặc tử không khó hiểu nhưng bộ *Mặc tử* lưu hành ngày nay có rất nhiều chỗ chép sai hoặc thiếu sót, nên cần có một bản hiệu đính kĩ.

Theo Đường Kính Cảo, từ trước tới nay đã có hơn hai chục nhà gắng sức hiệu đính, nhưng vẫn chưa được hoàn hảo. Đời Càn Long nhà Thanh có Uông Trung, Tất Nguyên; đời sau có Vương Niệm Tôn, Du Việt (tác giả bộ *Mặc tử bình nghị*); qua đời Quang Tự, Tôn Di Nhượng thu thập, châm chước các thuyết của người trước, soạn bộ *Mặc tử nhân hỗ* rất có giá trị. Ngoài ra còn Lí Lạp, Trần Trụ bổ túc công việc của Tôn Di Nhượng. Không có những nhà đó thì chúng ta khó mà đọc nổi *Mặc tử.*

Ai đã nghiên cứu ít nhiều về cổ văn Trung Hoa đều biết rằng thời Tiên Tần, người Trung Hoa chưa thống nhất về ngôn ngữ, chánh tả, những chữ phát âm hơi giống nhau vẫn thường được dùng thay cho nhau, cũng như chúng ta ngày nay có nhiều người không phân biệt chí và trí, sử và xử, cát và các, tàn và tàng v.v… cho nên khi thấy:

- 有 /*hữu*/ có chỗ dùng như 又 /*hựu*/ như trong câu 有去大人之好緻[331] 珠玉 /*hữu khứ đại nhân chi hiếu tưu châu ngọc*/ (*Tiết dụng* thượng); có chỗ là 友 /*hữu*/ như trong (*Kiêm ái* hạ) 兼之有践[332] /*kiêm chi hữu tiễn*/; có khi phải đọc là 迭 /*tuyển*/ và hiểu là tính toán (*Tiết dụng* thượng).

- 遲 /*trì*/ có chỗ dùng thay 稚 /*trĩ*/ (*Phi nhạc* thượng) và còn vô số trường hợp khác tương tự như vậy nữa, chúng ta bỡ ngỡ, nhưng cố đoán, may ra trúng được.

Đến như:

- 而 /*nhi*/ có khi phải hiểu là 以 /*dĩ*/, là 能 /*năng*/.

- 鮮 /*tiển*/ phải đọc là 斯 /*tư*/ mà 斯 /*tư*/ có nghĩa là 則 /*tắc*/ (*Tiết dụng* thượng).

- 其 /*kì*/ tức là 綦 /*kì*/, nghĩa là 極 /*cực*/ (*Thiên chí* thượng)

- 當 /*đương*/ tức là 嘗 /*thường*/, nghĩa là 試 /*thí*/ (*Phi nhạc* thượng)

Nhất là bốn chữ này trong *Minh quỉ hạ*: 萬年梓株 /*vạn niên tử chu*/ mà phải hiểu là 萬人宰誅 /*vạn nhân tể tru*/ (vạn người tranh nhau giết vua [Trụ]) thì quả thực là lạ lùng: 人 /*nhân*/ mà sao viết thành 年 /*niên*/; 宰 /*tể*/ mà sao viết

thành 梓 /*tử*/ được? Ai đoán nổi? *Mặc tử* khó đọc là vậy.

Rất tiếc chúng tôi không kiếm được bản hiệu đính của Tôn Di Nhượng, mà cũng không kiếm được bản nào khác ngoài bản tuyển chú của Đường Kính Cảo[333]. Đường chỉ tuyển 12 trong số 24 thiên của tổ II và giữ 5 thiên trong tổ IV, còn các tổ I, III, V bỏ hết.

Riêng đề *Kiêm ái*, ông chép cả ba thiên thượng, trung, hạ để chúng ta biết qua những thiên đó khác nhau ra sao; còn các thiên khác như *Thượng hiền*, *Thượng đồng*, *Phi công*… ông chỉ lựa một hai trong ba thiên thôi.

Chúng tôi sẽ dịch hết 19 thiên ông lựa; ân hận rằng không có những thiên *Phi nho* hạ, *Pháp nghi*, *Thất hoạn* để giới thiệu thêm với độc giả. Nhưng chỉ đọc 19 thiên đó thôi, độc giả cũng đủ hiểu học thuyết của Mặc tử rồi.

Công việc chú thích của Đường Kính Cảo không kĩ lưỡng lắm, nhưng minh bạch và đứng đắn vì ông châm chước các bản hiệu đính của người trước. Mỗi người viết về Mặc tử có một chủ trương, dùng cách hiệu đính của nhà này, bỏ cách của nhà khác, lại có thể nhận xét, hiệu đính theo ý riêng của mình; do đó cùng trích dẫn một đoạn mà có khi không giống nhau, và chưa có bản nào được coi là chính thức cả. Chúng tôi đã nhận thấy bản của Đường Kính Cảo có đôi chỗ khác bản mà Phùng Hữu Lan dùng để viết về Mặc tử. Vậy độc giả càng không nên ngạc nhiên nếu thấy cuốn của chúng tôi với cuốn của Ngô Tất Tố (Khai Trí –1959) có dăm bảy chỗ khác nhau, chẳng những về lời dịch mà cả về nguyên văn chữ Hán nữa.

KIÊM ÁI (thượng)

Bậc thánh nhân trị thiên hạ, tất phải biết loạn do đâu mà phát thì mới trị được, không biết do đâu mà phát thì không trị được; cũng như thầy thuốc trị bệnh cho người, tất phải biết bệnh do đâu mà phát sinh thì mới trị được, không biết bệnh do đâu mà phát sinh thì không trị được. Lẽ nào riêng việc trị loạn lại không như vậy? Tất phải biết loạn do đâu mà phát thì mới trị được. Thánh nhân trị thiên hạ, không thể không xét loạn do đâu mà phát.

Thử xét loạn do đâu mà phát. Phát ở chỗ không yêu nhau. Tôi, con, không yêu vua, cha, như vậy là loạn. Con chỉ yêu mình mà không yêu cha, cho nên mới làm thiệt hại cho cha để lợi cho mình; em chỉ yêu mình mà không yêu anh, cho nên mới làm thiệt hại cho anh để lợi cho mình; bề tôi chỉ yêu mình mà không yêu vua nên mới làm thiệt hại cho vua để lợi cho mình, như vậy gọi là loạn. Dù như cha mà không thương con, anh không thương em, vua không thương bề tôi thì thiên hạ cũng gọi là loạn. Cha chỉ yêu mình mà không yêu con, cho nên mới làm hại cho con để lợi cho mình; vua chỉ yêu mình mà không yêu bề tôi, cho nên mới làm hại bề tôi để làm lợi cho mình. Như vậy là do đâu? Đều do không yêu nhau mà ra cả.

Dù cho đến các quan đại phu làm loạn nhà nhau, các nước chư hầu đánh chiếm nước nhau thì cũng vậy; các quan đại phu chỉ yêu nhà mình mà không yêu nhà khác nên mới làm loạn nhà khác để lợi cho nhà mình; các vua chư hầu chỉ yêu nước mình mà không yêu nước khác cho nên mới đánh chiếm nước khác để lợi cho nước mình. Các việc loạn trong thiên hạ đều như vậy mà thôi. Xét nguyên do từ đâu, do không yêu nhau mà ra cả.

Nếu thiên hạ đều gồm yêu lẫn nhau, ai nấy đều yêu người như yêu thân mình thì còn kẻ bất hiếu nữa không? Coi cha anh và vua như thân mình thì còn kẻ bất hiếu? Còn kẻ bất từ nữa không? Coi con em và bề tôi như thân mình thì làm gì còn kẻ bất từ? Cho nên bất hiếu, bất từ sẽ không còn nữa. Còn trộm cướp không? Đã coi nhà người như nhà mình thì còn ai ăn trộm nữa? Đã coi thân người như thân mình thì còn ai ăn cướp nữa? Cho nên sự ăn trộm với ăn cướp sẽ không còn nữa. Còn có đại phu làm loạn nhà nhau, vua chư hầu đánh chiếm nước nhau nữa không? Coi nhà người như nhà mình thì còn ai làm loạn nhà nhau? Coi nước người như nước mình thì còn ai đánh chiếm nước nhau? Cho nên cái nạn đại phu làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh chiếm nước nhau sẽ không còn nữa.

Nếu thiên hạ gồm yêu lẫn nhau, nước nọ với nước kia không đánh chiếm lẫn nhau, nhà này với nhà kia không làm loạn lẫn nhau, trộm cướp không có, vua

tôi, cha con đều hiếu từ, như thế thì thiên hạ trị. Cho nên bậc thánh nhân trị thiên hạ, không thể không cấm chỉ sự ghét nhau mà khuyến khích sự yêu nhau. Cho nên thiên hạ gồm yêu lẫn nhau thì trị, mà ghét lẫn nhau thì loạn. Cho nên thầy Mặc tử bảo: “Không thể không khuyến khích người ta yêu nhau” là vì vậy.

KIÊM ÁI (trung)

Thầy Mặc tử nói: “Người nhân sở dĩ làm việc là để gây cái lợi cho thiên hạ, trừ cái hại cho thiên hạ. Vì vậy mà làm việc”. Nhưng cái lợi cho thiên hạ là gì? Cái hại cho thiên hạ là gì? Thầy Mặc tử bảo: “Nay nước nọ nước kia đánh chiếm lẫn nhau, nhà nọ nhà kia cướp lẫn nhau, người nọ người kia hại lẫn nhau, vua không huệ [gia ân cho dân], tôi không trung, cha không từ, con không hiếu, anh em không thuận hoà, đó là cái hại cho thiên hạ”.

Nhưng xét xem cái hại đó do đâu mà ra? Do không yêu nhau mà ra chăng? Thầy Mặc tử bảo: “Do không yêu nhau mà ra. Nay vua chư hầu chỉ biết yêu nước mình mà không biết yêu nước người, cho nên không ngại đem nước mình đánh chiếm nước người; chủ nhà[334] chỉ biết yêu nhà mình mà không biết yêu nhà người, cho nên không ngại đem nhà mình cướp đoạt nhà người; cá nhân chỉ biết yêu thân mình mà không biết yêu thân người, cho nên không ngại đem thân mình mà hại thân người. Cho nên chư hầu không yêu nhau thì tất đem quân đánh nhau ở ngoài đồng; chủ nhà không yêu nhau thì tất cướp lẫn nhau; người nọ người kia không yêu nhau thì tất làm hại lẫn nhau; vua tôi không yêu nhau thì vua không huệ, tôi không trung; cha con không yêu nhau thì cha không từ, con không hiếu, anh em không yêu nhau thì không hoà thuận; người trong thiên hạ đều không yêu nhau thì người mạnh tất áp chế kẻ yếu, người sang tất ngạo mạn kẻ hèn, người khôn lanh tất lừa gạt kẻ ngu. Những tai hoạ, tranh cướp, oán hận trong thiên hạ sở dĩ nổi lên đều do không yêu nhau mà ra, cho nên bậc nhân giả chê cái đó”[335].

Đã chê nó thì lấy gì thay nó? Thầy Mặc tử nói: “Lấy cái phép mọi người gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn nhau mà thay nó”. Nhưng cái phép mọi người gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn nhau đó phải thế nào? Thầy Mặc tử nói: “[Phải] coi nước người như nước mình, coi nhà người như nhà mình, coi thân người như thân mình. Cho nên chư hầu yêu nhau thì không đem quân đánh nhau ở ngoài đồng; chủ nhà yêu nhau thì không cướp lẫn nhau; vua tôi yêu nhau thì vua huệ, tôi trung; cha con yêu nhau thì cha từ con hiếu; anh em yêu nhau thì hoà thuận; người trong thiên hạ đều yêu nhau thì người mạnh không áp chế kẻ yếu, người giàu không khi kẻ nghèo, người sang không ngạo mạn kẻ hèn, người khôn lanh không lừa gạt kẻ ngu. Những tai hoạ, tranh cướp, oán hận trong thiên hạ sỡ dĩ không nổi lên là vì do yêu nhau cả, cho nên bậc nhân giả khen cái đó”.

Những bậc sĩ quân tử[336] ngày nay bảo: “Phải, gồm yêu lẫn nhau được thì tốt rồi, nhưng đó là việc khó khăn lớn lao trong thiên hạ”. Thầy Mặc tử đáp: “Vì các

bậc sĩ quân tử không biết cái lợi, hiểu cái nguyên nhân đấy. Nay các việc đánh thành, giao chiến ở ngoài đồng, tự giết thân mình để được danh tiếng, trăm họ trong thiên hạ đều cho là khó; mà khi ông vua đã thích thì dân chúng cũng làm được, huống hồ là việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, có khác gì đâu. Hễ yêu người thì tất người yêu lại mình, làm lợi cho người thì người tất làm lợi cho mình; hễ ghét người thì người tất ghét lại mình, hại người thì tất người hại lại mình. Cái đó có khó gì đâu? Chỉ vì người trên không dùng kiêm ái làm chính sách, cho nên kẻ sĩ không coi nó là nết của mình đầy thôi".

Xưa, vua Văn công nước Tấn thích những kẻ áo xấu[337], cho nên bề tôi bận áo lông cừu phương Bắc, dùng cái đai bằng da để đeo kiếm, đội mũ bằng lụa mộc, áo vải và giày đều xấu xí để bệ kiến vua và ngồi triều. Tại sao vậy? Tại vua thích nên bề tôi làm theo. Xưa, vua Linh vương nước Sở thích kẻ sĩ lưng thon, nên bề tôi mỗi ngày ăn một bữa thôi, nín thở rồi mới thắc đai được, vịn tường rồi mới đứng dậy được, chưa đầy một năm, cả triều đều xanh xao. Xưa, vua Câu Tiễn nước Việt thích dũng sĩ, huấn luyện bề tôi rồi lén sai người đốt một chiếc thuyền để thử kẻ sĩ, bảo: "Bao nhiêu bảo vật của Việt đều ở trong thuyền đó". Ông lại đích thân đánh trống đốc thúc kẻ sĩ vào cứu. Nghe tiếng trống, họ xô đẩy nhau túi bụi, xông vào đạp lửa mà chết, kể cả hai bên thuyền, có trên trăm người. [Lúc đó] vua Việt mới đánh chiêng[338] bảo họ lui về.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Nhịn ăn, bận áo xấu, giết thân mình để được tiếng, những việc đó trăm họ đều cho là khó, vậy mà vua thích thì dân chúng cũng làm được; huống hồ là yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, so với những việc kể trên dễ hơn nhiều. Hễ yêu người thì người cũng yêu lại mình, làm lợi cho người thì người cũng làm lợi cho mình; ghét người thì người cũng ghét lại mình, hại người thì người cũng hại mình; cái đó có khó gì đâu; chỉ có bề trên không dùng làm chính sách, cho nên kẻ sĩ không coi là nết của mình đấy thôi".

Những bậc sĩ quân tử ngày nay bảo: "Phải, gồm yêu lẫn nhau được thì tốt đấy, nhưng việc đó không thể làm được. Nó khó như xách núi Thái Sơn nhảy qua sông [Hoàng] Hà, sông Tế[339] (một chi nhánh của sông Hoàng Hà) vậy". Thầy Mặc tử đáp: "So sánh như vậy không đúng. Xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông Hà, sông Tể là việc cần có sức mạnh, [chân] nhanh, [tay] cứng, từ xưa tới nay chưa ai làm được. Còn việc gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau thì khác hẳn, thánh vương đời xưa đã làm rồi đấy. Sao biết được như vậy?

Xưa, vua Vũ[340] trị thiên hạ, phía Tây khơi sông Tây Hà và dòng Vị Thuỷ để tháo nước các chằm Bồ và Huyền, phía Bắc đắp đê ngăn nước sông Nguyên, sông Phái, cho nước chảy vào các lạch của Chiêu Dư Kì, Hô Trì, đục núi Long

Môn, làm lợi cho các rợ Yên, Đại, Hồ, Lạc[341] và dân miền Tây Hà; phía Đông thông nước ứ ở Đại Lục, đắp đê ngăn chằm Mạnh Chư, chia nước chín con sông, trồng trúc cho các miền Đông khỏi lở, làm lợi cho Kí Châu; phía Nam khơi các sông [Trường] Giang, Hán, Hoài, Nhữ cho chảy qua sông [tức phía biển] và rót vào 5 cái hồ[342], làm lợi cho các nước Kinh [tức Sở], Can, Việt và dân Nam Di [rợ phía Nam][343]. Đó là kể việc vua Vũ, ngày nay ta muốn gồm yêu thiên hạ như ông.

Xưa, vua Văn vương cai trị miền Tây[344], đức như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng bốn phương, khắp miền Tây, không cho nước lớn lấn nước nhỏ, không cho số đông hiếp kẻ cô độc, không cho kẻ mạnh cướp lúa và chó lợn của người. Trời mến Văn vương nhân từ [vì] người mà không có con thì ông săn sóc, nuôi nấng trọn tuổi đời, người cô độc không có anh em thì ông cho chung sống với người thường [người có gia đình anh em]; trẻ em không có cha mẹ thì ông tìm chỗ cho nương tựa để được nuôi tới lớn. Đó là việc vua Văn vương, ta muốn gồm yêu thiên hạ như ông.

Xưa vua Võ vương[345] cho đào đường hầm để thờ thần núi Thái Sơn. Truyện[346] chép lời khấn của ông: “Thưa thần Thái Sơn, chắt[347] hiếu kinh[348] là vua Chu xin báo cáo việc lớn[349] đã xong, người hiền[350] đã được đề cử để cứu dân, các đời Thương, Hạ và các rợ Man Di, Xú Lạc… Khi dùng người thì chắt không vì thân thích mà chỉ lựa người hiền. Nếu vạn phương có tội, thì riêng thân chắt chịu”. Đó là việc của vua Võ vương, ta muốn gồm yêu thiên hạ như ông.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: “Bậc quân tử bảo trong thiên hạ ngày nay nếu thực tâm muốn cho thiên hạ giàu mà không muốn cho thiên hạ nghèo; muốn cho thiên hạ trị mà không muốn cho thiên hạ loạn thì phải gồm yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau”. Đó là phép của thánh vương.

KIÊM ÁI (hạ)

Thầy Mặc tử bảo: "Việc của người nhân tức là tạo cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ". Hiện nay, cái hại lớn nhất cho thiên hạ là gì? Đáp: "Là nước lớn đánh chiếm nước nhỏ, nhà lớn làm loạn nhà nhỏ, người mạnh hiếp đáp kẻ yếu, số đông tàn bạo với số ít, người khôn lanh lừa gạt kẻ ngu, người sang ngạo mạn kẻ hèn, đó là cái hại cho thiên hạ". Lại như làm vua mà không huệ, đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa. Lại như bọn đê tiện ngày nay dùng dao nhọn, thuốc độc, nước, lửa để làm hại lẫn nhau, đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa".

Thử truy nguyên xem những cái hại ở đâu? Chúng phát sinh từ đâu? Có phải từ lòng yêu người, làm lợi cho người mà ra chăng? Tất đáp: "Không phải vậy" và tất là: "Từ lòng ghét người, làm hại cho người sinh ra. [Lại hỏi]: "Những kẻ giết người, làm hại cho người, thuộc về phái "kiêm" (gồm) hay "biệt" (riêng) [351]?" Tất đáp: "Phái biệt". Vậy thì những kẻ chia rẽ lẫn nhau [tức phái biệt] quả thực gây cái hại lớn cho thiên hạ, phải vậy chăng? Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Biệt là bậy". Đã chê là bậy thì phải có cái gì [tốt] thay vào. Nếu chê người mà không có cái gì để thay thì cũng như lấy nước để cứu nước, lấy lửa để cứu lửa, như vậy tất không được. Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Lấy kiêm mà thay biệt".

Kiêm có thể thay cho biệt là tại sao? Đáp: "Ví thử [ai cũng] coi nước người như nước mình thì còn ai riêng đem quân nước mình mà đánh chiếm nước người nữa? Vì nước của người tức là nước của mình rồi. [Ai cũng] coi đô ấp của người cũng như đô ấp của mình thì còn ai riêng đem quân đô ấp của mình đánh đô ấp của người nữa? Vì đô ấp của người là đô ấp của mình rồi. [Ai cũng] coi nhà của người là nhà của mình thì còn ai riêng đem người nhà của mình làm loạn nhà của người nữa? Vì nhà của người tức là nhà của mình rồi. Nước và đô ấp không đánh chiếm lẫn nhau, nhà với nhà không làm loạn lẫn nhau, đó là cái hại cho thiên hạ chăng, hay là cái lợi cho thiên hạ đấy? Tất đáp: "Đó là cái lợi cho thiên hạ".

Thử truy nguyên những cái lợi ở đâu ra. Chúng phát sinh từ đâu? Có phải từ lòng ghét người, làm hại cho người mà ra chăng? Tất đáp: "Không phải vậy" và tất là: "Từ lòng yêu người, làm lợi cho người mà ra". [Lại hỏi]: "Những kẻ yêu người, làm lợi cho người thuộc về phái "biệt" hay "kiêm"?" Tất đáp: "Phái kiêm". Vậy thì những kẻ yêu gồm lẫn nhau, quả thực gây được cái lợi lớn cho thiên hạ, phải vậy chăng? Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Kiêm là tốt".

Vả trên kia tôi đã nói: "Việc của người nhân là tạo cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ". Bây giờ tôi truy nguyên thì thấy "kiêm" sinh ra cái lợi lớn cho thiên hạ, mà "biệt" sinh ra cái hại lớn cho thiên hạ. Vì vậy mà thầy Mặc tử bảo: "Biệt là bậy, kiêm là tốt", tức là do đạo lí đó.

Nay tôi muốn tạo cái lợi cho thiên hạ, lấy "kiêm" làm chính sách [làm cái đạo để thi hành] thì ai cũng đem tai tinh mắt sáng trông nghe cho nhau, đem chân tay khoẻ mạnh làm lụng cho nhau, mà kẻ biết đạo lí thì hết lòng dạy bảo lẫn nhau. Cho nên người già nua mà không có vợ con thì được săn sóc, nuôi nấng cho trọn tuổi đời; trẻ con không có cha mẹ thì có chỗ nương tựa, được nuôi tới lớn. Nếu chỉ dùng "kiêm" làm chính sách, thì cái lợi như vậy. Thế thì tôi không hiểu tại sao những kẻ sĩ trong thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói đến "kiêm"?

Vậy mà miệng những kẻ sĩ chê "kiêm" vẫn chưa chịu ngưng, họ bảo: "Đạo kiêm tốt thật đấy, nhưng có thể dùng được không?". Thầy Mặc tử đáp: "Nếu không dùng được thì ngay tôi đây cũng phải chê. Vả lại đâu có cái gì tốt mà không dùng được bao giờ".

Thử đem hai chủ trương "kiêm" và "biệt" ra so sánh xem. Thí dụ có hai kẻ sĩ, một kẻ chủ trương "biệt", một kẻ chủ trương "kiêm". Kẻ chủ trương "biệt" bảo: "Tôi làm sao có thể coi thân của bạn tôi như thân của tôi, cha mẹ của bạn tôi như cha mẹ của tôi được". Người đó về thấy bạn của mình đói mà không xẻ cơm, rét mà không chia áo, đau ốm mà không săn sóc thuốc thang, chết cũng không chôn cất cho. Lời nói và hành vi người đó đều như vậy. Còn lời nói và hành vi của người chủ trương "kiêm" không như vậy. Người này bảo: "Tôi nghe nói bậc cao sĩ (bậc sĩ thanh cao) trong thiên hạ tất coi thân của bạn như thân của mình, cha mẹ của bạn như cha mẹ của mình, có như vậy mới là bậc cao sĩ trong thiên hạ". Về thấy bạn đói thì xẻ cơm, rét thì chia áo, đau ốm thì săn sóc thuốc thang, chết thì chôn cất cho. Lời nói và hành vi kẻ sĩ chủ trương "kiêm" như vậy.

Hai kẻ sĩ đó, trái hẳn nhau về lời nói và hành động. Cứ cho rằng họ nói thì giữ lời, làm thì quả quyết, nói và làm phù hợp với nhau, nói sao làm vậy, bây giờ tôi xin hỏi: "Nếu họ phải bận áo giáp, đội mũ trụ, ra chiến đấu trên một cánh đồng rộng lớn, không biết sẽ sống hay chết; hoặc họ bị vua, hay quan đại phu sai đi sứ các nước Ba [Thục], Việt, Tề, Kinh [Sở], không biết đi có tới chỗ, về có tới nơi hay không, thì họ sẽ gởi gấm cha mẹ, nhà cửa, vợ con cho một người bạn chủ trương "kiêm" hay một người bạn chủ trương "biệt"?" Tôi cho rằng trong trường hợp đó, dù là ngu phu hay ngu phụ, ngay cả kẻ chê đạo kiêm ái, cũng sẽ gởi gấm gia đình cho người bạn chủ trương "kiêm". Vậy là miệng thì chê "kiêm" mà lựa thì lại lựa người bạn chủ trương "kiêm", lời nói và hành động mâu thuẫn nhau. Thế thì tôi không hiểu tại sao những kẻ sĩ trong thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói đến "kiêm"?

Vậy mà miệng những kẻ sĩ chê "kiêm" vẫn chưa chịu ngưng, họ bảo: "Theo

tôi, chọn kẻ sĩ [chủ trương kiêm] thì còn có thể được, chứ làm sao chọn vua [chủ trương kiêm] được".

Thử đem hai chủ trương "kiêm" và "biệt" ra so sánh xem. Thí dụ có hai ông vua, một ông chủ trương "kiêm", một ông chủ trương "biệt". Ông chủ trương "biệt" bảo: "Ta làm sao có thể coi thân của vạn dân như thân của ta được? Cái đó trái với tình người quá mà. Kiếp người được bao lâu? Khác chi bóng câu qua kẻ cửa". Rồi ông về thấy vạn dân đói mà không cho ăn, rét không cho áo, đau ốm mà không săn sóc thuốc thang, chết cũng không chôn cất cho. Lời nói và hành vi ông vua ấy đều như vậy. Còn lời nói và hành vi ông chủ trương "kiêm" không vậy. Ông này bảo: "Ta nghe nói bậc minh quân trong thiên hạ tất đặt thân của vạn dân lên trước thân của mình, có vậy mới là bậc minh quân trong thiên hạ". Rồi ông về thấy vạn dân đói thì cho ăn, rét thì cho áo, đau ốm thì săn sóc thuốc thang, chết thì chôn cất cho. Lời nói và chủ trương của ông vua chủ trương "kiêm" đều như vậy.

Hai ông vua ấy trái ngược nhau cả về lời nói lẫn hành vi. Cứ cho rằng họ nói thì giữ lời, làm thì quả quyết, nói và làm phù hợp với nhau, nói sao làm vậy, bây giờ tôi xin hỏi: "Gặp năm có bệnh dịch, vạn dân cực khổ, đói rét, đã có nhiều người chết ở hào, ở rãnh, tôi xin hỏi phải chọn một trong hai ông vua ấy thì chọn ông nào?". Tôi cho rằng trong trường hợp đó, dù là ngu phu ngu phụ, ngay cả kẻ chê đạo kiêm ái cũng tất lựa ông vua chủ trương "kiêm". Vậy là miệng thì chê "kiêm" mà lựa thì lại lựa ông vua chủ trương "kiêm", lời nói và hành động mâu thuẫn nhau. Thế thì tôi không hiểu tại sao những kẻ sĩ trong thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói đến "kiêm"?

Vậy mà miệng kẻ sĩ chê "kiêm" vẫn chưa chịu ngưng, họ bảo: "Đạo kiêm ái tức là nhân, là nghĩa đấy; nhưng có thể làm được không? Tôi cho nó không thể làm được, cũng như xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông[352] vậy. Cho nên "kiêm" là điều ai cũng mong mỏi mà đâu phải là việc làm được". Thầy Mặc tử đáp: "Xách núi Thái Sơn mà nhảy qua sông, từ xưa tới nay, từ hồi có loài người tới nay chưa ai làm được. Còn cái việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, thì các bậc thánh vương đời trước đã đích thân làm rồi". – "Làm sao biết được các bậc thánh vương đời trước đã đích thân làm rồi". – Thầy Mặc tử đáp: "Ta không được cùng sống một thời với các bậc đó, không được đích thân tai nghe mắt thấy tiếng nói và diện mạo các bậc đó; sở dĩ biết được là nhờ những điều [cổ nhân] viết trên thẻ tre, tấm lụa; khắc trên đỉnh, bia, chạm trên cái mâm, cái bát[353] để truyền cho con cháu đời sau. Thiên *Thái thệ* sách *Thương Thư* chép:

“Vua Văn vương như mặt trời mặt trăng, chiếu sáng bốn phương, khắp miền Tây”[354]. Như vậy là bảo đức kiêm ái của Văn vương rộng lớn như mặt trời mặt trăng chiếu khắp thiên hạ, cái mà thầy Mặc tử gọi là “kiêm” đó, Văn vương đã dùng làm phép tắc rồi.

Chẳng riêng thiên *Thái thệ*, thiên *Vũ thệ* cũng vậy nữa. Vua Vũ bảo: “Dân chúng đông thay, nghe lời trẫm này; trẫm là con nhỏ[355] đâu dám dấy binh, vì rợ Hữu Miêu xuẩn động, nên phải thay Trời trừng phạt. Trẫm đã quản lĩnh dân chúng, nên tập hợp các người lại đây, để chinh phạt rợ Hữu Miêu”. Vua Vũ chinh phạt rợ Hữu Miêu không phải để cầu phú quí, phúc lộc, không phải để vui tai vui mắt, mà để tạo cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ; như vậy là vua Vũ kiêm ái đấy. Cái mà thầy Mặc tử gọi là “kiêm” đó, vua Vũ đã dùng làm phép tắc rồi.

Chẳng riêng thiên *Vũ thệ*, thiên *Thang thuyết* cũng vậy nữa. Vua Thang[356] bảo: “Đứa con nhỏ tên là Lí này, xin dâng con bò đực đen để cáo với hoàng thiên hậu thổ rằng: “Trời nay đại hạn tức là phạt cái thân của Lí này, trẫm không biết đã mắc phải cái tội gì với trời đất. Trẫm có điều gì thiện thì không dám giấu, có tội gì thì không dám xin tha, xin Thượng Đế tự ngài xem xét. Vạn phương có tội thì riêng trẫm chịu, mà thân trẫm có tội thì không can gì tới vạn phương”. Vậy vua Thang phú quí tới mức làm thiên tử, có cả thiên hạ mà không ngại đem thân mình hi sinh để cầu Thượng Đế, quỉ thần; tức là vua Thang kiêm ái đấy. Cái mà thầy Mặc tử gọi là “kiêm” đó, vua Thang đã dùng làm phép tắc rồi.

Chẳng riêng thiên *Thang thuyết*, ngay đến *Chu Thi* cũng vậy nữa. *Chu Thi* bảo: “Đạo vua rộng rãi, không thiên vị, không bè đảng; đạo vua bình dị, không bè đảng, không thiên vị. Nó thẳng như mũi tên, bằng phẳng như miếng đá mài; bậc quân tử [tức trăm quan] thi hành nó, kẻ tiểu nhân [tức dân chúng] coi nó là phép tắc”. Nếu bảo lời của tôi không hợp với đạo thì [thử xét] xưa Văn vương, Võ vương trị dân, chia đều [ruộng đất], thưởng người hiền, phạt kẻ ác, không thiên vị với họ hàng, anh em, như vậy tức là Văn vương, Võ vương kiêm ái đấy. Cái mà thầy Mặc tử gọi là “kiêm” đó, Văn vương, Võ vương đã dùng làm phép tắc rồi. Thế thì tôi không hiểu tại sao thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói tới “kiêm”.

Vậy mà miệng những kẻ chê “kiêm” vẫn chưa chịu ngưng, họ bảo: “Theo tôi, [kiêm ái thì] không được lợi cho cha mẹ, mà hoá ra hại đạo hiếu chăng? Thầy Mặc tử đáp: “Thử truy nguyên xem người con có hiếu thì vì cha mẹ mà mưu tính ra sao. Tôi không biết người đó muốn cho người khác yêu mà làm lợi cho cha mẹ mình hay là muốn người khác ghét và làm hại cho cha mẹ mình. Theo tôi xét

thì người đó muốn cho người khác yêu và làm lợi cho cha mẹ mình; nhưng trước hết phải làm sao đã để rồi sau được như vậy? Trước hết ta phải yêu và làm lợi cho cha mẹ người rồi sau người báo đáp lại mà yêu và làm lợi cho cha mẹ ta? Tất nhiên là trước hết ta phải yêu và làm lợi cho cha mẹ người rồi sau người báo đáp lại ta, cũng yêu và làm lợi cho cha mẹ ta. Như vậy là các người con có hiếu làm lợi lẫn nhau, có thực là điều bất đắc dĩ không? Sao không trước hết yêu và làm lợi cho cha mẹ đi đã? Hay là [ông] cho rằng các người con có hiếu trong thiên hạ đều ngu, không đáng tin là phải [chính đáng] chăng?

[Nếu vậy thì] ta thử truy nguyên, tìm trong các sách của tiên vương xem. Thiên *Đại nhã* [trong *Kinh Thi*] bảo: "Không một lời nói nào, một ân đức nào mà không được báo đáp; ném cho tôi một quả đào, tôi sẽ ném lại cho quả mận"[357]. Câu đó muốn nói rằng yêu người thì tất được người yêu lại, ghét người thì tất bị người ghét lại. Thế thì tôi không hiểu tại sao thiên hạ lại chê bai mỗi khi nghe nói tới "kiêm".

Hoặc giả họ cho là khó, không làm được chăng? Còn có những việc khó hơn vậy mà làm được đấy. Xưa, vua Linh vương nước Kinh [Sở] thích những kẻ sĩ lưng thon, thế mà trong thời[358] ông, kẻ sĩ trong nước Kinh ăn không quá một chén, tới nổi phải dựa rồi mới đứng dậy được, phải vịn tường mới đi được. Nhịn ăn tới nỗi xanh xao là việc khó làm, nhưng Linh vương thích, thì chưa hết một đời [một thế hệ: ba chục năm], phong tục của dân đã thay đổi được – Sở dĩ vậy là vì dân chúng theo người trên. Xưa, vua Câu Tiễn nước Việt hiếu dũng, huấn luyện kẻ sĩ và bề tôi ba năm rồi, ngờ rằng mình chưa đủ trí để biết rõ sự huấn luyện của mình có kết quả ra sao, bèn cho đốt một chiếc thuyền rồi đánh trống thúc kẻ sĩ vào cứu, họ lao vào hàng đầu, chết vì nước và lửa không biết bao nhiêu mà kể, nhà vua phải thôi đánh trống để họ lui về, thịt họ cháy khét lẹt. Tự thiêu thân mình là việc khó làm, nhưng vua Việt thích thì chưa hết một đời, phong tục của dân đã thay đổi được – Sở dĩ vậy là vì dân chúng theo người trên. Xưa, vua Văn công nước Tấn thích bận áo thô, trong thời ông, kẻ sĩ nước Tấn bận áo vải dày và áo lông cừu phương Bắc, đội mũ bằng lụa mộc, đi giày xấu xí để bệ kiến vua và ngồi triều. Bận áo vải thô là việc khó làm, nhưng vua Văn công thích thì chưa hết một đời, phong tục của dân đã thay đổi được – Sở dĩ vậy là vì dân chúng theo người trên.

Nhịn ăn, [lao vào cứu] thuyền cháy, bận áo thô là những việc rất khó làm trong thiên hạ, nhưng bề trên thích thì dân chúng làm, và chưa hết một đời mà phong tục của dân đã thay đổi được. Tại sao vậy? Tại dân chúng muốn hướng về bề trên. Nay xét cái việc yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, đã dễ làm, mà

lại lợi không biết bao nhiêu mà kể; tôi cho rằng chỉ vì chưa có người trên nào thích nó mà thôi, nếu có người trên thích nó, thưởng và khen để khuyến khích, dùng hình phạt để ra uy, thì người ta sẽ đổ xô nhau mà yêu gồm lẫn nhau, làm lợi lẫn nhau như lửa bốc lên cao, nước chảy xuống thấp, không thể ngăn lại được nữa.

Cho nên "kiêm" là cái đạo của thánh vương, bậc vương công đại phu nhờ nó mà yên, vạn dân nhờ nó mà đủ ăn đủ mặc. Cho nên bậc quân tử không gì bằng xét kĩ đạo "kiêm" và gắng thi hành nó; thi hành nó thì vua chúa có lòng huệ, kẻ bề tôi tất có lòng trung, bậc cha mẹ tất có lòng từ, kẻ làm con tất có lòng hiếu, anh tất thương em, em kính anh. Cho nên bậc quân tử muốn ông vua huệ, kẻ làm tôi trung, làm người cha từ, người con hiếu, người anh biết thương em, người em biết kính anh, thì không thể không thi hành đạo kiêm ái. Đó là cái đạo của thánh vương mà là cái lợi lớn của vạn dân.

PHI CÔNG (thượng)

(Mạt sát sự đánh chiếm nước người)

Thiên này chúng tôi đã chép nguyên văn và dịch trọn trong chương IV, phần II. Đại ý Mặc tử bảo đánh chiếm nước người là việc đại bất nghĩa. Tội nặng gấp ngàn, gấp vạn tội giết người, mà các bậc quân tử trong thiên hạ đã không chê lại còn chép công lưu lại đời sau, như vậy là không phân biệt được nghĩa và bất nghĩa.

PHI CÔNG (trung)

Thầy Mặc tử bảo: "Ngày nay các vương công đại nhân cầm quyền trong nước, nếu thực tình muốn cho sự khen chê được công bằng, sự thưởng phạt được đích đáng, việc hình chính không lầm lẫn…[359] Cho nên thầy Mặc tử bảo: Người xưa nói: Suy nghĩ mà không ra thì xét việc xưa để biết việc sau này, xét cái hiện ra ngoài để biết cái ẩn ở trong. Suy xét như vậy thì có thể biết được.

Dấy binh vào mùa đông thì sợ lạnh, vào mùa hè thì sợ nóng, cho nên phải tránh hai mùa đó; mà dấy binh vào mùa xuân thì bắt dân phải bỏ việc cày cấy, trồng trọt, vào mùa thu thì dân phải bỏ việc gặt hái, cho nên phải tránh hai mùa đó. Dân phải bỏ một mùa thì trăm họ chết đói chết rét không biết bao nhiêu mà kể. Nay thử tính xem, hễ xuất quân thì tên tre, cờ lông, màn, trướng, áo giáp, mộc lớn, mộc nhỏ, dao, mác tổn hại, hư nát, mất mát không thu hồi được, không biết bao nhiêu mà kể; lại thêm bò, ngựa khi xuất quân thì mập, về thì gầy, hoặc chết không về được, nhiều không biết bao nhiêu mà kể; lại thêm đường xá xa xôi, lương thực tiếp tế không được, thiếu thốn, trăm họ chết không biết bao nhiêu mà kể; do ăn ở không được yên ổn, ăn uống thất thường, lúc no quá, lúc đói quá, không điều độ, nên trăm họ chết không biết bao nhiêu mà kể. Quân lính chết không biết bao nhiêu mà kể, thế là quỉ thần mất kẻ tế lễ mình không biết bao nhiêu mà kể.

Trị nước mà chiếm đoạt vật dụng của dân, làm mất cái lợi của dân quá nhiều như vậy thế thì sao lại làm? Đáp: Vì cái danh thắng người và ham được lợi, cho nên làm. Thầy Mặc tử bảo: Xét cái danh thắng người, thì nó không dùng được vào việc gì; xét về cái lợi thì nó không bù được cái mất mát quá nhiều. Nay tấn công một lớp thành trong [chu vi] ba dặm, một lớp thành ngoài [chu vi] bảy dặm, không dùng khí giới cứng và sắc, không giết nhiều người thì làm sao thắng được. Giết người, nhiều thì hàng vạn, ít cũng hàng ngàn, rồi mới chiếm được lớp thành trong [chu vi] ba dặm, lớp thành ngoài [chu vi] bảy dặm; nay một nước có một vạn cổ xe thì số thành có tới trên ngàn, không vào cho xuể được; số đồng ruộng có tới trên vạn, không chiếm cho hết được; như vậy là đất đai [của người] có dư mà binh sĩ [của mình] không đủ; bắt binh sĩ của mình chết hết, gây tai hoạ nghiêm khốc cho người trên kẻ dưới[360] để tranh thành tức là khinh bỏ cái không đủ [binh sĩ của mình] mà trọng cái có dư [đất đai của người], theo chính sách đó đâu phải là biết lo việc nước.

Kẻ khen chính sách đánh chiếm nước người bảo: Phía Nam có vua các nước Kinh, Ngô, phía Bắc có vua các nước Tề, Tấn, hồi mới được phong làm chư hầu trong thiên hạ, đất đai của họ vuông không được vài trăm dặm, số dân không

được vài chục vạn, sau nhờ đánh chiếm nước khác mà mở rộng đất đai tới ngàn dặm, số dân tăng lên tới mấy triệu người. Vậy thì không nên mạt sát chính sách đánh chiếm nước người.

Thầy Mặc tử đáp: Tuy bốn năm nước được lợi đấy, tôi vẫn cho như vậy không phải là theo đạo. Cũng tỉ như nghề dùng thuốc trị bệnh; nay có một y sĩ dùng cả thuốc và bùa phép trị bệnh cho thiên hạ, một vạn người dùng thuốc mà chỉ có bốn năm người được lợi [khỏi bệnh], thì tôi vẫn cho như vậy không phải là biết làm nghề thuốc, Mà người con có hiếu sẽ không dùng thuốc đó cho cha mẹ uống, bề tôi trung sẽ không dùng thuốc đó cho vua uống.

Đời xưa phong đất cho chư hầu trong thiên hạ[361], việc thật xa thì tai ta còn nghe, việc gần thì mắt ta còn thấy, số nước chư hầu bị tiêu diệt vì chính sách đánh chiếm nước người nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Làm sao biết được như vậy? Phương Đông có nước Cử, nước đó rất nhỏ, nằm xen vào giữ các nước lớn, không tôn thờ nước lớn, nên nước lớn cũng không yêu mà làm lợi cho. Vì vậy mà phía Đông bị người Việt cướp đất, phía Tây bị người Tề thôn tính. Xét cái lẽ sở dĩ Cử bị mất về Tề, Việt ở hai bên, chính là do chính sách đánh chiếm nước người. Phương Nam, các nước Trần, Thái, sở dĩ mất về Ngô, Việt ở bên, cũng là do chính sách đánh chiếm. Phương Bắc, các nước Tra, Bất Trứ Hà [tức Bất Đồ Hà ở Phụng Thiên ngày nay] mất về Yên, Đại, Hồ, Mạch ở bên cũng là do chính sách đánh chiếm. Cho nên thầy Mặc tử bảo: Các bậc vương công đại nhân ngày nay nếu thực tâm muốn được và không muốn mất, muốn an mà không muốn nguy, thì không thể không mạt sát chính sách đánh chiếm nước người.

Kẻ khen chính sách đánh chiếm nước người bảo: “Các nước đó không biết thu dụng dân chúng của họ nên mất nước, tôi biết thu dụng dân chúng nước tôi, đem họ đi đánh chiếm thiên hạ thì nước nào dám không thần phục tôi?”

Thầy Mặc tử đáp: “Ông bảo ông biết thu dụng dân chúng nước ông, phỏng có được như vua Hạp Lư thời xưa không?

Xưa, vua Hạp Lư nước Ngô huấn luyện dân bảy năm, [bắt họ] bận áo giáp, cầm binh khí chạy ba trăm dặm rồi mới nghỉ[362], đóng binh ở Chú Lâm, rồi theo con đường hẹp, sâu, hiểm trở, tiến hành đánh Bá Cử, chiếm được trung ương [quốc đô] của Sở…[363] Tống và Lỗ. Tới đời Phù Sai [cháu đích tôn của Hạp Lư], phía Bắc đánh nước Tề, đóng binh ở Vấn Thượng, tiến đánh ở Ngãi Lăng, đại thắng quân Tề, chiếm giữ núi Thái Sơn; phía Đông đánh Việt, vượt ba con sông và năm cái hồ, chiếm giữ Cối Kê; chín nước Di đều phải thần phục. Vậy mà khi lui quân về, không biết thưởng vợ con quân sĩ tử chiến, không thi ân cho dân chúng; tự thị về sức mình, khoe công mình, khen [tài] trí của mình, sơ suất

trong việc huấn luyện [quân lính], xây đài Cô Tô bảy năm mới xong. Do vậy mà dân Ngô sinh ra chia rẽ, chán nản. Vua Câu Tiễn thấy vua tôi nước Ngô không hợp nhau, bèn thu dụng dân của mình để phục thù, đánh vô thành ngoài phía Bắc của Ngô, dời thuyền của vua Ngô đi, vây cung Ngô và nước Ngô bị diệt.

Xưa, nước Tấn có sáu tướng quân[364], trong số đó Trí Bá mạnh hơn cả. Trí Bá nghĩ đất của mình rộng, dân mình đông, muốn chống các chư hầu thì không gì bằng tấn công họ, như vậy mau hơn, bèn sai những vũ sĩ[365] sắp chiến thuyền và chiến xa thành hàng, đánh họ Trung Hàng và chiếm được đất của Trung Hàng. Ông cho rằng mình mưu tính như vậy là đúng, lại đánh và đại thắng họ Phạm. Đã gồm được ba họ[366] làm một rồi, mà ông ta vẫn chưa chịu ngừng, lại vây Triệu Tương tử ở Tấn Dương. Tới lúc đó, họ Hàn với họ Nguỵ mới bàn với nhau: "Người xưa nói: "Môi hở thì răng lạnh". Họ Triệu bị diệt buổi sáng, thì buổi chiều tới phiên mình; họ Triệu bị diệt buổi tối, thì sáng hôm sau tới phiên mình. *Kinh Thi* bảo: "Con cá ở dưới nước mà không chịu cứu nó thì khi lên cạn rồi, làm sao cứu kịp được nữa?". Thế là ba họ đó [Triệu, Hàn, Nguỵ] một lòng tận lực mở cửa, dọn đường, đeo giáp, dấy binh, Hàn, Nguỵ từ ngoài đánh vào, Triệu từ trong đánh ra, đại thắng Trí Bá.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Người xưa có câu: "Bậc quân tử không soi mình xuống nước mà soi mình vào người khác". Soi mình xuống nước thì thấy mặt mũi mình, soi vào người thì biết được cát hung". Những người cho chính sách chiếm đánh nước người là lợi, sao không soi gương Trí Bá đó? Nếu soi thì biết được ngay là không cát mà hung rồi.

THIÊN CHÍ (thượng)

(Ý trời)

Thầy Mặc tử bảo: Các bậc sĩ quân tử ngày nay biết điều nhỏ mà không biết điều lớn. Làm sao biết được như vậy? Xem họ ở trong nhà thì biết được. Ở trong nhà, hễ mang tội với gia trưởng thì trốn qua nhà hàng xóm được. Vậy mà cha mẹ[367], anh em biết được tất răn đe, bảo: "Không thể không tự răn mình! Không thể không cẩn thận! Ở trong nhà mà sao lại có thể làm một việc mang tội với gia trưởng được?"

Không phải chỉ ở trong nhà mới vậy; dù ở trong nước cũng vậy nữa. Ở trong nước mà mang tội với vua thì có thể trốn qua nước láng giếng. Vậy mà cha mẹ, anh em biết được tất đe răn, bảo: "Không thể không tự răn mình! Không thể không cẩn thận! Ai lại ở trong nước mà có thể có thể làm một việc mang tội với vua được?"

Có nơi để trốn mà còn răn đe nhau kĩ như vậy, huống hồ không có nơi nào để trốn thì chẳng càng nên răn đe nhau kĩ hơn ư? Và ngạn ngữ có câu: "Thế là hôm sau[368], thế là mang tội, biết trốn đi đâu? Đáp: "Không trốn đi đâu được cả! Dù ở trong rừng trong hang, chỗ tối tăm không người, Trời cũng thấy được". Vậy mà bậc sĩ quân tử trong thiên hạ đối với Trời lại không để ý tới. Không biết răn đe nhau [đừng làm gì mang tội với Trời]. Vì vậy tôi biết rằng họ biết điều nhỏ mà không biết điều lớn".

Trời muốn cái gì, ghét cái gì? Muốn điều nghĩa, ghét điều bất nghĩa. Mình đốc xuất cả trăm họ trong thiên hạ làm điều nghĩa, tức là mình làm điều mà Trời muốn thì Trời cũng làm cái điều mà mình muốn. Mà mình muốn cái gì, ghét cái gì? Mình muốn được phúc lộc và ghét bị tai hoạ. Nếu mình không làm điều Trời muốn mà lại làm điều Trời không muốn, tức là mình đốc xuất trăm họ trong thiên hạ làm điều gây ra tai hoạ.

Nhưng làm sao [biết được][369] trời muốn điều nghĩa và ghét điều bất nghĩa? Đáp: Thiên hạ có nghĩa [theo điều nghĩa] thì sống, không có nghĩa [không theo điều nghĩa] thì chết; có nghĩa thì giàu, vô nghĩa thì nghèo; có nghĩa thì trị, vô nghĩa thì loạn, mà Trời muốn sinh, ghét tử; muốn giàu, ghét nghèo; muốn trị, ghét loạn; vì vậy mà tôi biết rằng[370] Trời muốn điều nghĩa và ghét điều bất nghĩa.

Vả lại việc nghĩa là ngay thẳng. Không có cái lẽ người dưới sửa người trên cho ngay thẳng, mà tất là người trên sửa người dưới cho ngay thẳng. Cho nên

thường dân dù tận lực làm việc cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có kẻ sĩ sửa lại cho; kẻ sĩ dù tận lực làm việc cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có tướng quân hay đại phu sửa lại cho; tướng quân, đại phu dù tận lực làm việc cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có tam công, chư hầu sửa lại cho; tam công, chư hầu dù tận lực xử án, trị nước cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được, phải có thiên tử sửa lại cho; thiên tử cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được[371], phải có Trời sửa lại cho.

Thiên tử sửa lại cho tam công, chư hầu, kẻ sĩ và thường dân, đều đó các bậc sĩ quân tử trong thiên hạ vốn đã biết rõ rồi; còn cái việc Trời sửa lại cho thiên tử, thì trăm họ trong thiên hạ chưa được biết rõ. Cho nên ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa muốn đem việc trời sửa lại cho thiên tử mà thuyết minh cho trăm họ trong thiên hạ rõ, mới dùng cỏ nuôi bò, cừu, dùng lúa nuôi chó, heo, làm xôi rượu thanh khiết để cúng Thượng Đế, quỉ thần mà cầu trời ban phúc cho. Tôi chưa từng nghe Trời cầu thiên tử ban phúc cho bao giờ, vì vậy mà tôi biết Trời củ chính cho thiên tử vậy.

Thiên tử là bậc cực quí, cực phú trong thiên hạ. Cho nên muốn được phú quí, không thể không thuận ý Trời được. Thuận ý Trời là phải gồm yêu lẫn nhau, như vậy tất được [Trời] thưởng. Trái ý Trời mà tách biệt ra, ghét lẫn nhau, làm hại lẫn nhau thì tất bị [Trời] phạt. Nhưng [xin cho biết] ai là người thuận ý Trời mà được thưởng, ai là kẻ trái ý Trời mà bị phạt đây.- Thầy Mặc tử đáp: Ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa là những người thuận ý Trời mà được thưởng; còn ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ thời xưa là những kẻ trái ý Trời mà bị phạt.

Nhưng Vũ, Thang, Văn, Võ vì lẽ gì mà được [Trời] thưởng? – Thầy Mặc tử đáp: Vì trên thì tôn Trời, giữa thì thờ quỉ thần, dưới thì yêu người. Cho nên ý Trời bảo: Những kẻ ta yêu, hắn gồm yêu cả; những kẻ ta làm lợi cho, hắn gồm làm lợi cho cả; yêu người như vậy là rộng khắp, làm lợi cho người như vậy là nhiều, cho nên ta cho hắn sang tới mức làm thiên tử, giàu tới mức có cả thiên hạ, sự nghiệp truyền cho con cháu vạn đời, đời đời khen là thiện, phổ biến khắp thiên hạ, tới nay vẫn còn, gọi là “thánh vương”.

Còn Kiệt, Trụ, U, Lệ vì lẽ gì mà bị phạt? – Thầy Mặc tử đáp: Vì trên thì mắng trời, giữa thì nói xấu quỉ thần, dưới thì hại người. Cho nên trời bảo: Những kẻ ta yêu thì hắn tách ra mà ghét; những kẻ ta làm lợi cho thì hắn đều làm hại; ghét người như vậy là rộng khắp, làm hại cho người như vậy là nhiều; cho nên ta không cho được sống hết tuổi thọ, không hết đời hắn, đến nay còn bị huỷ báng,

gọi là “bạo vương”.

Nhưng làm sao biết Trời yêu trăm họ trong thiên hạ? – Vì Trời đã gồm yêu mà làm lợi[372] cho cả.

Sao biết được Trời đã gồm yêu mà làm lợi cho cả? – Vì Trời đã gồm trăm họ mà có hết thảy[373].

Sao biết Trời gồm trăm họ mà có hết thảy? – Đáp: Trong bốn biển, những dân ăn gạo, không ai là không dùng cỏ nuôi bò, cừu, dùng lúa nuôi chó, heo, làm xôi, rượu thanh khiết để cúng Thượng Đế, quỉ thần. Trời có dân thường[374] sao lại không yêu? Vả lại tôi bảo: Giết một kẻ vô tội thì bị một điều chẳng lành. Ai giết kẻ vô tội? Người giết. Mà giáng cho một điều chẳng lành là ai? Là Trời. Nếu cho rằng Trời không yêu trăm họ trong thiên hạ thì người nọ giết người kia, can cớ gì tới trời mà Trời giáng điều chẳng lành? Do đó mà tôi biết rằng trời yêu trăm họ trong thiên hạ.

Dùng chính sách [nhân] nghĩa là thuận ý Trời, dùng chính sách [võ] lực là trái ý Trời. – Dùng chính sách [nhân] nghĩa là làm sao? – Thầy Mặc tử đáp: Ở vào địa vị nước lớn không đánh chiếm nước nhỏ; nhà lớn không cướp nhà nhỏ; mạnh không hiếp yếu; người sang không ngạo mạn kẻ nghèo; số đông không cưỡng bức số ít; kẻ khôn lanh không được lường gạt kẻ ngu; như vậy, ở trên tất lợi cho Trời, ở giữa lợi cho quỉ thần, ở dưới lợi cho người. Có ba cái lợi mà không có gì bất lợi, cho nên khắp thiên hạ đều khen, gọi là “thánh vương”.

Dùng chính sách [võ] lực thì khác. Ngôn, hành đều trái với chính sách trên, như [hai con ngựa] chạy ngược hướng nhau. Ở vào địa vị nước lớn thì đánh chiến nước nhỏ, nhà lớn hiếp nhà nhỏ, mạnh hiếp yếu, người sang ngạo mạn kẻ nghèo[375], số đông cưỡng bức số ít, kẻ xảo trá lừa gạt kẻ ngu; như vậy ở trên không lợi cho Trời, ở giữa không lợi cho quỉ thần, ở dưới không lợi cho người. Có ba cái bất lợi mà không có gì lợi cả, cho nên khắp thiên hạ đều chê, gọi là “bạo vương”.

Thầy Mặc tử bảo: Ta có ý Trời cũng như người đóng xe có cái qui [để vẽ vòng tròn], mình thợ [mộc] có cái củ [để vẻ hình vuông]. Người đóng xe, người thợ [mộc] dùng cái qui cái củ để đo tính hình tròn hình vuông trong thiên hạ, bảo: “Hễ trúng thì phải, không trúng thì sai”. Nay sách của kẻ sĩ quân tử trong thiên hạ chở không xuể; các học thuyết[376] đếm không hết; trên thì thuyết các vua chư hầu, dưới thuyết các sĩ, quan niệm về nhân nghĩa, sai quá xa. Làm sao biết được như vậy? Đáp: Tôi có cái phép sáng trong thiên hạ[377] để đo [phán đoán] các thuyết đó.

MINH QUỈ (hạ)

(Chứng minh rằng có quỉ thần)

Thầy Mặc tử bảo: Tới khi ba đời thánh vương thời xưa đã mất, thiên hạ không còn giữ nghĩa, chư hầu mới dùng võ lực chinh phục nhau. Sở dĩ vậy là vì vua và người trên không nhân từ [huệ], bề tôi và người dưới không trung thành; cha không từ, con không hiếu; anh không chính trực, hiền lương, em không kính yêu anh; các quan lớn không gắng sức xử án, trị nước; thường dân không gắng sức làm lụng. Dân hoá ra dâm loạn, tàn bạo; trộm cướp nổi lên khắp nơi, dùng khí giới, thuốc độc, nước lửa, chặn đánh người vô tội trên các đường lớn, nhỏ[378], cướp ngựa xe, áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình. Thiên hạ sinh loạn bắt đầu từ đó. Nguyên do tại đâu? Chỉ tại người ta nghi hoặc không biết có quỉ thần hay không, không hiểu rõ cái lẽ quỉ thần có thể thưởng người hiền và phạt kẻ bạo ngược. Nay nếu khiến cho thiên hạ tin rằng quỉ thần có thể thưởng người hiền, phạt kẻ tàn bạo, thì thiên hạ làm sao còn loạn được nữa.

Kẻ chủ trương không có quỉ thần, bảo: "Vốn không có quỉ thần", từ sáng đến tối đem lời đó dạy thiên hạ, gây lòng nghi hoặc cho quần chúng trong thiên hạ, khiến cho họ không biết quỉ thần có hay không, vì vậy mà thiên hạ loạn. Cho nên thầy Mặc tử bảo: Các bậc vương công, đại phu, sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì phải biện biệt cái lẽ quỉ thần có hay không, và không thể không xét kĩ việc đó được.

Đã chấp nhận rằng cần xét kĩ cái lẽ quỉ thần có hay không rồi, nhưng xét rõ cách nào mới là đúng? Thầy Mặc tử đáp: "Cái phép khiến thiên hạ có thể xét biết sự vật có hay không, tất phải lấy điều tai mắt dân chúng thực thấy, thực nghe làm tiêu chuẩn. Nếu thực là điều dân chúng mắt thấy tai nghe thì ta phải cho là có; nếu dân chúng không mắt thấy tai nghe thì ta phải cho là không. Như vậy, sao ta không vào một làng, một xóm mà hỏi? Từ khi có loài người tới nay, nếu vẫn từng trông thấy hình dáng quỉ thần, nghe thấy tiếng nói của quỉ thần, thì sao lại bảo không có quỉ thần được? Nhược bằng không nghe thấy, trông thấy thì sao bảo là có quỉ thần được?

Người chủ trương rằng không có quỉ thần, bảo: "Thiên hạ cho là trông thấy, nghe thấy quỉ thần, nhiều vô số kể, nhưng ai là người trông thấy, nghe thấy được quỉ thần có thực hay không?"[379] Thầy Mặc tử đáp: [Tôi xin kể] một việc mà mọi người đều thấy, mọi người đều nghe, tức việc Đỗ Bá thời xưa".

Vua Tuyên vương nhà Chu giết một bề tôi vô tội là Đỗ Bá[380]. Đỗ Bá bảo: "Ta vô tội mà nhà vua giết ta; nếu chết rồi không còn biết gì nữa thì thôi; nhược

bằng chết rồi còn biết thì không ngoài ba năm, ta sẽ khiến cho nhà vua biết". Ba năm sau, vua Tuyên vương họp chư hầu đi săn ở Phố Điền, có mấy trăm cổ xe, mấy ngàn người theo, đầy đồng. Giữa trưa, Đỗ Bá cưỡi ngựa trắng, đánh xe không, bận áo và đội mũ đỏ[381], cầm cung đỏ, cắp tên đỏ, đuổi theo Tuyên vương, bắn vào xe Tuyên vương, Tuyên vương bị tên trúng tim, gãy xương sống, ngã trong xe, gục lên cái túi cung mà chết. Lúc đó người nước Chu đi theo [nhà vua], không ai là không thấy, những người ở xa không ai là không nghe, việc đó còn chép trong sử Chu. Ông vua nào cũng đem ra dạy bề tôi, người cha nào cũng đem ra răn con: "Phải răn mình, cẩn thận đấy! Hễ giết kẻ vô tội thì sẽ bị điều chẳng lành, bị quỉ thần phạt, mau như vậy đấy!" Xét việc chép trong sách đó [tức sử nhà Chu] thì quỉ thần quả là có, còn ngờ gì nữa?

Chẳng phải chỉ riêng sách đó chép rằng có quỉ thần. Xưa, vua Mục công nước Tần đương giữa trưa thấy một vị thần vô cửa, mặt người mà mình chim, áo trắng viền đen, khuôn mặt vuông vức. Vua Mục công kinh hoảng, vùng chạy. Vị thần đó bảo: "Đừng sợ. Thượng Đế khen đức sáng của ngươi, sai ta cho ngươi thọ thêm mười chín năm, nước ngươi thịnh vượng, con cháu đông đúc, dòng dõi không tuyệt". Mục công dập đầu lạy hai lạy, hỏi: "Xin quỉ thần cho biết tôn danh". Đáp: "Ta là thần Câu Mang"[382]. Nếu lấy điều mà Tần Mục công đích thân thấy làm tiêu chuẩn thì quỉ thần là có, còn ngờ gì nữa?[383]

Chẳng phải chỉ riêng sách đó[384] chép rằng có quỉ thần. Xưa, vua Giản Công nước Yên, giết một bề tôi vô tội là Trang Tử Nghi; Trang Tử Nghi bảo: "Ta vô tội mà nhà vua giết ta, nếu chết rồi không còn biết gì nữa thì thôi, nhược bằng chết rồi còn biết thì không ngoài ba năm ta sẽ cho nhà vua biết". Được một năm, nước Yên có cuộc săn bắn ở Tố Trạch – Nước Yên có Tổ Trạch cũng như nước Tề có xả tắc, nước Tống có Tang Lâm, nước Sở có Vân Mộng – Trai gái đều tụ họp nhau ở đó để coi [nhà vua] săn bắn. Giữa trưa, vua Giản Công đương đánh xe giong ruỗi trên đầm lầy Tổ Trạch, Trang Tử Nghi vác cây trượng đỏ đánh chết Giản Công trên xe. Lúc đó người nước Yên đi theo [nhà vua] không ai là không thấy, những người ở xa không ai là không nghe, việc đó chép trong sử nước Yên. Các vua chư hầu kể lại cho nhau nghe, bảo: "Hễ giết kẻ vô tội thì bị điều chẳng lành, bị quỉ thần phạt, mau như vậy đấy!". Xét việc chép trong sách đó thì quỉ thần quả là có, còn ngờ gì nữa?

Chẳng riêng sách đó chép rằng có quỉ thần. Xưa, vào thời vua Văn Quân nước Tống tên là Bảo, có người bề tôi tên là Chúc Quan Cô[385] đã từng giữ việc cúng thần. [Một hôm] thần nhập vào cô đồng, cầm quạt và bước ra bảo: "Quan Cô! Sao ngọc khuê, ngọc bích không đủ số, rượu, xôi không thanh khiết? Các vật để

tế không béo, không tuyền một màu[386]. Bốn mùa sao dâng không đúng thời? Do lỗi của mình hay của thằng bảo?" Quan Cô đáp: "Bảo còn bé, nằm trong cái địu, có biết gì đâu? Đó là riêng lỗi của kẻ phụng chức là Quan Cô tôi". Cô đồng cầm quạt và đập Quan Cô, y chết ngay trên đàn. Lúc đó người nước Tống đi theo không ai là không thấy, những người ở xa không ai là không nghe, việc đó chép trong sử nước Tống. Các vua chư hầu kể lại cho nhau nghe, bảo: "Không cung kính, cẩn thận trong việc tế tự thì bị quỉ thần phạt mau như vậy đấy!". Xét việc chép trong sách đó thì quỉ thần quả là có, còn ngờ gì nữa?

Không phải chỉ riêng sách đó chép rằng có quỉ thần. Xưa, vua Trang Quân nước Tề có hai người bề tôi tên là Vương Lí Quốc và Trung Lí Kiêu kiện nhau đã ba năm mà pháp đình chưa quyết đoán được ai có tội ai không; vua Tề muốn giết cả hai, sợ oan kẻ vô tôi, muốn tha cả hai, lại sợ tha lầm kẻ có tội, bèn sai họ đem một con cừu lại thề trước thần xã nước Tề; hai người xin vâng. Rồi họ đào sâu[387], cắt cổ con cừu, lấy máu để vấy. Đọc xong lời thề của Vương Lí Quốc rồi, còn lời thề của Trung Lí Kiêu chưa xong một nửa thì con cừu vùng dậy, húc Trung Lí Kiều gãy chân, té nhào, xuất thần, chết ngay đơ ở chỗ thề. Lúc ấy, người nước Tề đi theo, không ai là không thấy, người ở xa không ai là không nghe, việc đó chép trong sử nước Tề. Các vua chư hầu kể lại cho nhau nghe, bảo: "Nguyền rủa, thề mà sai thì bị quỉ thần phạt mau như vậy đấy!". Xét việc chép trong sách đó thì quỉ thần quả là có, còn ngờ gì nữa?

Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Dù ở trong hang sâu, rừng rậm, khe tối, chỗ không có người, cũng không thể không nghiêm khắc tự răn đừng làm bậy, vì có quỉ thần thấy cả đấy".

Người chủ trương không có quỉ thần bảo: "Cái mà quần chúng bảo mắt thấy tai nghe, đều có đủ cho ta tin, không còn nghi ngờ nữa? Mình muốn làm bậc thượng sĩ quân tử[388] trong thiên hạ mà sao lại tin chắc vào cái mà quần chúng mắt thấy tai nghe?" Thầy Mặc tử: Đáp: "Nếu cho rằng cái quần chúng mắt thấy tai nghe không đủ tin, không làm dứt được mối ngờ, thế thì tôi xin hỏi ba đời thánh vương Nghiêu, Thuấn, Thang, Văn, Võ thời xưa có đủ làm phép tắc cho ta không? Về điều đó, các người từ hạng trung trở lên đều bảo ba đời thánh vương có đủ làm phép tắc cho ta. Nếu ba đời thánh vương đó đủ làm phép tắc cho ta thì thử xét việc của các thánh vương xem sao.

Xưa Võ vương đánh nhà Ân, giết Trụ rồi phân phối việc tế tự [của nhà Ân] cho các chư hầu, bảo: "Nước nào thân với Ân – tức cùng họ với nhà Ân – thì coi về tôn miếu cho nhà Ân; nước nào sơ – tức khác họ với nhà Ân – thì coi về việc tế các thần núi sông, bốn phương". Võ vương tất phải cho rằng có quỉ thần thì

mới đánh nhà Ân, giết vua Trụ, phân phối việc tế tự cho chư hầu chứ? Nếu không có quỉ thần thì phân phối việc tế tự làm gì?

Chẳng phải chỉ việc Võ vương như vậy; các thánh vương thời xưa khi ban thưởng thì tất ở miếu tổ[389]. Khi trị tội thì tất ở nền xã[390]. Ban thưởng ở miếu tổ để cáo với thần tổ rằng thưởng công bình; trị tội ở nền xã để báo cáo rằng xử tội một cách thoả đáng.

Chẳng phải chỉ có sách đó chép như vậy. Ba đời thánh vương Ngu, Hạ, Thương, Chu[391] thời xưa, ngày đầu dựng nước, lập đô, tất chọn một cái đàn [đài để tế lễ] chính làm tôn miếu, chọn những cây to và xanh tốt làm bụi cây ở nền xã, chọn những bậc phụ huynh từ hiếu, chính trực, hiền lương làm chức thái chúc [coi việc cầu phúc], chức tôn bá [coi việc lễ, như chức thượng thư bộ lễ thời sau]; lựa những lục súc [ngựa, bò, cừu, gà, chó, lợn] nào béo, lông tuyền một màu, làm vật cúng tế; lựa ngọc khuê, ngọc bích, ngọc hoàng quí giá để làm độ (?)[392]; lựa ngũ cốc nào thơm vàng để làm rượu, xôi; cho nên rượu, xôi nhiều hay ít tuỳ năm được mùa hay mất mùa. Cho nên thánh vương thời xưa trị thiên hạ thì tất lo việc cúng tế quỉ thần rồi mới tới việc người. Cho nên bảo: quan phủ [kho của nhà nước] nào tốt[393] thì chứa toàn những đồ tế tự và y phục để tế lễ; các chức thái chúc, tôn bá đều lập cả ở triều; các vật cúng tế phải đặc biệt chứ không lấy trong đám lục súc thường ngày, đó các thánh vương đời xưa trị nước như vậy.

Thánh vương đời xưa tất cho rằng có quỉ thần; chăm lo về việc quỉ thần rất mực. Lại sợ con cháu đời sau không biết, nên chép vào thanh tre, tấm lụa truyền lại cho chúng; lại sợ mọt ăn, mục nát hết, con cháu đời sau không còn nhớ được, cho nên chạm vào cái mâm, cái bát, khắc vào đá, vào đồng để ghi thêm. Lại sộ con cháu đời sau không biết kính sợ quỉ thần để được phúc, cho nên quả thực không có một thước lụa nào, một thiên sách nào của tiên vương mà không chép rằng có quỉ thần. Tại sao chép đi chép lại như vậy? Tại thánh vương chăm lo về việc đó. Kẻ chủ trương không có quỉ thần, bảo: “Quỉ thần vốn không có”, như vậy là trái với việc chăm lo của thánh vương, trái với việc chăm lo của thánh vương thì không phải là cái đạo của người quân tử.

Kẻ chủ trương không có quỉ thần, bảo: [Nếu] quả thực không có một thước lụa nào, một thiên sách nào của tiên vương mà không chép rằng có quỉ thần, thì [xin cho biết] sách nào chép đây? Thầy Mặc tử đáp: Thiên *Đại nhã* trong *Chu thư* có chép: “Vua Văn vương có công với dân, ôi, đức ông rực rỡ trên trời. Chu tuy là nước cũ, nhưng mệnh Trời thì mới[394]. Văn vương lên xuống ở hai bên Thượng

Đế. Văn vương uy nghi thăm thẳm [trên cao], tiếng tăm sẽ còn dài". Nếu không có quỉ thần thì Văn vương mất rồi, sao lại ở hai bên Thượng Đế được? Do đó mà tôi biết sách *Chu thư* có chép về quỉ thần.

Nếu cho có Chu thư nói về quỉ thần mà *Thương thư* không chép thì chưa đủ tin được. Vậy ta thử đọc ngược lên *Thương thư*[395] xem. Thương thư chép: Than ơi! Nhà Thương xưa kia, khi chưa bị hoạ [bị diệt] thì các loài cầm thú, côn trùng và loài chim, không loài nào không thuận đạo [Trời], riêng loài người sao dám có lòng khác? Núi sông, quỉ thần cũng không dán không yên. Đều biết cung kính thành tâm, nên thiên hạ hoà hợp, đất đai yên ổn. Sở dĩ núi sông, quỉ thần không dám không yên, là để giúp vua Vũ". Do đó mà tôi biết rằng sách *Thương thư* có chép về quỉ thần.

Nếu chỉ có *Thương thư* chép về quỉ thần mà *Hạ thư* không chép thì chưa đủ tin được. Vậy ta thử đọc ngược lên *Hạ thư* xem. Thiên *Vũ thệ* chép: "Đại chiến ở đất Cam[396]. Vua ra lệnh cho kẻ tả hữu, các tướng trong sáu đạo quân xuống xe, nghe thề ở trung quân rằng: "Họ Hữu Hổ khinh lờn năm đức[397], biếng nhác bỏ bê ba đạo chính[398] [cho nên] Trời muốn tuyệt mệnh[399]. Họ Hữu Hổ lại [kiêu căng] bảo: "Ta được thiên hạ như mặt trời ở giữa trưa" [nghĩa là cực thịnh]. Nay ta cùng với họ Hữu Hổ tranh nhau mệnh Trời. Ôi! Các quan khanh, đại phu và các dân thường [của Hữu Hổ], ta không muốn chiếm đồng ruộng, bắt tù binh đâu, ta chỉ cung kính trừng phạt họ Hữu Hổ theo ý Trời thôi; kẻ ở bên tả không làm tròn chức vụ ở bên tả, bên hữu không làm tròn chức vụ bên hữu[400], như vậy là không phụng mệnh; kẻ đánh xe không điều khiển ngựa cho khéo, như vậy là không phụng mệnh; ta sẽ thưởng ở miếu tổ, sẽ trị tội ở nến xã". Tại sao lại thưởng ở miếu tổ? Thưởng ở miếu tổ để cáo với thần tổ rằng thưởng công bình. Tại sao lại trị tội ở nền xã? Trị tội ở nền xã để cáo rằng xử tội một cách thoả đáng. Thánh vương đời xưa cho rằng quỉ thần thưởng người hiền, phạt kẻ bạo ngược cho nên thưởng thì tất phải ở miếu tổ, mà phạt tất phải ở nền xã. Do đó mà tôi biết *Hạ thư* có chép về quỉ thần.

Vậy trên hết là *Hạ thư*, rồi xuống dưới *Thương thư*, *Chu thư*, đều cho rằng có quỉ thần, chép đi chép lại, là vì lẽ gì? Vì lẽ thánh vương chăm lo về việc quỉ thần. Xét lời các sách đó thì quỉ thần là có, há còn ngờ gì nữa? Ngày lành đinh dậu, tế thần xã [thần đất đai], thần bốn phương, hàng năm cúng tế tổ tiên để cầu được sống lâu. Nếu không có quỉ thần thì sao lại sống lâu được?

Cho nên thầy Mặc tử bảo: Như vậy là quỉ thần thưởng được người hiền, phạt được kẻ bạo ngược, thi hành [chủ trương có quỉ thần] ở trong nước, với vạn dân, tức là thi hành cái đạo trị nước. Quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước mà

không liêm khiết, trai gái nào sống lẫn lộn lén lút với nhau, quỉ thần tất thấy; người dân nào mà dâm bạo, trộm cướp, làm giặc, làm loạn, dùng khí giới, thuốc độc, nước lửa để chặn kẻ vô tội ở trên đường, cướp xe ngựa áo mỏng, áo lông của người để làm lợi cho mình, quỉ thần tất thấy. Như vậy quan chức nào coi kho lẫm của nhà nước, không dám không liêm khiết, thấy người thiện không dám không thưởng, thấy kẻ bạo ngược không dám không trị tội. Do đó sẽ không còn những kẻ dâm bạo, trộm cướp, làm giặc, làm loạn, dùng khí giới, thuốc độc nước lửa để chặn kẻ vô tội ở trên đường, cướp ngựa xe, áo mỏng, áo lông, của người để làm lợi cho mình. Thế là thiên hạ yên.

Cho nên quỉ thần sáng suốt, dù ở trong khe tối, trên chằm rộng, nơi thâm sơn cùng cốc, quỉ thần tất cũng biết được. Quỉ thần trừng trị thì dù là kẻ giàu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỉ thần tất cũng thắng được.

Nếu còn ngờ điều đó thì tôi xin chứng minh. Xưa vua Kiệt nhà Hạ, sang tới làm thiên tử, giàu tới có cả thiên hạ, nhưng trên thì mắng Trời, khinh quỉ, dưới thì sát hại vạn dân, lừa gạt Thượng Đế, chặt hết cây trên đàn thờ Thượng Đế ở Nguyên Sơn, thấy vậy trời mới sai vua Thang rất sáng suốt trừng trị vua Kiệt. Vua Thang đem chín chục cỗ chiến xa bày binh bố trận, từ trên Đại Tán đánh xuống quân nhà Hạ, vô tới phía ngoài kinh đô rồi bắt được Thôi Di Đại Hi[401]. Vậy vua nhà Hạ là Kiệt, sang tới làm thiên tử, giàu có tới có cả thiên hạ, dũng sĩ Thôi Di Đại Hi dùng loài tê ngưu, loài cọp tác chiến; dân chúng đông tới ức triệu, đầy gò, đầy chằm, mà cũng không ngăn được trừng trị của quỉ thần; do đó tôi biết rằng quỉ thần trừng trị thì dù là kẻ giàu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỉ thần tất cũng thắng được.

Chẳng phải chỉ có việc đó thôi. Xưa vua Trụ nhà Ân sang tới làm thiên tử, giàu tới có cả thiên hạ, nhưng trên thì mắng Trời, khinh quỉ, dưới thì sát hại vạn dân, bỏ bê các người già cả, giết trẻ con, thiêu nướng[402] kẻ vô tội, mổ, xé đàn bà có mang, dân thường…, người già không vợ, người goá chồng, gào khóc không biết kêu ai, thấy vậy Trời sai Võ vương rất sáng suốt trừng trị Trụ. Võ vương lựa một trăm cổ chiến xa, bốn trăm quân hùng tráng, tiến trước các nước chư hầu để dò xét tình hình địch, đánh quân nhà Ân ở cánh đồng Mục, bắt được hai bề tôi của nhà Ân là Phí Trọng và Ác Lai, quân địch phản Trụ, tự bỏ chạy; Võ vương bèn vào cung của Trụ, dân chúng tranh nhau giết Trụ. Vậy vua nhà Ân là Trụ[403] sang tới làm thiên tử, giàu tới có cả thiên hạ, dũng sĩ là Phí Trọng, Ác Lai, Sùng Hầu Hổ bày mưu giết người (?); dân chúng đông tới ức triệu, đầy gò

đầy chằm, mà không ngăn được sự trừng trị của quỉ thần; do đó tôi biết rằng quỉ thần trừng trị thì dù là kẻ giàu sang, đông đảo, mạnh mẽ, có võ lực, áo giáp cứng, binh khí bén, quỉ thần tất cũng thắng được. Thiên *Cầm Ngải* có câu: "Đắc kỉ vô tiểu, diệt tôn vô đại"[404]; thần thưởng thì công nhỏ cũng không quên[405]; quỉ thần trừng trị thì kẻ chức lớn, mạnh cũng không tha.

Kẻ chủ trương không có quỉ thần, bảo: [Thờ quỉ thần] hoặc giả không có lợi cho cha mẹ mà có hại cho đạo hiếu của con chăng?" Thầy Mặc tử đáp: "Từ xưa tới nay, gọi là quỉ thần thì không ngoài những hạng này: quỉ thần ở trời, quỉ thần sông núi và người chết mà thành quỉ. Có khi con chết trước cha, em chết trước anh, tuy vậy cũng là điều thường thấy. Bảo sanh trước thì chết trước, vậy thì người chết trước, không phải là cha tất là mẹ, không phải là anh, tất là chị. Dâng rượu, xôi thanh khiết để cúng tế một cách cung kính, cẩn thận. Nếu quỉ thần có thật thì là mình mời được cha mẹ, anh chị về ăn uống, chẳng phải là cái lợi lớn ư? Nếu quỉ thần không có thì là phí tiền của vào việc làm xôi, rượu và mổ mấy con vật để cúng. Nhưng phí đó không phải là đổ bỏ xuống ngòi xuống rãnh, vì trong thì họ hàng, ngoài thì hàng xóm đều được ăn uống. Nếu quả thật không có quỉ thần thì như vậy [là cơ hội] để họp mặt vui vẻ với nhau, kết tình thân với làng xóm.

Người chủ trương không có quỉ thần, bảo: "Quỉ thần vốn không có thật, cho nên không cúng xôi, rượu và các con vật hi sinh[406]. Tôi không phải là tiếc xôi, rượu và các vật hi sinh, nhưng nếu cúng thì được cái gì?[407] Trên thì trái với sách các thánh vương, mà muốn làm kẻ thượng sĩ trong thiên hạ. Đó đâu phải là đạo làm thượng sĩ"[408].

Thầy Mặc tử bảo: "Tôi cúng tế [như vậy] không phải là để rồi đổ xuống ngòi xuống rãnh, mà để trên thì giao kết cái phúc của quỉ thần, dưới thì hội họp vui vẻ, kết tình thân với làng xóm. Mà nếu quỉ thần có thật thì là mời được cha mẹ, anh chị về ăn uống, như vậy chẳng phải là cái lợi trong thiên hạ ư?"[409].

Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Các bậc vương công, đại nhân, sĩ quân tử trong thiên hạ nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì nên nhận rằng có quỉ thần và không thể không tôn thờ quỉ thần, làm sáng tỏ cái lẽ có quỉ thần cho dân chúng thấy. Đó là cái đạo của thánh vương.

PHI MẠNG (hạ)

(Không có số mạng)

Thầy Mặc tử bảo: Hễ nói năng, bàn luận không thể không định tiêu chuẩn trước rồi sau mới nói, bàn. Không định tiêu chuẩn trước mà đã nói, bàn thì cũng như để đồ dò bóng trên cái mâm xoay [của người thợ gốm] mà tìm phương hướng sáng chiều [đông, tây][410]; tôi cho rằng như vậy [trên đồ dò bóng] có ghi hướng sáng chiều, nhưng rốt cuộc cũng không thể định được [vì đồ dò bóng xoay hoài với cái mâm xoay]. Vì vậy hễ nói thì phải có ba phép.

Thế nào là ba phép? Đáp: Phép khảo sát, phép xét sự thực, phép ứng dụng. Khảo sát ở đâu? Khảo sát vào việc của thánh vương. Xét sự thực ở đâu? Ở điều mắt thấy tai nghe của quần chúng. Ứng dụng vào đâu? Vào việc chính trị trong nước, xem có lợi cho vạn dân không. Như vậy gọi là ba phép[411].

Ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới cai trị thiên hạ, bảo phải chăm lo đề cử những người con có hiếu để khuyến khích việc thờ cha mẹ, phải tôn trọng người hiền lương để dạy dân làm điều thiện. Thế rồi các vị ấy thi hành chính,]giáo, thưởng người thiện, phạt kẻ bạo ngược. Nhờ vậy mà thiên hạ loạn có thể làm cho trị được, xã tắc nguy có thể làm cho yên được.

Nếu cho là không phải như vậy [thì sao] xưa vua Kiệt làm cho nước loạn, vua Thang trị được? Vào những thời đó, cũng vẫn là xã hội ấy, dân ấy, không có gì khác, mà trên [vua] thay đổi chính trị, thì dưới [dân] thay đổi thói quen. Ở vào thời Kiệt, Trụ thì thiên hạ loạn; ở vào thời Thang, Võ thì thiên hạ trị. Vậy thiên hạ trị là nhờ công của Thang, Võ; thiên hạ loạn là do tội của Kiệt, Trụ. Xét điều đó thì an hay nguy, trị hay loạn là do chính trị của người trên, sao bảo là số mạng được?

Ba đời Vũ, Thang, Văn, Võ thời xưa, khi mới trị thiên hạ, bảo phải làm sao cho người đói được ăn, người rét được mặc, người mệt được nghỉ ngơi, nước loạn hoá trị; nhờ vậy mà các vị đó được vẻ vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ. Đâu có thể là do số mạng được? Đó là công lao của các vị ấy. Nay các người hiền lương biết trọng người hiền và thích học đạo, thì tất trên được vương công, đại nhân thưởng, dưới được dân khen, được vẻ vang, tiếng tốt truyền khắp thiên hạ, như vậy đâu có thể cho là vì số mạng được, cũng lại là do công lao của họ nữa.

Hạng người chủ trương có số mạng không biết những bực thánh thiện trong ba đời [Vũ, Thang, Văn, Võ] thời xưa chăng, hay là quên những kẻ tàn bạo bất tiếu

(xấu xa) trong ba đời [Kiệt, Trụ, U, Lệ] thời xưa chăng? Cứ xét thuyết của họ thì [họ] tất không phải là những bậc thánh thiện trong ba đời [Vũ, Thang, Văn, Võ] thời xưa mà tất phải là những kẻ tàn bạo bất tiếu[412].

Ba đời bạo vương thời xưa, Kiệt, Trụ, U, Lệ, sang tới mức làm thiên tử, giàu tới mức có cả thiên hạ, mà không làm chủ được sự ham muốn của tai, mắt, cứ theo cái bậy bạ của tâm ý: ngoài thì rong ruổi, săn bắt, bẫy thỏ, bắn chim; trong thì đắm mê rượu nhạc, bỏ bê việc trị nước và dân; rất đỗi vô dụng, [mà lại còn] tàn bạo với trăm họ, đến nỗi mất tôn miếu [mất ngôi, mất nước]. Nếu cho rằng có số mạng thì những bạo quân đó tất không bảo: "Ta biếng nhác, bất tiếu, không gắng xử án, trị nước", mà bảo: "Mất nước là do số mạng của ta vậy".

Hạng dân biếng nhác, bất tiếu trong ba đời bạo quân đó cũng thế. Họ không biết thờ cha mẹ, vua và người trên, rất ghét sự cung kính, tằn tiện, mà thích sự dễ dàng, phóng túng, tham ăn tham uống mà nhác việc, do đó không đủ ăn, đủ mặc, tới nỗi lâm vào cảnh đói rét lo lắng. [Nếu cho rằng có số mạng thì] họ tất không bảo: "Ta biếng nhác, bất tiếu, không gắng sức làm việc", mà bảo: "Ta cùng khốn là do số mạng ta vậy". Bọn loạn dân ba đời bạo vương thời xưa cũng như vậy.

Các bạo vương thời xưa lập ra thuyết số mạng rồi hạng cùng khốn truyền thuật lại; họ đều là những người nghi ngờ, chất phác. Các thánh vương đã lo ngại từ trước rồi nên đã ghi chép trên thanh tre, tấm lụa, khắc lên đồng, lên đá, chạm trên cái bát, cái mâm để truyền lại cho con cháu.

Hỏi: Còn chép trên sách nào vậy? Đáp: Thiên *Tống Đức* [không rõ trong cuốn nào] của vua Vũ chép: "Nếu tín không thuận[413] thì mệnh trời không bảo vệ nó được; không ngăn ngừa lòng ái của nó thì Trời sẽ bắt tội; không cẩn thận giữ đức của nó thì mệnh trời sao bảo vệ được?" Bài cáo của Trọng Huỷ[414] chép: "Ta nghe người Hữu Hạ[415] nói bậy là có số Trời rồi ban bố trong dân chúng. Thượng Đế ghét nên sai giết". Không có số mạng mà hắn nói có, nên bảo là "nói bậy"; chứ nếu có mà nói có thì sao bảo là "nói bậy" được? Thiên *Thái thệ* chép: "Ai là người quân tử? Trời giúp người có đức sáng, điều đó hiển nhiên. Tấm gương đâu xa, coi nhà vua Ân [tức vua Trụ] đó. Hắn bảo: "Người ta có số mạng", bảo: "Không cần kính [Trời]", bảo: "Cúng tế chẳng ích gì", bảo: "Bạo ngược cũng không bị hại". [Vì vậy] Thượng Đế không giúp hắn, hắn mất chín châu [tức thiên hạ]. Thượng Đế ghét Trụ, khiến hắn phải chết. Ta là Hữu Chu được nhận nhà Thương"[416].

Xưa, Trụ chủ trương rằng có số mạng mà hành động [càn giở], vua Võ vương làm thiên *Thái thệ* để bác thuyết ấy. Sao ông không khảo sát[417] lên các sách đời

Thương, Chu, Ngu, Hạ từ thiên *Thập giản*[418] trở lên, đều không có thuyết số mạng, cứ khảo sát đi xem sao. Cho nên thầy Mặc tử bảo: Các bậc quân tử trong thiên hạ ngày nay làm văn [viết sách], bàn bạc, đàm luận, không phải là muốn làm mệt lưỡi và cuống họng, hoặc luyện môi mép, mà thực là vì muốn quốc gia, làng xóm, lo việc hình chính cho vạn. Các vương công đại nhân ngày nay sáng sớm vô triều, chiều mới về, chia đều buổi sáng[419], không dám biếng nhác, uể oải là tại sao? Tại họ cho rằng hễ gắng sức làm thì nước trị, nếu không thì nước loạn; gắng sức thì yên, không thì nguy, cho nên không dám biếng nhác uể oải. Nay các khanh đại phu tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì trông coi các kho lẫm nhà nước, ở ngoài thì thu cái lợi [thuế] cửa quan và chợ, cái lợi của rừng, núi, chằm, cầu, để cho kho lẫm được đầy, mà không dám biếng nhác, chán nản là tại sao? Tại họ cho rằng hễ gắng sức thì sang, không thì hèn; gắng sức thì vinh, không thì nhục, cho nên không dám biếng nhác, uể oải. Nay nông dân sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về, gắng sức cày cấy, trồng trọt, để thu được đậu, lúa, mà không dám biếng nhác uể oải là tại sao? Tại họ cho rằng gắng sức thì giàu, không thì nghèo; gắng sức thì ấm, không thì lạnh, vì vậy mà không dám biếng nhác, uể oải.

Giả sử các vương công đại thần tin thuyết có số mạng [nghĩa là số tốt thì chẳng gắng sức cũng thành công, số xấu thì gắng sức cũng vô ích], mà hành động theo thuyết đó thì tất họ sẽ biếng nhác trong vụ xử kiện, trị nước; các khanh đại phu mà biếng nhác trong việc trông coi kho lẫm của nhà nước thì tôi cho rằng thiên hạ tất loạn. Nông phu biếng nhác trong việc cày cấy trồng trọt, đàn bà biếng nhác trong việc đánh sợi, kéo tơ thì tôi cho rằng thức ăn, áo mặc trong thiên hạ nhất định sẽ thiếu.

Trị thiên hạ mà như vậy mà thờ Trời và quỉ thần, thì Trời và quỉ thần không nhận; dưới bảo vệ nuôi nấng trăm họ, trăm họ không được lợi, tất sẽ li tán, không dùng họ được, do đó mà lui về giữ nước không vững, tiến quân đánh nước ngoài thì sẽ không thắng. Ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ thời xưa sở dĩ đều mất nước, xã tắc nghiêng đổ là vì vậy.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: “Bậc sĩ quân tử ngày nay nếu thực tâm muốn dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì không thể không tận lực bài xích thuyết có số mạng”. Thuyết số mạng là do các bạo vương thời xưa lập ra rồi hạng người cùng khốn truyền thuật lại, chứ không phải chủ trương của bậc nhân. Các người thi hành nhân nghĩa ngày nay không thể không xét và tận lực bài xích thuyết đó.

THƯỢNG ĐỒNG (hạ)

(Tán đồng với người trên)

Thầy Mặc tử nói: Bậc trí giả làm việc gì tất phải tính xem cái gì làm cho nước nhà và trăm họ yên trị thì làm, cái gì làm cho nước nhà và trăm họ loạn thì tránh. Mà cái gì cho nước nhà và trăm họ yên trị? [Đáp]: Bề trên cai trị hễ được kẻ dưới đồng tình[420] thì trị, không được kẻ dưới đồng tình thì loạn.

Sao biết được vậy? Bề trên cai trị mà được kẻ dưới đồng tình thì biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng. Biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng rồi thì biết được người nào thiện mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt; người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Bề trên cai trị mà không được kẻ dưới đồng tình thì không biết rõ quan niệm về tốt xấu trong dân chúng; không biết rõ về quan niệm tốt xấu trong dân chúng thì không biết được người nào thiện mà thưởng, kẻ nào tàn bạo mà phạt; người thiện không được thưởng, kẻ tàn bạo không bị phạt, trị dân mà như vậy thì quốc gia tất loạn[421]. Cho nên thưởng phạt mà không được kẻ dưới đồng tình, đó là điều không thể không xét được.

Muốn cho kẻ dưới đồng tình với mình thì phải làm sao? Thầy Mặc tử bảo: Chỉ có cách là kẻ dưới phải tán đồng lẽ phải với người trên thì mới trị được thiên hạ. Sao biết được rằng người dưới phải tán đồng lẽ phải với người trên thì mới trị được thiên hạ? Muốn vậy thì sao không khảo xét xem chính trị thời nguyên thuỷ ra sao.

Thời nguyên thuỷ, trời mới sinh dân, chưa có ai làm chính trưởng (cầm đầu). Mỗi người tự làm chủ mình, mỗi người tự làm chủ mình thì mỗi người có một lẽ phải, mười người có mười lẽ phải, trăm người có trăm lẽ phải, ngàn người có ngàn lẽ phải, cho tới khi số người đông không biết bao nhiêu mà kể. Ai cũng bênh lẽ phải của mình, chê lẽ phải của người, xung đột lớn thì đến đánh nhau, xung đột nhỏ thì tranh nhau. Trời muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ, cho nên chọn người hiền lập làm thiên tử. Thiên tử cho rằng trí lực mình chưa đủ để trị thiên hạ, nên mới lập tam công[422]. Tam công lại thấy trí lực mình chưa đủ để giúp thiên tử, nên mới chia nước ra lập các chư hầu, chư hầu lại cho rằng trí lực mình chưa đủ để trị khắp bốn cõi, nên lựa người ở dưới lập chức khanh và chức tể [chủ một địa phận, một cơ quan]. Khanh và tể lại cho rằng trí lực chưa đủ để giúp vua chư hầu, nên lựa người ở dưới lập làm hương trưởng, gia trưởng. Vì vậy mà đời xưa thiên tử lập tam công, chư hầu, khanh, tể, hương trưởng, gia trưởng không phải vì giàu sang quá mà bỏ [chia xẻ] đi đâu mà là để có người giúp mình coi việc hình chính; vì vậy mà đời xưa lập quốc, dựng đô, lập ra các

vua chúa, [tam] công, khanh, sĩ, sư, trưởng không phải để cho những vị đó hưởng cảnh an vui mà là phân biệt [chức tước] để có người giúp thi hành đạo sáng của Trời.

Ngày nay vì lẽ gì mà người trên không trị được kẻ dưới, kẻ dưới không biết thờ người trên, trên dưới hại lẫn nhau? Vì đâu mà tới nỗi vậy? Vì lẽ phải không thống nhất. Lẽ phải không thống nhất nên sinh ra bè đảng, bề trên cho một người nào đó là thiện mà muốn thưởng, người đó tuy được bề trên thưởng nhưng lại sợ trăm họ huỷ báng [vì quan niệm về tốt xấu của nhà vua và của dân trái ngược nhau] thành thử người làm điều thiện không khuyến khích, nhận thưởng; bề trên cho một người nào đó là tàn bạo muốn phạt, người đó tuy bị bề trên phạt nhưng lại được trăm họ khen, thành thử kẻ làm điều tàn bạo không bị ngăn cấm, chịu hình phạt. Như vậy bề trên khen không đủ để khuyến khích được dân làm điều thiện; bề trên chê, phạt không đủ ngăn cấm dân làm điều tàn bạo. Nguyên do tại đâu? Tại lẽ phải không thống nhất.

Muốn thống nhất lẽ phải trong thiên hạ thì phải làm sao? Thầy Mặc tử bảo: Sao không bảo gia trưởng làm thử đi. Gia trưởng ban bố pháp lệnh[423] trong nhà, bảo: "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nhà thì phải báo cáo, hễ thấy ai ghét và làm hại cho nhà cũng phải báo cáo". Thấy ai yêu và làm lợi cho nhà mà báo cáo, thì cũng như chính mình yêu và làm lợi cho nhà, người trên biết được sẽ thưởng cho và mọi người trong nhà nghe thấy sẽ khen; nếu thấy ai ghét và làm hại cho nhà mà không báo cáo thì cũng như chính mình ghét và làm hại cho nhà, người trên biết được sẽ phạt và mọi người trong nhà nghe thấy sẽ chê. Như vậy thì mọi người trong nhà đều muốn gia trưởng khen thương, tránh bị chê phạt. Thấy người thiện, kẻ bất thiện đều báo cáo thì gia trưởng biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nhà tất trị. Thử xét một nhà như vậy mà trị thì là tại sao? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với người trên vậy thôi.

Nhà đã trị rồi, thì cái đạo trị nước như vậy là xong rồi chăng? Chưa xong. Số nhà trong thiên hạ rất nhiều, nhà nào cũng cho mình là phải mà chê nhà khác, xung đột lớn thì sinh loạn, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên lại phải bắt hết các gia trưởng trong nước thống nhất lẽ phải của mình với nhà vua. Vua cũng phải ban bố phát lệnh trong dân chúng, bảo: "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nước thì phải báo cáo, thấy ai ghét và làm hại cho nước cũng phải báo báo". Thấy ai yêu và làm lợi cho nước mà báo cáo thì cũng như mình yêu và làm lợi cho nước, vua biết được sẽ thưởng mà dân chúng nghe thấy sẽ khen; nếu thấy ai ghét và làm hại cho nước mà không báo cáo thì cũng như chính mình ghét và làm hại cho

nước, vua biết được sẽ phạt, mà dân chúng nghe thấy sẽ chê. Dân thấy ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo thì vua biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì nước tất trị. Thử xét một nước như vậy mà trị là tại sao? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với người trên vậy thôi.

"Nước đã trị rồi, thì cái đạo trị thiên hạ như vậy là xong rồi chăng? Chưa xong. Số nước trong thiên hạ rất nhiều, nước nào cũng cho mình là phải mà chê nước khác, xung đột lớn thì gây chiến, nhỏ thì tranh nhau. Cho nên lại phải bắt hết thảy các nước thống nhất lẽ phải với thiên tử. Thiên tử cũng phải ban bố phát lệnh trong thiên hạ, bảo: "Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho thiên hạ thì phải báo cáo; thấy ai ghét và làm hại cho thiên hạ cũng phải báo báo". Thấy ai yêu và làm lợi cho thiên hạ mà báo cáo thì cũng như mình yêu và làm lợi cho thiên hạ, thiên tử biết được sẽ thưởng mà dân chúng nghe thấy sẽ khen; nếu thấy ai ghét và làm hại cho thiên hạ mà không báo cáo thì cũng như chính mình ghét và làm hại cho thiên hạ, thiên tử biết được sẽ phạt, mà dân chúng nghe thấy sẽ chê. Như vậy hết thảy mọi người trong thiên hạ đều muốn được thiên tử khen, tránh bị chê phạt. Dân chúng ai thiện, ai bất thiện đều báo cáo thì thiên tử biết được ai thiện mà thưởng, ai tàn bạo mà phạt. Người thiện được thưởng, kẻ tàn bạo bị phạt thì thiên hạ tất trị. Thử xét thiên hạ như vậy mà trị là tại sao? Chỉ tại theo chính sách kẻ dưới thống nhất lẽ phải với bề trên vậy thôi.

"Thiên hạ trị rồi, thiên tử lại đem tất cả lẽ phải trong thiên hạ thống nhất với Trời.

Cho nên theo chính sách thống nhất lẽ phải với bề trên, nếu thống nhất với thiên tử thì trị được thiên hạ; ở cấp giữa, chư hầu áp dụng nó thì trị được một nước; ở cấp nhỏ hơn, gia trưởng áp dụng nó thì trị được một nhà. Cho nên đại dụng [dùng đại qui mô] nó để trị thiên hạ thì vẫn còn thừa, tiểu dụng nó để trị một nước thì không bế tắc, cái đạo [thống nhất lẽ phải] đó như vậy. Cho nên bảo trị các nước trong thiên hạ như trị một nhà, sai khiến toàn dân trong thiên hạ như sai khiến một người.

Chỉ riêng thầy Mặc tử có đạo đó, tiên vương không có chăng? Không, tiên vương cũng có rồi. Các bậc thánh vương đều theo chính sách tán đồng với người trên, nên thiên hạ được trị. Sao biết được vậy? – Biết được vậy là vì trong sách của tiên vương, thiên *Thái thệ* đã chép: "Nhân dân thấy kẻ nào gian trá thì phải báo cáo, nếu không, việc phát giác thì cũng bị tội như kẻ gian trá". Câu đó có nghĩa là thấy kẻ bậy bạ cong queo mà không báo cáo thì bị tội cũng như kẻ bậy bạ cong queo. Cho nên thánh vương trị thiên hạ, lựa người mà dùng thì từ kẻ tả

hữu chân tay đều lương thiện, lại được người ngoài [trong dân gian] nhìn và nghe thấy cho mình. Vì vậy mà mưu tính việc với người thì mau hơn người, cùng làm việc với người thì thành công trước người, trông nghe được rộng, thấy mọi sự trước người. Chỉ tin sức mình mà làm việc, cho nên được lợi như vậy. Người xưa nói: “Một mắt nhìn không thấy được bằng hai mắt, một tai nghe không rõ bằng hai tai, một tay cầm không chắc bằng hai tay”. Biết tin sức mình mà làm việc, cho nên lợi như vây.

Cho nên thánh vương đời xưa trị thiên hạ, ngoài ngàn dặm có hiền nhân nào, hàng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết và thưởng rồi; trong ngàn dặm có kẻ tàn bạo nào, làng xóm người đó chưa nghe và thấy khắp mà thánh vương đã biết và phạt rồi. Thánh vương dù mắt sáng tai rõ tới đâu, làm sao có thể nhìn một cái mà thấy khắp ở ngoài ngàn dặm, nghe một lần mà thấy được khắp nơi ở ngoài ngàn dăm. Thánh vương không tới tận nơi để nhìn, để nghe mà khiến cho những kẻ trộm cướp phiến loạn trong thiên hạ không có chỗ nào để dung thân, là tại sao? Tại chính sách tán đồng với người trên rất hay vậy.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: “Muốn cho dân tán đồng với người trên thì [chỉ có cách] yêu [người tốt] và ghét [người xấu]. Dân khó sai khiến thì dùng yêu và ghét [tức thưởng và phạt] mà sai khiến, dùng sự thành tín mà nắm [dân], dùng sự giàu sang [tức thưởng] mà dắt dân ở phía trước, sự hình phạt sáng suốt mà đốc suất dân ở phía sau[424]. Trị dân như vậy thì dù dân không muốn tán đồng với ta cũng không được. Cho nên thầy Mặc tử bảo: “Bậc vương công, đại nhân, sĩ quân tử ngày nay nếu thành tâm muốn làm điều nghĩa, thi hành đạo tôn trọng hiền sĩ, trên muốn hợp với đạo thánh vương, dưới muốn hợp với cái lợi của quốc dân, thì phải theo chính sách tán đồng với người trên, mà không thể không xét rằng tán đồng với người trên là việc căn bản cốt yếu của chính trị.

THƯỢNG HIỀN (trung)

(Trọng người hiền)

Thầy Mặc tử bảo: Bậc vương công đại nhân ngày nay trị dân, làm chủ xã tắc, trị nước, muốn giữ dân, giữ nước được lâu dài, không mất, sao không xét rằng trọng người hiền là việc căn bản của chính trị? Sao biết được rằng trọng người hiền là việc căn bản của chính trị? Đáp: Người sang và sáng suốt cai trị kẻ ngu và hèn thì nước trị; người ngu và hèn trị kẻ sang và sáng suốt thì nước loạn, vì vậy mà biết rằng trọng người hiền là việc căn bản của chính trị.

Vì vậy, thánh vương đời xưa rất trọng người hiền mà dùng người giỏi, không vị tình thân thích, nể nang kẻ giàu sang, nuông chiều kẻ có sắc đẹp. Hễ người nào hiền thì đề cử lên chức cao, cho người đó giàu và sang, dùng làm trưởng quan; kẻ nào không tốt thì đè xuống, đuổi đi, khiến cho hoá nghèo hèn, bắt làm khổ dịch. Như vậy là "trọng người hiền". [Lựa người] rồi, sau bậc thánh nhân mới nghe lời người đó bàn, xem thành tích, hành vi người đó để xét khả năng mà thận trọng giao cho chức quan, như vậy gọi "là người giỏi". Thấy người đó trị nước được [như tể tướng] thì cho trị nước, làm trưởng quan [đứng đầu một nha] được thì cho làm trưởng quan, trị một ấp được thì cho làm trưởng ấp; như vậy những người trị nước, trị một nha, coi một kho hay một ấp, một làng đều là người hiền trong nước cả.

Người hiền trị nước, sáng sớm vô triều, chiều muộn mới về, xử án, coi việc hành chính; nhờ vậy mà nước trị, hình pháp thi hành đúng. Người hiền làm trưởng quan thì đêm ngủ sớm, sáng dậy sớm, thu góp thuế quan, thuế chợ, và những nguồn lợi núi rừng, chằm, cầu, để cho kho lẫm được đầy; nhờ vậy mà kho lẫm đầy mà tài nguyên không mất mát. Người hiền trị ấp thì sáng đi tối về, cày cấy, trồng cây, thu lúa, đậu; nhờ vậy mà lúa, đậu được nhiều, dân đủ ăn. Cho nên nước mà trị thì hình pháp thi hành đúng, kho lẫm đầy mà vạn dân giàu có. Bề trên [vua] có lúa gạo tinh khiết để cất rượu, nấu xôi mà tế Trời và quỉ thần; ngoài có da, lụa để giao tiếp với chư hầu bốn bên; trong nuôi được vạn dân, dân được ăn khi đói, nghỉ ngơi khi mệt mà hoài vọng người hiền trong thiên hạ. Cho nên bề trên được Trời và quỉ thần ban phúc cho, ở ngoài chư hầu giao hảo với mình, ở trong dân chúng thân với mình. Theo cách đó mà mưu tính thì được việc, cử sự thì thành công, ở giữa nước được vững mạnh, xuất quân chinh phạt thì mạnh. Ba đời thánh vương đời xưa: Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ sở dĩ làm vua thiên hạ, cầm đầu các chư hầu, cũng chỉ nhờ phép đó cả.

Đã có phương pháp tuyển dụng người hiền rồi mà chưa biết thuật thi hành ra sao thì việc cũng chưa thành. Vậy phải đưa ra ba qui tắc căn bản. Ba qui tắc căn

bản là gì? Đáp: Tước vị không cao thì dân không kính, bổng lộc không hậu thì dân không tin, chính lệnh không quyết đoán thì dân không sợ. Cho nên thánh vương đời xưa phong cho tước cao, ban cho lộc hậu, giao cho công việc, quyết đoán ra lệnh, đâu phải là vì bề tôi mà vì muốn cho được việc. *Kinh Thi* có câu: "[Ta] dặn người phải lo cái lo của thiên hạ, [ta] dạy người ban tước vị cho hiền sĩ. Ai cầm vật nóng mà không tưới nước lạnh vào tay"? Ý muốn nói các vua chúa, chư hầu thời xưa không thể không thân với người hiền để họ nối nghiệp, phụ tá, cũng như cầm vật nóng thì tưới nước lạnh vào tay để cho tay khỏi bỏng.

Thánh vương đời xưa được người hiền để sai khiến thì ban tước cho người đó hoá sang, cắt đất phong cho, suốt đời không bỏ. Người hiền được minh quân mà thờ thì đem hết sức mình ra làm việc cho vua, suốt đời không mỏi; có điều gì tốt đẹp thì bảo là công của vua, vì vậy mà vua được tiếng tốt mà bề tôi bị oán trách[425], vua được yên vui mà bề tôi phải lo buồn. Thánh vương đời xưa trị dân như vậy.

Ngày nay các vương công đại nhân cũng không muốn bắt chước chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi của cổ nhân, cho người hiền tước cao nhưng bổng lộc lại không xứng với tượng; tước cao mà lộc ít thì dân không tin, bảo: "Như vậy là không thực tâm yêu ta, mượn hư danh để dùng tạm ta đấy thôi". Người dân bị vua mượn hư danh để dùng tạm thì làm sao thân với vua được? Cho nên tiên vương bảo: "Kẻ nào ôm đồm việc nước thì không biết chia việc cho người, kẻ nào ham của thì không biết chia lộc cho người. Việc không giao cho, lộc không chia cho, như vậy thử hỏi người hiền trong thiên hạ chịu tới bên cạnh bọn vương công đại nhân [để giúp đỡ họ]?

Người hiền không chịu tới bên cạnh bọn vương công đại nhân thì kẻ xấu bu tới chung quanh. Kẻ xấu ở chung quanh họ thì người đáng khen không phải là người hiền, mà kẻ đáng phạt không phải là kẻ tàn bạo. Các vương công đại nhân trị nước cách đó thì thưởng phạt cũng sẽ không xứng đáng. Thưởng phạt không xứng đáng thì người hiền không được khuyến khích mà kẻ bạo ngược không bị ngăn cấm. Như vậy dân trong nhà không hiếu kính với cha mẹ, ra ngoài không tôn trọng làng xóm, cư xử, ra vào không tiết độ, trai gái không riêng biệt. Cho coi kho lẫm của nhà nước thì ăn cắp ăn trộm; cho giữ thành thì phản nghịch; vua gặp nạn thì không chết theo vua, vua lưu vong thì không đi theo vua; bảo xử án thì xử bậy; bảo chia của thì chia không đều, bảo mưu tính việc gì thì không xong, làm việc thì không thành; giữ nước thì không vững; đi chinh phạt nước ngoài thì yếu, thua. Ba đời bạo vương thời xưa: Kiệt, Trụ, U, Lệ sở dĩ mất nước, xã tắc nghiêng đổ, đều do như vậy cả, đều là sáng suốt trong việc nhỏ mà không

sáng suốt về việc lớn.

Nay bậc vương công đại nhân, có một bộ áo không may cắt lấy được, phải nhờ một thợ may giỏi; có con bò con cừu[426] không mổ lấy được, phải nhờ người đồ tể giỏi; để làm hai việc đó, họ đều theo chính sách trọng người hiền. Đến cái việc nước nhà loạn lạc, xã tắc lâm nguy thì lại không biết theo chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi để sửa trị, mà dùng kẻ thân thích, cố cựu, cùng kẻ giàu sang [tức hạng quí tộc], mặt mũi tốt đẹp. Bọn thân thích, cố cựu, giàu sang, mặt mũi tốt đẹp được dùng đó, nhất định là có trí tuệ cả không? Cho họ trị nước, tức là sai bọn ngu dốt trị nước, như vậy nước sẽ loạn là điều có thể biết chắc được rồi.

Bọn vương công đại nhân vì yêu dung nhan một người nào đó mà dùng, yêu mà không xét khả năng của họ ra sao. Họ không cai trị nổi một trăm người mà cho làm một chức quan cai trị một ngàn người, không cai trị nổi một ngàn người mà cho làm một chức quan cai trị một vạn người, như vậy là chức quan lớn gấp mười khả năng. Phép trị dân, ngày nào cũng phải thi hành, không thể ngưng được, mà khả năng cai trị của kẻ đó không thể trong một ngày tăng lên gấp mười được. Phải có khả năng mới cai trị được, khả năng không thể tăng lên gấp mười ngay được, mà lại cho họ lãnh một chức lớn gấp mười khả năng của họ, thì họ chỉ trị được một phần mà bỏ qua chín phần kia; tuy suốt ngày đêm họ thi hành chức vụ, kết quả cũng như không thi hành. Nguyên do tại đâu? Tại các vương công đại nhân không hiểu rõ chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi.

Ở trên kia [thầy Mặc tử] đã nói dùng chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi thì nước thịnh; [ngược lại] tôi [có thể] nói không trọng người hiền, không dùng người giỏi thì nước loạn. Nay các vương công đại nhân nếu thực tâm muốn trị nước nhà cho được trường tồn mà không mất, sao không xét rằng trọng người hiền là việc căn bản của chính trị?

Vả lại, nào phải chỉ có một mình thầy Mặc tử bảo trọng người hiền là việc căn bản của chính trị? Đó là đạo của thánh vương, mà người trước đã chép trong sách và người già đã nói. Truyện chép rằng: “Nên tìm bậc thánh vương, triết nhân để giúp đỡ ngươi”. *Thang thệ* chép: “Bèn tìm bậc đại thánh mà đồng tâm cộng lực trị thiên hạ”. Như vậy thánh vương giữ đúng chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi. Đời xưa, thánh vương chỉ theo chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi, không dùng tạp nhạp, cho nên trong thiên hạ có tôn ti [người hiền được trọng, ở trên; kẻ xấu bị khinh, ở dưới].

Xưa ông Thuấn cày ruộng ở Lịch Sơn, làm đồ gốm ở bờ sông [Hoàng hà], đánh cá ở Lôi Trạch[427]; vua Nghiêu gặp được ông ở phía bắc chằm Phúc

Trạch[428], đề cử làm thiên tử nối tiếp mình coi việc chính trị trong thiên hạ, cai trị dân trong thiên hạ; ông Y Chí giúp việc một người đàn bà nước Hữu Tân[429], làm đầu bếp, vua Thang tìm được, đề cử làm tướng quốc, tiếp sức mình coi việc chính trị trong thiên hạ, cai trị dân trong thiên hạ; ông Phó Duyệt bận áo bằng vải thô, cột lưng bằng sợi dây, làm mướn, xây cất nhà cửa ở Phó Nham[430], vua Võ Đinh[431] tìm được, đề cử làm một trong ba chức công[432], tiếp sức mình coi việc chính trị trong thiên hạ, cai trị dân trong thiên hạ, mấy ông đó nhờ đâu mà mới đầu nghèo hèn, sau được giàu sang? Nhờ vương công đại phu [các thời đó] hiểu rõ chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi. Nhờ vậy, không một người dân nào đói mà không được ăn, lạnh mà không được áo, mệt mà không được nghỉ, loạn mà không được trị. Các thánh vương đời xưa xét kĩ rồi dùng chính sách trọng người hiền, dùng người giỏi, theo phép của Trời. Chỉ có Trời là không kể tới giàu nghèo, sang hèn, gần xa, thân sơ, cứ người nào hiền thì đề cử mà tôn trọng, kẻ nào xấu thì ức chế, bỏ đi.

Có người giàu sang[433] mà hiền, nên được [Trời] thưởng, ai vậy? Đáp: Đó là ba đời thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ. Tại sao các ông ấy được thưởng? Đáp: Vì các ông ấy cai trị thiên hạ thì gồm yêu mọi người, làm lợi cho họ, lại đốc suất vạn dân trong thiên hạ thờ Trời và quỉ thần, [đó cũng là một cách] yêu và làm lợi cho vạn dân. Vì vậy Trời và quỉ thần thưởng họ, cho làm thiên tử, làm cha mẹ dân, vạn dân khen và theo họ, gọi họ là thánh vương. Đó là giàu sang mà hiền nên được Trời thưởng.

Những người giàu sang mà tàn bạo nên bị [Trời] phạt, ai vậy? Đáp: Đó là ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ. Sao biết vậy? Đáp: Mấy ông ấy cai trị thiên hạ thì gồm ghét mọi người mà làm hại cho họ, lại đốc suất vạn dân trong thiên hạ chửi Trời, khinh quỉ thần, tàn sát vạn dân. Cho nên Trời và quỉ thần phạt họ, bắt họ phải bị chém giết, con cháu họ bị li tán, gia đình họ bị diệt, không có kẻ nối dõi; vạn dân theo mà chê họ là bạo vương, tiếng xấu còn tới nay. Đó là giàu sang mà tàn bạo nên bị Trời phạt.

Người thân thích mà không thiện nên bị phạt, ai vậy? Đáp: Tức ông Bá Cổn thời xưa, con cả của vua, đức của phế đế tầm thường, nên bị xử tội ở ngoài thành Vũ, bị giam trong chỗ tối tăm, mặt trời mặt trăng không chiếu tới [tức trong tù], vua cũng không yêu[434]. Đó là thân thích của vua mà không thiện nên bị phạt.

Trời trọng người hiền, dùng người giỏi, ai đấy? Đáp: Tức như ông Vũ, ông Tắc, ông Cao Dao thời xưa. Sao biết như vậy? Thiên *Lữ Hình*[435] của tiên vương chép: “Hoàng đế [tức vua Nghiêu] hỏi dân chúng có gì đáng lo, dân chúng đáp: Lo cái hoạ rợ Hữu Miêu – Hoàng đế bảo: Từ các vua chư hầu tới

thần dân, những người có đức rực rỡ phải được đề cử, không được che lấp những người quan quả [không biết tự vào đâu], ai có đức uy thì phải sợ, ai có đức sáng thì phải tôn trọng. Như vậy là vua Nghiêu bảo ông Vũ, Tắc, Cao Dao[436] phải lo tính việc dân. Ông Bá Di sửa điển lễ, ai không theo thì bị hình pháp; ông Vũ trị thuỷ, thổ, đặt tên cho sông núi; ông Tắc gieo các giống lúa, gắng sức trồng lúa, ba ông ấy thành công, thành tích lớn, xa, lợi cho khắp dân". Đó là nói ba ông thánh ấy thận trọng lời nói và hành vi, suy tư kĩ lưỡng, tìm cái lợi trong các việc nhỏ nhặt trong thiên hạ; trên thì thờ Trời mà Trời nhận cái đức của họ; dưới thì thi hành với dân mà dân được lợi cho tới suốt đời. Cho nên tiên vương bảo: Đạo ấy đem dùng khắp thiên hạ thì dẫn còn dư, mà dùng ít thì khỏi bị cùng khốn; dùng lâu thì vạn dân được lợi suốt đời. Thiên *Chu tụng* viết: "Đức của thánh nhân chiếu khắp thiên hạ như trời cao, đất rộng, kiên cố như đất, như núi[437], không nứt, không sụp; nó sáng như mặt trời, mặt trăng cùng với trời đất còn hoài". Đó là cái đức của thánh nhân sáng sủa, rộng rãi, kiên cố, lâu dài. Cho nên đức của thánh nhân trùm khắp cả trời đất.

Nay các bậc vương công đại nhân muốn làm vua thiên hạ, cai trị chư hầu, mà không có nhân nghĩa thì biết làm cách nào đây? Tất là phải tăng uy lực của mình lên. Làm cách nào mà tăng uy lực được? Phải xua hết dân vào chỗ chết [đưa ra chiến trường] chăng? Dân không ham gì bằng sống, mà cái họ ghét lại cứ tới hoài; từ xưa tới nay chưa có ai dùng cách đó mà làm vua thiên hạ, cai trị chư hầu được. Nay các vương công đại nhân muốn làm vua thiên hạ, cai trị chư hầu, muốn ý của mình đạt được khắp thiên hạ, lưu danh lại hậu thế, sao không xét rằng trọng người hiền là căn bản của chính trị? [Trọng người hiền] đó là cái đức [hoặc hành vi] lớn của thánh nhân.

TIẾT DỤNG (thượng)

(Bớt tiêu xài)

Thánh nhân cai trị một nước thì cái lợi của nước có thể tăng lên gấp hai, rộng ra, nếu cai trị cả thiên hạ thì cái lợi của thiên hạ có thể tăng lên gấp hai. Tăng lên gấp hai không phải là vì đi chiếm đất ở ngoài, mà vì bỏ những cái vô dụng, phí tổn vô ích trong nước đi, như vậy đủ tăng lên gấp hai rồi. Thánh nhân trị nước, khi ra lệnh làm một việc gì, khiến dân chúng dùng của cải, thì xét xem việc đó có ích không rồi mới làm, vì vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân, lại lợi được nhiều.

Làm ra áo mỏng áo lông để làm gì? Để chống lạnh mùa đông, che nóng mùa hè. Phép làm áo quần, hễ mùa đông thêm ấm, mùa hè thêm mát thì thôi; cái gì không ích lợi thì bỏ đi. Làm ra nhà cửa để làm gì? Để chống gió và lạnh mùa đông, che mưa che nắng mùa hè, hễ vững chắc mà thôi, cái gì không thêm ích lợi thì bỏ đi. Làm áo giáp, cái mộc, và năm thứ binh khí[438] để làm gì? Để chống trộm cướp đạo tặc, có những thứ đó thì thắng, cho nên thánh nhân chế tạo những thứ đó. Làm áo giáp, cái mộc, và năm thứ binh khí, hễ vừa nhẹ vừa bén, vừa chắc vừa khó bẻ gãy được thì thôi, cái gì không thêm ích lợi thì bỏ đi. Làm ra thuyền và xe để làm gì? Xe để đi trên đất gò; thuyền để đi trên sông, trong khe, mà làm cái lợi [sản phẩm] của bốn phương lưu thông. Phép đóng thuyền, xe hễ vừa nhẹ vừa tiện thì thôi, cái gì không thêm ích lợi thì bỏ đi. Làm mấy vật đó, hễ cái gì không thêm ích lợi thì không khi nào làm, nhờ vậy mà không phí của cải, không mệt sức dân, lại lợi nhiều.

Loại trừ cái thói ham chứa ngọc, nuôi chim muông, chó ngựa của các đại nhân đi thì có thể tăng lên gấp mấy lần số quần áo, nhà cửa, áo giáp, cái mộc, và năm thứ binh khí được chăng? [Được], điều đó không khó. Thế thì cái gì mới khó tăng lên gấp đôi? Chỉ có số người là khó tăng lên gấp đôi.

[Tuy khó] nhưng tăng gấp đôi được. Xưa, thánh vương ra lệnh: “Con trai hai mươi tuổi, không ai dám không lấy vợ [vì bắt phải lấy vợ], con gái mười lăm tuổi không ai dám không lấy chồng”. Đó là phép của thánh vương. Thánh vương mất rồi, dân sinh ra phóng túng. Có kẻ muốn lấy vợ sớm, hai mươi đã lấy vợ; có kẻ muốn lấy vợ muộn, bốn mươi mới lấy vợ. Sớm bù muộn, thì số trung bình vẫn là trễ hơn tuổi thánh vương ấn định là mười năm[439]. Nếu cứ ba năm đẻ một lần thì trong mười năm trễ đó, hụt mất hai ba đứa con rồi. Như vậy chẳng phải là bắt dân sớm lấy vợ thì số dân có thể tăng lên gấp hai đấy ư?

Các chính trị gia trong thiên hạ ngày nay có nhiều cách làm cho số người ít đi:

bắt dân làm mệt sức, thu thuế lại nặng, dân nghèo chết đói, rét không biết bao nhiêu mà kể. Vả lại các bậc đại nhân dấy binh đánh chiếm nước láng giềng, lâu thì trọn năm, chóng thì vài tháng, vợ chồng lâu không gặp nhau, do đó mà số người ít lại. Lại ăn ở không yên, ăn uống thất thường, sinh ra đau ốm mà chết; lại như dùng (…) để hoả công, phá thành, chiến đấu ở ngoài đồng, chết không biết bao nhiêu mà kể. Đó chẳng phải là những thuyết chính trị gia ngày nay dùng để làm cho dân số ít đi hay sao? Thánh nhân làm chính trị không như vậy. Những thuật thánh nhân dùng để làm cho số người tăng lên chẳng phải là trái với những thuật đó sao?[440] Cho nên thầy Mặc tử bảo: “Bỏ cái vô dụng đi”. Đó là đạo của thánh vương, cái lợi lớn của thiên hạ.

TIẾT DỤNG (trung)

Thầy Mặc tử bảo: “Các minh vương, thánh nhân đời xưa sở dĩ làm vua thiên hạ, sửa trị các chư hầu được là nhờ hết lòng nghiêm chỉnh yêu dân, làm lợi nhiều cho dân, vừa trung vừa tín, lại bảo cho dân biết điều lợi, như vậy suốt đời không chán, không mệt; các minh vương, thánh nhân đời xưa sở dĩ làm vua thiên hạ, sửa trị các chư hầu được là nhờ vậy”.

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép tiết dụng, bảo: “Những thợ làm mọi nghề trong thiên hạ: nghề đóng xe, làm đồ da, đồ gốm, đồ rèn, đồ mộc, tuỳ tài năng của mình”; bảo: “Hễ ai cung cấp đủ đồ dùng trong thiên hạ rồi thì thôi, cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm”.

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép ăn uống, bảo: “Đủ để no bụng, nối hơi, mạnh tay chân, sáng tai mắt thì thôi; không rán điều hoà đến cùng cực ngũ vị và mùi thơm, không tìm kiếm những của ngon vật lạ ở xa”. Làm sao biết được như vậy? Xưa, vua Nghiêu trị thiên hạ, phía Nam vỗ về miền Giao Chỉ[441], phía Bắc tới U Đô[442], phía Đông, tới chỗ mặt trời mọc và lặn, đâu của thần phục cả; vậy mà ông yêu tiếc của cải, sản vật [đến nỗi một bữa cơm] không dùng cả hai thứ lúa kê và mì, không dùng cả hai món canh và xào[443], ăn cơm trong bát đàn, húp canh trong tô đàn, dùng cái đấu để uống rượu; [trong] những cuộc uy nghi phải cúi ngửa, múa tay[444], hễ cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép ăn mặc, bảo: “Mùa đông bận áo lụa xanh, lụa điều, nhẹ và ấm; mùa hè bận áo vải nhỏ, vải to nhẹ và mát, thế thôi”. Cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

Các thánh vương đời xưa cho rằng các loài chim dữ, thú dữ hiếp người, hại dân, cho nên dạy binh pháp cho dân, bảo: “Cây kiếm, đâm thì thủng, chém thì đứt, đánh một bên thì không gãy[445]. Đó là cái lợi của cây kiếm; dùng da tê làm áo giáp thì nhẹ và tiện lợi, cử động, co duỗi dễ dàng như ý muốn, đó là cái lợi của áo giáp”.

Dùng xe để chở nặng, đi xa, ngồi được yên, kéo đi cũng tiện; yên thì không hại cho thân thể, tiện thì mau tới, đó là cái lợi của xe.

Các thánh vương đời xưa thấy không qua được sông lớn và khe rộng, cho nên chế tạo thuyền và mái chèo cho tiện, đủ để chở người thì thôi, dù chở các vị tước cao chức trọng như tam công, chư hầu thì cũng không thay đổi thuyền vào chèo, người đưa đò cũng không trang sức[446], đó là cái lợi của thuyền.

Các thánh vương đời xưa đặt ra phép tiết táng [tiết giảm việc ma chay], bảo: "Áo [để liệm] ba bộ đủ để [bọc tới khi] thịt nát, quan tài dày ba tấc[447] đủ để [chứa tới khi] xương nát, huyệt đào sâu không tới mạch nước để hơi thối không xông lên, thế thôi. Người chết đã chôn rồi thì người sống không rầu rĩ để tang lâu".

Người thời nguyên thuỷ, chưa có nhà cửa, kiếm gò đống, hang ổ mà ở. Thánh vương lấy làm lo, cho rằng hang ổ mùa đông tránh lạnh và gió được, [nhưng] qua mùa hè thì ở dưới ẩm thấp mà ở trên hơi nóng bốc lên, e hại cho sức khoẻ của dân, cho nên chế tạo nhà cửa, có lợi hơn. Nhưng phép xây cất nhà cửa ra sao? Thầy Mặc tử bảo: [Tường] bốn bên có thể ngừa gió và lạnh, [nóc] ở trên có thể ngừa tuyết sương, mưa móc, ở trong sáng và sạch có thể làm chỗ thờ cúng được, vách đủ để ngăn các phòng đàn ông và đàn bà, thế thôi. Cái gì thêm phí tổn mà không thêm lợi cho dân thì thánh vương không làm.

TIẾT TÁNG (hạ)

(Tiết giảm việc ma chay)

Người [có đức] nhân mưu tính cho thiên hạ không khác gì người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ. Người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ ra sao? Đáp: Cha mẹ nghèo thì làm sao cho cha mẹ giàu; nhân dân ít thì làm sao cho nhân dân nhiều lên, dân chúng loạn thì làm sao cho dân chúng trị[448]. Làm những việc đó, nếu sức lực hoặc tiền của, trí mưu không đủ thì đành vậy; chứ không dám tiếc sức, giấu trí mưu, bỏ xót cái lợi mà không hết lòng lo cho cha mẹ. Ba việc đó[449], người con có hiếu mưu tính cho cha mẹ phải như vậy.

Người nhân mưu tính cho thiên hạ cũng vậy. Nghĩa là thiên hạ nghèo thì làm cho thiên hạ giàu lên, nhân dân ít thì làm cho nhiều lên, dân chúng loạn thì làm cho trị. Làm những việc đó nếu sức lực hoặc tiền của, trí mưu không đủ thì đành vậy; chứ không dám tiếc sức, giấu trí mưu, bỏ xót cái lợi mà không hết lòng lo cho thiên hạ. Ba việc đó, người nhân lo cho thiên hạ phải như vậy.

Từ khi thánh vương ba đời[450] xưa mất rồi, thiên hạ không biết thế nào là nghĩa [việc nên làm] nữa. Các quân tử đời sau có người cho ma chay hậu hĩ, để tang lâu là nhân, nghĩa, là bổn phận của người con có hiếu; có kẻ cho ma chay hậu hĩ, để tang lâu là phi nhân, phi nghĩa, không là bổn phận của người con có hiếu. Hai hạng người đó chê bai lẫn nhau, hành động ngược nhau. Họ đều bảo: "Tôi theo đúng đạo của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ" mà chê bai lẫn nhau, hành động ngược nhau. Như vậy khiến cho người quân tử đời sau nữa đâm nghi ngờ lời nói của họ.

Nếu nghi ngờ lời của hai hạng người đó thì thử quay về thực tế là việc cai trị quốc gia, vạn dân mà xét xem: chính sách ma chay hậu hĩ và để tang lâu, thì có thực làm cho nghèo hoá giàu, số người ít hoá nhiều, nguy hoá yên, loạn hoá trị được không? Nếu được thì đó là nhân, nghĩa, là bổn phận của người con có hiếu, mà người nào mưu tính cho thiên hạ không thể không khuyến khích được […] [451] và bậc nhân giả tất phải mong cho tục đó [ma chay hậu hĩ và để tang lâu] được thịnh hành trong khắp thiên hạ, đặt thành một chế độ khiến dân khen nó, đừng bao giờ bỏ. [Trái lại] nếu theo đúng lời đó, chính sách đó mà ma chay hậu hĩ và để tang lâu, quả thực không làm cho nghèo hoá giàu, số người ít hoá nhiều, nguy hoá yên, loạn hoá trị được, thì đó là phi nhân, phi nghĩa, không phải là bổn phận của người con có hiếu, người nào mưu tính cho thiên hạ không thể không ngăn cấm, và bậc nhân giả phải mong trừ cái tục đó cho thiên hạ, phế bỏ nó, khiến cho dân chê nó, suốt đời không theo nó. Vả gây cái lợi, trừ cái hai cho

thiên hạ, mà làm cho quốc gia, trăm họ không yên trị thì từ xưa tới nay chưa từng có vậy.

Sao biết được việc đó? Các bậc quân tử đời nay có nhiều người còn nghi ngờ không biết ma chay hậu hĩ, để tang lâu là phải hay trái, lợi hay hại. Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Thế thì phải khảo sát xem. Theo chủ trương ma chay hậu hĩ, để tang lâu mà thi hành trong nước thì hạng vương công đại nhân có tang tất bảo: phải hai lớp trong quan ngoài quách, chôn cất hậu hĩ, đồ liệm phải nhiều, thiêu thùa, màu sắc phải rực rỡ, phần mộ phải lớn; hạng dân thường, nghèo hèn có người chết thì gia tài gần khánh kiệt; hạng chư hầu mà chết thì kho lẫm trống rỗng, vì phải dùng vàng bạc châu báu trang sức đầy xác chết, dây thao buộc áo quan, xe và ngựa chôn trong mộ, lại phải chôn nhiều màn trướng, vạc, trống, kỉ, thiên, hồ lạm[452], mác, kiếm, cờ, lông, răng thú, da thú, có chôn những thứ đó vào mộ rồi mới vừa ý; thành thử tống táng mà như cuộc dời chỗ ở. [Lại thêm]: thiên tử và chư hầu mà chết, người tuẫn táng [người sống chôn theo người chết] nhiều tới vài trăm, ít cũng vài chục; tướng quân, đại phu mà chết, kẻ tuẫn táng nhiều thì vài chục, ít cũng vài người.

[Còn] phép cư tang phải ra sao? Đáp: Lúc nào cũng phải gào khóc tới khản tiếng, bận đồ sô gai, nước mắt nước mũi ròng ròng, ở trong cái chòi cất tạm, nằm cỏ, gối đất, lại nhịn đói, chịu lạnh, tới nỗi mặt mày phờ phạc, nước da đen sạm, tai mắt mờ, tay chân bủn rủn, không dùng được nữa. Lại bảo: Hạng thượng sĩ cư tang tất phải có người đỡ mới đứng dậy được, phải chống gậy mới đi được, như vậy suốt ba năm. Nếu theo đúng lối đó, thi hành đạo đó, thì bọn vương công đại nhân không thể sáng vô triều, chiều mới về, xử án và trị nước được; bọn sĩ đại phu tất không giữ năm chức vụ, coi sáu ti[453], mở mang đất đai[454], làm cho kho lẫm đầy được; bọn nông phu không thể sáng ra đồng, chiều về nhà, cày cấy, trồng trọt được, thợ trăm nghề không thể sửa xe thuyền, làm đồ dùng, bát đĩa được; đàn bà không thể dậy sớm thức khuya đánh sợi dệt vải được.

Chủ trương chôn cất hậu hĩ tức là chôn cất nhiều của cải, tiền bạc; chủ trương để tang lâu, tức là cấm người ta làm ăn trong một thời gian lâu, Của cải đã tạo nên bây giờ đem chôn đi, con cháu có thể tạo ra của cải được thì lại cấm chúng làm ăn trong một thời gian lâu; như vậy mà mong được giàu có thì không khác gì cấm cấy cày mà mong được thu hoạch; làm sao có thể làm giàu theo chủ trương đó được.

Vậy là muốn cho giàu có lên đã không được; muốn cho nhân dân đông lên có được chăng? Cũng không được nữa.

Theo chính sách để tang lâu thì vua chết, để tang ba năm; cha mẹ chết để tang

ba năm; vợ chết và con trai trưởng chết cũng để tang ba năm; rồi tới chú bác, anh em, các con thứ để tang một năm; họ hàng gần để tang năm tháng; cô, cậu, chị, cháu gọi bằng cậu, đều để tang vài tháng; như vậy là đặt ra cái phép huỷ hoại thân thể. Khiến cho mặt mày bơ phờ, nước da đen sạm, tay mắt mờ, tay chạn bủn rủn, không dùng được nữa. Lại bảo: Hạng thượng sĩ cư tang tất phải có người đỡ mới đứng dậy được, phải chống gậy mới đi được, như vậy trong ba năm. Nếu theo đúng lời đó, thi hành đạo đó một cách nghiêm cẩn thì sẽ đói, mệt mỏi như vậy, mà rồi trăm họ mùa đông không chịu nổi lạnh, mùa hè không chịu nổi nóng, sinh bệnh và chết không biết bao nhiêu mà kể. [Trong thời cư tang] lại cấm vợ chồng ăn nằm với nhau, như vậy mà muốn cho dân số đông lên thì không khác gì dùng gươm tự tử mà mong được thọ; dân làm sao có thể đông lên được.

Vậy là muốn cho dân đông lên đã không được; muốn cho việc hình chính yên trị được chăng? Cũng không được nữa.

Theo chính sách ma chay hậu hĩ và để tang lâu, thì quốc gia tất nghèo, nhân dân tất ít, việc hình chánh tất loạn. Nếu theo đúng lời đó, thi hành đạo đó thì sẽ khiến cho người trên không trị nước được, người dưới không làm việc được. Người trên không trị nước được thì hình chính tất loạn; người dưới không làm việc được thì không có đủ tiền để ăn mặc. Ăn mặc không đủ, xin anh giúp đỡ mà không được, thì đứa em ngỗ nghịch sẽ oán anh; xin cha mẹ giúp đỡ mà không được, thì đứa con bất hiếu sẽ oán cha mẹ; xin vua giúp đỡ mà không được, thì bề tôi bất trung tất sẽ làm loạn. Thế là hạng dân phóng đãng bậy bạ, ra không có áo mặc, vô không có cơm ăn, trong lòng chứa chất xấu hổ, căm hờn, sẽ làm những điều càn giở, bạo loạn không sao cấm được. Do đó, đạo tặc nhiều, dân ít mà mong cho nước trị thì không khác gì bảo người ta quay ba vòng mà không quay lưng lại (?)[455].

Vậy là muốn cho việc hình chính yên trị đã không được; muốn ngăn cấm nước lớn đánh nước nhỏ được chăng? Cũng không được nữa.

Khi thánh vương đời xưa mất rồi, thiên hạ không biết thế nào là nghĩa, chư hầu dùng sức mạnh để tranh đạt nhau. Phía Nam có vua các nước Sở, Việt, phía Bắc có vua các nước Tề, Tấn, họ đều rèn luyện sĩ tốt để công phạt, thôn tính rồi cai trị thiên hạ. Sở dĩ nước lớn không đánh chiếm nước nhỏ tích luỹ [lương thực, binh khí] nhiều hay ít, sửa sang thành quách, trên dưới hoà hợp với nhau, nước lớn [thấy vậy] mới không đánh. Nếu không tích luỹ, sửa sang thành quách, trên dưới không hoà hợp nhau thì nước lớn mới lâm le muốn đánh. Nay theo chính sách ma chay hậu hĩ, để tang lâu thì nước tất nghèo, dân tất ít, hình chính tất loạn; nghèo thì không tích luỹ được, dân ít thì ít người sửa sang thành quách,

hào, kênh, mà nước loạn thì tiến ra tấn công không thắng được, trở về thế thủ cũng không vững.

Vậy là muốn ngăn cấm nước lớn đánh nước nhỏ không được; muốn cầu xin Thượng Đế, quỉ thần ban phúc cho, có được chăng? Cũng không được nữa.

Theo chính sách ma chay hậu hĩ và để tang lâu, thì quốc gia tất nghèo, nhân dân tất ít, hình chính tất loạn. Đã nghèo thì xôi, rượu [để cúng] tất không thanh khiết; dân đã ít thì số người thờ Thượng Đế, quỉ thần cũng ít; nước loạn thì việc tế tự không đều đều đúng ngày. Nay lại cấm thờ Thượng Đế, quỉ thần; trị nước mà như vậy thì Thượng Đế, quỉ thần ở trên tất tự nhủ: "Ta có con người đó với không có con người đó [đằng nào hơn], là điều không phải lựa chọn nữa rồi". Nếu vậy, nếu Thượng Đế, quỉ thần có giáng tai hoạ để trừng phạt mà bỏ bê thì chẳng đáng ư?

Cho nên thánh vương đời xưa đặt ra phép mai táng, bảo: "Quan dày ba tấc đủ để thân thể nát ra; áo liệm ba bộ đủ để che xác. Chôn thì dưới không tới mạch nước, trên không hôi thối xông lên, đắp nấm mộ rộng khoảng ba thước[456], thế thôi. Người chết chôn rồi, người sống không để tang lâu mà gấp lo làm ăn, đem khả năng của mình để làm lợi lẫn nhau. Đó là phép của thánh vương.

Hạng người chủ trương ma chay hậu hĩ, để tang lâu, bảo: "Ma chay hậu hĩ, để tang lâu, tuy có thể làm cho nước hoá nghèo, dân đông hoá ít, yên hoá nguy, trị hoá loạn, nhưng đó là đạo của thánh vương". Thầy Mặc tử bảo: "Không phải! Xưa vua Nghiêu dạy dỗ tám rợ Địch ở phía Bắc, khi mất, chôn ở phía Bắc núi Cung Sơn, liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ dó [thứ cây vỏ dùng làm giấy, gỗ xấu]; cột bằng dây cát [dây sắn][457]; quan tài hạ huyệt rồi mới khóc, lấp đất đầy huyệt thì thôi chứ không đắp nấm; chôn rồi thì bò và ngựa dẫm lên [cho dễ đất]; vua Thuấn dạy dỗ bảy rợ Nhung ở phương Tây, khi mất, chôn ở núi Nam Kỉ, liệm bằng ba bộ áo, quan tài bằng gỗ dó, cột bằng dây cát, chôn rồi thì người ở chợ dẫm lên; vua Vũ dạy dỗ chín rợ Di ở phía Đông, khi mất, chôn ở Cối Kê, quan tài bằng gỗ vong dày ba tấc, cột bằng dây sắn, tuy thắt nhưng không khít, tuy đào hầm nhưng không sâu, phỏng đoán sao cho dưới đừng tới mạch nước, trên đừng để hơi thối xong lên thì thôi. Chôn rồi, gom đất dư để đắp lên, nấm mộ rộng khoảng ba thước thì thôi. Xét ba vị thánh vương đó thì ma chay hậu hĩ, để tang lâu thì quả thực không phải là đạo của thánh vương. Nhờ vậy mà ba ông vua đó đều sang tới làm thiên tử, giàu tới mức làm chủ cả thiên hạ, đâu có phải là lo không đủ của cải, đồ vật [để chôn cất hậu hĩ], mà cho rằng phép chôn cất nên như vậy".

Các vương công đại nhân chôn cất không như vậy. Tất phải có quan tài lớn ở

ngoài, quan tài trung bình ở trong, da vẽ màu quấn ba vòng (?)[458], đủ ngọc bích, mác, kiếm, vạc, trống, hồ lạm, gấm thêu, lụa trắng, dây trắng buộc ở cổ ngựa, vạn bộ áo (?), xe ngựa, nữ nhạc đủ hết. Lại phải đắp đường tới huyệt, đắp nấm cao ngang gò núi, như vậy làm ngưng trệ công việc, tốn hao tiền của dân không biết bao nhiêu mà kể, vô ích như vậy đấy.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Cứ theo lời đó, dùng chính sách đó, ma chay hậu hĩ, để tang lâu mà quả thực làm cho nước nghèo hoá giàu, dân ít hoá đông, nguy hoá yên, loạn hoá trị, thì là việc nhân, việc nghĩa, là bổn phận của người con có hiếu, mà những người mưu tính [lợi] cho thiên hạ không thể không khuyến khích được; còn như theo lời đó, dùng chính sách đó, ma chay hậu hĩ, để tang lâu mà quả thực không làm cho nước nghèo hoá giàu, dân ít hoá đông, nguy hoá yên, loạn hoá trị, thì là việc phi nhân, phi nghĩa, trái với bổn phận của người con có hiếu, mà những người mưu tính [lợi] cho thiên hạ, không thể không ngăn cấm được.

Vậy mong cho nước giàu có hoá ra nghèo tệ, muốn cho dân đông mà hoá ra dân ít, muốn cho hình chính được yên mà hoá ra rất loạn, mong ngăn cấm nước lớn đánh nước nhỏ không được, muốn cầu xin Thượng Đế, quỉ thần ban phúc cho mà hoá ra bị hoạ. Trên thì khảo sát đạo Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ thấy ngược hẳn với đạo các vị đó; dưới thì khảo sát việc làm của Kiệt, Trụ, U, Lệ, thấy hợp với việc làm của họ. Xét vậy thì ma chay hậu hĩ, để tang lâu không phải là đạo cũng thánh vương thì tại sao các quân tử ở Trung Quốc [trỏ các nước đã văn minh sớm nhất thời đó như Chu, Lỗ, Tề, Tống…, các nước chung quanh còn lạc hậu], lại theo hoài mà không bỏ? Thầy Mặc tử đáp: "Đó là thuận theo thói quen lâu rồi cho là một tục nên giữ".

Xưa, phía Đông nước Việt, có nước… Mộc[459]: nước đó sanh con đầu lòng thì làm thịt mà ăn, bảo như vậy lợi cho những đứa sau; ông chết thì cõng bà bỏ [trong rừng], bảo: "Vợ của quỉ không thể sống với người trong nhà được". Hành động đó, người trên coi là phép tắc, người dưới coi là tục [lệ] nên theo hoài mà không bỏ. Phía Nam nước Sở có nước Đạm, cha mẹ chết thì lóc thịt liệng đi, còn xương đem chôn, như vậy mới là con có hiếu. Phía Tây nước Tần có nước Nghi Cừ, cha mẹ chết thì chất củi lên mà thiêu, khói bay lên bảo là cha mẹ "lên tiên", như vậy mới là con có hiếu. Những hành động đó, người trên coi là phép tắc, người dưới coi là tục lệ nên theo hoài mà không bỏ, chứ đâu có thực là đạo nhân nghĩa? Như vậy là thuận với thói quen, lâu rồi cho là tục nên giữ. Xét việc chôn cất của ba nước đó thì là rất bạc, mà xét tục chôn cất của các bậc quân tử ở Trung Quốc thì rất hậu. Đây là rất hậu thì kia là rất bạc, như vậy là việc chôn cất

tất có cái mức vừa phải, [không hậu, không bạc]. Việc ăn mặc là việc ích lợi cho người sống, mà còn có tiết độ; sao duy việc chôn cất là việc ích lợi cho người chết lại không có tiết độ?

Thầy Mặc tử đặt ra phép chôn cất, bảo: "Quan tài dày ba tấc đủ để xương nát ra, áo liệm ba bộ đủ để thịt nát ra; đào huyệt đủ sâu sao cho dưới không nứt lộ ra, trên không xông hơi thối lên được; đắp nấm sao cho đủ nhận ra được mộ, thế thôi. Khóc khi đưa ma về, và rồi tính sự ăn mặc hằng ngày trong nhà, còn dư nhiều hay ít mà lo việc tế tự cho tiện lợi, như vậy là rất có hiếu với cha mẹ". Cho nên tôi bảo phép của thầy Mặc tử lợi cho cả người chết lẫn người sống là thế.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Bậc sĩ quân tử ngày nay nếu thực tâm muốn làm điều nhân nghĩa, muốn được là bậc "thượng sĩ"[460], muốn trên hợp với đạo của thánh vương, dưới hợp với cái lợi của quốc gia, trăm họ, thì nên theo chính sách tiết giảm việc ma chay mà không thể không xét việc đó".

PHI NHẠC (thượng)

(Chê nhạc)

Thầy Mặc tử bảo: Người dân làm việc gì tất là mong được có lợi, trừ cái hại cho thiên hạ: cái gì lợi cho người thì làm, không lợi thì ngưng. Họ mưu tính cho thiên hạ không phải để cho thiên hạ đẹp mắt, vui tai, ngon miệng, yên [êm ái] thân thể: những cái đó tốn kém, cướp mất cái ăn cái mặc của người dân, nên họ không làm.

Thầy Mặc tử sở dĩ chê nhạc không phải là vì cho những tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang là không vui; không phải là cho những đồ chạm khắc, văn vẻ, màu mè là không đẹp; không phải là cho những những món thịt bò, thịt dê, thịt heo xào nướng là không ngon; không phải là cho các đài cao, tạ[461] lớn, nhà sâu là không yên.Tuy thân thể biết là yên đấy; nhưng trên đem ra khảo sát thì thấy không hợp với việc làm của thánh vương; dưới đem ra suy tính thì không hợp với cái lợi của dân, vì vậy mà thầy Mặc tử bảo âm nhạc là đáng chê.

Nay các bậc vương công đại nhân chế tạo nhạc khí để dùng trong nước, đâu phải cứ việc vốc nước, moi đất lên [ý nói không tốn kém gì cả] mà làm nên được; tất phải nhờ sự đóng góp nhiều của vạn dân rồi mới có tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang. Như việc thánh vương đóng thuyền và xe thì tôi không dám chê. Xưa kia, các bậc thánh vương cũng đã từng bắt dân đóng góp nhiều để đóng thuyền và xe; đóng xong rồi bảo: “Ta đem dùng nó làm gì đây?” Đáp: “Thuyền dùng trên nước, xe dùng trên bộ, để cho người quân tử [tức nhà cầm quyền] đỡ mỏi chân, kẻ tiểu nhân [tức dân thường] đỡ phải khiêng, vác”. Vì vậy dân chúng bỏ của cải ra để đóng thuyền và xe, không dám buồn tiếc. Tại sao vậy? Tại thuyền và xe có lợi lớn cho dân. Nếu nhạc khí cũng có lợi cho dân như vậy thì tôi không dám chê mà còn dùng nữa.

Dân có ba điều lo: đói không có gì ăn, lạnh không có gì mặc, mệt không được nghỉ. Ba cái đó là những điều lo lớn của dân. Thử gõ cái chuông lớn, đập cái trống kêu, gảy cây đàn cầm, đàn sắt, thổi ống sáo dọc, sáo ngang, cầm cái rìu, cái mộc mà múa xem, như vậy có sinh ra được cái ăn, cái mặc cho dân không? Tôi cho là không được.

Hãy bỏ việc đó đi, không bàn, mà xét việc này: nay một nước lớn đánh nước nhỏ, một nhà lớn đánh nhà nhỏ, kẻ mạnh cướp người yếu, số đông hiếp đáp số ít, kẻ xảo trá lừa gạt kẻ ngu, kẻ sang ngạo mạn người hèn, giặc giã, trộm cướp trong ngoài đều dấy lên, không ngăn cấm được. Thử gõ cái chuông lớn, đập cái trống

kêu, gảy cây đàn cầm đàn sắt, thổi ống sáo dọc sáo ngang, cầm cái rìu cái mộc mà múa xem, như vậy có làm cho thiên hạ đương loạn hoá trị được không? Tôi cho là không được.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: Bắt dân chúng đóng góp nhiều để tạo ra những tiếng chuông lớn, tiếng trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, tiếng sáo dọc sáo ngang, mà mong dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì thật là vô ích. Vì vậy thầy Mặc tử bảo: âm nhạc là đáng chê.

Các vương công đại nhân ngồi trên đài cao, tạ lớn mà nhìn cái chuông [chỉ treo đó mà không đánh] thì cũng không khác gì nhìn cái khuôn bằng đất để đúc vạc, không gõ, đánh lên làm sao mà vui được? Cho nên phải gõ, đánh, mà gõ đánh tất không thể sai người già và con nít[462] được vì người già và con nít tai mắt không sáng, chân tay không mạnh, thanh âm không hoà điệu, mặt mày không lanh lợi. Cho nên tất phải sai bọn tráng niên vì tai mắt họ sáng, chân tay họ mạnh, thanh âm họ hoà điệu, mặt mày họ lanh lợi. Nếu sai đàn ông làm việc ấy thì họ tất phải bỏ việc cày cấy trồng trọt; sai đàn bà làm việc ấy thì họ tất phải bỏ bê việc đánh sợi, dệt vải. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái ăn cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm. Cho nên thầy Mặc tử bảo: âm nhạc là đáng chê.

Đã có đủ tiếng chuông lớn, trống kêu, tiếng đàn cầm đàn sắt, sáo dọc sáo ngang, mà vương công đại nhân vò võ nghe một mình thì còn thú gì nữa? Tất phải có hoặc kẻ tiện nhân hoặc người quân tử cùng nghe với mình. Nếu bắt người quân tử [người trị dân] cùng nghe thì người đó phải bỏ công việc xử án, trị nước; nếu bắt kẻ tiện nhân [thường dân] nghe thì người đó bỏ công việc làm ăn. [Thế là] các vương công đại nhân vì vui mà làm tổn hại, cướp mất cái ăn cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm. Cho nên thầy Mặc tử bảo: âm nhạc là đáng chê.

Xưa vua Tề Khang công đặt ra điệu "nhạc vũ" [một điệu vũ theo tiếng nhạc], người múa không thể mặc áo vải cụt [khi làm lụng] để múa, không thể ăn cơm hẩm được, vì không ăn đồ ăn ngon thì mặt mày dung nhan coi sao được, không mặc áo đẹp thì thân thể cử động [múa may] coi sao được. Cho nên ăn phải có gạo ngon, có thịt béo, mặc phải đồ thiêu đẹp đẽ; thế là không sản xuất cái ăn cái mặc mà còn bắt người ta nuôi. Cho nên thầy Mặc tử bảo: "Các vương công đại nhân làm tổn hại, cướp mất cái ăn, cái mặc của dân để tấu nhạc, như vậy nhiều lắm". Cho nên thầy Mặc tử bảo: âm nhạc là đáng chê.

Loài người khác với loài cầm thú, hươu nai, chim bay, sâu bọ[463]. Những loài có lông vũ [lông loài cầm], lông mao [lông loài thú] để che thân như áo mỏng,

áo dầy; có móng vuốt để che chân như giày ống, dép; chúng uống nước, ăn cỏ; cho nên con đực không phải cày cấy, trồng trọt, con cái không phải kéo sợi dệt vải, vì có sẵn cái ăn cái mặc rồi.

Loài người khác vậy: phải trông vào sức lao động mới sống được, nếu không thì chết. Người quân tử không gắng lo việc xử án, trị nước thì hình chính sẽ loạn, thường dân không gắng lo làm ăn thì không đủ tiêu xài.

Các bậc sĩ quân tử trong thiên hạ cho lời tôi là sai chăng? Nếu vậy thử xem vài phận sự trong thiên hạ xét xem ảnh hưởng tai hại của nhạc ra sao. Các vương công đại nhân, sáng vô triều, chiều mới về, xử án và trị nước, đó là phận sự của họ. Các sĩ quân tử tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì trông coi các kho lẫm của nhà nước, ngoài thì thu cái lợi [tức thuế] ở cửa quan, ở chợ, cái lợi của rừng núi, chằm, cầu, để cho kho lẫm được đầy, đó là phận sự của họ. Nông dân sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về, cày cấy trồng trọt, để thu được đậu, lúa, đó là phận sự của họ[464]. Đàn bà thức khuya dậy sớm để đánh sợi, kéo tơ dệt lụa, đó là phận sự của họ. Nếu các vương công đại nhân ham nghe nhạc thì tất không thể sáng sớm vô triều, chiều mới về, xử án trị nước, như vậy nước nhà sẽ loạn, xã tắc sẽ nguy. Các quân tử ham nghe nhạc tất không thể tận lực dùng tay chân và trí óc để suy tư, ở trong thì điều các nha, trông coi các kho, ngoài thì thu cái lợi ở cửa quan, ở chợ, cái lợi của rừng núi, chằm, cầu, để cho kho lẫm được đầy, như vậy thì kho lẫm không đầy. Nông dân ham nghe nhạc tất không thể sáng ra ngoài ruộng, chiều tối về, cày cấy trồng trọt để thu được đậu, lúa; như vậy thì đậu lúa sẽ không nhiều. Đàn bà ham nghe nhạc thì tất không thể thức khuya dậy sớm để đánh sợi, kéo tơ dệt vải và lụa; như thế thì việc dệt vải, lụa sẽ không thịnh.

Hỏi: Cái gì làm cho đại nhân bỏ bê việc xử án trị nước, làm cho dân thường bỏ bê công việc? Đáp: Âm nhạc. Cho nên thầy Mặc tử bảo: âm nhạc là đáng chê.

Làm sao biết được như vậy? Đáp: Sách của tiên vương, thiên *Quan hình* của vua Thang chép: "Kẻ nào thường hay múa ở cung thì là có thói đồng bóng. Hình phạt như sau: quân tử phải nộp hai bó (?) tơ; thường dân nộp gấp hai số lụa (?)"[465]. Lại chép: "Ô hô! Điệu múa đẹp đẽ, tiếng sáo rõ ràng nhưng Thượng Đế không giúp thì chín châu[466] sẽ mất. Thượng Đế không ưa, giáng trăm tai ương thì nhà cửa sẽ tang hoang". Xét vậy thì chín châu sở dĩ mất, chỉ do thích luyện âm nhạc. Thiên *Vũ Quan*[467] chép: [Trước không có], nay người ta chế tạo ra cái thói dâm dật vui chơi, ăn uống ở ngoài đồng[468]; du dương véo von, tiếng sáo tiếng khánh cùng trổi, đắm mê vì rượu, ăn uống thô tục ở ngoài đồng, múa may phóng túng, Trời hay cho là không phải phép". Cho nên trên thì Trời và quỉ thần

chê mắng, dưới thì không có lợi cho dân.

Cho nên thầy Mặc tử bảo: “Các sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay nếu thực tâm dấy cái lợi, trừ cái hại cho thiên hạ thì không thể không cấm chỉ âm nhạc được”.

CANH TRỤ

1- Thầy Mặc tử rầy Canh Trụ tử [vì không làm vừa ý một việc], Canh Trụ tử đáp: "Con không hơn người khác sao?" Thầy Mặc tử bảo: "Ta muốn lên núi Thái Hàng, có một xe thắng ngựa kí [loài ngựa giỏi] với một xe thắng cừu, thì anh đánh xe nào?" Canh Trụ đáp: "Đánh xe thắng con ngựa kí" – "Tại sao vậy?" – "Tại con ngựa kí mới đủ sức leo núi". Thầy Mặc tử bảo: "Ta cũng cho là anh có đủ sức làm việc đó".

2- Vu Mã tử hỏi thầy Mặc tử: "Quỉ thần với thánh nhân ai sáng suốt hơn?" Thầy Mặc tử đáp: "Quỉ thần sáng suốt hơn thánh nhân, cũng như người sáng tai, sáng mắt so với người điếc, người đui".

Xưa vua nhà Hạ là ông Khải[469] sai Phi Liêm đào quặng đồng trong núi để đúc vạc ở Côn Ngô[470], và bảo ông Bá Ích nướng mai rùa Bạch Khổ để bói[471]. Khi bói, ông Bá ích khấn: "[Xin phù hộ cho] vạc đúc xong, vuông vức có bốn chân, không đốt lửa mà nấu chín được thức ăn, không nâng lên mà nó tự cất đi được, không dời đi mà nó tự di chuyển được, để cúng tế ở gò Côn Ngô. Xin quỉ thần về hưởng!" Bói rồi lại cho biết ý nghĩ của quỉ: "Quỉ thần hưởng đây! Ùn ùn mây trắng, một ở phương Đông, một ở phương Tây, một ở phương Nam, một ở phương Bắc. Chín vạc đã xong, dời về ba nước".[472] Nhà Hạ để mất chúng, nhà Ân nhận lấy; rồi nhà Ân lại để mất, nhà Chu nhận lấy. Ba nhà Hạ, Ân, Chu đó truyền lại cho nhau, được mấy trăm năm. Dù thánh nhân có tụ họp các bề tôi giỏi, các tướng quốc tài trí cũng không sao biết được việc mấy trăm năm sau, thế mà quỉ thần biết đấy. Cho nên bảo: "Quỉ thần sáng suốt hơn thánh nhân, cũng như người sáng tai sáng mắt so với người điếc, người đui".

3- Trị Đồ Ngu và Huyền Tử Thạc hỏi thầy Mặc tử: "Làm việc nghĩa thì việc gì quan trọng?" Thầy Mặc tử đáp: "Cũng ví như đắp thường vậy. Người nào biết đắp thì đắp, người nào biết khuân đất thì khuân, người nào biết trông nom, tính toán thì trông nom, tính toán, như vậy thì tường sẽ đắp xong. Làm việc nghĩa thì cũng thế: ai đàm biện được thì đàm biện, ai giảng sách được thì giảng sách, ai thực hành được thì thực hành, như vậy thì việc nghĩa sẽ làm xong".

4- Vu Mã tử bảo thầy Mặc tử: "Thầy gồm yêu thiên hạ mà chưa thấy có lợi gì cho thiên hạ, tôi không yêu thiên hạ mà chưa thấy có hại gì cho thiên hạ. Chưa thấy kết quả, sao thầy đã tự cho mình là phải mà chê tôi?"

Thầy Mặc tử đáp: "Nay có người nổi lửa lên, một người xách nước lại tưới cho tắt, một người thêm lửa vào, kết quả chưa thấy, nhưng ông quí người nào?" Đáp: "Tôi quí cái ý muốn của người xách nước tưới và chê cái ý muốn của

người thêm lửa vào". Thầy Mặc tử bảo: "Tôi cũng cho ý muốn của tôi là phải mà chê ý muốn của ông".

5- Thầy Mặc tử lại nước Kinh [tức Sở]. Lúc ấy Canh Trụ tử đương [làm quan] ở Sở. Vài môn sinh của thầy Mặc tử lại nhà Canh Trụ tử, Canh Trụ tử cấp cho ba thăng lúa, tiếp đãi không lấy làm hậu. Những môn sinh ấy về, thưa với thầy Mặc tử: "Anh Canh Trụ tử thật là vô ích. Mấy đứa con lại nhà anh ấy, ảnh cấp cho ba thăng lúa, tiếp đãi không lấy gì làm hậu".Thầy Mặc tử bảo: "Chưa biết được [hãy đợi xem]".

Không bao lâu, Canh Trụ tử đem tặng thầy Mặc tử mười dật vàng[473], thưa: "Con không dám mang tội chết; xin dâng thầy mười dật vàng để thầy tiêu". Thầy Mặc tử bảo: "Ta nói có sai đâu, hãy đợi xem mà".

6- Vu Mã tử nói với thầy Mặc tử: "Thầy làm việc nghĩa, tôi chưa thấy ai phục thầy, cũng chưa thấy quỉ thần ban phúc cho thầy, mà thầy cứ vẫn cứ làm như vậy thì thầy mắc tật khùng rồi". Thầy Mặc tử bảo: "Ví dụ ông có hai người bề tôi [người giúp việc], một người trước mặt ông thì làm việc, vắng mặt ông thì không làm, còn người kia dù có mặt hay vắng mặt ông cũng làm, thì ông quí người nào?"

Vu Mã tử đáp: "Tôi quí người dù có mặt tôi hay vắng mặt tôi cũng làm việc".

Thầy Mặc tử bảo: "Vậy là ông quí người mắc tật khùng rồi".

7- Học trò của Tử Hạ hỏi thầy Mặc tử: "Người quân tử có tranh nhau không?" Thầy Mặc tử đáp: "Không". Học trò Tử Hạ bảo: "Chó, heo kia còn tranh nhau, sao kẻ sĩ lại không tranh nhau?"

Thầy Mặc tử đáp: "Đáng thương thế! Hễ nói thì học đòi vua Thang, vua Văn, mà hành động thì lại ví mình với heo, chó. Đáng thương thay!".

8- Vu Mã tử bảo thầy Mặc tử: "Bỏ người ngày nay mà khen các thánh vương đời xưa, tức là khen cái bộ xương khô, không khác gì người thợ mộc chỉ thích dùng gỗ khô chứ không dùng gỗ tươi".

Thầy Mặc tử đáp: "Thiên hạ nhờ đạo giáo của các thánh vương đời xưa mà sống, khen các vị đó tức là quí cái khiến cho thiên hạ sống. Đáng khen mà không khen, như vậy có phải là người nhân không?"

9- Thầy Mặc tử nói: "Ngọc họ Hoà và hạt châu của Tuỳ hầu[474], với chín cái vạc, các vua chư hầu đều cho là bảo vật; mà những cái đó có thể làm cho nước giàu, dân đông, việc hình chính được trị, xã tắc được yên không? Không. Sở dĩ quí bảo vật vì nó có lợi. Mà ngọc họ Hoà, hạt châu của Tuỳ hầu và chín cái vạc không ích lợi gì cho ai, vậy chúng không phải là bảo vật. Nay dùng nghĩa mà trị

dân thì nước sẽ giàu, dân sẽ đông, việc hình chính sẽ trị, xã tắc sẽ yên. Sở dĩ quí bảo vật là vì nó làm lợi cho dân được, mà điều nghĩa làm lợi dân được, cho nên bảo: "Điều nghĩa là bảo vật trong thiên hạ".

10- Diệp công Tử Cao[475] hỏi Trọng Ni [Khổng tử] về chính trị: "Như thế nào thì giỏi về chính trị?" Trọng Ni đáp: "Giỏi về chính trị thì làm cho người ở xa lại gần [qui phục] mình, cái gì cũ thì sửa cho mới".

Thầy Mặc tử nghe được chuyện đó, bảo: "Diệp công Tử Cao chưa biết cách hỏi mà Trọng Ni cũng chưa biết cách đáp. Diệp công Tử Cao há không biết rằng giỏi về chính trị thì làm sao cho người ở xa lại gần mình và cái gì cũ thì sửa lại cho mới ư? Ông ta hỏi là muốn biết phải làm sao để được như vậy. Còn Trọng Ni không chỉ cho ông ấy điều ông ấy không biết mà lại chỉ cho ông ấy điều ông ấy biết rồi. Cho nên [tôi bảo] Diệp công Tử Cao chưa biết cách hỏi mà Trọng Ni chưa biết cách đáp".

11- Thầy Mặc tử bảo Lỗ Dương Văn Quân[476]: "Nước lớn đánh nước nhỏ thì cũng như đứa trẻ giả làm ngựa, chỉ mệt chân nó thôi. Nước lớn đánh nước nhỏ, thì nước bị tấn công sẽ cố thủ, nông phu sẽ không được cày ruộng, đàn bà không được dệt vải, mà nước tấn công phải lo đánh chiếm, nông phu cũng không được cày ruộng, đàn bà cũng không được dệt vải. Cho nên người lớn đánh nước nhỏ cũng như đứa trẻ giả làm ngựa vậy".

12- (Bỏ vì bài này y hệt bài 5 thiên *Quí Nghĩa*).

13- Thầy Mặc tử sai Quản Kiểm Ngao đưa Cao Thạch tử[477] qua Vệ [và đề cao Cao Thạch tử để vua Vệ dùng Cao Thạch tử]. Vua Vệ cho Cao làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Cao ba lần vào chầu, đều nói hết những điều mình muốn nói, nhưng không điều nào được thi hành cả. Cao bỏ đi, qua Tề, thưa với thầy Mặc tử:

- Vua Vệ vì thầy mà cho con làm quan khanh, đãi lộc rất hậu. Con ba lần vào chầu, nói hết những điều con muốn nói nhưng không điều nào được thi hành cả, vì vậy mà con bỏ đi. Vua Vệ không cho con là cuồng chứ?

Thầy Mặc tử bảo:

- Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là cuồng, có hại gì đâu? Xưa ông Chu công Đán chê Quản Thúc[478] mà từ chức tam công, qua đất Thương Yên ở phía Đông, ai cũng cho là cuồng, nhưng đời sau khen đức của ông, nêu danh ông lên, tới bây giờ vẫn còn trọng ông. Vả lại Địch này nghe rằng làm điều nghĩa thì đừng tránh lời chê, tìm lời khen. Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng là cuồng, có hại gì đâu?

Cao Thạch thưa:

- Thạch con bỏ đi, đâu dám trái đạo. Xưa thầy có dạy con: “Thiên hạ vô đạo thì kẽ sĩ có đức nhân không ở địa vị có lộc hậu”. Nay vua Tề vô đạo, mà con tham tước lộc của ông ta thì là cẩu thả ăn lúa của người.

Thầy Mặc tử mừng, gọi Tử Cầm tử lại, bảo: “Nghe lời anh ấy nói không? Bỏ nghĩa để hưởng lộc, ta vẫn thường nghe có hạng người ấy; bỏ lộc mà theo nghĩa thì ta mới thấy anh Cao Thạch tử”.

14- Thầy Mặc tử nói: Hạng quân tử trên đời này nghèo mà người ta bảo mình giàu thì giận; không có nghĩa mà người ta bảo là có nghĩa thì mừng; chẳng là ngược đạo lí sao?

15- Công Mạnh tử nói: “Người trước đã biết phép tắc rồi, mình chỉ việc theo mà thôi”. Thầy Mặc tử bảo: “Người trước nào mà ông bảo là đặt ra phép tắc mình chỉ việc theo mà thôi? Ông chưa biết gì về người trước cả”.

16- Một môn sinh phản bội thầy Mặc tử rồi trở về xin học, thưa: “Con trở về sau các anh khác, như vậy đâu phải là tội?” Thầy Mặc tử bảo: “Cũng như quân lính chiến bại, lạc đường trở về sau, mà đòi được thưởng”.

17- Công Mạnh tử bảo: Người quân tử không sáng tác [đưa ra thuyết mới], chỉ thuật lại [đạo của người xưa] thôi”.

Thầy Mặc tử đáp: “Không phải vậy. Người rất kém cỏi thì không thuật lại cái hay[479] của đời xưa, mà không sáng tác được gì hay cho đời sau. Hạng người khá hơn thì không thuật lại cái hay của đời xưa, mà tự mình có thuyết gì hay thì đưa ra, muốn rằng cái hay phải do mình tìm ra. Chỉ thuật lại mà không sáng tác thì cũng thiên lệch như không thuật lại cái hay của người xưa mà chỉ sáng tác thôi. Tôi cho rằng đời xưa có gì hay thì thuật lại, mà mình có gì hay cũng đưa ra, như vậy là muốn cho cái hay càng nhiều lên”.

18- Vu Mã tử bảo thầy Mặc tử:

- Tôi khác thầy, tôi không yêu gồm mọi người được. Tôi yêu người nước Trâu hơn người nước Việt, yêu người nước Lỗ hơn người nước Trâu[480], yêu người làng tôi hơn người nước Lỗ, yêu người nhà tôi hơn người làng tôi, yêu cha mẹ tôi hơn người nhà tôi, yêu thân tôi hơn cha mẹ tôi; càng gần thì tôi càng yêu. Ai đánh tôi thì tôi thấy đau, nếu người khác thì tôi không thấy đau. Căn cớ gì mà người làm cho tôi đau thì tôi không kháng cự, còn người không làm tôi đau, tôi lại kháng cự? Cho nên tôi có thể giết người để làm lợi cho tôi chứ tôi không thể giết tôi để làm lợi cho người”.

Thầy Mặc tử bảo:

- Chủ trương của ông, ông giấu đi hay tuyên bố cho người ta biết?

Vu Mã tử đáp:

- Sao lại giấu đi? Tôi tuyên bố cho người khác biết chứ!

Thầy Mặc tử bảo:

- Nếu vậy, có một người theo chủ trương của ông, thì có một người muốn giết ông để làm lợi cho họ; có mười theo ông thì sẽ có mười người muốn giết ông để làm lợi cho họ; cả thiên hạ theo ông thì cả thiên hạ muốn giết ông để thoả lòng[481] họ. Có một người không theo chủ trương của ông, thì sẽ có một người muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành [có hại]; có mười người không theo ông thì sẽ có mười người muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành; cả thiên hạ không theo ông thì cả thiên hạ sẽ muốn giết ông vì cho ông là thi hành một thuyết chẳng lành. Người theo ông muốn giết ông, người không theo ông cũng muốn giết ông, như vậy là thuyết của ông phát ra khỏi miệng, chỉ gây hoạ cho thân ông thôi. Lời của ông lợi ở chỗ nào? Không có lợi mà cứ nói ra thì mỏi miệng thôi[482].

19- Thầy Mặc tử bảo Lỗ Dương Văn Quân: "Một người có nhiều cừu, bò, loài ăn lúa và loài ăn cỏ, người bếp sắn tay áo mổ, cắt, nấu nướng cho, ăn không hết, vậy mà thấy người khác có bánh sống (?)[483] thì trố mắt lên lấy trộm, bảo: "Cho tôi ăn với, xem bánh có đủ ngọt, đủ béo không?" Người đó có tật ăn trộm phải không?" Lỗ Dương Văn Quân đáp: "Phải".

Mặc tử lại bảo: "Ruộng bốn cõi của nước Sở có nhiều chỗ hoang vu không khai phá hết, đất bỏ không có mấy ngàn chỗ, không ai vô, vậy mà thấy những ấp không có người ở của nước Tống, Trịnh thì trố mắt, lấy trộm. Nước Sở có khác gì người trên kia không?" Lỗ Dương Văn Quân đáp: "Cũng có tật ăn trộm, không khác gì cả".

20- Thầy Mặc tử hỏi Lạc Hoạt Li:

- Tôi nghe nói anh hiếu dũng?

Lạc Hoạt Li đáp:

- Phải. Tôi mà nghe nói trong làng có một dũng sĩ thì tất tìm tới giết.

Thầy Mặc tử bảo:

- Thiên hạ không ai là không muốn đề cao cái tốt, mà che lấp cái xấu. Anh nghe nói trong làng có một dũng sĩ thì tìm tới giết, như vậy không phải là hiếu dũng[484] mà là ghét cái dũng.

QUÍ NGHĨA

(Trọng nghĩa)

1- Thầy Mặc tử nói: “Mọi sự không gì quí hơn nghĩa. Nay thử bảo một người: “Tôi cho ông mũ và giày mà chặt tay chân ông, ông chịu không?” Người đó tất không chịu. Tại sao? Tại mũ giày không quí bằng tay chân. Lại bảo: “Tôi cho ông cả thiên hạ mà giết ông, ông chịu không? Người đó tất không chịu. Tại sao? Tại thiên hạ không quí bằng thân thể mình. [Nhưng người ta] tranh nhau một lời mà giết nhau, thế là quí nghĩa hơn thân thể. Cho nên tôi bảo: “Mọi sự không gì quí hơn nghĩa”. (đây là tự ái)[485].

2- Thầy Mặc tử từ Lỗ tới Tề, gặp một người quen cũ. Người này bảo thầy Mặc tử: “Thiên hạ ngày nay không ai làm điều nghĩa, duy có bác là khổ thân làm điều nghĩa, chẳng bằng thôi đi!”.

Thầy Mặc tử đáp: “Gia đình nọ có mười người con, một người cày ruộng, còn chín người ở không, thì người cày ruộng đó không thể không làm gấp lên được. Tại sao? Tại số người ăn thì đông mà số người cày ruộng thì ít. Thiên hạ ngày nay không làm điều nghĩa thì bác nên khuyến khích, chứ sao lại ngăn tôi?”

(Nguồn: http://baochivn.com/images/imported/2011/01/226.jpg)

3- Thầy Mặc tử xuống nước Sở ở phương Nam xin yết kiến vua Sở là Hiến Huệ vương[486]. Hiến Huệ vương lấy cớ già yếu từ chối[487], sai Mục Hạ tiếp.

Thầy Mặc tử thuyết phục Mục Hạ, Mục Hạ rất mừng, bảo thầy: “Lời của thầy thật hay, nhưng vua chúng tôi là một đại vương trong thiên hạ, chắc sẽ bảo: “Đó là việc làm [chủ trương] của người thấp hèn” mà không dùng lời của thầy chăng?”[488]

Thầy Mặc tử đáp: “Chỉ nên xét việc nên làm hay không thôi. Ví như vị thuốc

nọ. Nó chỉ là một gốc cỏ, mà thiên tử dùng nó để trị bệnh, chứ đâu có chê nó chỉ là một gốc cỏ mà không dùng? Nông phu đong lúa nộp thuế cho đại nhân [quan lớn], đại nhân dùng lúa nấu xôi, cất rượu để cúng tế Thượng Đế, quỉ thần. Thượng Đế, quỉ thần đâu có chê là việc làm của kẻ thấp hèn mà không hưởng? Cho nên tuy là kẻ thấp hèn, trên so với nông dân, dưới so với vị thuốc, lẽ nào không bằng một gốc cỏ? Vả ngài đã nghe truyện vua Thang chưa?

Xưa vua Thang muốn đi thăm ông Y Doãn, sai người con của Bành Thị [một người họ Bành] đánh xe. Đánh xe tới nửa đường, người đó hỏi: "Nhà vua đi đâu?" Vua Thang đáp: "Đi thăm ông Y Doãn". Người con của Bành Thị bảo: "Y Doãn là một kẻ thấp hèn trong thiên hạ, nhà vua muốn gặp hắn thì cứ sai gọi hắn lại mà hỏi, như vậy là một ân huệ cho hắn rồi". Vua Thang bảo: "Ngươi làm sao biết được! Nay có một vị thuốc, làm cho tai mắt sáng ra thì ta tất mừng rỡ, mà ráng uống. Ông Y Doãn ở nước ta cũng như một vị lương y, một vị thuốc tốt, mà ngươi không muốn ta gặp ông ấy tức là không muốn cho ta thành một người tốt vậy". Rồi ông bảo người con của Bành Thị xuống xe, không khiến đánh xe nữa.

Đừng cẩu thả [phải lễ độ] rồi mới được người hiền vui lòng giúp mình".

4- Thầy Mặc tử nói: "Nói năng, hành động, hễ lợi cho Trời, quỉ thần và trăm họ thì làm; hại cho Trời, quỉ thần và trăm họ thì đừng làm. Nói năng, hành động, hễ hợp với ba đời thánh vương Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ thì làm; hợp với ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ thì đừng làm".

5- Thầy Mặc tử nói: "Lời nói mà thực hành được thì nên thường nói, không thực hành được thì đừng thường nói, không thực hành được mà thường nói là mỏi miệng[489] [vô ích].

6- Thầy Mặc tử nói: "Phải bỏ sáu sự thiên lệch đi[490]. Khi làm thinh thì suy nghĩ, khi nói thì phải răn mình, khi cử động là để làm việc; ba cái đó thay nhau mà dùng thì thành thánh nhân. Phải từ bỏ mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét mà dùng nhân nghĩa; tay, chân, miệng, mũi, tai, dùng vào việc nghĩa thì tất thành thánh nhân".

7- Thầy Mặc tử bảo các môn sinh: "Làm điều nghĩa mà không thành thì đừng chê [đổ tại] đạo; cũng như người thợ đẽo gỗ mà không thành thì không chê sợi dây mực".

8- Thầy Mặc tử nói: "Bậc quân tử [tức hạng trị dân] trên đời bảo mổ một con chó, một con heo, không biết thì từ chối; mà bảo làm tướng quốc, thì không làm được cũng nhận, như vậy chẳng ngược đạo ư?"

9- Thầy Mặc tử nói: "Một người mù bảo: "Đá hoa cương[491] trắng, mồ hóng

đen, thì dù người mắt sáng cũng không cãi được; nhưng nếu để lẫn lộn vật đen và vật trắng mà bảo lựa thì người mù không biết lựa. Cho nên bảo: "Người mù không biết đen trắng, không phải là không biết cái đen, cái trắng mà là không biết lựa". Các bậc quân tử trong thiên hạ ngày nay gọi một việc nào đó là nhân, thì dù Vũ, Thang cũng không cãi được; nhưng gồm chung việc nhân với việc bất nhân mà bảo lựa thì họ không biết lựa. Cho nên bảo: "Các bậc quân tử trong thiên hạ không biết điều nhân, không phải là họ không biết cái tên, mà là không biết lựa [để làm]".

10- Thầy Mặc tử nói: "Kẻ sĩ ngày nay dùng thân mình không thận trọng bằng một con buôn dùng một tấm vải. Con buôn dùng một tấm vải thì không dám đổi nó[492], không dám cẩu thả trao nó, tất phải lựa thứ tốt. Kẻ sĩ ngày nay dùng thân mình thì không vậy; hễ lòng muốn làm là làm. Lỗi nặng thì bị hình phạt, nhẹ thì bị tiếng xấu; như vậy là kẻ sĩ dùng thân mình không thận trọng bằng con buôn dùng một tấm vải".

11- Thầy Mặc tử nói: "Người quân tử ở đời muốn thành nghĩa, mà có ai giúp sửa mình thì họ giận, có khác gì muốn xây bức tường, có người lại tiếp tay cho thì giận, há chẳng ngược đạo ư?".

12- Thầy Mặc tử nói: "Thánh vương đời xưa muốn truyền đạo cho đời sau, nên mới viết lên thanh tre, tấm lụa, khắc lên đồng, lên đá, để lại cho con cháu, mong con cháu đời sau theo đó [mà hành động]. Nay biết đạo của tiên vương mà không làm tức là phế bỏ phép tiên vương truyền lại".

13- Thầy Mặc tử đi xuống nước Vệ ở phương Nam, trong một ngăn của thùng xe chở rất nhiều sách. Huyền Đường tử thấy vậy lấy làm lạ, hỏi: "Tôi nghe thầy dạy Công Thượng Quá rằng: "Chỉ cần xét sự lí cong hay ngay [phải hay trái], như vậy đủ rồi [không cần đọc sách]". Những sách ấy có gì đáng quí mà thầy chở nhiều như vậy?"

Thầy Mặc tử đáp: "Xưa ông Chu công Đán sáng đọc một trăm thiên sách, tối tiếp bảy chục kẻ sĩ, cho nên giúp thiên tử, làm cho thiên hạ được sửa trị cho tới ngày nay. Địch tôi, trên không có bổn phận thờ vua, dưới không phải khó nhọc cày ruộng, cho nên đâu dám bỏ việc đọc sách. Địch tôi nghe nói các việc trong thiên hạ, lí thì cùng qui về một mối, mà lời thì không thể không có chỗ lầm, mỗi người nghe một khác, do đó mới có nhiều sách. Lòng của anh Quá đã khảo sát được tới chỗ tinh vi, đã biết được cái cốt yếu của việc cùng qui về một mối, vì vậy mà tôi không dùng sách dạy anh ấy, có gì đâu mà ông lấy làm lạ".

14- Thầy Mặc tử bảo [một đại phu nước Vệ là] Công Lương Hoàn tử: "Vệ là nước nhỏ, nằm giữa hai nước Tề, Tấn, không khác gì nhà nghèo ở giữ hai nhà

giàu. Nhà nghèo mà đua đòi cách ăn mặc của nhà giàu, tiêu dùng nhiều thì càng mau suy sụp. Tôi xem trong nhà ông, xe trang sức đẹp đẽ có mấy trăm cỗ, ngựa cưỡi có mấy trăm con, phải nuôi bằng thóc, đậu, đàn bà bận áo thêu có mấy trăm người. Dùng số tiền để trang sức xe, nuôi ngựa và may áo đó mà nuôi binh sĩ tất được hơn ngàn người. Như vậy, khi gặp hoạn nạn, sai mấy trăm binh sĩ che đỡ ở trước, mấy trăm binh sĩ che đỡ ở phía sau, với dùng mấy trăm đàn bà thay vào thì đằng nào yên hơn".

15- Một môn sinh của thầy Mặc tử [được vời] làm quan ở nước Vệ, mới tới Vệ không bao lâu thì đã về. Thầy Mặc tử hỏi tại sao về, người đó thưa: "Người ta hỏi ý con mà không xét kĩ lời con", người ta bảo con: "Ban cho ngươi một ngàn bồn[493] lúa", mà rồi chỉ phát cho có năm trăm bồn, vì vậy mà con bỏ về".

Thầy Mặc tử hỏi: "Nếu họ phát cho anh một ngàn bồn thì anh có bỏ về không?" – Đáp: "Không". Thầy Mặc tử bảo: "Như vậy thì đâu phải vì người ta không xét kĩ lời anh, tại người ta phát ít lúa đấy".

16- Thầy Mặc tử nói: "Bọn quân tử quân tử trên đời này coi kẻ sĩ trọng nghĩa không bằng người đội lúa. Nay có một người đội lúa ngồi nghỉ ở bên lề đường, muốn đứng dậy mà không nổi, người quân tử thấy thì chẳng kể người đội lúa đó già hay trẻ, sang hay hèn, cũng đỡ cho đứng dậy. Tại sao vậy? Tại đó là việc nghĩa. Nay có kẻ sĩ trọng nghĩa, vâng theo đạo của tiên vương mà bảo cho thì bọn quân tử trên đời này chẳng vui vẻ thi hành mà còn huỷ báng, chê bai; như vậy là họ coi kẻ sĩ trọng nghĩa không bằng người đội lúa".

17- Con buôn đi các chợ bốn phương, bán lời gấp bốn gấp năm, [cho nên] tuy bị những khó khăn khi qua cửa ải, qua cầu, bị cái nguy gặp giặc, cướp, mà họ vẫn làm. Kẻ sĩ ngồi một chỗ mà giảng điều nghĩa, không bị những khó khăn khi qua cửa ải, qua cầu, bị cái nguy gặp giặc, cướp, lại lợi biết mấy lần mà kẻ; vậy mà không làm thì quả là kẻ sĩ tính cái lợi không sáng suốt bằng con buôn.

18- Thầy Mặc tử đi lên phía Bắc tới nước Tề, gặp một thầy bói. Thầy bói bảo: "Thượng Đế dùng ngày hôm nay để giết con rồng đen ở phương Bắc; nước da tiên sinh đen, đừng nên đi về phương ấy".

Thầy Mặc tử không nghe, cứ đi, tới sông Tri, không được như ý, phải về.

Thầy bói bảo: "Tôi đã bảo tiên sinh đừng đi về phương Bắc mà!" Thầy Mặc tử đáp: "Trong số những người ở Nam không lên được Bắc, và những người ở phương Bắc không xuống phương Nam, có người da trắng, da đen, cớ sao đều bất như ý cả? Vả chăng Thượng Đế dùng các ngày giáp, ất để giết con rồng xanh ở phương Đông; dùng các ngày bính, đinh để giết con rồng đỏ ở phương Nam;

dùng các ngày canh, tân để giết con rồng trắng ở phương Tây; dùng các ngày nhâm, quí để giết con rồng đen ở phương Bắc[494]; theo lời thầy thì tức là cấm thiên hạ đi, là [dùng sự mê tín mà] vây [trói buộc] lòng người, khiến ngoài đường không có người đi lại. Lời thầy không dùng được".

19- Thầy Mặc tử bảo: "Lời nói của ta dùng được. Kẻ nào không dùng lời của ta mà muốn thay đổi tư tưởng [suy nghĩ khác], thì cũng như không gặt lúa mà đi mót bông lúa vậy; kẻ nào dùng lời của mình mà bài bác lời của ta thì cũng như cầm trứng ném vào đá, ném hết trứng trong thiên hạ, đá vẫn y nguyên, không huỷ hoại được".

CÔNG MẠNH

1- Công Mạnh tử[495] bảo thầy Mặc tử:

- Người quân tử chấp tay ngồi đợi; hễ [vua] hỏi thì nói, không hỏi thì làm thinh, cũng như cái chuông, gõ thì kêu, không gõ thì không kêu.

Thầy Mặc tử đáp:

- Lời nói về ba việc, ông chỉ mới biết một[496], lại chưa biết ông muốn nói gì nữa. Như nhà vua [đại nhân] làm điều dâm bạo trong nước, nếu mình [trực tiếp] dâng lời can gián thì bị chê là không kính thuận, nếu mình [gián tiếp] do kẻ tả hữu thân cận của nhà vua, vì vậy mà người quân tử từ nghi, không dám nói. Còn nếu nhà vua lo việc nước, đương lúc phải ứng phó với việc khó khăn, nguy cơ có thể phát ra bất cứ lúc nào, thì người quân tử tất phải can gián; nếu lời can gián có lợi cho vua, tất vua sẽ dùng; trong trường hợp đó, tuy chẳng gõ, chuông cũng phải kêu. Lại như nhà vua có hành vi bất nghĩa, tuy gọi là trù tính khéo léo, có thể dùng vào việc quân [nhưng chỉ là] muốn đánh chiếm một nước vô tội, để mở rộng đất đai, thu thuế sinh lợi; nếu xuất quân thì thế nào cũng bị nhục, vì nước bị đánh đã bất lợi mà nước đem quân đánh cũng bất lợi, cả hai đều bất lợi; trong trường hợp đó, tuy chẳng gõ chuông cũng phải kêu[497].

Vả lại ông bảo: "Người quân tử chấp tay ngồi đợi; hễ hỏi thì nói, không hỏi thì làm thinh, cũng như cái chuông, gõ thì kêu, không gõ thì không kêu". Bây giờ chưa có ai gõ, mà ông đã nói, thế có phải ông thuộc vào hạng không gõ mà kêu không? Ông không thuộc vào hạng người ông gọi là quân tử chăng?

2- Công Mạnh tử bảo:

- Mình thực làm điều thiện thì ai mà không biết? Như người đồng cốt giỏi, không ra khỏi nhà cũng dư gạo ngon [do người ta đem cúng hoặc tạ ơn], người đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, người ta cũng tranh nhau cầu thân. Còn như mình hành động mà tự khoe thì chẳng ai dùng mình. Nay thầy đi thuyết phục mọi người, sao mà khó nhọc như vậy?

Thầy Mặc tử đáp:

- Đời này loạn, số người cầu đàn bà đẹp thì nhiều, cho nên đàn bà đẹp không ra khỏi nhà, nhiều người cũng tìm tới; còn số người cầu người hiền thì ít, không gắng thuyết phục người ta, tất người ta không biết".

Vả lại có hai người bói [bằng cỏ thi] đều giỏi cả, một người đi [khắp nơi để] bói cho người ta, một người không ra khỏi nhà thì người nào được nhiều gạo hơn?

Công Mạnh tử đáp:

- Người đi bói cho người ta được nhiều gạo hơn.

Thầy Mặc tử nói:

- Đức nhân, nghĩa ngang nhau, người đi thuyết phục mọi người, thì công làm điều thiện tất cũng nhiều hơn, thế thì tại sao lại không đi thuyết phục?

3- Công Mạnh tử đội mũ chương phủ [một kiểu mũ của nhà Nho] cao nghiều nghiệu, đai cắm cây hốt, mặc y phục của nhà Nho lại thăm thầy Mặc tử, hỏi:

- Người quân tử chú ý tới y phục rồi mới hành động, hay hành động rồi mới nghĩ tới y phục?[498]

Thầy Mặc tử đáp:

- Hành động không tuỳ thuộc y phục.

Công Mạnh tử hỏi:

- Tại sao biết được như vậy?

Thầy Mặc tử đáp:[499]

- Xưa vua Tề Hoàn công đội mũ cao, đeo đai lớn, kiếm bằng đồng, mộc bằng gỗ, trị nước mà nước yên; xưa Tấn Văn công mặc áo thô và áo lông cừu phương Bắc, dùng đai bằng da để đeo kiếm, trị nước mà nước yên; xưa Sở Trang vương đội mũ bằng tơ rộng, vạt trước cũng rộng, trị nước mà nước yên; xưa Việt vương Câu Tiễn cắt tóc xâm mình, trị nước mà nước yên.[500] Bốn ông vua ấy, y phục khác nhau mà hành động [kết quả] như nhau. Vì vậy Địch tôi biết rằng không tuỳ thuộc vào y phục.

Công Mạnh tử bảo:

- Phải! Tôi nghe nói: “Biết điều phải mà không thực hành ngay thì tất là bất tường [không tốt lành]”. Vậy tôi xin bỏ hốt, lột mủ chương phủ rồi sẽ hầu chuyện thầy, nên chăng?

Thầy Mặc tử đáp:

- Xin cứ để y phục đó mà nói chuyện với nhau. Nếu phải bỏ đai, lột mũ rồi mới nói chuyện thì vẫn còn cho hành động tuỳ thuộc vào y phục rồi.

4- Công Mạnh nói:

- Người quân tử tất phải theo ngôn ngữ, y phục của cổ nhân rồi mới có đức nhân được.

Thầy Mặc tử bảo:

- Xưa, [trong số các] khanh sĩ của vua Trụ nhà Thương [Ân] có Phí Trọng là

kẻ tàn bạo trong thiên hạ, Cơ tử, Vi tử là thánh nhân trong thiên hạ, những ông đó cùng dùng một ngôn ngữ mà người thì nhân, kẻ thì bất nhân. Ông Chu công Đán là bậc thánh nhân trong thiên hạ, mà Quản Thúc là kẻ tàn bạo trong thiên hạ, hai ông đó đều theo một kiểu y phục mà người thì nhân, kẻ thì bất nhân, Vậy đâu phải cứ theo ngôn ngữ, y phục của cổ nhân rồi mới có đức nhân. Vả lại, ông theo phép tắc nhà Chu mà không theo phép tắc nhà Hạ, thì cái ông gọi là cổ chưa phải là cổ. [Vì sau nhà Hạ tới nhà Thương rồi tới nhà Chu].

5- Công Mạnh tử bảo thầy Mặc tử:

- Xưa, thánh nhân chia thứ bậc: bậc thượng thánh thì lập làm thiên tử, bậc dưới thì lập làm khanh, đại phu. Một người như Khổng tử biết rộng về Thi, Thư[501], hiểu kĩ về lễ, nhạc, biết rõ về vạn vật, nếu ông gặp thời thánh vương thì sao lại không được lập làm thiên tử?

Thầy Mặc tử đáp:

- Bậc trí giả tất trọng Trời, thờ quỉ, yêu người và tiết kiệm trong việc tiêu xài, có gồm đủ như vậy mới gọi là bậc trí giả. Ông bảo: Khổng tử biết rộng về Thi, Thư, hiểu kĩ về lễ, nhạc, biết rõ về vạn vật", rồi cho rằng "đáng làm thiên tử" như vậy là thấy nhiều răng khắc trên miếng gỗ mà bảo rằng một người nào đó là giàu[502].

6- Công Mạnh tử bảo: "Giàu, nghèo, thọ, yểu, đều do Trời định trước, không thể thêm bớt được", lại bảo: "Người quân tử phải học".

Thầy Mặc tử bảo: "Bảo người ta phải học mà lại chủ trương có số mạng, như vậy khác gì bảo người ta bao tóc mà lại bỏ cái mũ đi".

7- Công Mạnh tử nói với thầy Mặc tử:

- Có điều nghĩa và điều bất nghĩa, nhưng không có điều lành, điều gở [quỉ thần không gây hoạ phúc được].

Thầy Mặc tử bảo:

- Các thánh vương đời xưa đều cho rằng quỉ thần sáng suốt, gây hoạ và phúc; nhờ chủ trương có điều lành, điều gở, nên trị nước yên. Từ thời Kiệt, Trụ về sau, đều cho quỉ thần không sáng suốt, không gây hoạ phúc được; vì chủ trương không có điều lành điều gở, mà chính sự hoá loạn, nước hoá nguy nên sách *Cơ tử* của tiên vương có câu: "Người sinh lòng xấc láo, đó là điều gở". Câu đó có nghĩa là làm điều bất thiện thì bị [quỉ thần] phạt, làm điều thiện thì được thưởng.

8- Thầy Mặc tử bảo Công Mạnh tử: "Phép để tang [của nhà Nho các ông]. Hễ vua, cha mẹ, vợ và con trai trưởng mà chết thì để tang ba năm; chú bác, anh em

chết để tang một năm; họ hàng gần, năm tháng; cô cậu, chị, cháu [gọi bằng cậu], chàng rể, đều vài tháng. Lại có người chủ trương trong thời gian không để tang thì tụng [đọc lớn tiếng] ba trăm bài thi [trong *Kinh Thi*], hoá đàn ba trăm bài thi, ngâm ba trăm bài thi, vừa múa vừa hát ba trăm bài thi. Theo lời ông [khi có tang thì không làm việc, hết tang rồi lại chỉ ca hát] thì người quân tử còn ngày giờ đâu mà xử án và trị nước, người dân thường còn thì giờ đâu mà làm ăn?"

9- Công Mạnh tử bảo:

- Nước loạn thì lo sửa trị, nước trị rồi thì lo việc lễ, nhạc. Nước nghèo thì lo làm ăn, nước giàu thì lo việc lễ, nhạc.

Thầy Mặc tử bảo:

- Nước trị rồi thì vẫn lo việc sửa trị, nhờ vậy mới được trị; bỏ việc sửa trị thì nước cũng hết trị. Nước giàu thì vẫn làm ăn, nhờ vậy mới giàu; bỏ việc làm ăn thì nước cũng hết giàu. Cho nên việc trị nước, phải gắng lo hoài không ngừng, như vậy mới được. Nay ông bảo: "Nước trị thì lo lễ, nhạc, nước loạn thì lo sửa trị". Như vậy thì không khác gì nghẹn[503] rồi mới đào giếng, chết rồi mới mời thầy thuốc. Xưa ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ ham mê tiếng ca nhạc, không đoái tới dân, đến nỗi thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự, đều do chính sách [trọng lễ, nhạc] đó cả".

10- Công Mạnh tử bảo "không có quỉ thần", rồi lại bảo "người quân tử phải học cách cúng tế". Thầy Mặc tử bảo: "Đã tin không có quỉ thần mà còn học cúng tế thì khác gì không khách khứa mà học phép tiếp khách, không có cá mà đan lưới đánh cá".

11- Công Mạnh tử bảo thầy Mặc tử:

- Thầy cho để tang ba năm là trái [nghĩa là có hại cho sự trị nước và sản xuất], nhưng thầy chủ trương để tang ba tháng thì cũng trái vậy [nghĩa là cũng có hại, tuy ít hơn).

Thầy Mặc tử đáp:

- Ông đem tục để tang ba năm để chê sự để tang ba tháng như vậy, không khác gì người khoả thân bảo người vén quần[504] [để hở người] là không kính cẩn vậy.

12- Công Mạnh tử bảo thầy Mặc tử:

- Có một điều hơn người, có thể gọi là trí [sáng suốt] không?

Thầy Mặc tử đáp:

- Kẻ ngu cũng có chỗ sáng suốt hơn người, vậy kẻ ngu cũng có thể gọi là trí chăng?

13- Công Mạnh tử bảo:

- Để tang ba năm là do trẻ nhớ cha mẹ ba năm.

Thầy Mặc tử đáp:

- Trẻ con chỉ biết nhớ cha mẹ mà thôi, cha mẹ không thể thấy lại được mà nó cũng gào khóc không ngừng là tại sao? Tại nó cực ngu. Sự hiểu biết của người theo đạo Nho há lại không hơn con nít sao?

14- Thầy Mặc tử hỏi một người theo đạo Nho:

- Chơi nhạc để làm gì?

Đáp:

- Chơi nhạc để được nhạc[505].

Thầy Mặc tử bảo:

- Ông chưa trả lời tôi. Nay tôi hỏi ông: "Cất nhà để làm gì? Ông đáp: "Để che lạnh mùa đông, tránh nóng mùa hè, để trai gái có phòng riêng biệt nhau", như vậy là cho tôi biết cái lí do cất nhà. Đằng này tôi hỏi ông: "Chơi nhạc để làm gì?" Ông đáp: "Chơi nhạc để được nhạc", như vậy khác gì tôi hỏi "Cất nhà để làm gì" mà ông đáp: "Để làm nhà".

15- Thầy Mặc tử bảo Trình tử [tên là Phiền, một học giả nghiên cứu cả đạo Nho lẫn đạo Mặc]:

- Đạo Nho có bốn chủ trương đủ để làm mất thiên hạ. Nho cho Trời là không sáng suốt, cho quỉ là không thiêng, Trời và quỉ không nói, điều đó đủ để mất thiên hạ. Lại thêm chôn cất hậu hĩnh, để tang lâu, quan quách phải dầy, áo liệm phải nhiều, đám tang như một cuộc dời nhà, khóc lóc ba năm, phải đỡ rồi mới đứng dậy, phải chống gậy rồi mới đi được, tai không nghe, mắt không thấy gì cả, như vậy đủ để mất thiên hạ. Lại đờn ca, đánh trống, múa, học thói ca nhạc, như vậy đủ để mất thiên hạ. Lại cho rằng có số mạng, giàu nghèo, thọ yểu, trị loạn, yên nguy đã định trước rồi, không sửa đổi được; người trên theo chủ trương đó tất không trị nước, người dưới theo chủ trương đó, tất không[506] làm ăn gì cả, như vậy đủ để mất thiên hạ.

Trình tử nói:

- Tiên sinh mạt sát đạo Nho quá lắm!

Thầy Mặc tử đáp:

- Nếu đạo Nho không có bốn chủ trương đó, mà tôi đặt điều thì mới là mạt sát. Nay đạo Nho quả có bốn chủ trương đó, tôi nói ra đâu phải là mạt sát, chỉ là có sao nói vậy thôi.

Trình tử làm thinh bước ra. Thầy Mặc tử gọi lại:

- Trở vô đi!

Trình tử quay lại, ngồi phía sau, rồi tiến lên, thưa:

- Lời nói mới rồi của tiên sinh có chỗ không phải. Như tiên sinh nói đó, tức là không có gì gọi là khen vua Vũ, là mạt sát Kiệt,Trụ[507].

Thầy Mặc tử đáp:

- Không phải vậy[508]. Nên bàn về chỗ phải trái thì bàn về chỗ phải trái[509], nên tranh biện phê phán thì tranh biện phê phán[510], như vậy là minh trí. Chỉ nên bàn về chỗ phải trái mà lại tranh biện, thì không khác gì vác cái tay xe mà đạp con kiến vậy.

16- Thầy Mặc tử tranh biện với Trình tử, khen Khổng tử. Trình tử bảo:

- Đã chê Nho, sao còn khen Khổng tử?

- Vì thuyết của ông ấy có chỗ đúng, không thể sửa đổi được. Như loài chim thấy không khí nóng hơn nhiều vì trời nắng hạn, thì bay lên cao, loài cá thấy không khí nóng hơn nhiều thì lặn xuống sâu; sáng suốt như vua Vũ, vua Thang cũng không thể chê chúng được. Có thể bảo loài chim, loài cá ngu, mà vua Vũ, vua Thang cũng có khi theo chúng; vậy thuyết của Khổng tử có chỗ đúng thì sao Địch tôi lại không khen?

17- Có người lại chơi nhà thầy Mặc tử, thân thể cường tráng mà trí óc minh mẫn. Thầy Mặc tử muốn khuyên người đó theo học mình, bảo: “Muốn học không? Rồi ta sẽ giới thiệu cho ra làm quan. Người đó được khuyến khích như vậy, nên xin học. Được một năm, người đó đòi thầy Mặc tử giới thiệu cho mình làm quan.

Thầy Mặc tử đáp:

- Không giới thiệu cho anh làm quan! Anh đã đọc sách *Lỗ ngữ* chưa? Một nhà nọ ở nước Lỗ có năm anh em. Cha chết, người con trưởng ham rượu và không lo việc chôn cất với các em. Bốn người em bảo: “Anh lo việc chôn cất cha với chúng em, chúng em sẽ mua rượu cho uống”. Được khuyến khích như vậy, người anh lo việc chôn cất. Chôn cất xong, hắn đòi bốn em mua rượu cho mình. Bốn người em đáp: “Tụi em không mua rượu cho anh, anh chôn cất cha, chúng tôi cũng chôn cất cha, cha là cha chung, chứ đâu phải của riêng chúng tôi. Anh không chôn cất cha thì người ta cười anh, cho nên chúng tôi mới khuyến khích anh chôn cất”. Nay anh làm việc nghĩa, ta cũng làm việc nghĩa, đâu phải việc nghĩa của riêng ta. Anh không học thì người ta cười anh, cho nên ta mới khuyến

khích anh học".

Thế là môn sinh đó không đòi được giới thiệu làm quan nữa.

18- Có người lại chơi nhà thầy Mặc tử. Thầy Mặc tử hỏi:

- Sao không học?

Đáp:

- Trong họ tôi không có ai học cả.

Thầy Mặc tử bảo:

- Không phải vậy! Người yêu cái đẹp không có nói: "Họ tôi không ai yêu cái đẹp", mà người đó cũng không yêu cái đẹp?[511] Người thích giàu sang, đâu có nói: "Họ tôi không ai thích giàu sang", mà người đó không thích giàu sang? Kẻ nào yêu cái đẹp, thích giàu sang thì không tuỳ theo người, cứ mạnh bạo gắng sức làm. Điều nghĩa là lợi khí lớn trong thiên hạ, sao lại tuỳ theo người? Mình cứ mạnh bạo, gắng sức mà làm chứ.

19- Có người lại chơi nhà thầy Mặc tử, thưa với thầy Mặc tử:

- Tiên sinh bảo quỉ thần sáng suốt, có thể gây hoạ, tạo phúc cho người được, người hiền thì làm cho giàu, kẻ tàn bạo thì bắt chịu tai hoạ. Tôi thờ tiên sinh không đúng chăng? Quỉ thần không sáng suốt chăng? Vì cớ gì mà tôi không được ban phúc?

Thầy Mặc tử đáp:

- Anh không được ban phúc, sao lại bảo lời của ta không đúng, mà quỉ thần không sáng suốt? Anh có nghe rằng kẻ giấu một người bị tội cũng bị tội không? [512]

- Không.

- Có người hiền gấp trăm anh, anh có thể khen người đó trăm lần mà anh có khen người đó một lần nào không? [513]

- Không.

Thầy Mặc tử bảo:

- Giấu một người còn bị tội, nay anh giấu nhiều người như vậy[514], tội phải nặng lắm, còn cầu phúc gì nữa?

20- Thầy Mặc tử đau. Phu Tị[515] bước lại, hỏi:

- Tiên sinh bảo quỉ thần sáng suốt, có thể gây hoạ, tạo phúc cho người được, người hiền thì thưởng, kẻ ác thì phạt. Tiên sinh là bậc thánh mà sao lại đau? Hoặc giả lời của tiên sinh không đúng chăng? Quỉ thần không sáng suốt chăng?

Thầy Mặc tử đáp:

- Ta đau thì sao lại bảo quỉ thần không sáng suốt? Có nhiều nguyên nhân gây bệnh: nóng, lạnh gây bệnh được, lao khổ gây bệnh được. Nhà có một trăm cửa, mà chỉ đóng một cửa thì kẻ trộm sao lại không vô được?

21- Hai ba môn sinh xin thầy Mặc tử dạy thêm môn bắn nữa. Thầy Mặc tử bảo:

- Không nên! Người trí tất lượng sức mình tới được đâu thì làm tới đó. Ngay như một quốc sĩ[516] cũng không thể làm cả hai việc vừa chiến đấu vừa nâng đỡ người được. Các anh không phải là quốc sĩ, làm sao có thể vừa học đạo vừa học bắn mà thành công được.

22- Vài ba môn sinh thưa với thầy Mặc tử:

- Cáo tử[517] bảo: "Mặc tử miệng thì nói [nhân] nghĩa mà hành vi thì xấu. Xin thầy đuổi hắn đi.

- Thầy Mặc tử đáp:

- Không nên. Hắn khen lời của ta để che hành vi của ta, như vậy còn hơn là không[518]. Có một người nọ với Địch, cả hai đều rất không ưa nhau, nhưng người đó kính Trời, thờ quỉ thần, yêu mọi người, vậy dù rất không ưa nhau, nhưng vẫn còn hơn là không. Cáo tử, ngôn ngữ, đàm luận rất giỏi, giảng nhân nghĩa, mà chê ta; hắn chê ta còn hơn là không.

23- Vài ba môn sinh thưa với thầy Mặc tử:

- Cáo tử làm được điều nhân?

Thầy Mặc tử bảo:

- Chưa hẳn vậy. Cáo tử làm điều nhân cũng như người nhón gót mà cho là cao, nằm ngửa [dang tay chân] mà cho là lớn [bề ngang], như vậy không được đâu.

24- Cáo tử bảo thầy Mặc tử:

- Tôi có thể trị nước được.

Thầy Mặc tử bảo:

- Người trị nước thì miệng nói điều gì, thân phải thi hành. Anh miệng nói mà thân không làm, thế là thân anh loạn rồi. Anh không trị nổi cái thân anh, làm sao trị được nước? Anh tạm đừng nói đến việc trị nước nữa, thân anh loạn rồi.

LỖ VẤN

1- Vua Lỗ [Mục công] hỏi thầy Mặc tử:

- Tôi sợ bị Tề đánh, có thể cứu được không?

Thầy Mặc tử đáp:

- Được. Xưa, ba đời thánh vương Vũ, Thang, Văn, Võ mới đầu chỉ là vua một nước chư hầu trăm dặm, thi hành đạo trung, nghĩa mà sau lấy được thiên hạ; còn ba đời bạo vương Kiệt, Trụ, U, Lệ chuốc oán, làm điều bạo ngược mà mất thiên hạ. Xin nhà vua trên thì kính Trời, thờ quỉ thần, dưới thì yêu và làm lợi cho trăm họ; tặng nhiều da và lụa, dùng ngôn ngữ nhún nhường, mau mau giao hảo với các nước chư hầu bốn bên; rồi xua hết dân trong nước ra chiến đấu, thì cứu được cái hoạ bị Tề đánh. Ngoài ra không có cách nào khác.

2- Tề sắp đánh Lỗ, thầy Mặc tử bảo Hạng Tử Ngưu [một viên tướng của Tề]:

- Tề đánh Lỗ là lầm lớn. Xưa, vua Ngô đem quân qua phía Đông đánh nước Việt, xua quân của Việt vương [Câu Tiễn] lên núi Cối Kê; phía Tây đánh Sở, giữ Chiêu vương ở đất Tuỳ; phía Bắc đánh Tề, bắt thái tử Quốc của Tề đem về Ngô; sau chư hầu báo thù, dân chúng Ngô ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được, vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự. Xưa, Trí Bá đánh họ Phạm và họ Trung Hàng, gồm đất của ba nhà nước Tấn [tức Trí, Phạm, Trung Hàng] làm một; sau chư hầu báo thù, dân chúng ghét sự lao khổ vì chiến tranh, không dùng được, vì vậy mà thân bị giết, nước mất, dòng dõi tuyệt tự. Cho nên nước lớn đánh nước nhỏ là hại lẫn nhau, cái hoạ tất trở ngược về nước mình.

3- Thầy Mặc tử yết kiến Tề Thái vương[519], hỏi:

- Có con dao, chém đầu người thì đứt liền, có thể gọi là bén không?

Thái vương đáp:

- Bén.

Lại hỏi:

- Chém đầu nhiều người, đều đứt liền, có thể gọi là bén không?

- Bén.

Thầy Mặc tử hỏi:

- Dao thì bén thật, nhưng ai chịu điều bất tường [chẳng lành]?

Thái vương đáp:

- Dao được tiếng là bén, mà người cầm dao chém phải chịu điều bất tường.

Thầy Mặc tử bảo:

- Thôn tính nước người, đánh bại quân, tàn sát dân chúng người, thì ai chịu điều bất tường?

Thái vương cúi xuống, ngửng lên suy nghĩ rồi đáp:

- Ta chịu điều bất tường.

4- Văn Quân ở Lỗ Dương sắp đánh Trịnh. Thầy Mặc tử hay tin, ngăn cản Văn Quân:

- Ví dụ trong cõi Lỗ Dương, đô ấp lớn đánh đô ấp nhỏ, nhà lớn [nhà các đại phu] đánh nhà nhỏ, giết dân chúng, cướp bò ngựa, chó heo, lúa gạo, hoá vật, của cải thì nhà vua nghĩ sao?

Văn Quân đáp:

- Trong cõi Lỗ Dương, ai cũng là bề tôi của quả nhạn, đô ấp lớn đánh đô ấp nhỏ, nhà lớn đánh nhà nhỏ để cướp hoá vật, của cải, thì quả nhân tức trừng trị nặng.

Thầy Mặc tử bảo:

- Trời gồm có cả thiên hạ, cũng như nhà vua có toàn cõi Lỗ Dương; nay nhà vua đem quân đánh Trịnh, không [sợ] bị Trời phạt sao?

Văn Quân đáp:

- Sao tiên sinh ngăn ta đánh Trịnh? Ta đánh Trịnh là thuận theo ý Trời. Người nước Trịnh ba đời giết cha[520], Trời phạt, khiến cho ba năm mất mùa, ta giúp Trời trừng trị nước đó mà.

Thầy Mặc tử bảo:

- Người nước Trịnh ba đời giết cha, Trời phạt, khiến cho ba năm mất mùa, như vậy đủ rồi. Nay nhà vua lại đem quân đánh Trịnh, bảo: "Ta đánh Trịnh là thuận theo ý trời", thì cũng không khác gì một người cha quất một người con hung hăng, bất tài mà người cha nhà bên cạnh còn vác cây đánh nó nữa, bảo: "Ta đánh nó là thuận theo ý cha nó", như vậy chẳng là trái lẽ ư?"

5- Thầy Mặc tử bảo Lỗ Dương Văn Quân:

- Nhà vua đánh nước Trịnh, giết dân, lấy bò ngựa, lúa gạo, hoá vật, của cải thì ghi lên thanh tre, tấm lụa, khắc trên đồng trên đá, trên chuông trên vạc để lưu lại cho con cháu đời sau, rằng: "Chiến công của ta không ai bằng". Còn thường dân cũng đánh nhà láng giềng, giết người lấy bò ngựa, lương thực, áo vải áo lông, cũng ghi lên thanh tre, tấm lụa, trên cái gậy, cái "đậu"[521] để lưu lại cho con cháu đời sau, rằng: "Chiến công của ta không ai bằng" như vậy được không?

Văn Quân đáp:

- Phải. Xét lời thầy nói thì trong thiên hạ, điều người ta cho là nên làm, vị tất đã nên làm.

6- Thầy Mặc tử bảo Lỗ Dương Văn Quân:

- Hạng quân tử [hạng trị dân] trên đời đều biết việc nhỏ mà không biết việc lớn. Có người ăn trộm một con chó, một con heo thì bảo là bất nhân; còn ăn trộm một nước, một đô ấp thì lại cho là việc nghĩa. Cũng như thấy trắng ít thì bảo là trắng, thấy trắng nhiều thì bảo là đen. Vì vậy tôi bảo hạng quân tử trên đời biết việc nhỏ mà không biết việc lớn, nghĩa là vậy.

7- Lỗ Dương Văn Quân bảo thầy Mặc tử:

- Phía nước Sở có nước Đạm, nghe nói người nước đó hễ sinh con đầu lòng thì làm thịt mà ăn, bảo như vậy lợi cho những đứa sau[522]. Thịt ngon thì dâng lên vua, vua mừng, thưởng cho người cha. Đó chẳng phải là một tục xấu sao?

Thầy Mặc tử nói:

- Tục Trung Quốc thì cũng vậy. Giết cha mà thưởng con[523] thì khác gì ăn thịt con mà thưởng cha. Nếu không dùng nhân nghĩa thì khác gì người mọi rợ ăn thịt con?

8- Một người sủng phi của vua Lỗ chết. Một người Lỗ đọc bài "luỵ" [thuật hành trạng của người chết]. Vua Lỗ khen hay rồi dùng người đó. Thầy Mặc tử nghe được bảo: "Đọc bài luỵ là thuật lại cái chí của người chết, khen người đọc luỵ hay rồi dùng, thì cũng như dùng ngựa để kéo cày [không hợp với sở trường của ngựa]".

9- Lỗ Dương Văn Quân hỏi thầy Mặc tử:

- Có người bảo rằng trung thần thì "bảo cúi thì cúi, bảo ngửng thì ngửng, không gọi thì im lặng, gọi thì thưa? Như vậy có phải làm trung thần không?

- Người mà bảo cúi thì cúi, bảo ngửng thì ngửng, như vậy không khác gì cái bóng; không gọi thì im lặng, gọi thì thưa, như vậy không khác gì tiếng vang. Nhà vua dùng cái bóng và tiếng vang đó vào việc gì?

Địch tôi cho trung thần là thấy vua có lỗi thì lựa lúc vắng người mà can, thấy mình có mưu chước gì hay thì trình bày với nhà vua mà không dám cho người khác biết, sửa chữa chỗ bậy của vua mà dâng vua điều thiện, tán đồng với vua mà bề trên không màng[524] với kẻ dưới[525], như vậy cái gì tốt đẹp là công của vua mà oán thì bề tôi chịu, vua được an vui, bề tôi chịu lo buồn. Địch tôi gọi như thế là trung thần.

10- Vua Lỗ hỏi thầy Mặc tử:

- Ta có hai người con, một ngươi hiếu học, một người thích chia sẻ của cải cho người khác, nên lựa người nào làm thái tử?

Thầy Mặc tử đáp:

- Chưa biết được. Có thể rằng hai người đó vì mong được thưởng hoặc được tiếng khen mà làm ra như vậy. Người đi câu dùng mồi không phải để tặng cá, người dùng thuốc chuột không phải vì yêu chuột. Xin nhà vua xét cả ý chí cùng công việc rồi mới biết được.

11- Một người nước Lỗ nhờ thầy Mặc tử dạy cho đứa con. Đứa con đó sau chiến đấu mà chết. Cha người đó lại trách thầy Mặc tử. Thầy Mặc tử đáp: "Ông muốn tôi dạy con ông. Nó học thành tài, chiến đấu mà chết, thì ông lại oán giận, như vậy không khác gì muốn có thóc, mua được rồi thì lại oán giận, chẳng cũng ngược lí ư?"

12- Ở miền Nam Bỉ nước Lỗ có một người tên là Ngô Lư, mùa đông làm đồ gốm, mùa hè làm ruộng, tự so sánh với vua Vũ. Thầy Mặc tử nghe tiếng lại thăm. Ngô Lư nói với thầy:

- Việc nghĩa, việc nghĩa! Đâu phải dùng để thuyết!

Thầy Mặc tử hỏi:

- Cái ông gọi là việc nghĩa đó, phải là lấy sức giúp người, lấy của chia cho người không?

Đáp:

- Phải.

Thầy Mặc tử nói:

- Địch tôi đã tính rồi. Địch tôi nghĩ nếu cày ruộng để nuôi thiên hạ thì giỏi lắm cũng chỉ cày bằng một nông phu, như vậy mà đem lúa chia cho khắp thiên hạ, mỗi người không được một thăng lúa; giả sử được một thăng lúa đi nữa thì cũng không làm cho người đói trong thiên hạ hoá no được, điều đó thấy rõ rồi. Địch tôi nghĩ nếu dệt vải để cho người trong thiên hạ có áo mặc thì giỏi lắm cũng chỉ dệt được bằng một người đàn bà, như vậy mà đem chia cho khắp thiên hạ thì mỗi người không được một thước vải; giả thử được một thước vải đi nữa thì cũng không làm cho người rét trong thiên hạ có áo ấm được, điều đó thấy rõ rồi. Địch tôi nghĩ nếu bận áo giáp cứng, cầm binh khí nhọn để cứu cái hoạ cho các nước chư hầu, thì giỏi lắm cũng chỉ chiến đấu được một binh sĩ, không chống nổi ba quân, điều đó thấy rõ rồi. Địch tôi cho rằng học đạo của tiên vương, tìm hiểu thuyết của các vị đó; thông suốt lời của thánh nhân mà xét kĩ ý nghĩa; rồi trên đem thuyết các vương công đại nhân, dưới giảng cho dân thường và các kẻ sĩ đi

bộ [chưa hiển đạt]. Các vương công đại nhân mà dùng lời của tôi thì nước sẽ trị, dân thường và kẻ sĩ đi bộ dùng lời của tôi thì đức hạnh tất sẽ sửa chữa. Vì vậy Địch tôi cho rằng tuy không cày ruộng, không dệt vải mà kết quả còn hơn cày ruộng, dệt vải.

13- Ngô Lư bảo thầy Mặc tử:

- Việc nghĩa, việc nghĩa! Đâu phải dùng để thuyết!

Thầy Mặc tử đáp:

- Thí dụ trong thiên hạ không ai biết cày ruộng. Dạy cho thiên hạ cày ruộng với không dạy mà riêng mình tự cày ruộng thì cách nào kết quả nhiều?

Ngô Lự[526] bảo:

- Dạy người ta cày ruộng thì kết quả nhiều hơn.

Thầy Mặc tử nói:

- Thí dụ đánh một nước bất nghĩa. Đánh trống thúc quân tiến lên, với không đánh trống thúc quân mà riêng mình tự xông lên chiến đấu thì cách nào kết quả nhiều hơn?

Đáp:

- Đánh trống thúc quân thì kết quả nhiều hơn.

- Trong thiên hạ, hạng dân thường và kẻ sĩ đi bộ ít biết điều nghĩa, dạy điều nghĩa cho thiên hạ thì kết quả cũng nhiều hơn, vậy thì tại sao không dùng lời để thuyết? Nếu dân chúng được cổ động mà tiến về việc nghĩa thì cái nghĩa của tôi chẳng cũng tiến thêm nhiều ư?

14- Thầy Mặc tử cho Công Thượng Quá tới nước Việt. Công Thượng Quá thuyết với vua Việt, vua Việt rất mừng, bảo Công Thượng Quá:

- Nếu tiên sinh mời thầy Mặc tử lại ở nước Việt mà dạy quả nhân thì quả nhân xin cắt đất cũ của nước Ngô ra vuông vức năm trăm dặm để phong cho thầy Mặc tử.

Công Thượng Quá nhận lời. Rồi vua Việt cho Công Thượng Quá một đoàn năm chục cỗ xe để qua Lỗ rước thầy Mặc tử. [Tới Lỗ], Công Thượng Quá nói với thầy Mặc tử:

- Con đem đạo của phu tử nói với vua Việt, vua Việt rất mừng, bảo con: “Nếu mời được thầy Mặc tử lại ở nước Việt mà dạy quả nhân thì quả nhân xin cắt năm trăm dặm của nước Ngô mà phong cho thầy ấy”.

Mặc tử bảo:

- Anh xét cái chí của vua Việt ra sao? Nếu vua Việt nghe lời ta, dùng đạo của ta thì ta sẽ tới, rồi xin được đủ ăn, đủ mặc, tự coi ta cũng như các bề tôi khác, chứ cầu được đất phong làm gì? Nếu nhà vua không nghe lời ta, không dùng đạo của ta mà ta tới thì chỉ là vì lúa. Ở đâu thì cũng được lúa, mà ở đâu thì cũng là Trung Quốc cả, hà tất phải tới nước Việt?

15- Thầy Mặc tử sai Nguỵ Việt đi du thuyết các nước nước Nguỵ Việt hỏi:

- Được yết kiến các quân tử [người cầm quyền] bốn phương, con nên giảng gì trước?[527]

Thầy Mặc tử:

- Vô một nước nào thì lựa việc mà làm. Một nước hỗn loạn thì giảng về đạo trọng người hiền, tán đồng với người trên; một nước nghèo thì giảng về phép bớt tiêu xài, tiết giảm việc ma chay; một nước thích âm nhạc, chìm đắm trong rượu thì khuyên bỏ nhạc đi, đừng tin có số mạng; một nước bậy bạ vô lễ, thì giảng về đạo tôn Trời, thờ quỉ thần; một nước chỉ lo việc xâm chiếm nước khác thì giảng về đạo kiêm ái, không đánh nước người. Cho nên bảo: “Phải lựa việc mà làm [tuỳ mỗi nước]”.

16- Thầy Mặc tử cho Tào Công tử làm quan ở Tống. Ba năm sau Tào Công tử trở về, thăm thầy Mặc tử, thưa:

- Hồi đầu con lại học thầy, mặc thì áo cộc bằng vải to, ăn thì canh rau hoắc, có bữa sáng mà không có bữa chiều, không có gì để thờ cúng quỉ thần; nay nhờ công thầy dạy bảo, nhà con phong lưu hơn trước, nên không dám sơ suất trong việc thờ cúng quỉ thần, vậy mà trong nhà nhiều người chết, lục súc không sinh sản nhiều, thân mình thì bệnh tật liên miên, con chưa thấy đạo của thầy hữu dụng chỗ nào.

Thầy Mặc tử đáp:

- Không phải vậy. Quỉ thần đòi hỏi ở người nhiều kia: muốn rằng người nào chức cao bổng hậu thì phải kính người hiền, có nhiều của thì phải chia cho người nghèo; chứ đâu phải chỉ muốn nhón nhiều xôi, cắt nhiều miếng phổi đâu[528]. Nay anh được chức cao bổng hậu mà không kính người hiền, đó là một điều bất tường; có của nhiều mà không chia cho người nghèo, đó là hai điều bất tường; anh thờ quỉ thần mà chỉ biết cúng tế mà thôi, rồi phàn nàn “sao đau ốm hoài”, như vậy khác nào nhà có trăm cửa, chỉ đóng một cửa mà lấy làm lạ kẻ trộm sao vào được. Làm như anh cầu quỉ thần linh thiêng ban phúc cho sao được.

17- Một thầy cúng nước Lỗ, cúng quỉ thần một con heo mà xin quỉ thần ban cho cả trăm thứ phúc. Thầy Mặc tử nghe được chuyện đó, bảo:

- Như vậy không thể được. Tặng người ta ít mà mong được đáp lại nhiều, thì người ta chỉ sợ được tặng thôi. Cúng một con heo mà cầu xin được cả trăm thứ phúc, thì quỉ thần rất sợ cúng bò, cừu. Các thánh vương đời xưa thờ quỉ thần chỉ cúng tế thôi, chứ không cầu xin gì cả; nay cúng một con heo mà xin cả trăm thứ phúc thì giàu như vậy thà nghèo còn hơn[529].

18- Bành Khinh nói với thầy Mặc tử:

- Việc đã qua thì biết được còn điều chưa tới thì không biết được.

Thầy Mặc tử bảo:

- Thí dụ người thân của ông ở ngoài trăm dặm, bị tai nạn; nội một ngày, nếu ông tới kịp thì cứu sống được, không thì chết. Có một cỗ xe chắc và một con ngựa tốt, với có một con ngựa dở và cổ xe mà bánh có nhiều góc cạnh [không tròn, khó lăn], thì ông lựa xe nào để cưỡi?

Đáp:

- Tôi lựa cỗ xe chắc và con ngựa tốt để mau tới.

Thầy Mặc tử bảo:

- Vậy là ông nhờ việc đã qua mà biết được việc chưa tới đấy.

19- Mạnh Sơn khen Vương tử Lư:

- Xưa, trong cái hoạ Bạch công, Bạch công dùng búa rìu, dao quắm móc lưng, dùng kiếm và mâu [một binh khí mũi nhọn] chĩa thẳng vào tim Vương tử Lư, bảo: "Chịu làm vua thì sống, không thì chết"[530]. Vương tử Lưu đáp: "Sao làm nhục ta như vậy? Giết cha ta rồi cho ta nước Sở để lấy lòng ta. Được cả thiên hạ mà mang tiếng bất nghĩa, ta không làm, huống hồ là được nước Sở". Rồi Vương tử Lư chịu chết. Vương tử Lư chẳng phải là người nhân ư?

Thầy Mặc tử bảo:

- Việc [nghĩa] đó tuy khó làm thật, nhưng chưa phải là nhân. Nếu cho làm vua là vô đạo[531] thì sao không nhận làm vua để trị [lại] nước? Nếu Bạch công là bất nghĩa thì sao không nhận làm vua, để giết Bạch công, rồi sau trả lại ngôi vua? Cho nên tôi bảo: "Khó làm thì khó làm thật, nhưng chưa phải là nhân".

20- Thầy Mặc tử sai [một môn đệ là] Thắng Xước thờ Hạng Tử Ngưu. Hạng Tử Ngưu ba lần xâm chiếm đất Lỗ mà Thắng Xước đều theo giúp. Hay chuyện đó, thầy Mặc tử sai Cao Tôn tử xin Hạng Tử Ngưu đuổi Thắng Xước về. Thầy Mặc tử bảo Cao Tôn tử:

- Ta sai Thắng Xước [thờ Hạng Tử Ngưu] là muốn nó ngăn tính kiêu ngạo và sửa những sai lầm [của Hạng tử Ngưu]. Nay nó được lộc hậu mà lừa lọc phu

tử[532], phu tử ba lần xâm chiếm nước Lỗ mà ba lần nó tới giúp, như vậy là quất roi vào miếng da che bụng ngựa[533]. Ta nghe nói: giảng điều nghĩa mà không làm là biết mà còn cố ý phạm lỗi. Thắng Xước không phải là không biết điều nghĩa, nó coi trọng bổng lộc hơn điều nghĩa.

21- Xưa, Sở và Việt dùng thuyền đánh nhau trên sông. Quân Sở xuôi dòng tiến tới rồi ngược dòng lui về, thấy lợi thì tiến, thấy bất lợi thì lui về một cách khó khăn. Quân Việt đón [ngược] dòng mà tiến, xuôi dòng mà lui, thấy thế lợi thì tiến, thế bất lợi thì lui mau được. Quân Việt nhờ thế nước đó mà mấy lần đánh bại quân Sở. Công Thâu tử[534] từ Lỗ xuống nước Sở thấy vậy mới chế tạo một loại máy thuỷ chiến có cả móc và nạng[535]; [hễ quân địch] lui thì móc lại, [quân địch] tiến tới thì chống lại; tuỳ móc và nạng dài ngắn mà lựa thuỷ thủ; binh của Sở kiềm chế được mà binh của Việt không kiềm chế được[536], nhờ cái thế đó mà mấy lần đánh bại được quân Việt.

Công Thâu tử tự hào về cái khéo của mình, bảo thầy Mặc tử:

- Chiến thuyền của tôi có móc và nạng, còn cái "nghĩa" của ông có móc và nạng không?

Thầy Mặc tử đáp:

- Móc và nạng của cái "nghĩa" của tôi còn tốt hơn móc và nạng của chiến thuyền của ông. Tôi móc lại bằng tình yêu, chống lại bằng sự cung kính. Không móc bằng tình yêu thì không thân với nhau, không chống lại bằng sự cung kính thì mau nhờn; nhờn mà không thân thì mau xa nhau. Cho nên thương yêu, kính trọng lẫn nhau tức là làm lợi cho nhau. Còn ông móc để bắt người ta ngừng lại thì người ta cũng móc để ông ngừng lại; ông chống để cự người ta cũng chống để cự lại với ông. Móc, chống lẫn nhau tức là làm hại lẫn nhau. Cho nên móc, nạng của cái nghĩa của tôi tốt hơn móc, nạng của chiến thuyền của ông.

22- Công Thâu tử chẻ, vót tre để làm một con chim khách bay được ba ngày mà không rớt xuống, tự cho mình là khéo. Thầy Mặc tử bảo: "Chim khách của ông không bằng cái chốt xe của tôi, chỉ đẽo ba tấc gỗ một lát là thành mà nó đỡ được sức nặng năm mươi thạch [mỗi thạch 120 cân]. Cái gì ích lợi cho người thì gọi là khéo, không lợi thì gọi là vụng".

23- Công Thâu tử nói với thầy Mặc tử:

- Khi chưa gặp được ông, tôi muốn chiếm nước Tống; từ khi gặp được ông rồi, dù người ta tặng tôi nước Tống mà tôi phải làm điều bất nghĩa, thì tôi cũng không làm.

Thầy Mặc tử bảo:

- Địch tôi khi chưa gặp ông, ông muốn chiếm nước Tống; từ khi gặp được ông rồi, dù người ta tặng ông nước Tống mà ông phải làm điều bất nghĩa, thì ông cũng không làm; như vậy là tôi tặng ông nước Tống rồi đấy. Ông cứ chăm lo làm việc nghĩa đi, rồi tôi sẽ tặng ông cả thiên hạ.

CÔNG THÂU

Công Thâu Ban chế tạo xong cho nước Sở một khí giới là chiếc thang mây[537], sắp dùng để đánh Tống. Thầy Mặc tử hay tin, từ Lỗ đi mười đêm mười ngày không nghỉ, tới nỗi rách quần, rách giày, hở chân, để đến kinh đô Sở là Dĩnh, xin gặp Công Thâu Ban. Công Thâu Ban hỏi:

- Phu tử có điều gì dạy bảo tôi?

Thầy Mặc tử đáp:

- Phương Bắc có kẻ làm nhục tôi, xin cậy ông giết nó cho tôi.

Công Thâu Ban không bằng lòng. Thầy Mặc tử nói:

- Xin dâng ông mười dật vàng.

Công Thâu Ban đáp:

- Tôi trọng nghĩa, không giết người.

Thầy Mặc tử đứng dậy, vái hai vái, thưa:

- Xin cho phép tôi thưa: Tôi ở phương Bắc nghe nói ông làm cái thang để đánh nước Tống. Tống có tội gì đâu? Nước Kinh [tức Sở] có dư đất mà không đủ dân. Giết số dân của người ta[538] không có đủ để tranh đất mà mình có dư, như vậy không thể gọi là trí [sáng suốt]. Tống vô tội mà đem quân đánh, như vậy không thể gọi là nhân. Biết là việc không phải mà không can ngăn vua, như vậy không thể gọi là trung. Can ngăn mà không được, như vậy không thể gọi là giỏi. Vì nghĩa, không giết một người mà giết nhiều người, như vậy là không biết phân biệt [không hợp lí].

Công Thâu Ban chịu, không cãi được. Thầy Mặc tử bảo:

- Như vậy thì sao ông không thôi đi?

Công Thâu Ban đáp:

- Không được. Tôi đã lỡ nói với vua rồi.

- Thế thì sao không giới thiệu cho tôi vô bệ kiến?

Công Thâu Ban nhận lời:

- Vâng.

Thầy Mặc tử vô yết kiến vua Sở, tâu:

- Tôi nghe nói đại vương sắp đánh Tống, có vậy chăng?

Vua Sở đáp:

- Có.

Thầy Mặc tử nói:

- Nay có người không dùng cỗ xe trang hoàng đẹp đẽ của mình mà muốn ăn trộm chiếc xe tồi tàn của người láng giềng; không dùng y phục bằng gấm thêu của mình mà muốn ăn trộm chiếc áo cộc bằng vải to của người láng giềng; không ăn gạo thịt của mình mà muốn ăn trộm hèm rượu và cám [thức ăn xấu thường để nuôi heo] của người láng giềng, thì người đó ra sao?

- Nhất định là có tật ăn trộm rồi.

Thầy Mặc tử nói:

- Đất nước Kinh[539] vuông năm ngàn dặm, [so với Tống] tức như cỗ xe trang hoàng đẹp đẽ so với chiếc xe tồi tàn. Nước Kinh có chằm Vân Mông đầy loài tê ngưu, hươu nai; có sông Giang, sông Hán, nhiều cá, rùa, ba ba, giàu nhất thiên hạ, còn Tống không có trĩ, thỏ, cá giếc; như vậy cũng như gạo thịt so với hèm rượu và cám. Nước Kinh có cây tùng cao, cây tử đẹp, cây kỉ, cây nam, cây dư chương; còn Tống không có cây cao, như vậy cũng như y phục bằng gấm thêu so với áo cộc bằng vải to. Thần cho rằng ba vị khanh của Sở mà đánh Tống thì cũng như vậy. Chắc đại vương cho việc đó là hại cho nhân nghĩa nên không làm.

Vua Sở đáp:

- Hay! Tuy nhiên, Công Thâu Ban đã vì ta làm chiếc thang máy, thì tất sẽ chiếm Tống.

Thầy Mặc tử lại yết kiến Công Thâu Ban, cởi cái đai ra, bày thành hình cái thành, dùng các thẻ tre tượng trưng cho binh khí; Công Thâu Ban chín lần bày máy đánh thành, thầy Mặc tử chín lần chống cự. Công Thâu Ban dùng hết các kiểu máy, mà thầy Mặc tử vẫn còn dư cách để giữ thành. Công Thâu Ban đành chịu khuất phục, bảo:

- Tôi biết cách chống ông, nhưng tôi không nói.

Thầy Mặc tử cũng nói:

- Tôi biết cũng cách chống ông, nhưng tôi không nói.

Vua Sở hỏi nguyên do, thầy Mặc tử đáp:

- Thâm ý của Công Thâu tử, chẳng qua là muốn giết thần. Giết thần rồi thì Tống không giữ được, Sở[540] có thể chiếm giữ được. Nhưng đệ tử của thần là bọn Cầm Hoạt Li gồm ba trăm người giữ khí giới để bảo vệ cửa thành, đương ở trên thành nước Tống mà đợi giặc Sở; dù giết được thần, cũng không diệt được bọn đó.

Vua Sở bảo:

- Hay! Ta xin không đánh Tống nữa.

Thầy Mặc tử trên đường về, đi qua nước Tống, gặp trời mưa, vào một cổng làng để tránh mưa, người giữ cổng [ngờ là gián điệp] không cho vô. Cho nên bảo: Trị nước giỏi hơn thần thì không ai biết công cho; tranh nhau về sự sáng suốt [tranh khôn] thì ai cũng biết[541].

PHỤ LỤC[542]

THIÊN TIỂU THỦ BÀN THÊM VỀ "TỪ"

(Trích *Đại cương triết học Trung Quốc*)

Thiên *Tiểu thủ* còn bàn thêm về lời nói như thế này: "Vật có khi thế mà thế, có khi thế mà không phải thế. Có khi một đẳng khắp hết mà một đẳng không khắp hết; có khi một đẳng phải mà một đẳng không phải" (*Phù vật, hoặc nãi thị nhi nhiên, hoặc thị nhi bất nhiên, hoặc nhất chu nhi nhất bất chu, hoặc nhất thị nhi nhất phi dã*)[543]

Thế nào là "đúng mà như thế"? Thiên *Tiểu thủ* nói: "Ngựa trắng là ngựa, cưỡi ngựa trắng là cưỡi ngựa. Ngựa đen là ngựa, cưỡi ngựa đen là cưỡi ngựa. Hoạch là người, yêu Hoạch là yêu người. Tang[544] là người, yêu Tang là yêu người. Ấy là đúng như thế" (*Bạch mã, mã dã, thừa bạch mã, thừa mã dã. Li mã,mã dã, thừa li mã, thừa mã dã. Hoạch nhân dã, ai Hoạch, ái nhân dã. Tang, nhân dã, ái Tang, ái nhân dã. Thử nãi "thị nhi nhiên" giả dã*)[545].

Một chủ ngữ (ngựa trắng) và một vị ngữ[546] (là ngựa) hợp thành một mệnh đề khẳng định đơn (ngựa trắng là ngựa). Thêm vào trước chữ làm chủ ngữ một "động từ" (cưỡi) và thêm vào chữ làm thuộc từ cùng một "động từ" (cưỡi) ấy, thì được hai mệnh đề đơn (Cưỡi ngựa trắng. Là cưỡi ngựa). Hợp hai mệnh đề đơn ấy lại thì được một mệnh đề khẳng định kép (Cưỡi ngựa trắng là cưỡi ngựa). Như vậy là "đúng mà như thế".

Thế nào là "đúng mà không như thế"? Thiên *Tiểu thủ* nói: "Người thân của Hoạch là người, Hoạch thờ người thân không phải là thờ người. Em mình là người đẹp, yêu em mình không phải là yêu người đẹp. Xe là gỗ, cưỡi xe không phải là cưỡi gỗ. Thuyền là gỗ, vào thuyền không phải là vào gỗ. Kẻ trộm là người, nhiều kẻ trộm không phải là nhiều người; không có kẻ trộm không phải là không có người. Lấy gì chứng tỏ điều đó? Ghét nhiều kẻ trộm không phải là ghét nhiều người, muốn không có kẻ trộm, không phải phải là muốn không có người (…) "Đúng mà không phải thế" là như vậy đó". (*Hoạch chi thân, nhân dã, Hoạch sự kì thân, phi sự nhân dã. Kì đệ mĩ nhân dã, ái đệ phi ái mĩ nhân dã. Xa, mộc dã, thừa xa, phi thừa mộc dã. Thuyền, mộc dã, nhập thuyền, phi nhập mộc dã. Đạo nhân, nhân dã, đa đạo phi đa nhân dã, vô đạo phi vô nhân dã (…) Thử nãi thị nhi bất nhiên giả dã*)[547].

Một chủ ngữ (người thân của Hoạch) và một vị ngữ (là người) hợp lại thành một mệnh đề khẳng định đơn (Người thân của Hoạch là người). Thêm vào trước chữ làm chủ ngữ (người thân) một "động từ" (thờ), và thêm vào trước chữ thuộc

từ trong vị ngữ (người) cùng một "động từ" (thờ) ấy, thì được hai mệnh đề đơn (Hoạch thờ người thân. Là thờ người). Nếu hợp hai mệnh đề khẳng định đơn này lại thành một mệnh đề khẳng định kép thì mệnh đề kép này nghĩa không xuôi (Hoạch thờ người thân là thờ người). Chỉ có thể thêm chữ "không phải" vào, để thành một mệnh đề phủ định thì mới xuôi, mới đúng (Hoạch thờ người thân không phải là thờ người). Với câu "Kẻ trộm là người", thêm tiếng phủ định (không có) vào trước chữ làm chủ ngữ (kẻ trộm) và thêm tiếng phủ định (không có) vào trước chữ thuộc từ trong vị ngữ (người), ta được hai mệnh đề phủ định đơn (Không có kẻ trộm. Không có người). Nếu hợp hai mệnh đề phủ định đơn này lại làm một mệnh đề khẳng định kép (Không có kẻ trộm là không có người) thì mệnh đề khẳng định kép này cũng lại trái nghĩa. Như vậy là "thế mà không phải thế".

Người thân của Hoạch là người. Nhưng khi nói "Hoạch thờ người thân là thờ người", thì chữ "người" thứ hai trong câu này biến hoá, nó thành ra nghĩa là "người dưng", đối lập với "người thân", chứ không có nghĩa là "một con người" như trong câu "Người thân của Hoạch là người" nữa. Bởi vậy, nếu không thêm hai chữ "không phải" và giữa hai mệnh đề khẳng định đơn "Hoạch yêu người thân. Là yêu người" thì câu khẳng định kép "Hoạch yêu người thân là yêu người" trở nên ngược nghĩa. Với câu "Thuyền là gỗ, vào thuyền không phải là vào gỗ", chữ "gỗ" trong câu "Thuyền là gỗ" có nghĩa là "chất gỗ, bằng chất gỗ"; còn chữ "gỗ" trong "vào gỗ" thì có nghĩa là một tấm gỗ, phiến gỗ hay một cây gỗ. Như vậy, khi nghe nói "vào gỗ", người ta thường có thể hiểu là "chui vào miếng gỗ, chui vào cây gỗ". Như vậy, muốn khỏi nghịch nghĩa phải nói "vào thuyền không phải là vào gỗ". Cũng vậy, chữ "người" trong câu "Kẻ trộm là người", và chữ "người" trong câu "Không có kẻ trộm không phải là không có người" khác hẳn nghĩa nhau. Chữ "người" trên có nghĩa là một người (trộm là một người), còn chữ "người" dưới đặt như như vậy, có nghĩa là lương thiện, đối lập với trộm.

Thế nào là "một đằng khắp hết, một đằng không khắp hết"? Thiên *Tiểu thủ* nói:

"Yêu người, đợi yêu khắp hết mọi người mà sau mới là yêu người. Chẳng yêu người, chẳng đợi chẳng yêu khắp hết mọi người; chẳng yêu được khắp là vì chẳng yêu người vậy. Cưỡi ngựa, chẳng đợi phải cưỡi hết mọi con ngựa mà sau mới là cưỡi ngựa. Đến như chẳng cưỡi ngựa, thì phải đợi khắp hết chẳng cưỡi một con ngựa nào mà sau mới là chẳng cưỡi ngựa. Ấy "một đằng khắp hết, một đằng không khắp hết". (*Ái nhân, đãi chu ái nhân nhi hậu vị ái nhân. Bất ái nhân,*

bất đãi chu bất ái nhân; bất chu ái, nhân vị bất ái nhân hĩ. Thừa mã, bất đãi chu thừa mã nhiên hậu vị thừa mã dã, hữu thừa vu mã, nhân vị thừa mã hĩ. Đãi chí bất thừa mã, đãi chu bất thừa mã nhi hậu vị bất thừa mã. Thử nhất chu nhi nhất bất chu giả dã)[548]

Trong nhiều mệnh đề khẳng định, tân từ (hay bổ túc từ) của nó biểu thị cái gì ắt là phải biểu thị khắp hết đồng loại cái ấy, thì nghĩa những mệnh đề đó mới đúng. Chẳng hạn như mệnh đề khẳng định "Yêu người". Tân từ "người" phải biểu thị toàn thể loài người thì nghĩa mệnh đề đó mới đúng. Nhưng cũng những mệnh đầu ấy mà ở thể phủ định, thì tân từ của nó bất tất phải biểu thị khắp hết mọi cái cùng loại với cái tân từ đó biểu thị, mà nghĩa những mệnh đề đó vẫn đúng. Tỉ dụ như mệnh đề "Chẳng yêu người": tân từ "người" bất tất phải biểu thị tất cả loài người mà sau mệnh đề đó mới có nghĩa là "chẳng yêu người". Tuy nhiên, cũng có những mệnh đề khẳng định, tân từ của nó biểu thị cái gì thì bất tất phải biểu thị khắp hết mọi cái đồng loại với cái ấy, mà nghĩa những mệnh đề ấy vẫn đúng. Tỉ dụ như mệnh đề "Cưỡi ngựa": tân từ "ngựa" bất tất phải biểu thị "khắp hết mọi con ngựa"; cưỡi một con ngựa cũng vẫn đúng là "cưỡi ngựa". Nhưng trái lại cũng những mệnh đề ấy mà ở thể phủ định thì tân từ của nó tất phải biểu thị khắp hết mọi cái cùng loại với cái mà tân từ đó biểu thị, thì nghĩa những mệnh đề ấy mới đúng. Tỉ dụ như mệnh đề "Chẳng cưỡi ngựa": tân từ "ngựa" tất phải biểu thị khắp hết mọi con ngựa thì mệnh đề "Chẳng cưỡi ngựa" mới đúng là "chẳng cưỡi ngựa". "Một đằng khắp hết, một đằng không khắp hết" là nghĩa như vậy.

Thật ra, khách quan mà xét, kiến giải của Mặc gia ở đây có chỗ không ổn. Chủ trương của Mặc gia là "kiêm ái", cho nên mới bảo rằng: "Yêu người" mà "người" không có nghĩa là "khắp hết mọi người" thì vẫn không phải là yêu người. Thực ra, nếu không vì sợ mâu thuẫn với chủ trương "kiêm ái" mà nói, thì dù chỉ yêu một người cũng nói là "yêu người", có nghĩa là yêu người rồi, như "cưỡi ngựa" có nghĩa là cưỡi ngựa rồi, mặc dù chữ "ngựa" chỉ biểu thị "một con ngựa".

Thế nào là "một đằng phải, một đằng không phải"? Thiên *Tiểu thủ* nói:

"Ở trong nước (quốc gia) thì là ở nước, có một chiếc nhà ở trong nước thì lại không phải là có nước. Quả cây đào là đào, quả cây gai không phải là gai. Hỏi thăm bệnh người là hỏi thăm người, ghét bệnh người không phải là ghét người. Hồn ma của một người nào đó không phải là người, hồn ma của anh là anh. Tế hồn ma người không phải là tế người, tế hồn ma anh là tế anh. Mắt con ngựa ấy nhìn thì bảo là con ngựa ấy nhìn, mắt con ngựa ấy to thì không thể bảo là con

ngựa ấy to. Lông con bò ấy vàng thì bảo con bò ấy vàng, lông con bò ấy nhiều thì không thể bảo con bò ấy nhiều. Một con ngựa là ngựa, hai con ngựa là ngựa, ngựa bốn chân là một con ngựa bốn chân, chứ không phải hai ngựa mà bốn chân. Một ngựa là ngựa, ngựa có con trắng là (có ít nhất) hai con ngựa mà một con trắng. Ấy "một đằng phải, một đằng không phải" là nghĩa như vậy đó. (*Cư vu quốc, tắc vị cư quốc, hữu nhất trạch vu quốc, nhi bất vị hữu quốc. Đào chi thực, đào dã, cức chi thực, phi cức dã. Vấn nhân chi bệnh, vấn nhân dã, ố nhân chi bệnh, phi ố nhân dã. Nhân chi quỷ, phi nhân dã, huynh chi quỷ, huynh dã. Tế nhân chi quỷ, phi tế nhân dã, tế huynh chi quỷ, nãi tế huynh dã. Chi mã chi mục phán tắc vị chi mã phán, chi mã chi mục đại, nhi bất vị chi mã đại. Chi ngưu chi mao hoàng, tắc vị chi ngưu hoàng, chi ngưu chi mao chúng, nhi bất vị chi ngưu chúng. Nhất mã, mã dã, nhị mã, mã dã, mã tứ túc giả, nhất mã nhi tứ túc dã, phi lưỡng mã nhi tứ túc dã. Nhất mã, mã dã, mã hoặc bạch giả, nhị mã nhi hoặc bạch dã, phi nhất mã nhi hoặc bạch. Thử nãi nhất thị nhi nhất phi giả dã*)[549]

Hai mệnh đề đơn hợp thành một mệnh đề khẳng định kép, tỉ dụ: "Hỏi bệnh người là hỏi người". Lấy một chữ trong cái mệnh đề đơn (Hỏi bệnh người) làm chủ ngữ của mệnh đề kép và đổi chữ ấy ra một chữ khác (tỉ dụ trong mệnh đề "Hỏi bệnh người", đổi chữ "hỏi" ra chữ "ghét", mệnh đề đơn là chủ ngữ "Hỏi bệnh người" thành "ghét bệnh người"), rồi lại lấy cùng một chữ ("hỏi") ấy trong mệnh đề đơn (Là hỏi người) làm vị ngữ của mệnh đề kép, mà đổi ra thành cùng một chữ khác ("ghét") như đã đổi trong mệnh đề đơn cũ: mệnh đề vị ngữ "Là hỏi người" thành "Là ghét người". Nếu đem hai mệnh đề đơn đã được sửa đổi như vậy ghép thành một mệnh đề khẳng định kép "Ghét bệnh người là ghét người", thì mệnh đề mới này thành ra trái nghĩa. Tất phải thêm chữ "không phải" vào giữ hai mệnh đề khẳng định kép: "Ghét bệnh người không phải là ghét người", thì mệnh đề kép mới mới xuôi. Ngược lại, nếu mệnh đề kép cũ là một mệnh đề kép phủ định (Tỉ dụ: "Hồn ma người không phải là người") thì sau khi đổi lại một chữ trong mỗi mệnh đề đơn (đổi chữ "người" thành chữ "anh"), tất phải sửa cho xuôi nghĩa, làm cho mệnh đề phủ định cũ thành một mệnh đề khẳng định kép thì mới ổn (Hồn ma anh là anh). Mặt khác, trong ngôn ngữ văn tự Trung Quốc, số nhiều và số ít, không bắt buộc phải biểu diễn thật minh bạch: khi viết trống không chữ "ngựa" hay nói trống không tiếng "ngựa", thì hiểu là một con ngựa cũng được, mà hiểu là nhiều con ngựa cũng vẫn được. Nhiều khi, chủ ngữ trong một mệnh đề, nếu coi như số ít thì mệnh đề có nghĩa, mà nếu coi như ở số nhiều thì mệnh đề đó trở thành không có nghĩa gì. Ngược lại, có khi phải hiểu là ở số nhiều thì mới có nghĩa, mà ở số ít lại không có nghĩa. Đó là trường hợp chữ "ngựa" trong mệnh đề "Ngựa có con trắng" và mệnh đề "Ngựa bốn chân". Trong

mệnh đề “Ngựa bốn chân”, phải hiểu là một con ngựa; trong mệnh đề “Ngựa có con trắng”, phải hiểu “ngựa” (là ít nhất có) hai con ngựa. Ấy “một đằng phải, một đằng không phải” là nghĩa như vậy đó. Sở dĩ có tính trạng đó, là vì trong ngôn ngữ văn tự, ý nghĩa của một chữ thường khi thay đổi tuỳ theo vị trí của nó trong câu, tuỳ theo ý nghĩa của thượng, hạ văn, tuỳ theo thói quen thường gán cho một chữ những ý nghĩa đặc biệt. Cũng bởi lẽ đó cho nên “Hỏi bệnh người là hỏi người”, mà “Ghét bệnh người không phải là ghét người”, “Hồn ma anh là anh” v.v…

Nếu nhất thiết đều “thế là phải thế” thì những phương pháp “thí”, “mâu”, viện”, suy” sẽ không thể có tệ bệnh. Nhưng sự thực không phải nhất thiết đều “thế là phải thế”, cho nên, khi lập mệnh đề, không thể không thận trọng được.

Lập luận của Mặc gia trong đoạn trích dẫn ở thiên *Tiểu thủ* trên đây thật là tinh vi…

BỘ MẶC TỬ

(Trích trong cuốn *Cổ văn Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê)

Bộ *Mặc tử* cũng như bộ *Luận ngữ* là một công trình tập thể, do môn đệ của Mặc tử chép lời dạy của thầy mà soạn thành.

Mặc tử, người nước Lỗ, tên là Địch, sanh vào khoảng Khổng tử, mất và thọ độ tám chục tuổi (480?-397?), nếu không học đạo của Khổng tử thì cũng chịu ảnh hưởng của Nho gia. Ông sống khắc khổ, có tài tranh biện, suốt đời hăm hở cứu vớt thiên hạ, đi chu du các nước giảng đạo kiêm ái. Khi Công Thâu Ban chế giúp nước Sở một kiểu thang máy, sắp dùng đánh nước Tống, ông khởi hành từ Tề đi luôn mười ngày đêm đến kinh đô Sở để can Công Thâu Ban. Công Thâu Ban nghe, đưa ông vào yết kiến vua Sở, vua Sở cũng bị thuyết phục nữa. Sau lại có lần sang Sở để khuyên Sở đừng đánh Tống. Môn đệ của ông rất đông, tuyệt đối phục tòng ông, biết hy sinh cho đạo, thành lập một tôn giáo chủ trương thờ Trời và quỉ thần, đề cao kiêm ái, phản đối chiến tranh, lễ, nhạc, đối lập với Nho gia. Đạo Mặc ảnh hưởng lớn tới đời Tần, qua đời Hán, Nho học lần lần chiếm địa vị độc tôn mà Mạc học suy luôn.

Bộ *Mặc tử* nay còn 53 thiên, nhưng chỉ có những thiên Thượng Hiền, Thượng Đồng, Kiêm Ái, Phi Công, Phi Nhạc, Tiết Táng, Thiên Chí, Minh Quỷ, Phi Mệnh, Phi Nho là tin được, còn những thiên khác là của đời sau viết. Quan trọng nhất là những thiên Kiêm Ái, Phi Công, Thượng Đồng. Bộ đó rất có giá trị về triết học mà về văn học có tác dụng lớn là mở nguồn cho lối văn nghị luận của Trung Hoa; cho nên tuy về phương diện nghệ thuật, tác phẩm chưa đạt tới một mức cao, chúng tôi cũng trích dịch một đoạn dưới đây trong thiên Kiêm Ái[550] để độc giả so sánh với những văn nghị luận đời sau.

兼愛

(…)醫之攻人之疾者(…)必知疾之所自起，焉能攻之(…)治亂者何獨不然？(…)

聖人以治天下為事者也，不可不察亂之所自起。當察亂何自起，起不相愛。臣子之不孝君父，所謂亂也；子自愛不愛父，故虧父而自利；弟自愛不愛兄，故虧兄而自利。臣自愛不愛君，故虧君而自利，此所謂亂也。雖父之不慈子，兄之不慈弟，君之不慈臣，此亦天下之所謂亂也。父自愛也不愛子，故虧子而自利；兄自愛也不愛弟，故虧弟而自利；君自愛也不愛臣，故虧臣而自

利(…)雖至天下之為盜賊者亦然：盜愛其室，不愛異室，故竊異室以利其室；賊愛其身，不愛人，故賊人以利其身(…)雖至大夫之相亂家、諸侯之相攻國者亦然：大夫各愛其家，不愛異家，故亂異家以利其家；諸侯各愛其國，不愛異國，故攻異國以利其國。天下之亂物，具此而已矣(…)

若使天下兼相愛，愛人若愛其身，猶有不孝者乎？視父兄與君若其身，惡施不孝？猶有不慈者乎？視弟子與臣若其身，惡施不慈？故不孝不慈亡有，猶有盜賊乎？故視人之室若其室，誰竊？視人身若其身，誰賊？故盜賊亡有，猶有大夫之相亂家諸侯之相攻國者乎？視人家若其家，誰亂？視人國若其國，誰攻？故大夫之相亂家，諸侯之相攻國者亡有。若使人下兼相愛，國與國不相攻，家與家不相亂，盜賊無有，君臣父子皆能孝慈，若此則天下治。故聖人以治天下為事者，惡得不禁惡而勸愛？(…)

KIÊM ÁI

(…) Y chi công tật giả (…) tất tri tật chi sở tự khởi, yên năng công chi (…). Trị loạn giả hà độc bất nhiên? (…)

Thánh nhân dĩ trì thiên hạ vi sự giả dã, bất khả bất sát loạn chi sở tự khởi. Thường sát loạn hà tự khởi, khởi bất tương ái. Thần tử chi bất hiếu quân phụ, sở vị loạn dã; tử tự ái bất ái phụ, cố khuy phụ nhi tự lợi; đệ tự ái bất ái huynh, cố khuy huynh nhi tự lợi. Thần tự ái bất ái quân, cố khuy quân nhi tự lợi, thử sở vị loạn dã. Tuy phụ chi bất từ tử, huynh chi bất từ đệ, quân chi bất từ thần, thử diệc thiên hạ chi sở vị loạn dã. Phụ tự ái dã bất ái tử, cố khuy tử nhi tự lợi; huynh tự ái dã bất ái đệ, cố khuy đệ nhi tự lợi; quân tự ái dã bất ái thần, cố khuy thần nhi tự lợi (…) Tuy chí thiên hạ chi vi đạo tặc giả diệc nhiên: đạo ái kì thất, bất ái dị thất, cố thiết dị thất dĩ lợi kì thất; tặc ái kì thân, bất ái nhân, cố tặc nhân dĩ lợi kì thân (…) Tuy chí đại phu chi tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc giả diệc nhiên: đại phu các ái kì gia, bất ái dị gia, cố loạn dị gia dĩ lợi kì gia; chư hầu các ái kì quốc, bất ái dị quốc, cố công dị quốc dĩ lợi kì quốc. Thiên hạ chi loạn vật, cụ thử nhi dĩ hĩ (…)

Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, ái nhân nhược ái kì thân, do hữu bất hiếu giả hồ? Thị phụ huynh dữ quân nhược kì thân, ác thi bất hiếu? Do hữu bất từ giả hồ? Thị đệ tử dữ thần nhược kì thân, ác thi bất từ? Cố bất hiếu bất từ vong hữu, do hữu đạo tặc hồ? Cố thị nhân chi thất nhược kì thất, thùy thiết? Thị nhân thân nhược kì thân, thùy tặc? Cố đạo tặc vong hữu, do hữu đại phu chi tương loạn gia

chư hầu chi tương công quốc giả hồ? Thị nhân gia nhược kì gia, thùy loạn? Thị nhân quốc nhược kì quốc, thùy công? Cố đại phu chi tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc giả vong hữu. Nhược sử nhân hạ kiêm tương ái, quốc dữ quốc bất tương công, gia dữ gia bất tương loạn, đạo tặc vô hữu, quân thần phụ tử giai năng hiếu từ, nhược thử tắc thiên hạ trì. Cố thánh nhân dĩ trì thiên hạ vi sự giả, ác đắc bất cấm ác nhi khuyến ái? (…)

DỊCH NGHĨA

KIÊM ÁI

Thầy thuốc trị bệnh cho người (…) tất phải biết bệnh phát sinh từ đâu, rồi mới trị được (…) Sao riêng cái trị loạn không thể?

Thánh nhân lo việc trị thiên hạ, không thể không xét loạn từ đâu mà sinh. Tôi thường xét loạn từ đâu mà sinh và thấy rằng sinh ở chỗ người ta không yêu nhau. Tôi con không hiếu với vua cha, như vậy là loạn. Con chỉ yêu mình mà không yêu cha cho nên mới làm thiệt cho cha để lợi cho mình; em chỉ yêu mình mà không yêu anh, cho nên mới làm thiệt cho anh để lợi cho mình; bề tôi chỉ yêu mình mà không yêu vua cho nên mới làm thiệt cho vua để lợi cho mình; như vậy gọi là loạn. Dù đến[(1)] cha không thương con, anh không thương em, vua không thương bề tôi, cái đó cũng gọi là loạn. Vì cha chỉ yêu mình mà không yêu con cho nên làm thiệt cho con để lợi cho mình; anh chỉ yêu mình mà không yêu em cho nên làm thiệt cho em để lợi cho mình; vua chỉ yêu mình mà không yêu bề tôi cho nên làm thiệt bề tôi để lợi cho mình (…) Dầu cho đến đạo tặc trong thiên hạ thì cũng vậy: kẻ trộm chỉ yêu nhà mình mà không yêu nhà người khác cho nên mới ăn trộm của nhà khác để lợi cho mình; kẻ làm giặc chỉ yêu thân mình mà không yêu người khác nên mới hại người khác để lợi cho thân mình (…) Dầu cho hạng đại phu làm loạn nhà lẫn nhau, đến bậc chư hầu đánh nước lẫn nhau thì cũng vậy: đại phu chỉ yêu nhà mình mà không yêu nhà khác cho nên mới làm loạn nhà khác để làm lợi cho nhà mình; chư hầu chỉ yêu nước mình mà không yêu nước khác cho nên mới đánh nước khác để làm lợi cho nước mình. Các vật gây loạn trong thiên hạ, đều như vậy mà thôi.

(…) Thế cho nên chư hầu mà không yêu nhau tất đánh nhau tại đồng; gia chủ không yêu nhau tất cướp lẫn nhau; người nọ người kia không yêu nhau tất hại lẫn nhau; vua tôi không yêu nhau thì vua không huệ (gia ơn cho dân), tôi không trung; cha con không yêu nhau thì cha không từ mà con không hiếu; anh em mà không yêu nhau thì không hoà thuận; người trong thiên hạ mà không yêu nhau thì kẻ mạnh tất bắt kẻ yếu, kẻ giàu tất khinh kẻ nghèo, kẻ sang ngạo kẻ hèn, kẻ khôn lanh tất lừa kẻ ngu độn; những vạ loạn oán hận trong thiên hạ sở dĩ nổi lên

đều là do không yêu nhau (…)

Nếu khiến cho thiên hạ đều gồm yêu nhau, ai ai cũng yêu cha anh và vua như chính thân mình thì làm gì còn kẻ bất hiếu? Ai ai cũng coi con em và bề tôi như chính thân mình thì làm gì còn kẻ bất từ? Cho nên sẽ không có sự bất hiếu và bất từ nữa. Còn có đạo tặc nữa chăng? Ai ai cũng coi nhà người như nhà mình, thì còn ai ăn trộm? Ai ai cũng coi thân người như thân mình thì còn ai làm giặc? Cho nên đạo tặc sẽ không còn nữa. Còn có hạng đại phu làm loạn nhà lẫn nhau, bậc chư hầu đánh nước lẫn nhau nữa chăng? Ai ai cũng coi nhà người như nhà mình, thì còn ai làm loạn? Ai ai cũng coi nước người như nước mình thì còn ai đánh nhau? Cho nên sẽ không còn hạng đại phu làm loạn nhà lẫn nhau, bực chư hầu đánh nước lẫn nhau nữa.

Nếu khiến cho thiên hạ đều gồm yêu nhau, các nước không đánh nhau, các nhà không làm loạn lẫn nhau, đạo tặc không có, vua tôi, cha con đều hiếu từ, như vậy thiên hạ trị. Cho nên bực thiên hạ làm cái việc trị thiên hạ, sao mà không cấm sự ghét nhau và khuyên sự yêu nhau cho được?

CHÚ THÍCH:

(1) Nghĩa là: chẳng những tôi con không yêu vua cha mới gọi là loạn, mà ngay như vua cha không thương tôi con, cũng gọi là loạn nữa.

- Chúng ta nhận thấy phép hành văn khác hẳn trong *Luận ngữ*: rất bình dị, rõ ràng như để giảng cho hạng bình dân (Mặc tử xuất thân trong giới đó); mới xét qua có thể coi là rườm, nhưng sự thực là tác giả muốn lập đi lập lại, để nhấn mạnh vào óc người đọc. Bút pháp ấy thường thấy trong các bộ kinh của Đông lẫn Tây thời thượng cổ.

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

[1] Các bạn có thể bản PDF tại: http://download701.mediafire.com/d4sakdhagxog/hjzc53kpr9x5kzl/MacKinh_Ca

[2] Có người lại nghi hai hàng đó không phải của Tư Mã Thiên mà của người sau thêm vào.

[3] Tra *Từ Hải* và *Từ Nguyên* chúng tôi không thấy chữ đó.

[4] Chắc sách in thiếu chữ “du”: Tử Mặc tử *du* Dĩnh. (Goldfish).

[5] Phương Thụ Sở trong cuốn *Mặc học nguyên lưu* còn dẫn câu đầu bài 16 thiên *Lỗ Vấn*: Tử Mặc tử cho (một môn đệ là) Tào Công tử ra nước ngoài (xuất) tới nước Tống (để làm quan), ba năm sau Tào Công tử trở về (phản), và bảo nếu Mặc tử là người Tống thì không dùng chữ *xuất* và chữ *phản*. Nhưng theo Đường Kính Cảo thì chữ *xuất* đó nên sửa là *sĩ* là làm quan.

[6] Khổng tử: 551-496

[7] Thế kỉ thứ 3 trước T.L.

[8] Năm thứ tư đời Triêu Huệ vương. (Goldfish).

[9] Độc giả có thể coi trong *Mặc tử* của Ngô Tất Tố.

[10] Các sử gia chia thời Đông Chu làm hai thời kì: thời Xuân Thu (722 –479) và thời Chiến Quốc (479 -221). Có nhà đã chia lại: Thời Xuân Thu: 770 –403, thời Chiến Quốc 403 –221, cho hợp lí hơn một chút; nhưng lối trên đã thành thông dụng rồi.

[11] Can Tương nổi tiếng về thuật rèn gươm ở nước Ngô, thời vua Hạp Lư lần đó nấu sắt mãi không chảy. Vợ là Mạc Da thấy vậy, ăn chay tắm gội rồi nhảy vào lò luyện kim sắt mới chảy. Nhờ vậy Can Tương rèn được hai cây kiếm báu, một cây dương đặt tên là Can Tương, một cây âm đặt tên là Mạc Da. Truyền thuyết đó tỏ rằng thuật luyện sắt thời đó tiến bộ nhất ở Ngô.

[12] Chủ trương rằng thiên này không phải của Trang tử viết mà của ngươi đời sau (coi *Trang tử*).
[Nhà Văn hóa, 1994 xuất bản (BT)].

[13] Nguyên văn là tiến, tức chữ tiến trong “tiến vi quan, thoái vi sư”. Nghĩa là làm quan.

[14] Trang 15, Phương Thụ Sở cũng chép truyện này mà bỏ những hàng in ngã này – Phương không cho biết tại sao. [Trong bản nguồn, không có hàng nào in ngã. (Goldfish)].

[15] 子墨子游，魏越曰：“既得見四方之君子，則將先語？” Câu này tôi chép lại từ Phần Chữ Hán ở cuối sách. Trang http://ctext.org/mozi/lus-question/zh cũng chép như vậy, nghĩa là chấm câu hơi khác, và dịch là: Thầy Mặc tử xuất ngoại du lịch, Nguỵ Việt hỏi: “Như gặp các vua chư hầu, thầy thuyết đều gì?” (Goldfish).

[16] Có lẽ là chữ “theo” chép lầm thành chữ “cho”. (Goldfish).

[17] 士之仕也，猶農夫之耕也

[18] 士之失位也，猶諸侯之失國家也

[19] Chịu cong một thước mà ngay được một tầm – 10 thước, tức tạm thồi thoả hiệp, làm sai đạo của mình đi để lập nên sự nghiệp.

[20] 邦無道，穀；恥也

[21] Lời than thở đó được chép trong *Sử kí* của Tư Mã Thiên. Trong cuốn *Khổng tử*, viết sau bộ *Mặc học* này, cụ Nguyễn Hiến Lê bảo rằng cụ không tin lời nói đó là của Khổng tử vì: “Nó không hợp với tinh thần của Khổng tử…”. (Goldfish).

[22] 吾言足用矣，舍言革思者，是猶舍穫而捃粟也。以其言非吾言者，是猶以卵投石也，盡天下之卵，其石猶是也，不可毀也。

[23] 去之苟道，受狂何傷！

[24] Coi chú thích trong phần dịch – Thiên Canh Trụ – 13.

[25] *Vi nghĩa phi tị huỷ tựu dự*: nguyên văn chữ Hán trong Phần Chữ Hán chép là: 為義非避毀就譽. Chữ “dự” (bản nguồn chép lầm là “dư”), trên mạng có bản chép là 举 (cử). (Goldfish).

[26] Câu này ý nghĩa cũng tựa câu: *Bang vô đạo, cốc, sỉ dã* của Khổng tử chúng tôi đã dẫn ở trên. Mạnh tử cũng nghĩ rằng kẻ sĩ ra làm quan là vì đạo; nhưng có khi vì nghèo mà phải ra làm quan, thì nên từ chối chức vị cao mà nhận chức vị thấp, từ chối bổng lộc lớn mà nhận bổng lộc nhỏ: Sĩ phi vị bần giả, nhi hữu thời hô vị bần… Vị bần giả, từ tôn cư ti, từ phú cư bần – (*Vạn Chương* hạ -5) [Nguyên văn chữ Hán chép trong Phần Chữ Hán: 天下無道，仁士不處厚焉. (Goldfish)].

[27] Tức thiên Công Thâu (xem phần dịch). (Goldfish).

[28] Bốn chữ này có thể hiểu là: Mòn tấm thân từ đầu tới gót chân.

[29] 必去六辟。嘿則思，言則誨，動則事，使三者代禦，必為聖人。必去喜，去怒，去樂，去悲，去愛，而用仁義。手足口鼻耳從事於義，必為聖人。

[30] 71 thiên đó có lẽ do Lưu Hướng đời Hán (-79 -8 tr.TL) thu thập, sắp đặt, hiệu đính qua loa và đặt tên, nhưng không ghi tác giả vì không biết chắc là của ai. Cách đặt tên thiên thì cứ lấy hai chữ ở đầu thiên, cũng như các sách *Luận ngữ, Mạnh tử*… Những thiên mà nhan đề có ý nghĩa như Kiêm ái, Phi công thì có thể đã có sẵn, do người viết đặt ra.

[31] Thiên hai (bản nguồn chép là “thiên hạ”), tức thiên *Tu thân* (câu “Người quân tử… cái gốc là đức hạnh” là đoạn đầu của thiên này). (Goldfish).

[32] Các thiên *Thiện chí*, *Phi nhạc*, coi ở đoạn sau.

[33] Các chữ trong dấu / / là do chúng tôi ghi thêm, ở sau cũng vậy. (Goldfish).

[34] Bị mộc: Theo trang http://baike.baidu.com/view/2232.htm thì nhan đề thiên này là 備水, tức “Bị thuỷ”. (Goldfish).

[35] Bị nghi phục: cũng theo trang trên thì nhan đề thiên này là 備蛾傅, tức “Bị nghĩ phụ”. (Goldfish).

[36] Như Chu Hi Tổ, một học giả hiện đại. Theo Phương Thụ Sở, Chu đưa ra bốn chứng cứ: trong những thiên đó có chép nhiều quan chức của đời Hán; có chép chế độ hình pháp của đời Hán; tác phẩm cuối thời Chiến Quốc (như bộ *Quản tử*) hoặc thời Tần, và đầu đời Hán; nói đến đồ bằng sắt quá nhiều; không hợp với thời Mặc tử. Phương cho rằng hai chứng cứ sau cùng không vững: *Quản tử* phỏng tổ V của *Mặc tử* chứ không phải *Mặc tử* phỏng *Quản tử*; đồ sắt cuối thời Mặc tử đã thịnh rồi; và Phương kết luận rằng chỉ 4 thiên cuối 50-53 là của đời Hán nguỵ tạo, còn 7 thiên trên (43-49) đúng là của Mặc gia đời sau (sách đã dẫn – tr.52-55).

[37] Theo tục quí tộc thời đó, các thiếu nữ đó đi phù dâu, rồi ở luôn với cô dâu để hầu cô dâu mà cũng “hầu” cả chú rễ nữa, cho nên gọi là “thiếp”.

[38] Đoạn này bản nguồn chép sai sót mấy chỗ, tôi đã sửa lại theo đoạn tương ứng dẫn trong chương IV – phần II ở dưới. (Goldfish).

[39] Cụ Nguyễn Hiến Lê không giải thích tại sao tác giả thiên *Phi công* thượng lại bảo tội này thì "bất nghĩa", tội nọ là "bất nhân, bất nghĩa", hoặc "bất nhân"? (Goldfish).

[40] Hai chữ 虽毋, trong thí dụ ở dưới (theo Phần Chữ Hán ở cuối sách) chép là 雖無. Hai chữ đang xét trong câu “雖無”造為樂器, trên mạng có bản chép là 虽無, có bản chép là 雖無. (Goldfish).

[41] Trong thí dụ này, bản nguồn chỉ ghi tên thiên, tôi dựa vào đoạn sau đây trong Phần Chữ Hán:

73.古者聖人”唯毋”得贤人而使之賢人”唯毋”得明君而事之
今師徒”唯毋”興起，冬行恐寒，夏行恐暑
今”唯毋”以厚葬久喪者為政。今王公大人，”雖無”造為樂器，以為事乎國家

để chép thêm nguyên văn chữ Hán và phiên âm (đặt trong dấu / /). (Goldfish).

[42] Thánh nhân 聖人: các bản chữ Hán trên mạng chép là “thánh vương” 聖王; lời dịch ở dưới cũng là “thánh vương”. (Goldfish).

[43] Vương Niệm Tôn trong *Đọc thư tạp chí*.

[44] Có lẽ sau hai chữ 可而 (khả nhi) này còn có hai chữ 焉而 (yên nhi), vì thí dụ trước có hai chữ 可而 và thí dụ sau có hai chữ 焉而. (Goldfish).

[45] Nguyên văn chữ Hán tôi chép theo trang http://baike.baidu.com/view/433761.htm (bản nguồn bỏ trống) và tạm phiên âm. (Goldfish).

[46] Câu này trong thiên *Thiên chí* thương. (Goldfish)

[47] Bản nguồn chép là 而 nhưng trong hai câu dẫn ở dưới đều không có chữ 而 nào cả, nên tôi tạm sửa lại thành 也 (dã) vì chỉ có chữ 也 là được dùng cả hai câu đó. (Goldfish).

[48] Tự tự: bản nguồn chép là Tự tư. (Goldfish).

[49] Gỗ dó: nguyên văn là “cốc” (穀), trong phần dịch ở sau, cụ Nguyễn Hiến Lê chú giải là: “thứ cây vỏ dùng làm giấy, gỗ xấu”, còn Chữ Cốc 穀, Thiều Chửu thì giảng chữ Cốc 穀 là: “Cây cốc, vỏ cây dùng làm giấy”. (Goldfish).

[50] Trong bộ *Sử Trung Quốc*, viết sau bộ *Mặc học*, cụ Nguyễn Hiến Lê còn đưa ra thuyết: Thuấn chiếm đất đai của Nghiêu, rồi thay Nghiêu làm "thiên tử". Cụ bảo: "Nghiêu và Thuấn chỉ là tù trưởng của một thị tộc. Có thể Nghiêu được nhiều bộ lạc liên hiệp bầu làm thủ lĩnh (mỗi bộ lạc gồm nhiều thị tộc). Nghiêu, Thuấn lên ngôi cách nhau cả trăm năm như truyền thuyết chép lại thì khó có sự Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn được: lúc đó Nghiêu bao nhiêu tuổi, Thuấn bao nhiêu tuổi? Có lẽ Thuấn là thủ lĩnh nhiều bộ lạc khác, sau chiếm được đất đai của Nghiêu, rồi thay Nghiêu mà làm "thiên tử". (Goldfish).

[51] Liu Wu Chi (bản nguồn chép sai thành Lu Wu Chi): tức “Liễu Vô Kị” 柳无忌 (theo http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:C28cK1PJwrkJ:www.tianya.cn/publicforum/Content/books/1/10039.shtm+&cd=1&hl=vi&ct=clnk&gl=vn&source=www.google.com.vn). (Goldfish).

[52] Tức trong bài 4 thiên *Thiên hạ* trong bộ *Trang tử – Nam Hoa kinh* của Nguyễn Hiến Lê. (Goldfish).

[53] Nguyên văn chữ Hán chép trong Phần Chữ Hán ở cuối sách: 邦溥天之下，莫非王土；率土之濱，莫非王臣. Câu này thừa chữ 邦 (bang) ở đầu câu (các bản trên mạng cũng không có chữ “bang”). (Goldfish).

[54] Ngoài 2 chữ “lợi” 利 trong 2 bài ở dưới (tức bài XVIII.17 và IV.16), trong cuốn *Luận ngữ* (Nguyễn Hiến Lê chú dịch và giới thiệu), còn 7 chữ “lợi” trong 6 bài sau: IV.2, IV.12, IX.1, XIV.12, XVII.18, XX.2 (bài XX.2 có hai chữ “lợi”). Tóm lại, trong cuốn *Luận ngữ* có 9 chữ “lợi”. (Goldfish).

[55] 無欲速，無見小利。欲速則不達；見小利則大事不成。

[56] Mấy chữ: “cho mau xong, đừng ham lợi nhỏ. Muốn” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[57] 君子喻於義，小人喻於利。

[58] 王何必曰利？亦有仁義而已矣。

[59] 仁者之事，必務求興天下之利，除天下之害，將以為法乎天下，利乎人即為；不利乎人即止。

[60] 仁人之所以為事者，必興天下之利，除去人下之害。

[61] Tức *Thiên chí* thượng. (Goldfish).

[62] 義者正也，何以知義之為正也？天下有利則治，無義則亂，我以此知義之為正也。 Chữ 利 (lợi) trong câu này, trong bản nguồn, tức trong Phần Chữ Hán ở cuối sách, chép là: 義 (nghĩa). Câu đó, các trang chữ Hán trên mạng cũng chép là 義 (nghĩa), hay nói đúng hơn là tôi chưa tìm thấy trang nào trên mạng chép là 利 (lợi). (Goldfish).

[63] 大夫各愛其家，不愛異家，故亂異家以利其家；諸侯各愛其國，不愛異國，故攻異，國以利其圈。天下之亂物，具此而已矣。

[64] 王曰：何以利吾國？大夫曰：何以利吾家？士庶人曰：何以利吾身？上下交征利而國危矣. Đoạn này trong thiên *Lương Huệ vương* thượng. (Goldfish).

[65] 天未欲平治天下也；如欲平治天下，當今之世，舍我其誰也？

[66] Câu “Dân ghét cái gì, ông ghét cái đó” này là do tôi ghi thêm. Chữ “quân tử” trong bài này chỉ bậc trị dân. (Goldfish).

[67] Câu “Thiên căng vu dân…” ở trên cũng trong *Kinh Thư*, thiên *Thái thệ*. (Goldfish).

[68] Bản của Nxb Thanh Niên năm 2004, cuốn 2, trang 77-78. (Goldfish).

[69] 古者民始生，未有刑政之時… 天下之百姓，皆以水火毒藥相虧害。

[70] 當察亂何自起？起不相愛。子不愛父，故虧父而自利；弟自愛，不愛兄，故虧兄而自利；臣自愛，不愛君，故虧君而自利，此所謂亂也(…)父自愛也，不愛子，故虧子而自利；兄自愛也，不愛弟，故虧弟而自利；君自愛也，不愛臣，故虧臣而自利。

[71] 民有三患，飢者不得食，寒者不得衣，勞者不得息，三者，民之巨患也。

[72] Câu này trong thiên *Tính ác*. Theo các bản trên mạng thì giữa "*cơ nhi dục bảo*" và "*lao nhi dục hưu*" còn có bốn chữ này: 寒而欲暖 (*hàn nhi dục noãn*: lạnh thì muốn ấm). (Goldfish).

[73] Tức 邊沁. (Goldfish).

[74] Nhà đây là một ấp hoặc một khu đất rộng phong cho các đại phu; bọn đại phu này có thể có chiến xa, quân lính, bề tôi riêng, như ba “nhà” Hán, Triệu, Nguỵ ở nước Tấn. [Chữ “nhà”, tức 家 (gia), trong thiên *Kiêm ái* hạ được dẫn ở trên và cả trong *Kiêm ái* trung nữa, cũng đều có nghĩa như chữ “nhà” trong thiên *Kiêm ái* thượng này. (Goldfish)].

[75] 若使天下兼相愛，愛人若愛其身，猶有不孝者乎？視父兄與君若其身，惡施不孝？ 猶有不慈者乎？視弟子與臣若其身，惡施不慈？故不孝不慈亡有，猶有盜賊乎？ 故視人之室若其室，誰竊？視人身若其身，誰賊？故盜賊亡有。猶有大夫之相亂家、 諸侯之相攻國者乎？視人家若其家，誰亂？視人國若其國，誰攻？故大夫之相亂家、諸侯之相攻國者亡有。
若使天下兼相愛，國與國不相攻，家與家不相亂，盜賊無有，君臣父子皆能孝慈，若此則天下治。
[Các chữ 亡 (vong) trong đoạn trên đều được đọc và hiểu nghĩa như chữ 無 (vô). (Goldfish)].

[76] Tương ứng với hai chữ “qui cử” này, trong Phần Chữ Hán (xem chú thích bên dưới) chép là: “tể” 宰. Trên mạng, có bản chép là: “tể (cử)” 宰（举）. (Goldfish).

[77]是以聰耳明目相與視聽乎！是以股肱畢強相為動宰（举）乎！而有道肆相教誨。是以老而無妻子者，有所侍養以終其壽。幼弱孤童之無父母者，有所放依以長其身乎。

[78] Các nhà chú thích cho chữ 畢 (tất) ở đây là chữ 疾 (tật) nghĩa là mau lẹ. [Chữ 畢 và chữ 疾 do tôi chép thêm (bản nguồn bỏ trống) theo lời giải thích trên trang http://www.zdic.net/cd/ci/6/ZdicE6ZdicAFZdic95180776.htm. (Godfish)].

[79] Kính: Phần Chữ Hán (xem chú thích ở dưới), bản nguồn chép là: 劫 (kiếp), các trang trên mạng cũng chép như vậy. Theo lời chú giải trên trang nêu trên, ngờ chữ 劼 (cật) chép lầm thành chữ 劫 (kiếp), mà chữ 劼 (kiếp) có nghĩa là “dụng lực”, hoặc có nghĩa là 勁 (kính: cứng). (Goldfish).

[80] 是非其譬也。夫挈太山而越河，濟，可謂畢劫有力矣。自古及今，未有能行之者也。況乎兼相愛，交相利，則與此異，古者聖王行之。

[81] 天下之士君子，特不識其利、辯其故也。今若夫攻城野戰，殺身為名，此天下百姓之所皆難也。苟君說之，則士眾能為之。況於兼相愛，交相利，則與此異！夫愛人者，人必從而愛之；利人者，人必從而利之；惡人者，人必從而惡之。害人者，人必從而害之。此何難之有？特上弗以為政、士不以為行故也。

[82] 用而不可，雖我亦將非之。且焉有善而不可用者。

[83] Chữ *thái* ở đây, Đường Kính Cảo đọc là *đại*. [Theo trang http://www.chinamozi.net/news_view.asp?id=822 thì chữ 泰 (thái) trong câu 此泰非天下之情也, đồng nghĩa với chữ 太 (thái). Chữ 太 (thái), Thiều Chửu giảng là: to lắm, có khi viết chữ 大 (đại), có khi viết chữ 泰 (thái). Goldfish)].

[84] Chữ *thù* ở đây, Đường Kính Cảo bảo là *thụ*. [Chữ đang xét, bản nguồn chép là: 仇 (cừu), và nguyên văn cả câu là: 無言而不仇，無德而不報。投我以桃，報之以李。 Tương ứng với chữ 仇 (cừu) đó, nhiều trang trên mạng chép là 讎 (thù). Chữ 讎 (thù) này, có trang như http://www.xinmojia.com/forum/simple/?t2380.html bảo là 酬 (thù), http://www.zdic.net/cd/ci/4/ZdicE4ZdicB8Zdic8D289686.htm bảo là 讐 (thù). Thiều Chửu giảng chữ 讐 (thù) như sau: 1. như chữ 仇 (cừu); 2. như chữ 讐 (thù). Đến đây, tôi tạm cho rằng bản nguồn chép chữ 仇 (cừu) là sai, và chữ "thù" trong câu "Chữ *thù* ở đây, Đường Kính Cảo bảo là *thụ*" là chữ 讎. Còn chữ "thụ", trong *Từ điển Thiều Chửu* không có chữ "thụ" nào có nghĩa là "đền đáp"; nếu 酬 và 讐, cụ Nguyễn Hiến Lê đều đọc là "thụ", thì Đường Kính Cảo bảo là 酬 hay讐？ (Goldfish)].

[85] 墨氏兼爱，氏無父也。無父無君…氏禽獸也。[Phiên âm (dịch nghĩa cũng vậy) ở trên không có hai chữ “vô quân” 無君. (Goldfish)].

[86] Người đời sau còn bác thuyết Kiêm ái ở hai điểm này nữa: đã yêu mọi người như yêu mình sao còn phạt kẻ có tội? – Người trong thiên hạ vô cùng thì yêu sao cho hết được. Xin coi phần “Biệt Mặc” ở cuối sách.

[87] 己所不欲，勿施於人。

[88] 夫人者，己欲立而立人，己欲達而達人，能近取譬。

[89] 子貢曰：”如有博施於民而能濟眾，何如？可謂仁乎？“子曰：”何事於仁？必也聖乎。堯舜其猶病諸！

[90] 之則以爲愛無差等，施由親始。

[91] 義可厚，厚之；義可薄，薄之，謂倫列。德行，君上，老長，親戚，此皆所厚也。為長厚，不為幼薄，親厚厚，親薄薄，親至薄不至。

[92] Trong *Đại cương triết học Trung Quốc* cũng chép như vậy, và nguyên văn chữ Hán (cuốn *Mặc học* không có) như sau: 斷指斷腕，利於天下相若，無擇也；死生利若，一無擇也; còn các bản chữ Hán trên mạng thì chép là: 斷指與斷腕… (Đoạn chi dữ đoạn uyển…). (Goldfish).

[93] *Đạo đức kinh* – bài 31 (Goldfish).

[94] Trung Hàng: chữ Hán là 中行. Bản nguồn chép lầm thành “Trung Hoàng”. Ở sau cũng vậy. (Goldfish)

[95] Chữ *quá* /過/ ở đây, đọc là *hoạ* /禍/ [Hai chữ Hán tôi ghi thêm trong dấu / / là theo trang http://www.chinamozi.net/news_view.asp?id=641. (Goldfish).

[96] *Tống Hình* (trong chương II ở trên, bản nguồn chép lầm thành Tống Hinh): Trong sách *Mạnh tử*, thiên *Cáo tử* hạ ghi là Tống Khanh 宋牼. Theo http://baike.baidu.com/view/2397859.htm thì Tống Khanh còn được gọi là Tống Hình 宋鈃, Tống Vinh 宋榮, Tống Vinh tử 宋榮子. Trong cuốn *Trang tử – Nam Hoa kinh*, thiên *Tiêu dao du*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch "Tống Vinh tử" là "ông Vinh tử nước Tống", và chú giải như sau: "Một hiền triết nước Tống thời đó. Chương *Thiên Hạ* ở cuối cuốn này gọi là Tống Kiên, trong bộ *Mạnh tử* gọi là Tống Khanh, trong bộ *Tuân tử* gọi là Tống tử". (Goldfish).

[97]/何/ (hà) chữ xưa có thể dùng như chữ /可/ (khả). [Hai chữ Hán và phiên âm do tôi ghi thêm theo trang http://www.guoxuebook.com/zhibu/0301/00mzjg/004.htm. Chữ "khả", bản nguồn chép là: "khá". (Goldfish)].

[98]/情/ (tình) chữ xưa có thể dùng như chữ /誠/ (thành). [Hai chữ Hán và phiên âm do tôi ghi thêm theo trang http://www.guoxuebook.com/zhibu/0301/00mzjg/004.htm. Chữ đang xét, trong bộ *Đại cương triết học Trung Quốc* chép 情 (tình) nhưng hai cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê không bảo dùng như chữ 誠 (thành). (Goldfish)].

[99] Phần phiên âm, bản nguồn chép sai vài chỗ, tôi đã sửa lại theo bộ *Đại cương triết học Trung Quốc* và vài bản chữ Hán trên mạng. (Goldfish).

[100] Câu này trong thiên *Li Lâu* thượng. (Goldfish).

[101] Lỗ Dương Văn Quân, tức Công tử Khoan, cháu Sở Bình vương, là quan tư mã của nước Sở, được Sở Huệ vương phong tặng đất Lỗ Dương, nên tự xưng là Lỗ Dương Văn tử. (Goldfish).

[102] Bánh sống: nguyên văn là “sinh bính” 生餅. Theo trang http://www.hudong.com/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90%E6%80%92%E8% thì hai chữ đó có nghĩa là làm bánh: “tác bính” 作餅. (Goldfish).

[103] Chúng ta có thể hỏi ông: thời đó ông vua nào là “thiên lại” để đáng đánh người Yên? Mà không có thì sao còn đáp là nên đánh?

[104] 足食，足兵，民信之矣。

[105] 是故凡大國之所以不攻小國者，积委多，城郭修，上下调和.
[Phiên âm ở trên tác giả lược bỏ hai chữ “thị cố” (是故) ở đầu câu. (Goldfish)].

[106] 食者國之寶也，兵者，國之爪也，城者所以自守也。

[107] *Viện*: Bản nguồn chép nguyên văn chữ Hán (xem cả câu trong chú thích ở dưới) là: 授 (thụ). Các bản trên mạng cũng chép như vậy. Theo trang http://www.guoxuebook.com/zhibu/0301/00mzjg/004.htm thì "chữ 授 (thụ) là từ vô nghĩa, ngờ là chữ 援 (viện) chép lầm". (Goldfish).

[108] 大國之不義也則同憂之，大國之攻小國也則同救之，小國城郭之不全也必使修之，布粟之絕則委之，幣帛不足則共之... 督以正，義其名，必務寬吾眾，信吾師。以此授諸侯之師則天下無敵矣。

[109] *Kinh thi, Đại nhã*: 天生烝民，有物有則。民之秉彝，好是懿德。(theo http://baike.baidu.com/view/107899.htm). (Goldfish).

[110] *Kinh Thi, Đại nhã*: 皇矣上帝臨下有赫監觀四方求民之莫 (theo http://baike.baidu.com/view/1057442.htm). (Goldfish).

[111] Bách vật: trong cuốn *Luận ngữ* của Nguyễn Hiến Lê, chép là "vạn vật" (nhưng không kèm theo chữ Hán). (Goldfish).

[112] 天何言哉！四時行焉，百物生焉天何言哉？

[113] Bỏ bốn chữ mà các nhà chú giả còn lúng túng, không hiểu nổi. Chữ này dùng như chữ. [Xem thêm chú thích trong phần dịch. (Goldfish)].

[114] 此有所避逃之者也，相儆戒猶若此其厚，況無所避逃之者，相儆戒豈不愈厚，然後可哉？且語言有之曰：焉而晏日焉而得罪，將惡避逃之？’曰無所避逃之。夫天不可為林谷幽門無人，明必見之。然而天下之士君子之於天也，忽然不知以相儆戒，此我所以知天下士君子知小而不知大也。

[115] Bốn ông vua: Vũ, Thang, Văn, Võ, nhưng thuộc ba đời (“tam đại” 三代): đời Hạ (vua Vũ), đời Thương (vua Thang) và đời Chu (vua Văn, vua Võ). (Goldfish).

[116] Bản nguồn chép chữ Hán đến đây: 昔三代聖王禹湯文武，欲以天之為政於天子，明說天下之百姓，故莫不犓牛羊，豢犬彘，潔為粢盛酒醴，以祭祀上帝鬼神. (Goldfish).

[117] *Cầu*: có bản chép là 禱 (*đảo*). (Godfish).

[118] Dĩ nhiên muốn đây là muốn cho thiên hạ.

[119] *Thiên chí* thượng: Bản nguồn chép là “như trên”, để tiện tra cứu (dùng chức năng tìm kiếm) tôi sửa lại thành tên thiên. Về sau cũng vậy. (Goldfish).

[120] Hai chữ “lợi” trong hai câu “Dĩ kì kiêm nhi lợi chi. Hà dĩ tri kì kiêm nhi lợi chi?”, các bản trên mạng chép là “minh” 明: 以其兼而明之。何以知其兼而明之？Theo trang http://ctext.org/mozi/will-of-heaven-i/zh thì “minh” 明 có nghĩa “minh sát” 明察 (xét rõ). Trong phần IV: Dịch, cụ Nguyễn Hiến Lê chú là: “…người sau hiệu đính lại là “lợi”. (Goldfish).

[121] Nguyên văn chữ Hán, bản nguồn chép từ “Thiên hữu ấp nhân”: 天有邑人，何用弗愛也？且吾言殺一不辜者必有一不祥。殺不辜者誰也？則人也。予之不祥者誰也？則天也。若以天為不愛天下之百姓，則何故以人與人相殺，而天予之不祥？此我所以知天之愛天下之百姓也。(Goldfish).

[122] *Phú*: bản nguồn và các trang chữ Hán trên mạng chép là “tặc” 賊 (xem chú thích ở dưới). Trang http://ewenyan.com/articles/mozi/26.html bảo chữ “tặc” là chữ “phú” 賦 chép lầm. (Goldfish).

[123] 吾所以知天之愛民之厚者，有矣。曰：以磨為日月星辰，以昭道之。製為四時春秋冬夏，以紀綱之。雷降雪霜雨露，以長遂五穀麻絲，使民得而財利之…為王公侯伯，使之賞賢而罰暴，賊金木鳥獸，從事乎五穀麻絲，以為民衣食之財。[Đoạn này, ngoài chữ 賊 (tặc) nói ở chú thích trên, bản nguồn còn chép thiếu bốn chữ 吾所以知 (Ngô sở dĩ tri) ở đầu câu. (Goldfish)].

[124] 自貴且智者，為政乎愚且賤者則治；自愚賤者，為政乎貴且智者則亂。

[125] 天矜於民，民之所欲，天必從之。

[126] 天視自我民視，天聽自我民聽。

[127] 禹，湯，文，武…上尊天，中事鬼神，下愛人，故天意曰：此之我所愛，兼而愛之；我所利，兼而利之。愛人者此為博焉，利人者此為厚焉。故使貴為天子，富有天下，業萬世子孫，傳稱其善，方施天下，至今稱之，謂之聖王。桀，紂，幽，厲…上詬天，中詬鬼，下賊人，故天意曰：此之我所愛，別而惡之，我所利，交而賊之。惡人者此為之博也，賊人者此為之厚也。故使不得終其壽，不歿其世，至今毀之，謂之暴王。 [Nguyên văn chữ Hán có vài chỗ khác biệt với phần phiên âm: không có chữ “diên” (*nghiệp diên vạn thế tử tôn*), chữ “phổ” (*phổ thi thiên hạ*) thì chép là 方 (phương), chữ “vu” (*trung vu quỉ*) thì chép là 詬 (cấu). (Goldfish)].

[128] Bản nguồn và các bản trên mạng không có các chữ Hán tương ứng với bốn "giả bất bạo quả" này và ba chữ "giả bạo quả" ở sau. (xem chú thích ở dưới). (Goldfish).

[129] 順天意者，義政也；反天意者，力政也。義政者…處大國不攻小國，處大家不篡小家，強者不劫弱，貴者不傲賤，多詐者不欺愚。此必上利於天，中利於鬼，下利於人。三利，無所不利，故舉天下美名加之，謂之聖王。力政也…處大國攻小國，處大家篡小家，強者劫弱，貴者傲賤，多詐者欺愚。此必上不利於天，中不利於鬼，下不利於人。三不利，無所利，故舉天下惡名加之，謂之暴王。

[130] 古之今之為鬼，非他也：有天鬼，亦有山水鬼神者，亦有人死而為鬼者。 (theo
http://zh.wikisource.org/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90/%E6%98%8E%E9%
(Goldfish).

[131] Nguyên văn là “hữu chư?”: Có chăng? Nhiều sách dịch là có lệ ấy chăng? Chúng tôi dịch là có lẽ ấy chăng? Vì cho như vậy hợp với tinh thần của Khổng tử hơn. [Trong cuốn *Luận ngữ*, viết sau cuốn *Mặc học*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là: “Có lệ ấy chăng”.

[132] Trong cuốn *Luận ngữ*, thiên *Tiên tiến*, bài 11, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch: “Sự sống còn chưa biết, sao biết được sự chết”. (Goldfish).

[133] *Phi mạng*: ở trên viết là Phi mệnh (chữ Hán là 非命). (Goldfish).

[134] Nguyên văn: 立朝夕(lập triêu tịch), trang http://ctext.org/mozi/book-9/zhs thì dịch là: “phỏng lập trắc lượng thời gian” 放立測量時間, nghĩa là phỏng định giờ khắc sáng chiều. (Goldfish)].

[135] Phát: bản nguồn và các bản trên mạng chép là “phế” 廢 (xem chú thích ở dưới); có vài trang bảo “phế” là “phát” 發. (Goldfish).

[136] Nguyên văn chữ Hán là 中; bản nguồn chép là “trùng”, tôi dựa vào lời dịch “xem có phù hợp”, tạm sửa lại thành “trúng”. (Goldfish).

[137] 子墨子曰言：必立儀，言而毋儀，譬猶運鈞之上而立朝夕者也，是非利害之辨，不可得而明知也。故言必有三表。”何謂三表？子墨子曰：”有本之者，有原之者，有用之者。於何本之？上本之於古者聖王之事。於何原之？下原察百姓耳目之實。於何用之？廢以為刑政，觀其中國家百姓人民之利。此所謂言有三表也。

[138] 故古聖王治天下也，故必先鬼神而後人者，此也。

[139] 故鬼神之明，不可為幽閒廣澤，山林深谷，鬼神之明必知之。

[140] 鬼神之明智於聖人，猶聰耳明目之與聾瞽也。

[141] Cẩu Mang: nguyên văn là: 句芒. Chữ 句, Thiều Chửu đọc là: cú, câu, cấu. Trong phần IV: Dịch, chép là Câu Mang. (Goldfish).

[142] Truyện này có lẽ do người sau thêm vào, chứ Mặc tử sao đề cao Tần Mục công, một ông vua hiếu chiến, đức độ tầm thường.

[143] 鬼神之罰，不可為富貴眾強、勇力強武、堅甲利兵，鬼神之罰必勝之。

[144] 天下之王公，大人，士君子，實將欲求興天下之利，除天下之害，將欲求興天下之利，除天下之害，當若鬼神之有也，將不可不尊明也，聖王之道也。

[145] Đoạn “Kim sử cao tước lộc… nhị bất tường dã” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[146] 夫鬼神之所欲於人者多：欲人之處高爵祿則以讓賢也，多財則以分貧也。夫鬼神豈唯擢季拑肺之為欲哉？今子處高爵祿而不以讓賢，一不祥也；多財而不以分貧，二不祥也。今子事鬼神唯祭而已矣，而曰：病何自至哉？是猶百門而閉一門焉，曰：盜何從入？若是而求福於有怪之鬼，豈可哉？[Phần phiên âm chép là: “quắc thử chi phế” và “linh chi quỉ thần”, phần chữ Hán lại chép là: “trạc thử kiềm phế” 擢黍拑肺 và “quái chi quỉ” 怪之鬼, (Goldfish)].

[147] *Luận ngữ, Hiến vấn* 36. (Goldfish).

[148] 昔桀之所亂，湯治之；紂之所亂，武王治之。當此之時，世不渝而民不易，上變政而民改俗。存乎桀紂而天下亂，存乎湯武而天下治。天下之治也，湯武之力也；天下之亂也，桀紂之罪也。若以此觀之，夫安危治亂存乎上之為政也，則夫豈可謂有命哉！故昔者禹，湯，文，武方為政乎天下之時，曰必使飢者得食，寒者得衣，勞者得息，亂者得治，遂得光譽令問於天下。夫豈可以為命哉？故以為其力也。今賢良之人，尊賢而好功道術，故上得其王公大人之賞，下得其萬民之譽，遂得光譽令問於天下，亦豈以為其命哉？又以為力也！

[149] Thiên đó ở trong *Chu thư* nhưng không chắc là của người thời Võ vương chép.

[150] Đoạn này cũng trong thiên *Phi mạng* hạ. (Goldfish).

[151] *Kiến mạng chi vật, văn mạng chi thanh*: nhiều trang chữ Hán trên mạng chép là: 見命之物，聞命之聲; còn bản nguồn (xem chú thích ở dưới) thì chép là: 聞命之聲，見命之體 (văn mệnh chi thanh, kiến mạng chi thể). Mấy chữ này cũng trong thiên *Phi mạng trung*, nhưng ở đoạn sau. (Goldfish).

[152] 我所以知命之有與亡者，以眾人耳目之情，知有與亡；有聞之，有見之，謂之有；莫之聞，莫之見，謂之亡。嘗考之百姓之情，自古以及今…亦嘗有聞命之聲，見命之體者乎？則未嘗有也。

[153] Bỏ bốn chữ khó hiểu.

[154] Đoạn “Kim dã… quyện dã, hà dã”, bản nguồn không chép chữ Hán. Trang http://ctext.org/mozi/book-9/zhs chép là: 今也王公大人之所以蚤朝晏退，聽獄治政，終朝均分，而不敢怠倦者，何也？ Bốn chữ mà cụ Nguyễn Hiến Lê bỏ là: “chung triêu quân phân” 終朝均分. (Goldfish).

[155] 曰：彼以為強必治，不強必亂；強必寧，不強必危，故不敢怠倦。今也卿大夫之所以竭股肱之力，殫其思慮之知，內治官府，外斂關市、山林、澤梁之利，以實官府，而不敢怠倦者，何也？曰：彼以為強必貴，不強必賤；強必榮，不強必辱，故不敢怠倦。今也農夫之所以蚤出暮入，強乎耕稼樹藝，多聚叔粟，而不敢怠倦者，何也？曰：彼以為強必富，不強必貧；強必煖，不強必寒，故不敢怠倦。

今雖毋在乎王公大人，薰若信有命而致行之，則必怠乎聽獄治政矣，卿大夫必怠乎治官府矣，農夫必怠乎耕稼樹藝矣，婦人必怠乎紡績織紝矣。王公大人怠乎聽獄治政，卿大夫怠乎治官府，則我以為天下必亂矣。農夫怠乎耕稼樹藝，婦人怠乎紡織績紝，則我以為天下衣食之財將必不足矣。若以為政乎天下，上以事天鬼，天鬼不使；下以持養百姓，百姓不利，必離散不可得用也。是以入守則不固，出誅則不勝(…)

今天下之士君子，中實將欲求興天下之利，除天下之害，當若有命者之言，不可不強非之也。

[156] Trong *Đại cương triết học Trung Quốc*, hai cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê bảo: "Ông đem thực hành thuyết Kiêm ái với một tinh thần hi sinh cổ kim hi hữu, càng thấy thiên hạ ít người theo mình lại càng gắng sức làm. Câu: "*Trong nhà có mười đứa con, chín đứa ở không, một đứa làm ruộng thì đứa này lại càng phải làm gấp bội*" quả là bất hủ". (Sđd, cuốn 2, tr.432). (Goldfish).

[157] Trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch hơi khác: "*Vô lí! Do mệnh trời chăng? Con người như vậy mà bị bệnh đó!*". (Goldfish).

[158] Nguyên văn “Thương văn chi”, nghĩa là Thương tôi – tức Tử Hạ – nghe nói. Chu Hi chú giải là: “Thương tôi nghe Phu tử, tức Khổng tử, dạy rằng” – Có thể chính Khổng tử nói, nhưng không hiểu Chu Hi căn cứ ở đâu.

[159] Có lẽ sau bốn chữ “nếu ta lười thì” còn có mấy chữ, ví dụ như: “trời không thể làm cho ta nghèo được,” (Goldfish).

[160] Nhưng Mặc tử không tin thuyết âm dương – Coi bài 18 thiên *Quí Nghĩa*.

[161] Có lẽ trước chữ “theo” còn có chữ “không” hoặc “không chịu”. (Goldfish).

[162] Mấy chữ: “cao: công, hầu; ai có công ít thì được phong tước” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[163] 唯能以尚同一義為政，然後可矣 (theo
http://zh.wikisource.org/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90/%E5%B0%9A%E5%
(Goldfish).

[164] 古者天之始生民，未有正長也，百姓為人。若苟百姓為人，是一人一義，十人十義，百人百義，千人千義。逮至人之眾，不可勝計也，則其所謂義者，亦不可勝計。此皆是其義，而非人之義，是以厚者有鬥，而薄者有爭。是故天下之欲同一天下之義也，是故選擇賢者，立為天子。

[165] Bỏ 5 hàng giống với đoạn trên.

[166] Chữ tuyển 選 này dùng như chữ tổng 总. [Bản nguồn đánh số lầm chú thích này ở tiểu đoạn hai, sau: (…). Hai chữ Hán 選 và 总 là do tôi ghi thêm. (Goldfish)].

[167] Tiểu đoạn thứ ba này (“quốc kí dĩ… vi chính cố dã”) là do tôi ghi thêm. Hai tiểu đoạn trên tôi cũng sửa lại vài chỗ. (Goldfish)

[168] 欲同一天下之義…胡不賞使家君試用。家君發憲布令其家曰：”若見愛利家者，必以告。若見惡賊家者，亦必以告。”若見愛利家以告，亦猶愛利家者也，上得且賞之，眾聞則譽之。若見惡賊家不以告，亦猶惡賊家者也，上得且罰之，眾聞則非之。是以遍若家之人，皆欲得其長上之賞譽，辟其毀罰。是以善言之，不善言之。家君得善人而賞之，得暴人而罰之。善人之賞，而暴人之罰，則家必治矣。然計若家之所以治者，何也？唯以尚同一義為政故也。

家既已治，國之道盡此已邪？則未也。國之為家數也甚多，此皆是其家，而非人之家，是以厚者有亂，而薄者有爭。故又使家君總其家之義，以尚同於國君，國君亦為發憲布令於國之眾，

曰：”若見愛利國者，必以告。若見惡賊國者，亦必以告。”(…)

民見善者言之，見不善者言之。國君得善人而賞之，得暴人而罰之。善人賞而暴人罰，則國必治矣。然計若國之所以治者，何也？唯能以尚同一義為政故也。

國既已治矣，天下之道盡此已邪？則未也。天下之為國數也甚多，此皆是其國，而非人之國，是以厚者有戰，而薄者有爭。故又使國君選其國之義，以尚同於天子。天子亦為發憲布令於天下之眾，曰：”若見愛利天下者，必以告。若見惡賊天下者，亦以告。”是以見善、不善者告之。天子得善人而賞之，得暴人而罰之，善人賞而暴人罰，則天下必治矣。然計天下之所以治者，何也？唯而以尚同一義為政故也。

天下既已治，天子又總天下之義，以尚同於天。

[169] *Luận ngữ*, thiên *Quí thị*, bài 2. (Godfish).

[170] 夫明虖天下之所以亂者，生於無政長，是故選天下之賢可者，立以為天子。

[171] Phú bần, chúng quả: tức富貧，众寡 (theo http://www.ccmedu.com/bbs40_133954.html), nhưng Phần chữ Hán chép là: 富貴貧寡 (phú quí bần quả) – xem chú thích ở dưới. (Goldfish).

[172] 古者上帝，鬼神之建設國都，立正長也(…)將以為萬民興利除害，富貴貧寡，安危治亂也。

[173] Trong *Đại cương triết học Trung Quốc* – quyển hạ, trang 485, chúng tôi đã lầm, cho là dân lựa vua, nay xin đính chính.

[174] Bản nguồn chép là: “Thuấn dữ chi, nhân dữ chi”, tôi sửa lại theo trang http://zh.wikisource.org/wiki/%E5%AD%9F%E5%AD%90/%E8%90%AC%E7%
天與之，人與之. (Goldfish).

[175] Thân thân: bản nguồn chép là “thân nhân”, nguyên văn chữ Hán 親親. (Goldfish).

[176] 凡為天下國家有九經，曰：修身也，尊賢也，親親也…修身則道立，尊賢則不惑，親親則諸父，昆弟不怨

[177] Nguyên văn là /無故/, có sách dịch liều là vô cớ mà giàu sang tức bọn quyền thần bất tài như Tử Chi, Tử Đô, Dương Hổ. Đường Kính Cảo chú giài là vô cố = quen thuộc cố cựu. [Các chữ đặt trong dấu /… / là do tôi chép thêm. Về sau cũng vậy, nhưng không ghi thêm chú thích. (Goldfish)].

[178] Như chàng Di Tử Hà, dùng nhan sắc đẹp đẽ, được Vệ Linh Công yêu hơn cả hoàng hậu và các phi tần.

[179] 今王公大人，有一衣裳不能制也，必藉良工；有一牛羊不能殺也，必藉良宰。故當若之二物者，王公大人未皆知以尚賢使能為政也。逮至其國家之亂，社稷之危，則不知使尚賢能以治之，親戚則使之，無故，富貴、面目佼好則使之。夫無故富貴、面目佼好則使之，豈必智且有慧哉！若使之治國家，則此使不智慧者治國家也，國家之亂。既可得而知已。
且夫王公大人有所愛其色而使，其心不察其知而與其愛。是故不能治百人者，使處乎千人之官，不能治千人者，使處乎萬人之官。此其故何也？曰處若官者爵高而祿厚，故愛其色而使之焉。夫不能治千人者，使處乎萬人之官，則此官什倍也。夫治之法將日至者也，日以治之，日不什脩，知以治之，知不什益[…]而予官什倍，則此治一而棄其九矣。雖日夜相接以治若官，官猶若不治且夫王公大人有所愛其色而使，其心不察其知而與其愛。是故不能治百人者，使處乎千人之官，不能治千人者，使處乎萬人之官。此其故何也？曰處若官者爵高而祿厚，故愛其色而使之焉。夫不能治千人者，使處乎萬人之官，則此官什倍也。夫治之法將日至者也，日以治之，日不什脩，知以治之，知不什益，而予官什倍，則此治一而棄其九矣。雖日夜相接以治若官，官猶若不治。此其故何也？則王公大人不明乎以尚賢使能為政也。

[180] 自貴且智者，為政乎愚且賤者，則治；自愚賤者，為政乎貴且智者，則亂。

[181] *Luận ngữ, Vệ Linh công* 27. (Goldfish).

[182] Sau hai chữ “nhiên hậu”, trong Phần chữ Hán (và các bản trên mạng) còn có hai chữ 聖人 (thánh vương). (Goldfish).

[183] 然後聖人聽其言，迹其行，察其所能而慎予官，此謂事能(…)可使治國者，使治國；可使長官者，使長官；可使治邑者，使治邑。

[184] Coi cuốn *Hàn Phi tử* của chúng tôi.

[185] Câu “bổng lộc… dân không tin” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[186] 爵位不高則民不敬也；蓄祿不厚則民不信也；政令不斷則民不畏也(…)高予之爵，重予之祿，任之以事，斷予之令。夫豈為其臣賜哉？欲其事之成也(…)賢人唯毋得明君而事之，竭四肢之力，以任君之事，終身不倦。

[187] Lệ vương và U vương là hai hôn quân cuối đời Tây Chu, cho nên coi như một đời (đời Chu).

[188] Phần chữ Hán chép thiếu ba chữ “Duy thiên diệc” (xem chú thích ở dưới). Ba chữ này, các bản chữ Hán trên mạng chép là: “Tuy thiên diệc” 雖天亦. Theo Thiều Chửu thì chữ “tuy” 雖 cùng nghĩa với chữ “thôi” 推 hay “duy” 惟. (Goldfish).

[189] 不辯貧富，貴賤，遠邇，親疏，賢者舉而尚之，不肖者抑而廢之。

[190] 不義不富，不義不貴，不義不親，不義不近。(theo
http://zh.wikisource.org/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90/%E5%B0%9A%E8%
(Goldfish)]

[191] 官無常貴，而民無終賤。有能則舉之，無能則下之。

[192] Có lẽ cụ Nguyễn Hiến Lê muốn nói rằng Tuân Tử không làm “tướng quốc hay quân sư” vì trong chương VI, phần III, cụ bảo: “Tuân Tử, nhờ tình tri kỉ của Xuân Thân Quân mà làm một chức huyện lệnh ở Lan Lăng (Sở)”. (Goldfish).

[193] Đoạn này, bản nguồn chép là (sai 2 chữ: dân, thân): "*Lao tâm giả trị* dân…, *trị* thân *giả tự ư nhân*", tôi sửa lại theo cuốn *Mạnh tử* của cụ Nguyễn Hiến Lê và theo nguyên văn chữ Hán chép trong cuốn *Mặc tử*: 勞心者治人，勞力者治於人；治於人者食人，治人者食於人. Các bản chữ Hán trên mạng cũng chép như thế. Như vậy, cả hai chữ 食 (thực) trong bài *Đằng Văn công* thượng 41 này, cụ Nguyễn Hiến Lê đều đọc là "tự". Theo Thiều Chửu thì 食 (thực) còn đọc là "tự", cùng nghĩa với "tự" 飼 (cho ăn). (Goldfish)].

[194] Bào hữu phì nhục, cứu hữu phì mã, dân hữu cơ sắc, dã hữu ngã biễu. [*ngã biễu*: bản nguồn chép là: “nga biếu”; ebook *Mạnh tử* chép là: “ngã biểu” và chép chữ Hán là 我荸 (Thiều Chửu đọc là “ngã bột”); trang http://zhidao.baidu.com/question/7392093 chép là: 庖有肥肉，廄有肥馬，民有飢色，野有餓殍, tức hai chữ đang xét là: 餓殍 (Thiều Chửu đọc là “ngã biễu”). (Goldfish)].

[195] Đương kim chi chủ… bạo đoạt dân y thực chi tài. [當今之主…暴奪民衣食之財 (theo http://www.hudong.com/wiki/%E3%80%8A%E5%A2%A8%E5%AD%90%C2% (Goldfish)].

[196] 子適衛，冉有僕。子曰：庶矣哉。冉有曰：既庶矣，又何加焉？曰：富之。

[197] Năm 1983 có tin họ quyết liệt rồi: mỗi cặp vợ chồng chỉ được một con thôi (?).

[198] Tỉ: Nguyên văn chữ Hán, bản nguồn chép là: 闢 (tịch) (xem chú thích ở dưới); các bản chữ Hán trên mạng chép là: 辟 (thí); trang http://www.eywedu.com/classic/mzbh023.htm bảo 辟 (thí) cùng nghĩa với 譬 (thí: nghĩa là ví dụ, ví như). (Goldfish).

[199] 仁者之為天下度也，闢之無以異乎孝子之為親度也。今孝子之為親度也，將奈何哉？曰：親貧則從事乎富之，人民寡則從事乎眾之(…)雖仁者之為天下度，亦猶此也。曰：天下貧則從事乎富之，人民寡則從事乎眾之…

[200] Đắc: nguyên văn chữ Hán, bản nguồn chép là “đức” 德. Theo trang http://www.eywedu.com/classic/mzbh021.htm thì 德 được dùng như 得 (đắc). (Goldfish)

[201] 聖人為政一國，一國可倍也；大之為政天下，天下可倍也。其倍之，非外取地也，因其國家去其無用之費，足以倍之。聖王為政，其髮令、興事、使民、用財也，無不加用而為者。是故用財不費，民德不勞，其興利多矣！

[202] 凡天下群百工，輪車、韗鞄、陶、冶、梓匠，使各从事其所能‘，曰：凡足以奉給民用則止。諸加費不加於民利者，聖王弗為…
飲食之法，曰：足以充虛，繼氣，強股肱，耳目聰明則止。不極五味之調，芬香之和，不致遠國珍怪異物。
衣服之法，曰：冬服紺緅之衣，輕且暖，夏服絺綌之衣，輕且清則止。諸加費，不加於民利者，聖王弗為。
帶劍為刺則入，擊則斷，旁擊而不折，此劍之利也。甲為衣，則輕且利，動則兵且从，此甲之利也。車為服重致遠，乘之則安，引之則利，安以不傷人，利以速至，此車之利也。古者聖王為大川廣谷之不可濟，於是利為舟楫，足以將之則止。雖上者三公諸侯至，舟楫不易，津人不飾，此舟之利也。
宮室之法…曰：其旁可以圉風寒，上可以圉雪霜雨露，其中蠲潔，可以祭祀，宮墻足以為男女之別則止，諸加費不加民利者，聖王弗為。

[203] Biến: nguyên văn là “binh” 兵. Trang http://www.eywedu.com/classic/mzbh022.htm ngờ là chữ 弁 (Thiều Chửu đọc là “biện”) viết lầm. (Goldfish).

[204] Đoạn “tuy thượng giả… chu tiếp bất dịch” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[205] Một thứ đồ dùng không biết ra sao và dùng làm gì.

[206] Bản Thương vụ ấn thư quán in là /?/, và chú là /?/.

[207] *Khố*: các bản trên mạng chép là “xa” 車. (Goldfish).

[208] Thanh ích: các bản trên mạng chép là “thanh ông” 声翁. (Goldfish)

[209] *Chiếp Mộc*: có bản chép là: 輟沐 (Khợi Mộc), có bản chép là: 輟沭 (Khợi Thuật), có bản chép là 核沐 (Hoạch Mộc).
Đạm: các bản trên mạng chép là: 炎 (Viêm).
Nghi Cừ: các bản trên mạng cũng chép là: 儀渠 (Nghi Cừ).
Tương ứng với ba nước trong *Mặc tử* – thiên *Tiết táng* hạ đó, trong cuốn *Liệt tử và Dương tử*, bài *Phong tục xứ lạ*, cụ Nguyễn Hiến Lê viết là: Vĩnh Mộc, Viêm, Nghi Cừ; nhưng các bản *Liệt tử* – thiên *Thang vấn* trên mạng chép là: 輒沐 (Triếp Mộc), 炎 (Viêm), 儀渠 (Nghi Cừ). (Goldfish).

[210] Cơ: chữ Hán là 其. Theo trang http://ewenyan.com/articles/mozi/33.html thì 其 được dùng như chữ 期 (đọc là: cơ, ki), có nghĩa là một năm. (Goldfish).

[211] 其禮曰：喪父母：三年；妻、後子：三年；伯父、叔父、弟兄、庶子：其；戚族人：五月。若以親疏為歲月之數，則親者多而疏者少矣，是妻、後子與父同也[…]逆孰大焉？

[212] Theo thiên *Thiên hạ* trong *Trang tử* thì Mặc gia không dùng quách.

[213] 棺三寸，足以朽骨；衣三領，足以朽肉；掘地之深，下無菹漏，氣無發洩於上，壟足以期其所，則止矣。哭往哭來，反從事乎衣食之財，佴乎祭祀，以致孝於親。

[214] Chữ tức này với chữ tức dùng ngang nhau. [Theo trang http://zh.wikisource.org/wiki/%E7%B6%93%E5%82%B3%E9%87%8B%E8%A thì chữ “tức” 即 dùng như chữ “tắc” 則. (Goldfish).

[215] Chữ *đương* /當/ này dùng như chữ *thường* /嘗/, có nghĩa *thí* /試/.

[216] 民有三患：飢者不得食，寒者不得衣，勞者不得息，三者民之巨患也。然即當為之撞巨鍾，擊鳴鼓，彈琴瑟，吹竽笙而揚干戚，民衣食之財，將安可得乎？即我以為未必然也。
意舍此。今有大國即攻小國，有大家即伐小家，強劫弱，眾暴寡，詐欺愚，貴傲賤，寇亂盜賊並興，不可禁止也。然即當為之撞巨鍾，擊鳴鼓，彈琴瑟，吹竽笙而揚干戚，天下之亂也，將安可得而治與？即我以為未必然也。(Theo http://ctext.org/mozi/condemnation-of-music-i/zh). (Goldfish).

[217] Chữ này đọc là chữ (thích). [Bản nguồn và các bản chữ Hán trên mạng chép là: 折 (chiết), có bản chú là chữ 拆 (sách) viết lầm. (Goldfish)].

[218] 今王公大人，雖無造為樂器，以為事乎國家，非直掊潦水，折壤坦而為之也，將必厚措斂乎萬民，以為大鍾、鳴鼓、琴瑟、竽笙之聲。

[219] Vạn nhân ở đây nghĩa là người múa điệu “vạn vũ”, và chỉ chung cho các người múa.

[220] 萬人不可衣短褐，不可食糠糟，曰：食飲不美，面目顏色，不足視也；衣服不美，身體从容醜羸不足觀也。是以食必梁肉，衣必文綉。此掌不从事乎衣食之財，而掌食乎人者也。故子墨子曰：今王公大人，惟毋為樂，虧奪民衣食之財，以拊樂，如此多也。 (Theo http://ewenyan.com/articles/mozi/29.html. (Goldfish).

[221] Đoạn: "*cày cấy trồng trọt, sai đàn bà làm việc ấy thì họ tất phải bỏ bê*" là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[222] Chữ trì /遲/ ở đây dùng cũng như chữ trĩ /稚/.

[223] *Lợi*: Bản trên trang http://ewenyan.com/articles/mozi/29.html chép là: 橆 (phát) và chú là: 橆 ngờ là 行 (hành) chép sai. (Goldfish).

[224] 今王公大人，唯毋處高台厚榭之上而視之，鍾猶是延鼎也，弗撞擊，將何樂得焉哉？其說將必撞擊之。惟勿撞擊，將必不使老與遲者。老與遲者，耳目不聰明，股肱不畢強，聲不和調，明不轉樸。將必使當年[…]使丈夫為之，廢丈夫耕稼樹藝之時；使婦人為之，廢婦人紡績織紝之事。今王公大人，唯毋為樂，虧奪民衣食之財，以拊樂如此多也。
今大鍾、鳴…如此多也。(Theo http://ewenyan.com/articles/mozi/29.html). (Goldfish).

[225] Có lẽ khi viết cuốn *Tuân tử* (trước cuốn *Mặc học*), hai cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê "tin" vào sách *Thuyết Uyển* nên đã viết: "*Sở dĩ Mặc* "*phi nhạc*" *là vì dân chúng đương thời cùng khổ quá mà đối với trăm họ đói rét thì cơm áo cấp thiết hơn âm nhạc, ca vũ và các bộ môn nghệ thuật khác nhiều. Có lẽ chỉ giản dị như thế thôi!*". (Goldfish).

[226] Nghẹn thì muốn uống nước cho hết nghẹn.

[227] *Hưởng*: bản nguồn và các bản chữ Hán trên mạng chép là: 鰋 (Thiều Chửu đọc là “yếm”). (Goldfish).

[228] Từ Nguyên và Từ Hải không có chữ này.

[229] 國之治也，治之，故治也。治之廢，則國之治亦廢。國之富也，從事，故富也。從事廢，則國之富亦廢。故雖治國，勸之無饜，然後可也。今子曰：”國治則為禮樂，亂則治之。”是譬猶噎而穿井也，死而求醫也。古者三代暴王桀紂幽厲，繭為聲樂，不顧其民，是以身為刑僇，國為戾虛者，皆從此道也。

[230] Bản nguồn chép là: “lăng nhăng”. (Goldfish).

[231] Sớm nhất là 20 tuổi, trễ nhất là 40 tuổi, trung bình là (20 + 40): 2 = 30 tuổi. So với thời trước (20 tuổi) là trễ mất 10 năm.

[232] Tích thánh vương: các bản trên mạng chép là: “Tích giả thánh vương” 昔者聖王. Trang http://ctext.org/mozi/economy-of-expenditures-i/zh chú: Bản cũ thoát lậu chữ “giả” 者). (Goldfish).

[233] *Kế*: các bản trên mạng chép là “niên” 年. (Goldfish).

[234] 昔者聖王為法曰：”丈夫年二十，毋敢不處家。女子年十五，毋敢不事人。”此聖王之法也。聖王既沒，於民次也，其欲蚤處家者，有所二十年處家；其欲晚處家者，有所四十年處家。以其蚤與其晚相踐，後聖王之法十年。若純三年而字，子生可以二三年矣。此不惟使民蚤處家而可以倍與？(Theo http://zh.wikisource.org/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90/%E7%AF%80%E7% Goldfish)

[235] 天下無道，仁士不處厚焉 (Theo http://zhidao.baidu.com/question/32433918). (Goldfish).

[236] Bản nguồn chép là: “để tang lâu của Khổng là tốt, nên ông chỉ sửa nó”, tôi tạm sửa lại thành: “để tang lâu của Khổng*; cho đạo nhân* là tốt, nên ông chỉ sửa nó”. (Goldfish).

[237] Như vậy thì chúng ta phải thay đổi lối viết sử thời Xuân Thu và Chiến Quốc, không nên chỉ chép các chiến tranh thôn tính lẫn nhau của ngũ bá, mà nên nhấn vào chính sách trị dân của Quản Trọng tới Thương Ưởng, Lí Tư để làm nổi bật tính cách mỗi ngày một tăng của chủ trương hữu vi đó.

[238] Đoạn “có điệu Vũ… đều có nghi lễ” là do tôi ghi thêm theo cuốn *Trang Tử – Nam Hoa kinh* (thiên *Thiên hạ*, bài 3) của Nguyễn Hiến Lê. (Goldfish).

[239] Nguyên văn: *cơ ngẫu bất ngỗ* /觭偶不仵/: có người giảng là lẻ và chẳng không gặp nhau, có người lại dịch là lẻ và chẵn không có thứ tự.

[240] Nguyên văn: *giai nguyện vị chi thi, kí đắc vi kì hậu thế* / 皆願為之屍，冀得為其後世/: nguyện ủng hộ làm cự tử (lãnh tụ) hi vọng sau sẽ được lên thay; Ngô Tất Tố (sách đã dẫn – tr.146) lại dịch là: đều muốn được làm thần "thi" cho họ, mong làm đời sau của họ (Thần thi là người ngồi trên bàn thờ, khi tế tự, để thần nương tựa, cũng như hoạ tượng của đời sau – N.T.Tố).

[241] Xin nói thêm là tác giả thiên *Thiên hạ*, sách *Trang tử*, cũng đả Công Tôn Long và Huệ Thi nhưng không bảo hai ông này thuộc phái Biệt Mặc. (Goldfish).

[242] Trong *Trang tử – Nam Hoa kinh*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là: “Trời đất cùng sinh ra với tôi; vạn vật và tôi hợp nhất, chỉ là một”. (Goldfish),

[243] *Kinh thuyết*: Bản nguồn chép là "*Kinh*", tôi sửa lại thành "*Kinh thuyết*". *Mặc Kinh* gồm 6 thiên, nhưng vì *Kinh thuyết thượng* để giải thích *Kinh thượng* và *Kinh thuyết hạ* để giải thích *Kinh hạ* cho nên ở đầu câu, cụ Nguyễn Hiến Lê viết là: "Kể cả bốn thiên". (Goldfish).

[244] Coi phụ lục ở cuối chương.

[245] Trong chương IV ở dưới chép là Lỗ Thắng. (Goldfish).

[246] *Kinh hạ* có 82 điều. [Theo trang http://www.china001.com/show_hdr.php?xname=PPDDMV0&dname=JOHQD61&xpos=23, Kinh hạ có 83 điều, từ 101 đến 183. (Goldfish)].

[247] Đoạn này tôi chép theo bản nguồn, nhưng tôi thấy nó không mấy phù hợp với lời giải thích bên dưới. (Goldfish).

[248] Theo trang http://blog.sina.com.cn/s/blog_6bef90aa0100oqcz.html thì câu sau đây, Tôn Di Nhượng bổ sung bốn chữ (tôi đặt trong dấu ngoặc đứng): *Đại cố, hữu chi tất [nhiên], vô [chi tất bất] nhiên* 大故，有之必[然]，無[之必不]然. (Goldfish).

[249] Mấy chữ "*có cái quả là chết rét, cho nên bảo* "*chỉ có nó thì chưa nhất định*" là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[250] Bản của chúng tôi in thiếu mấy chữ, chúng tôi đoán nghĩa như vậy.

[251] Câu này Cao Hanh giảng vẫn còn lúng túng.

[252] Đoạn này, bản nguồn chép thừa chữ 罢 (bì). (Goldfish).

[253] Bản nguồn bỏ trống, tôi tạm chép trang http://www.sidneyluo.net/h/h03/32.htm. Chữ thứ năm, trang http://gj.zdic.net/archive.php?aid-14135.html chép là: “huyền” 懸 (nghĩa là treo, buộc); trang http://www.ziyexing.com/files-5/zzbj-mz-10.htm chép là “huyền” 悬 (nghĩa là treo); trang http://ctext.org/mozi/canon-i/zh?searchu=%E7%82%BA%EF%BC%8C%E7%AA%AE%E7%9F%A5%E8%80%
chép là: (Từ điển Thiều Chửu không có chữ này). (Goldfish).

[254] 為：欲■其指，智不知其害，是智之罪也。若智之慎文也，無遺於其害也，而猶欲養之，則離之。是猶食脯也，騷之利害，未可知也，欲而騷，是不以所疑止所欲也。墻外之利害，未可知也，趨之而得力，則弗趨也，是以所疑止所欲也。

[255] Bản nguồn chép là [言為], tức gồm chữ “ngôn” và chữ “vi” ghép lại, chép như vậy cũng được. (Goldfish).

[256] Bản nguồn bỏ trống, để tiện tham khảo, tôi tạm chép theo trang http://zh.wikisource.org/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90/%E7%B6%93%E8%
Đoạn này không có chữ 鵪 (am) như lời Cao Hanh. Chữ (font HAN NOM B) được thay bằng ảnh của chính nó. (Goldfish).

[257] Chữ này (http://www.sidneyluo.net/imgs/29065.gif), bản nguồn chép là 離 (li). (Goldfish).

[258] Câu: “Chữ 離 cũng là chữ 離 chép lầm vì hai chữ này giống nhau, 鵪 đọc là am, là một loài chim ***thuần*** 鵪 (như con cút). Nhưng ở đây dùng thay chữ 鵪…” ở trên, có phần chắc là một trong hai chữ 離 (li) và hai trong ba chữ 鵪 (am) là bản nguồn chép sai. Chữ 鵪 (am) thứ hai có lẽ là chữ 鶉 (thuần) chép sai mà thành. (Goldfish).

[259] Đoạn chữ Hán ở trên tôi chép theo bản nguồn (các chữ dạng giản thể tôi sửa lại thành dạng phồn thể). Dưới đây tôi thử trình bày lại, ghi thêm phiên âm và bổ sung điều 51, 52 trong *Kinh thuyết*. Riêng điều 53 trong *Kinh thượng* (平，同高也), tôi không tìm thấy điều tương ứng trong *Kinh thuyết*).

經上 (*Kinh thượng*):

1. 故，所得而後成也 (Cố, sở đắc nhi hậu thành dã)

51. 止，以久也 (Chỉ, dĩ cửu dã)

2. 體，分於兼也 (Thể, phân ư kiêm dã)

52. 必，不已也 (Tất, bất dĩ dã)

3. 知，材也 (Tri, tài dã)

53. 平，同高也 (Bình, đồng cao dã)

經說上 (*Kinh thuyết thượng*):

1.故，小故，有之不必然，無之必不然，體也，若有端。大故，有之必然，無之必不然，若見之成見也 (Cố, tiểu cố, hữu chi bất tất nhiên, vô chi tất bất nhiên, thể dã, nhược hữu đoan. Đại cố, hữu chi tất nhiên, vô chi tất bất nhiên, nhược kiến chi thành kiến dã). – *Nhược hữu đoan* 若有端: Trong tiết *Nội dung phần Kinh* ở trên, ghi là: *Nhược xích hữu đoan* 若尺有端.

2. 體，若二之一，尺之端也 (Thể, nhược nhị chi nhất, xích chi đoan dã).

3. 知材，知也者。所以知也，而不必知，若明 (Tri tài, tri dã giả. Sở dĩ tri dã, nhi bất tất tri, nhược minh).

51. 止：無久之不止，當牛非馬，若矢過楹。有久之不止，當馬非馬，若人過梁 (Chỉ, vô cửu chi bất chỉ, đương ngưu phi mã, nhược thỉ quá doanh. Hữu cửu chi bất chỉ, đương mã phi mã, nhược nhân quá lương).

52. 必：謂臺執者也。若弟兄一然者一不然者，必不必也，是非必也 (Tất, vị thai chấp giả dã. Nhược đệ huynh nhất nhiên giả nhất bất nhiên giả, tất bất tất dã, thị phi tất dã).

53. (Không có).

Theo trang http://www.sidneyluo.net/h/h03/32.htm thì *Kinh thuyết* chỉ có 91 điều, thiếu 9 điều: 47, 53, 57, 58, 73, 91, 92, 93, 94. (Goldfish).

[260] Nguyên văn chữ Hán, nhiều trang trên mạng chép như trên. Cả hai chữ 正 (chính), có trang đặt trong dấu { }; trang http://open.shouji.baidu.com/?page=g…Ak-KfqU/9.html chép là; còn trang http://www.china001.com/show_hdr.php?xname=PPDDMV0&dname=JOHQD61&xpos=24 thì chép là 正 và chú là: nguyên tác chép lầm thành chữ 缶 (phữu). Bản nguồn chép là: 於O權利，日惡O權害 (*Dục chi quyền lợi, thả ố chi quyền hại*). (Goldfish).

[261] Tôi chép thêm ba chữ Hán đó (đặt trong dấu / /) là vì các bản trên mạng chép là: 仗者，兩而勿偏 (*Trượng giả lưỡng nhi vật thiên*), tức không có chữ 權 (quyền). Có lẽ Cao Hanh sửa chữ 仗 (trượng) thành chữ 權 (quyền), còn Phương Thụ Sở thì giữ nguyên chữ 仗 (trượng). (Goldfish).

[262] 斷指以存腕，利之中取大，害之中取小也。害之中取小也，非取害也，取利也。其所取者，人之所執也。遇盜人，而斷指以免身，利也；其遇盜人，害也。斷指與斷腕，利於天下相若，無擇也。死生利若，非無擇也…利之中取大，非不得已也。害之中取小，不得已也。所未有而取焉，是利之中取大也。於所既有而棄焉，是害之中取小也。

[263] Hai câu trên là lời *Thuyết*. Tạm phiên âm: “Trung, bất lợi nhược tử hợi, túc tương nhập chỉ dung” (Điều 12); “Hiếu, dĩ thân vi phân, nhi năng năng lợi thân, bất tất đắc” (Điều 13). Còn lời *Kinh* thì như sau: 忠，以為利而強低也 (*Trung, dĩ vi lợi nhi cưỡng đê dã* – Điều 12); 孝，利親也 (Hiếu, lợi thân dã – Điều 13). (Goldfish).

[264] Điều 35: Kinh: 功，利民也 (*Công, lợi dân dã*); *Thuyết*: 功，不待時，若衣裘 (*Công, bất đãi thời, nhược y cừu*). (Goldfish).

[265] Đoạn này tôi chép theo trang http://ctext.org/mozi/exposition-of-canon-ii/zh?searchu=%E7%84%A1%EF%BC%9A%E6%AC%B2%E6%83%A1%E5%82%I vì thấy nó phù hợp với phiên âm. Bản nguồn chép như thế này:
無，欲惡傷生損壽，說以少連。是誰愛也？嘗多粟，或者欲不有能傷也。且O[人]利人，愛也，則唯智，弗治也。
無窮不害兼，說在盈否知。
Tức thiếu câu: 若酒之於人也 (*Nhược tửu chi ư nhân dã*), và thừa câu: 無窮不害兼，說在盈否知 (*Vô cùng bất hại kiêm, thuyết tại doanh phủ tri*). (Goldfish).

[266] Ý nói câu: 則唯智弗治也 (*tắc duy trí phất trị dã*) phải sửa lại thành: 則唯恐弗治也 (*tắc duy khủng phất trị dã*). (Goldfish).

[267] Chữ này, từ điển không có. Điều 6 giảng là (sáng), lấy tri thức mà luận. Chúng tôi tạm đọc là “trí”.
[Chữ 智 (trí), trang http://ctext.org/dictionary.pl?if=gb&char=%F0%A2%9C%94 chép là:. Điều 6, *Kinh thượng*: 智：明也 (*Trí: Minh dã*), *Kinh thuyết thượng*: 也者，以其知論物，而其知之也著。若明。 (Goldfish)].

[268] Khủng: bản nguồn chép là “củng”. (Goldfish).

[269] Nguyên văn câu này, bản nguồn chép là 無窮不害兼，說在盈否知, tức có chữ 知 (tri) ở cuối câu, và đặt lầm vào cuối điều 144 (xem lại tiết *Trọng tình cảm* ở trên), còn ở đây thì bỏ trống! Nhiều bản trên mạng cũng có chữ 知 (tri) ở cuối câu. (Goldfish).

[270] Bản nguồn chép là: “người bác kẻ đưa thí dụ”. (Goldfish).

[271] 南方有窮則可盡，無窮則不可盡。有窮，無窮，未可知；則可盡，不可盡未可知。人之盈之否，未可知；而必人之可盡不可盡，亦未可知。而必人之可盡愛也，悖。

[272]人若不盈先窮，則人有窮也，盡有窮無難。盈無窮，則無窮盡也，盡有窮無難 (theo
http://zh.wikisource.org/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90/%E7%B6%93%E8%
(Goldfish).

[273] Vấn: các bản trên mạng chép là 明 (minh). Trang http://books.google.com.vn/books?id=aQyRZ1g6ZK4C&pg=PA527&lpg=PA527&dq=%E8%AF%B4%E5%9C%A bảo: chữ 明 (minh) được dùng như chữ chữ 問 (vấn). (Goldfish).

[274] 周愛人，而後為愛人…不周愛，因為不愛人矣。

[275] Câu “yêu kẻ trộm không phải là yêu người, ghét kẻ trộm không phải là ghét người” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[276] Câu: “Thuyền, mộc dã, thừa thuyền phi nhân mộc dã”. Là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[277] 獲之親，人也。獲事其親，非事人也。其弟，美人也。愛弟，非愛美人也。車，木也。乘車，非乘木也。船，木也。乘船，非人木也。盜人，人也。多盜，非多人也。無盜，非無人也。奚以明之？惡多盜，非惡多人也。欲無盜，非欲無人也。世相與共是之。若若是，則雖盜人人也，愛盜非愛人也，不愛盜非不愛人也，殺盜人，非殺人也。無難盜無難矣。

[278] 白馬，馬也，乘白馬，乘馬也。驪馬，馬也，乘驪馬，乘馬也。獲，人也，愛獲，愛人也。臧，人也，愛臧，愛人也。此乃是而然者也。

[279] 堯善治，自今在諸古也。自古在之今，則堯不能治也。

[280] 堯之義也，生於今而處於古。而異時。說在所義二。

[281] Coi *Hàn Phi tử* của chúng tôi.

[282] Có lẽ bản nguồn chép lầm “nhai” thành chữ “hạn”. Các bạn trên mạng chép là: 吾生也有涯，而知也無涯。以有涯隨無涯，殆已 (*Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai tuỳ vô nhai, đãi dĩ*). (Goldfish).

[283] Các bản trên mạng chép là: 學之益也，說在誹者 (Học chi ích dã, thuyết tại phỉ giả). (Goldfish).

[284] Câu: "*Nếu là một người cùng ý kiến với tôi… phê phán được?*" là do tôi ghi thêm, theo cuốn *Trang tử – Nam Hoa kinh* của Nguyễn Hiến Lê. (Goldfish).

[285] Nguyên văn là (nghi). Cao Hanh sửa lại là vì theo *Thuyết văn*, hồi xưa hai chữ đó viết giống nhau. [“bội” (bản nguồn chép là “bột”): trên mạng có bản chép là 誖, có bản chép là 悖. Thiều Chửu bảo: chữ 誖 dùng như chữ 悖. (Goldfish).

[286] Ngũ: chữ 仵 (Thiều Chửu đọc là “ngỗ”), ở dưới có chỗ chép là “ngữ”. Câu này, nhiều bản chép là: 仁義之為內外也，罔，說在仵顏 (*Nhân nghĩa chi vi nội ngoại dã, võng, thuyết tại ngỗ nhan*), có bản chú: 罔 (võng) tự nguyên là 內 (nội). (Goldfish).

[287] Bản nguồn chép là: 金之附水，火麗木，若麋與魚之數惟所利 (*Kim chi phụ thủy, hỏa lệ mộc xí, nhược nữ dữ ngư cho số duy sở lợi*).
Hai chữ 附 (phụ), 惟 (duy), trang http://www.360doc.com/content/11/0602/18/5578727_121254585.shtml chép là: 府 (phủ), 唯 (duy) và không có chữ 熾 (sí):
金之府水，火麗木，若麋與魚之數唯所利 (*Kim chi phủ thủy, hỏa lệ mộc, nhược nữ dữ ngư cho số duy sở lợi).* (Goldfish).

[288] Bản của Nxb Thanh Niên, tr.538. (Goldfish).

[289] Bản của Nxb Thanh niên, tr. 525-527. (Goldfish).

[290] Xin trích (bản của Nxb Thanh niên, cuốn 1, tr.545-546):
“Thiên *Đại thủ* nói:
“(Đồng có) “Trùng đồng”, “câu đồng”, “liên đồng”, “đồng loại chi đồng”, “đồng danh chi đồng”, “khâu đồng”, “phụ đồng”, “thị chi đồng”, “nhiên chi đồng”, “đồng căn chi đồng”. (*Trùng đồng, câu đồng, liên đồng, đồng loại chi đồng, đồng danh chi đồng, khâu đồng, phụ đồng, thị chi đồng, nhiên chi đồng.* 重同，俱同，連同，同類之同，同名之同，同根之同，丘同，鮒同，是之同，然之同)
“Trùng đồng” và “đồng danh chi đồng” là “đồng” vì cùng một danh (hai danh một thực), tức cũng như “trùng đồng” trong *Kinh thượng*.
“Câu đồng” và “khâu đồng” đều cùng nghĩa là “cùng ở một nơi”, tức cũng như “hợp đồng” trong *Kinh thượng*. (Chữ “khâu” ở đây đồng nghĩa với chữ *khu* là khu vực; “khâu đồng” là cùng ở trong khu vực).
“Liên đồng”, cũng như “phụ đồng”, có nghĩa là cùng liên thuộc, phụ vào một cái toàn thể, tức cũng như “thể đồng trong *Kinh thượng*.
“Đồng loại chi đồng”, tức là “loại đồng” của thiên *Kinh thượng*, nghĩa là “có điểm để giống nhau”. “Đồng loại chi đồng” lại chia làm ba là:
- “Thị chi đồng”: giống nhau vì cùng phải.
- “Nhiên chi đồng”: giống nhau vì cùng thế.
- “Đồng căn chi đồng”: giống nhau vì cùng nguồn gốc”.
(Goldfish).

[291] *Kinh thuyết*, điều 39, các bản trên mạng chép như sau: 同異而俱放之一也. (Bản nguồn chép phiên âm là: (*Đồng dị như cân ư chi nhất dã)*, ở trên tôi đã sửa lại. (Goldfish).

[292] *Kinh thuyết* thượng, điều 39, các bản trên mạng chép là: 侗，二人而俱見是楹也，若事君 (Phiên âm ở trên, bản nguồn cũng chép sai vài chữ, tôi cũng đã sửa lại). Hai chữ "đồng" trong lời *Kinh* và lời *Thuyết* không giống nhau. Trang http://www.guoxue123.com/zhibu/0301/00mzjg/009.htm giảng: chữ 侗, ngày nay viết là 同. (Goldfish).

[293] Phiếm ái: trên mạng, có bản chép là: 氾爱, có bản chép là: 泛愛. (Goldfish).

[294] “vạn vật thiên địa nhất thể”: bản nguồn chép là: “vạn vật trong thiên thể”. (Goldfish).

[295] Câu này do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[296] Nguyên văn chữ Hán, bản nguồn chép là: 於石無所往而。不得，得二。異處不相盈，相非，是相外也; tức vẫn giữ nguyên hai chữ 相非 (tương phi). Nhiều bản trên mạng cũng chép như vậy. Tương ứng với hữ 異 (dị), có bản chép là 堅 (kiên), có bản chép là: 堅白 (kiên bạch). (Goldfish).

[297] Nguyên văn chữ Hán, các bản trên mạng chép là: 堅白之攖相盡. (Goldfish).

[298] Nguyên văn chữ Hán tôi chép theo trang http://www.chinamozi.net/news_view.asp?id=1620, vì thấy nó gần giống với phần phiên âm: "*Phi bán bất… tắc bất động, thuyết tại đoan*" (ở trên tôi tạm sửa "bất" thành "phất"), và phù hợp với câu: "*Không sách nào cho biết* 著斤 *đọc ra sao*". Chữ "著斤" tức là chữ. Bản nguồn không chép lời *Kinh* mà chép lời *Thuyết*: 非：0半。进前取也；前则中无为半，犹端也。前后取：则端中也。0必半，毋与非半，不可也.
(Tạm phiên âm: *Phi: 0 tiến tiền thủ dã; tiền tắc trung vô vi bán, do đoan dã. Tiền hậu thủ: tắc đoan trung dã. 0 tất bán, vô dữ phi bán, bất khả dã*). Tương ứng với hai chữ "0", trang http://www.xkcw.com.cn/bk/wl/gao2/web/zk10/text/zk10_139.htm chép là: (http://www.xkcw.com.cn/bk/wl/gao2/web/zk10/text/Image5621.gif), tức cũng gần giống với chữ. (Goldfish).

[299] Bản nguồn chép là: "*Nguyên văn, Công Tôn Long (theo thiên Thiên hạ) là: có nghĩa là*". Trong ĐCTHTQ cũng dẫn câu "*Nhất xích chi chuỷ, nhật thủ kì bán, vạn thế bất kiệt*" (sđd, tr.550), nhưng không chép chữ Hán. (Goldfish)

[300] Bản nguồn chép là: bốn chữ “kì bán”. (Goldfish).

[301] Đoạn: "*vô tất*", *nghĩa là không quyết rằng điều đó tất đúng, việc đó tất làm được;* "*vô cố*", là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[302] *Kinh thuyết* giảng thêm: /生：楹之生商不可必也 (*Sinh: Doanh chi sinh thương bất khả tất dã*)/. Cao Hanh hiểu là: phải có đủ hai cái: hình thể và tri giác (doanh) mới gọi là sống – ý này bác thuyết vật vừa mới sinh ra đã bắt đầu chết (*vật phương sinh phương tử*) của Huệ Thi; và sống chết không định trước, (chữ *thương* đó, nghĩa là *thường*), có thể xảy ra bất cứ lúc nào – ý này bác câu "*tử sinh hữu mạng*" của Tử Hạ trong *Luận ngữ*.

[303] Không có trong Từ Hải, Từ Nguyên, Ngô Tất Tố đọc là *tri*. Cao Hanh bảo là chữ thời cổ, nghĩa là xét kỉ (*minh sát*). [Hai chữ "minh sát", bản nguồn chép là "mình sắt". Trong một chú thích ở chương II: *Sửa lại Mặc học*, cụ Nguyễn Hiến Lê viết: "*Chữ này, từ điển không có. Điều 6 giảng là (sáng), lấy tri thức mà luận. Chúng tôi tạm đọc là "trí*". Điều 6, bản nguồn không chép nguyên văn chữ Hán lời *Kinh*, còn lời *Thuyết* thì chữ đầu chép là "0", bản nguồn cũng không chép phiên âm lời *Thuyết*. Tôi ghi thêm lời *Kinh* và bổ sung lời *Thuyết* theo trang http://www.sidneyluo.net/h/h03/32.htm. Tương ứng với chữ, nhiều trang chép là: 智, hoặc {智}, mà chữ 智, Thiều Chửu đọc là "trí"; còn trang http://ctext.org/dictionary.pl?if=gb&char=%F0%A2%9C%94 thì chép là, tức gần giống với chữ. (Goldfish).

[304] Bản nguồn chép là: 久，古今旦莫 (Cửu, cổ kim đán mạc). Nhiều trang trên mạng cũng chép như thế, có trang, sau chữ 莫, còn chép thêm: (暮). (Goldfish).

[305] Cao Hanh đọc là duyệt (nghĩa là xem xét), hai chữ /說 (thuyết)/ và /悅 (duyệt)/ thời cổ dùng thay nhau.

[306] Chữ (*chướng*), tôi chép theo trang http://www.sidneyluo.net/h/h03/32.htm, bản nguồn chép là: O. Tương ứng với chữ này, có trang chép là: 障 (*chướng*: nghĩa là che, ngăn); có bản chép là: 瘴 (*chướng*: nghĩa là khí độc). (Goldfish).

[307] Bản nguồn không chép nguyên văn chữ Hán. Các bản trên mạng chép hơi khác phần phiên âm: 知其所以不知，說在以名取 (*Tri kì sở dĩ bất tri, thuyết tại danh thủ*). (Goldfish).

[308] Chúng tôi ngờ là chữ (*mãi*). [Có lẽ bản nguồn chép thiếu, xin tạm sửa lại như sau: “Chúng tôi ngờ là chữ 買 (*mãi*) là chữ 鶉 (*thuần*) chép lầm”. (xin xem thêm chú thích ở dưới). (Goldfish)].

[309] Trang http://phil.arts.cuhk.edu.hk/~mobian/canon1/liu.htm chép là: 鼆(買)[鶧] (*oa (mãi)[thuần]*), và chú là: 若鼆為鶧 (*nhược oa vi thuần*). Ngoài chữ 買 (*mãi*) vừa nêu, trang này còn giảng các chữ早臺 (*tảo đài*), 鷮 (*tiêu*), 長 (*trường*). (Goldfish).

[310] Các bản trên mạng chép là: 彼：凡牛樞非牛，兩也，無以非也 (*Bỉ: Phàm ngưu xu phi ngưu, lưỡng dã, vô dĩ phi dã*). (Goldfish).

[311] Tức câu: 謂辯無勝，必不當，說在辯 (*Vị biện vô thắng, tất bất đáng, thuyết tại biện*). (Goldfish).

[312] Theo trang http://zh.wikipedia.org/wiki/%E9%81%93%E5%AE%B6%E6%82%96%E8%AI (Goldfish).

[313] Có sách để chữ *yên* /焉/ này qua đầu câu sau: *yên* mô lược vạn vật chi nhiên, và bảo yên đó nghĩa như chữ *nãi* (/乃/) là bèn.

[314] Đoạn này tôi chép theo ĐCTHTQ, cuốn 1, tr.975. Chữ 他 (*tha*) trong câu 舉他物而… (*Cử tha vật nhi*…), các bản trên mạng chép là 也 (*dã*); chữ 它 (*tha*) trong câu 吾豈謂它… (*Ngô khởi vị tha*…), có bản chép là 他 (*tha*), có bản chép là 也 (*dã*). (Goldfish).

[315] Bản nguồn không có hai chữ “tam dã”. (Goldfish).

[316] Công Tôn Long có thuyết: “Ngựa trắng không phải làm ngựa”.

[317] Nay gọi là “Phiếm hoá loại suy” (Analogie généralisée).

[318] *Đại cương triết học Trung Quốc* I, tr.675-76, Cảo Thơm. [Bản của nhà Thanh Niên, tr. 865-866. (Goldfish)].

[319] Nguy (bản nguồn chép là “nguỵ”): nhiều trang chép là 詭 (quỉ), có trang chép là 危 (nguy) và chú là 詭 (quỉ). (Goldfish).

[320] Điều 110 này, chúng tôi giảng theo Cao Hanh. Ngô Tất Tố (tr.172-173) hiểu khác: Cái nguyên nhân tại sao một sự vật như thế, phương pháp suy luận, và lời lập luận, đáng lẽ phải đúng với nhau. Chỉ vì người ta nhận xét nguyên nhân còn thiếu sót, nên lập luận không đúng. “Thế là lập luận sai lầm”. *Thuyết tại bệnh*, ông hiểu là “lập luận sai lầm”.

[321] Bản của nhà Thanh Niên, tr.868-877 – Xem tiết “Thiên Tiểu thủ bàn thêm về Từ”phần Phụ lục (Goldfish).

[322] Tỉ: chữ 似, Thiều Chửu đọc là “tự” (Goldfish).

[323] Điều 123 (bản nguồn chép là 132), các bản trên mạng chép là: 臨鑒而立，景到，多而若少，說在寡區. Có lẽ tác giả muốn bảo chữ 匹 (*thất*) chép lầm thành chữ 區 (khu). (Godfish).

[324] Thật ra thì người và ảnh đều quay mặt về cùng một hướng. Có lẽ tác giả cho rằng khi người đó quay mặt về hướng tay trái (*tả*) thì ảnh quay mặt về hướng tay phải (*hữu*) của ảnh; mà theo qui ước (?) thì "tả" là hướng đông và "hữu" là hướng tây; cho nên bảo "nếu người đó quay mặt về hướng đông, thì ảnh quay mặt về hướng tây…". (Goldfish).

[325] Đoạn này tôi chép theo trang http://www.china001.com/show_hdr.php?xname=PPDDMV0&dname=JOHQD61&xpos=23 (không có chữ "Tả"). (Goldfish).

[326] Thuỳ: Chữ 捶 Thiều Chửu đọc là “chuý”. (Goldfish).

[327] Cao Hanh bảo nên theo Thuyết văn mà sửa là // (Từ Hải và Từ nguyên không có chữ này). Vì // là thóc, thêm chữ 入 trên bộ 米 thành chữ 糴 *địch* là mua thóc vào, mà thêm chữ 出 trên bộ 米 thì thành chữ 糶 *thiếu* là thóc bán ra.

[328] Mấy chữ “dùng Ngô Khởi làm tướng quốc, Tần Hiếu Công” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[329] Hồ Thích bảo Mặc gia thiên về nguỵ biện là vì ông cho rằng Huệ Thi và Công Tôn Long… thuộc phái Biệt Mặc. (Goldfish).

[330] Do Phương Thụ Sở dẫn, tr.205- Trần Thiệp là người đầu tiên khởi nghĩa để diệt Tần.

[331] Các bản trên mạng chép là 聚 (tụ). (Goldfish)

[332] Trong *Kiêm ái* hạ, tôi chỉ thấy: 兼之有是 (Kiêm chi hữu thị). (Goldfish).

[333] Thương vụ ấn thư quán – 1938.

[334] Nguyên văn: gia chủ, trỏ các khanh tướng, đại phu.

[335] Bản Mặc tử chúng tôi dùng lần này hơi khác bản chúng tôi dùng khi soạn *Đại cương triết học Trung Quốc* năm 1966.

[336] Tức như ta nói: giai cấp thượng lưu trong xã hội.

[337] Vua Đạo Quang thời Thanh cũng vậy, cho nên các đại thần đều mặc áo cũ, áo vá, mà các tiệm bán đồ cũ ở Bắc Kinh tha hồ hốt bạc, có khi một bộ áo cũ đắt hơn một một bộ áo mới.

[338] Thời đó, để tấn công thì đánh trống, lui quân thì đánh chiêng.

[339] Một nhánh nhỏ của sông Hoàng Hà.

[340] Vua sáng lập nhà Hạ, vì có công trị thuỷ, được vua Thuấn truyền ngôi cho, trị vì 2205 tới 2197 trước T.L.

[341] Nguyên văn chữ “Lạc” ở đây và ở đoạn dưới là: 貉. Chữ này, trong thiên *Phi Công* trung, cụ Nguyễn Hiến Lê đọc là: “Mạch”. Thiều Chửu đọc là “Hạc” (…), và: “Một âm là “Mạch”, cùng nghĩa với chữ “mạch” 貊 một giống mọi ở phương bắc”. (Goldfish).

[342] Ngũ hồ: có thuyết tới 9, không biết thuyết nào đúng.

[343] Những tên đất, tên sông trong đoạn này, chú thích thêm rườm, không ích gì.

[344] Văn vương là bề tôi của vua Trụ, được phong là Tây bá, chỉ huy các rợ (chư hầu) miền Tây; sau bị Trụ nhốt khám ở Dữu Lí.

[345] Con Văn vương: ông diệt Trụ, chấm dứt nhà Ân, sáng lập nhà Chu, trị vì từ 1122 đến 1115. Đừng lầm với vua Vũ sáng lập nhà Hạ trong đoạn trên.

[346] Truyện: mới đầu có nghĩa là phần giải thích của kinh; sau có nghĩa là sử.

[347] Thời đó, vua khấn thần thì tự xưng là chắt.

[348] Nguyên văn là “hữu đạo”: hiểu đạo, giữ được đạo.

[349] Việc lớn ở đây là diệt bạo quân là vua Trụ.

[350] Như Thái Công Vọng (Lã Vọng).

[351] Kiêm là yêu mọi người như mình; biệt là phân biệt mình và người mà mưu tư lợi, phân biệt kẻ thân người sơ, chứ không yêu điều như nhau.

[352] Bản Thương vụ ấn thư quán (Đường Kính Cảo tuyển chú) cho “giang hà” ở đây là danh từ chung. Có sách cho là danh từ riêng: sông Trường giang và sông Hoàng hà.

[353] Nguyên văn: bàn, vu; đời Chu, đồ sánh của Trung Hoa đã tiến bộ.

[354] Bản của Thương vụ ấn thư quán in là: Tây Thổ, chứ không phải là tú thổ. Tây đúng hơn là vì Văn vương làm Tây bá, cai trị miền tây.

[355] Thời xưa vua tự xưng là tiểu tử: con nhỏ [của các tiên vương].

[356] Vua Thang dựng nên nhà Thương (1766-1401), trước nhà Chu, ông trị vì từ 1766 đến 1753.

[357] Như câu: “Hòn đá ném đi, hòn chì ném lại” của ta.

[358] Nguyên văn là thân /身/: thân thể. Chúng tôi đoán ý mà dịch thoát như vậy.

[359] Đây mất nhiều chữ (thoát văn).

[360] Nguyên văn: *Nghiêm hạ thượng chi hoạn*. Đường Kính Cảo không chú giải, chúng tôi đoán nghĩa như vậy, không chắc đã đúng.

[361] Nguyên văn: “Cổ giả phong quốc ư thiên hạ”, chúng tôi dịch sát, nếu sửa lại như vầy thì rõ nghĩa hơn: Từ khi có chính sách phong đất cho chư hầu tới nay.

[362] Nguyên văn: “Tam bách lí nhi xá yên”. Hồi đó, tiến quân ba mươi dặm rồi mới nghỉ, gọi là một xá. Hạp Lư bắt tiến gấp, 10 xá rồi mới nghỉ.

[363] Bản Thương vụ ấn thư quán in mờ một chữ, có thể là chữ triều (?). [Đối chiếu với các bản trên mạng, thì chữ in mờ đó đúng là chữ "triều" 朝. (中楚國而朝宋與及魯 – *trung Sở quốc nhi triều Tống dữ cập Lỗ*. Tạm dịch: chiếm quốc đô của Sở, buộc [vua] Tống và [vua] Lỗ lại triều kiến). (Goldfish)].

[364] Tức sáu quan khanh: họ Hàn, họ Triệu, họ Nguỵ, họ Phạm, họ Trung Hàng và họ Trí Bá, mỗi họ có một khu đất và quân lính riêng.

[365] Nguyên văn là *trảo nha chí sĩ*: những kẻ sĩ nanh vuốt.

[366] Tức Trí Bá, Trung Hàng và Phạm.

[367] Nguyên văn là *thân thích*, Đường Kính Cảo giảng là cha mẹ.

[368] Nguyên văn là *Yên nhi án viết* /焉而晏曰/. Đường Kính Cảo giảng: *yên nhi* tức là ư thử /於此/; *án* là *minh* /明/; và chữ *viết*, Tất Nguyên sửa lại là chữ *nhật* /日/; vậy *án viết* có nghĩa là *minh nhật* /明日/. Chúng tôi vẫn thấy chưa ổn.

[369] Nguyên văn: Nhiên tắc hà thiên chi dục nghĩa nhi ố bất nghĩa? Chúng tôi theo ý ở cuối đoạn này. [Chắc bản nguồn chép thiếu. Xin tạm sửa lại như sau: "Nguyên văn: *Nhiên tắc thiên diệc hà dục hà ố?* 然則天亦何欲何惡？; chúng tôi theo ý ở đoạn cuối này: *Nhiên tắc hà thiên chi dục nghĩa nhi ố bất nghĩa?* 然則何天之欲義而惡不義？ mà thêm như vậy. Có lẽ nguyên văn cũng nên thêm *dĩ tri* 以知 ở sau chữ *hà* 何. (Goldfish)].

[370] Mà thêm như vậy. Có lẽ nguyên văn cũng nên thêm dĩ trị ở sau chữ hà. [Có lẽ bản nguồn chép lầm một phần chú thích ở trên xuống chú thích này (xem lại chú thích trên), còn chú thích này lại không chép. (Goldfish)].

[371] Đoạn: “phải có thiên tử sửa lại cho; thiên tử cũng chưa thể tự cho mình là ngay thẳng, là đúng được” là do tôi ghi thêm. (Goldfish).

[372] Nguyên văn là /明/ minh (sáng), người sau hiệu đính lại là /利/ lợi. [Nguyên văn của chữ “lợi” trong câu dưới cũng là chữ “minh”. (Goldfish)].

[373] Nghĩa là Trời coi vạn dân là con của mình.

[374] Nguyên văn là /色/ (sắc), hiệu đính lại là /邑/ (ấp); ấp nhân là người trong ấp, tức ở thôn quê, dân thường.

[375] Đoạn “nhà lớn hiếp nhà nhỏ, mạnh hiếp yếu, người sang ngạo mạn kẻ nghèo” là do tôi chép thêm. (Goldfish).

[376] Nguyên văn là ngôn ngữ.

[377] Tức ý Trời: kiêm ái và công lợi.

[378] Nguyên văn là *thuật* 術, đường cho xe chạy; và *kính* 徑, đường cho người đi.

[379] Câu này khó hiểu, chúng tôi đoán tác giả muốn nói: Vô số người bảo trông thấy nghe thấy quỉ thần, nhưng ai là người thực sự trông thấy nghe thấy quỉ thần?

[380] Đỗ Bá là làm tước Bá, vua nước Đỗ. Nước Đỗ nay ở Thiểm Tây.

[381] Y phục khi ra trận.

[382] Thần Câu Mang coi về mùa xuân.

[383] Tần Mục công là một trong ngũ Bá hiếu chiến, không lẽ Mặc tử khen như vậy. Truyện này e Mặc gia đời sau thêm vào.

[384] Đoạn trên không nói sách nào. Có lẽ là sử nước Tần.

[385] Chúc có nghĩa là cầu đảo, làm nghề cúng thần, cầu đảo. Ở đây lấy tên nghề làm tên họ.

[386] Ví dụ bò tuyền màu vàng, chứ không được lang (lẫn màu khác).

[387] Nguyên văn 泏洫. Đường Kính Cảo giảng là 掘坎 *quật khảm*. Chúng tôi không hiểu đào sâu để làm gì.

[388] Tức như ta nói: bậc thượng lưu, đại trí thức.

[389] Thờ thần đường xá.

[390] Chỗ tế thần đất.

[391] Tức vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, vua Văn, Vua Võ.

[392] Nguyên văn: /稱財為度 *xưng tài vi độ*/ chúng tôi đoán nghĩa như vậy, không chắc đúng.

[393] Nguyên văn: /官府選效 *quan phủ tuyển hiệu*/ chúng tôi cũng đoán nghĩa như vậy.

[394] Nghĩa là nhà Chu dựng nước từ lâu, nhưng mãi tới Văn vương mới được Trời cho làm thiên tử.

[395] Ngược lên, vì nhà Thương có trước nhà Chu, nhà Hạ lại trước nhà Thương.

[396] Ở Thiểm Tây ngày nay.

[397] Tức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

[398] Tức đạo Trời, đạo Đất và đạo người.

[399] Nghĩa là không cho làm vua nữa, rút lại mệnh trời, diệt.

[400] Trên chiến xa, người lính ở bên tả cầm cung bắn địch, người lính ở bên hữu cầm cái qua đâm địch.

[401] Có nghĩa là mạnh tới mức đẩy lùi được một con bò lớn.

[402] Trụ dùng cực hình “bào lạc”: Tội nhân bị trói vào một cây trụ đồng trống ruột chứa than đỏ.

[403] Sau câu “dân chúng tranh nhau giết Trụ”, bản chữ Hán còn có đoạn: 折紂而繫之赤環，載之白旗，以為天下諸侯僇。故昔者殷王紂 (*chiết Trụ nhi hệ chi xích hoàn, tái chi bạch kì, dĩ vi thiên hạ chư hầu lục. Cố tích giả Ân vương Trụ*). Ở trên tôi chỉ mới tạm ghi thêm: Vậy vua nhà Ân là Trụ. (Goldfish).

[404] Câu này /得璣無小，滅宗無大 *đắc ki vô tiểu, diệt tôn vô đại*/, Đường Kính Cảo bảo hai chữ *đắc ki*, tức *đức cơ* mà không giảng nghĩa là gì, còn hai chữ *diệt tôn*, Đường bỏ qua. Chúng tôi nghĩ chữ *đắc* đó phải là động từ như chữ *diệt*, và *đắc ki vô tiểu* có nghĩa là được một hòn ngọc châu (*ki*) thì dù nhỏ cũng quí, như vậy hợp với ý: dù công nhỏ cũng thưởng ở hàng sau. Còn chữ tôn, chúng tôi không hiểu là gì, ngờ rằng sai mà chưa có nhà nào hiệu đính được.

[405] Cũng có thể hiểu là: kẻ tiểu nhân (thường dân) cũng thưởng.

[406] Đường Kính Cảo khép dấu ngoặc kép tại đây.

[407] Ngô Tất Tố trong Mặc tử (Khai Trí – 1959), khép ở đây.

[408] Chúng tôi nghĩ tới đây mới hết lời người chủ trương không có quỉ thần. Coi lại hàng 17- 19 trang trên.

[409] Cả đoạn tư trở xuống tới đây vừa lúng túng, vừa lập lại ý trong đoạn trên.

[410] Nguyên văn là 立朝夕 (*lập triêu tịch*), trang http://ctext.org/mozi/book-9/zhs giảng là: phỏng định giờ khắc sáng chiều. (Goldfish)].

[411] Trong *Đại cương triết học Trung Quốc* – thượng tr.556 – Cảo thơm 1965, chúng tôi dịch theo thiên *Phi mệnh* (thượng), ý cũng vậy, nhưng có vài chữ khác: "*Tử Mặc tử viết: hữu bản chi giả, hữu nguyên chi giả, hữu dụng chi giả. Vu hà bản chi? Thượng bản chi vu cổ giả thánh vương chi sự. Vu hà nguyên chi? Hạ nguyên sát bách tính nhĩ mục chi thực. Vu hà dụng chi? Phát dĩ vi hình chính, quan kì trúng quốc gia, bách tính nhân dân chi lợi. Thử vị ngôn hữu tam biểu dã*" – Thầy Mặc tử nói rằng có cái biểu chuẩn căn cứ vào việc xem xét bản thuỷ, có cái biểu chuẩn căn cứ vào việc quan sát sự cố, có cái biểu chuẩn căn cứ vào việc ứng dụng. Xét bản thuỷ ở đâu? Trên thì xét ở công việc của các đấng thánh vương đời xưa. Quan sát sự cố ở đâu? Dưới thì quan sát cái thực tình của trăm họ. Xét kết quả ứng dụng ở đâu? Ở việc áp dụng vào hình chính, xem có phù hợp với cái lợi của nhân dân, nhà nước không? Thế là nói có ba tiêu chuẩn. *Phi mệnh* hạ gọi là pháp, khảo thì *Phi mệnh* thượng gọi là biểu, bản.

[412] Câu này thật tối nghĩa. Tôi hiểu như vậy vì cuối thiên có câu: “Thuyết số mạng do các bạo vương đời xưa đặt ra”.

[413] Nguyên văn: 允不著 (*doãn bất trước*), Đường Kính Cảo bảo đọc là “doãn bất nhược” 允不若 và có nghĩa là: tín không thuận 信不順. Chúng tôi hiểu. Có nghĩa là: “Nếu thực là nghịch” chăng? [Trang http://ctext.org/mozi/anti-fatalism-iii/zh giảng là: 誠信不到達天帝 (*thành tín bất đáo đạt thiên đế*), tạm dịch: lòng thành tín mà không đạt đến Thượng Đế. (Goldfish)]

[414] Khi vua Thang diệt được Trụ rồi, sai Trọng Huỷ làm bài báo cáo việc đánh nhà Hạ cho dân chúng biết.

[415] Tức vua Kiệt nhà Hạ.

[416] Tức Võ vương nhà Chu diệt vua Trụ nhà Thương (Ân).

[417] Đây là lời Mặc tử đáp người hỏi vặn có sách nào chép không.

[418] Đường Kính Cảo không chú thích mà tra Từ Hải, Từ Nguyên không có.

[419] Nguyên văn: Từ sáng sớm đến bữa ăn sáng (không phải từ bữa điểm tâm ngày nay) là *chung triêu*; tức như nói cả buổi sáng. *Quân phân* là chia điều. Không rõ tác giả muốn nói gì. Đường Kính Cảo không chú giải.

[420] Đồng tình ở đây tức thống nhất tư tưởng, cái gì trên cho là tốt (hay xấu) thì ở dưới cũng cho là tốt (hay xấu)

[421] Đại ý đoạn này là trên dưới không cùng một quan niệm về thiện ác thì bề trên thưởng phạt dân không phục, không sợ, không công bình, là oan ức mà hoá loạn.

[422] Ba vị đại thần đứng đầu triều đình: đời Chu là thái sử, thái phó, thái bảo; đời Tây Hán là đại tư mã, đại tư đồ, đại tư không.

[423] Pháp lệnh: nguyên văn là 令 (lệnh). Trong đoạn tương ứng dẫn trong chương VII, phần II, tác giả dịch là “pháp luật”. (Goldfish).

[424] Câu này và câu trên, nguyên văn tối nghĩa, chúng tôi đoán ý mà dịch.

[425] Vì hễ có cái gì xấu thì nhận lo do lỗi của mình để cho dân chúng không oán vua mà oán mình.

[426] Con cừu: nguyên văn là: 羊 (dương); trong đoạn tương ứng được dẫn trong chương VIII, phần II, tác giả dịch là “con dê”. (Goldfish).

[427] Mấy chữ “đánh cá ở Lôi Trạch” là do tôi ghi thêm. Nguyên văn là: 漁雷澤 (*ngư Lôi Trạch*). (Goldfish).

[428] Phúc Trạch: nguyên văn là: 服澤. Chữ 服, Thiều Chửu đọc là “Phục”. (Goldfish).

[429] Tức Y Doãn, tên Chí, theo sử thì mới đầu cày ruộng ở nước Hữu Tân, (nay ở Hà Nam), sau giúp vua Thang đánh vua Kiệt, diệt nhà Hạ.

[430] Có sách nói làm làm ruộng ở Phó Nam nên lấy họ Phó.

[431] Võ Đinh là một ông vua đời Ân (1324-1265).

[432] Ba chức lớn nhất trong triều thời xưa. Có sách chép Phó Duyệt làm tướng quốc.

[433] Trên đã nói những người nghèo hèn mà hiền, nên được vua đề cử lên địa vị cao; ở đây nói về những ông vua hiền được Trời thưởng, dân mang ơn.

[434] Nguyên văn: *đế chi nguyên tử, phế đế chi đức dung, kí nãi hình chi vu Vũ chi giao, nãi nhiệt chiếu vô hữu cập dã, đế diệc bất ái* /帝之元子，廢帝之德庸，既乃刑之於羽之郊，乃熱照無有及也，帝亦不愛/. Chúng tôi không biết tích gì, đoán rằng tác giả nhắc tới thuyết ông Cổn (làm Sùng Bá đời Nghiêu), là bố vua Vũ, và bị vua Nghiêu giết ở Vũ Sơn vì chống lại vua Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn. Nhưng thuyết đó sai: theo sử ông Cổn bị giết ở núi Vũ Sơn vì thất bại trong việc trị thuỷ. [Theo trang http://ctext.org/mozi/exaltation-of-the-virtuous-ii/zh thì Bá Cổn 伯鯀 là: Bá Quan 伯鰥, con trưởng của vua Chuyên Húc. (Goldfish)].

[435] Thiên này chép hình phạt đời vua Vũ nhà Hạ, do Lữ Hầu viết.

[436] Hậu Tắc, bề tôi của vua Nghiêu, dạy dân trồng lúa – Cao Dao bề tôi vua Thuấn, sửa hình pháp, dạy dân.

[437] Nguyên văn: *nhược địa chi cố, nhược sơn chi thừa, bất sách bất băng* 若地之固，若山之承，不坼不崩. Đường Kính Cảo chú giải là: 承 như chữ /?/, có nghĩa là 翊 (dực): kính trọng, giúp đỡ. Chúng tôi thấy giải thích như vậy ép quá, vô nghĩa, cho nên theo hai chữ 不崩 (không sụp đỗ) mà dịch thoát như trên. Có lẽ chữ 承 đó sai mà chưa nhà nào hiệu đính được. [Cao Hanh ngờ chữ 承 là chữ 峙 (trĩ) (theo trang http://www.360doc.com/content/10/1103/21/1365804_66371927.shtml). Như vậy, "*nhược sơn chi thừa*" có thể tạm hiểu là: như núi cao sừng sững. (Goldfish)].

[438] Tức cây qua (như cái mác), cái thù (như cây trượng), cây kích, và hai loại mâu.

[439] Sớm nhất là 20 tuổi, trễ nhất là 40 tuổi, trung bình là 60:2=30 tuổi, trễ hơn xưa (20 tuổi) là 10 năm.

[440] Nguyên văn: “Thử thánh nhân vi chính, kì sở dĩ chúng nhân chi đạo diệc số thuật nhi khởi dư?” Thật lúng túng, khó hiểu; chúng tôi đoán ý mà dịch tạm như vậy. [Các bản trên mạng chép là: 聖人為政特無此，不聖人為政，其所以眾人之道亦數術而起與 (thánh nhân vi chánh đặc vô thử, bất thánh nhân vi chánh, kì sở dĩ chúng nhân chi đạo diệc số thuật nhi khởi dữ). (Goldfish)]

[441] Vua Nghiêu làm sao biết được miền Giao Chỉ ở Bắc Việt ngày nay.

[442] Ở tỉnh Sơn Tây ngày nay, phía ngoài Nhạn Môn.

[443] Nguyên văn là *chí* /胾/: thịt thái ra.

[444] Mười chữ này có vẻ lạc lõng.

[445] Nguyên văn: /旁擊而不拆/ *bàng kích bất xách*, có lẽ nên hiểu hiểu theo Phùng Hữu Lan là *bất chiết* /不折/: không gãy. [Chữ 拆, Thiều Chửu đọc là "sách". (Goldfish)].

[446] Nghĩa là không dùng thuyền đẹp để chở các vị đó, như vậy xa xỉ, vô ích.

[447] Một thước thời đó bằng khoảng một gang tay.

[448] Hai việc này là việc người trên lo cho dân, bảo là việc con lo cho cha mẹ thì quả là ép.

[449] Vì vậy, sự thực con chỉ có việc lo cho cha mẹ thôi, chứ không phải là ba, như ở hai hàng sau.

[450] Ba đời thánh vương là Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ.

[451] Bỏ 64 chữ mà nhà hiệu đính Tất Nguyên cho là thừa.

[452] Thiên và hồ lạm chỉ biết là đồ dùng, không biết ra sao và dùng làm gì.

[453] Năm chức quan là tư đồ, tư mã, tư không, tư sĩ, tư khấu. Sáu ti là: các ti coi về đất, nước, cây, cỏ, đồ dùng.

[454] Nguyên văn là: *tịch thảo mộc* /辟草木/.

[455] Nguyên văn: *Sử nhân tam quýnh nhi vô phụ ki dã* /使人三還而毋負己也/.

[456] Nguyên văn: lũng nhược tham canh chi mẫu /壟若參耕之畝/. Đường Kính Cảo chú thích là: mộ địa chi quảng ước tam xích dã.

[457] Thời đó không dùng mộng, đinh mà cột bằng dây da; đây dùng dây cát để tiết kiệm.

[458] Nguyên văn 革闥三操 /*cách hội tam thao*/, Đường Kính Cảo chú thích là 革繡三匝 /*cách tú tam táp*/.

[459] Đây là chữ /𣪊/ mà chúng tôi tra cả ba bộ *Khang Hi*, *Từ Hải*, *Từ Nguyên* đều không có. Theo sách *Liệt tử*, thiên *Thang vấn*, thì là Chiếp Mộc. [Chữ 𣪊, theo trang http://kyonh.com/character/11362/ thì đọc là “khợi” (phiên thiết: khổ hợi 苦亥). (Goldfish)].

[460] Cũng như ta nói bậc sĩ chạn chính, bậc thượng trí.

[461] Nhà nhỏ không có tường, cất ở bờ nước hay giữa vườn.

[462] Nguyên văn là *trì* /遲/ = chậm. Đường Kính Cảo bảo chữ *trì* đó và chữ *trĩ* /稚/ là con nít, xưa dùng thay nhau.

[463] Bản nguồn chép là “bò”; nguyên văn *trinh trùng* 貞蟲, nhiều tài liệu giảng là “côn trùng”. (Goldfish).

[464] Đoạn “Nông dân sáng sớm… phận sự của họ” là do tôi tạm ghi thêm. (Goldfish).

[465] Nguyên văn: 君子出絲二衛，小人否，似二伯黃徑 /*quân tử xuất ti nhị vệ, tiểu nhân phủ, tự nhị bá hoàng kính*/. Đường Kính Cảo bảo chữ 衛 (vệ) đó là 緯 (vĩ) mà không giảng *vĩ* và *kính* ở đây là gì.

[466] Trung Hoa thời đó chia làm chín châu. Chín châu tức là cả nước Trung Hoa, cả thiên hạ.

[467] Cũng có tên là *Ngũ Quan*.

[468] Chắc như picnic ngày nay.

[469] Khải là con vua Vũ, nhà Hạ, nối ngôi của cha.

[470] Côn Ngô là tên một nước thời đó, nay ở Hà Bắc.

[471] Thời đó nướng mai rùa rồi tuỳ theo vết nứt mà đoán quẻ.

[472] Tức Hạ, Ân, Chu.

[473] Mặc tử bắt các môn sinh, ai ra làm quan thì phải lấy một phần bổng lộc để giúp đảng, tức giúp thầy và các bạn. Mấy môn sinh kia mới thấy Canh Trụ tử tiếp đãi không hậu, đã vội cho Canh Trụ tử là vô ích cho đảng – Một dật là hai chục lạng vàng.

[474] Ngọc họ Hoà là một thứ ngọc quí do Biện Hoà tìm được ở Sở (coi thiên *Hoà Thị – Hàn Phi tử*) – Tuỳ hầu thấy một con rắn lớn bị chém, rịt thuốc cho nó; sau nó ở dưới sông, nhả một hạt châu ra để tạ ơn ông cứu sống. Vì vậy mà gọi hạt châu Tuỳ hầu.

[475] Tử Cao là một đại phu nước Sở, tên là Chư Lương; Diệp là thái ấp của ông ta.

[476] Văn Quân là cháu Sở Bình vương, Lỗ Dương là thái ấp của ông ta.

[477] Quản và Cao đều là môn sinh của Mặc tử.

[478] Quản Thúc là em Võ vương nhà Chu; khi Thành vương, con Võ vương, lên ngôi, Quản Thúc tranh ngôi với cháu làm loạn nên Chu công nhiếp chính phải dẹp Quản Thúc.

[479] Nguyên văn là *hiền* /善/ có nghĩa là tốt, thích.

[480] Có lẽ Vu Mã tử là người nước Lỗ.

[481] Bản nguồn bỏ sót lời chú thích hai chữ “thoả lòng”. Các bản trên mạng chép là *lợi* 利, có lẽ bản của cụ Nguyễn Hiến Lê dùng chép khác. (Goldfish).

[482] Nguyên văn là /?/. [Trang http://ctext.org/mozi/geng-zhu/zh chép là: 蕩口 (*đãng khẩu*) và giảng là: 空言妄語 (*không ngôn vọng ngữ*), tức nói hão, nói bậy. (Goldfish)].

[483] Bài này Đường Kính Cảo cho là chép lầm hoặc thiếu một chữ. [Bánh sống: nguyên văn là sinh bính 生餅, trang http://www.hudong.com/wiki/%E5%A2%A8%E5%AD%90%E6%80%92%E8% giảng là tác bính 作餅, có nghĩa là làm bánh. (Goldfish).

[484] Lạc Hoạt Li hiểu “hiếu dũng” là thích tỏ mình dũng cảm hơn người. Mặc tử hiểu là: thích sự dũng cảm của người cũng như của mình.

[485] Cụ Nguyễn Hiến Lê muốn nói là “người ta tranh nhau một lời mà giết nhau” thì có thể là vì tự ái chứ không hẳn là vì nghĩa.

[486] Đường Kính Cảo cho rằng Hiến Huệ vương tức Huệ vương – Có nhà lại bảo sau chữ *hiến* thiếu chữ *thư*, câu đó có nghĩa là: yết kiến vua Sở, dâng thư lên Huệ vương (*Kiến Sở hiến thư Huệ vương*). Chúng tôi theo Đường Kính Cảo (coi phần I và II).

[487] Nguyên văn: *Huệ vương dĩ lão từ* /惠王以老辭/. Có người hiểu là Huệ vương chê Mặc tử già mà không tiếp. Lúc đó Huệ vương trên 60 tuổi, Mặc tử cũng có thể trên 50 tuổi. Nhưng chúng tôi nghĩ nên hiểu Huệ vương lấy cớ mình già mà từ chối.

[488] Có ý chê Mặc tử là tiện nhân.

[489] Nguyên văn là /?/ có thể hiểu là: coi là phép tắc – Nguyên văn là /蕩口/ (*đãng khẩu*), có thể hiểu là: nói bậy. [Nguyên văn cả câu là: 言足以遷行者，常之；不足以遷行者，勿常；不足以遷行而常之，是蕩口也 (*Ngôn túc dĩ thiên hành giả, thường chi; bất túc dĩ thiên hành giả, vật thường; bất túc dĩ thiên hành nhi thường chi, thị đãng khẩu dã*). (Goldfish)].

[490] Tức sáu tình cảm: mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét (coi ở sau).

[491] Cự /鉅/: Từ Hải và Từ Nguyên đều giảng là thứ sắt cứng (cương thiết). [Chữ này, trong câu tương ứng được dẫn trong phàn II, chương IV, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là “đá hoa cương”. (Goldfish)].

[492] Thời đó dùng vải (布 /bố/) làm tiền.

[493] Bồn là đồ để đong lúa.

[494] Theo thuyết ngũ hành thì hai can giáp, ất thuộc mộc, màu xanh, ở phương Đông; hai can bính đinh thuộc hoả, màu đỏ, ở phương Nam; hai can canh, tân thuộc kim, màu trắng, ở hương Tây; hai can nhâm, quí thuộc thuỷ, màu đen, ở phương Bắc – Không thấy nói đến hai can mậu, kỉ, màu vàng, ở trung ương.

[495] Đường Kính Cảo ngờ Công Mạnh tử là một môn đệ của Khổng tử (551-479).

[496] Đường Kính Cảo chú giải thật lúng túng, bảo: “Ba việc đó là: không gõ là không kêu là một, tuy không gõ mà kêu là hai; mà Công Mạnh tử chỉ bảo không gõ thì không kêu, như vậy là biết một mà không biết hai” – Thế cái gì là ba?

[497] Rồi ở cuối bài (3), Đường lại chú thích: “Ba việc đó là: vua làm điều dâm loạn, vua trị nước không khéo, vua ham đánh chiếm nước người – Ba việc đó đều nên ngăn vua”. Chúng tôi cho ở đây, Đường chú thích “ba việc” đúng, nhưng việc thứ nhất Mặc tử chỉ bảo “người quân tử từ nghi, không dám nói”, chứ đâu có khuyên can vua.

[498] Ý muốn nói: Y phục có ảnh hưởng tới hình động không, có quan trọng không?

[499] Hai câu: “- Tại sao biết được như vậy? Thầy Mặc tử đáp:” là do tôi ghi thêm. Nguyên văn 何以知其然也？子墨子曰 (*Hà dĩ tri kì nhiên dã? Tử Mặc tử viết*). (Goldfish).

[500] Câu: “Xưa Việt vương Câu Tiễn cắt tóc xâm mình, trị nước mà nước yên” là do tạm ghi thêm. Nguyên văn: 昔者越王句踐剪髮文身，以治其國，其國治 (*Tích giả Việt vương Câu Tiễn tiễn phát văn thân, dĩ trị kì quốc, kì quốc trị*). (Goldfish).

[501] Nguyên văn: “*Kim Khổng tử bác ư Thi Thư*” /今孔子博於詩書/. Chữ Kim có thể dịch là *nay*, nếu Khổng tử lúc đó còn sống; lại có thể dịch là *[một người] như* Khổng tử, nếu Khổng tử không còn sống – Chúng tôi dịch theo nghĩa sau vì lúc đó Khổng tử chết đã lâu rồi.

[502] Khi chưa có chữ viết, muốn ghi một điều gì cho dễ nhớ, người ta khắc lên gỗ những hình răng cưa để đánh dấu, chẳng hạn mỗi răng là mười con bò, bảy răng là bảy chục con bò.

[503] Nghẹn thì muốn uống nước cho hết nghẹn.

[504] Vén quần: nguyên văn là 撅 (quệ). Chữ này, trong đoạn tương ứng được dẫn trong chương IX phần II, được dịch là “vén áo”. (Goldfish).

[505] Chữ nhạc mới đầu trỏ âm nhạc, sau có nghĩa là vui. Thời Mặc tử, hai nghĩa đó cùng một âm là nhạc; vì vậy người theo đạo Nho đó muốn trả lời: “Để được vui” mà Mặc tử hiểu là “để được nhạc”. Sau này người ta mới cho nghĩa thứ nhì (vui) một âm riêng là *lạc*.

[506] Mấy chữ “trị nước, người dưới theo chủ trương đó, tất không” là do tôi ghi thêm. Nguyên văn cả đoạn: 為上者行之，必不聽治矣。為下者行之，必不從事矣 (*Vi thượng giả hành chi, tất bất thính trì hĩ. Vi hạ giả hành chi, tất bất tòng sự hĩ*). (Goldfish).

[507] Ý muốn nói: “Tiên sinh quả có mạt sát đạo Nho mà lại bảo không mạt sát, nói như tiên sinh thì những lời mạt sát Kiệt, Trụ cũng chỉ là có sao nói vậy thôi ư?”.

[508] Ý muốn nói: vạch chỗ trái của đạo Nho khác với mạt sát Kiệt, Trụ; không thể so sánh như ông làm được; một đằng là ôn tồn, công tâm xét, một đằng là mạnh mẽ đả kích.

[509] Tức như việc đạo Nho có bốn chủ trương đó thì có sao nói vậy.

[510] Tức như việc mạt sát Kiệt, Trụ.

[511] Ý muốn nói: Hễ yêu cái đẹp thì dù trong họ không ai yêu cái đẹp, mình cũng không vì lẽ đó mà không yêu cái đẹp.

[512] Từ đây xuóng rất khó hiểu. Chúng tôi ngờ rằng bản của Thương vụ ấn thư quán in lầm hoặc Đường Kính Cảo không hiệu đính. Ở đây nguyên văn là 而一自譽乎 /*nhi nhất tự dự hồ*/, chúng tôi đoán nghĩa như vậy.

[513] Nhưng rồi ở đây, nguyên văn là 無一乎 /*vô nhất hồ*/ Đường chú giải là 無一自譽 /*vô nhất tự dự*/. Nếu không có 無 thì trước sau đều không, nếu có thì trước sau đều có, chứ sao trên không dưới có?

[514] Giấu điều thiện (không khen điều thiện) mà bảo là có tội nhân, vì Mặc tử chủ trương bổn phận của mỗi người là phải báo cáo cái thiện cũng như cái ác của người chung quanh cho người trên biết (thiên *Thượng đồng*).

[515] Phu Tị: các bản trên mạng chép là: 跌鼻. Chữ 跌, Thiều Chửu đọc là: điệt, trật. (Goldfish).

[516] Quốc sĩ ở đây là chiến sĩ có tiếng trong nước.

[517] Không rõ Cáo tử ở đây là ai? Chắc không phải là Cáo tử, người tranh biện với Mạnh tử về thuyết tính thiện.

[518] Vì vẫn còn có chỗ hợp với Mặc tử, còn hơn là không khen cũng như không chê, hoàn toàn thản nhiên.

[519] Tức Tề Thái công, tên là Điền Hoà, Thái công tự xưng vương cho nên gọi là Thái vương.

[520] Theo *Sử kí* của Tư Mã Thiên (thiên Trịnh thế gia) thì người nước Trịnh hai lần giết vua: Ai công và U công.

[521] Nguyên văn là 杖, Đường Kính Cảo bảo chữ *tịch* 席 đó là chữ *đó* 度, nghĩa là cây gậy. – Đậu là một đồ để cúng tế, như cái tô có chân cao và có vung (豆 / đậu/). [Câu đầu, có lẽ nên sửa lại thế này: Nguyên văn là 席, Đường Kính Cảo bảo chữ *tịch* 席 đó là chữ *độ* 度, nghĩa là cây gậy (杖 /trượng/). (Goldfish)].

[522] Theo thiện *Tiết táng* hạ (ở trên) và theo thiên *Thang vấn*, sách *Liệt tử*, thì là nước Chiếp Mộc ở phía Đông nước Việt.

[523] Đem quân đi đánh người người, binh lính vào chỗ chết, tức là giết họ, rồi sau thưởng cho con họ.

[524] Bản nguồn chép là “nang”, tôi tạm sửa lại là “màng”. Nguyên văn là 比, Theo Thiều Chửu thì đọc là “bí”, nghĩa là: thân, vào hùa; còn trang http://ctext.org/mozi/lus-question/zh giảng là *kết đảng* 結黨. (Goldfish).

[525] Nguyên văn 無下比: chúng tôi đoán là giữ phận trên dưới, vua tôi.

[526] Nguyên văn: 吳慮. Ở trên chép là Ngô Lư (ba lần), còn ở đây lại chép là Ngô Lự. Chữ 慮, Thiều Chửu đọc là “lư” hoặc “lự”. Có lẽ cụ Nguyễn Hiến Lê đọc là “lự” vì trong đoạn trong chương III phần II, tên Ngô Lư được chép đến 4 lần. (Goldfish).

[527] Theo Phương Thụ Sở thì Nguỵ Việt là tên nước, hai câu này phải hỏi; dịch là: Thầy Mặc tử muốn đi thăm nước Nguỵ, nước Việt. Có người hỏi… thầy sẽ giảng gì trước?

[528] Ý muốn nói đâu phải chỉ muốn được cúng tế hậu hĩ mà thôi. Theo Khúc lễ, thời đó ăn xôi thì dùng ngón tay, không dùng đủa.

[529] Ý muốn nói: thà cúng ít hoặc đừng cúng còn hơn.

[530] Vương Tử Lư là con Sở Bình Vương, tên Khải. Bạch công giết Sở Bình vương và bắt Vương Tử Lư phải lên ngôi.

[531] Nghe không xuôi. “Nếu cho là nước vô đạo” hoặc “Nếu cho các vua là vô đạo” thì xuôi hơn.

[532] Trỏ Hạng Tử Ngưu. Trọng ai thì gọi là phu tử, chứ không nhất định đó là thầy mình.

[533] Để thúc ngựa đến mau hơn; tức để giúp Hạng Tử Ngưu làm điều bất nghĩa.

[534] Tức Công Thâu Ban, một người thộ giỏi thời Lỗ Ai công; theo Từ Hải không phải là Lỗ Ban mà là thợ mộc thờ làm tổ sư.

[535] Móc và nạng: bản nguồn chép là “móc và nặng”. Nguyên văn là “câu” 鉤, nghĩa là cái móc, vật có hình cái móc; ở đây có lẽ là cây sào, ở đầu sào có gắn cái móc như hình http://www.ydjs119.com/upload2/533.jpg, có thể kéo hoặc đẩy thuyền địch. (Goldfish).

[536] Cả đoạn và cái máy đó Đường Kính Cảo chú thích rất sơ sài, chúng tôi không tra được ở đâu, không hiểu rõ, nên chỉ đoán ý, không chắc dịch đúng.

[537] Xe có 6 bánh và hai cái thang, mỗi cái cao hơn hai trượng, đụng tới mây, quân lính leo lên đánh thành.

[538] Đưa dân họ ra trận, tức là giết họ.

[539] Sao cho Mặc tử lúc thì gọi là Kinh, lúc gọi là Sở? Đường Kính Cảo quên chưa hiệu đính.

[540] Sao cho Mặc tử lúc thì gọi là Kinh, lúc gọi là Sở? Đường Kính Cảo quên chưa hiệu đính.

[541] Nguyên văn: /治於神者，眾人不知其功；爭於明者，眾人知之/ *Trị ư thần giả, chúng nhân bất tri kì công; tranh ư minh giả, chúng nhân tri chi*. Chúng tôi đoán nghĩa như vậy.

[542] Phần Phụ lục này là do tôi ghi thêm, các nhan đề các đoạn trích ở dưới cũng do tôi tạm đặt. (Goldfish).

[543] 夫物，或乃是而然，或是而不然，或一周而一不周，或一是而一非也 [Trong bản nguồn, nguyên văn chữ Hán được đặt ở cuối sách. (Goldfish)].

[544] Hoạch và Tang còn có nghĩa là hạng tôi đòi.

[545] 白馬，馬也，乘白馬，乘馬也。驪馬，馬也，乘驪馬，乘馬也。獲，人也，愛獲，愛人也。臧，人也，愛臧，愛人也。此乃是而然者也

[546] Vị ngữ tông đối với predicate của Anh hay prédicate của Pháp, gồm một động từ (to be, être) và một thuộc từ (attribut). Trong tỉ dụ “ngựa trắng là ngựa”, vị ngữ gồm động từ là *và* thuộc từ *ngựa*.

[547] 獲之親，人也，獲事其親，非事人也。其弟美人也，愛弟非愛美人也。車，木也，乘車，非乘木也。船，木也，入船，非入木也。盜人，人也，多盜非多人也，無盜非無人也(…)此乃是而不然2者也

[548] 愛人，待周愛人而後為愛人。不愛人，不待周不愛人。不周愛，因為不愛人矣。乘馬，不待周乘馬然後為乘馬也。有乘於馬，因為乘馬矣。逮至不乘馬，待周不乘馬而後為不乘馬。此一周而一不周者也。

[549] 居於國，則為居國，有一宅於國，而不為有國。桃之實，桃也，棘之實，非棘也。問人之病，問人也，惡人之病，非惡人也。人之鬼，非人也，兄之鬼，兄也。祭人之鬼，非祭人也。祭兄之鬼，乃祭兄也。之馬之目盼，則為之馬盼，之馬之目大，而不謂之馬大。之牛之毛黃，則謂之牛黃，之牛之毛眾，而不謂之牛眾。一馬，馬也，二馬，馬也，馬四足者，一馬而四足也，非兩馬而四足也。一馬，馬也，馬或白者，二馬而或白也，非一馬而或白。此乃一是而一非者也。

[550] Nói rõ hơn là thiên *Kiêm ái thượng*. (Goldfish).